

Nam Cao

*Truyện ngắn
tuyển chọn*



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Nam Cao

Truyện ngắn tuyền chọn

NAM CAO

TRUYỆN NGẮN TUYỂN CHỌN

Lan Hương tuyển chọn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI - 2004

NGHÈO

- **B**u ơi con đói...

Lần này có lẽ là lần thứ mười, thằng cu Bé chạy về đòi ăn, chị đi Chuột đang quấy một nồi gù trong bếp, cái tiết chạy ra mắng át nó đi:

- Đã bảo hết cơm rồi, tí nữa chè chín thì ăn chè mà!...

Thấy mẹ gắt, thằng cu không dám đòi ăn nữa, nhưng mặt nó bị xiu như muốn khóc, chị đi Chuột thương hại, dịu dàng bảo:

- Con chạy ra vườn xem chị Gái làm cỏ, lúc nào chè chín bu gọi về mà ăn.. chóng ngoan rồi bu thương.

Nhưng nó không nhúc nhích, mà nó còn nhúc nhích làm sao được: một nắm cơm nhỏ ăn từ sáng đã bị cái dạ dày chằm chỉ của con nhà nghèo tiêu hết đến phèo một cái rồi, còn chi. Nó ngồi phịch xuống đất, gục đầu vào ngưỡng cửa ngáp...

- Sắp chín chưa, bu?

Quay ra vẫn thấy con nằm phục đấy, mắt lơ lơ như chết lả, chị Chuột chép miệng:

- Thôi đây! Chín chả chín thì đừng, bắc mẹ nó ra cho chúng mày ăn không có chúng mày làm tội cũng chết. Chốc lại nheo nhéo, chốc lại nheo nhéo...

Chị vừa lăm bằm, vừa dập lửa rồi bắc cái nồi ở trên bếp xuống, lấy một cái vỏ trai múc vào mấy cái bát sành sứ mẻ tứ tung, đặt ngay trên mặt đất.

Thằng cu Bé vội vàng lê xích lại gần, hai mắt lóng lánh đổ dồn cả vào mấy cái bát “chè” màu nâu đục, khói bốc lên nghi ngút. Mồm nó nuốt nước bọt ừng ực, mũi nó nở hân ra như để hít lấy hương vị của khói chè ngon ngọt. Chị đi Chuột phải đưa tay cản nó lại, sợ nó sà vào mà bị bỏng. Chị bảo nó:

- Còn nóng lắm, chưa ăn được. Con ra vườn gọi chị về cho chị ăn với không có phải tội chết, nó làm quần quật từ sáng tới giờ mà chưa được tí gì vào bụng.

Không đợi đến hai tiếng, cái Gái hớn hờ chạy về, lời thối lếch thếch trong mấy manh giẻ rách tả tơi, vừa đến bếp nó đã reo lên:

- Sướng quá! Lại được ăn chè kia chứ, có ngọt không bu? Bu lấy đâu được mật mà lại nấu chè thế?

Chị Chuột mắng yêu con:

- Ủi chà! Tiu tít như con mẹ đại ấy! Tha hồ ăn đến chán chê, chỉ sợ không sao nuốt được thôi, con ạ.

Rồi chị bảo thằng cu bé:

- Bé lại đây, bu cho ăn.

Thằng cu ngồi xồm bên mẹ, hác mặt lên, há hốc mồm ra như con chim con đơi mẹ mớm mồi. Một miếng vào mồm, nó đã vội nuốt thỏm đi, khen “ngọt quá”. Nhưng chưa kịp ăn miếng nữa, nó đã ọe một cái, mũi đỏ lên, nước mắt ứa ra giàn giụa.

- Sao thế?

Nó chỉ hự hị nhìn mẹ mà không nói, cũng không chịu há mồm măm nữa. Cái Gái nhìn mẹ, xêu một miếng chè nữa ăn thử lại:

- Nhạt quá, bu ạ.

Chị Chuột mắng con:

- Làm gì có nhiều mật mà ngọt. Có mà ăn cho no bụng là phúc rồi.

Thằng cu chùng đỏi quá không chịu được, lại há mồm ra. Mẹ nó dứt cho nó một sêu nhỏ nữa. Nó nhắm mắt, duỗi cổ, cố nuốt cho trôi. Nhưng cũng như lần trước, nó lại ọe ra, và khóc òa lên. Chị đi Chuột lấy tay áo lau nước mắt không cầm nổi đã trào ra hai má hõm xanh búng như người ngã nước. Cái Gái lấy tay di một “cục” chè. Rồi bỗng nói to lên:

- A! Con biết rồi! Không phải chè, cám mà! Cám mà bu bảo chè!

Nhưng mẹ nó đã đưa mắt nhìn nó, lấy ngón tay chỉ ra phía nhà ngoài nói khẽ, nhưng hơi gắt:

- Khe khẽ cái mồm một tí! Réo mãi lên, thằng bố mày nó nghe thì nó chết. Nó đã ốm nằm đấy, thuốc không có, mà còn bực mình thì nó chết.

Rồi hai mẹ con lẳng lặng ăn, cố nuốt những bát cám đặc khè cho đỡ đói. Thằng cu nhất định không chịu ăn, ngồi khóc tí ti đòi cơm. Chị đi Chuột đành dỗ nó:

- Thôi nín ngay, bu ăn xong bu xin thầy cho một miếng mà ăn.

*

* *

Chị bé con rón rén bước vào chỗ chồng nằm. Thằng bé vẫn sụi sụi. Anh đi Chuột gỡ mình, hơi nghiêng mặt quay ra. Một làn ánh sáng lướt qua làm cho cái mặt hốc hác và da xanh lại xanh thêm. Mái tóc dài xòa xuống tai và cổ, hai con mắt ngơ ngác và lơ đãng, những chiếc răng dài và thưa ở cái mồm hé ra để cho dễ thở khiến anh có cái dáng vẻ của một con ma đói. Thấy vợ con, anh cố gượng nhếch miệng, cố gượng một cái cười méo xệch và vừa thở phều phào vừa hỏi bằng một thứ tiếng yếu ớt như từ thế giới bên kia đưa lại:

- Nó làm sao thế?

Chị đi Chuột xốc con lên một cái:

- Nó vùi đấy chứ có làm sao? Cơm gạo đỏ không chịu ăn, đòi ăn cơm gạo trắng của thầy cơ.

- Thì lấy cho nó ăn, tôi ăn làm sao hết?

Chị đi Chuột lấy liền cơm chực moi cho con một ít. Nhưng anh bảo:

- Mang cả ra cho nó ăn, tôi không ăn nữa đâu. Còn bao nhiêu vét cả cho cái Gái với bu em ăn hết đi, để nó thiêu ra đấy.

Chị đi Chuột cười, bảo chồng:

- Thằng cu nó dở người, chứ mẹ con tôi ăn cơm đồ đã no rồi, ăn vào đâu được nữa?

Anh biết vợ nói dối, chực nói, nhưng lại thôi, buồn rầu buông một tiếng thở dài. Vợ lo ngại hỏi:

- Bây giờ người thế nào, để tôi kể với ông lang lấy thuốc?

- Tiền đâu mà thuốc thang mãi?

- Tôi vừa bán con chó mực với hai buồng chuối non được 4 hào.

Chồng nhìn vợ, găm nghĩ một chút rồi bảo:

- Đừng lấy thuốc nữa, tôi sắp khỏe rồi, chỉ ăn cho nó khỏe lên chắc bệnh phải hết. Bu em đóng cho tôi cả 4 hào gạo, đừng đóng gạo trắng ăn nhạt lắm.

Vợ gật đầu:

- Cũng được, nhưng đã thật khỏe chưa? Tôi trông thấy em còn mệt lắm.

- Ốm luôn mấy tháng trời làm mà không mệt sao được? Cứ đi đi.

- Đi ngay bây giờ à?

- Ủ, đi xuống nhà bà phó Cửu ấy, xa một tí nhưng được rẻ.

Vợ gật đầu bảo thằng cu:

- Con ngồi đây với thầy cho bu đi đong gạo nhé? Nó không chịu, sợ sệt nhìn cha. Chị mắng:

- Con nhà vô phúc, lại sợ bố!... Khốn nạn, tại đi về không có tiền mua bánh cho nó nên nó giận đấy mà. Phải tội chết, con ạ.

Nhưng anh đi Chuột bảo:

- Cho cả nó đi, kéo nó khóc. Bảo cái Gái về tội bảo.

*

* *

Người cha khốn nạn nhìn đứa con chòng chọc, thờ dài.
Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiếu.

- Thầy bảo gì con ạ?

- Lúc này mẹ con mày ăn cám phải không?

Gái gượng cười cãi:

- Ăn chè đấy chứ.

Bố nó chép-miệng:

- Khốn nạn, chè đâu mà ăn, cơm còn không có nữa là chè! Rõ mày thì khổ từ trong bụng mẹ...

- Con đi lấy cho thầy cái ghế buộc giậu, với sợi thừng ở gác bếp để thầy mắc lại cái võng, thế này cao quá.

Cái Gái lấy ghế và thừng vào. Anh dĩ bảo:

- Để đấy cho thầy rồi ra vườn làm cỏ đi.

Nó ra vườn, anh gượng ngồi dậy, xuống khỏi giường, mon men ra đóng chặt cửa buồng lại. Anh lấy cái thừng làm một cái tròng chắc chắn, dùng hết sức tàn còn lại, trèo lên ghế, hai chân khăng khiu run lấy bầy. Anh buộc cẩn thận một đầu dây lên xà nhà, buộc xong một quá, anh đu vào cái thừng gục xuống thở. Anh thấy lòng mình chua xót, nước mắt giàn ra hai má lổm. Rồi anh quả quyết, anh đứng thẳng người lên, chui đầu vào tròng, cái thừng cứng cáp cọ vào cổ làm anh rùng mình, khóc nức lên một tiếng. Cả cái thân hình mảnh dẻ bắt đầu rung chuyển như một tàu lá run trước gió. Bỗng anh ngừng bật, ngáy người ra nghe ngóng: Tiếng ai vừa gọi ngoài ngõ, tiếp đến cái Gái thưa và chạy ra, tiếng người kia the thé:

- Bu mày đau?

Tiếng cái Gái rụt rè đáp lại:

- Bẩm bà, bu con đi vắng.

- Đi vắng! Đi vắng mãi! Mày về bảo con mẹ mày nội ngày mai không trả tiền tao thì tao đào mả lên đấy. Cái giống chỉ biết ăn không.

Anh dĩ Chuột rít hai hàm răng lại. Hai chân giận dữ đạp cái ghế đổ văng xuống đất. Cái tròng rút mạnh lại.

Cái bộ xương bọc da giầy giữa như một con gà bị bẫy, sau cùng, nó chỉ còn gât từng cái chặm dưới sợi thừng lủng lẳng.

*

* *

Ở ngoài ngõ, mẹ con chị Chuột vừa kêu khóc vừa van lạy bà Huyện nhất định bắt mẻ gạo mới đong để trừ sáu hào nợ chị Chuột vay từ hai tháng trước cho chồng uống thuốc.

1937

CHÍ PHEO

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: Đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ô, thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn chửi cha đứa nào không chịu chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này! A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi. Hắn chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa nào đẻ ra Chí Phèo? Mà có trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

*

* *

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương đã thấy hắt trần trường và xám ngắt trong một váy đục đục bên một cái lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hắt cho một bác phó cối không con và khi bác phó cối này chết thì hắt bỏ vợ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ. Năm hai mươi tuổi, hắt làm canh điền cho ông lý Kiến, bây giờ là cụ bá Kiến, ăn tiền chỉ làng. Hình như, có mấy lần bà ba nhà ông lý, trẻ lắm mà lại hay ốm lũng, bắt hắt bóp chân, hay xoa bụng, đắp lưng gì đấy. Người ta bảo ông lý ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà phải sợ cái bà ba còn trẻ này. Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông lý thì hay đau lưng lắm; người có bệnh đau lưng thì hay sợ vợ mà chúa đời là khỏe ghen. Có người bảo ông lý ghen với anh canh điền khỏe mạnh mà sợ bà ba không dám nói. Có người thì bảo anh canh điền ấy được bà ba quyền thu quyền bỏ trong nhà tin cẩn nên lấy trộm tiền trộm thóc nhiều. Mỗi người nói một cách, chẳng biết đâu mà lần. Chỉ biết có mỗi một hôm, Chí bị người ta giải huyện rồi nghe đâu phải đi tù. Không biết tù mấy năm, nhưng hắt đi biệt tăm bảy, tám năm, rồi một hôm, hắt lại lù lù ở đâu lần về. Hắt về lần này trông khác hắt, mới đầu chẳng ai biết hắt là ai. Trông đặc như thằng sắng cá! Cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết. Hắt mặc quần nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!

Hắn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngời ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều. Rồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá Kiến, gọi tận tên tục mà chửi. Cụ bá không có nhà. Thấy điệu bộ hung hăng của hắn, bà cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám ra nói với hắn một vài lời phải chăng. Mắc cái phải cái thằng liều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại lăm lăm cầm một cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả... Thôi thì cứ đóng cái cổng lại cho thật chặt, rồi mặc thầy cha nó, nó chửi thì tai liền miệng đấy, chửi rồi lại nghe! Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu!... Thật là âm ỉ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả: xưa nay họ mới được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới lại thấy người ta chửi lại nhà cụ bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao. Họ bảo nhau: phen này cha con thằng bá Kiến đổ đám vác mặt đi đâu nữa! Mồ mả tổ tiên đến lộn lên mất. Cũng có người hiền lành hơn thì bảo: “Phúc đời nhà nó, chắc ông Lý không có nhà...”. Ông lý đây là ông lý Cường, con giai cụ bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm như rác. Phải ông lý Cường thử có nhà xem nào! Quả nhiên họ nói có sai đâu! Đấy, có tiếng người sang sảng quát: “Mày muốn lời thôi gì?... Cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lời thôi gì?...”. Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng lý Cường. Lý Cường đã về! Lý Cường đã về! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu. Ôi! Cái gì thế này? Tiếng đấm tiếng đá nhau bình bịch. Thôi, cứ gọi là tan xương! Bỗng

“choang” một cái, thôi phải rồi, hấn đập cái chai vào cột cổng... Ồ, hấn kêu! hấn vừa chửi vừa kêu làng như người ta cất họng. Ồ, hấn kêu!

- Ồi làng nước ôi! Cứu tôi với... Ồi làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lý Cường nó đâm chết tôi rồi làng nước ôi!...

Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá! Máy con chó xông vào quanh hấn, sủa rất hăng. Lý Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ! Ngõ là gì, chẳng hóa ra nằm ăn vạ! Thì ra hấn định đến đây nằm vạ!

Người ta tuôn đến xem. Máy cái ngõ tối xung quanh đèn ra biết bao nhiêu là người! Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá cũng vững dạ vì có anh lý, cũng xung xĩa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo làm ra sao? Không khéo nó có ý gieo vạ cho cụ ông phen này...

Nhưng kìa cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi: “Cái gì mà đông thế này?” Chỗ này “lạ cụ”, chỗ kia “lạ cụ”, người ta kính cẩn giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài, không nhúc nhích rên khe khẽ như gấn chết.

Thoáng nhìn qua, đã hiểu cơ sự rồi. Làm lý trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lý trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xung xĩa chực tâng công với chồng:

- Các bà đi vào nhà. Đàn bà chỉ lời thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

- Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Không ai nói gì, người ta dần dần lảng đi. Vì nể cụ bá cũng có: Người nhà quê vốn ghét lời thôi. Ai đại gì đứng ý ra đây, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng. Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ bá mới lại gần hân, khẽ lay và gọi:

- Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, khẽ rên:

- Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đây thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sặt nghiệp, mà còn rữ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm. Người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười:

- Cái nhà anh này mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngóc đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế? Sao không vào tội chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau, cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

- Khổ quá! Giá cộ tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lý Cường nóng tính, không biết nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chẳng biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát:

- Lý Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, màu lên!

Cụ dắt Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hắn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què. Là vì lúc ấy trong người hắn rượu đã hơi nhạt rồi, không còn kêu gào chửi bới; và không còn ai nghe kêu gào chửi bới, hắn thấy hình như không còn hăng hái nữa. Sự ngọt ngào làm mềm nhũn, vả lại những người đứng xem về cả rồi, hắn thấy hắn hình như trở trối. Cái sợ cố hữu trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi thuở ngày xưa, hắn thấy quả là táo bạo. Không táo bạo mà dám gây sự với cha con nhà bá Kiến, bốn đời làm tổng lý. Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai. Hắn làm cái ông gì ở làng này? Không vây cánh, không họ hàng thân thích; anh em

không có, đến bố mẹ cũng không... Ồ, thế mà cũng dám độc lực chọi nhau với lý trưởng, chánh tổng, bá hộ tiên chỉ làng Vũ Đại. Chánh hội đồng kỳ hào, huyện hào, Bắc kỳ nhân dân đại biểu, khét tiếng đến cả trong hàng huyện. Thử hỏi có mặt nào trong cái hơn hai nghìn suất đình này làm được thế? Kể làm rồi có chết cũng là cam tâm. Vậy mà không: Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn, mời hấn vào nhà xơi nước. Thôi, cũng hả, đã xử nhũn thì hấn vào. Nhưng bỗng hấn lại hơi ngần ngại: biết đâu cái lão già này nó lại chả lừa hấn vào nhà rồi lôi thôi? Ồ, mà thật, có thể như thế lắm! Này nó hãy lôi ngay mấy cái mâm cái nôi hay đồ vàng đồ bạc ra khoác vào cổ hấn, rồi cho vợ ra kêu làng lên, rồi cột cổ hấn vào, chần cho một trận om xương, rồi vu cho là ăn cướp thì sao? Cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đón cái nước gì mà chịu lép như trâu thế? Thôi, đại gì mà vào miệng cọp, hấn cứ đứng đây này, cứ lại lăn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào. Nhưng nghĩ ngợi một tí, hấn lại bảo: kêu lên cũng không nước gì! Lão bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai về nhà nấy, hấn có lăn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra? Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rách mặt mấy nhát nữa thì cũng đau. Thôi cứ vào! Vào thì vào, cần quái gì. Muốn đập đầu thì vào ngay nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài. Cùng lắm, nó có giở quẻ, hấn cũng chỉ đến ở tù. Ở tù thì hấn coi là thường. Thôi cứ vào.

Vào rồi, hấn mới biết những cái hấn sợ là hão cả. Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hấn thật. Không phải cụ đón, chính thật cụ khôn róc đời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân. Chí Phèo không

anh hùng, nhưng nó là cái thằng liều lĩnh. Liều lĩnh thì ai thèm chấp! Thế nào là mềm nắn rắn buông? Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cũng đề đầu ấn cổ thì lại bán nhà cho sớm. Cụ vẫn bảo lý Cường như thế đấy. Vũ dũng như hấn mà làm lý trưởng là nhờ có cụ. Cụ mà chết đi rồi, “chúng nó” lại không cho ăn bần.

Tiếng vậy, làm tổng lý không phải việc dễ. Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ xa tỉnh, kể ăn thì cũng dễ ăn, nhưng không phải dễ mà làm lý trưởng rồi thì cứ việc ngồi mà khoét. Hồi năm nọ, một thầy địa lý qua đây bảo đất làng này vào cái thế “quân ngư tranh thực”, vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mồi. Mồi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy mối, bè nào cũng muốn ăn. Ngoài mặt thì tử tế với nhau, nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng muốn cho nhau lụn bại để cuối lên đầu lên cổ. Ngay thằng Chí Phèo này đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ẩy đến? Nếu cụ không chịu nhin, làm cho to chuyện có khi tốn tiền. Cái nghề quan bắm thằng có tóc, ai bắm thằng trọc đầu? Bỏ tù nó thì dễ rồi; nhưng bỏ tù nó cũng có ngày nó được ra, liệu lúc ấy nó có để mình yên không chứ? Cụ phải cái vụ thằng Năm Thọ, mãi đến giờ vẫn chưa quên.

Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu. Hồi ấy, bá Kiến mới ra làm lý trưởng, nó hình như kình nhau với lão ra mặt; lý Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. Được ít lâu, hấn can dự vào một vụ cướp bị bắt giam; lý Kiến ngấm ngấm vận động cho vào tù. Vẫn tưởng một người vai vế như Năm Thọ mà thất cơ lỡ vận đến nỗi tù tội làm gì còn dám vác cái mặt mo về làng? Lý Kiến mừng thầm

rằng đã nhỏ được một cái đinh trước mắt. Nào ngờ một buổi tối lý đang ngồi một mình soạn giấy má thì Năm Thọ vác dao xộc vào. Nó đứng chặn lấy cửa và bảo: nếu kêu một tiếng thì đâm chết liền. Thì ra nó vượt ngục và về đây nhờ ông lý một cái thẻ mang tên một người lương thiện và một trăm đồng bạc để trốn đi. Nó lại bảo: nghe nó thì nó đi biệt, mà không nghe thì nó đâm chết, rồi muốn ra sao thì ra; còn muốn sống với vợ con thì nghe nó.

Lẽ tất nhiên, lý Kiến nghe, năm Thọ đi phen ấy là mất tâm, cũng không bao giờ về nữa thật. Nhưng thói đời, tre già măng mọc, có bao giờ hết những thằng du côn? Năm Thọ vừa đi, lại có binh Chức ở đâu lần về. Mà thằng này lúc nó còn ở nhà, nào nó có ngạo ngược gì cho cam! Người ta đã phải gọi hần là cục đất. Ai bảo làm sao thì ư hữ làm vậy, mới quát một tiếng thì đã đá ra cả quần, thuê bổ một đồng thì đóng quá hai, đến nỗi có con vợ hay hay mất, bị người ta ghẹo cũng chỉ im im rồi về nhà hành vợ chứ chẳng dám ho he gì. Thế đấy: cái nghề đời hiền quá hóa ngu, ở đâu chứ ở đất này đã ngu, đã nhịn thì chúng nó ẩn cho đến không còn góc đầu lên được. Hần làm thì làm cật lực mà quanh năm vẫn nghèo rớt mồng tơi; chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn; đứa nào nó vớ nó cũng xoay, mà đứa nào xoay thì cũng chịu. Sau cùng bực quá, hần ra đi lính. Lại càng thêm tội! Không bực còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sẩy sót ra ngoài, nhưng vẫn là vợ mình. Bực thì hóa ra mất vợ. Bởi chị vợ ở nhà còn trẻ, mới hai con, cái mặt sắc như dao lại hồng hồng đôi má, bỗng nhiên sinh ra vắng chồng, của ngon trời trời ngay trước mắt, ai mà chịu được?

Nhà chị Binh ở gần đường. Ông phó đi đánh bạc đêm về cũng tạt vào; anh trương tuần đi tuần cũng tạt vào; anh hàng xóm cũng mò sang, thậm chí cái thằng hương Điền, đầu hai thứ tóc, già đời làm đầy tớ cho các ông lý trưởng, cũng mon men vào gạ gẫm. Vợ binh Chúc nghiêm nhiên trở thành một con nhà thổ không phải trả tiền để bọn lý dịch trong làng chuyên đổi. Chính ngay lý Kiến hồi ấy đã có đến ba vợ, cũng không nỡ hờ hoải cái của không dung mà được trời cho; và không bỏ hoài, ông còn được lợi. Mỗi lần chị binh đi lĩnh lương hay lĩnh măng đa của chồng, phải mượn ông lý đi nhận thực. Không ông lý nào vác của nhà đi ăn mà nhận thực cho người ta, điều ấy là cố nhiên. Nhưng với lý Kiến thì không những cơm rượu tiền túi, còn phải cho ngồi xe chung và còn ở lại tỉnh nữa.

Thế là mấy đồng bạc lương đi đời; mấy đứa con của chị ngày mai chỉ được mấy cái kẹo đạn mứt, hay hậu hĩnh ra thì cũng được mấy cặp bánh giầy giò ăn. Thành thử công lao anh Binh, rút lại chỉ cho chị Binh mỗi tháng một lần hưởng những cuộc vui với ông lý nhà.

Chẳng hiểu sao anh ra cũng biết thế mà chán nản cảnh nhà hay sao mà mãi hạn ba năm cũng không thấy trở về. Rồi ít lâu sau có trát về làng bắt tróc nã và áp giải Trần Văn Chúc. Lý Kiến khai tên ấy thuộc hạng lưu tán không về làng. Nhưng khai hôm trước thì hôm sau hấn về. Lý Kiến sai đầy tớ đem trát nhà đến đòi hấn. Hấn đến ngay nhưng lại dẫn theo cả vợ và hai con. Không đợi ông lý nói một câu, hấn rút con dao chọc tiết lợn ra, nhăm nhăm cầm ở tay mà bảo rằng: "Chẳng giấu gì ông, tôi can án giết người. Nếu ông không thương, mà bắt giải thì vợ con tôi

chết đói. Thôi thì đằng nào chúng nó cũng chết, tôi đâm chúng nó chết ở đây rồi ông bắt đi ở tù luôn thể”. Mắt hắn đỏ ngầu; lưỡi dao hắn hoa lên loang loáng, chỉ trông cũng lạnh gáy. Hắn có thể giết người được lắm, mà không chỉ có giết vợ và con thôi, khi hắn có gan đâm chết vợ con thì hắn có kiêng gì cái cổ của người khác nữa? Lý Kiến nghĩ ngợi một lúc rồi bảo cứ về rồi ông liệu. Ông liệu nghĩa là ông che đậy cái án của hắn không cho ai biết và mỗi lần có trát về nhắc, ông lại khai rằng “vẫn chưa có tên Chúc về”. Thế là hắn nghiêm nhiên sống ở ngay chính giữa quê hương hắn. Và bây giờ người ta thấy vợ hắn rất chính chuyên mà lại trung thành, thị chăm chỉ làm ăn để nuôi hắn; những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chàng màng thì phải tội; ai cũng sinh ra tử tế cả chỉ trừ anh Bình, bởi vì Chúc bây giờ lại rất mực ngang ngược. Hắn ăn vườn đấy, nhưng chẳng nộp thuế cho ai. Thúc hắn thì hắn chửi, cấm vườn thì hắn chém, sinh chuyện với hắn thì chính lý trưởng làng có lỗi bởi cố ý ản lậu hắn là một tên can phạm. Ấy thế mà hắn vẫn chưa vừa lòng đâu. Một hôm, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, hắn vác dao đến bảo thẳng vào mặt lý Kiến rằng:

- Hồi tôi còn tại ngũ, tôi gửi về nhà có trăm. Không biết vợ tôi nó tiêu pha gì hay cho trai mà không còn một đồng nào cả. Tôi hỏi nó thì nó bảo: ở nhà đàn bà con gái một mình, không dám giữ tiền, được đồng nào mang gửi ông lý cả. Tôi sợ nó bịa ra nên trời sấn nó ở nhà. Bây giờ tôi đến thưa với ông, tính toán xem được bao nhiêu cho đem về nuôi cháu. Thiếu một đồng thì tôi không để yên cho chúng nó.

Lý Kiến hiểu rằng: “chúng nó” ở đây có thể gồm cả ông. Ông cười nhạt bảo rằng:

- Thế này này, anh Bình ạ: chị ấy gửi tôi thì quả là không có...

Hắn trợn mắt lên quát:

- Thế thì thằng nào ăn đi?

Lý Kiến vội nói lấp ngay:

- Thế nhưng mà anh có thiếu tiền thì cứ bảo tôi một tiếng. Chị ấy trót tiêu đi rồi thì có giết cũng chẳng ra. Lôi thôi làm gì sinh tội.

Ông mở tráp ra quăng cho hắn 5 đồng bạc. Hắn cầm lấy, “lạy ông” tử tế, rồi xách dao ra về. Từ hôm ấy, hắn thành tử tế với lý Kiến, nhận là chỗ đây tở chân tay, nhưng lý Kiến thỉnh thoảng vẫn phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoái đây, hắn chết...

*

* *

Thì năm nay lại nảy ra Chí Phèo, một thằng hiền lành như đất - tội nghiệp cho hắn, có lần lý Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho bà ba, vừa run run! Bỗng nhiên vùng dậy giở toàn những giọng uống máu người không tanh. Thì già néo đứt dây. Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng: đề nén con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng ra đi là đại. Mười thằng đã đi ra thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, với cái tính ương ngạnh học được từ phương xa.

Một người khôn ngoan chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngấm đẩy người ta xuống sông, nhưng rồi dắt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn đập ghế để đòi được năm đồng, nhưng được rồi thì vất trả lại năm hào vì “thương anh túng quá”! Và cũng phải tùy mặt nữa: những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn chính là những thằng dễ bóp; trái lại những thằng tứ cố vô thân, giết chúng thì dễ, nhưng giết được, chỉ còn có xương; mà gây với chúng nó là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình. Làng nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè kết đảng chung quanh một người; cánh cụ bá Kiến, cánh ông đội Tảo, cánh ông Tư Đạm, cánh ông Bát Tùng. Bằng ấy cánh du lại với nhau để bóc lột con em, nhưng ngấm ngấm chia rẽ, nhè từng chỗ hở mà trị nhau. Cụ lại nhận ra rằng: ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ ẽ cổ làm nuôi bọn hào lý, nhưng chính bọn hào lý nhiều khi lại phải ngậm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng nên liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình.

Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở. Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đinh suốt đời bị đè nén sở dĩ bị đè nén suốt đời chỉ vì khi bị đè nén chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ bá Kiến không cần than thở: trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng cũng phải có những thằng đầu bò chứ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai mà trị được những thằng đầu bò? Thế lực của cụ sở dĩ lấn át được những vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu dụng những thằng bạt mạng không sợ chết và không

sợ đi tù. Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó dăm ba hào uống rượu, là có thể sai nó tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người buồng bình, đánh thép thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy nhát dao; gặp người non mặt, nó quăng vào vài chai rượu lấu, hay gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụn thuế. Thuế một năm có một lần nếu chỉ trông vào đấy thì bán cha đi cũng không đủ để bù vào chỗ ba, bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triện đồng.

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà bá Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê! Bá Kiến đã không vu vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười: hắn chẳng cần đến ba xu. Lúc ngồi tù hắn có học một được mấy bài thuốc giấu: Chỉ vài nắm lá, là mặt hắn lại đau vào đấy ngay. Còn đồng bạc để đi uống rượu...

Hắn uống được có ba hôm, hôm thứ tư thì hắn trợn mắt lên, bảo con mẹ hàng rượu rằng:

- Hôm nay ông không có tiền; nhà mày bán chịu cho ông một chai. Tối ông mang tiền đến trả.

Mụ bán hàng rượu hơi ngần ngừ. Thế là hắn rút bao diêm đánh bài xòe, châm diêm lên mái nhà mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om xòm vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc mếu mếu, mụ đưa chai rượu. Hắn hầm hầm, chĩa vào mặt mụ mà bảo rằng:

- Cái giống nhà mày không ưa nhẹ! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu! Mày tưởng ông quyết hờ? Mày thử hỏi cả làng xem ông có quyết của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền! ông còn gửi đàng cụ bá, chiều nay ông đi lấy về ông trả.

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo:

- Chúng cháu không dám chắc lép nhưng quả là ít vốn.

Hắn quát lên:

- Ít vốn thì tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao?

Rồi hắn xách chai về. Hắn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà. Lúc đi đường, hắn đã vắn được ở nhà nào đó bốn quả chuối xanh, và bốc của cô hàng xén một dấm con muối trắng. Bây giờ hắn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy rằng cũng ngon. Hắn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà bá Kiến. Gặp ai hắn cũng bảo: hắn đến nhà cụ bá Kiến đòi nợ đây! Mới trông thấy hắn vào đến sân, bá Kiến đã biết hắn đến sinh sự rồi. Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì lão đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật. Cũng may, hắn không cầm vỏ chai, bá Kiến cũng đông dặc hỏi:

- Anh Chí đi đâu đấy?

Hắn chào to:

- Lạy cụ ạ. Bẩm cụ... Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ. Giọng hắn lè nhè và tiếng đã gần như méo mó.

Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành: hấn vừa gãi đầu vừa gãi tai, vừa lải nhải:

- Bẩm cụ, từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích ở tù, bẩm có thể, con có nói gian thì trời chu đất diệt, bẩm quả là đi ở tù sướng quá. Đi ở tù còn có cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước, một thước đất cắm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bẩm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù...

Cụ bá quát, bắt đầu bao giờ cụ cũng quát để thu dây thần kinh của người.

- Anh này lại say khướt rồi!

Hấn xông lại gần, đảo ngược mắt, giơ cái tay lên nửa chừng:

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù mà nếu không được thì... thì... thưa cụ...

Hấn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hấn giơ ra: Đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hấn nghiêng răng nói tiếp:

- Vâng, bẩm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện.

Rồi hấn cúi xuống, tần mần gọt cạnh cái bàn lim. Cụ bá cười khanh khách. Cụ vẫn tự phụ hơn đời cái cười Tào Tháo ấy. Cụ đứng lên vỗ vai hấn mà bảo rằng:

- Anh bừa lắm. Nhưng này, anh Chí ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì. Đội Tào nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được tự nhiên có vườn.

Đội Tào là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kinh nhau với nhà cụ bá mà cụ bá thường vẫn phải chịu bởi hấn là cụ binh, lương hưu trí nhiều, quen thuộc nhiều, lại ăn nói giỏi. Hấn vay cụ bá năm mươi đồng đã từ lâu, bây giờ đột nhiên trở mặt vô tuốt, lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè lý Cường ra làm lý trưởng, chưa trả hấn. Cụ bá tức như chọc họng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng binh Chúc, đẩy tở tay chân của cụ, khả dĩ đương đầu với hấn được, chết năm ngoái rồi. Bây giờ cụ mới lại được gặp Chí Phèo, có thể thay cho binh Chúc. Cụ thử nói khích xem sao. Nếu nó trị được đội Tào thì tốt lắm. Nếu nó bị đội Tào trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, đảng nào cũng có lợi cho cụ cả.

Chí Phèo nhận ngay! Hấn tức khắc đến nhà đội Tào, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ. Giá gặp phải hôm khác, thì có án mạng rồi: Đội Tào cũng có thể đâm chém được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hấn, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hấn ốm liệt giường, không sao nhắc mình dậy được, có lẽ hấn cũng không biết Chí Phèo chửi hấn. Vợ hấn, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa cho người nhà đi theo Chí Phèo. Đàn bà vốn chuộng hòa bình; họ muốn yên chuyện thì thôi, gai ngạnh lắm gì cho sinh sự. Và lại bà đội cũng nghĩ rằng: Chồng mình đang ốm... Và năm chục đồng bạc đối với mình là mấy, lòi thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng!

Vì thế, Chí Phèo mới được vênh vênh ra về; hấn thấy oai oai thêm bạc nữa. Hấn tự đắc: “anh hùng làng này cóc

thằng nào bằng ta!'. Cụ bá thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản xem chừng thích chí. Cụ đưa luôn cho anh đầy tớ năm đồng.

- Anh Chí ạ, cả năm chục đồng này phần anh. Nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu còn để tôi bán cho anh mảnh vườn: không có vườn đất thì làm ăn gì?

Chí Phèo “vàng dạ” ra về. Mấy hôm sau, cụ lý bảo lý Cường cho hấn năm sào vườn ở bãi sông cấm thuế của một người làng hôm nọ. Chí Phèo bỗng thành ra có nhà. Hồi ấy hấn mới đầu hăm bảy hăm tám ...

Bây giờ thì hấn đã thành người không tuổi rồi. Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi? Cái mặt hấn không trẻ cũng không già; nó không còn phải là mặt người; nó là mặt của con vật lạ, hấn vàng vàng mà lại muốn xạm màu gio; nó vằn dọc vằn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là sẹo. Vết những mảnh chai của bao lần ăn vạ kêu làng, bao nhiêu lần, hấn nhớ làm sao nổi? Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại, người ta giao cho hấn làm! Những việc ấy chính là cuộc đời của hấn; cuộc đời mà hấn cũng chả biết dài bao nhiêu năm rồi. Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tuổi hấn cũng không có trong sổ làng, người ta vẫn khai hấn là dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hấn nhớ mang máng rằng có lần hấn hai mươi tuổi, rồi hấn đi ở tù, rồi hình như hấn hăm năm không biết có đúng không? Bởi vì từ đấy hấn bao giờ cũng say. Những cơn say của hấn tràn cơn say này sang cơn say khác, thành một cơn dài, mệnh mông,

hắn ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy vẫn còn say, đập đầu rạch mặt chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận. Chưa bao giờ hắn tỉnh và có lẽ hắn chưa bao giờ tỉnh táo, để nhớ rằng có hắn ở đời. Có lẽ hắn cũng không biết rằng hắn là con quý dũ của làng Vũ Đại, để tác quái bao cho nhiều dân làng. Hắn biết đâu hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đập đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hắn đâu biết vì hắn làm tất cả những việc ấy trong khi người hắn say; hắn say thì hắn làm bất cứ cái gì mà người ta sai hắn làm. Tất cả dân làng đều sợ hắn và tránh mặt hắn mỗi khi hắn qua.

Vì thế cho nên hắn chửi hay là chẳng vì cái gì hắn cũng chửi, cứ rượu xong là hắn chửi. Hắn chửi như những người say rượu hát. Giá hắn biết hát thì có lẽ hắn không cần chửi. Khổ cho hắn và khổ cho người hắn lại không biết hát. Thì hắn chửi, cũng như chiều nay hắn chửi...

Hắn chửi trời và đời. Hắn chửi cả làng Vũ Đại. Hắn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hời, tức mình hắn chửi đứa nào để ra chính hắn, lại càng không ai cần! Và hắn lấy thế làm ức lắm; bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình; chửi nhau một mình thì còn văn vẻ gì! Thế là chắc chắn đã có một cơ để tức tối, một cơ rất chính đáng để hắn có thể hùng hổ đi báo thù. Phải, hắn phải báo thù, báo thù vào bất cứ ai. Hắn phải vào nhà nào mới được, bất cứ nhà nào. Hắn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hắn gặp để đập phá

đốt nhà hay lăn ra kêu làng nước. Phải đấy, hấn sẽ rẽ vào bất cứ cái ngõ nào hấn gặp... Á, đây kia rồi mau mau...

Nhưng mà mặt trăng lên, mặt trăng rằm vành vành. Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh. Ô, cái gì đây, đen và méo mó trên đường trắng nhể nhại? Nó xệch xạc đi về bên trái, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách vài chỗ.

Nó cứ quần quật dưới chân Chí Phèo. Chí Phèo đứng lại và nhìn nó và hấn bỗng nghiêng ngả cười. Hấn cười ngật nghẹo, cười rữ rươi. Giá hấn chửi lại còn dễ nghe! Cái vật xệch xạc trên đường là bóng hấn. Thế là hấn cười, và hấn quên báo thù: hấn đi qua cái ngõ đầu tiên kia rồi. Bây giờ thì đến ngõ nhà Tụ Lãng, một anh thầy cúng có bộ râu lơ phờ. Chí Phèo bỗng nảy ra một ý: tạt vào đây và đập cái đàn châu văn của lão tự nửa mùa này ra. Bởi vì lão tự này vừa làm thầy cúng lại vừa làm nghề hoạn lợn. Cái đàn của lão phùng phùng nghe còn chối tai hơn lợn kêu. Nhưng lúc vào thì lão tự lại đang uống rượu; lão uống ngay ở sân, vừa uống vừa vuốt râu, vừa rung rung cái đầu. Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay. Hấn thấy tất cả những người uống rượu đều hay hay. Rồi đột nhiên hấn khát, trời ơi, sao mà khát! Khát đến cháy cổ họng... Không do dự, hấn lại bên lão tự, nhắc lấy chai rượu, ngửa cổ dốc vào mồm tu. Lão tự đuổi cái cổ gà vạt lông ra, trở mặt lên, nhưng không nói gì. Lưỡi lão riu lại rồi, còn nói làm sao được? Lão đã uống hết hai phần chai. Còn một phần thì Chí Phèo tu nốt. Hấn tu có một hơi, rồi khà một cái, chép chép cái miệng như còn thềm. Rồi hấn nắm lấy mấy cái râu lơ phờ của lão tự, nâng soi lên trăng mà cười.

Lão tự cũng cười. Hai thằng say rượu ngã vào nhau cười, như một đôi tri kỷ cuồng. Rồi tự Lãng vào nhà xách hai chai rượu, lão còn đúng hai chai nữa, lão mời Chí Phèo uống nữa, uống thật say, không cần gì. Cứ việc uống, đừng có lo ngại gì đấy! Vợ lão chết đến bảy tám năm nay rồi, con gái lão chữa hoang bỏ lão đi, lão chỉ có một mình, không còn con vợ nào mè nheo cả, lão muốn uống đến bao giờ thì uống. Cứ uống! Cứ uống, cứ uống đi ông bạn lạc đường ở cung trăng xuống ạ! Uống thật tợn, uống đến đái ra rượu thì mới thích. Nhịn uống để làm gì? Có giàu có sang, có làm nên ông cả bà lớn gì nữa, chết cũng không gọi là “cụ lớn mả”! Lão sống có đến hơn năm mươi năm rồi mà chưa thấy một cụ lớn mả nào sốt! Chỉ có cái mả, cái mả đất. Ai chết cũng thành cái mả, say sưa chết cũng thành cái mả, lo gì? Cứ say?

Chưa bao giờ Chí Phèo được thỏa thuê đến thế! Hắn lấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha tự này. Chúng uống với nhau rất là nhiều. Và rất là nhiều. Người ta tưởng như cả làng Vũ Đại phải nhịn uống để đủ rượu cho chúng uống.

Đến lúc hết cả hai chai thì tự Lãng đã bò ra sân. Lão bò như cua và hỏi Chí Phèo rằng: người ta đứng lên bằng cái gì? Chí Phèo vắn ngựa lão ra, vuốt cái râu lở phờ của lão mấy cái, rồi để mặc lão thế, hắn lão đảo ra về.

Hắn vừa đi vừa phanh ngực ra mà gãi. Hắn gãi ngực rồi gãi lên cổ, gãi mang tai và gãi cả lên đầu. Có lúc hắn phải đứng lại giữa đường mà gãi, ghêch chân lên mà gãi, hắn bứt rứt quá, ngứa ngứa quá, chợt nghĩ ngay đến cái bờ

sông gần nhà. Bởi vì cái vườn của hắn ở gần một con sông, nước lặng và trong, khắp bãi trồng toàn dâu, gió đưa đẩy những thân mềm oặt ẹo, cuộn theo nhau thành làn. Duy có vườn nhà hắn trồng toàn chuối, ở một góc vườn có túp lều con. Những đêm trăng như đêm nay, cái vườn phẳng ngồn ngang những bóng chuối đen như cái áo nhuộm vắt tung trên bãi. Và những tàu chuối nằm ngửa, uốn cong cong lên hứng lấy trăng xanh rời rọi như là ướt nước, thỉnh thoảng bị gió lay lại giẫy lên đành đạch như là hứng tình.

Chí Phèo vừa tò mò nhìn những tàu lá chuối vừa đi xuống vườn. Nhưng hắn không vào cái túp lều úp xúp mà ra thẳng bờ sông. Hắn định sẽ nhảy xuống tắm cho khỏi ngứa rồi lăn ngay ra vườn mà ngủ. Tội gì chui vào lều, bức đến không còn thở được. Một thằng như hắn, đập đầu không chết, huống hồ là gió sương... Đến bờ sông hắn dừng lại, vì hình như có người. Có người thật, và hắn ngây ra nhìn.

Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào gốc chuối, một người đàn bà ngồi tênh hênh. Chính là người đàn bà, hắn biết vậy là nhờ mái tóc dài buông xõa xuống vai trần và ngực... Hai tay trần của mẹ buông xuôi, cái mồm của mẹ há hốc lên trăng mà ngủ, hay là chết. Đôi chân thì duỗi ra trước mặt, cái váy đen xộc xệch... Bên kia, có lẽ vì mẹ giẫy cái yếm xeo xọ để trệt ra cái sườn nây nây. Tất cả những cái ấy phơi ra trăng, rười rượi những trăng làm trắng những cái đó có lẽ ban ngày không trắng: trăng làm đẹp lên. Chí Phèo tự nhiên thấy ứ đầy miệng bao nhiêu là

nước dãi, mà cổ thì lại khô, hần nuốt ừng ực, hần thấy cái gì rộn rạo ran khắp người. Bỗng nhiên hần run run. Ô, tại sao như thế được? Đáng nhẽ chính người đàn bà khốn nạn kia phải run mới phải, cái người đàn bà đại dột đã nằm ềnh ệch mà ngủ ngay gần nhà hần này.

Nhưng người đàn bà ấy lại chính là thị Nở, một người ngăn ngơ như những người đàn trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn. Cái mặt của thị đích thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngăn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang hơn bề dài, thế mà hai má nó lại hóp vào mới thật là tai hại, nếu hai má nó phình phình thì mặt thị lại còn được hao hao mặt lợn, là thứ mặt vốn nhiều hơn người ta tưởng, trên cổ người. Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bạnh muốn chen lẫn nhau với những cái môi cũng cố to không thua cái mũi; có lẽ vì cố quá cho nên chúng nứt nở như rạn ra. Đã thế thị lại ăn trâu, hai môi dày được bồi cho dày thêm, cũng may quét trâu sánh lại, che được cái màu thịt trâu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chìa ra: ý hần chúng nghĩ sự cân đối chưa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại dở hơi; đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng đế chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhất. Và thị lại nghèo, nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở. Và thị là là dòng giống của một nhà có mả hủi: cái này khiến không có một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh một con vật rất tởm. Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng. Ở cái làng Vũ Đại người ta kết bạn từ khi lên tám, và có khi có con từ lúc mười lăm;

không ai đợi đến năm hai mươi để đưa con thứ nhất. Cứ tình hình ấy thì ta nói quách thị Nở không có chồng. Mà thị cũng không còn ai thân thích, trừ một người cô đã có thể gọi được là già, và đã không có chồng như thị. Số trời định thế, để không ai phải trợ trợ trên cõi đời này. Người cô làm thuê cho người đàn bà buôn chuối và trâu không xếp tàu đi Hải Phòng, có khi đi tận Hòn Gai, Cẩm Phả. Còn thị sống bằng những nghề lật vật ở làng. Hai cô cháu sống trong một cái nhà tre cách vườn chuối của Chí Phèo bởi con đê; hẩn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm. Có lẽ chính vì thế thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ. Gần gũi lâu thành quen, mà quen thì ít còn sợ. Những người trông coi vườn Bách thú thường bảo rằng hổ báo hiền y như mèo. Vả lại có lý nào để thị sợ hẩn đâu? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngẩn ngơ của mình, mà thị lại chỉ có ba cái ấy... Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi có nhà, mà ở nhà thì hẩn lại hiền lành, ai có thể ác trong khi ngủ? Hẩn chỉ về nhà để ngủ.

Ngày nào thị Nở cũng phải qua vườn nhà hẩn hai ba lần, là vì qua vườn nhà hẩn có một lối đi nhỏ đi ra sông; trước kia, cả xóm vẫn dùng cái ngõ ấy để ra sông tắm giặt hay kín nước. Nhưng từ khi hẩn đến người ta thôi dần, tìm một lối đi khác xa hơn. Trừ thị Nở: thì đã bảo thị là người dờ hơi, thị không thích làm như kẻ khác. Quá tin ở người, quá tin ở mình liều lĩnh, bướng bỉnh hay có lẽ chỉ không chịu rời thói quen. Nhưng hãy biết thị đi vào ngõ ấy mà vẫn chẳng làm sao cả. Thế rồi quen đi. Có lần trong lúc Chí Phèo ngủ, thị vào cả nhà hẩn để gọi nhờ lửa nấu, có

lân thị xin của hấn một ít rượu để về bóp chân; hấn mãi ngủ cầu nhàu bảo thị rằng: ở xó nhà ấy, muốn rót bao nhiêu thì rót, để yên cho hấn ngủ. Và lắm lúc thị ngạc nhiên sao người ta ghê hấn thế?

Chiều hôm ấy, thị Nở cũng ra sông kín nước như mọi chiều. Nhưng chiều hôm ấy, trăng lại sáng hơn mọi chiều, trăng tỏa trên sông và sông gợn biết bao nhiêu gợn vàng. Những vàng ấy rung rung mới trông thì đẹp, nhưng trông lâu thì mỏi mắt. Gió lại mát như quạt hâu. Thị Nở muốn ngáp mà mí mắt nặng dần, toan díp lại. Thị vốn có một tật không sao chữa được: có lúc đột nhiên muốn ngủ, bất cứ ở đâu hay đang làm gì. Bà cô thị bảo thị là một người vô tâm. Ngáp một cái, thị nghĩ bụng: khoan hãy kín nước, hãy để lọ xuống ngồi nghỉ đã. Bởi vì thị đã luật quạt đập đất từ trưa tới giờ. Mà mấy khi được một nơi mát như thế, mát rợn da rợn thịt, sung sướng quá! Mát y như quạt hâu. Thị cởi áo ra ngồi tựa vào gốc chuối, đáng ngồi không kín đáo, nhưng không bao giờ thị biết thế nào là lả lơi. Con người vô tâm, không hay nghĩ xa xôi mà. Vả lại ở đây chẳng có ai. Chí Phèo đã về đâu, mà hấn có về thì cũng say khướt đã ngủ từ nửa đường, về tới nhà tức khắc chúi đầu vào ngủ nốt. Hấn ra làm gì đây, mà cho có ra nữa thì đã sao? Thị không thể sợ hấn có thể phạm đến thị bởi cái lẽ rất giản dị là thị chưa thấy ai phạm đến thị bao giờ. Thật ra thì thị cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế. Trong óc thị đã có một bóng đen lan rồi. Thị không ngồi thì không chịu được.

Ngồi một lúc thì thị thấy rằng: nếu cứ ngồi mãi thì ngủ mất. Nhưng thị đã ngủ đến hai phần rồi. Và thị nghĩ: thì

ngủ, ngủ thì đã làm sao! Về nhà thì cũng chỉ ngủ, ngủ ngay đây cũng vậy. Bà cô đi theo hàng ít ra cũng dăm hôm mới về. Thị cứ ngồi đây cho mát. Và thị ngủ. Thị ngủ ngon lành và say sưa.

Chí Phèo vẫn say say nhìn và run run. Bỗng nhiên hấn rón rén lại gần thị Nở; lần đầu tiên hấn rón rén, từ khi về làng. Thoạt tiên, hấn xách cái lọ để ra xa, rồi hấn lẳng lẳng ngồi xuống bên sườn thị...

Và thị Nở giật mình. Thị Nở mới kịp giật mình thì thằng đàn ông đã bám lấy thị... Thị vùng vẫy để ra, thị mở mắt, thị tỉnh hấn, thị nhận ra Chí Phèo. Thị vừa thờ, vừa vật nhau với hấn, vừa hổn hển: “Ô hay... Buông ra... Tôi kêu... Tôi kêu làng... Buông ra. Tôi kêu làng lên bây giờ!”. Thằng đàn ông phì cười. Sao thị lại kêu làng nhỉ? Hấn vẫn tưởng chỉ có hấn mới kêu làng thôi; người ta lại kêu tranh của hấn, bỗng nhiên hấn la lên, kêu làng.

Hấn kêu như một kẻ bị đâm, vừa kêu vừa dẫn người đàn bà xuống. Thị Nở trở mắt ngáy ra nhìn. Thị Nở kinh ngạc: sao hấn lại kêu làng nhỉ? Mà hấn vẫn chưa chịu thôi kêu làng. Cũng may người quanh đây không ai cần động dạn: họ lụ lụ cúi rồi lại ngủ; hấn kêu làng cũng như người khác buồn, hát ngao. Đáp lại hấn, chỉ có lũ chó cắn xao lên trong xóm.

Thị Nở bỗng nhiên bật cười. Thị Nở vừa rửa vừa đập tay lên lưng hấn. Nhưng đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong, cái tay ấy lại giúi lưng hấn xuống. Và chúng cười với nhau...

Bây giờ thì chúng ngủ bên nhau... Đứa trẻ bú no thì ngủ. Người ta ngủ say sau khi làm việc yêu. Chúng ngủ như chưa bao giờ được ngủ... Trăng vẫn thức, vẫn trong trẻo... Trăng rắc bụi trên sông, và sông gợn biết bao nhiêu vàng. Nhưng đến gần sáng, bỗng Chí Phèo chống một tay xuống đất, ngồi lên một nửa. Hắn thấy nôn nao, chân tay bủn rủn, như đến hai ba ngày nhịn đói. Thế mà bụng phình phính đầy, hình như bụng hơi đau. Còn hình như gì nữa, thôi đúng đau bụng rồi. Đau thật, đau mỗi lúc một dữ! Nó cứ cuộn cuộn lên. À, mà trời lạnh lạnh. Hễ có gió thì kinh kinh. Mỗi làn gió, hắn rợn rợn người. Hắn muốn đứng lên. Sao đầu nặng quá, mà chân thì lẩy bẩy. Mất hắn hoa lên. Bụng quặn lại, đau gò người. Hắn ọc. Hắn ọc ba bốn cái. ọc mãi. Giá mưa được thì dễ chịu. Hắn cho một ngón tay vào mồm họng. Hắn ọc ra một cái to hơn, ruột hình như lộn lên. Nhưng cũng chỉ nhổ ra toàn nước dãi. Hắn nghỉ một tí rồi lại cho tay vào mồm. Lần này thì mưa được. Trời ơi! Mưa thốc mưa tháo, mưa ồng ộc, mưa đến cả ruột. Đến nỗi người đàn bà phải dậy. Thị ngồi nhòm dậy và ngơ ngác nhìn. Cái óc nặng nề ấy phải lâu mới nhớ ra và lâu mới hiểu.

Bây giờ thì Chí Phèo đã mưa xong. Hắn mệt quá, lại vật người ra đất. Hắn đỡ hai con mắt khê rên: hắn chỉ đủ sức để rên khe khẽ. Từ đồng mưa bay lại mùi gì thoảng như mùi rượu, hắn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở lại. Đặt bàn tay lên ngực hắn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong), thị hỏi hắn:

- Vừa thổ hả?

Mắt hần đảo lên nhìn thị, nhìn một thoáng rồi lại dờ ra ngay.

- Đi vào nhà nhé?

Hần làm như gật đầu. Nhưng cái đầu không động dảy, chỉ có cái mí mắt là nhích thôi.

- Thì đứng lên.

Nhưng hần đứng lên làm sao được. Thị quàng tay vào nách hần, đỡ cho hần gượng ngồi. Rồi thị kéo hần đứng lên. Hần du vào cổ thị, hai người lảo đảo đi về lều.

Không có giường, chỉ có một cái chõng tre. Thị để hần nằm lên, và đi nhặt nhanh tất cả những manh chiếu rách đắp lên cho hần. Hần hết rên. Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. Đôi lọ nhắc cho thị việc đi kín nước, thị mãi một mặ áo, kín nước rồi xách đôi lọ nước đi về nhà.

Trăng chưa lặn, không chừng trời còn khuya. Thị lên giường định ngủ. Nhưng thị nhớ lại việc lạ lùng tối qua. Thị cười. Thị thấy không buồn ngủ, và thị cứ lẩn ra lẩn vào.

Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng lâu. Mặt trời chắc đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ. Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài là đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn chỉ hơi tờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm thì bên ngoài trời vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hần tỉnh. Hần bàng khuâng như tỉnh dậy, hần thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì

bủn rùn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hần hơi rùng mình. Ruột gan lại nồn nao lên một tý. Hần sợ rượu cũng như những người ốm sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá.

Những tiếng quen thuộc hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hần mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?
- Kém ba xu dì ạ.
- Thế thì còn ăn thua gì!
- Cố co kéo mới được một tấm năm xu.
- Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ lại chơi.

Chí Phèo đoán một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hần nồn nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hần cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hần đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải, chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hần thấy hần già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào lại như thế được? Hần đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải là tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hần đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hần, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhục mà

chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu báo hiệu rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Cũng may thị Nở vào. Nếu thị không vào, cứ để hắn vẫn vợ mãi, thì đến khóc được mất. Thị vào cấp một cái rổ, trong có một nồi gì dậy vung. Đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm thị trần trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liêu lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hắn chết. Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống cho một người. Thị thấy như yêu hắn: đó là một cái lòng yêu của một người ơn. Một người như thị Nở càng không thể quên được.. Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hắn lúc này thì cũng bạc. Dẫu sao cũng đã ăn nằm với nhau! Ăn nằm với nhau như “vợ chồng”, thấy giường ngược mà thỉnh thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng! Hay sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo, gặp hắn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm! Sao lại có thứ người đau mà lý quá thế! Người ta ngồi đấy mà dám xán lán ngay vào, nó chả ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngu ngờ. Cái thằng trời đánh không chết ấy, nó còn sợ cái gì mà hồng

kêu. Nhưng mà đáng kiếp. Thổ trợn ấy thật là phải biết. Cứ gọi là hôm nay nhọc đừ. Phải cho hắn ăn tí gì mới được. Đang ốm thế thì chỉ có ăn cháo hành. Ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là sáng nay thị đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn.

Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo.

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt hình như ướt ướt. Bởi vì lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa nay nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hắn vẫn phải dọa nạt hay giật cướp. Hắn là phải làm cho người ta sợ. Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hắn, rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hắn thấy vừa vui lại vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay ăn năn hối hận về tội ác khi không đủ sức để ác nữa. Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo rất ngon. Nhưng sao lại mãi đến bây giờ hắn mới nếm mùi vị cháo?

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời: vì có ai nấu cho ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một tay “đàn bà”. Hắn nhớ đến “bà ba”, cái con quý cái hay bắt hắn bóp chân mà lại kêu bóp lên trên, lên trên nữa, nó chỉ nghĩ làm sao cho thỏa chứ có yêu hắn đâu. Hồi ấy hắn hai mươi tuổi. Hai mươi tuổi,

người ta không là đá, nhưng cũng không hoàn toàn là xác thịt. Người ta không thích cái người ta khinh. Và lại bị một con đàn bà gọi đến nhà mà bóp chân! hấn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ! Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hấn làm một việc không chính đáng, hấn vừa làm vừa run. Không làm thì không được; mọi việc trong nhà, quyền đàn bà. Chứ hấn, hấn còn lòng nào đâu! Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được, phải làm đến nơi. Bà bảo hấn rằng: “Mày thực thà quá! Con trai gì mà hai mươi tuổi mà đã như ông già”. Hấn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo: “Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư?...” và thấy hấn dùng dằng, bà mắng xoi xoi vào mặt. Hấn chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì. Không, hấn chưa thấy một người đàn bà nào yêu cả. Vì thế mà bát cháo hành của thị Nở làm hấn suy nghĩ nhiều. Hấn có thể tìm bạn được, sao lại gây kẻ thù?

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hấn thấy mình đầm bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hấn đưa tay áo quạt ngang một cái, quạt mũi cười rồi lại ăn. Hấn càng ăn, mồ hôi lại càng nhiều. Thị Nở nhìn hấn lắc đầu, thương hại. Hấn thấy lòng thành trẻ con. Hấn muốn làm nũng thị như với mẹ. Ôi sao mà hấn liêu, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt, mà dám chém người? Đó là cái bản tính của hấn, ngày thường bị lấp đi. Hay trận ốm thay đổi hấn về sinh lý, cũng thay đổi cả tâm lý? Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hấn đâu còn mạnh

nữa. Và có lúc hắn ngấm mình mà lo. Xưa nay hắn chỉ sống bằng cướp giết và dọa nạt.

Nếu không còn sức mà cướp giết, dọa nạt nữa thì sao? Đã đành, hắn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hắn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều lĩnh được nữa. Bấy giờ mới nguy! Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ nhận lại hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hắn băn khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn, hắn thấy tự nhiên nhẹ người. Hắn bảo thị:

- Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hắn, hắn bảo thị:

- Hay mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lườm hắn. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hắn thích chí khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hắn thấy lòng rất vui.

Hắn bẹo thị Nở một cái làm thị nẩy hắn người lên. Và hắn cười, hắn lại bảo:

- Đàng ấy còn nhớ gì hôm qua không?

Thị phát khê hấn một cái, làm vẻ không ưa đùa. Sao mà e lệ thế. Xấu mà e lệ thì cũng đáng yêu. Hấn cười ngất, và muốn làm thị thẹn thùng hơn nữa, hấn véo thị một cái thật đau vào đùi. Lần này thì không những thị nẩy người. Thị kêu lên choe chõe. Thị nắm cổ tay hấn mà giúi xuống. Chúng tỏ tình với nhau, không cần đến những cái hôn. Ai lại hôn khi có những cái môi nứt nẻ như bờ ruộng vào kỳ đại hạn và cái mặt rách ngang dọc như mặt thớt. Vả lại, có những cách âu yếm bình dân hơn, chúng câu véo hoặc phát nhau... thiết thực biết mấy...

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế, và nhất định là lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hấn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hấn không còn kinh rượu nhưng cố uống thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo để yêu nhau. Đàn bà không men như rượu, nhưng cũng làm cho người say. Và hấn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu thì thị bỗng nhớ rằng thị còn có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng: hãy đừng yêu để hỏi cô thị đã.

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ tủi cho thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai, không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ấy ngay lên cháu bà! Người đàn bà đức hạnh ấy thấy cháu bà sao mà đĩ thế! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi, mà chưa trót đời. Ngoài ba mươi... ai lại còn đi lấy chồng. Ai đời lại

còn đi lấy chồng! Ủ! Mà có lấy thì lấy ai chứ? ... Đàn ông chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy một thằng chỉ có một nghề là đi rạch mặt ra ăn vạ. Trời ơi! Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hồi ông cha nhà bà! Bà gào lên như con mẹ đại. Bà xía xói vào cái con cháu ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Bà bảo phát nó:

- Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì nhịn hản; ai lại đi lấy thằng Chí Phèo!

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao? Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao. Mà không cãi được thì thị giận dữ nổi lên đùng đùng. Thị tức lắm! Thị tức lắm! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người. Thị lon ton chạy sang nhà nhân ngãi. Thị thấy hấn đang uống rượu, và vừa uống vừa lăm bắm chửi thị về nhà lâu. Hấn không quen đợi bởi phải đợi, hấn lại lòi rượu mà uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi! Nhưng thị làm gì mà hấn chửi? Mà hấn có quyền gì chửi thị? Ô thị điên lên mất! Thị dẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng. Hấn thú vị quá, lẩn lư cái đầu cười. Lại còn cười! Nó nhạo thị, trời ơi! Thị điên lên mất, trời ơi là trời! Thị chống tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và tợn cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hấn tất cả những lời bà cô. Hấn ngẫm ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hấn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hấn lại như hít hít thấy cái hơi cháo hành. Hấn cứ ngồi ngẩn mặt không nói gì. Thị trút giận xong rồi. Cái mũi đỏ đi xuống, rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm lắm. Thị ngoay

ngoáy cái mông dít đi ra về. Hấn sừng sốt đứng lên gọi lại. Ai mà thêm lại! Còn muốn lòi thòi cái gì? Hấn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hấn lăn khèo xuống sân. Đã lăn ra thì hấn phải kêu: bao giờ chả thế. Hấn nhặt một hòn gạch toan đập vào đầu. Nhưng hình như hấn chưa thật say. Vì hấn nghĩ: đập đầu ở đây chỉ thiệt; đập đầu ở đây, để mà ăn vạ ai? Hấn phải tự đến nhà con dĩ Nờ kia. Đến để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khộm già nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu ra mà kêu làng. Muốn đập đầu phải uống rượu thật say. Không có rượu, lấy gì làm cho máu nó chảy? Phải uống thêm chai nữa. Và hấn uống. Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi, buồn! Hơi rượu không sặc sụa. Hấn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hấn ôm mặt khóc rung rúc. Rồi lại uống. Hấn đi ra với một con dao ở thắt lưng. Hấn làm nhảm: “tao phải đâm chết nó!”. Nhưng hấn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hấn quên rẽ vào nhà thị Nờ? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm.

Trời nắng lấm, nên đường vắng. Hấn cứ đi, cứ chửi, cứ dọa giết “nó”, và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ Bá. Hấn xông xông đi vào. Cả nhà đi làm đồng vắng; chỉ có mình cụ Bá đang nằm nghỉ trưa. Nghe tiếng hấn, cụ thấy sao bức mình quá! Chính thật thì cụ cũng đang bức mình. Bởi vì cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu. Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà Tư đừng đi lâu quá thế. Đi lâu thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi rồi mà vẫn còn còn phây

phây. Còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Giá thế thì bà ấy cũng già đi cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, mà sao đa tình. Nhìn thì thích nhưng tung tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lứt sứt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà có duyên nhưng trông dĩ lắm. Hơi một tí thì cười toe toét, tí cả mắt lại, cái má thì hây hây. Mà thấy ghen ghét những thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ gì đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm! Tức lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi tù... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vò tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

- Chí Phèo đấy hở? Lè bè vừa thôi chứ, tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hấn:

- Cầm lấy mà cút đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi thế à?

Hấn trợn mắt chỉ tay vào mặt cụ:

- Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hấn toan làm dữ, cụ đành dịu giọng:

- Thôi, cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hấn vênh vênh cái mặt lên, rất là kiêu ngạo:

- Tao đã bảo là tao không đòi tiền.

- Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế anh cần gì?

Hắn đồng dục:

- Tao muốn làm người lương thiện!

Bá Kiến cười ha hả:

-Ồ tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hắn lắc đầu:

- Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ còn một cách... biết không! Chỉ còn một cách là... cái này biết không!

Hắn rút dao ra xông vào. Bá Kiến ngồi nhòm dây. Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đang giầy đành đập ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mắt hắn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứa ra.

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi: “Trời có mắt đấy, anh em ạ!”. Người khác thì nói toạc: “Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó giết

nhau, nào có phải cần tay người khác đâu”. Mừng nhất là bọn kỳ hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là nhìn lý Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao nhiêu người: “Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi bị người ta cho ăn bùn”. Ai chả hiểu “người ta” đó chính là ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: “Thằng mọt già ấy chết, anh em mình nên ăn mừng”. Những người biết điều thì hay ngờ vực; họ chép miệng nói: “tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu...”

Bà cô thị Nở chỉ tận mặt cháu mà đay nghiến:

- Phúc đời nhà mày, con nhé. Chả ôm lấy ông Chí Phèo.

Thị cười và nói lảng:

- Hôm qua làm biên bản, lý Cường nghe đâu tốn gần một trăm. Thiệt người lại tốn của.

Nhưng thị lại nghĩ thầm:

- Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị phải nhìn trộm bà cô, rồi nhìn nhanh xuống bụng:

- Nói đại, nếu mình chữa, bây giờ thì hắn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người qua lại.

Tháng 2-1941

DÌ HẢO

Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của dì chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vần, một người đàn bà bán bánh đúc xay, ngon có tiếng khắp làng Vũ Đại. Tôi biết bà là vì hồi còn bé tôi rất ưa ăn bánh đúc. Có lẽ lúc sinh tôi ra, ông trời đã định sẵn cho tôi một cái kiếp chẳng giàu sang, nên phú sẵn cho tôi cái tính thích những món ăn rẻ tiền của những người nghèo túng. Lúc có tôi thì nhà tôi chẳng còn nghèo. Thế mà tôi cứ thấy ăn cơm gạo đỏ, thổi khô khô, với rau muống luộc chấm tương ngon hơn cơm tám với thịt đông; mà cái bánh đúc xay nấu khéo còn đậm vị gấp nghìn lần cái bún tuy trắng, tuy mềm nhưng nhạt bép. Mỗi sáng, tôi cầm hai xu mẹ phát cho, theo con ở đi ra hàng; - hàng là một cái chợ nhỏ của làng tôi, họp ngay ở mặt đường, mỗi sáng chỉ họp độ một giờ là đã tan - từ đằng xa, tôi đã thấy những người đàn bà váy bạc phếch xúm xít quanh mẹt bánh đúc của bà Vần. Bà thái không kịp bán. Tuy vậy mới trông thấy tôi bà đã ngừng dao, nhặt bốn tám bánh gói gọn ghẽ vào lá chuối, tươi cười đưa cho. Không phải vì bà thấy tôi ngộ nghĩnh đáng yêu. Nhưng bà không thể quên rằng bà còn nợ bà tôi mấy chục bạc.

Cháu ngoại của một người chủ nợ kể cũng đáng cho người ta quý trọng. Tôi đưa hai xu, ôm bốn tám bánh về. Bà bán đúng một trình một tấm, mua nhiều hay ít cũng thế. Tám bánh chẳng lấy gì làm to, so với bánh người khác có phần hơi dẹt. Nhưng mà ngon hơn. Cái bột xay rất nhuyễn, vôi bỏ vừa, mịn chắc đấy, nhưng không nồng một tí nào, bẻ ra ăn với cá bống kho ráo nước cho đến cong lên, dầm vào một tí tương cua thì thật tuyệt! Về sau, ngọn gió đời đưa đẩy tôi trải qua rất nhiều cảnh huống: vất vả nhiều, nhưng cũng có lúc phong lưu, có lúc tôi có thể thừa cách mà hưởng tất cả các cao lương mỹ vị, nhưng chưa bao giờ tôi gặp một món ăn không thể làm tôi quên được cái vị thanh đậm mà vẫn đậm đà của bánh đúc ăn với cá bống dầm tương, nghĩ đến bây giờ mà tôi cũng còn muốn nuốt nước bọt.

Mà cứ nghĩ đến bánh đúc là phải nghĩ đến bà xã Vạn. Chồng bà chết đi để lại cho bà một trai một gái, con chị hơn thành em ba bốn tuổi. Như thế chị có thể dắt em đi chơi để mẹ kiếm gạo. Nhưng một hôm bà xã bỗng nhận thấy rằng thành cu đã có thể đi chơi một mình; hơn nữa nó có thể tha thân ngoài sân với con chó để coi nhà được. Con chị hóa ra thừa. Cũng phải cho nó đi ăn, đi ở với người ta để kiếm manh quần, tấm áo. Chả gì cũng bớt miệng ăn. Phần cơm của nó, để em nó ăn thêm; như thế em nó được no thêm một ít nữa. Bà đã để ý nghe ngóng xem nhà nào có cần nuôi đứa ở bế em chẳng. Chưa có ai buồn hỏi đến, thì một hôm bà lại nghĩ về người chồng đã chết. Khốn nạn! Khi ông đã nằm xuống đấy thì bà chẳng còn một đồng nào. Bà chạy ngược chạy xuôi van lạy hết

người nợ đến người kia, mới vay được non chục bạc. Non chục bạc thì chỉ nộp lệ làng, may cho con mỗi đứa một cái áo tang và cho bà một cái mấn, rồi biếu miếng trâu, bát nước cho hàng xóm cũng đã không đủ rồi. Thành thử bà chỉ dám mua cho ông cỗ áo quan có non ba đồng. Rõ nghĩ mà thương! Nó vừa mỏng, mịn, mịn dẻo trà dẻo tốt, giá chỉ bóp mạnh cũng răng rắc được. Của ấy được mấy nổi mà nát? Bấm đốt ngón tay đã được sáu năm trời rồi. Cũng phải cố biếu bát cơm, bát canh để thay cho ông ấy cái áo mới, chứ để thế thì tội nghiệp. Nhưng làm sao bây giờ?

Bà dẫn Hảo đến cho bà ngoại tôi. Bà ngoại tôi, ngoan đạo như những người vừa biết Chúa, thích nuôi trẻ ngoan đạo, rửa tội rồi nuôi làm con nuôi. Đó cũng là một cách để con cái đức Chúa lời ngày một thêm đông. Bà xã bằng lòng cho con gái bà đi đạo.

Bà tôi còn nhân đức, giả dấm dặt để trừ nợ dấm sáu đồng. Thành ra bà xã chỉ còn được lấy có bảy đồng bạc thôi. Nhưng hơn chục đồng còn nợ lại, từ đấy bà cứ lần khăn mấn, có gặp bà tôi, cũng chỉ van lạy khất, chứ không chịu trả. Bà tôi có bực mình cũng chỉ mắng té tát mấy câu, chứ không chửi bới tàn tệ hay bắt bớ. Ấy cũng bởi bà tôi là một người đi vay.

Những khi vui chuyện, người thường kể lại với chúng tôi rằng: ngày xưa, khi ông thua bạc bỏ nhà đi, người còn phải trả hơn trăm đồng bạc nợ. Người làm lụng vất vả, chiều hôm ban mai, một nắng hai sương, quanh năm chẳng có phút nghỉ ngơi, mà không bao giờ đủ tiền nộp

lãi. Vì thế, hơi bước ra khỏi nhà là lủi trốn, giá có cái áo hơi lạnh hay nắm gạo ăn cũng sợ người ta bắt mất. Có lần người dong được một hào gạo dùm vào vạt áo và mua cho mẹ tôi - hồi ấy mới lên ba, một nắm xôi, đã cố lẩn lút, mà thế nào cũng bị một chủ nợ tình mắt trông thấy, con mẹ ấy có tiếng là khe khát. Bà tôi sụp ngay xuống lạy và khóc lóc xin khát nó. Nó chẳng rằng, chẳng nói, giằng lấy dùm gạo, nắm xôi đổ vào trong nón rồi ngoắt đi. Cũng may, người phu quét chợ trông thấy thế, nghĩ tức lây, bảo nó rằng:

- Bà có bắt của người ta nắm gạo cũng là cùng lắm. Còn xu xôi người ta mua cho con người ta thì phải để cho con người ta chứ? Con người ta chịu đói, khóc có bong bóng mũi ra, từ sáng đến giờ, mà bà bắt của người ta thì nó chết. Bà cũng có con mà bà nỡ đang tâm thế à?

Con mẹ kia ngoa ngoắt, tợn môi lên:

- Ai khiến nhà bác chỗ mồm vào đấy thế? Rõ khéo con tiểu! Bác thương nó thì mua cho nó.

Người phu quét chợ bực mình quăng ngay cho bà tôi hai hào:

- Đây này! Tôi cho nhà chị vay, bao giờ kiếm được thì trả tôi; chúng nó giàu mà coi đồng xu bằng cái mẹt!

Vì thế người ta đồn rằng người quét phu chợ phải lòng bà tôi. Nhưng bà tôi quả quyết với chúng tôi rằng: Từ hôm cho bà tôi vay tiền, có gặp bà tôi ông ta chỉ lảng đi như không trông thấy, nhưng chỉ mấy hôm bà tôi cũng cố

tìm tiền đem trả cho ông phân minh tử tế; hai người chẳng bao giờ nói với nhau những lời có thể gọi là trai lơ. Về sau, khi bà tôi sạch nợ, và có chút ít tiền, mà ông tôi vẫn biệt tâm, có nhiều đám muốn hỏi bà tôi làm vợ, toàn những đám danh giá cả nhưng bà tôi từ chối hết. Bà tôi bảo “nếu tôi không nhất định chờ chồng, làm lụng nuôi con, thì tôi lấy người phu quét chợ ngày xưa rồi”.

Một người đã khổ sở vì tiền, tất phải quý đồng tiền. Nhưng không phải vì thế mà bà tôi nỡ bắt những con nợ của người phải chịu những nỗi khốn nạn mà trước kia người đã phải chịu. Đối với bà xã Vần, người tỏ ra dễ dàng.

Nhưng sự dễ dàng ấy, một phần nữa, cũng là do có cô Hảo, được người nhận làm con nuôi.

Mới đầu, dì Hảo khóc lóc đến mười hôm: dù có được ăn no, mặc lành đi nữa, người ta cũng không thể phút chốc mà quên cái lều hôi hám là nơi mình đói rách, khổ sở với em và mẹ. Nhưng rồi dì cũng khuây dần. Dì theo mẹ tôi đi nhà thờ học kinh và “các lễ” cầu cho được rỗi linh hồn. Dì thấy đi đạo cũng vui. Dần dần người ta dạy cho dì biết có một đức Chúa lời dựng lên trời đất, muôn vật và loài người ta, đức Chúa lời có ba ngôi và ngôi thứ hai ra đời lấy tên là Giê su; đức Chúa Giê su chịu đóng đinh trên cây thánh giá để chuộc tội cho thiên hạ... Ai tin những điều ấy thì được rỗi linh hồn, bằng ai chẳng tin, thì phải xuống địa ngục đầy lửa sinh, lửa diêm, có tiếng khóc lóc và nghiêng răng. Tiếng khóc lóc và nghiêng răng ken két, thì dì không sợ lắm. Hồi còn ở nhà, em dì khóc nhè nhè suốt ngày; những hôm nó nóng đầu, thì đêm ngủ nó

nghiến răng ken két; quen đi thì cũng không sợ gì, nhưng đi sợ lửa sinh, lửa diêm nó thiêu đốt người ta đời đời kiếp kiếp. Có là thánh cũng không chịu nổi! Nghe nói đến địa ngục là di lê luối ra. Và di tin. Di trở nên rất ngoan đạo nữa. Di và tôi đọc kinh và hát vãn với nhau suốt ngày.

Di bắt đầu xa lánh hẳn cái lều tối tăm đầy những ma cùng quỷ; thực tình, di rất ít khi muốn về thăm mẹ ở nhà, và mỗi lần có phải về thăm mẹ, di thấy hơi rờn rợn khi đến gần cái bàn thờ lúc nào cũng âm u như che đầy bao nhiêu là bí mật. Và đây mới thật là cái buồn não ruột: di thấy ghê ghê ngay mẹ di. Bà xã Vạn bỗng thành người đồng bóng; những ngày rằm, mồng một, bà thường khăn châu, áo ngự, đến điện nhà cô đồng Ốc để hầu. Di dùng những lời rất khinh bỉ để nhạo báng bà, bà nhạo lại di, mẹ con dần dần chẳng muốn nhìn mặt nhau làm gì cho thêm bức. Di ngoe đầu đi, mặt đỏ bừng, nước mũi chảy ra, lệch xệch vác tôi đi. Thế mà tôi có đòi đứng xuống di cũng nhất định không chịu đấy!

Sự tận tâm của di cảm động lòng tôi. Mãi đến lúc tôi đã đi học, di đã ngồi trên khung cửi, chúng tôi còn quyến luyến nhau. Tôi học bài bên cạnh khung cửi di. Di thúc giục tôi. Nghe những bài học lủng củng như “ếch kêu, chó cắn”, - tôi đã học sang văn trắc - di khen tôi giỏi quá, khó như thế mà nhớ được! Rồi tưởng những âm vô nghĩa ấy là những câu thần chú gọi cái khôn của loài người, di cố nhắm theo, và lâu dần thuộc lòng tất cả các bài tôi học; có lúc tôi áp úng di nhắc cho tôi đọc lại nữa; lại đến lượt tôi phục di! Khi bài tôi đã thuộc, tấm vải của di được ra

rồi rồi dì giữ váy mấy cái làm cho lông vải bay hết, rồi lại ôm tôi vào lòng mà vuốt hai trái đào của tôi. Những lúc ấy, tôi thấy êm ái chẳng khác gì nằm trong lòng mẹ.

Dì Hảo ơi! Tôi hãy còn nhớ cái ngày dì bỏ tôi đi lấy chồng. Đó là một buổi chiều có sương bay. Người ta đã đến đón dì vào lúc mờ mờ tối. Cũng chẳng lấy gì làm đông lắm, bên nhà trai đâu lẻ tẻ mười người. Về đằng nhà gái, bà tôi cũng chẳng được đi. Mẹ tôi bảo: “Không có cỗ đâu: nhà người ta có trổ, chỉ biện coi trâu, bát nước”. Nhưng nào tôi có đòi đi để được ăn cỗ! Tôi chỉ theo dì Hảo của tôi: từ trước đến nay, có bao giờ dì đi đâu mà để tôi ở nhà? Người ta giữ tôi lại. Tôi tức, khóc òa lên, tôi tức bà tôi, tôi tức thầy mẹ tôi, tôi tức cả dì Hảo nữa! Tôi tự hỏi vì sao dì cứ phải đi lấy chồng? Và ngay bây giờ nữa, dì Hảo ơi! Có lúc tôi vẫn ân hận vì dì đã đi lấy chồng. Nếu dì cứ ở nhà, nếu dì cứ là một người dì của tôi mãi mãi, thì có lẽ khỏi khổ, ít ra, dì cũng đỡ khổ hơn bây giờ.

Nhưng mà sự ấy đã không thể dừng được. Dì Hảo đã đi lấy chồng, mang theo cho người ấy tất cả lòng yêu vẫn để cho tôi. Và người ấy đã nhận tấm lòng yêu ấy, nhận lấy mà chẳng làm gì cho đáng nhận.

Người ấy không yêu dì. Thật mà! Người ấy chẳng yêu dì Hảo đâu. Mà lại còn khinh thường là khác nữa. Hẳn khinh dì là đứa con nuôi, còn hẳn là con dòng cháu giống, tuy rằng nghèo xác và tuy rằng nghèo xác, hẳn nhất định không làm gì. Hẳn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy: dì làm mà nuôi hẳn. người vợ đang ẵm ấy kiếm mỗi ngày được hai hào, dì ăn có năm xu.

Còn một hào thì hần dùng mà uống rượu. Và dì Hảo sung sướng lắm. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con.

Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc. ấy.

Nhưng mới đầu hần chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hần không nhìn được nữa. Hần chửi bâng quơ. Hần chửi những nhà giàu. Hần chửi số kiếp hần. Và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hần chửi nhiều lắm lắm, một bữa đói rượu, rồi tình cờ có một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hần chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hần, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hần phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hần. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buồn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió

bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

Nhưng rồi bệnh dì cũng qua đi. Nó qua như một thằng quái ác chán không muốn hành hạ một kẻ kiên nhẫn quá. Dì Hảo lại đi làm, lại có tiền, lại muốn có chồng để mỗi ngày ăn năm xu và hẩn dùng một hào còn lại đi uống rượu. Thì quả nhiên hẩn về. Hẩn về với một cái quần đen, một cái áo tây vàng, túi xóc xách tiền và một người vợ theo trơ tráo. Thoạt đầu thì người vợ chính ngạc nhiên. Rồi thì tức tối. Sau cùng thì dì nhẫn nại; phải, nhẫn nại là hơn; nếu hẩn không về thì cũng thế.

Nhưng mà hẩn đã về, hẩn lại làm chủ cái lều và ba sào vườn ông cha để lại.

Và làm chủ cái lều và ba sào vườn ông cha để lại, hẩn tưởng hẩn có quyền chẳng làm gì mà chỉ uống rượu ăn cơm. Và uống, ăn rồi, nó cười sặc sụa.

Cái con vợ bé ấy trơ tráo lạ! Nó chẳng biết làm gì cả. Nó hát những câu tục tằn. Nó uống rượu tựa đàn ông, hút thuốc tựa đàn ông, búi tóc ngược, mặc quần áo trắng tựa đàn ông. Nó sẽ lòi chồng dì vào đáy sâu địa ngục thôi! Cheo leo thay cho cái linh hồn của chồng dì!

Thế mà chồng dì say mê nó lắm. Chồng dì gọi nó là “mợ mình”, và mua cho những hộp sữa bò sáu hào bảy khi nó ốm hay làm ra vẻ ốm.

Còn dì, dì biết phận dì. Dì cố nhắm mắt để khỏi trông

thấy chúng. Dì chẳng hé răng nói nửa lời, nhưng dì khóc ngấm ngấm khi chúng cười vui, dì nhin quắt ruột khi chúng ăn phung phí. Dì héo hắt đi, dì còm cõi, đúng như một con mèo đói. Nhưng nếu dì còn được như thế mãi!

Một buổi sáng, chừng như chúng nó đã cạn tiền và cạn cả lòng yêu. Dì đoán thế vì luôn hai, ba hôm, dì không thấy chúng uống rượu và cười sặc sụa. Con vợ bé vừa nhỏ bọt vừa nói cằn nhằn. Anh đàn ông hôm má vào và lỗ mũi ra. Hắn vừa khoằm khoằm mắt vừa văng tục. Con kia mặt sưng lên, cứ nói một câu lại choai người lên một cái và vỗ đùi đồm độp. Chúng nó nhảy xổ vào nhau. Rồi đấm đá, cắn cấu lẫn với những tiếng gào thét âm ỉ quá. Chẳng biết làm sao, để mặc chúng, dì bỏ đi làm. Cũng như dì đã mặc những phút mặn nồng của chúng.

Chiều hôm ấy, nhà có vẻ đám ma. Dì không thấy con vợ bé đâu. Cả chồng dì cũng thế. Nhà cửa, đồ đạc thì bừa bộn. Mấy cái nồi đất và đôi lọ xách nước tan ra từng mảnh. Lấy tiền đâu mà sắm sửa lại bây giờ? Trời ơi! Nhưng kia hắn đã về. Hắn về có một mình, một chai rượu trong tay và những tia giận bùng bùng trong mắt. Hắn uống, rồi lại uống, uống lẳng lẳng như chưa bao giờ hắn uống. Hắn uống cả chai. Rồi hắn đập chai ra, và chửi. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi số kiếp hắn. Hắn chửi đàn bà. Hắn chửi con vợ bé. Dì Hảo cắn chặt răng để cho khỏi khóc. Nhưng cứ khóc. Hôm sau hắn ra đi không biết đi đâu. Dì Hảo ngạc nhiên. Rồi tức tối. Sau cùng thì dì nhẫn nại. Phải nhẫn nại là hơn: nếu hắn cứ ở nhà thì cũng thế.

Tháng 9 - 1941

CÁI CHẾT CỦA CON MỰC

Người ta định giết Mực đã lâu rồi. Mực là con già hơn trong hai con chó của nhà. Nhưng cũng là con nhiều vết xấu. Nó tục ăn: đó là thường. Nó nhiều vết: cái ấy đủ khổ cho nó. Nó cắn cắn: ấy là cái khổ cho bọn ăn mày. Nhưng nó lại sữa như một con gà gáy: cái này thì không thể tha thứ được. Thoạt tiên người ta định ngày chết cho nó vào dịp thanh minh. May cho nó hôm ấy bà chủ nhà bị ốm. Rồi thì tết tháng năm. Bỗng nhiên đứa con út của bà uơ mình: bà phải kiêng để lấy sữa lành cho con bú. Sau cùng người ta nhất định thịt nó vào ngày rằm tháng bảy, ai ốm mặc. Nhưng lần này Mực vẫn còn thoát nạn là vì nhờ có Du. Người con cả xa xôi ấy vừa viết thư báo chẳng bao lâu sẽ về. Bà mừng như tìm được một vật quý bị rơi và bà nhất định lùi ngày xử con Mực lại.

Bây giờ thì Du đã về rồi. Chiều hôm qua con người phóng dăng ấy đã khệ nệ xách cái va li rất nặng bước vào sân, miệng mỉm cười và mặt đỏ. Cái nhà tranh, mấy cây cau hình như vừa đứng thẳng hơn lên để chào chàng. Rồi đến lũ em âm ỹ đẩy màn chạy òa ra, và bà mẹ mừng quá

cười và khóc. Nhưng kẻ lên tiếng trước nhất là con Mực. Con chó già nua ấy, rít lên cái thứ tiếng gà gáy của nó và chạy lại Du. Bà mẹ thét lên và lũ em chửi những câu thô tục. Du bỡ ngỡ nhìn mọi người.

Hình như mẹ không được khỏe, ô, các em đã lớn cả rồi: Thanh, Tú đứa nào đây?...

À. Thảo con chuột nhắt, trông Thảo xinh quá nhỉ! A! Con Mực, vẫn con chó ngày ấy đây à?... trông nó già đi tẻ!...

Con chó đã nhận ra người chủ cũ. Nó đứng lặng vẫy đuôi, hai mắt nhèm ướt nhìn đất như tụi phạm. Du thương hại: Đó là người bạn lặng lẽ thui thủi bên chàng những năm xưa khi đêm vắng, chàng ngồi nhìn trăng mà mơ mộng. Chàng muốn cúi xuống vuốt ve. Nhưng nó bản ghê gớm quá, lông rụng từng mảng, thịt trắng lộ ra có nơi sần mụn nữa. Dáng điệu thì già nua, có vẻ buồn và len lén như phòng bị một cách yếu ớt. Không còn những cái vẫy đuôi mạnh dạn, những cái nhìn rất bạn bè và những cái hít chân vô vấp như khi một con chó đã vui và không ngờ vực. Du thấy lòng nặng nặng. Chàng đưa chân chạm khẽ vào con chó để tỏ tình thương. Con chó vẫy đuôi mạnh hơn nhưng len lén tránh ra: dáng điệu một kẻ sợ hãi cố cười với người nó sợ. Và tức khắc nó vạy vẹo mình và rít lên một tiếng ngắn và to; đứa em tưởng anh đá hụt trả thù cho anh bằng một cái đá mạnh vào sườn con vật. Nó lấm lét lảng dân cũng không dám chạy một cách thẳng thắn để trốn đi nữa. Du trách em:

- Sao Tú ác thế?

- Cần gì! Đến mai giết thịt cho anh ăn đấy.

Du thấy cái vui đoàn tụ gia đình giảm hẳn đi một nửa. Hình ảnh còn chó ghê với cái buồn rất mơ hồ cứ lảng vảng trong óc chàng mãi mãi. Sáng hôm sau lúc ăn cơm chàng thoáng thấy nó đi qua, đầu cúi mắt nhìn nghiêng như những người giả trá. Chàng muốn gọi nó vào kẹp nó giữa hai chân và vừa ăn vừa vẩy cho nó miếng cơm chung một bát. Nhưng mà không thể được: điệu dáng quá là yếu tâm hồn, và ai hiểu được rằng mình lại có thể yêu thương một con chó bẩn ghê gồm đến như thế?

Bữa ăn xong, con Hoa cầm bát cơm ra; một tay nó xách cái thúng như để rồi xếp bát. Thấy được ăn, tất cả các thú tính của con Mực hoàn toàn nổi dậy. Nó nhảy tới vẩy đuôi hếch mõm nhìn và đợi. Cơm vừa đổ xuống qua cổ thì cái thúng đã chụp quanh trên mình. Nó rít lên, vùng mạnh; nhưng Hoa đã tì cả người lên cái thúng rồi, con Mực bị thu gọn ở trong vừa vặn đến nỗi không còn giãy và kêu được. Lũ trẻ con réo ầm lên. Người ta lấy sẵn dao thót và dây trói. Phần mở thúng đã đành phải về Du: ông chủ đi vắng, cả nhà chỉ có chàng là đàn ông, mà không lẽ đi mượn hàng xóm trói giùm một con chó đã gọn gàng ở trong thúng. Người ta đã dạy cách cho chàng rồi, chàng chỉ việc hơi hé cạp thúng lên, hễ chó thò đầu ra thì một đứa em đặt gậy lên cổ nó để chân chàng dận xuống. Nhưng tay chàng thấy run run. Và khi chó vừa thò đầu ra thì nó quấy luôn một cái mạnh, vùng ra được.

Con Hoa tủm tủm cười. Lũ em ngơ ngác nhìn theo con chó vừa ăng ăng vừa chạy ngoài vườn. Còn Du thì mặt đỏ như gấc chín. Chàng thấy mình tay yếu hơn cả con Hoa. Có lẽ nào chàng lại dịu lòng hơn cả một người con gái. Và tự nhiên, chàng thấy giận con Mực. Người ta còn lo con Mực sợ hãi mà đi mất.

Quả nhiên suốt ngày hôm ấy nó không về. Nó vẫn ở ở một vườn hàng xóm, lẩn lút như một con chó trước khi hóa dại. Người ta đã tưởng mất toi. Nhưng tối hôm ấy nó lẩn vào gầm giường rồi Du lại nghe thấy cái thứ tiếng gà gáy của nó rít lên ở phía ngõ. Sáng hôm sau nó vẫn bỏ cơm. Trưa cũng thế. Và cứ thấy bóng người lại cúp đuôi chạy mất. Du thương hại sai người đem cơm đổ ra vườn. Một lúc sau Mực lại gán. Nó trông trước trông sau, đưa mõm rê trên những hạt cơm rồi vô cớ giạt mình chạy thẳng. Có lẽ cái kỷ niệm khủng khiếp vừa lóe ra và đập mạnh vào thần kinh nó như luồng điện. Du thấy bồn chồn và vẫn vợ: thương, hối hận hay là thẹn.

Sau cùng thì chàng bực mình: chàng nhận ra rằng một con chó đã làm mất sự bình tĩnh của tâm hồn chàng. Và đột nhiên chàng muốn giết con Mực lắm. Chàng muốn có đủ can đảm để giết người. Phải dám giết mà không run tay khi cần phải giết. Còn làm được trò gì nữa nếu chỉ giết một con chó mà tim cũng đập?

Sự do dự đã hết rồi. Khi có một ý định thì ý định ấy chóng thành mạnh mẽ. Du thấy lòng cứng cỏi. Đã có lúc chàng tưởng đến cái thú dí con dao vào súc thịt giấy lên dành đập để máu ăm phọt vào tay. Và chiều hôm ấy, khi

thấy con chó ở vườn thì chàng gần như mừng rỡ. Con vật khốn nạn đói và sợ đã mệt lử đi rồi. Nó hiện ngủ bên bờ giậu. Du cầm cái gậy to rón rén lại gần. Nhưng giờ gậy lên chàng bỗng thấy tim run một cái. Chàng tưởng như ngạt thở và ngừng lại một giây để nhìn con chó. Giấc ngủ của nó có lẽ đầy ác mộng vì thỉnh thoảng khắp mình nó lại giật lên. Du thấy lòng quả quyết tiêu tán hết. Nhưng con chó bỗng giật mình. Du hoảng hốt thẳng cánh vụt mạnh lên mình nó, bụng nó thót hẳn vào rồi phình ra như một khối cao su. Nó rống lên gượng dậy loạng choạng mấy vòng rồi chui bừa qua giậu trong khi Du vụt cuống cuồng theo xuống đất...

Đêm đã khuya, Du lại nghe thấy tiếng Mực rống lên. Chàng thấy toát mồ hôi và nhất định không giết con chó nữa.

Nhưng gần sáng, chàng còn đương mơ mộng thì đã nghe tiếng con Hoa gọi cuống cuống lên. Con vật khốn nạn không biết mệt mỏi thế nào mà ngủ quên đi ngay ở giữa sân để đến nỗi bị con Hoa úp được. Lần này thì người ta cẩn thận hơn. Hai ba người nắm vào hai đầu gậy tre ngáng sẵn bên cạnh thúng rồi Hoa mới hơi hé miệng thúng lên. Thấy sáng con Mực nhô ra ngoài cái mồm ướt thở phì phì. Hoa nhích lên tí nữa nhưng một cái đầu gối đã tì sẵn lên thúng. Mực lách cả cái đầu ra. Cái gậy đè mạnh xuống. Con vật khốn nạn không kịp kêu. - Đè chặt, thật chặt, đừng buông nó ra, nó cắn đấy! Du kêu lên như thế nhưng tiếng chàng đã run run. Con chó phì ra một cái nữa: hơi thở mới thoát ra một nửa đã bị tắc. Cái gậy đè sát

đất, mắt nó trợn ngược lên một lần nữa vào mi trên. Lòng trắng đã hơi đục. Lúc Hoa trối xong: cả chân trước, chân sau và buộc mõm rồi thì con chó đã mềm ra không còn cựa cạy nữa.

Du ghen ngào nén khóc...

NHỎ NHEN

Bốn họ có bốn người. Nhưng họ làm âm ỹ bằng mười người khác. Nhờ họ, cái tiệm ăn nào vào giờ này mà lại không thừa khách? Bữa điểm tâm đã quá rồi. Bữa ăn trưa thì chưa tới. Huống chi lại là một buổi sáng thứ hai. Một vài người lẻ tẻ vào đây đều là những kẻ vội vàng. Họ mãi một uống một cốc cà phê, ăn và chiếc bánh hay một bát mì, rồi lại mãi một ra, cái tâm ngâm trên miệng để vừa đi vừa xía...

Chỉ bốn người này là có vẻ ung dung. Họ ăn uống nghe nga, vừa ăn vừa cười đùa trò chuyện, có khi lại ngâm thơ nữa. Chỉ vì họ là những chàng trẻ tuổi thích làm ngang. Họ nằm khàn ở nhà suốt cả ngày chủ nhật để thứ hai mới rủ nhau đi phê phõn. Như thế, họ cho là ngược đời, mà ngược đời thì thích lắm. Thật ra, họ ngược đời chỉ vì không có cách mà theo dòng đời. Giang là một học sinh nghèo đến nỗi không đủ tiền để đến trường; chàng học nhờ bài của bạn và xem thêm trong thư viện. Tá suốt ngày nghiền ngẫm cái dự định mở một trường tư tốn có đến vài ba vạn bạc, để tối đến dần thân

đến một nhà giàu, kèm mấy đứa trẻ học thêm, kiếm một tháng vài chục trả tiền ăn, tiền giặt. Dù còn đang tìm chỗ bán lấy bạc trăm những tiểu thuyết chàng còn mang ở trong đầu, Hồ sẽ mở một nhà xuất bản thật to; hiện nay, chàng hãy cầm cùi viết suốt những truyện ngắn, truyện dài, bán một giá rẻ mạt cho những nhà xuất bản buôn vãn. Họ là những kẻ “đội thời”. Cả bốn đều mặc chỉnh mắng như những kẻ không quan tâm đến cái đời vật chất. Họ khinh cái số đông loài người.

Tội gì đi chợ vào những lúc phố đông người? Họ, họ cố tránh cái bọn người tầm thường đi đi lại lại như mắc cửi. Mà nếu gặp không tránh được, thì họ sẽ ném ra trước mắt bọn ấy cái vẻ đẹp ngạo nghễ của một cái đầu xén hơi ngắn và không cần mượt, của một bộ quần áo giản dị và có lẽ đã nhàu, của cái ngực không ca vát phanh ra đón gió, nhất là của một cái mặt không phì nộn, không trắng trẻo, nhưng khinh khỉnh, mỉa mai và chế nhạo. Thì có thể cái mặt của bốn chàng trai trẻ ấy là một thứ mặt “vô cùng cà khịa”.

Như thế, họ còn cần gì ra phố? Khốn nỗi, họ cần gặp nhau và trò chuyện với nhau. Nhưng gặp nhau ở đâu cho tiện? Họ chỉ còn có cách là đưa nhau đi phố, và đi chán thì lại vào những tiệm ăn rẻ tiền, gọi những món ăn rẻ tiền. Không phải chỉ những món ăn đắt tiền mới có thể là ngon. Thật thế. Ngon hay không là tại miệng. Mà cái miệng người đói thì ăn gì cũng ngon. À, thế thì cần gì phải ăn sang. Này, chỉ dăm ba hào chỉ, cùng lắm là đồng bạc, họ cũng có thể đãi nhau một bữa ăn ngon bằng một

bữa đáng hàng chục bạc trong một hàng cơm tây. Đã ăn, chỉ cốt ngon là được có cần gì sang? Ngon, thì họ thấy ngon rõ ràng...

Họ đang sung sướng lý luận với nhau như thế, thì hai người đứng tuổi - có lẽ ở nhà quê, hay ở tỉnh nhỏ về đây có việc - vừa giả tiền xong đi ra cửa, nhìn nhau mỉm cười. Giang đã khá say. Chàng gùm gùm nhìn theo hai người, vừa đi vừa ra và, như gây sự:

- Các ông ấy định nhạo bọn mình hay sao?

Cũng may, hai người mãi đi quá, nên chưa nghe hết câu đã ra giữa đường rồi. Đến vệ đường bên kia, họ nhìn vội vào tiệm ăn một cái, rồi vội rẽ ra phố khác. Giang hậm hực:

- Đó, các anh thấy chưa? Có phải đúng chúng nó định nhạo bọn mình hay không?

Du mỉm cười, hơi lắc đầu:

- Không phải đâu. Họ vừa được nhà hàng tính nhăm cho vài hào.

- Quái lạ! Sao anh biết được?

Du vẫn mỉm cười và bình tĩnh:

- Tôi biết, vì chính tôi cũng đã một vài lần, được người ta trả nhăm cho vài hào. Giá tôi là người khách ngồi quây kia, thì chỉ trông cái mặt cố làm ra vẻ thản nhiên của người mới trả tiền, nụ cười của người ấy khi ra cửa, và cái vẻ cuống quýt cố che đậy của hắn, từ lúc mới đứng lên cho

đến lúc ra đường, là tôi đã gọi giật ngay lại để đòi thêm tiền nữa.

Tá cố cười thật lớn:

- Trời ơi, anh Du rất sáng suốt của tôi ơi! Anh đa nghi như con chuột. Có anh, họa chỉ có anh mới cuống quýt lên vì vài hào thật. Thật là đồ nhỏ nhen...

- Nhỏ nhen, thì nhỏ nhen dứt đuôi đi rồi! Nhưng tôi hỏi anh: chính anh đã bao giờ chỉ vì vài, ba xu mà băn khoăn hay tám tức mãi không yên, thí dụ như khi đi một quãng xe điện hai xu mà anh chỉ có đồng năm xu để đưa cho người bán vé? Người bán vé không có xu trả lại, cầm lấy đồng năm xu của anh, rồi cứ việc đi, đi lại đầu toa, rồi sang toa dưới, rồi vì đông quá, anh không thấy hấn đâu nữa. Sắp tới chỗ anh phải xuống rồi. Chen hết người này người nọ để tìm hấn thì anh ngại: ngại chen lấn, nhưng nhất là ngại tỏ ra anh là người chắt lép, người nhỏ nhen. Cái ý đi tìm với không đi cứ chiến đấu với nhau trong khối óc anh rất lâu, để anh phải bực mình, chỉ vì ba đồng xu mà có mất đi, anh cũng không chết gì. Và anh phải rất sung sướng như trút được một khối nặng trong lòng khi người bán vé trở lại và thản nhiên hỏi anh: "Tôi còn chịu của ông ba xu đấy nhỉ?" rồi xĩa tiền ra trả. Nếu người ấy không trở lại, anh đành xuống mà chịu mất ba xu, thì tôi chắc chỉ vì ba xu ấy anh phải tám tức đến hàng giờ mất, tuy - tôi nhắc lại - mất ba xu ấy, anh cũng không chết gì!

Tá bước bình, vừa xua tay vừa cãi:

- Không đòi nào! Tôi dám nói chắc: không đòi nào!

- Thế thì anh là thánh. Còn tôi thú thực với các anh, tôi nhỏ nhen hơn thế nhiều. Vâng, chính tôi, tôi đã cả gan ăn cắp, ăn cắp chỉ vì bốn đồng xu, trong lúc tôi kiếm tiền bạc trăm là thường.

Và Du kể:

- Hồi ấy tôi còn ở Sài Gòn. Một cái thú nhỏ nhặt của tôi là chiều chiều dạo qua chợ Bến Thành, mua những tờ báo mới và một vài quyển sách. Mua để được mua, thế thôi chưa chắc gì tôi đã đọc, bởi vì hồi ấy tôi có nhiều sách báo quá, đọc không hết được. Một hôm, tìm mãi không còn một quyển mới xuất bản nào tôi chưa có, tôi nhặt một quyển thơ Baudelaire in trong loại rẻ tiền... Rồi tôi về nhà. Trong lúc tôi thay quần áo, anh Thụ vẫn ngủ cùng màn với tôi cầm lấy cuốn thơ xem, kêu lên:

- Anh mua làm gì thứ đồ cổ này? Tôi thấy nhà có *Fleurs du Mal* kia mà?

- Có một quyển khổ to thôi. Mua thêm một quyển khổ nhỏ này để xem trong màn... Vả lại chỉ có một cái, mua mà vất đi...

Thụ không đợi tôi nói hết, trợn mắt lên:

- Anh bảo rằng một cái?

- Tôi nói dối anh làm gì, không tin đưa tiền tôi mua giùm.

- Thế thì anh là một con bò. Loại sách này mỗi quyển giá có sáu xu, tôi vừa mua một quyển kịch của Musset cách đây hai hôm. Anh bị người ta bịp rồi!

Nói xong, hắn cười âm lên. Tiếng cười chế nhạo nghe tức đây lên cổ. Đêm hôm ấy, tôi hậm hực rất khuya mới ngủ. Sáng hôm sau, việc thứ nhất của tôi sau khi tắm rửa, mặc quần áo, chải đầu xong, là đến cái hàng sách vô lương tâm đã bịp mình bốn xu. Anh hàng sách đã quen cả mặt tôi, nên mặc sức cho tôi lục, chọn. Nhân lúc anh ta mãi nhận tiền của một khách khác, tôi chuồn được một quyển vào túi áo, kẹp một quyển nữa vào giữa một tờ báo gấp đôi tôi cầm theo từ nhà (cái tờ quần báo ngoài bìa đã đầy những chữ tôi viết lộn bậy để người ta mới trông đã biết là báo cũ), nhặt hai quyển nữa cầm ở tay, rồi quảng cho nhà hàng đồng bạc. Tôi có tiền lẻ hắn hỏi, cứ đưa đồng bạc, nếu việc gian bại lộ thì cũng có cách mà bênh vực mình. Nhưng anh bán sách chỉ nhìn qua hai cuốn sách tôi cầm rồi mở ngăn kéo trả lại tôi tám hào. Tôi nhẹ lảng cả người. Tôi nhảy lên xe về nhà. Thấy Thụ đang nhai kẹo cao su ở cửa, tôi nắm cánh tay hắn, lôi vào. Rồi bày cả bốn quyển sách mới đem về với quyển tối hôm qua, tôi đạo mạo tính cho hắn nghe như thế này:

- Một, hai, ba, bốn, năm! Năm quyển, anh có biết không? (hắn phì cười vì tưởng tôi toan làm trò quỷ thuật). Một quyển sáu xu, đó là cái giá của anh đã trả. Năm sáu đúng ba mươi, ba mươi xu hay là ba cắc. Thế mà tôi đã trả một cắc hôm qua với hai cắc hôm nay, cộng lại ắt là ba. Vậy là cân. Anh xem, thiên hạ bịp một thằng như tôi, khó lòng!

Rồi tôi cười toáng lên. Thụ hỏi tôi đầu đuôi như thế nào. Tôi cắt nghĩa. Hắn nghe. Và khi hắn đã hiểu thì lại đến lượt hắn cười toáng lên. Hắn bảo tôi rằng:

- Anh không bị thiên hạ bịp, thì lại bị chính “thằng tôi” bịp: vì thật ra loại sách này mỗi quyển đúng một cắc, dầu tôi hay người khác mua thì cũng thế, chẳng ai bán sáu xu bao giờ. Anh không trông thấy đề giá từ bên Pháp đã 75 cent đây à?

Tôi ngẩn người. Rồi mặt tôi đỏ bừng lên. Nếu Thu không là bạn rất thân của tôi ngay từ hồi còn ngồi bên nhau trên ghế nhà trường, và nhất là hấn không khỏe hơn tôi nhiều lắm, thì tôi đã đâm vào cái mũi bành bạnh của hấn vài chục cái. Nhưng giờ sinh ra hấn là bạn tôi và khỏe hơn tôi, nên tôi chỉ bảo hấn là “đồ tôi”, và định rằng ngay tối ngày hôm ấy lúc ra mua sách, tôi sẽ liệu kế trả nhăm cho anh hàng sách của tôi hai hào”.

Giang từ nãy đến giờ ngồi nghe Du chăm chú, có vẻ suy nghĩ, rồi bỗng nhiên bật cười. Chàng cười sảng sặc, tiếng cười làm nẩy cả người lên. Và những người khác cười, vì thấy hai cái vai chàng cười. Du đắc chí lắm, vì tưởng câu chuyện của mình rất có duyên. Chàng vẫn tự phụ biết cách dùng những câu chuyện chẳng có gì để nói những cái sâu sắc lắm. Nhưng chàng cụt hứng ngay. Giang cười, chỉ vì chàng nghĩ đến chuyện riêng của chàng.

- Anh Du như thế cũng còn may. Còn tôi, đã có lần chỉ vì hai đồng bạc mà phải tuyệt giao với một người yêu, một người yêu...

- Ái chà!

- Cái ngày ấy, tôi còn trọ ở nhà bà bạn mẹ tôi ở trên Yên Phụ. Bà ta có một cô con gái cũng xinh xinh, quần

lĩnh, răng đen thối, nhưng được cái chăm làm lắm. Kể lấy nhau làm vợ thì cũng được. Chúng tôi yêu nhau, yêu nhau mà không biết, như...

- Trời ơi! Trời ơi! Anh làm ơn cắt phăng giùm chúng tôi đoạn giáo đầu ấy đi...

- Ủ, thì cắt. Vậy tôi nói: Chúng tôi yêu nhau, rồi vân vân... bà mẹ “nàng” cũng biết, nhưng vờ như không biết. Bà thừa hiểu con gái bà cũng chỉ lấy được đến hạng như tôi là cùng. Mà tôi thì hồi ấy ngây thơ thành thực. Nhưng một hôm nàng hỏi vay tôi hai đồng bạc để may áo, hay sắm sanh gì vụng mẹ, tôi không biết rõ. Không thể từ chối, tôi đưa hai đồng ra cho nàng, nhưng tôi thú thực với nàng chỉ còn có hai đồng ấy thôi... Chiều hôm ấy, nàng buồn bã bảo tôi: “Em đánh mất cả hai đồng rồi”.

- Mất?

- Vâng, đen em quá. Em bỏ vào túi cái áo cánh, chỉ cởi ra treo trên bếp mà một lát vào nhà sau tắm xong lại mặc ngay, thế mà lúc nãy sờ đến tiền thì đã mất...

Rồi hạ thấp giọng, nàng bảo nhỏ tôi: “Em ngờ cho con Lương quá, anh ạ. Anh tính, nhà này thì còn có ai. Chẳng lẽ mẹ em lại lấy của em. Con ăn đũa ở thì không có. Chỉ có Lương, lúc em đang tắm, nó sang bếp hỏi mượn cái siêu sắc thuốc, em đang tắm dở không ra được, nên bảo nó: “Ồ gần cạn, chị vào mà lấy”. Anh thử nghĩ xem: không phải con Lương thì còn ai? Chịu, người thế mà gian tham!?. Tôi bắt đầu thấy chán nàng ngay từ lúc nghe xong câu ấy. Chán, vì tôi nhìn rõ cái bề

trong nhỏ nhen của nàng. Các anh thừa hiểu đấy: chỉ có những kẻ có thể ăn cắp được, thì mới dám mở miệng bảo bạn là người ăn cắp...

- Ô! Nhưng nếu cô bạn ấy ăn cắp thật thì sao?

Giang cười ranh mãnh:

- Không! Đừng hòng ngờ oan người ta mà phải tội! Lương không thể ăn cắp hai đồng bạc ấy, tôi biết chắc.

- Lấy có gì mà anh biết chắc?

- Lấy có rất giản dị này: là kẻ lấy cắp hai đồng bạc ấy chính là tôi!

Mọi người cười âm lên. Ai cũng tưởng Giang vừa kể một chuyện khôi hài, bịa đặt khéo để làm vui các bạn. Chỉ có Du là có vẻ như nghĩ ngợi; chàng đợi tiếng cười đã ngớt, mới gật gật cái đầu, mà bảo:

- Tôi hiểu cái cử chỉ của anh Giang lắm! Chắc sau khi anh đưa tiền cho nàng rồi, thì anh hối hận; anh cũng túng, anh còn những món cần không thể không tiêu, hai đồng bạc bà mẹ anh phải đổ rất nhiều mồ hôi mới làm ra được, bà đã phải thắt lưng buộc bụng ăn đói mặc rách để cho anh, chính anh cũng phải nhịn đủ thứ, để không tiêu nó đi nhanh quá... Mà nàng, nàng sẽ tiêu vào những việc chẳng cần cho lắm: một cái khăn, một đôi săng đan, hay có lẽ chỉ là một hộp phấn, hay là lọ nước hoa chưa biết chừng... mà nàng đã tiêu đi, thì cố nhiên, không bao giờ nghĩ đến cái sự trả anh, mà có nghĩ đến, cũng không móc đâu ra tiền cả... Anh thấy anh hy sinh vô lý, rồi thấy nàng

mà trả bữa ăn, và thậm mong cho người khác đứng lên trả trước. Để mình có thể hỏi vờ vịt: “Đã trả tiền rồi đấy à? Vội thế?... Ừ, thế thì trả đi!”

Tá xua tay hăng hái:

- Không đời nào! Không đời nào!

Cả bọn lại cười ô lên. Du đứng dậy, móc ví, mím cười bảo:

- Vậy thì tôi trả. Thối đời vẫn thế: khi đã công nhiên bênh vực những cái nhỏ nhen, thì lại không thể nhỏ nhen như người khác được.

Giang nhại bạn:

- Đã trả tiền rồi đấy à ? Vội thế?... Ừ, thế thì trả đi!”

CÁI MẶT KHÔNG CHƠI ĐƯỢC

Sáng hôm nay đang ngồi viết với nhau, chẳng biết cái ý nghĩ lan man nào đã xui anh Sen đột ngột bảo tôi:

- Này, Tri ạ, cái mặt anh trông thế nào ấy. Quả thực không chơi được!

Tôi ngừng đầu lên. Anh đang cười mùm nhìn tôi. Tôi cười gượng. Và tự nhiên tôi buồn. Tôi nhớ đến cái lần đầu tiên tôi được gặp anh Đa. Sen giới thiệu chúng tôi, chúng tôi bắt tay nhau. Câu chuyện rất chóng trở nên thân mật. Bởi anh Đa và tôi là người đồng quận. Nhất là tôi đã được xem những bức vẽ của anh ngay từ hồi tôi chưa ra khỏi trường.

Tôi mến anh ngay. Anh nói chuyện rất có duyên. Cũng như tất cả những người đã chịu nhiều đau khổ quá, anh có tài làm cho người nghe chuyện anh phải cười. Cười không nhịn được. Nhưng cười rồi mà ngao ngán lòng. Chẳng biết những người khác được nghe chuyện anh Đa có thể không! Tôi thì tôi đã thấy buồn. Tôi cứ nghĩ đến ba cái buồn của đời anh, cái buồn thứ nhất, làm thế nào mà nói

được ra đây? Mà có nói sợ người ta cũng chỉ cười anh Đa, hoặc cười tôi là thích làm bộ điệu. Cái buồn thứ hai dễ nói hơn bởi con người ta hiểu được hơn: ấy là cái buồn cảnh nhà nghèo. Cái buồn thứ ba khó nhảm tai, ấy là một cái buồn mà người ta phải nghe nói đến đã nhiều quá mất rồi: cái buồn nhân tình đi lấy chồng. Cái buồn nhân tình đi lấy chồng! Tôi đã cười và có lẽ bây giờ tôi cũng còn cười, nếu anh Đa, nếu anh Đa chỉ là một cậu học trò mới lớn lên. Đằng nay anh đã ngoài tam tuần. Mà không vợ không con. Chao ôi! Có thể rằng cái buồn kia âm ỉ trong lòng anh từ những ngày anh chưa hai mươi tuổi. Một cái buồn dằng dặc. Và tôi thấy tôi thương lắm: thương anh, thương tôi, thương cho đời hai ta. Tôi lại càng mến anh thêm nữa. Mến như một tâm hồn khao khát gặp một tâm hồn khao khát. Nhưng có bao giờ anh hiểu thế hỡi anh Đa mà đời có những ba mối buồn!..

Anh không hiểu thật. Cách đây ít lâu, một hôm đi chơi phố về anh Sen bảo tôi:

- Tôi vừa gặp anh Đa. Tôi rủ anh Đa đến chơi với anh. Nhưng anh Đa từ chối. Anh ấy bảo: anh ấy sợ Tri lắm. Trông cái mặt Tri... không chơi được. Đa hỏi tôi mãi: Tri làm sao thế? Hay là Tri không thích đùa? Mặt hấn có một cái gì khó tả!

Khó tả? Đó là một cách nói. Tôi thì tôi hiểu rồi. Tôi hiểu anh muốn bảo: cái mặt tôi lạnh như nước đá và ngưng nghịu và vô duyên, và lố bịch và đủ hết. Tôi cười gượng và tôi buồn... chao ôi là buồn!

Hồi Thượng đế mà người ta đồn là rất công bình và chỉ làm trọn những điều nhân, sao Người lại cho tôi một cái mặt tai hại cho tôi đến thế? Một cái mặt... nó thế nào! Ai chỉ gặp tôi có một lần cũng phải có một cảm tưởng khó chịu về tôi, mặc dù tôi gặp ai cũng cố làm mình không đến nỗi là một thằng đáng ghét. Tôi lễ phép, tôi nhã nhặn, hay thân mật tùy từng trường hợp. Tôi lựa ý mỗi người để chiều người. Thật công toi! Bởi rồi người ta cứ phải ghét tôi, ghét tôi tuy không có cơ để mà ghét mới khổ cho tôi chứ. Tôi khinh khỉnh ư? Tôi ngạo nghễ ư? Tôi lêu lá ư? Trái lại tôi khúm núm, tôi dè tiện quá? Hay là tôi thô tục. Không, không, họ không nói thế. Họ không biết tôi không có một tí gì như thế. Nhưng, cái mặt tôi trông... làm sao ấy. Chao ôi! Chao ôi, thế thì tôi biết làm sao bây giờ! Sinh ra cái mặt tôi là giờ.

Hồi còn nhỏ tôi phải xa nhà từ khi mới bảy tám tuổi đầu. Tôi ra tỉnh học. Tôi trọ tại nhà một bà dì. Cả một căn gác mênh mông chỉ có tôi và Đức, người con trai của dì tôi. Đức xấp xỉ tuổi tôi và học cùng một trường với tôi. Thế mà chẳng bao giờ cùng đi học với tôi. Anh thích đi sớm hơn hoặc muộn hơn. Và bao giờ anh cũng đi với Kinh con ông đội Thảo bên hàng xóm. Dì tôi thấy tôi cứ lủi thủi một mình, ý chừng nghĩ cũng thương. Một hôm dì gọi Đức vào mắng Đức:

- Mày hư quá! Sao đi học không bảo em đi với? Nhà có hai anh em cũng đưa đi trước, đưa đi sau. Từ mai còn thế rồi tao bảo! Rồi dì tôi dịu dàng bảo tôi:

- Cháu cứ đi với nó. Nếu nó không chịu đi với cháu hay bắt nạt cháu thì cứ bảo dì. Dì trì cho nó biết.

Tôi cúi đầu. Tuy còn bé tôi đã hiểu rằng: dì tôi làm thế chẳng ích gì. Mà lại có hại cho tôi là khác nữa. Sự yêu hay sự ghét cũng như những ý nghĩ của người ta không thể dùng quyền mà ép buộc. Không thích đi với tôi thế nào Đức chẳng sinh hờn oán tôi. Nghĩ thế nên khi chỉ có một mình tôi với Đức, tôi phải bảo:

- Dì nói thế nhưng nếu anh không muốn đi với tôi thì cứ đi một mình. Dì chẳng biết đâu mà sợ.

Không biết nghĩ thế nào mà Đức bảo:

- Sợ thì tao không sợ. Nhưng từ mai tao cứ đi với mày cũng được. Chúng ta gọi thằng Kinh nữa. Cả ba thằng cùng đi.

Tôi rất mừng. Tôi mua kẹo về đãi Đức. Chúng tôi vừa nhai kẹo vừa cười cười nói nói, vui như ngày Tết mặc cái áo kép mới và quần trúc bầu còn sột soạt chạy thì nhau trên đường để đến mừng tuổi ấy.

Sáng hôm sau, chúng tôi đồn sách vở của cả hai vào một cái cặp. Đức đi trước, tôi cặp cặp theo sau. Chúng tôi đi từ nhà trong ra. Dì tôi trông chúng tôi mỉm cười. Mặt tôi hớn hờ! Nhưng thú thật cũng có hơi ngượng ngượng - Thì cũng như một cô con gái mặc cái áo mới mình chưa quen. Chúng tôi sang nhà bên cạnh gọi Kinh. Kinh còn đang ăn xôi, miệng phúm phúm chạy ra. Chúng tôi mỉm cười và gật đầu chào nhau. Kinh hỏi:

- Cả Tri cũng đi đấy à?

Đức gật đầu. Kinh có vẻ nghĩ ngợi một loáng. Rồi anh bảo:

- Thôi hai đứa chúng mày đi trước. Tớ ăn rồi đi sau.
Tôi vội bảo:

- Anh cứ ăn chúng tôi đứng đợi.

Anh xua tay và lắc đầu lia lịa:

- Không, không. Tớ ăn còn lâu lắm. Chúng mày cứ đi.
Cứ đi đi nhé.

Kinh chạy tọt vào nhà trong. Đức bảo tôi:

- Mày đứng đợi đây một tí. Tao vào nhà xem sao.

Anh vào nhà. Hai anh nói chuyện với nhau đến hơn mười phút. Rồi Đức chạy ra kéo tôi đi:

- Thôi kệ nó - Chúng mình đi đi.

- Anh ấy chưa ăn xong kia à?

- Xong rồi. Có một nắm xôi vừa bằng quả sung...

- Thế thì ta đợi anh ấy một lát.

- Không đợi. Nó bảo: chúng mình đi trước.

Đi được một quãng, Đức buột miệng bảo tôi:

- Nó không thích đi với mày.

Tôi sững sờ:

- Vì sao vậy ? Tôi xấu chơi đến thế?

- Không phải - không phải.

- Hay là tôi vô ý méch lòng anh ấy điều gì?

- Cũng không phải nốt. Nhưng nó bảo trông mày...
làm sao ấy. Nó không thích mày.

*

* *

Một chục năm sau. Chỉ còn vài ba năm nữa là tôi đã hai mươi - Đức cũng thế. - Tôi thấy chúng tôi thay đổi. Tiếng nói khác đi. Mặt hơi trũng cá. Đức thích lẳng quăng đi chơi phố. Còn tôi đột nhiên sinh đăng trí và rất lắm lúc thành vẩn vơ. Một người nữa cũng thay đổi như Đức và tôi ấy là cô Nhung. Nhung con bà Thụy Thành, bạn của dì tôi. Nhà Nhung ở liền bên. Trước kia những ngày nghỉ, Nhung vẫn sang nhà dì tôi đánh ô hay rải gianh với Đức. Tôi không được rủ chơi bao giờ cả. Tôi chỉ lẳng lặng đứng nhìn họ chơi. Bây giờ Nhung cũng nhớn vọt lên. Tóc bỏ rơi óng ánh như tơ và đã khá dài. Mắt long lanh. Má ửng hồng. Tiếng nói mềm hơn cũng như quần áo đã sửa sang hơn trước. Tuy vậy Nhung vẫn qua lại nhà dì tôi một cách tự nhiên như thường. Nhung qua lại để nhờ Đức giảng cho một cái tính khó, hay giúp cho một vài ý để làm một bài luận văn. Nhung nghĩ hàng buổi chưa ra câu nào. Tôi ngấm ngấm ghen với Đức. Và tôi thầm mong cho có khi nào Nhung đem sách sang mà không gặp Đức để tôi được giúp Nhung một lần. Nhung không khi nào cả. Bởi Nhung có chắc chắn là có Đức ở nhà thì mới sang.

May cho tôi, một lần Nhung sang thì Đức đang bận học bài thi. Tôi thì học xong rồi, đang tập vẽ. Đức bảo Nhung:

- Tôi mãi quá. Chú Trí chú ấy rồi. Cô đưa sách chú ấy giảng cho mà làm. Tôi thấy tim đập mạnh mau thon thót. Ấy là tôi sung sướng. Tôi cố tươi cười, ngừng bút vẽ

ngẩng đầu lên lóng đọi. Nhưng ngập ngừng một chút, rồi Nhung kêu lên:

- À thôi, em nghĩ ra được rồi. Em về làm đây.

Tôi toan mếu, tôi đau đớn lắm. Nhưng cũng chưa đau đớn bằng hôm sau Đức vừa cười hi hi vừa khoe với tôi:

- Cô ả Nhung hôm nay phải phạt. Cái tính đố hòm qua chưa làm. Lúc bấy giờ kêu nghĩ ra rồi. Kỳ tình thì cô ả có nghĩ ra được cái năm kia. Nó oán tôi ghê lắm nhé...

Tôi sầm mặt. Tôi còn đang tìm một cái gì để nói lảng cho đỡ ngượng thì Đức bảo:

- Cho đáng kiếp. Ai bảo hỏi Tri không chịu hỏi. Rồi anh nhìn tôi nói tiếp:

- Này Tri ạ. Không hiểu sao Nhung nó sợ Tri lắm nhé. Nó bảo tôi không dám hỏi Tri. Trông Tri..., thế nào!

- Vâng, vâng! Tôi biết rồi!

Năm sau tôi đỗ bằng tốt nghiệp thành chung. Nhà nghèo như nhà tôi mà được học hành đến bậc ấy cũng là may lắm. Kể tốn kém có đến quá nửa cơ nghiệp rồi. Tôi bỏ học. Tôi nghĩ đến Nhung, trái tim rơm rớm máu. Tôi nghĩ đến những thiếu nữ khác đẹp hay xấu mà tôi đã gặp. Tôi nghĩ đến sự ơ hờ của bao người. Lòng tôi buồn như một con chim lạc vào cái lúc chiều thắm cho đất trời thành mênh mông.

Nhưng ở những người trẻ tuổi nhà nghèo những cái buồn thường phải sớm nhường chỗ cho những cái lo. Toàn

là những cái lo tâm thường mà đến làm ta bức mình. Ấy là cái lo không có gạo ăn, không có tiền mua thuốc cho một người mẹ ốm hay mua bát canh để cúng cha, không có áo cho thằng em trai vào vụ rét sắp tới này, hay không tìm được chỗ gả chồng cho một đứa em gái nhan sắc kém lại không có vốn. Những cái lo nhỏ nhặt, tũn mủn hơn thế nữa nhưng vẫn phải lo.

Một hôm tôi xách một cái va li nhỏ và cũ kỹ đạp xe lửa một mình vào Nam. Lần đầu tiên tôi được đi xe. Lòng tôi pháp phới bao nhiêu là hy vọng. Tôi hy vọng kiếm được cơm ăn và kiếm được tiền. Tôi hy vọng được nhìn rộng biết xa. Hy vọng có thể mua sách để học thêm, đọc báo chí cho thỏa thích, cọ sát cái trí óc thô sơ của tôi với trí óc người thiên hạ. Cũng có cả cái hy vọng gặp mặt một người đàn bà không thờ ơ với tôi. Người ta bảo vào Nam Kỳ, là đất bị ảnh hưởng nhiều của Tây phương. Tình cảm ở đấy, những cử chỉ bề ngoài ít khép nép rụt rè; đàn ông đàn bà giao thiệp tự do hơn; những tâm hồn không thiếu sự nồng nàn cũng như trời có nhiều màu rực rỡ. Như thế thì những cuộc trao duyên phải dễ dàng. Lo gì tôi không tìm được bạn?

Tôi sa vào một hiệu thợ may. Công việc của tôi rất linh tinh. Tôi giữ sổ sách và viết thư từ. Tôi cấp cập đến những nhà người Pháp, đến các trại lính các tàu binh để nhận hàng và giới thiệu hàng. Tôi lại đập máy hoặc làm khuy. Tối đến tôi dạy mấy người thợ học để kiếm thêm một tháng vài chục bạc. Hồi ấy tiền tôi không thiếu thốn quá như trước nữa, nhưng mà tình...

Bao nhiêu lần thất bại, khiến bây giờ tôi sợ những thiếu nữ đi đường. Những nữ sinh nhí nhảnh không còn hợp với lứa tuổi tôi và nghề nghiệp của tôi. Và tôi rất trọng những tâm hồn trong trắng. Những cô bán hàng dành riêng cho những kẻ mua hàng và những cậu có nhiều thì giờ để phát phơ. Gái giang hồ thì bẩn thỉu. Tôi phải lánh xa tất cả những hạng người vừa mới kể.

Tôi định tìm những người gần gũi hơn, gần gũi tôi hơn. Tôi để ý đến những cô gái làm khuy nút. Sau khi đã quan sát rõ tình hình xưởng thợ tôi tính với tôi như thế này: Thợ gái có năm cô thì cô Tám đã có chồng. Còn lại bốn cô. Thợ trai có bảy người nhưng may mắn cho tôi là đã có đến bốn người có vợ. Nếu còn những bốn người chưa có vợ thì tôi đành là không có phần. Phức mà lại còn thừa một cô thợ gái, tôi sẽ cố chiếm lòng cô tư Bình.

Giá tôi yêu tôi hơn chút nữa thì tôi phải tả Bình với một cái dáng hình mộng thơ hơn. Nhưng tôi yêu sự thật thà. Mà muốn thật thà thì phải nói là Bình không đẹp lắm. Bảo cô xấu cũng được. Mặt thiếu vẻ dịu dàng. Đôi mắt xếch quá. Cái mũi lại to, còn cái miệng thì lại cứ dẩu ra đằng trước. Tai hại nữa là cô lại có một chiếc răng bọc vàng. Đã thế người trông lại thuần thuần thuần. Uốn éo chẳng ra uốn éo. Cứng nhắc chẳng ra cứng nhắc. Chính ra thì tôi muốn chữa cái nọ bằng cái kia. Tôi an ủi tôi bằng cách bảo tôi rằng: bàn tay có dáng thon thon và tiếng nói của cô nghe rất ấm. Thế là được, cần gì đẹp, miễn là có duyên. Vậy tôi nhất định cho là cô có duyên lắm lắm. Và tôi lợi dụng từng dịp để có thể ngồi gần cô, chuyện trò cùng cô.

Những lúc không bận đi đâu cũng không bận coi hàng tôi thích làm khuỵ. Cô Bình dạy tôi làm. Tôi sướng run người mỗi khi tôi có thể chạm tay tôi vào tay cô một cái. Trời đất ơi, một cái tay đàn bà. Những buổi sáng thấy cô đến, tôi mỉm cười để chào cô. Những buổi ngày cuối tháng được thay chủ phát lương, tôi hay bảo nhỏ với cô câu này:

- Cô Tư đấy hả? Tôi đã phải đếm sẵn để riêng cho cô trong túi tôi đây rồi.

- Dạy hả?

Và cô nhếch mép để hở ra cái răng bọc vàng. Tôi phải cố bảo với tôi rằng: đấy là một nụ cười. Rồi tôi mơ màng... Như thế được nửa năm, tôi sốt ruột. Tôi thấy cần phải nói. Nhưng nói ra thế nào? Tôi ngập ngừng lâu lắm. Cứ nhất định nói rồi lại nhất định để thủng thỉnh rồi hãy nói. Rồi lại nhất định là phải nói. Mỗi lần tôi nhất định là một lần tim tôi nháy chồm lên như một mụ đàn bà ghen tuông. Nó mệt. Nó bị đau không biết chừng. Thôi thì tôi nói đi cho nó rồi!...

Một buổi trưa tôi nghĩ thế. Tôi hồi hộp đi vào xưởng thợ. Bọn thợ ăn cơm xong chạy sang hiệu cà phê cả. Chỉ còn vài anh ngủ mệt, không đáng ngại. Tôi rón rén lại gần cô Tư. Cô ngồi tựa lưng vào cái tủ đang cầm chiếc kéo cắt móng tay. Tôi ngồi xuống trước mặt cô. Người tôi sốt rét lên. Có lúc tôi thấy văng vát như đứng lơ lửng trên không khí. Một lúc lâu tôi mới run run gọi khẽ.

- Cô Tư à!

Cô vẫn nhìn cái kéo.

- Gì vậy anh?

Tôi không nói nữa. Tôi nhìn cô trông trọc. Tôi có ý dùng cái nhìn của tôi thay lời nói. Cô ngước mắt lên. Cô sững sốt hiện ra nét mặt. Tôi choáng váng người khi thấy cô kêu lên rằng:

- Trời ơi! Ăn Ba ngó gì mà kỳ vậy? Chà! Coi sợ quá! Rồi cô lay Bảy Huế nằm ngủ ngay gần đấy:

- Ăn Bảy! Ăn Bảy! Nè. Vậy coi ăn Ba Tri, ăn ngó tôi nè! Coi kỳ góa heng!

Mặt tôi nóng rực. Tôi chạy trốn. Cô Tư cười rú lên...

Ngay chiều hôm ấy tôi đến nằm ở nhà một người bạn. Tôi sợ gặp cô Tư và bọn thợ nơi tôi làm quá. Có lẽ bây giờ họ vẫn còn bàn chuyện tôi mà cười. Tôi thẹn thẹn. Mười giờ khuya hôm ấy tôi về thu xếp quần áo và xin với chủ cho tôi không làm nữa. Sáng sớm hôm sau tôi khuôn hòm ra đi.

Tôi đã tưởng suốt đời tôi chẳng gặp tình. Nhưng mà tôi đã gặp. Và gặp một cách giản dị không ai ngờ.

Tôi về Bắc. Mẹ tôi bảo tôi nên lấy vợ. Tôi lấy vợ. Vợ tôi là một cô gái nhà quê không đẹp, có lẽ xấu nhưng được cái cũng là đàn bà mà lại thuộc cái hạng đặt đầu ngồi đấy. Hình như y cũng nhận thấy cái mặt tôi làm sao ấy. Bởi mấy tháng đầu tôi thấy y buồn bã. Tôi cũng buồn. Nhưng rồi cũng quen đi. Cái gì lâu mà lại chẳng quen? Kể cả một cái mặt không chơi được.

Một hôm tôi thấy y nhìn tôi mỉm cười. Tôi gần ngất đi. Tôi lảo đảo, thiếu một chút nữa tôi ngã lộn từ trên giường xuống đất. Y sợ hãi và đỡ lấy đầu tôi.

- Ô hay! Làm sao thế, làm sao thế?

- Không, không....

- Thế sao đảo đồng đảo địa? Hay say rượu?

Tôi mỉm cười:

- Say em!

Và tôi nắm lấy bàn tay y. Y vội rút bàn tay lại. Y đỏ mặt. Y đập tay vào đầu tôi bảo:

- “Nợ” lắm!

Tôi muốn vừa chạy vừa kêu lên như nhà bác học:

- Tôi đã thấy! Tôi đã thấy, tôi đã thấy người tình của tôi đây rồi.

1942

LÃO HẠC

Lão Hạc thổi cái môi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điều và bỏ thuốc rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

- Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

- Tôi xin cụ...

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điều. Tôi rít một hơi xong, thông điều rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

- Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!

Lão đặt xe điều, hút. Tôi vừa thờ khói, vừa gà gà đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng: lão nói là nói để có đấy thôi; chẳng bao giờ lão bán đâu. Và lại, có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế...

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khò. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn, tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lý chỉ vền vền có một cái va ly đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách tôi rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỷ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng: mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bùng lên trong lòng tôi như một rạng đông, hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thứ rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng ly gần kiệt sức... Không! Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tý gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn Lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão bảo tôi:

- Này! Thành cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn

công-ta. Lão Hạc, đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó, lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy:

- Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đời lại cứ như vậy đấy. Người ta đã định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách cưới nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão, thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dầu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xằng. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dần lòng bỏ đám này, để rồi gả lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nó nói thế thì nó thôi ngay, nó không dă động gì đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng; nó lấy con trai một ông phó lý, nhà có của. Thằng con lão

sinh phần chí. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu, đưa thẻ, ký giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rân nước mắt, bảo tôi:

- Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chẳng biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo: “Con biểu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn đất với làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...”. Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?...

*

* *

Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi đã hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thui một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà

giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhấm vài ba miếng lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này:

- Cậu có nhớ bố cậu không? Hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

Con chó vẫn héch mồm lên nhìn chẳng lộ một vẻ gì; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa:

- Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa:

- Mừng à? Vẫy đuôi à?. Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sùng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẫu dí:

- À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhắc chén, ghé lên môi uống. Lão ngấn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thờ dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đây là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thứ còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu, thì nó hưởng. Lóp trước nó còn đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, phần chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về. Ta bòn vườn của nó cũng nên để ra cho nó; đến lúc nó về nếu nó không đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...”. Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi:

- Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ! Tôi chỉ ồm có một trận đấy thôi.

Một trận đúng hai tháng, mười tám ngày, ông giáo ạ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?...

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất về sợi, nghề vải đành phải bỏ. Đàn bà rồi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào,

họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa mầu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém mãi đi. Một lão với con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dật...

- Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gầy đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo tròn trọc, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một phút, rồi tắc lưỡi:

- Thôi thì bán phắt đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu?

*

* *

Hôm sau Lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

- Cụ bán rồi?

- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách

của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

- Khốn nạn!... Ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau của nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết! Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này?”. Thì ra, tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không bao giờ ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

Tôi an ủi lão:

- Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hóa kiếp cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chưa chất bảo:

- Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra nó có

sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Tôi cúi ngời nhìn lão, bảo:

- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc Lào... Thế là sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại.

Tôi vui vẻ bảo:

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác?...

- Việc gì còn phải chờ khi khác?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm...

- Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

- Việc gì thế cụ?

- Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

- Vâng, cụ nói.

- Nó thế này, ông giáo ạ!

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nó đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này. Tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lý luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão, lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tư tưởng dòm ngó đến; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai: Lão đã già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào: con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt; lão còn được hăm năm đồng bạc với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

Tôi bật cười bảo lão:

- Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền đấy mà ăn, chết hầy hay! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

- Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

- Đã đành rằng là thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?... Tôi cần cơm, cần cò lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi:

- Có đồng nào, cụ nhật nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo:

- Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm khổ lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu

ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nổi giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngấm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa gì lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bã chó...

Tôi trở to đôi mắt ngạc nhiên. Hắn thì thầm:

- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi là lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một con người như thế ấy!... Một

người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn...

*

* *

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xáo ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với binh Tư hiểu.. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hân và bảo hân: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn: Cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”.

MỘT ĐAM CƯỚI

Dần thức dậy thì trong nhà còn tối om om. Đêm tháng chạp, trời lâu sáng... thật ra thì gà gáy đã lâu. Tiếng gà gáy xôn xao. Và óc Dần có lương vương một ý nhớ mơ hồ, giống như khi người ta nhớ lại những chốn mình đã qua trong một giấc chiêm bao: Dần chưa tỉnh hẳn ra. Dần đã thấy những tiếng gà gáy rất mong manh, rất xa xôi vẩn lên trong giấc ngủ nửa mê nửa tỉnh. Rồi, thì Dần tỉnh hẳn. Có lẽ do một tiếng gáy lộc cộc của anh gà trụi trong chuồng gà nhà bên cạnh. Con gà đang thời kỳ tập gáy, tiếng gáy ngắn nhưng đã vang động lắm. Ấy là một con gà có sức. Dần phác lại trong tưởng tượng cái hình dung lộc ngọc của nó, lác cắc và vụng dại như một anh con trai mười sáu tuổi, đôi chân cao, cái cổ trần ngất ngheo, cái mào đỏ khè mới hơi nhu nhú, cái đuôi cụt ngắn. Anh chàng rất hay sang nhà nó tãi gio, rải rác, khiến nó bực mình đã mấy lần toan vụt chết.

Dần nhòe dậy, nó sờ soạng ra khỏi cái ổ rơm rồi đi thẳng ra ngoài. Bên ngoài mịt mù sương. Khí lạnh sắc như dao. Dần rùng mình và hắt hơi mấy cái luôn. Nó thấy cần

phải động dậy ngay, cần phải làm ngay một việc gì cho nóng người: đã rét mà lại còn đứng co ro thì lại càng tổ rét. Nó mãi một vợ lấy cái chổi để quét sân, quét ngõ. Việc quét tước ấy, chẳng sáng nào nó quên làm, dù sân nhà có bẩn hay không. Ấy là một thói quen cũng như cái thói quen dậy từ lúc hầy còn đêm. Nết chăm chỉ ấy, nó học được mấy năm đi ở.

Dần đi ở từ năm chửa mười hai. Khi ấy đầu nó còn để hai cái trái đào. Nó mới biết cầm vững cái chổi để quét nhà và thổi một niêu cơm con con không sống, không khê. Mẹ nó vốn nghèo từ trong trứng nghèo ra nên hay liệu, hay lo. Thị nghĩ rằng: con mình đã lớn rồi, phải uốn nắn ngay đi; nhà mình vườn ít, ruộng không, củi vãi cũng không, nghĩa là công việc chẳng có gì, nó ở nhà cũng chỉ chơi, để mặc nó lêu lổng chạy ra ngoài đường, đánh chất, đánh ò, rồi nó hư thân. Chi bằng cho nó đi ở với người ta, để người ta bắt nó cất nhắc việc nọ, việc kia cho nó quen tay, có việc làm rồi mới biết việc mà làm, chỉ những nhổng chơi quen, đến lúc phải làm tất gờ guộng chân tay, chẳng đánh đổ cái này, cũng đánh vỡ cái kia. Cái thứ con gái mà cầm đến cái gầu không biết tát làm sao, đưa cho đám mạ không biết cấy thế nào, bảo ngồi lên khung cửi nhắc lấy cái thoi thì lúng ta lúng túng, là thứ con gái đáng cho hùm ăn thịt. Thị nhất định cho Dần đi ở để học cho quen công việc củi vãi, ruộng vườn, sau này độ cái thân ấy là cái lợi xa xôi. Nhưng lại còn cái lợi nhãn tiền: nhà đỡ một miệng ăn. Nếu bớt được mỗi ngày lẻ gạo, thì ít ra các em Dần cũng được no hơn. Rồi có được đồng công nào cũng là hay. Mà chẳng được thì mỗi năm người ta

cũng thí cho cái quần, cái áo. Bố mẹ, nếu chẳng được nhờ con thì cũng chẳng còn phải lo lắng gì vào thân nó.

Dần đi ở. Nó ở cho nhà bà chánh Liễu. Nhà bà chánh dệt chín mười khung cửi. Bà thuê Dần, với hai con bé nữa, để chúng dệt vải và trông nom ống suốt. Năm đầu, công cả năm có một đồng, với một cái áo cánh vải to, một cái quần sông, một cái thắt lưng. Nhưng nếu chịu khó và ngoan thì bà sẽ cho hơn. Còn cái sự ăn (bà giao hẹn cả với người ta vì tính bà rất phân minh) thì bà cũng không dám nói chắc rằng đói hay no; bởi vì tiếng rằng giàu, nhưng bà cũng cơm chia: sáng, mỗi người một lùm; trưa: ba lượt thật đầy; tối: củ khoai, củ ráy, bụng trẻ con như vậy, thì có lẽ cũng không phải đói. Mẹ Dần cho như thế đã là hậu quá. Bởi vì thật ra, ở nhà Dần, Dần có được ăn ba bữa thế đâu? Mỗi ngày, chỉ bữa trưa. Mà hiếm họa lắm mới có bữa được mỗi người ba vực chặt. Thường là hai vực, hơn hai vực. Có khi một. Cũng có khi chẳng vực nào, phải ăn ráy, ăn khoai trừ bữa. Thế mà Dần chịu được thì vào nhà bà chánh, cố nhiên là Dần chịu được. Dần sung sướng là khác nữa. Con người ta, có cơm vào là có da, có thịt ngay. Chẳng lâu sau, nếu Dần được một ngày rồi rãi về chơi với các em, cả nhà sẽ ngạc nhiên thấy nó béo như con cun cút. Mà trắng, mà đẹp, mà lành lặn, ra phết cô con gái lắm!...

Mơ ước hão! Bởi vì ít lâu nay, Dần có về thật, nhưng nó vẫn gầy như một cái que. Nó khóc hu hu. Nó đòi ở nhà với các em, muốn cho ăn thế nào thì cho, muốn bắt làm gì thì bắt, chỉ đừng bắt nó ở cho nhà bà Chánh nữa.

Cơm nhà giàu khó nuốt. Ăn của họ mà không làm lợi cho họ được thì họ làm cho đến phải mửa ra mà giả họ. Dấn chân yếu tay mềm lắm. Nó thà nhịn đói mà ở cửa, ở nhà còn hơn. Mẹ Dấn nhất định không nghe. Thương con thì để bụng. Nuông con thà giết con đi. Trẻ con, đứa nào chả thích ở nhà với bố, với mẹ để chẳng người nào động đến thân? Đi ở cho nhà người ta, ăn cơm của người ta, lấy công của người ta. Làm phải làm cho đáng cơm, đáng công của người ta. Làm không được người ta thiệt thì người ta xót. Người ta xót thì người ta phải nói. Nói, mình nghe thì chớ, không nghe thì người ta phải chửi, phải đánh. Người ta đánh chửi cho là phúc nhà mình đấy: không đánh, không chửi, sao cho nên thân người được?... Thị bảo Dấn: Mày có hư thì người ta mới đánh; đánh thế chứ đánh nữa tao cũng không thương chút nào; mày muốn sống thì về nhà bà chánh mà ở, không về thì đi đâu mặc kệ! Tao không chứa, tao không lấy gì nuôi được mày...”.

Hỡi ôi! Người mẹ rất đáng thương của Dấn chết đến hôm nay đã quá một năm rồi. Nghĩ đến mẹ lúc nào Dấn cũng ngậm ngùi. Bởi vì bà nói thế, nhưng bà chẳng nghĩ thế đâu. Khi đã cố làm ra mặt hất hủi để cho Dấn chịu đi rồi, bà ôm mặt khóc hu hu. Bà bảo chồng rằng: “Nghĩ đến con lúc nào thì thương con đứt ruột. Nhưng biết làm sao? Trời bắt tội mình nghèo. Nó ở nhà mình thì ăn cũng chẳng bao giờ được bữa no. Đã đành ăn không no, nó cũng còn sướng hơn ở nhà bà chánh, được ăn no. Nhưng mình liệu có nuôi được nó suốt đời không? Rồi chỉ vài ba tuổi nữa, có ai thương đến nó, xin nó cho con người ta, mình đừng

gả hay sao? Về nhà chồng mà thối cơm không chín, quét nhà chẳng nên thì liệu người ta có khỏi đào ông, bới cha lên không? Vả lại cái đời nó còn dài. Không bắt nó ép mình, ép xác cho quen, rồi khổ ngay vào chính cái thân của nó. Mình nghĩ đến nó nhiều chứ có bắt nó đi ở đến hòng được lợi mỗi năm một vài đồng bạc công đâu?”.

Bố Dân chẳng nói sao. Ông chỉ thờ dài. Nhưng ông cũng ngơ ngẩn hàng ngày, hàng buổi như nhớ con lắm. Về sau các em Dân lại kể với Dân như thế, nên Dân mới biết. Dân không muốn làm khổ cha mẹ nữa, nên khổ đến chết cũng đành cắn răng mà chịu, không dám khóc đòi về. Lâu dần rồi nó cũng quen đi. Cái sự khổ thì bao giờ cũng thế thôi. Nhưng khi người ta đã nhất định chịu, thì khổ thế nào mà không chịu được.

Dân ở cho nhà bà chánh Liễu đúng hai năm. Nó mới về nhà từ dạo đầu giêng. Vụ mùa năm ngoái, mẹ Dân đi tả mấy cơn, rồi lại không chịu kiêng khem, cứ đi làm, mưa nắng nhiễm vào người mà sức một con người vừa mới ốm xong còn được bao nhiêu? - thì phải lại một trận kịch liệt rồi chết. Thành thử nhà chỉ còn một bố là đàn ông, với hai đứa trẻ nhỏ, vất vả mũi chưa sạch, chúng nó chưa biết làm gì cả. (Hai đứa áp với Dân giá trời để cho chúng nên người thì bây giờ đã đứa thối được nồi cơm, đứa quét được cái nhà; nhưng một năm xưa, hai đứa lên đậu cách nhau có vài ngày, rồi chết, cũng cách nhau có vài ngày). Bố Dân, cố đợi hết năm, đến nói với bà chánh Liễu xin cho con gái mình về. Dân ở nhà coi sóc các em, chăm mấy sào vườn bòn bán, nhất nhạnh để cho bố đi

làm. Bốn bố con lịu nhịu nuôi nhau. Con nhà nghèo thường sớm biết, sớm khôn, Dần mới mười lăm mà đã quán xuyến được mọi việc trong nhà, biết suy tính, biết liệu lo, chẳng kém gì một người nội trợ đã sành sỏi lắm.

Nhưng ông trời hình như không muốn cho bố con Dần ngóc đầu lên. Cuộc sống mỗi ngày một khó thêm. Gạo kém, thóc cao. Ngô, khoai cũng khó cuốc được mà ăn. Thậm chí đến hạt muối cũng sinh ra hiếm hoi: mua một vài xu chẳng hàng nào chịu bán. Đồng tiền thành ra rẻ quá. Công làm tuy có cao hơn, nhưng chẳng thấm vào đâu. Trước kia, mỗi người làm mỗi ngày hào rươi thì đã gần đủ cả nhà ăn; bây giờ mỗi ngày được ba hào, tiền gấp hai, nhưng nếu đem đóng gạo thì chưa bằng một góc ngày xưa, thành thử một người ăn cũng hết. Ngày làm đã vậy, còn ngày nghỉ; có phải ngày nào cũng có người thuê đâu? Đã thế lại còn bão, lại còn lụt, rồi lụt chán, đến vụ chiêm lại giở trò đại hạn. Rồi những nhà giàu, chúng không thể chôn bạc giấy, nhất định để thóc mọc mầm trong nhà chứ không chịu bán. Gạo cứ mỗi ngày mỗi giá. Không biết rồi làm gì ra tiền mà đóng?

Một đêm, sau khi đã than thở với con hết quá một trống canh rồi, bố Dần thở dài bảo rằng:

- Cơ cực này, nếu còn ở nhà, rồi đến chết đói cả lũ mà thôi. Bây giờ mà còn thế, đến tháng hai, tháng ba này còn khổ đến đâu? Bố con mình có thân thì phải liệu dần đi. Cũng chẳng còn mấy ngày nữa mà đã hết năm, thôi thì ta cũng cố mà chịu vậy qua giêng rồi sẽ tính.

- Thầy bảo: con tính thế nào? Nhà mình chỉ có cấp làm thuê. Thời vụ lại hết rồi. Qua giêng, con chắc mười ngày nghỉ chưa chắc có một ngày có việc.

- Ấy thế mình mới lại càng cần phải tính. Nếu có việc thì còn phải lo gì nữa? Chẳng được cơm thì cũng được cháo, miễn là không chết là... Nhưng không có việc!... Cho nên tao định lên rừng một chuyến.

- Eo ôi!

- Việc gì mà “eo ôi”. Bây giờ người ta đi như đi chợ. Nghe nói trên ấy làm ăn còn dễ. Làng ta, về cánh nhà ông Trương Huấn đấy, họ đi tất cả bằng ấy anh em, mà anh nào về cũng có tiền.

- Tiền rừng, bạc bể chả dễ nuốt được đâu. Vô phúc mà ngã nước một chuyến thì lại được!...

- Thì chỉ đến chết là cùng chứ gì? Còn hơn ngồi nhà mà chết đói. Thế mà thầy bảo: không liều thân đi như thế, thì còn xoay xấp gì để kiếm ra tiền được nữa nào?

Ồ, mà đúng như vậy thật. Dân chẳng còn biết đáp sao được nữa. Nó đành lẳng lặng. Câu chuyện ngắt ra vài phút. Trong khi ấy, cả hai đều nghĩ ngợi.

Dân bỗng hỏi:

- Cả chúng con cũng đi à?

- Không. Tao hãy đi một mình trước, xem sao.

Dân vội kêu lên:

- Chịu thôi! Chúng con chả dám ở nhà đâu. Đêm hôm có 3 đứa trẻ ranh!...

Nó sợ có nắm gạo hay củ ráy, củ khoai cũng không giữ được mà ăn. Nhưng thầy nó bảo:

- Tao đã liệu chỗ ấy rồi. Vườn đất với các em, tao sẽ nhờ chú Lữ trông nom. Bòn bán thế nào chả đủ cho hai đứa chúng nó ăn. Mà không đủ thì tao đến...

Còn nó? Chắc thầy nó lại định cho nó đi ở nhà bà chánh Liễu hay nhà nào khác đấy. “Thì cũng được!”. Dân nghĩ vậy. Cái thân nó, nào nó cần gì? Nhưng nghĩ đến cảnh nhà tan tác mà buồn. Rồi đây bố một nơi, con một nẻo, chị em mỗi đứa nhờ vả một người... Nó đã sắp nói một lời gì để can cha, thì cha đã bảo:

- Còn mày thì tao cho người ta cưới.

Chuyện cưới xin khiến Dân thèn thẹn. Thành thử nó lại không tìm được câu gì để nói. Vắn người bố nói:

- Thôi thì trước sau cũng một lần. Có rùi găng cũng chẳng rùi găng được bao nhiêu. Mắc cái người ta xin cưới mấy lần rồi. Tao khát mãi để cho hết tang bu mày đã; nhưng người ta nhất định xin lo trước. Chết cái con gái người ta cũng sắp cưới rồi, nhà người ta cũng neo người; không cưới mày về thì ngay đứa sai vật cũng không có nữa. Vả lại chỗ người ta với mình, không lẽ thế nào? Thấy người ta nói mãi, tao cũng nể.

Dân tức tối:

- Nể! Nể cái gì! Thầy cứ bảo rằng: mẹ con chết đi rồi, hai em thì còn đại, chỉ có con hơi lớn một tí phải ở nhà để thổi cơm, nấu nước.

- Thì tao vẫn bảo người ta thế. Nhưng người ta không chịu.

- Không chịu là không chịu thế nào? Quyền còn ở mình.

- Thì vẫn là quyền còn ở mình! Cho nên người ta có dám bắt mình đâu? Người ta chỉ cố nài. Người ta nói khó với mình. Tao thề với mày: hai ba lần bà ấy không khóc với tao, tao chết! Rồi bà ấy lay. Bà ấy bảo: “Thế này này, ông ạ: ông cũng khổ, nhưng tôi còn khổ hơn ông, thầy cháu chết đi, tôi chỉ được có mình cháu là con trai, ông có thương tôi...”. Như thế thì tao còn biết từ chối người ta thế nào cho tiện?

Rồi thấy Dần nói nhỏ:

- Mắc cái lúc mẹ mày nằm xuống, nhà không còn một đồng xu nào, không còn với vếu vào đâu được, tao đã nhận của người ta hai mươi đồng bạc cưới. Ý người ta định đưa tiền trước thế, rồi xin cưới ngay cuối năm, năm ngoái. Tao phải khát. Nhưng không lẽ khát lần người ta mãi? Người ta lại tưởng mình có ý lừa lọc gì người ta chẳng. Hôm nọ người ta lại đến xin lần nữa. Họ xin đến tháng giêng... Nhưng từ giờ đến tháng giêng có là bao! Đàng nào mày cũng phải đi, mà mày thì tao không làm thế nào vừa trông coi các em mày vừa đi làm được. Cho nên tao nhất định mang gửi chúng nó, rồi lên rừng một chuyến. Kiếm ăn được, tao sẽ đem chúng nó đi. Định thế, nên tao bảo người ta: “Nếu bà nhất định lo, thì tôi cho lo

ngay đạo trong năm”. Người ta có hỏi tao: “ông đã thương... trước nữa là thương cháu, sau nữa là thương tôi, mà rộng cho như thế, thật cũng là phúc đức cho nhà chúng tôi lắm lắm. Tình cảnh nhà tôi, chắc ông cũng chẳng còn lạ gì. Chúng ta cùng là chỗ nghèo hèn, thì con cái chúng ta lại làm bạn với nhau. Vậy ông định may vá cho cháu nó thế nào, ăn tiêu thế nào, thì ông cho chúng tôi biết để chúng tôi lo”. Tao nghĩ nát ruột cũng không biết trả lời thế nào cho tiện. Vải giấy như vải giấy năm nay!... Xin ít thì không biết may gì. Chỉ một bộ quần áo cánh vải to cũng phải non ba chục. Mà xin nhiều thì mang tiếng; với lại người ta lấy gì mà đưa cho mình được? Vay công vay nợ lắm vào thì về sau lại chỉ khổ chúng mày. Tao phải bảo người ta: muốn may cho mày thế nào thì may lấy, tao không dám nhận. Bà ta bảo: “Ta với ta chẳng nói gì ông cũng rõ: cái lúc khó khăn thế này, mười nhà họa mới có một nhà có tiền may mặc, còn thì chỉ quần manh áo vá, đeo dây, quần rợ; chắc ở nhà ông thì cũng thế, mà nhà tôi thì cũng vậy. May quần chùng áo dài cho cháu, bất quá chỉ mặc một ngày cưới mà thôi, rồi chả cũng bằng để đấy, cảnh nhà chúng ta thì còn hội hè đình đám gì, mà phải sắm quần chùng áo dài kia chứ?... Vậy ông đã dạy thế, thì tôi xin may cho cháu bộ quần áo vải, quần áo cánh thôi, để cháu nó mặc đi làm ấy; còn hôm cưới, nếu cháu nó chưa có áo chùng, thì tôi xin đưa cái áo chùng của tôi cho nó mặc, cho nó qua cái ngày ấy, kéo cháu nó là trẻ con nó lại tũn thân chẳng. Rồi từ hôm sau mà đi lại cứ quần áo đụp đem ra mà mặc. Cái áo dài lại cất đi. Ấy, nhà có một mẹ một con, chỉ có một cái áo dài là đủ chán! Mẹ

đi đâu mẹ mặc; con đi đâu con mặc. Việc may mặc cho cháu thế cũng là tạm tạm được. Còn ý ông định ăn uống thế nào, xin cho biết”. Người ta nói thế là có ý hỏi mình có cần cau rượu, tiền nong gì nữa hay không? Tào nghĩ cũng chẳng còn nên xin thêm nữa. Mình cất lấy hai chục đồng bạc của người ta, hơn một năm, có đến năm rưỡi trời rồi. Vả lại còn đang có trở bu mảy, cũng nên làm vụng làm trộm, miễn là xong việc thì thôi. Vậy họ đương anh em, tao nhất định chẳng bảo ai. Đẳng nhà trai cũng vậy. Bà ấy thú thật rằng: phải biện năm, ba cỗ thế nào, về đẳng nhà gái, thì xin cứ biện; chứ đẳng họ nhà bà ấy, tính không mời người nào cả. Bởi việc phải lo thì lo, chứ thật ra một tí gì cũng vào công nợ cả. Công nợ lắm thì về sau chỉ chết chúng mảy, chứ chết ai? Vì thế, nên tao bảo: bà ạ, dẫu rằng “vui thì vui cả triều đình, chẳng vui, vui thế một mình vui chi?”. Đẳng nhà trai, bà còn không muốn bảo ai, thì đẳng nhà gái bây giờ đang còn tang mẹ cháu, tôi cũng chẳng bảo ai sốt cả. Vậy bà định ngày nào cứ một mình bà với chồng nó đến, tôi cũng chỉ cho hai em nó đưa nó về. Thế cũng xong. Ai cười đến hạng nhà chúng ta? Còn như sự tiền nong... đáng lẽ tôi chẳng xin thêm đồng nào nữa mới phải. Hồi mẹ cháu mất, tôi cất lấy hai chục đồng bạc của bà, là tôi phải nghĩ, nhưng phương ngôn dạy rằng: giàu bán chó, khó bán con; tôi cũng còn đồng công, đồng nợ, tất cả độ mười đồng, kể cái sự bắt bà cả thì cũng không dám bắt, nhưng tôi cũng xin thêm dăm đồng nữa để trang trải những chỗ tôi vay mượn để lo cho bu cháu hồi bu cháu mất. Như thế cũng như là tiền của cháu, cháu bỏ ra để trả nghĩa cho bu cháu. Tôi không dám

tơ hào gì vào đấy. Ấy là tao nói dối bà ấy thế, chứ công nợ tao cũng chưa trả vội; tao nắm lấy dăm đồng ấy, để ra giêng đi lên rừng...

Câu chuyện đêm hôm ấy. Dần đang thầm nhắc lại, trong khi đưa đẩy cái chổi cùn trên cái mặt sân con. Bởi vì hôm nay chính là ngày bà mẹ chồng sẽ đến rước Dần đi. Đêm hôm qua, đợi hai bé ngủ rồi, hai cha con lại thờ dài, thờ ngắn với nhau. Dần khóc đến quá nửa đêm, rồi thiếp đi lúc nào chẳng biết. Sáng dậy Dần có cảm tưởng như nó mới chợp mắt đi một tí. Nó thấy người mỏi mệt. Dù vậy, nó cũng chạy ra ngoài quét thóc...

Dần quét xong thì ở đằng đông, mặt trời đã nhô lên. Những tia sáng đầu tiên, chọc thủng tấm màn sương, rồi xé toạc ra mãi. Ánh sáng tràn đi. Trong khoảnh khắc trở nên quang hản... Dần ra ao rửa mặt. Lúc trở về nhà, nó thấy bố và hai em đã dậy rồi. Hai đứa con, mỗi đứa ôm một đùi cha. Người cha ngồi lừ thừ, lừ thừ. Đôi mi mắt ông có vẻ hơi sưng. Dần cúi mặt, bởi nó đoán rằng đêm hôm qua cha cũng khóc. Nó vờ tìm cái chổi, tuy nó biết rằng nhà không còn cái chổi nào nữa, ngoài cái nó vừa quét nhà và để ngoài đầu chái...

Thấy nó bảo:

- Hôm nay mày phải xuống chợ một tí, con ạ.
- Mua bán gì mà phải đi chợ?
- Mua mấy xu chè tươi, với mấy quả cau. Người ta đến, cũng phải có bát nước, miếng trầu tươm tất chứ?

- Chào!... Vẽ chuyện!

- Sao lại vẽ chuyện! Không có, không coi được.

Dần cười tủm tỉm. Thằng em lớn, tì một tay lên đùi cha, múa may tay kia và nhún nhảy người, giễu chị:

- Lêu lêu! Lêu lêu! Có người sắp được đi lấy chồng... Lêu lêu!

Dần khăm mặt, lườm em. Người cha sợ con gái mình xấu hổ, củng vào đầu con trai một cái và mắng nó:

- Im thằng này! Để cho người ta dạy nó. Mua độ hai xu chè...

- Rầy hai xu, hàng chè nó chả bán thì sao... Dân kêu lên thề và cố cười to để cho khỏi thẹn. Người cha cũng cười và hỏi:

- Hai xu không bán, thì mấy xu mới bán?

- Ít nhất là năm xu. Mua ít nó không có tiền trả lại.

- Thì mua cả năm xu vậy. Năm xu thì nấu được mấy ấm?

- Một ngàn ấm... Ông lão cả đời không đi chợ, cứ tưởng chè rẻ lắm. Quen với ngày xưa, độ một xu một ấm. Bây giờ năm xu, nấu đặc chỉ được một ấm là hết xoắn.

Thấy Dân lè lưỡi ra:

- Eo! Mẹ ơi!...

- Thật... Không có thể, cứ cố con ra mà chặt! Muốn mua thì mua, chẳng mua thì đừng, chứ cái sự đất thì ngang ngang với nhân sâm.

- Đắt thì cũng phải mua. Năm xu chè, với hai quả cau ngon ngon một tí.

- Cau ngon thì phải tám, chín xu một quả.

- Vị chi đi ba xu một miếng trầu?

- Đúng thế: không kém ba xu một miếng.

- Trời đất ạ!... Có đời nào như vậy? Cái thổ tả gì cũng đắt!... Cho nên tao vẫn bảo: cái lúc này chẳng nên dở dang ra làm gì. Mọi đồng mọi tốn. Giá làm độ mười lăm mâm cỗ, chắc mất đến năm chục bạc. Miếng bùi chui qua cổ; mình ăn một bữa có no được bằng đời đâu, mà người ta phải chạy cổ cho họ đương nhà mình thì khổ. Thà bất nhọc là ta chúc hết!...

- Ấy thầy thì chỉ thế!... Cái gì cũng chúc! Thành thử ra con mình chỉ theo không?

- Theo không cũng được. Mẹ mày ngày xưa cũng chỉ theo không tao đấy. Thế mà cũng ăn ở với nhau được mãi, sinh con đẻ cái, mà lại còn thương yêu nhau bằng mấy những cặp vợ chồng cưới linh đình. Mẹ kiếp! Lắm đám cưới linh đình, mà rồi lại chả bỏ nhau ùn ùn ra đấy à?

Dần lại cười tùm tùm. Bởi nhắc đến vợ, thấy nó bỗng nhớ ra một điều...

- Tí nữa quên! Con nhớ mua mấy nén hương... Hôm nay là ngày cưới con, cỗ bàn đã chả có thì thôi, mấy nén hương cũng không có nốt thì phải tội!...

Cái ý ấy - sự tưởng đến người đã khuất - khiến cả hai bố con cùng buồn bã.

Mắt rơm rớm nước thầy nó thở dài rồi bùi ngùi bảo:

- Biết vậy, tao cũng bảo bà ấy biện ra một mâm để cúng bu mày. Người sống, chẳng có thì thôi, nhưng người chết...

Dần thốn thức. Nó sợ còn đứng đấy, thì nó sẽ khóc òa lên mất. Nó cố bảo:

- “Thôi! Con đi chợ...” rồi chạy ra. Ra đến sân nó mới nghe thấy thầy nó bảo:

- Ừ, con đi.

Xế chiều hôm ấy, bà mẹ chồng và chồng Dần mới đến. Cả hai cùng mặc quần áo cánh. Bà mẹ khoác một cái áo nâu dài đã bạc ở trên vai. Chú rể xách một ché cau, chùng một chục quả. Vào đến nhà, y mới lúng túng không biết đặt đâu. Bà mẹ trông thấy bảo Dần:

- Cho bu mượn cái đĩa đi, con!

Mặt Dần đã đỏ bừng. Hai đứa em nó trông thấy, cười rúc rích. Nó lợi dụng câu sai của mẹ chồng, để chạy tót ra chái đứng. Một lúc lâu nó cũng không vào. Thầy nó phải đỡ lấy ché cau ở tay bà mẹ chồng, đặt lên giường thờ mẹ nó. Rồi thầy nó nói thật to:

- Đi nấu nước đi con!

Không thấy con gái thưa, ông phải bảo thằng con trai lớn:

- Chạy ra bảo chị đun ấm nước.

Rồi ông thân hành đi lấy chìa vôi ra để tằm trâu. Bà mẹ chồng có lời ngay:

- Thưa ông, ông đã có lòng thương đến cháu, mà xét ra, như thế này thì thật ông thương quá, thương cho mọi nhà, cái gì ông cũng chăm chú đi cho cả, khiến chúng tôi cảm tạ cái bụng ông mà lại lấy làm xấu hổ về cái cách chúng tôi xử lý. Chúng tôi xử thế này thật quả là không phải. Nhưng lạy Trời lạy Đất!... Chúng tôi cũng muốn nghĩ thế nào kia nhưng ông trời ông ấy chỉ cho nghĩ đến thế thôi, thì cũng phải rầu lòng mà chín bỏ làm mười, chứ như ông thì thật một bỏ làm mười mà không được, một cũng bỏ làm mười. Có vậy thì công việc của cháu mới xong xuôi được. Giá phải bố vợ như bố vợ nhà khác, nhất nhất cái gì cũng bắt đủ lễ lối, thì nhà như nhà chúng tôi lấy gì mà lo được? Ít là cháu suốt đời không có vợ. Nhưng phúc làm sao, lại gặp ông bố vợ thương con rể như ông, thì có phải ông trời ông ấy cũng còn thương nhà chúng tôi lắm không?

Thôi thì bây giờ mọi sự ông đã thương cho cháu cả rồi, hôm nay tiện được ngày, tôi cũng biện coi trâu đến kêu với ông để ông cho cháu được lễ các cụ trước là lễ gia tiên, sau là lễ bác nhà ta, sau nữa ông lại cho cháu lễ sống ông, (chẳng có tiền bạc gạo lợn, hay mâm cao cỗ đầy thì cũng phải lấy đầu làm lễ gọi là chút lòng thành của con, cháu các cụ) - rồi xin phép ông để chúng tôi đưa cháu về nhà làm ăn.

Đáp lại bao nhiêu lời bóng bẩy, xa xôi ấy, ông bố vợ chỉ trả lời gọn thơn lỏn một câu:

- Vâng, mời bà cứ ngồi chơi thư thả xơi nước, xơi trâu đã.

Rồi ông lại cất cao giọng, bảo con:

- Hễ được nước thì bắc lên đây, con nhé?

Rồi ông ngồi lủ thủ. Bởi vì ông buồn lắm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dân đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mười bữa, nửa tháng là ông đã phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy? Ông đồ dẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dân không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... A thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì cớ gì mà chỉ vì Dân phải đi lấy chồng. Dân đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá. Ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn. Bà thông gia, trái lại nhiều lời lắm. Bà vui vẻ. Bà nói luôn. Bởi tài ăn nói của người ta, một đời mới có dịp dùng đến độ vài lần. Bà thì chỉ một lần thôi, bởi vì bà có mỗi một mống con trai. Lấy một con vợ cho con, có dễ đâu? nhất là mình lại không có nhiều tiền. Công việc phải qua mấy mươi nấc, mấy mươi cầu. Chưa cưới được vợ về cho con, thì còn là đi lại mỗi chân, van lạy ông bà sái hằm răng... Công việc của bà mười phần xong đến chín phần rồi. Còn một tí chút nữa mà thôi. Tội gì không ngọt ngào với người ta cho yên ổn cả? Người ta gả con gái, đã chẳng được gì thì cũng phải được lời nói mát lòng, mát ruột cho hả dạ...

Đến tối đám cưới mới ra đi. Vên vên có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông không đi, thì hai thằng bé cũng không thể đi mà Dân thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nổi. Ông đành kéo mấy cảnh rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dân không chịu mặc áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy lên vai. Dân mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần cộc cạc xằng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phéch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần hết nách. Nó xụt xịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dân. Còn thằng bé thì ông bố cõng. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xám lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

Đến nhà trai, bà mẹ chồng mời bố Dân uống nước ăn trầu. Rồi bà giết một con gà, dọn cho ba bố con ông một mâm cơm. (Dân vừa thẹn vừa buồn không chịu ngồi ăn). Ba bố con lặng lẽ ăn. Người cha ăn có vài lượt cơm, rồi buông bát đĩa, ngồi xỉa răng, đợi cho hai đứa con ăn. Ông thúc chúng ăn nhanh lên, rồi còn về kéo khuya. Thằng lớn và cơm phùng mồm ra, bị nghẹn mấy lần. Khi cả hai con đã thôi cơm, ông cho chúng nó uống nước rồi đứng lên, chào bà mẹ chồng Dân để ra về. Ông dắt thằng lớn và cõng thằng bé trên lưng. Dân đứng đợi cha ở ngoài sân. Nó vẫn còn dụi mắt. Người cha ái ngại, đứng lại nhìn con một thoáng rồi âu yếm bảo:

- Thôi! Thầy cho em về nhé.

Dần khóc nức lên. Hai đứa em không còn chế nhạo nữa. Thằng lớn chực khóc. Thằng bé ngáy mặt ra vì không hiểu sao cả. Người cha mắng yêu con:

- Mẹ chúng mày!

Bà mẹ chồng thấy Dần khóc quá, chạy ra. Bố Dần vội bước đi. Dần chạy theo cha, nức nở:

- Thầy!... Thầy...

- Mẹ mày! Nín đi cho thầy về.

- Thầy đừng... đi... lên rừng.

Người cha thấy lòng thổn thức và đáp liêu:

- Ủ, thì thôi... Mẹ mày!

1942

TRẺ CON KHÔNG ĐƯỢC ĂN THỊT CHÓ

Hắn hút đến điều này là điều thứ ba. Ba điều thông luôn. Cái thuốc lào, hút vào một buổi sáng lành lạnh như buổi sáng hôm nay, sao mà ngon thế! Khói đậm đà như vị mật, thấm qua lưỡi để pha vào với máu, lan đi từng thớ thịt, làm da thịt mê mẩn. Đôi mắt hắn gà gà; hơi thở phì phì như ống bễ lò rèn, những ngón tay lơ lơ trên không khí mơn man một dáng hình tưởng tượng. Như thế trong vài ba phút. Rồi cơn say lại nhạt. Cái thú vị chính là ở đó. Những cơn say, nếu kéo dài ra tất thành nôn nao. Người ta đâm chúm đầu vào bức vách hoặc xều dãi ra như một con chó trước khi hóa đại! Còn cái gì thô tục bằng? Đàng này, những cơn say rất chóng qua. Người hút, vừa hút xong, đã bị muốn hút luôn điều nữa. Hút bằng nào cũng không biết chán. Hút đi, hút lại mà vẫn còn thấy ngon.

Cái điều là một vật vô tri mà dường như cũng biết nịnh đời. Vốn dĩ xưa nay nó là một cái điều rất tồi. Hút không kêu. Nó chỉ xìn xịt như tiếng một vật gì bị ẩm. Nghe chán lắm. Thế mà hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, nó lại

kêu. Những tiếng nổ tanh tách nảy lên trên không khí khô nỏ và trong veo của mùa thu như một chuỗi cười giòn. À, thì ra cái điệu hình như cũng có hồn. Vào một buổi sáng mát mẻ như buổi sáng hôm nay, tự nhiên nó hết ươn ao, và thấy cần phải âm ỉ thì mới khoái. Người cũng vậy. Hắn thấy lúc này mà phải bó gối ngồi nhà thì cái đời thật khổ. Ấy thế là hắn cầu nhàu chửi tục. Hắn chửi những quân hàng buổi không chịu đến mua cây buổi đào nhà hắn để hắn có dăm đồng bạc tiêu. Năm đồng bạc!... Mất hắn sáng hắn lên một chút. Chúng có vẻ vừa trông thấy con chó thui béo căng và vàng óng treo lủng lẳng bên trên cái trống nhà hàng mụ Tam. Nước dãi tứa ra đầy miệng hắn, một hơi rượu rất mong manh thoáng qua mũi hắn rồi vụt biến. Chà! Hôm nay mát trời lắm nhỉ? Rượu với thịt chó mà lại gặp khí trời mát thì ngon biết chừng nào là ngon! Hắn nuốt dãi hai, ba lượt. Rồi hắn lại nhặt thuốc vào nõ điều, châm đóm hút thêm điệu nữa. Cái điệu vẫn kêu tanh tách. Nhưng khói thuốc bây giờ sao nhạt thế! Khi đang hút thì nó nhạt như nước lã, mà hút xong thì lại hơi đắng miệng. Hắn nhổ bọt vào chân cột xong rồi vừa chép chép môi vừa hếch mặt nhìn lên nóc nhà. Rượu... thịt chó... rượu... thịt chó... Ốc hắn cứ luẩn quẩn nghĩ đến hai thứ ấy. Sắc vàng bóng của một cái mòng chó thui nhầy nhầy mỡ với sắc xanh nhạt của một chai Văn-diễn đầy ăm ắp cứ lần lượt hiện ra. Ồ! Ồ! Mát trời thế này mà được uống rượu ngon thì tuyệt quá! Nhưng đào đâu ra tiền? Ấy thế là hắn lại chửi những quân hàng buổi. Rồi nhân tiện, hắn chửi luôn vợ hắn - cái “con mèo mù” dả dãn mãi, buổi chín đã gần muốn rụng mà vẫn chưa chịu rước người vào

mua. Chửi chán, hấn tặc lưỡi một cái để bảo hấn rằng: không chửi nữa. Hấn quăng mạnh hai chân xuống đất để đứng lên và ra đi. Hấn đi cúi mặt, bước những bước mãi một và cả quyết. Người ta cứ tưởng hấn như đã định sẵn một nơi nào để đến. Nhưng không phải. Đến đầu ngõ, hấn tần ngần dừng lại. Bởi đến đầu ngõ, hấn gặp một con đường hai ngã. Biết đi ngã dưới hay là ngã trên? Đi ngã dưới tức là đến nhà con mẹ Vụ để gạ bán non cho nó mười gốc chuối. Nhưng con mẹ Vụ sẽ nhớ ra rằng: đã có lần hấn bán cho thị mười gốc chuối lấy hai đồng bạc đi xóc đĩa rồi lại bán lại lần nữa cho người khác lấy ngót hai đồng bạc. Giá mỗi cây chuối có sinh ra lấy hai buồng thì hấn không đến nỗi là con người lật lọng đâu. Nhưng cái giống chuối, từ cổ chí kim, mỗi cây chỉ sinh được một buồng. Vậy thì hấn đích thực là một con người hay lật lọng.

Chắc! Ừ thì hấn là người lật lọng, như vậy thì đã sao? Không sao cả. Bởi ai đã chửi hấn luôn ba hôm mới biết rằng chửi hấn vô ích thật. Chửi hấn thì mỗi miệng. Nhưng nên buộc chỉ cổ tay để nhớ cho thật kỹ: từ giờ đừng bao giờ đại dột tham lợi mà mua chuối non cho hấn một lần thứ hai. Con mẹ Vụ sẽ không mua chuối non cho hấn một lần thứ hai. Không những thế. Rất có thể, nó sẽ xỉa xói vào mặt hấn mà mắng cho đến nhức. Vậy thì cái ngã dưới rành rành là bất lợi. Hấn quay mặt về ngã trên. Thế nghĩa là cứ đến thẳng hàng thịt cho nhà mẹ Tám. Nhưng mẹ Tám vốn không ưa bán chịu. Mà hấn thì lại đã chịu của mẹ luôn ba bữa, chưa đào đâu ra tiền để trả. Cái mặt mẹ chắc chắn là sẽ không được tươi tỉnh lắm. Mẹ sẽ vác nó

lên. Mụ sẽ nhìn cái tổ chim vô hình trên lưng chừng một cây tre trước cửa hàng nhà mụ chứ không thèm nhìn hần. Nếu hần có lòi nhài lằm, thì mụ sẽ hướng đôi môi lên hướng trời xanh mà bảo hần: trả nợ cũ đi đã rồi hãy ăn. Như vậy thì cũng nhục. Hần dùng dằng không nỡ bước. Trong khi ấy thì nước dãi từ từ nâng lên miệng hần. Rượu... thịt chó!... Rượu... thịt chó!... Trước mắt hần lại lập lòe hai sắc: vàng bóng và xanh nhợt. Hần nuốt dãi kêu ừng ực. Rồi hần tặc lưỡi một cái để ra hiệu cho hần dừng do dự nữa. Việc gì mà do dự nữa? Thịt chó của mụ Tam để bán chứ không phải để cho ỏi thối. Còn hần muốn ăn thì phải mua. Không có tiền thì mua chịu. Trời sinh ra thế. Dầu rằng mụ Tam không ưa bán chịu thì hần cũng đã chịu luôn được ba bữa. Thêm một bữa nữa thì đã sao? Ấy thế là hần bước. Hần bước nhanh nhẹn và vui vẻ. Y như một ông phó mới đi đến một đám mời ăn khao.

Nhưng gần đến hàng mụ Tam, hần nghe tiếng mụ Tam the the. Dích là mụ vừa xoắn được một kẻ ăn hàng chịu mất mặt mũi, bây giờ mới thấy. Đen đuôi thực. Hần tần ngần đứng lại. Để nghe ngóng xem sao đã! Chà cái con mụ la sát này thật là chua ngoa. Nó bảo người kia: ăn mà không muốn trả thì ăn này, ăn nợ cho nó. Miếng ăn là miếng nhục. Thế này thì khó lòng mà nuốt trôi cho được. Hần thở dài một tiếng, quay trở về... Bây giờ thì những bước đi thần thờ hơn. Hần thấy người mỗi mệt, chân tay rời rã. Đúng là một anh nghiện đến bữa chưa được hút, thỉnh thoảng hần lại đưa tay che miệng ngáp thật to, như một con trâu ghé ngo, nước mắt ứa ra òng ọc. Khỏi một rặng tre cao, đến cánh đồng. Nắng bùng lên. Nắng mùa

thu dịu dịu. Trời thì đẹp. Cánh đồng lúa mơn mớn, rung gợn gợn như một làn da quen ử kín, đột nhiên phơi ra gió lạnh. Phong cảnh quyến rũ như một nhan sắc hoàn toàn nẩy nở. Chao ôi! Giá hần không bận nghĩ đến rượu và thịt chó! Giá hần không khổ sở vì một cái dạ dày ưa đòi hỏi thì hần đã sung sướng lắm. Nhưng hần lại thèm rượu và thịt chó mà không được uống rượu, ăn thịt chó. Bởi vậy hần cho là đời thật đáng buồn. Kiếp người nản lắm. Trời thì cay nghiệt như một bà già thiếu ăn ngay từ lúc còn thơ. Mà cái nắng hanh của mùa thu vô cùng khó chịu. Đầu hần ngoẹo xuống vai. Đôi mắt hần lim dim. Hần có vẻ vừa đi vừa ngủ. Hần đã gần ngủ thật thì một việc bỗng làm hần đột nhiên tỉnh người.

Ấy là lúc hần lò dò về đến sân. Hần đang đi bỗng giật mình. Một con chó đang thiu thiu trong một bụi dong ở đầu sân nhảy cẫng lên một cái. Và hần sực nhớ ra rằng: Nhà hần có một con chó vện, con chó vện ấy hay trông gà hóa cuốc, nên lắm khi chực dớp cả chân người nhà. Đó là một cái tật không thể tha thứ được. Bởi không ai nuôi chó để nó cắn què chân bao giờ. Ồ, mà lại còn điều này nữa: nuôi mèo hay nuôi chó thì cũng phải tùy gia cảnh: nhà giàu nuôi là phải, bởi nhà giàu sợ trộm mà lại nhiều cơm hốt; còn nghèo rớt mồng tơi như nhà hần, nuôi làm gì? Giá thử nhà còn trẻ nhỏ, thì nuôi chó cũng được việc. Nhưng nhà không còn trẻ nhỏ. Thằng cu con đã lên ba. Nó đã có thể ra vườn được. Hạt gạo năm nay khó chuốc như hạt ngọc. Đến bữa ăn, phải tính đầu để chia cơm. Cứ tình hình ấy, thì phải dờ hơi lắm mới nuôi một con chó để chẳng có việc gì cho nó làm... Thế là đủ lắm. Hần sung

sương vì đã nghĩ ra điều ấy. Hấn gặt đầu luôn mấy cái. Rồi hấn đưa mắt nhìn trộm con chó vện. Con chó vện đã lại nằm thiu thiu một bên gốc chuối. Quả thật, nó đã đến ngày tận số. Hấn đi tìm cái thúng. Hấn rón rén đi vòng lại phía sau đuôi con chó. Ấp! Con chó giật mình đến thót. Nổi nguy chụp xuống. Nó bị thu gọn trong cái thúng, không còn chỗ mà giẫy giụa. Trong khi ấy, thằng người kêu rối rít:

- Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Tao úp được con chó rồi.

Lũ trẻ con đang nghịch đất, quăng cả những cái bẹ mèo chuối đi, xô đẩy nhau ngã kêu chí chóc, và vừa chạy về vừa reo lên:

- Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Thầy úp được con chó rồi!... a ha.

Người cha bảo:

- Chúng mày xúm cả lại đây, dè chặt lấy. Dè thật chặt.

Con Gái, và cu Nhớn, cu Nhỏ, cu Con xúm lại: đưa tì tay, đưa tì chân, đưa ngời cả lên trên thúng. Người bố tìm gậy để ngáng lên cổ con chó mà nhận xuống. Lũ trẻ bắt đầu bàn tán:

- Thầy giết chó, nhỉ?

- Ủ, thầy giết con chó để làm thịt chén.

- Thích nhỉ, cu Con nhỉ?

- Thầy cho cả chúng ta ăn thịt chó nhỉ?

- Tao cũng ăn thịt chó.
- Ủ, thầy cho cả mày, cả tao.
- Cả chị Gái...
- Chúng mày có im cả không, chó ra bây giờ thì mất ăn.

*

* *

Người đàn bà ở chợ về. Thị tủm tủm cười. Thị cười vì nghĩ đến đàn con. Hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, thị đã mua cho chúng những bốn cây mía lách. Những ba trính kia đấy, như thế kể đã nhiều lắm. Cả đội hàng của thị đem đi buổi sáng, bán được vừa sáu xu. Vì đâu lại có sự hoang phí ấy? Có lẽ bởi hôm nay trời mát. Có lẽ bởi thị thương hại thằng cu Con. Mỗi lần mẹ về chợ, cứ nghe tiếng các anh réo là cu Con lại thét lên. Hình như nó sợ các anh chạy ra trước nó. Có khi nó khóc. Có khi mãi một quá, nó ngã lộn tùng phèo từ trên hè xuống sân. Ấy thế mà mười lần thì đến chín, mẹ nó chỉ chìa cho nó bàn tay không. Người đàn bà, nghĩ đến cái bộ mặt tiu nghiu của con lúc nào, rỏ nước mắt ra lúc ấy. Trông thương đứt ruột. Nhưng biết làm sao được? Đã đành quà của nó, chỉ một đồng trính là đủ. Nhưng không thể đóng một hào chín xu rưỡi gạo. Mà cái ngữ tiêu trong nhà chị, mỗi ngày không thể quá hai đồng hào. Vậy có thương con thì để bụng. Còn cái sự mua quà thật khó lòng thay! Nhưng thời tiết có ảnh hưởng nặng nề của mùa hạ ấy đã tan rồi. Cái rét sắc như dao của mùa đông chưa tới. Trời xanh ngắt. Nắng

êm êm. Gió phơi phới trên da, cho con người ra cái cảm giác nhẹ nhõm sau khi tắm. Tạo vật hiền hòa lắm. Tạo vật không đè nén và dọa nạt. Người ta tin tưởng vào đời hơn. Người mẹ nghĩ rằng nếu mía lách đem đi chợ mà không có người mua thì chẳng ai đem đến chợ. Ấy thế là thị đánh liều bỏ ra bốn xu rượu và chọn lấy bốn cây vừa ngon vừa dài. Chọn xong thị cũng thấy tiếc tiền. Và trên đường về, thị còn lần quất nghĩ đến xu rượu mãi. Nhưng thị lại nghĩ đến thằng cu Con, đến lúc nó sẽ búi chặt lấy mấy cây mía lách mà cười nắc nẻ. Vậy thì thị chẳng nên tiếc nữa. Có mất đâu mà tiếc? Con thị nó sẽ ăn vào miệng.

Về đến nhà, thị cảm động quá, hơi run. Mọi thị tự nhiên mỉm cười. Nhưng chẳng có đứa nào reo. Chẳng đứa nào trông thấy mẹ. Chúng đi đâu cả? Thị vừa gọi vừa hoảng hốt chạy ra ngoài bờ ao. À! Hú vía... chúng nó đây cả rồi. Nhưng làm gì mà dao thót bừa bộn thế?

Thị hơi sùng sốt vì bố chúng nó đang thả một con chó thui xuống nước và cầm một búi rơm kỳ cọ. Sao lại có sự long trọng ấy? Thị đã toan hỏi nhưng lại nín, vì lại có cả mấy người anh em bạn chồng. À, thôi phải... có lẽ hôm nay là ngày giỗ ông nào, bà nào đây, thị ngáy mặt ra, cố nhớ... Hăm năm tháng chín... không, mà không phải... Giỗ chạp gì hôm nay? Lửa giận chột bốc lên ngùn ngụt. Thị thâm tím mặt. Thị biết chẳng phải giỗ chạp gì cả. Và có giỗ cũng chẳng cần giết chó. Xưa nay có bao giờ phải giết chó mới làm giỗ được? Nhà nghèo, chỉ bát cơm, bát canh thượng số vài, ba hào chỉ là đủ lắm. Gọi là có nhớ đến ông bà tổ tiên cho khỏi tội. Làm gì mà phải linh đình

thế? Khốn nạn! Khốn nạn cho thị lắm! Cái số thị chẳng ra gì nên vợ phải một thằng chồng không biết lo, biết nghĩ, chỉ thích ăn, thích uống. Con chó to bằng ấy, lúc này bán đâu không nổi ba đồng bạc? Cả nhà ăn gạo hàng nửa tháng. Ấy thế mà cái đuôi nó vừa máy lên một cái, nó đã phải dè ra mà giết ngay. Ăn hoang, phá hại. Ăn uống thế, có khác gì ăn thịt con không, hờ trời? Thị ghen ngào cả cổ. Thị muốn gào thật lớn. Nhưng còn vướng mấy người bạn đấy. Thôi, cũng đành cắn răng. Nhưng thị không còn sức mà đứng nhìn nó nữa. Thị chạy về nhà bình bịch. Thị quăng xuống cái phản gỗ sung đến phịch. Chao ôi là chán nản, thị thấy một nỗi chán nản rồi rã xâm lấn người...

Một lúc thật lâu, anh chồng về. Anh vừa lau tay vào vạt áo, vừa tươi cười hỏi:

- Nhà còn gạo không?
- Làm gì còn gạo!
- Thế thì làm sao được?
- Muốn làm sao thì làm.

Anh bẽ lắm. Giá phải lúc khác thì anh đã cho cái tát. Nhưng lúc này làm thế có khác gì đuổi bạn. Vả lại, chị vợ đang tức tối. Đánh thị, chắc thị sẽ gào lên đến bảy làng nghe thấy. Còn ra quái gì! Anh cũng đành cười gượng mà nịnh nọt cho xong chuyện.

- Bu mày chịu khó đi đong chịu vậy?
- Tôi không rồi!

Hắn đã lộn tiết lên rồi, không còn nhịn được. Mắt hắn trợn lên. Hắn gườm gườm nhìn vợ một giây, rồi hực hực:

- Cái giống nhà mày khó bảo!

Mắt người vợ đã rần rần nước. Hắn biết là hắn thắng. Chỉ cần khéo hơn một chút. Hắn lại xoay ra đầu dụ:

- Cái thứ người đầu mà ngang như cua vậy? Phải biết: tao muốn mất tiền làm gì chứ? Nhưng chết cái ăn của người ta mãi, chẳng lẽ không mời lại người ta một bữa thì cái mặt mình còn ra mặt gì? Nhân tiện con chó nó ăn phải bả hay sao mà chẳng biết, sáng hôm nay cứ rú lên rồi lăn ra giẫy chết...

À, ra thế... Thị hơi nguôi lòng một chút. Thật ra thì thị biết không nguôi, không được. Nó cục như chó vậy. Ương với nó, nó thượng cẳng chân, hạ cẳng tay là thường. Thiệt thân, mà kết cục cũng vẫn phải đủ gạo cho nó thổi. Thị đứng lên, vừa nguýt hắn, vừa lạo bạo:

- Đong mấy hào?

Thế là hắn lại đổi mặt ra tươi cười:

- Thì bu mày liệu đấy. Có ba người khách với tôi là bốn. Với lại mẹ con nhà mày nữa.

- Mẹ con chúng tôi thì nhịn. Đong chịu chỉ có thể đong đến năm hào là hết đất. Ai bán cho mình hơn?

- Ừ thì đong năm hào. Với bảo mẹ Xuyên bán chịu cho tao chai rượu nữa. Mà cầm cả chai nước mắm đi mua chịu cho tao một hào.

Bao nhiêu là thứ! Thị rên lên như người mất cước. Nhưng nó đã muốn thế thì mặc nó. Thị cứ mua cho nó. Rồi bán gì đi mà trả nợ thì cứ bán. Còn thì ăn, hết thì nhịn. Bố ăn lắm thì con chết đói. Cùng lắm thì bồng bế nhau đi ăn mày... Thị vừa thở dài vừa đi.

Bây giờ thì mọi thứ đã xong rồi. Con chó hơi gầy. Nhưng gầy thì cũng tốt.

Hai bát tiết canh đông lắm. Ấy là cái điềm lành báo rằng cuộc vui sẽ hoàn toàn. Những miếng thịt ngon thái tái hộn ngay vào hai cái bát chậu thật to cho khỏi lòi thối. Vẽ vờ đơm vào đĩa hân hoi thì biết bằng nào đĩa cho xuể? Nồi xáo bốc hơi thơm lừng, chẳng cần múc làm gì cho rách bát. Sau khi đã hỏi qua ý khách, chủ nhà định bê cả nồi lên để lúc nào ăn cơm hãy múc ra. Múc ngay vào những bát bây giờ đựng tái. Như vậy, tiện. Chỉ có hai cái bát mà đủ cả. Ăn hết rồi lại múc. Ăn thịt chứ có ăn bát đâu mà cần... Hân làm nhảm bênh vực cho cách dự định của hân như thế mãi, tuy chẳng có ai phản đối. Họ cũng thừa biết cả cửa nhà cơ nghiệp nhà hân chỉ có hai cái bát chậu ấy thôi. Nhưng có gì. Miễn là được uống rượu sớm hơn một chút. Anh nào anh ấy đói ngấu. Mà cái mùi thịt chó bốc lên thơm vô cùng. Bao nhiêu là nước răng?

Chủ nhân, sau một cái liếm môi rất nhện, hất hàm hỏi khách:

- Xong rồi chứ?
- Xong!
- Bụng mâm nhé?

- Ủ, làm thì làm!

- Nào, bung mâm!...

Hắn dạng hai chân, khuỳnh hai cánh tay và thè lè cái lưỡi ra như một con chó về mùa nắng. Trông như hắn muốn vằn một cái cồi đá nhất chứ không phải để bung một cái mâm bằng gỗ. Nhưng thật ra đó chỉ là một cử chỉ trịnh trọng và sung sướng. Bình Hựu giơ bàn tay trái lên làm trống khẩu, dùng ngón tay trở tay kia làm dùi, uốn ngực ra, vừa gõ vừa kêu:

- Tung! Tung!... tung!

Ấy là cái hiệu trống để cho phu nhắc kiệu lên vai. Chủ nhân ý tứ nâng cái mâm thịt chó lên ngang mặt...

- Tung! Tung!

Thế nghĩa là: đi! đi! Và chúng tôi đi. Lũ trẻ, thấy người lớn làm trò như chúng, thích chí cười sằng sặc. Chúng à à tuồn vào nhà như nước, như đàn ruồi. Cu Nhỡ trèo lên phản ngồi xếp bằng sẵn. Cu Con trèo không kịp khóc òa lên. Nhưng người bố trợn mắt thật to và quát:

- Những thằng hỗn láo này! Chỗ chúng mày ngồi đấy à?

Cu Nhỡ cười như mếu, vội vàng tuột xuống. Cu Nhớn thấy thế làm khoái lắm. Nó vừa lêu lêu em, vừa nhạo:

- Xấu! Không ngồi đấy đi!... xấu! Không ngồi đấy đi...

Nhưng nó cũng cụt hứng ngay. Bố nó quay lại nó:

- Còn mày nữa! Không xách thằng cu Con đi à? Đưa nhau xuống bếp, rồi ăn cơm.

Khi cả ba đứa trẻ đã lụi cụt chạy ra rồi, hắn mới đặt mâm xuống phản, nháy mắt và xéch môi lên để làm cái điệu bộ cười, rồi toang toang bảo như một kẻ cả vãn đi ăn, đi họp:

- Lão toét! Chỗ này là chỗ quan viên uống rượu. Có phải không, các cụ? .

Nhiều Cừ bẹp mồm ra:

- Bầm cụ bá dạy thế thật là chí lý.

- Ô, có chẳng thì thế chứ!... Vậy mời quan viên nào!

Ba ông khách ngồi. Chủ nhân chấp hai tay trước ngực, rồi lại đưa tay phải lên đầu gối, lăm râm như khấn ông vải về ăn cỗ.

- Bầm các cụ, chả mấy khi các cụ có lòng chiều cố đến chơi nhà chúng cháu... Gọi là có chén rượu nhạt, xin rước các cụ cứ thật thà đi cho.

- Ờ!

Nghe tiếng “ờ” rất sang rung lên trong cái cổ họng của bình Hựu bắt chước giọng ông chánh Ngạc, cả bốn anh cùng cười. Chủ nhân rót rượu ra hai cái bát. Hai người uống chung một bát. Chúng bắt đầu ăn uống tranh nhau nói và cười rung cả mái nhà.

*

* *

Người mẹ rất còm cõi và bốn đứa con gầy ốm, quây quần với nhau trong xó bếp. Trong gia đình này, năm mẹ

con thường giống như một bọn dân hèn yếu, cùng chung số phận con sâu, cái kiến, dưới ách một ông bạo chúa.

Thấy lũ con đứa nào cũng nhăn nhăn, nhó nhó, người mẹ thương đứt ruột. Thị biết rằng chúng đói. Khi người ta đã đói mà ngửi thấy mùi thịt chó, thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố với ba ông khách cứ kéo dài ra mãi. Nghĩ mà bức quá! Cái thể không chết được, chứ giá chết được thì thị chỉ thất cổ mà chết đi cho rồi... Thị dỗ con:

- Cố mà nhịn lúc nữa, các con ạ: Đợi trên nhà ăn xong, còn thừa thì ta ăn.

Rồi muốn cho chúng quên đi, thị xỏ tóc ra cho chúng xúm vào bắt chấy. Úi chà! Nhiều chấy quá! Chỉ việc rẽ một đám tóc ra là đủ thấy bốn, năm con bò lổm ngổm. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỏ thi nhau bắt. Chúng cho cu Con mấy con chấy kennh làm trâu. Mới đầu cái trò chơi ấy cũng hay hay. Nhưng chỉ được một lúc là chúng chán. Thằng cu Con ra hiệu đình công trước. Nó lăn vào lòng mẹ, oằn oại vừa hụ hị kêu:

- Đói! Bu ơi! Đói...

Tức khắc những đứa kia cũng nhớ ra rằng chúng đói. Chúng không muốn bắt chấy cho mẹ nữa. Chúng thờ dài. Chúng nuốt bọt nhem nhép. Chúng thừ mặt ra. Chúng nằm ẹp xuống đất và lật áo lên để khoe cái bụng. Bụng đứa nào cũng gằn dính lưng.

Mắt thị rơm rớm nước. Cũng may, tiếng người bố trên nhà gọi:

- Cái Gái đâu! Đẹp lắm đi, mày!

Bốn đứa trẻ cùng nhòe dầy: mặt chúng đột nhiên tươi tỉnh lại. Gái “vàng” một tiếng thật to và chạy lên. Cu Nhớn, cu Nhỏ ngồi chồm chồm đợi... Một lát sau, Gái bẻ mâm xuống. Nó nâng nâng, lên ngang má như cha lúc nãy. Các em nó đứng cả lên, chực đu lấy cái mâm. Nó càng nâng cao hơn, mồm thét:

- Khoan! Khoan! Kéo võ...

Cu Nhớn thét:

- Thì bỏ xuống!

Gái vênh mặt lên, trêu nó:

- Không bỏ. Không cho chúng mày ăn.

- Có sợ thành tật không?

- Không cho ăn thật đấy.

Cu Nhỏ sốt ruột, khoằm mặt lại, vàng nhau với chị:

- Làm trò mãi! Có bỏ mâm xuống đây không nào?

Gái hạ nhanh mâm xuống đất bảo:

- Này, ăn đi.

Nó ngẩng mặt nhìn các em, cười the the. Người mẹ xịu ngay mặt xuống. Trong mâm, chỉ còn bát không. Thằng cu con khóc òa lên. Nó lăn ra, chân đập như một người giãy chết, tay cào xé mẹ. Người mẹ đỏ mũi lên và mếu xệch đi, rưng rức khóc. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỏ cùng khóc theo.

MỘT BỮA NO

Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy, cứ hết đường đất làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thất lung, buộc bụng, nuôi nó từ tấm tắc, tí tí giờ đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra nó chết. Công bà thành công toi.

Con vợ nó không phải giống người. Nó có biết thương mẹ già đâu! Chồng chết vừa mới xong tang, nó đã vội vàng đi lấy chồng ngay. Nó đem đứa con gái lên năm giả lại bà. Thành thử bà đã già ngót bảy mươi, lại còn phải làm còm cộm, làm mà nuôi đứa con gái ấy cho chúng nó. Hết xương, hết thịt vì con, vì cháu, mà nào được trông mong gì?

Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cái mả cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm ba xu lãi

nuôi thân. Có chạy rạc cả gấu vấy, hết chợ gần đến chợ xa, thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng chưa chịu để yên. Năm ngoái đây, ông ấy lại còn bắt bà ốm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào hết sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà đã bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như giã. Đi đã thấy mỏi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ.

Tuy vậy mà bà vẫn phải ăn... Chao ôi! Nếu người ta không phải ăn thì đời sẽ giản dị biết bao? Thức ăn không bao giờ tự nhiên chạy vào mồm. Có làm thì mới có. Nhưng bây giờ yếu đuối rồi, bà không còn kham được những việc nặng nề, cũng không còn chịu đựng được nắng sương. Bà phải kiếm việc nhàn, việc ở trong nhà. Ở làng này chỉ có việc bế em, như một con bé mười một, mười hai tuổi. Mới đầu còn có nhiều người muốn thuê. Ai cũng nghĩ rằng: những bà già tính cẩn thận và sạch sẽ, không lơ lẻo như trẻ con, vả lại các cụ tuổi tác rồi, ăn chẳng bao nhiêu, bữa lưng bữa vực thế nào cũng no; mà đã không no các cụ cũng chỉ lặng im, không ầm ục như những đồ trẻ nhãi, hơi một cái cũng đem chuyện nhà chủ đi kể với đủ mọi người hàng xóm... Nhưng thuê bà được ít lâu, tự nhiên người ta chán. Người ta nhận ra rằng: thuê một đứa trẻ con có phần lại thích hơn. Trẻ con cạo trọc đầu. Những lúc tức lên, có muốn cốc nó dăm ba cái thì cứ

cốc. Chẳng ai kêu ác. Nhưng bà lão đầu đã bạc. Người ta tức bà đến gần sặc tiết ra đằng mũi cũng không thể giúi đầu bà xuống mà cốc. Cũng không thể chửi. Mắng một câu, đã đủ mang tiếng là con người tệ. Mà bà thì lắm cảm, chậm chạp, lì rì. Bà rờ như thể xẩm sờ. Tay bà, đưa bát cơm lên miệng cũng run-run. Cơm vương vãi. Tương mắm rớt ra mâm, rớt xuống yếm bà, rớt cả vào đầu tóc, mặt mũi quần áo đứa bé nằm ở lòng bà. Rồi hơi trái gió, trở trời, bà lại đau mình. Suốt đêm bà thở dài với rên rầm kêu trời. Có khi bà khóc, hờ con. Nghe rợn cả người. Như vậy thì chịu làm sao được? Ấy thế là người ta lại phải tìm cách tống bà đi. Bà lại phải gạ gẫm ở cho nhà khác. Không đầy một năm trời bà đã thay đổi đến năm, sáu chủ. Mỗi lần đổi chủ là một lần hạ giá. Thoạt tiên cơm nuôi tháng một đồng. Rồi cơm nuôi tháng năm hào. Rồi cơm nuôi, một năm bốn đồng. Rồi hai đồng. Rồi chẳng có đồng nào. Đến nước ấy mà cũng chẳng ma nào chịu được. Một hôm, người chủ cuối cùng sai bà xách hai cái lọ đi kín nước. Bà bảo bà chỉ có thể mang một lọ. Y đã lấy sự làm khó chịu, nhưng cố nhịn. Nhưng một lọ cũng không xong. Bà xách một lọ nước đầy, ở dưới cầu ao bước lên bờ, chẳng biết lấy bấy thế nào mà ngã khụy xuống, vỡ tan cái lọ và què một bên tay. Nghe tiếng bà kêu, chủ nhà phải chạy ra đỡ bà về. Không ai có thừa cơm nuôi báo cô cả. Y bèn đãi bà năm hào và cho bà về hưu trí. Từ ngày ấy đến nay, tính ra đã hơn ba tháng rồi.

*

* *

Hơn ba tháng, bà lão chỉ ăn toàn bánh đúc. Mới đầu còn được ngày ba tấm. Sau cùng thì một tấm cũng không có nữa. Tiền hết cả. Mỗi sáng, bà ra chợ xin người này một miếng, người kia một miếng. Ai lấy đâu mà ngày nào cũng cho như vậy? Lòng thương cũng có hạn. Mấy hôm nay bà nhịn đói. Bởi thế bà lại đem con ra hờ. Bà hờ thê thảm lắm. Bà hờ suốt đêm. Bà khóc đến gần mòn hết ra thành nước mắt. Đến gần sáng, bà không còn sức mà khóc được nữa. Bà nằm ẹp bụng xuống chiếu, nghĩ ngợi. Có người nói: những lúc đói, trí người ta sáng suốt. Có lẽ đúng như thế thật. Bởi vì bà lão bỗng tìm ra một kế. Bà ra đi.

*

* *

Cứ đi được một quãng ngắn, bà lại phải ngồi xuống nghỉ. Nghỉ một lúc lâu, trống ngực bà mới hết đánh, tai bà bớt lùng bùng, mắt bà bớt tối tăm, người tạm tạm thôi quay quắt. Bà nghỉ tất cả năm, sáu quãng. Thành thử đến tận non trưa, bà mới tới nhà mình định tới: ấy là nhà bà phó Thụ, nuôi cái dĩ. Bà quen gọi như vậy, ngay từ khi nó còn nhỏ: cái dĩ tức là đứa con của anh con trai đã cướp công bà để về với đất, yên thân và mặc tất cả những gì còn lại. Anh con trai chẳng còn phải khổ sở như bà ngày nay.

Bà nghĩ đến con, để mà ghen với nó thêm lần nữa, trong khi ngồi nghỉ ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ. Ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ, có một cây sung lớn. Bà tựa lưng vào gốc. Từ đầu ngõ vào đến nhà, còn những hai lần cổng.

Có gọi thật to, ở trong nhà mới nghe tiếng. Mà bà thì còn hơi sức đâu mà gọi? Tiếng bà bài hải. Hơi nói to một chút, nó đã ra đằng lỗ tai. Vả lại, chó nhà giàu dữ lắm. Nhà bà phó Thụ có những hai con chó đầy đà, lực lưỡng. Lúc thiến, người ta rắc mảnh chai tán nhỏ vào. Vết thiến lành giúm mảnh chai ở bên trong gây cho con vật một nỗi đau ngứa ngáy, suốt đời không khỏi. Nỗi đau làm tội nó. Nó bứt rứt, khổ sở, cáu kỉnh, nên bà thấy người lạ nào cũng lẩn xả vào chân, hoặ một miếng ray thịt người ta cho hả giận. Trời ơi! Những con chó nhà bà phó Thụ, chúng dữ ghê gớm lắm. Bà lão nghĩ đến chúng còn chết khiếp. Cái lần bà đưa cái đi vào, một người nhà phải cầm một cái gậy to tướng ra đe. Ấy thế mà cả ba con cùng hồng hộc chạy ra. Chúng vây lấy bà già rách rưới. Con nào cũng uốn cong cái lưng xuống, hếch cái mõm đen thui lên, nhe những chiếc răng trắng hơn và nhọn sắc. Bị cái gậy của người nhà cản lại, chúng càng tức tối. Chúng lồng lộn chung quanh. Chúng nhảy chồm lên. Chúng ngoạm những cái cột giậu, kêu sồn sột. Chúng lay thật mạnh, hục hặc như muốn bẻ gãy cái cột, để lao vào đầu người ta... Bà lão với đứa cháu cứ rúm cả tay chân lại. Cháu ép vào bà, bà nép vào người bà phó Thụ. Chị người nhà thì luôn tay vục cái gậy bên này, bên nọ, đằng sau, đằng trước, và quát mắng. Ấy thế mà một con chó còn xông vào được, và chỉ một tí nữa nó xơi chân bà một miếng. Nhưng chị người nhà đánh kịp. Nó mới dám được mồm vào cái bắp chân gầy đét của bà lão thôi. Hú hồn!... Bây giờ, dám gọi sao? Chó thính tai mà lại rất mau chân. Chúng xộc cả ra thì khốn. Ấy thế là bà lão đành ngồi đợi vậy. Cái đi bế em

ra ngõ chơi chẳng hạn... Hay là có người nào trong nhà đi đâu. Hay là có người đàn ông khỏe mạnh nào đến nhà bà phó Thụ, để cho bà đi ghẹ. Bà ngồi rồi, tưởng tượng ra đủ mọi cái may mắn tương tự thế. Chỉ còn mỗi một cái bà chưa nghĩ đến: ấy là lúc chính bà phó Thụ ra, hoặc đi đâu về. Thì chính bà phó Thụ đi chợ về. Mới thoát trông thấy bà lão, bà tưởng là một con mẹ ăn mày. Bà hơi cau mặt:

- Ai kia? Ai ngồi làm gì kia? Chó nó ra, nó lòi mớ ra cho đấy? Sao mà bạo thế?

Bà lão quay lại mỉm cười móm mém:

- Bẩm bà đi chợ về!...

Bà phó Thụ mở to đôi mắt đỏ ngầu, nhìn kỹ hơn một chút. Bà nhận ra là bà cái đi ở. Tức thì mặt bà nguỷ xuống. Bà lão này còn muốn quấy quả gì nữa đây? Để vòi tiền thêm chăng? Bà lão rên một tiếng và chống tay lên đầu gối, bầy rầy đứng lên. Bà phó hỏi:

- Bà đi đâu thế?

Bà lão lại rên tiếng nữa để mở đầu câu nói, (bà rên cũng như một vài người khác bạ lúc nào cũng thở dài. Cái ấy thành thói quen).

- Bẩm bà, con lên chơi với cháu. Lâu lắm, cháu không được về, con nhớ cháu quá!

- Ủi dào ôi! Vẽ cái con chuột chết! Nó phải làm chứ có rồi đâu mà bà chơi với nó? Nhà tôi không có cơm cho nó ăn để nó cứ nong nong nó chơi. Bà muốn chơi với nó thì

đem ngay nó về nhà, tìm cơm cho nó ăn, bà cháu chơi với nhau vài ba tháng cho thật chán đi, rồi hãy bảo nó lên. Tôi không giữ. Bà tưởng nó đã làm giàu làm có cho tôi rồi đấy, hử?

Bà cần phải nói ráo riết ngay để chặn họng, không cho bà lão mở mồm vòi vĩnh. Bà lão, bị những lời tàn nhẫn ấy hắt vào mặt quả nhiên không còn nói sao được nữa. Bà cúi đầu, như một con mẹ ăn cắp lúa, bị tuần sương tóm được. Bà phó chớp chớp mồm luôn mấy cái, rồi vác mặt lên trời mà bảo:

- Chơi với bởi. Cái lúc nó mới đến, trông như con giun chết cạy dỉ mũi còn chưa sạch thì không thấy chơi với bởi! Người ta nuôi mãi, bây giờ mới tron lông đỏ da một tí đã phải đến mà giờ quẻ. Tưởng báu ngọc lắm đấy! Tưởng người ta đã phải giữ khư khư lấy đấy!... Úi chào! Có phải mà tổ nhà người ta đâu mà người ta giữ? Muốn bắt nó về, cho nhà nào nó nuôi làm bà cô tổ nhà nó thì cứ bắt. Ai người ta thiết? Cứ trả lại tiền người ta!...

Bà lão rung rung nước mắt. Khốn nạn, bà có ý quát quéo thế đâu? Bà mếu máo:

- Bẩm bà, bà dạy thế thật oan con quá. Trời để con sống bằng này tuổi đầu, con còn dám lừa lọc hay sao? Thật có trời trên kia làm chứng, nếu con quả định đến đây để dỗ dành cháu về để đem cho người khác thì trời cứ vạt chết con đi! Con chỉ xin bà cho được trông thấy cháu, bà cháu chơi với nhau một lúc. Cũng chẳng còn mấy chốc nữa mà con chết, con cũng tưởng đi chơi đối già một bạn...

- Nó không được rồi, mà chơi với bà. Chẳng chơi bởi gì cả! Bà đã trót lên thì vào đây, tôi cho một bữa cơm. Bạn sau thì đừng vẽ con khỉ nữa. Nhà tôi không có thói phép cho chúng nó như thế được. Con tôi đi học tận Hà Nội, để tôi cũng phải nay ra chơi, mai ra chơi với nó đấy! Đã đi ở lại còn không biết phận... Chơi với bởi!

Môi bà lại chiêm chiêm và bấu ra...

Cái dĩ vừa trông thấy bà, mừng rớt rít. Nó cười rồi nó khóc chẳng biết vì sao cả. Nhưng đôi mắt khoằm khoằm của bà phó Thụ dội nước vào lòng nó. Nó tự nhiên ngượng nghịu. Nó không dám xoắn xuýt bà nó nữa. Nó cúi đầu, khẽ hỏi:

- Bà đi đâu đấy?

- Bà đến xin bà phó một bữa cơm ăn đây! Bà đói lắm.

Câu nói rất thật thà ấy, bà lão dùng giọng đùa mà nói. Như thế người ta gọi là nửa đùa nửa thật. Một cách lấp liếm cái ý định của mình bằng cách nói toạc nó ra. Cái dĩ bế em, dắt bà ra đầu chái, để không bị ai nhìn nữa...

- Bà lên làm gì thế?

- Bà bảo lên kiếm cơm ăn mà lại!

Cái dĩ không tin thế. Nhưng nó cũng không hỏi nữa. Nó nhìn bà một lúc...

- Da bà xấu quá! Sao bà gầy thế?

- Chỉ đói đấy thôi, cháu ạ. Chẳng sao hết.

- Lớp này bà ở cho nhà ai?

- Chẳng ở với nhà ai.

- Thế lại đi buôn à?

- Vốn đâu mà đi buôn ? Với lại có vốn cũng không đi được. Người nhọc lắm.

- Thế thì lấy gì mà ăn?

- Chỉ nhịn đói thôi chứ lấy gì mà ăn!

Bà cháu mới kịp trao đổi với nhau từng ấy câu thì bà phó đã the the hỏi:

- Nó bế em đi đâu rồi?

- Ấy là dấu hiện bà sắp gọi. Cái dĩ vội đặt em xuống đất, bảo:

- Bà giữ nó hộ con một tí.

Nó cởi dải yếm lấy ra một cái túi con con. Trong túi xóc xách mấy đồng chinh. Nó rút ra đếm lấy hai xu, gửi cho bà...

- Con biểu bà để bà ăn bánh dức. Bà về đi!

Tiếng bà phó giục:

- Cái dĩ đi đâu rồi? Đem em về đây, rồi quét nhà, dọn cơm.

- Vâng.

Nó tắt tuổi bế em chạy về. Bà lão hãi chó, lẽo đẽo đi theo cháu. Bà phó trông thấy mà lộn ruột. Bà xa xa:

- Bà đừng theo đít nó thế. Bà cứ ngồi một chỗ rồi mà ăn cơm. Khiếp thật thôi!

- Vơong!...

Bà lão “vâng” thành một tiếng rên. Bà vào nhà, ngồi xón vén vào một xó; ngay xuống đất. Bà phó cất lấy con. Cái đi lựt cụt chạy xuống nhà dưới. Một lát sau, tiếng dừa bát bắt đầu lạch cạch... Bà phó bảo:

- Bà xuống dưới này mà ăn cơm.

Bà bế con ra. Bà lão theo sau. Tiếng khung cửi đã ngừng. Máy cô dệt cửi đều là con gái hoặc con nuôi bà phó Thụ, đang tới tấp, cô xới cơm, cô sẻ mấm, chung quanh cái mâm gỗ đặt ngay trên mặt đất. Cả nhà quây quần vào, bà chỉ ngồi ngay xuống cạnh cháu, tay run run so dừa. Trông bà so dừa mà ngứa mắt! Bà phó muốn giật xoét lấy, làm thật nhanh cho đỡ bực. Nhưng bà nhịn được. Bà chỉ chép miệng và lừ đôi mắt, tỏ ý khó chịu. Cái đi hiểu nên chỉ nhìn xuống đất. Nó giận bà nó lắm. Nó đã bảo bà nó đi về đi mà bà nó không chịu về...

Bà phó chẳng nói nửa lời, bê lấy bát cơm ăn. Mặt bà vẫn hầm hầm. Lũ con gái, con nuôi, con ở, biết hiểu, vội vàng cùng làm theo. Chậm một tý, bà chửi cho phải biết! Có khi bà hất bát cơm vào mặt. Bà lão nhìn vòng quanh một lát, rồi cũng cất bát cơm lên.

- Mời bà phó...

Nhưng bà vừa mới há mồm ra thì bà phó đã cau mặt quát:

- Thôi, bà ăn đi! Đừng mời!

Bà lão vội vàng ăn ngay. Nhưng họ ăn nhanh quá. Mọi người đều lạng lẽ, cầm cúi, mãi mót. Đôi đũa này lên lại có đôi khác xuống. Liên tiếp luôn như vậy. Cứ tằm tắp tằm tắp. Tay bà lão lơ rờ, không biết lợi dụng lúc nào để gấp rau vào bát mắm. Lập cập quá, bà đánh rơi cả mắm ra ngoài bát. Bà phó lại cạo mặt, gất:

- Sẻ riêng cho bà ấy một cái bát, để ra cạnh mâm cho bà ấy.

Một cô vội làm ngay. Từ đấy, bà lão dễ xoay xở hơn một chút. Nhưng bà mới ăn chưa hết hai lượt cơm thì bà phó đã quăng đũa xuống đất. Chỉ một thoáng sau, mọi người khác cũng thôi. Họ thôi gần đều một lượt. In như bà mẹ ra hiệu cho họ vậy. Thật ra thì lẽ mỗi người chỉ được ăn có ba vực cơm thôi. Mà phải ăn nhanh để còn làm. Nhưng bà lão nhà nghèo, đã quen sống vô tổ chức, làm gì hiểu trong những nhà thừa thóc, thừa tiền, lại có sự hạn chế miệng ăn như vậy? Bà đoán rằng họ khảnh ăn. No độn, đói góp. Người đói mãi, vớ được một bữa, tất bằng nào cũng chưa thấm tháp. Những người no mãi, người ta có cần ăn nhiều lắm đâu. Vậy thì bà cứ ăn đi. Ăn đến kỳ no. Đã ăn rình thì ăn ít cũng là ăn. Đằng nào cũng mang tiếng rồi thì đại gì mà chịu đói? Bà ăn nữa thật. Cái đĩa ngượng quá, duỗi cổ ra, trợn mắt, nuốt vội mấy miếng cơm còn lại như một con gà con nuốt nhái. Rồi nó buông bát đũa. Bà bảo cháu:

- Ăn nữa đi con ạ. Nồi còn cơm đấy. Đưa bát bà xới cho.

Nó chưa kịp trả lời thì bà phó đã mắng át đi:

- Mặc nó! Nó không ăn nữa! Bà ăn bằng nào cho đủ thì cứ ăn!

À! Bây giờ thì bà lão hiểu. Người ta đứng lên tất cả rồi. Chỉ còn mình bà lão ngồi ăn với bà phó. Thụ ngồi lại để lờm với nguyệt. Nhưng bà lão còn thấy đói. Còn cơm mà thôi ăn thì tiếc. Vả lại đã đi ăn chực thì còn danh giá gì mà làm khách. Bà cứ ăn như không biết gì. Đến khi bà đã tạm no, thì cơm vừa hết. Chỉ còn lại một ít bằm quanh đáy và chung quanh nồi. Bà vẫn tiếc. Bà kéo cái nồi vào lòng, nhìn, và bảo con bé cháu:

- Còn có mấy hột để nó khô đi mất. Tao vét cho mày ăn nốt kéo hoài, dĩ nhé?

- Khó mặc kệ nó! Bà có ăn được hết thì ăn đi... đừng bảo nó. Nó không ăn vào đâu được nữa. Ăn cho nó nứt bụng ra thì ăn làm gì?

Bà phó vội gắt gồng bảo thế. Ủ, thì bà ăn nốt vậy! Bà cạo cái nồi sồn sột.

Bà trộn mắm. Bà rấm nốt. Ái chà! Bây giờ thì bà đã no. Bà bỗng nhiên nhận ra rằng bà no quá. Bụng bà tung tức. Bà nới thắt lưng ra một chút cho dễ thở. Bà tựa lưng vào vách để thở cho thỏa thích. Mồ hôi bà toát ra đầm đìa.

Bà nhọc lắm. Ruột gan bà xộn xạo. Bà muốn lăn kềnh ra nghỉ, nhưng sợ người ta cười, cố gượng. Ôi chao! Già yếu thì khổ thật. Đói cũng khổ mà no cũng khổ. Chưa ăn thì người đã rời rã. Ăn rồi thì có phần còn nhọc hơn chưa ăn. Ôi chao!...

Xế chiều hôm ấy, bà lão mới ra về được. Bà bảo về muộn cho đỡ nắng. Thật ra thì bà tức bụng, không đi nổi. Mà bà uống nhiều nước quá. Uống bằng nào cũng không đã khát. Mà chỉ càng thêm tức bụng. Đêm hôm ấy, bà lăn lóc rất lâu không ngủ được. Bà vẫn cái bụng, bà quay vào lại quay ra. Bụng bà réo ong óc như một cái lọ nước. Nó thẳng căng. Bà thở ì ạch. Vào khoảng nửa đêm, bà thấy hơi đau bụng. Cơn đau cứ rõ thêm, cứ tăng dần. Chỉ một lúc sau, bà đã thấy đau quằn quéo, đau cuống cuống. Rồi bà thổ. Rồi bà tả. Ôi chao! Ăn thật không bỏ mửa. Bà tối tăm mặt mũi. Đến khi bệnh tả dứt thì bà lại sinh chứng lỵ. Ruột bà đau quằn quại. Ăn một tí gì vào cũng đau không chịu được. Luôn nửa tháng trời như vậy. Rồi bà chết. Bà phó Thụ, nghe tin ấy, bảo: “bà chết no”. Và bà dùng ngay cái chết ấy làm một bài học dạy lũ con gái nuôi:

- Chúng mày xem đấy. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn tộ vào!...

1943

TRUYỆN TÌNH

Buổi sáng sướng nhất của một cậu học trò có lẽ là buổi sáng đầu tiên trong vụ nghỉ hè. Tối hôm trước, người ta không tắt đèn, đi chơi thật khuya mới chịu về. Người ta lên giường nằm, hơi mỏi chân và hơi mệt trong người, nhưng cái đầu nhẹ thênh thênh. Bao nhiêu sự lo lắng trút ra cả rồi. Người ta không còn phải nhắc lại mình: sáng mai dậy năm giờ... Ngày mai có địa dư, có ám tả, có sinh lý học... Đến chiều, viết luận Pháp văn... Bài kỳ trước, mình hỏng quá nên viết chày viết cối... Chắc là hỏng chữ hỏng câu nhiều lắm. Cụ Đậu lùn lại tha hồ mà cáu! Người ta thở ra, hít vào mấy hơi dài như để tống nốt ít chất độc còn lại ở người ra. Người ta ngủ rất ngon một giấc ngủ trẻ thơ. Và sáng hôm sau, khi đồng hồ đánh năm giờ, người ta cũng vội mở mắt ra bởi thói quen, nhưng không còn dậy vội. Người ta mỉm cười với cái ý nghĩ: ta muốn nằm đến bao giờ cũng được... Cái cửa sổ trên đầu giường mở suốt đêm. Ánh sáng tuôn vào tự bao giờ, không khí được tắm trong bóng tối mát dịu của ban đêm, bây giờ rất sạch trong. Gió êm êm và mơ hồ như một làn hương. Nó vuốt ve cái trán phẳng phiu, mấy sợi tóc lòa xòa và luồn qua

cái cổ áo không cài cúc để mơn man cái ngực nở nhô lên, đẹp xuống một cách thông thả và đều đặn. Cái cảm giác nghỉ ngơi thật hoàn toàn. Người ta thấy trong lòng thư thối, khắp thân thể đều thư thối, sự khoan khoái tràn lan trong mạch máu, thấm đượm trong da thịt. Và tuy không buồn ngủ nữa, người ta cũng nhắm đôi mí lại, để chẳng trông thấy gì cả, chẳng nghĩ ngợi gì cả, cố làm một khoảng trống rỗng bên trong đầu...

Những giác quan của tôi đang lịm đi trong nỗi êm đềm lười biếng thì đột nhiên bị một tiếng dặng rất gần đánh thức. Tôi giật mình một cái. Mắt tôi mở ra chưa kịp nhận rõ ai thì một tiếng rất quen đã bảo:

- Vẫn còn ngủ kia à?

- Mẹ...

Tôi áp úng và vội vàng nhòe dậy. Mẹ tôi đứng sát đầu giường, nhìn tôi bằng đôi mắt loang loáng ướt, miệng cười âu yếm phỏ ra những chiếc răng đen bóng...

- Sao mẹ ra được sớm thế?

- Mẹ ra đi bằng chiều đi chợ vải, đến cầu sắt thì giờ mới sáng.

- Mẹ đi bán vải?

- Không... Còn vải đâu mà bán. Mẹ ra xem còn có gì phải đi về hay không? Đi sớm một tí để về sớm cho nó mát.

Tôi cúi mặt bởi câu nói của mẹ làm tôi vụt nhớ đến Kha, Kha đã bảo tôi:

- Nghỉ hè này Lưu ở đây cho vui nhé! Chúng mình đọc dictée cho nhau viết. Lưu dạy tôi làm tính đổ cho Kha khá lên một chút; tôi bí tính ghê lắm! Rồi tôi đi mượn đàn của con Thọ về cho mà tập. Lưu về quê thì Kha buồn chết!...

Tôi thích lắm. Không phải vì việc tập đàn hay viết âm tả; tôi tập đàn hay viết âm tả chẳng cần đến Kha cũng được. Nhưng chính vì tôi được gần gũi Kha trong suốt ba tháng hè... Tôi nghĩ ngợi một chút rồi thưa với mẹ tôi:

- Con không biết. Giá con biết thì con bảo mẹ đừng ra đón con; năm nay con không về.

Mẹ tôi sầm mặt. Tôi vội vàng cắt nghĩa:

- Sang năm lên lớp, chương trình nặng lắm. Con phải ở đây để ôn bài cũ và xem trước ít nhiều bài mới. Ở đây học với anh em cho vui, về nhà có một mình ngại không học được; vả lại mình còn cần mượn sách của họ và có điều gì quên hay chưa biết thì hỏi nhau.

Mẹ tôi tin ngay. Người chỉ bảo:

- Nghỉ những ba tháng kia mà?... Hãy nghỉ ngơi một vài tuần rồi lại học thì cũng được chứ sao? Chả lẽ đi quanh năm, đến lúc nghỉ cũng không về thăm nhà thăm cửa một tí? Không muốn ở nhà lâu thì cũng về chơi dăm ba ngày.

Biết từ chối không xong, tôi bèn tìm cách đánh lừa:

- Vâng, thế thì cũng được. Nhưng hôm nay con còn phải ở lại nhà ông giáo soạn sách cho ông ấy, nhân tiện

mượn vài quyển về để đọc. Vậy mẹ cứ về đi, độ mai hay ngày kia con về.

Còn nói làm sao được? Mẹ tôi định mang quần áo tôi về trước, nhưng tôi bảo: không định ở nhà lâu thì không cần đem quần áo. Ấy thế là một lúc sau, mẹ tôi đành cởi ruột tượng đưa cho tôi đồng bạc để đi xe rồi buồn bã xách cái thúng không ra về. Nghĩ đến cái luyến tiếc trên đầu những ngón tay run run của mẹ tôi khi đưa cho tôi cái giấy bạc gấp làm tư, tiếng thở dài và vẻ mặt thờ thần của người khi bước ra về, và tưởng tượng đến những bước chân vương vương, đến cái bóng dáng lúi thủi của người đi bộ trên con đường dài tràn nắng bụi, tôi thấy lòng nặng trĩu và sẫm tối lại. Nhưng hỡi Kha! Kha rất phù phiếm và vô cùng ích kỷ! Kha có biết rằng những lúc như lúc ấy thì hình ảnh Kha, gọn ghẽ và thon thả, với đôi mắt nhí nhảnh, với nụ cười tinh nghịch, đã lọt vào hồn tôi như một tia nắng đẹp? Tôi xua đuổi nỗi ân hận bằng cách đánh lừa; thà ở đây để bắt đầu từ ngày mai viết ám tả với Kha ngay...”.

Nhưng ngày mai, Kha bận đi chơi suốt một ngày với chị em. Rồi ngày hôm sau thì Kha lại bận tiếp chị em đến nhà chơi suốt một ngày. Luôn hai ngày, Kha chẳng thềm giáp mặt tôi. Đến ngày thứ ba cũng thế, rồi thứ tư, thứ năm, thứ sáu. Tôi bắt đầu khó chịu. Tôi bỗng nhận ra rằng: giả thử tôi có về quê thì Kha cũng chẳng buồn gì: tôi không phải là một người cần đối với Kha; và trong khi tôi cau có, bực tức, khổ sở ở nhà mong đợi Kha, thì Kha rất thản nhiên đi hết đó, hết đây, để nhí nhảnh cười đùa

với các cô bạn và những người anh chài đầu sừng của họ. Tôi đã toan bảo vào mặt cho Kha biết. Nhưng hèn vô cùng những thằng yêu! Lúc vắng Kha thì tôi hùng hổ nghiêng răng, phùng má tưởng có thể nhiec máng Kha bằng những lời nhiec máng đến điều sỉ nhục, thế mà khi có dịp gặp Kha tôi lại lúng túng, ngượng nghịu, gượng sức đến đâu cũng chỉ có thể thốt ra một lời mát mẻ, nó làm Kha lườm tôi và cười tủm tỉm, hoặc sà môi ra chế nhạo. Ấy thế là nỗi giận dữ của tôi lại tiêu tan đi hết. Tuy vậy, cũng có một lần tôi can đảm hơn mọi lần kia. Chiều hôm ấy, tôi trông thấy Kha đi đâu về với một gã con trai ở sau môn. Gã theo Kha đến tận nhà. Kha có vẻ thích cái trò chơi chạy đuổi ấy. Kha bước thật nhanh cho gã phải rảo chân theo. Và trước khi ngoắt vào nhà, Kha quay lại ném cho chàng một cái nhìn và một nụ cười không rõ nghĩa.

Tôi tái mặt. Tình cờ thế nào Kha lại xông xộc chạy sang ngay. Nỗi giận của tôi vẫn còn nguyên. Bởi thế tôi mới có đủ hứng để bảo Kha là đồ lẳng lơ, ích kỷ, chỉ được cái mồm leo lẻo... Đến lượt Kha tái mặt. Kha cự tôi:

- Anh có quyền gì được “chửi” tôi như vậy?

Tôi đưỡn mặt. Bởi vì quả tôi không có quyền gì thật. Tôi cố tìm một lẽ:

- Người ta định về quê thì giữ người ta lại...

- Ai bảo anh ở lại?

- Ai bảo...! Con chó bảo?

- Anh bảo ai là chó? Anh láo vừa chứ!

- Biết vậy mình về quê cho rảnh.

- Thì ai cấm? Có giỏi thì về quê ngay bây giờ. Đây ít cần!

Kha vênh mặt, bĩu môi ra, làm “Psi” một cái, rồi vùng vằng đi ra. Tôi nằm lăn ra giường khóc. Tình ái và tự ái bắt đầu xung đột. Tôi thấy tôi bề lắm! Không những thế, tôi lại lố. Tôi có vẻ ghen bóng gió, trong lúc tôi không có quyền gì được ghen. Tôi xấu hổ. Sự giận không còn mấy, nhưng sự thẹn nhiều. Và tôi cũng thất vọng nhiều lắm nữa. Đã đến thế này tôi chẳng còn mong gì được Kha yêu. Có ở đây nữa, cũng chỉ thêm nhục mà thôi. Tôi nhồm dấy, nhảy phắt xuống thu xếp quần áo, sách vở để sáng sớm hôm sau theo xe về nhà quê.

Sáng hôm sau, tôi đang rửa mặt thì Kha lại tắt tưới xách cái lồng sáo của Kha sang, Kha toét miệng cười để làm lành. Thấy tôi có vẻ lằm lì, Kha búng tai tôi một cái:

- Trông cái mặt đẹp chưa! Vẫn còn giận đấy à?

- Giận quái gì! Tôi có quyền gì mà giận?

- Ái chà. Cậu cả cũng biết day hăn hơi kia đây!...

Rồi đột ngột...

- Kha đi Sầm Sơn vài ngày đây.

- Cái ấy có can dự gì đến tôi?

Kha quắc mắt, chỉ một ngón tay nhỏ xíu và trắng muốt vào má tôi, ra lệnh:

- Im ngay! Tôi cấm đấy.

Rồi vẫn dùng cái giọng sai khiến ấy, Kha đưa cho tôi cái lồng chim và bảo:

- Đây, tôi giao cho cậu đứa con tôi. Cậu phải trông nom nó cho tôi trong khi tôi đi vắng, nhé? Mèo nó “xực” mất con tôi thì cậu liệu hồn với tôi.

Cái giọng bà tướng ấy, - buồn cười thật! Lại làm tôi há dạ. Tôi cầm lấy cái lồng, ngắm nghía con chim rồi cười mà bảo:

- Đây vật một cái thì chết cả con lẫn mẹ!

- Kha thách đấy!

- Rồi mà xem... Tôi vật thật. Để làm gì những thứ ... chim ác thế?

Kha mỉm cười, nũng nịu:

- Đừng... Phải tội... Yêu chứ lì...

Tôi tỉnh người. Và tôi đồ rằng: đêm qua, Kha cũng như tôi, đã trần trọc suốt đêm và đã nhận ra rằng chúng tôi không thể rời nhau; bởi vậy Kha mượn cớ gửi con chim để làm lành; và lại Kha cũng sợ khi Kha đi Sầm Sơn thì tôi tức Kha mà về quê chẳng; con chim sẽ khuây khỏa tôi trong lúc vắng Kha, và giữ tôi ở lại. Nếu Kha không yêu tôi sao phải bày trò ra như vậy?

Ấy thế là cái việc về quê đành xếp xó. Tôi ở lại với con sáo của Kha để đợi Kha đi nghỉ về.

Bây giờ ngẫm nhớ lại chuyện xưa, càng nghĩ tôi lại càng phục Kha là con người sớm biết, sớm khôn. Tuổi chưa

bao nhiêu, mà Kha đã hiểu tâm lý loài người một cách rất sâu. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được bài học của Kha. Và bây giờ, nếu có một anh chồng đa nghi nào muốn xin tôi một lời khuyên, tôi sẽ khuyên hắn mua một con chim thả trong một cái lồng trao cho vợ nhờ nuôi hộ; lúc trở về, nếu con chim của hắn chưa chết, thì hắn có thể chắc đến một nửa rằng người đàn bà chưa phụ hắn. Cứ xét tôi là đủ biết: con sáo Kha giao cho tôi săn sóc đã giúp tôi thấy những ngày Kha xa tôi bớt dài. Tôi bận bịu suốt ngày với con chim và không còn thì giờ để nghĩ đến sự ghen tuông, đến những nụ cười, những khóe mắt, những cuộc gặp gỡ của Kha ở Sầm Sơn. Công việc quan trọng của tôi là đổ nước cho con sáo của Kha, bỏ chuối cho con sáo của Kha, đi bắt cào cào cho con sáo của Kha, và dạy con sáo của Kha gọi: “Kha? Kha?...”. Còn thừa chút thì giờ nào thì tôi ngồi nói chuyện với con sáo của Kha về chủ nó. Sung sướng thay là những người yêu! Tôi đem bao nhiêu ngày giờ quý hoá của mẹ tôi đang mỏi mắt chờ tôi, để phụng sự một con sáo, mua cả lồng mới đáng giá ba hào rưỡi, và cho thế là hạnh phúc...

Một hôm tôi đi bắt cào cào về thì thấy cậu tôi ngồi đợi ở nhà. Mặt cậu tôi có vẻ băn khoăn. Tôi chột dạ, đoán ngay là mẹ tôi không thấy tôi về, nhớ quá nhờ cậu tôi ra đón. Không phải thế. Cậu tôi vừa thấy tôi, đứng lên ngay:

- Cháu mặc quần áo đi về. Em Thi sắp chết, đòi gặp mặt anh cả nó.

Tôi sững sờ:

- Thi sắp chết? Nó làm sao?

- Nó ốm đã lâu. Hôm nay mệt lắm rồi. Cậu tới đây lúc ba giờ. Cháu đi đâu mãi... Không nhanh thì không kịp mất.

Tôi thấy mắt mờ nước mắt. Tôi vội vàng mặc áo rồi đi theo cậu. Chúng tôi thuê xe không mặc cả, trèo lên thúc người phu chạy riết. Nhưng không kịp. Khi tôi tới nhà, thì nhà đã om tiếng khóc. Độ mười lăm phút trước thấy tôi đã xem mạch cho em tôi xong, khẽ lắc đầu và đưa mắt ra hiệu cho mẹ tôi lấy sẵn quần áo của nó ra. Thi trông thấy mẹ tôi mang quần áo lại gần, sợ hãi kêu lên:

- Thôi! Đúng chết rồi...

Rồi nó hoảng hốt, bấu lấy tay thấy tôi ngồi cạnh nó...

- Anh Lưu? Anh Lưu đâu?... Anh Lưu đâu hờ thấy?...

Bây giờ thì đôi mi tím bầm của nó đã phủ kín đôi mắt nhắm... Em Thi? Em Thi? Anh Lưu đã về đây em Thi à! Hỡi ôi! Hàng mi thưa chẳng bao giờ còn động đậy... Em tôi chẳng còn trông thấy mặt tôi bao giờ.

Lưu viết đến đây thì tôi đến. Nỗi cảm động còn để lại trên mặt anh vài vệt nước. Anh có vẻ hơi bối rối vì đang khóc hay vì đang viết? Không một người đàn ông nào muốn một người đàn ông khác thấy mình sụt sướt. Không một người viết văn nào muốn một người làm nghề viết bắt gặp mình đang ngồi viết văn... Tôi vờ hỏi:

- Thư từ gì mà dài khiếp thế?

Anh cười ngượng nghịu:

- Không... Tôi đang bắt chước anh: viết truyện.

- Truyện gì thế vậy?

- À... Anh thử đọc... Tôi cũng định viết xong nhờ anh chữa hộ.

Mặt Lưu hơi đỏ lên một chút trong khi tôi đọc. Tôi đoán: anh nhìn theo nét mặt tôi kỹ lắm. Và khi tôi đã đọc xong, vừa ngước mắt lên, anh đã run run hỏi:

- Được không anh?

Muốn tránh việc trả lời, tôi hỏi lại:

- Đã hết chưa?

- Còn cái kết.

- Anh định kết như thế nào?

- Như đã xảy ra, bởi vì truyện này là truyện thật... Tôi về nhà quê vắng, nên cái lồng sáo không có ai coi sóc. Ngay đêm hôm đầu, một anh chuột rúc vào lồng cắn chết sáo, rồi lúng túng ở trong ấy không ra được, đến nổi sáng hôm sau bị thằn ở nhà tôi trọ bắt. Kha trở về, thấy nói sáo của mình bị chết, trách tôi là đồ ác, ích kỷ, chỉ leo lên cái mồm v.v... Rồi Kha báo thù lại bằng cách cho tôi xem bức ảnh Kha mặc quần áo tắm đứng với một anh chàng mặc vồn vồn có một cái quần tắm, chụp ở Sầm Sơn.

- Anh ghen chứ?

- Tất nhiên, tôi xui thằng em Kha mách mẹ: bà mẹ chửi Kha một trận nên thân rồi bà bắt Kha bỏ học, ở nhà buôn

bán. Chắc con bé chửi thầm mình ghê lắm, bởi nó không chửi vào tận mặt tôi được nữa: tôi dọn đi chỗ khác. Nhưng nếu kể đúng như vậy, thì truyện có một tính cách tầm thường lắm. Vì vậy tôi sẽ viết: tôi hy sinh tình yêu và hạnh phúc đi vì nàng...

1943

SAO LẠI THẾ NÀY?

- Bẩm ông...

Hiệp ngoái đầu ra. Đó là thằng Bản, đẩy tứ nhà bà Hưng Phú. Nó chấp tay, đứng tận gần chỗ cửa...

- Gì thế, anh?

- Bẩm ông, ông con bảo con lên xem ông dậy chưa, mời ông xuống phòng khách xơi nước ạ.

- Ông về bao giờ thế?

Hiệp cố lộ vẻ sững sốt trong đôi mắt và trong giọng nói.

- Bẩm ông, ông con về từ lúc mười hai giờ kia ạ. Ông con tắm xong, định lên chào ông nhưng bà con bảo: ông còn ngủ ạ.

Hiệp ngấm ngấm hổ thẹn. Hắn thấy mình không thiệp. Đáng lẽ hắn phải xuống chào ông Hưng Phú trước. Nhưng hắn lại giả vờ ngủ mết, không thèm xuống. Tính hắn như vậy: hắn sợ nhất sự khúm núm, xu nịnh người trên hoặc người giàu. Lễ phép thì lễ phép thôi, thì chẳng có một người giáo dục nào có thể bỏ qua. Nhưng cái lễ

phép ấy phải đặt những người hèn ngang hàng với những người sang. Hiệp đã nhiều lần được trông thấy người ta cất mũ chào một cái xe tang. Ấy là một cử chỉ đáng khen. Nếu tay chẳng bận ôm xách gì thì hẳn cũng làm theo. Nhưng hẳn để ý đến sự này hơn: hẳn cố nhịn nhổ bọt khi gặp bên đường một cái xác chết xám ngắt và cả triệu ruồi nhặng bám, hẳn kính cẩn cúi đầu hay nhấc mũ. Người ta có thể gàn muôn vạn cách. Hẳn thích gàn kiểu ấy và cất nghĩa: “Đối với một người nghèo, mình có lẽ phép quá sự thường một chút, hẳn cũng không ai có thể bảo, và không ai nở bảo: mình xu nịnh; đối với một anh giàu không thể thế, anh ta, và thiên hạ, rất dễ ngờ mình cầu cạnh. Vậy thì với hạng sau chỉ lẽ phép vừa vặn, đừng bao giờ quá”. Ông Hưng Phú là một nhà thầu khoán kiêm lái gỗ. Ông có xe hơi, có nhà lầu, có đồn điền lại có cả trại ở nhà quê. Vậy thì chính là một người giàu đứt đi rồi. Tuy Hiệp chưa biết mặt ông (trong khi điều đình để đến dạy mấy đứa trẻ nhà ông trong vụ nghỉ hè, hẳn chỉ giao thiệp bằng thư và sau cùng thì được gặp người thư ký thay mặt ông Hưng Phú luôn luôn đi vắng), hẳn cũng hình dung ra một người to béo, quần áo sang, cái mặt phình phính vênh lên và đôi mắt híp nhìn người ta một cách bề trên lắm. Bởi vậy hẳn coi là một cái nhục, cái việc tất tưởi chạy xuống đón ông Hưng Phú cùng với vợ, con ông và bọn con hầu đầy tớ nhà ông, để kính cẩn cúi đầu chào khi ông bệ vệ từ trên cái xe hơi bước xuống, mắt nheo nheo vì khói một điều xì gà lớn. Ồ! Mà nghĩ cho kỹ, thì cũng chẳng cần gì phải hạ mình như thế thật. Hẳn không phải là cậu giáo nhà ông. Hẳn là ông đốc một trường tư. Tuy cái trường tư ấy rất

mềng nhưng ai biết đấy là đâu. Hấn nhận dạy mấy đứa trẻ nhà ông, tại cái nhà nghỉ mát: Hấn đã bày tỏ với người thư ký nhà ông thế. Mà có lẽ sự thật là thế đấy. Bởi vì giả thử hấn không đi, cứ ở nhà, trông coi một lớp nghỉ hè, thì số tiền thu về có phần hơn. Hấn có chết gì đâu? Hấn đi, chỉ vì sự nghỉ ngơi, không phải vì cơm áo. Vậy thì hãy liệu mà đối đãi! Tử tế thì hấn ở, không tử tế thì hấn téch. Mà hấn không chỉ téch thôi đâu. Hấn sẽ cho một bài học để mà sáng mắt ra. Cái bọn ngu dốt mà giàu đáng ghét vô cùng. Chúng chỉ biết có tiền, mà coi người như rác, như rơm. Bỏ ra độ ba chục đồng để nuôi một cậu giáo cho con, chúng tưởng là đã nhiều và cái kẻ lĩnh mỗi tháng ba mươi đồng bạc để mở mắt cho lũ con cháu chúng kia, chỉ đáng cho chúng coi hơn những thằng nhỏ, con sen một chút. Hiệp không đời nào chịu thế. Nếu hấn chịu khổ sở với cái nghề dạy học tư, có phải vì hấn học hành dở dang đâu? Chỉ vì hấn quá yêu mình, quá trọng mình, và trọng tự do. Vậy thì cần gì mà nịnh nọt ai, dẫu ai đó có là ông Hưng Phú! Đã đành bà Hưng Phú biết người, biết của. Bà quý Hiệp. Hấn được coi như khách. Mình hấn được một căn phòng riêng đồ đạc rất sang. Cơm nước hấn hỏi. Bọn đầy tớ hầu hạ và nói năng lễ phép. Những đứa trẻ rất ngoan. Bà chủ nhã nhặn và ý tứ. Bà có tư cách của một người quý phái, giao thiệp khéo. Dù ở cùng một nhà, nhưng gặp hấn ở trong vườn hay đi chơi về, hoặc đi ra, bao giờ bà cũng cúi chào. Mỗi sáng, bà sai đem lên phòng hấn một bó hoa tươi cùng với bữa điểm tâm. Và mỗi trưa, khi hấn ngủ dậy, bà cho mời hấn xuống căn phòng khách mát rượi hương sen, để uống bia, uống nước chanh, uống

trà do chính bà pha, hoặc ăn một món ăn mát do bà làm lấy. Hai người nói chuyện. Bà lễ phép hỏi về sức học của từng đứa cháu, hoặc trao đổi với hần ít nhiều ý kiến về thời tiết, về thời sự, về những cảnh đẹp ở vùng này, về cuộc sống của dân quê ở chung quanh, về tất cả... Cái tài nói chuyện của bà thật hiếm có; bà biết vui mà không lơ là, đứng đắn mà không nghiêm nghị, nhẹ nhàng mà không phù phiếm. Cách trang điểm của bà cũng vậy: đẹp nhưng nhũn nhặn. Thật là một người đàn bà kiểu mẫu. Và Hiệp mỉm cười khi nhớ lại cái ý nghĩ điên rồ của hần hôm mới trông thấy bà:

Hồi mười tám, đôi mươi, Hiệp đã cưới một người vợ nhà quê. Để chiều ý mẹ mà thôi. Hần chẳng ưng bởi thời ấy, đầu hần còn nhiều mơ mộng lắm. Hần để ý đến những mớ tóc uốn quăn, những tà áo xanh, áo đỏ hơn. Khi người ta ra tỉnh học từ thuở chừa lên mười thì làm thế nào mà thích được một cô vợ đặc nhà quê, quần nái, áo nâu, đi chân không, da xám nắng và bàn tay đen thui? Vợ Hiệp lại cứng như một cái danh, bản thủ, và cục mịch. Hần sợ thị đến nỗi nghĩ hè cũng không dám về quê. Mỗi lần vì một sự bắt buộc gì phải về nhà, hần lại phải thấy một đứa con gái dẹt đóng, gầy guộc, đầu bù tóc rối, quần áo lòi thoi, mặt ngơ ngác, da xanh búng, cả ngày chả nói một câu, mà ăn thì thô tục, thị cấm cúi mặt chẳng lúc nào rời cái bát. Mới chỉ trông đã ghét! Đã vậy lại còn mất nết. Tuy mẹ hần cố tình giấu giếm, nhưng hần cũng biết rằng vợ hần rất hư. Bởi vì bà mẹ chỉ giấu con, chứ không giấu người ngoài. Cả làng chẳng ai còn không biết con dâu bà đã đủ tật: đã vụng, đã lười, đã ăn không nên đợi, nói chẳng nên lời, lại

còn có tính gian: thị chúa đời là hay ăn cắp và ăn vụng. Mà ăn vụng như thế nào? Thị bốc trộm gạo sống cho vào túi để ăn dần. Thị hớt cơm chớ thật nhiều rồi bớt lại, giấu đi, để ăn cơm với cả nhà rồi lại lấy ra ăn. Thậm chí đến đồ cám cho lợn ăn mà chị cũng ăn vụng vài bát ngay ở chuồng lợn được. Ghê tởm quá! Hiệp không thể tưởng tượng trên đời này lại có những hạng đàn bà như thế ấy. Hắn chưa bao giờ phải đói. Hắn chưa bao giờ phải thêm cơm. Hắn không biết rằng mẹ hắn, và vợ hắn, và các em hắn ở nhà phải nhịn để lấy tiền cho hắn học hành: mỗi ngày chỉ ăn một bữa thôi, mà mỗi bữa, lệ có mỗi người hai lùm lùm bát. No dôn, đói góp. Hiệp đã từng biết cái nông nổi ấy ở đâu? Bởi vậy hắn cho một người ăn vụng là quái vật. Chưa lần nào hắn dám ngủ chung một giường với vợ. Và hắn vẫn định sau kỳ thi tốt nghiệp, được rảnh rang rồi, hắn sẽ bỏ vợ thẳng tay. Nếu mẹ không chịu, thì hắn sẽ đi. Không thể sống với một người đàn bà như thế được!... May cho hắn: một hôm vợ hắn trốn nhà đi. Chẳng biết đi đâu. Hình như do một trận đòn. Bà mẹ chồng bắt được nàng dâu trong lúc ghế cơm, xúc một ít cơm mới trụng lên bỏ vào miệng. Bà chạy vội vào, bóp chặt cổ con dâu rồi lu loa cho hàng xóm đến xem. Đứa con dâu phải nhả cơm ra, nước mắt chứa chan. Người ta chếp miệng lắc đầu. Người ta bàn tán xôn xao. Có lẽ vì xấu hổ, nên thị chẳng có mặt mũi nào ở nhà để trông thấy người ta nữa. Thị đi mất tích. Hiệp lấy làm may mắn. Và suốt từ ngày ấy đến nay, hắn sống một thân một mình...

Hôm mới đến trại bà Hưng Phú, Hiệp ngạc nhiên vì nhận thấy một lúc kia, bà Hưng Phú đã có một lối nhìn

xuống từ tựa như người vợ đã bỏ nhà đi của hắn. Và vốn óc giàu tưởng tượng, hắn phác ngay ra một truyện ly kỳ: người vợ của hắn xưa kia, qua nhiều cuộc đổi thay đã trở nên bà Hưng Phú bây giờ, giàu có mà sang trọng... Tưởng tượng điên rồ quá! Bởi càng ngày hắn càng nhận thấy ở bà Hưng Phú một người đàn bà có giáo dục, có tư cách, có tâm hồn... nói tóm lại một người đàn bà thượng lưu. Hiệp sinh lòng kính trọng. Người ta tử tế thì mình cũng nên lấy sự tử tế mà đổi lại. Cho nên khi nghe tiếng còi xe, xe hơi của ông Hưng Phú, Hiệp đã nghĩ đến chuyện xuống chào ông một tiếng. Nhưng rồi hắn lại không muốn xuống. Bởi vì rất có thể người chồng không giống vợ. Nếu người ta khinh khỉnh chẳng hóa mình đại sao?...

Bây giờ thì Hiệp lại trách mình đã không lịch thiệp: bởi thấy ông Hưng Phú tỏ ra người lịch thiệp: ông muốn lên chào hắn. Ông làm cho hắn thẹn. Hắn vội vàng nhòem dầy, đi rửa mặt, chải đầu, thay quần áo xuống nhà chào ông...

Hai người gặp nhau ở chân thang. Bởi vì ông Hưng Phú toan lên. Hiệp kính cẩn chào. Ông Hưng Phú cũng cúi chào. Hai người nắm tay nhau. Nhưng giữa lúc ấy thì ông Hưng Phú kêu lên:

- Ô!... Anh Hiệp!

Hiệp giật mình, sững sốt. Sao ông Hưng Phú lại biết tên thật hắn? Trong thư hắn viết cho ông, và lúc giáp mặt người thư ký, hắn không hề nói rõ tên và chỉ xưng mình là hiệu trưởng trường Học-hải. Hắn nhìn kỹ ông Hưng

Phú. Quen lắm thật. Nhưng lòng hần đang bối rối nên chưa nhớ ra được là ai. Ông vỗ vai hần và vui vẻ...

- Anh quên tôi hả? Rự, Rự *chánh quay phim* đây mà!

- A anh Rự! Tôi nhớ rồi.

Cả hai cùng cười lớn. Ông Hưng Phú cười thẳng thắn. Hiệp cười kém thẳng thắn hơn một tí. Bởi vì ít có người muốn gặp lại một người bạn cũ trong một trường hợp tương tự như thế. Nhưng ông Hưng Phú không để cho bạn có thì giờ ngưng nghịu. Ông kéo bừa hần đi và toang toang bảo:

- Thế này thì hả thật! Tôi nhớ anh ghê lắm... Có đến quá mười năm nay chúng mình chẳng gặp nhau... Tôi sướng quá! Anh ạ, chúng mình có tuổi một tí rồi mới hiểu: không cái gì quý bằng tình bạn... Đã thế mai tôi chưa đi vội. Tôi ở lại đây với anh ba, bốn hôm để nói chuyện cho thật hả. Mặc cha công việc!...

Gần đến cửa phòng khách, ông đã gọi vợ.

Bà Hưng Phú ở trong phòng chạy ra. Ông chỉ vào Hiệp đang cười gượng và giới thiệu:

- Minh đáng đánh đòn! Bạn cũ đến nhà mà không biết. Minh có biết ai đây không?

Người thiếu phụ ngược đôi mắt nhưng nhìn Hiệp. Người chồng bảo:

- Anh Hiệp đấy!...

- Hiệp?...

- Ủa anh Hiệp... Mình làm sao vậy?

Bởi vì sau tiếng kêu khàn khàn trong cổ họng, người đàn bà giương đôi mắt thật to nhìn Hiệp. Rồi mặt bà biến sắc. Đôi mắt luống cuống như muốn tìm đường lẩn trốn, chớp luôn mấy cái rồi nhìn xuống đất. Hiệp thấy mắt mình như lóe lên một cái. Đôi mắt nhìn xuống kia chính là đôi mắt người vợ cũ. Hắn đột nhiên bối rối... Ông Hưng Phú nhìn vợ rồi nhìn bạn. Ông không phải là người ngốc. Ông hỏi vợ:

- Chắc mình cũng có quen anh Hiệp? Bây giờ mới nhớ, phải không?

- Không! Không! Sao mình nói thế?

Ông Hưng Phú cười, nửa chua chát, nửa như chế nhạo:

- Mình khỉ lắm!... Tại sao tôi lại không nói thế? Mà tại sao mình phải chối? Quen anh Hiệp không phải là một tội.

Bà toan cãi. Nhưng ông ra hiệu cho không được nói và nói lấp đi:

- Mình là vợ, anh Hiệp đây là bạn. Còn tôi thì rất may mắn, không có những thành kiến ngu ngốc như kẻ khác. Nếu tôi giống như những người đàn ông khác thì tôi đã không dám lấy mình làm vợ. Trước khi lấy mình, tôi đã biết mình qua tay nhiều người, nhiều kẻ, đã lăn hết phòng ngủ này đến phòng ngủ khác...

Ông quay về phía bạn...

- Có phải không, anh Hiệp? Khi người ta phải bán những cái vuốt ve để sống... Tôi có lạ gì chuyện ấy? Nhưng tôi thích lấy y thì cứ lấy. Cái quá khứ của y, chỉ mình y có quyền quan tâm đến. Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai là một cô gái giang hồ với một người đàn bà lương thiện không khác nhau là mấy. Chỉ có những hoàn cảnh khác. Hoàn cảnh đối, rất có thể là người đối, tâm tính đối. Tôi đã tính không sai mấy. Bởi tôi có thể nói mà không phải ngượng, rằng: Từ ngày lấy tôi, vợ tôi thật là một người đàn bà không thể trách. Tôi sung sướng lắm. Có phải thế không, anh Hiệp?

- Vâng, phải lắm.

Hiệp gật đầu đáp lại. Và hần chua chát nghĩ cả một người vợ hư với một người vợ không hư cũng thế, họ gần nhau lắm lắm!... Và hần chợt thấy trong óc một chân trời vừa hé mở. Một quan niệm mới về người, về cuộc sống. Những ý nghĩ rất lan man về đời...

Bà Hưng Phú lợi dụng yên lặng ấy để mà cất nghĩa:

- Tôi với bác Hiệp đây là người đồng hương. Hèn chi mà hôm bác mới đến đây, tôi ngờ ngờ mãi. Trông nhang nhác... Nhưng lâu năm quá, không được gặp nên trông khác quá. Ngày xưa bác ấy còn trẻ lắm, và mặc quần áo ta...

1943

XEM BÓI

Hắn tưởng hắn chỉ nhọc thôi. Nhưng đi qua một tiệm ăn, nghe tiếng mỡ reo trong chảo và ngửi những mùi xào nấu đưa ra, hắn mới biết rằng hắn còn đói nữa. Chính vì đói cho nên mới nhọc đến thế, mà đói cũng phải; tối hôm qua nhịn; sáng hôm nay, chỉ ăn có một đánh khoai lang bằng ngón chân cái rồi đi ngay; chưa cơm nước gì... “Làm một bát phở chăng?”. Bụng hắn nghĩ thế, nhưng chân hắn cứ đi. Đi quá tiệm ăn mấy bước, hắn nuốt nước dãi kêu đánh ực. Hắn cố xua hình ảnh một bát phở bốc khói ra khỏi trí. Bởi vì phở thì ngon thật. Nhưng mà đắt. Mà lại lỏng bống nhiều nước quá. Tiếng rằng một bát, nhưng nếu chỉ kể nguyên bánh và thịt, khó mà được năm miếng thỏa. Đúng hai hào một bát. Biết ăn mấy bát? Nhiều: không đào đâu ra tiền được, ít, dở miệng càng thêm khổ, mà lát nữa ra đến ngoài kia, tiểu tiện đánh tèo một cái, lại đâu vào đấy: Bụng đói hoàn đói... thà làm mấy hào cơm cho chắc dạ...

Hắn vừa đi vừa suy nghĩ như thế, mặt cúi gằm xuống đất, gần như chẳng nhìn thấy gì, bởi cái lối đi đã thuộc

quá, có nhắm mắt mà đi cũng không sợ lạc. Đến hàng cơm mọi khi, hắn cứ rẽ vào, rồi mới ngẩng mặt lên. Vừa ngẩng lên hắn tức thì tung hứng. Đôi lòng mảy râu róm của hắn nhấc lên lưng chừng trán. Đôi mắt hắn rần to. Mũi hắn hếch lên như mũi một con dê con nghe dê mẹ gọi. Hắn có vẻ vừa bỡ ngỡ vừa cău kỉnh. Bởi vì vừa rồi, khi mới gần tới đây, hắn đã dọn môm sẵn để ăn cơm. Thế mà người ta lại không còn bán ở nơi này nữa. Hắn nhìn căn nhà hai tầng quét vôi vàng, bên phải. Hắn nhìn căn nhà hai tầng có cái gác như một cái chuồng chim, bên trái. Hắn nhìn cây bàng to trước cửa... Đúng là cái nhà này, không sai được. Nhưng cái chõng hàng cơm, với những cái chậu sành đựng đồ ăn với đàn ruồi nhặng mọi khi thì không còn thấy. Cửa lùa của hai bên thì thấy đóng, chỉ thấy để một lối ra vào ở giữa mà thôi. Trước cửa, treo một bức màn mỏng, như kiểu những nhà để ở, không buôn bán.

Cái hàng cơm đã dọn đi nơi khác hoặc không bán nữa, có thể thôi. Thật giản dị như một bài tính đồ trẻ con. Nhưng hắn bực mình nên cứ băn khoăn hỏi mãi: “Thế là cái cóc gì? Thế là cái cóc gì?”. Hắn lẩm bẩm thành lời. Rồi hắn lại toan xộc vào nhà, để hỏi người trong nhà nữa, làm in như một người đang đòi nợ thấy con nợ của mình chuồn mất. Nhưng mới bước vào khỏi bức màn mỏng, hắn chợt trông thấy cái biển treo ngang. Ấy là một cái biển nhỏ, màu đỏ thẫm, chữ đen, như cố giấu mình đi. Hắn phải dụi mấy lượt cho khỏi quáng mắt, mới đọc nổi ba dòng chữ viết khắc chìm xuống gỗ: “Thấy bói Cừ,

trước ở Hà Nội nay dọn về đây, tiền vận, hậu vận, nói mười lời không sai một”. A! Thấy bói. Cái giống này không làm cho no bụng, hấn lui ra, nhưng cũng chưa đi vội. Có lẽ cũng chỉ vì hấn nhọc, mà trời thì nóng; hấn không biết có một hàng cơm nào gần đấy cả. Hấn nhăn nhó, đứng tần ngần một lát. Đi đâu mà ăn bây giờ? Máy hàng chữ trên cái biển của thầy bói lại lần lượt hiện lên trong óc hấn. Hấn tặc lưỡi, và tự bảo: “Me nó! Hay là mình hỏi xem có rẻ, xem một quẻ”. Tuy thế hấn vẫn còn do dự. Bởi vì cái sự rẻ chắc là ít có. Tay này đã ở trên Hà Nội, tất phải là tay khá lắm, (đối với hấn, cái gì ở Hà Nội cũng khá cả). Không khá, sao lại có góp mặt được với dân Hà Nội? Lão này chắc phải xem giỏi lắm, xem giỏi thì lấy đất. Chắc lão phải lấy từ một đồng trở lên. Hấn làm gì có tiền mà xem?... Bởi nghĩ thế nên hấn đã chực vào rồi lại không vào nữa. Nhưng hấn cũng không đi dứt. Bởi từ lúc nghĩ rằng: Hấn không đủ tiền để mà xem, tự nhiên hấn muốn xem bói quá. Giá độ năm hào mà cũng xem được thì thích thật. Hấn quyết nhìn dúi để xem một quẻ. Để xem người ta nói ra thế nào? Tại sao mà hấn cứ long đong mãi thế? Bao giờ thì đứng số? Liệu đời hấn có còn bao giờ mở mày, mở mặt ra được nữa hay cứ thế này mãi mãi?... Lòng hấn tự nhiên sấm tối lại. Hấn nghĩ đến nỗi khổ của hấn từ ngày ốm một trận, nghỉ lâu quá mất việc để bây giờ thất nghiệp... Những đồ đạc bán đi... Những ngày ăn cháo loãng cầm hơi... Những buổi tối vợ chồng cắn rứt nhau. Những lần vác đơn để khúm núm đi xin việc hết sở này sang sở khác... Ngay lúc này, hấn cũng vừa xin việc tại một hãng chế tạo đồ dùng nọ. Ông chủ hãng cầm lấy

tờ đơn của hắn, xem qua một chút rồi trả lại ngay, lắc đầu, đuổi hắn ra. Hắn rơm rớm nước mắt, năn nỉ như một thằng ăn mày xin một đồng xu: “Bẩm ông, ông rủ lòng thương đến con! Ông thuê hàng trăm người nữa có vào đâu? Ông cho con mỗi tháng bao nhiêu cũng được. Con thất nghiệp quá một năm rồi. Nhà nghèo lắm. Ông không thương con thì con chết đói mất...”. Chả biết ông chủ có để ý nghe những lời hắn nói hay không. Ông cúi mặt, trông xuống quyển sổ lớn tướng mở trên bàn. Bỗng ông ngừng phất mặt lên, trợn mắt nhìn hắn, và sùng sộ:

- Anh không ra còn đứng làm gì đấy?

- Lay ông, ông không thương thì con chết đói. Con thất nghiệp...

Hắn toan đọc lại những điều vừa mới nói. Nhưng ông không muốn nghe gì hơn nữa. Ông đẩy hắn ra phía cửa:

- Ra đi! Con khỉ!... Ai hơi đâu mà bạ thằng thất nghiệp nào đến cũng nuôi? Đủ người rồi. Ra đi!

Ngay lúc ấy, hắn nhe răng ngào trong cổ. Nhưng chỉ một lúc sau hắn đã bật cười. Nghĩ cho kỹ thì ông nói phải: Ông bỏ ra bao nhiêu tiền lập cái hãng của ông, là có ý kiếm lợi chứ có phải mở một nhà tế bần đâu, mà bắt ông phải chứa tất cả những đồ chết đói? Bây giờ nhớ lại, hắn cũng nhếch mép cười một chút. Nhưng cười thì cười, hắn cũng không thể vì thế mà vui vẻ lại. Cái ý nghĩ của hắn lại quay về lão thầy bói. Hắn tin chắc rằng: Lão thầy bói này hay lắm. Lão sẽ rọi một tia sáng vào cõi

tương lai mù mịt của hắn. Lão sẽ báo cho hắn biết đời hắn mai sau thế nào?...

“Thì mình cứ vào hỏi xem!... “. Như sợ đổi ý, hắn chưa nghĩ đến hết câu đã bước vào lập tức. Mặt hắn hơi tái đi một chút. Tim hắn đập.

Có hai người trong đó, đều nằm cả. Ý chừng họ nghỉ trưa. Một người mặc áo thâm thùng, để nguyên cả cái khăn xếp tàng tàng ở trên đầu và đôi kính đen trên mắt: ông thấy đầy hủ. Người kia mặc quần áo cánh trắng. Giữa lúc vải khan, xà phòng đất này mà lạnh lặn, sạch sẽ được như ý kể cũng là sự khó. Bởi vậy mà hắn không đoán được y là gì đối với ông thầy bói: Học trò hay đầy tớ? Giá ông là thầy Tàu thì còn dễ hiểu: Hắn sẽ bảo: Y là thông ngôn. Ông thầy nằm theo bệ dọc bộ ghế ngựa lại ngang đầu bên trên ông là một cái bàn thờ làm như một cái đôn đóng vào tường. Một cái màn hoa che kín mít đi, nên hắn chẳng biết trên ấy có những chi chi cả. Bên ngoài ông, nghĩa là giữa sập, là một cái tráp với một cái đĩa để trên, một ống hương, và một cuộn hương vòng đang cháy dở, chấm than ủ tròn bốc một dây khói thiêu thiêu. Anh chàng áo cánh trắng nằm theo chiều ngang bộ ngựa, châu đầu vào với ông thầy bói, làm thành một cái hình thước thợ. Y lim dim ngủ. Nghe tiếng chào của hắn, y nhòm phất dậy như một con *lật đật*. Ông thầy chậm chạp và bình tĩnh hơn. Hắn lại gần anh chàng áo cánh trắng và hỏi khề.

- Thưa ông, ở đây xem bao nhiêu tiền một quẻ?

- A, có ba hạng. Nếu ông xem một quẻ chỉ sự hỏi một việc thôi thì có hai hào rưỡi...

Có hai hào rưỡi!... Hắn mở đôi mắt hơi to hơn một chút. Bởi vì đó chính là một sự ngạc nhiên. Nhưng anh chàng kia vẫn nói tiếp. Y pha vào lời nói rất nhiều chữ nhỏ, hắn không hiểu rõ nên không nhớ kịp. Nhưng hắn cũng hiểu lơ mờ rằng: Sau cái hạng hai hào rưỡi, còn một hạng năm hào để xem cả một đời người, (hắn biết vậy nhờ hai tiếng chung thân) và một hạng một đồng để hỏi han đến cả việc của anh em, bố mẹ... Ồ! Nếu vậy thì rẻ lắm. Hắn sẽ xem một quẻ vào hạng giữa. Hắn ghé ngồi vào cạnh ghế phía trong, có ý để khuất mình vào cánh cửa, để ở ngoài không trông thấy. Người áo trắng nhắc cái đĩa trên mặt tráp đặt ngay trước mặt hắn:

- Ông đặt quẻ.

Hắn móc túi, bỏ vào đấy năm hào. Y lại nhắc cái đĩa đặt về chỗ cũ cho ông thầy bói, rồi đứng lên, ra ngoài. Lão thầy bói mù rút một nén hương, nhờ hắn thắp giùm. Lão mở tráp lấy miếng cau và xếp độ ba bốn lá giầu không vào cái đĩa đựng cái giấy năm hào của hắn. Lão đặt nén hương mới thắp nằm ngang ở trên cùng. Rồi sau khi đã hỏi tên, tuổi, làng, tổng, huyện, tỉnh của khách hàng, lão nâng cái đĩa lên ngang mặt, và khấn to như một thầy cúng đọc sớ:

- A-di-đà-phật! A-di-đà-phật! A-di-đà-phật!...

Hắn chỉ nghe được ba tiếng, nhắc đi nhắc lại ba lần, trên đầu bài khấn. Rồi đến một hàng chữ nhỏ, trong đó có

tên, tuổi, và nơi ở của hắn, kể rõ ràng như trong một lá đơn. Lão thầy bói mù tịt, nên trong khi lão khấn, hắn có thể nhìn trông trực vào cái mặt da thiết bì và béo như phù của lão.

Khấn xong, lão gieo tiền, vừa gieo vừa lẩm bẩm đọc những lời bí mật gì. Rồi lão ngồi ngẩn mặt ra một lúc như tính toán. Hắn nhìn đăm đăm vào đôi môi lão mập mạp và thâm như một miếng thịt trâu luộc chín. Đôi môi ấy chợt mở ra:

- Ông có nhớ giờ sinh không?

- Thừa cụ, không biết rõ; chỉ biết vào buổi chiều khoảng chín, mười giờ gì đó.

- Thế thì giờ Tí.

Lão lại lẩm bẩm một lát, rồi mới cao giọng bảo.

- Cứ như cái tuổi của ông, nếu sinh vào giờ Tí, phụ mẫu không còn được song toàn, nghĩa là bố mất, mẹ còn hoặc bố còn mẹ mất.

- Không phải thế: Bố mẹ cháu khuất cả rồi.

- Thế thì không phải ông sinh vào lúc mười giờ. Chắc là mười một giờ, sang giờ Ngọ.

Lão lại lẩm bẩm tính...

- Phải rồi! Giờ Ngọ... Giờ Ngọ thì cha mẹ đều mất sớm. Mà ông tuy không phải là con cả mà lại cả đấy.

- Thừa cụ, sao lại thế?

- Ấy, ông cứ nghĩ kỹ mà xem!

Hắn nghĩ... và bỗng gật mạnh đầu một cái. Ồ! Thánh thật! Lão nói vậy là đúng đấy. Tuy hắn có một người anh, nhưng người anh ấy đi tha phương cầu thực, mấy năm nay chẳng có thư từ, tin tức gì. Chẳng biết phiêu bạt nơi đâu, còn sống hay đã chết. Việc cúng giỗ ở nhà, hắn phải thay anh cả mà cúng đáng tất cả, thế chẳng phải tuy không cả, mà cả ư...? Lão thấy bói hỏi:

- Có phải thế không ca?

Hắn chịu. Và nói rõ điều ấy cho lão nghe. Lão toét miệng cười!

- Ấy đấy!...

Lão lại nghiêm mặt, tiếp:

- Cái số ông, từ bé đến giờ gian truân đã nhiều đây. Nhưng được cung thê thiếp tốt. Bà ấy chắc đảm đang. Nhưng phiền nỗi vợ chồng xung khắc, ngồi nói với nhau được ba câu là cãi nhau...

Trời ơi! Đúng quá!... Câu này thì rất đúng!... Hắn gần như muốn kêu lên như vậy. Nhưng lão còn nói nữa:

- Nhưng hay giận hay lành, cãi nhau xong chỉ một lúc đâu lại vào đấy...

Thì là hắn! Ai mà giận được con mẹ ấy! Nó nói nghe tức thật: Thật cứ ngang như cua, nhưng cái nét làm, cách ăn ở với chồng con, với hàng xóm láng giềng, thì thật

không chê trách được. Không có nó hết lòng chạy chữa, hắt chết tám đời rồi, đâu còn sống được đến bây giờ? Và tuy nhà túng lắm, một hào cũng khó, nhưng chẳng lần nào hắt đi xin việc, nó không đưa cho đồng bạc. Ấy! Sáng ngày cũng thế: Nó vừa đưa tiền vừa căn dặn dù hắt xin được việc hay không, cũng cần ăn uống gì đi rồi hãy về, kéo đói bụng, cảm một cái là không bố... Nói lay giời lay đất! Hắt được con vợ có thể gọi là khá thật! ... Hắt thích chí được người ta khen vợ, kể lễ rất dài dòng với lão thầy như vậy. Hắt khen lão thầy bắt sất, và tin ở tài lão lắm. Hắt bắt đầu hỏi về hậu vận...

- Ông còn long đong năm nay, sang năm nữa. Đến năm hăm một thì mới khá. Công việc tự nhiên mà gặp. Tài lộc dồi dào...

Lão nói rất nhiều. Đại khái tốt nhiều, xấu ít, và lão quả quyết đến năm bốn mươi một thì hắt giàu bạc vạn...

Chà! Thích quá!... Giàu bạc vạn! Hắt ra về hể hả. Bụng hắt không đói nữa. Người hắt không mệt nữa. Áo tưởng lóa mắt hắt. Hy vọng nâng chân hắt. Mặt hắt sáng ngời, hí hửng. Hắt năng căng, mỉm cười một mình, mắt long lanh nhìn tương lai rực rỡ, như một thí sinh vừa mới thấy tên mình trúng bằng.. Hắt đi thoăn thoắt... Bỗng hắt giật nảy mình, há hốc mồm ra, rồi hắt thấy như mình vừa lăn từ trên một đỉnh núi xuống tung lên, vạt xuống, lắc bên nọ, bên kia nhanh chóng quá, đến nỗi sự đau đớn không kịp hiện ở chỗ nào rõ rệt. Chỉ biết mình sợ quá. Rồi hắt rơi thụt xuống cái hố sâu, đen ngịt.

Trên miệng hố, những tiếng xôn xao nhốn nháo. Hấn văng vẳng như lúc nằm ngủ, bị bóng đè. Rồi hấn lịm đi, chẳng còn biết gì nữa.

Ấy là một cái nạn xe hơi khủng khiếp. Nạn nhân gần tắt thở. Máu ra nhiều quá, khó còn phương cứu chữa. Nhưng người ta cũng mãi mãi đưa xác hấn vào nhà thương.

1943

ĐIỀU VẦN

Thế là xong. Anh chết rồi đấy nhỉ? Không lẽ tôi lại vui khi được một cái tin như thế. Nhưng thật tôi cũng không biết có nên buồn không đấy. Có người bảo: “sống khổ đến đâu, cũng còn hơn chết; cái tâm lý chung của người đời là như vậy”.

Tuy vậy, tôi đã buồn. Buồn đến nỗi suốt một đêm không ngủ được. Thật đấy, anh Phúc ạ. Người ta thường trách tôi vô tình cảm. Nhảm. Tôi chỉ ghét sự giả trá mà thôi. Mà bởi ghét giả trá quá, tôi lại thành ra giả trá. Có điều tôi giả trá theo cách khác: Tôi cố ý đóng cũi sắt tình cảm tôi. Thấy người ta thương xót quá dễ dàng, tôi hóa sợ lòng thương; thấy nhiều người khóc quá tài tình, tôi bỗng xấu hổ mỗi khi chực khóc. Tôi có đến đưa ma anh cũng bằng thừa. Đã có khối người tiếc thương anh. Đã có người vợ trẻ của anh quặn người lại như một chiếc vỏ bào, và khóc nỉ non như một bản âm nhạc mới. Có lẽ chỉ có hai đứa con anh là chúng không làm thảm thiết quá thôi. Chúng không gào. Chúng không lăn lộn trên đường như một con đĩa phải vôi. Chúng không chép miệng,

ngoạo đầu. Chúng ngày ngày giương đôi mắt ngán ngơ. Thỉnh thoảng, nước mắt chúng mới ứa ra, thì chúng lại vội quệt ngang tay áo. Ấy thế mà chúng mới chính là những kẻ thương anh nhất. Chúng biết đời anh là đời chúng. Anh chết đi, chúng chỉ còn một cách, là đi ăn mày.

Anh Phúc ơi! Anh đã thấy chưa? Tôi không lẫn lộn vào trong bọn người đi đưa đám ma anh. Tôi giống như một cô gái ngây thơ mới bắt đầu yêu. Cô vờ không để ý khi người yêu đi ngang qua cửa nhà cô; nhưng lại len lén nhìn theo rất lâu khi chàng đi khỏi. Tôi cũng thế. Tôi cố làm thính khi người ta khóc đưa anh. Nhưng bây giờ đây, khi mọi người đã đi rồi, tôi đóng kín cửa phòng, ngồi một mình trước bàn viết của tôi, bùi ngùi đưa đám ma anh trong tâm tưởng. Cái đám ma cũng đường trường lắm. Tôi theo dõi anh, từ lúc chúng ta mới quen nhau cho tới tận lỗ huyệt người ta vừa vùi anh xuống. Như vậy họa chăng mới có thể gọi là trọn nghĩa...

*

* *

Tôi gần gũi anh, hồi còn nhỏ. Chúng ta sống cạnh nhau mấy năm trời tại nhà một bà bác tôi. Anh ở thuê. Tôi nhờ vả. Chúng ta hiểu với nhau rằng: Hai chúng ta cùng khổ. Không, anh Phúc ạ! Chúng ta phải công bằng mới được. Bà bác tôi không phải là người ác nghiệt đâu. Có điều bà khổ quá nhiều rồi. Khi người ta phải rỏ từng giọt máu ra để kiếm ra đồng tiền, thì lẽ tự nhiên là người ta phải quý tiền ngang với máu. Chồng bà mất sớm. Đã nhiều lần, bà

toan bước đi bước nữa, nhưng chỉ vì tiếc của, lại thôi. Anh thử nghĩ xem. Đối với một thiếu phụ đương xuân, còn cái gì khổ hơn sự lẻ loi. Ấy thế mà bà cam phận lẻ loi để khư khư giữ lấy tiền ở chính tay bà, không muốn để lọt tay ai. Bà mặc lòng bà héo hắt đi. Bà đẩy dọa thân bà. Có phải bà cay nghiệt ngay từ với chính bà mà trở đi không? Còn trách gì cái cách bà đối đãi với chúng ta! Bà keo cú và tham việc lắm. Bà có mỗi một mống con thôi. Ai chả tưởng: quý hơn vàng. Có lẽ bà cũng quý con. Nhưng không phải vì thế mà bà nới tay với con đâu. Mỗi bữa ăn, bà giao hẹn với con mỗi miếng đậu kho hay mỗi con tôm phải ăn hết một bát cơm. Không đủ mặc thấy. Nó cứ việc ăn cơm nhạt hoặc chan với thứ mắm tép mặn hơn cá muối, mà cả nhà phải ăn quanh năm suốt tháng. Con đẻ đứt ruột ra còn thế, còn nói gì đến cháu và đứa ỏi! Chắc anh cực lắm đấy, anh Phúc nhỉ? Làm gì tôi chả biết...

Hãy nói ngay rằng: Bà bác tôi coi anh không bằng con trâu anh thường dắt đi chăn. Con trâu là một món tiền to. Nó làm lợi rất nhiều. Nó chết, người ta phải bỏ ngay ra ngót trăm đồng bạc tậu con khác về thay nó. Bởi vậy người ta cần chăm chút nó. Còn anh, anh chỉ là một thằng hèn. Anh đi còng còng như một ông lão tám mươi. Cái cổ anh thụt vào giữa hai cái vai rúm ró và so. Đầu anh ngoẹo về một bên để cái cằm hếch lên phía bên kia. Cả một cái thân hình ọp ẹp của anh không đáng một đồng xu. Người ta có cảm tưởng như nuôi anh chỉ là một sự làm phúc đó thôi. Anh chết đi, chẳng thiếu gì đứa nhanh nhẹn, cứng cáp bằng vạn anh. Anh chỉ là đồ ăn hại... Ôi chao! Anh

ăn hại những gì? Sáng ngày ra, anh uống nước lã cầm hơi. Bữa trưa, anh được ba lùm lùm bát cơm ngô hoặc cơm khoai. Bữa tối người ta lại cho anh vài nắm ngô rang hoặc vài củ khoai, củ ráy. Kể ra thì bữa nào cũng thòm thềm cả. Chỉ có công việc và những lời chửi rửa thì bao giờ cũng thừa bữa bữa tát. Xoi không kịp! Anh thức dậy trước gà và ngủ có lẽ lại sau bốn tuần sương. Biết mình chậm chạp vụng về, lại yếu ớt quá không thể xóc vác như người ta, anh chỉ chăm chăm cúi cúi làm suốt ngày, không một phút nào dám nghỉ ngơi. Anh làm cả về đêm. Anh mong lấy sự cố gắng của chính anh để bù lại sự kém cỏi tự trời sinh; và cố lấy sự chăm chỉ, sự kiên nhẫn và sự nhẫn nại để gọi lòng thương của chủ. Khổ thân anh quá! Tội thương anh nhất vào lúc trở trời hay những tháng mùa đông. Bệnh hen của anh lại dấy lên. Anh thở cũng đã là một việc khó nhọc lắm rồi. Thế mà anh vẫn dậy sớm, thức khuya, làm hết việc nhà đến việc đồng, chỉ khác ngày thường một cái là thỉnh thoảng anh ngừng lại để ho sù sụ, thở rít lên như tiếng bễ, gà gà mắt như người say thuốc Lào. Trông anh những lúc ấy chẳng khác gì một con cò chết rét, có lần tôi ái ngại quá, bảo anh:

- Ốm quá thế thì nằm nhà đắp chiếu mà nghỉ có hơn không? Mình ốm, ai nỡ nói?

Anh lắc đầu, nói như người chực khóc:

- Đã đành, ốm thì chắc người ta cũng phải cho mình nghỉ. Nhưng một lần, hai lần còn được, chứ nay ốm mai ốm thì coi sao tiện? Người ta thuê mình đắp chiếu nằm như bố già người ta. Thiệt đến người ta thì người ta phải

xót... Và lại mình ăn cơm, lấy công của người ta, mình phải nghĩ.

Tôi chỉ chép miệng, không còn biết nói sao. Ngừng lại một chút để thở, rồi anh lại thông thả tiếp:

- Ấy, tôi phải nghĩ thế mà cũng không xong đấy. Tôi có dám lười đâu? Thế mà có lúc bà vẫn còn nói cho như móc họng, đến gần phải rửa cơm ra mà trả lại!

Thoáng thấy bóng bà chủ, anh lại vội vàng làm rất khỏe ra bộ mình chẳng ốm đau gì cả.

*

* *

Mấy năm sau, tuy chẳng bàn nhau mà chúng ta bỏ nhà bác tôi cùng một độ. Tôi ra tỉnh học. Anh tự liệu không đủ sức để theo nghề làm ruộng, đi học nghề thợ may. Tuy chẳng còn mấy khi được gặp nhau, nhưng xa xa tôi vẫn nhận được những tin tức về anh. Tôi biết đại khái tình cảnh anh cũng chẳng hơn gì trước mấy. Thôi thì cũng phải vất mũi đút miệng, được bữa hôm lo bữa mai, nhưng cái kiếp chúng mình thì chỉ có thế thôi mong hơn làm sao được? Một năm kia, người ta bảo tôi rằng: Anh mua lại một cái máy khâu cũ sáu mươi đồng nhờ chút ít tiền dành dụm được từ khi cầm nổi cái kim và ba, bốn chục nợ lãi hay tiền nợ non gì đấy. Cũng đáng mừng cho anh lắm! Từ đấy, hình như việc làm ăn của anh có dễ chịu hơn lớp trước. Một hôm, có chút việc phải về quê, tôi gặp anh, quần áo trắng bông, đầu chải mượt, chân kéo lê đôi guốc

Sài Goòng lộc cộc. Nghĩa là anh “diện” lắm. Tôi lấy làm ngạc nhiên. Tôi tỏ sự ngạc nhiên ấy với mấy người hàng xóm. Họ mỉm cười, bảo tôi:

- Ai? Phúc ấy à?... Còn phải nói! Bây giờ cậu ấy tởn tốt ghê lắm nhé! Chết cái không tởn tốt, lại sợ vợ nó chê, nó phải lòng thằng khác thì hỏng cả.

Tôi sững sốt:

- Anh ta cưới vợ rồi! Lấy ai?

- Cái Thừa, con nhà chú Thuận lùn ấy mà!... Con bé tình ra phết! Mà phải biết là đồng đẳng. Lúc nào cũng cái áo cánh cát bá, cái yếm cổ xây thật trắng, cái quần lụa buông chùng xuống tận gót chân, với chùm chìa khóa lúc la lúc lắc... Nội bà Lý, bà phó trong làng này cũng không ăn bận sang như nó. Cô đầu cũng không ăn đứt.

- Thế mà nó chịu lấy anh ta?

- Thì còn lấy chó nào được mà lấy? Nó đi bỏ cha đi ấy! Hai cái mắt thì lúc nào cũng tí đi, hai cái má thì đỏ tía ría, cái mồm thì toé toét: Động ai hơi nói đùa, nói bỡn một tí đã hờ hớ cười. Nó nhân tình với trăm thằng, bọn lý dịch chẳng thằng nào không thậm thọt ra vào nhà nó.

...(đoạn này trong bản in năm 1943 bị nhòe mất mấy dòng)...

Anh cu Phúc thì mê nó tởn, cho nó nào quần lụa, nào áo cánh xát xi, nào yếm vải phin... lại cả tiền nữa. Ấy! Có thể nó mới lấy cu cậu vậy, chứ không thì đời nào nó lấy. Trông anh chàng như con giun chết, không thương được.

Cu cậu hỏi năm, sáu đám, có đứa nào nó chịu lấy đâu? Mà toàn những đứa xấu xí, vất bờ tre bấy ngày không ai buồn nhặt. Ấy thế mà thánh nhân đãi khù khờ, tự nhiên vợ ngay được một con thật đẹp!...

Họ nói câu cuối với một vẻ gì mỉa mai. Tôi buồn rầu, hỏi:

- Thế từ ngày lấy nhau đến giờ, chị vợ có chịu làm ăn đứng đắn hơn không?

- Làm? Làm gì? Nó thì chẳng bao giờ làm cả.

- Không!... Tôi nói... Nghĩa là... Chị ta có tu tỉnh lại, về cái đường kia khác, hay là vẫn chứng nào tật ấy?

- À! Kể thì cũng đỡ... Bởi vì anh chồng chiều tợn, nó chẳng làm gì cả, chỉ nhong nhóng suốt ngày, cơm bưng nước rót đến tận mồm, lắm khi cái quần áo thay ra cũng anh chồng giặt hộ.

Ồi thôi! Thế thì hỏng mất! Tôi đã gằn buột miệng kêu lên thế. Bởi vì tôi vốn biết anh là một người hay gắng gượng. Anh đã gắng gượng lấy sự chăm chỉ, sự nhẫn nhục để bù lại cái sức yếu của anh để gọi lòng thương của bà chủ ngày xưa. Thì bây giờ anh lại gắng gượng, lấy sự nuông chiều, sự hạ mình cố bù lại sự kém cỏi về dung mạo của mình, để mong giữ được lòng yêu của cô vợ đẹp. Gọi lòng thương của một người chủ tham lam còn khó lắm thay! Còn nói gì đến sự gọi lòng yêu của một người đàn bà đẹp, lẳng lơ và nhẹ dạ?

Hời ôi! Trời thật bất công khi dựng ra cái đẹp và cái xấu. Loài người thích đẹp, ghét xấu đã phụ họa vào sự bất

công của trời! Trong lúc thương anh quá tôi nghĩ vợ nghĩ vẩn, đến mất cả lý trí và gấn thành một thằng dở hơi...

Băng đi một dạo rất lâu, tôi không trở lại quê nhà, để bây giờ lại trở về ở hẳn đây, như một người già cả. Tôi đã gấn quên hẳn anh rồi. Nào có phải tôi là người chóng nhạt tình đâu. Nhưng bây giờ tôi cũng đã có vợ, có con, có cả một gia đình. Tôi có bao nhiêu cái khổ của tôi. Chúng hút tất cả ý nghĩ của tôi, khiến tôi sống như kiểu một người ích kỷ. Ốc tôi chẳng còn một chút nào được rảnh rang để nhớ đến người bạn khổ sở thời thơ ấu.

Bỗng dưng một cái, tôi nghe tin anh chết. Mà chết như thế nào! Anh ốm bốn tháng nay. Cái bệnh hen kinh niên lại phát ra, như thường lệ mọi năm, nhưng lần này dữ dội hơn. Anh chỉ còn làm được một việc thở mà thôi. Tiền dành dụm mòn dần, rồi hết hẳn. Rồi cái máy cũng phải bán đi. Người vợ đẹp của anh, hai con rồi mà vẫn còn trẻ mau mầu, vẫn phải ăn, phải tiêu, phải mặc áo yếm trắng bong và quần lụa chùm sát đất. Anh không thể cung cấp cho thị nữa thì đã có một anh thợ húi đầu cung cấp. Thị bỏ anh nằm chết khô, chết nỏ đi suốt ngày đêm. Hai đứa con anh, ẻo lả như một cái lá úa và buồn như một tiếng thở dài ngời củ rủ nhìn anh bằng đôi mắt dại đi vì đói quá. Chúng ngáp luôn luôn. Gian nhà tối ảm, đầy mùi bệnh tật và bừa bộn rác rưởi, muỗi ruồi. Chỉ có những con ruồi là còn có vẻ sống, có vẻ hoạt động và khỏe mạnh giữa cái thế giới ốm yếu ấy, đã chìm một nửa vào cái cõi chết. Người ta nghe thấy những tiếng thở rốc lên, những tiếng rên và những những tiếng chép miệng liên hồi. Anh nhạt

miệng hay chán nản cho số kiếp? Thịnh thoảng đôi mắt gà gà của anh lại cố mở to ra, lần lượt đưa về phía hai đứa trẻ rồi đưa ra phía cửa. Bên ngoài trời rất đẹp. Nắng tung bùng. Một đàn sẻ chí chóc cãi nhau như một lũ trẻ con tập làm người lớn: Chúng xía xói, chúng chanh chua, chúng cướp lời nhau một cách vui vẻ và âm ỹ. Chim đục, chim cái gọi nhau. Những con chim non cũng đua đòi. Một con ve lanh lảnh này trả lời con ve khác. Ôi chao! Đời vui quá! Muôn loài sống mạnh mẽ và vui sướng. Không gian là một đám hội xôn xao và rục rờ. Anh nằm trong đây như một xác chết trong mả lạnh, chua chát nghĩ rằng: Mình không ăn nhập gì đến cảnh đùa vui của người... Đôi mắt anh chìm dần, chìm dần để mờ đi. Đôi mi tím nhạt đã căng lên. Chúng che cảnh hiện tại đi để một cảnh khác toả ra. Anh mơ hồ nghe thấy tiếng trống chèo ở xa xa, văng vẳng. Ấy là anh đang nằm nhớ lại những ngày làng vào đám. Chung quanh đình tấp nập... Người vợ anh cười cợt chỗ đông đảo ấy với những chàng trai làng chót nả và bẻm mép... Còn anh thui thủi nằm nhà để quạt cho hai con ngủ, để khàn khàn ru mỗi khi thằng bé giẫy, và để thịnh thoảng thờ dài khi hơi thở nhẹ nhàng của nó đã lại trở nên đều đều... Anh đã chịu đựng tất cả những nỗi đau âm thầm ấy, không một lần hé răng oán thán. Nhưng lúc này, cái lúc mà anh gần chết mà vợ anh cũng không đoái tưởng đến anh một chút, anh thấy ghen ngào, uất ức. Cổ anh tắc lại. Hơi thở bị ghen một lúc rồi lại bật được ra, rốc lên hơn trước. Ngực anh như có một phiến đá nặng đè lên. Chân tay anh lạnh toát đi. Người anh bộn rộn bồi hồi. Mồ hôi lạnh dầm dấp trán. Đờm kéo lên sòng sọc trong

cuống hòng. Anh chết mất! Anh chết mất! Anh không còn thở được!... Đôi mắt hoảng hốt của anh chực mở ra. Nhưng mí mắt nặng lắm rồi. Anh phải cố mới gạt được chúng lên. Đôi mắt mất thần cuống quýt tìm hai đứa trẻ. Mồm anh ú ớ... Giữa lúc ấy thì cái phen có tiếng động. À! Vợ anh, người vợ đẹp của anh đã về. Anh lịm người đi, chẳng biết vì sao. Đôi mắt anh nhắm lại. Anh không muốn nhìn mặt nó? Nhưng kìa nó đã lại đầu giường anh với một vẻ buồn rầu giả dối. Cái thứ tiếng ngọt như đường của nó gọi anh:

- Thấy em ơi!

Đôi mắt anh mở từ từ. Chúng trợn ngược lên để nhả tất cả nỗi oán trách vào mặt nó. Trong lúc ấy nó nghĩ gì? Rồi không biết nó còn tìm đâu được mấy giọt nước mắt để vãi ra. Nó đặt bàn tay lên ngực anh và meo máo:

- Thấy em ơi! Thấy em ơi!...

Tiếng gọi thất thanh đó làm anh thốn thức. Anh nức nở trong ngực. Anh lại muốn tha thứ, tha thứ hết. Nước mắt anh lại ứa ra đầy mắt...

- Thấy em ơi! Thấy em làm sao thế?

Anh lắc đầu... Không phải cái lắc đầu giận dỗi đâu. Đó là cái lắc đầu thất vọng. Anh biết anh không còn sống nữa. Anh tiếc vợ. Anh tiếc đời... Nhưng chút tình thương - thành thực hay giả trá - của con vợ đẹp đã làm anh sống lại. Anh lại nói được, và anh nói:

- Tôi chết mất! Thế nào tôi cũng chết... Tôi chỉ còn thềm một bát chè đỗ đen. Nếu có thì bu em cho tôi một bát để tôi ăn cho mát ruột rồi tôi chết.

- Nhà không có đường. Mà nấu cũng không kịp. Để tôi đi xem đâu có, mua cho thầy em một bát...

Vừa nói nó vừa mãi mốt đi lấy bát. Nó tong tả chạy ra khỏi cửa. Anh nghe tiếng vạt áo nó bay soàn soạt và chân nó chạy bình bịch. Chưa bao giờ nó tử tế với anh như vậy, nhưng anh đã quên tất cả, và cứ tưởng suốt đời nó toàn tử tế với anh như vậy. Anh càng thêm tiếc đời...

Chao ôi! Giá anh đã được ăn bát chè kia! Biết đâu biết đâu anh đã chẳng mát lòng, mát ruột mà sống được? Nhưng vợ anh đi lâu quá. Nó đã gặp gỡ cái gì ở trên đường làm nó lãng quên anh. Hay một kẻ nào đã ngăn cản nó làm cái bổn phận cuối cùng đối với một người chồng đã hết lòng với nó? Anh không còn sức đợi. Cái chết bị kìm lại trong một phút lại bắt đầu chuyển động. Nó tiến dần, tiến dần, từ chân lặn tới đùi, rồi tới bụng, rồi tới ngực... Anh lại hoảng hốt. Đòi mắt anh cố đưa về phía cửa, cố nhìn mãi... Nhưng anh đã chẳng còn nhìn thấy rõ nữa. Ánh mắt lung linh lung linh. Không gian bập bênh như một cái thuyền. Mắt anh lóa ra. Chúng mờ đi. Mọi vật xóa nhòa. Có lẽ nào như thế được? Có lẽ nào như thế được? Anh uất ức. Anh ứ nghẹn. Anh cố kêu lên một tiếng nhưng không được. Anh ú ú ằng ặc. Đờm đã bịt chặt ống khí quản rồi. Anh ngạt thở. Anh cuống cuống. Anh sợ hãi. Anh bứt rứt. Anh choáng váng... Ôi thôi! Anh chết rồi!

*

* *

Bây giờ thì sự im lặng bất tuyệt đã bịt chặt đôi tai anh, chán nghe những lời mỉa mai của đời rồi. Bóng tối đời đã phủ kín đôi mắt anh, mở thao láo nhiều đêm để tìm trong bóng tối những cảnh nó làm anh nhục nhã. Anh đã có thể dửng dưng đối với những chuyện của loài người. Vậy thì anh Phúc ơi! Anh hãy nghỉ cho yên! Những chuyện đời này bây giờ chỉ còn là của chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ đau khổ, đã uất ức, đã ước ao, đã khát thèm, đã thất vọng và vẫn còn hy vọng mãi và phải hy vọng mãi. Sự đời không thể cứ mù tịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi. Một mặt trời mới sẽ mọc lên trên nắm mồ anh và bên trên đầu hai đứa con côi anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng cùng đi tới một cuộc đời đẹp hơn.

TỪ NGÀY MẸ CHẾT

Hôm nay mưa rét. Mỗi khi trời rét Ninh lại nhớ đến bu. Hồi bu còn sống, những ngày mưa rét, không ra vườn hái trái, bóc mía hay làm cỏ được, bu hay mang cái bị giẻ và một ôm quần áo rách vào ổ rơm ngồi vá. Bu Ninh khéo vá lắm. Những miếng vá đặt rất phẳng phiu, không răn rúm. Những mũi kim nhỏ, đều đặn và thẳng tắp. Người vô ý trông không biết là áo vá. Mà bu Ninh vá thật không biết là sột ruột. Ai đâu mà ngồi đến tê cả móng, mờ cả mắt cũng không thôi. Những lúc đau lưng quá, bu Ninh chỉ ngừng kim một lát, vươn vai hoặc bẻ cái lưng vào cái cạnh giường kêu răng rắc, rồi lại cúi đầu xuống vá. Vá hết cái này sang cái khác. Bao nhiêu là quần áo rách! Những cái quần trắng, áo cánh trắng của thầy, đầy nhựa chuối. Những cái váy bạc phếch của bu. Những cái váy bằng vải to nhuộm son với nhuộm bùn dầy cộm cộm. Trông cái váy, người ta tưởng nó bền đến thiên niên vạn đại. Ấy thế mà cũng rách. Tội nghiệp, thì ra nó đắm nhiều nước tiểu của thằng Đật quá. Về mùa rét, cậu Đật ta đêm nằm cứ tuần hai chân vào lòng mẹ. Chả thế thì nó ấm mà! Nhưng tính cậu ta lại thích đái dầm. Càng rét càng khỏe đái. Ấy

thế là cứ mỗi đêm ba bốn lần, cậu rớt tồ tồ vào váy mẹ. Chẳng sáng nào, mẹ không phải thay váy mang ra ao giặt. Còn gì mà chẳng mục? Không mục có họa bằng gỗ lim!... Nhưng nhiều nhất là những quần áo của Ninh, của Đạt. Cái nhuộm son, cái giải nâu, cái để trắng. Nhưng chẳng cái nào còn giữ được trọn vẹn màu của nó. Bởi vì cái thì mốc xanh, cái thì mốc vàng, cái thì lấm tẩm hoa bèo, cái thì trệt những nhựa chuối, những tương, những mắm, mũi dãi cùng đất cát. Vò đến sái tay cũng không còn sạch được. Mà cái thì mất cúc, cái thì xoạc nách, cái thì xoạc túi, cái thì rách lưng, cái thì rách vai, cái thì rách ống tay. Chỉ tại nó nghịch quá. Không thế, chưa đến nỗi. Nhiều cái, vải còn dai lắm; xé kêu xoàn xoạt. Chúng nó mặc hại quần áo lắm. Cứ gọi là vừa mặc vừa xé áo. Bu Ninh tay vá miệng chửi cho không còn tai nào mà nghe...

Đạt và Ninh mỗi đứa chiếm một bên cạnh mẹ. Chúng nó nằm phục vị, đều chúi vào đít mẹ. Ninh kêu bên Ninh ấm. Đạt cãi bên Đạt ấm, hai đứa cãi nhau chí chóc. Mẹ đùa con, bảo:

- Có im, không thì tao đánh cho một cái... Tha hồ ấm.

Chị em cười khàn khạch rồi cãi nhau bô bô. Ninh nhiều mồm mép quá, Đạt không nói kịp. Đạt òa lên khóc. Mẹ ngừng kim, cốc vào đầu con gái. Ninh rụt cổ lại, ôm đầu cười hi hí. Mẹ Ninh bật cười. Ấy thế là Ninh bật cười sảng sặc thật to, khiến Đạt đang khóc cũng khanh khách cười... Chao ôi! Những ngày mưa rét hồi ấy vui quá nhỉ?

Bu chết ngót đã ba năm. Thầy bảo thế. Thì ra ba năm cũng dài lắm nhỉ. Ninh cứ tưởng bu Ninh chết đã lâu lắm.

Nhưng chắc gì!... Xưa kia, những ngày bu đi chợ tỉnh độ gần tối chưa về Ninh đã thấy mong. Ấy là mới vắng bu có một ngày. Mà nào cũng đã hết cả ngày. Bây giờ vắng bu bần bật những ba năm. Bao nhiêu ngày tháng! Ninh thấy lâu là phải. Biết bao giờ mẹ lại về với con? Ninh bâng khuâng cả người. Y như là nằm mơ. Ấy là Ninh đã ngồi ngồi đấy. Hồi mẹ Ninh mới chết, cứ nghĩ đến mẹ là Ninh khóc. Ninh khóc ằng ặc như người nuốt phải ngậm gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng. Khóc đến lặng người đi, không còn ra tiếng nữa. Chẳng ngày nào không thế, mỗi ngày hai, ba lần.

Bây giờ thì Ninh không khóc nữa. Nhưng Ninh vẫn còn buồn lắm. Buồn rữ rữ. Ninh ngơ ngẩn như mất vía. Có lúc Ninh làm gì mà cũng không biết nữa. Ninh vừa cắt con dao hay cái chổi, giá thấy Ninh có hỏi, Ninh đã chẳng biết đâu mà lấy. Thấy Ninh cũng hiểu Ninh nhớ mẹ, nên không nổi mắng. Thấy rần rần nước mắt. Bố nhìn con, con nhìn bố. Hai bố con cùng cúi đầu, lẳng lặng. Bố thở dài và con thở dài...

Mẹ Ninh chết sau ngày giỗ ông nội Ninh có hai ngày, Ninh nhớ rõ thế, bởi vì ngày giỗ ông năm ấy, hai mẹ con đã khóc với nhau từ non trưa cho đến tối. Sáng dậy thấy Ninh hâm thuốc cho bu Ninh uống, rồi thầy quét nhà, quét sân, giặt quần áo cho bu. Rồi lại còn phải lấy gạo thổi lấy một niêu cơm để đấy cho Ninh nữa. Sau đâu đấy, thầy cúng Đat đi ăn giỗ. Ninh phải ở nhà coi mẹ. Thầy Ninh bảo: "Con chịu khó ở nhà với bu kéo bu buồn, thầy cho em đi một lát, lúc về thầy lấy phân cho một nắm xôi, vài miếng thịt, tính con, thịt mỡ chỉ ba miếng là chán ứ.

Đi, con cũng chả ăn được mấy, mà ở nhà thì thầy cũng đem về cho con, đằng nào con cũng được ăn, nhưng bu con ốm thế để bu ở nhà một mình thì thấy lo lắng. “Con ở nhà với bu...”. Việc gì thầy phải nói nhiều đến thế? Ninh có đòi đi đâu? Thịt mỡ thì Ninh không thích thật. Nhưng dù có thích, Ninh cũng không đi cơ mà! Đi cũng khó mà nuốt được. Ninh thương bu lắm. Ninh thích ở nhà với bu. Thầy Ninh còn phải đi. Thằng Đật còn bé, đỡ người, không cho nó đi thì nó khóc. Chẳng nhẽ Ninh to đầu rồi mà cũng bắt chước em? Có mà đồ hư? Không. Ninh không đi đâu thầy ạ. Ninh không muốn đi đâu, thầy ạ! Thầy cứ công thằng Đật đi đi. Ninh ở nhà thích lắm. Thầy đừng thương Ninh...

Nhưng thấy Ninh cứ nhìn theo thầy công thằng Đật đi ra ngõ, bu Ninh lại tưởng Ninh muốn đi ăn giỗ lắm, nhưng lại sợ bố không dám đòi đi. Bu Ninh thương hại. Bu gọi Ninh vào và bảo:

- Con muốn đi thì cứ đi cũng được. Hôm nay bu dễ chịu.

Ồ! Không!... Không!... Ninh không muốn... Ninh lắc đầu hăng hái.

- Không! Con ở nhà.

- Sao thế?

- Chẳng sao cả, nhưng con không thích...

- Nhưng ngộ bà không thấy con, bà lại hỏi...

Hỏi gì! Bà biết thừa là bu ốm nặng. Ninh phải ở nhà để bu sai vặt chứ! Ninh nghĩ thầm như vậy nhưng không nói.

Ninh chỉ hơi lắc đầu. Nhưng có lẽ bu cũng hiểu. Bu nhìn Ninh âu yếm. Mắt bu ầng ậc nước. Bu chửi yêu Ninh:

- Bố mày.

Rồi bu lại bảo Ninh:

- Không đi thì ngồi xuống đây... Bóp tay cho bu một lúc. Tay bu buồn lắm.

Ninh lăm lấy cái bàn tay bu, chỉ còn rặt những xương, mà lạnh giá. Nó lỏng la lỏng lẻo. Những ngón trông rõ từng đốt, từng đốt một. Những đường gân xanh nổi thày lầy lên. Ninh bóp tay bu nhẹ nhẹ. Ý hẳn bu thích lắm, mắt bu lim dim và đôi môi nhợt nhạt của bu hé mở như chực cười. Rồi tay bu nắm lấy tay Ninh. Thành ra chính bu lại bóp tay cho Ninh chứ không phải Ninh bóp tay cho bu nữa. Bu vừa bóp vừa hỏi:

- Sao lớp này còn gầy thế?

Ninh không đáp được. Bu Ninh soi tay Ninh lên trước mặt mình rồi bảo:

- Chết thôi, con ạ! Tay mày đây những mụn. Không khéo ghẻ...

Ninh cúi mặt. Bu căng từng kẽ tay Ninh ra xem, rồi kêu lên:

- Bỏ bố mày! Đích là ghẻ rồi, con ơi! Yên, tao xem nào.

Bu ngồi hẳn lên. Mắt bu tỏ ra vẻ sợ hãi. Bu vén ống tay áo Ninh lên. Cổ tay Ninh sây sứt. Bu lắc đầu:

- Bố con! Con bẩn quá! Cái cổ tay gồ lên những ghét... Hèn nào mà chả ghét?

Bu bắt Ninh đi múc nước. Bu rửa cho Ninh lâu lắm. Vừa rửa bu vừa bảo:

- Xảy mẹ ra một cái là khổ ngay, con ạ. Ấy là mới rời tao ra hơn một tháng... Chúng mày đã gầy dơ xương, mình mẩy, chân tay thì ghẻ gúm. Ngộ tao chết thì chúng mày rã xương ra được. Này, cái cổ tay... Có khác gì cái cẳng gà hay không?

Ngừng một lát, bu lại thở dài mà bảo: Mẹ mà chết thì các con đi ăn mày mất. Đàn ông chẳng mấy người biết thương con cái. Cha chết thì ăn cơm với cá, mẹ chết thì liếm lá dọc đường. Mẹ mà chết đi thì con ơi!...

Ấy thế là nước mắt bu chảy ra ròng ròng. Ninh cũng khóc. Hai mẹ con cứ ngồi ôm nhau mà khóc đến tận lúc thấy Ninh với Đạt đi ăn giò về. Thấy đem về một nắm xôi đồ con với một cái đùi gà toàn những thịt. Bà thương Ninh nên bảo chặt để lại cho Ninh đấy. Nhưng Ninh thương bu quá, ăn cũng chẳng biết gì là ngon...

Ồ! Ninh cứ bảo: Bây giờ nghĩ đến bu, Ninh không khóc nữa... Không khóc mà lại có nước mắt. Nước mắt nước mũi Ninh đang chảy ra đây này... Đạt! Đạt ơi! Ô hay! Cái thằng Đạt chạy đi đâu rồi?

*

* *

Đàn ông chẳng mấy người biết thương con cái... Thật thế ư? Không có lẽ, thầy Ninh thương chị em Ninh lắm chứ!... Hồi bu mới chết, thằng Đật khóc suốt ngày. Nó gào bu. Nó đã hiểu chết là thế nào đâu. Nó cứ đòi gọi bu về với nó. Thầy phải công nó ra chợ hàng mua bánh. Thầy mua cho nó nhiều bánh lắm. Thầy mua cả cho Ninh nữa. Thầy với Ninh bày cỗ chơi với Đật. Thầy làm cho Đật những con quay bằng những quả bưởi con, những cái giường, những cái ghế tràng kỷ bằng cây chót. Trông thích lắm. Nhờ vậy Đật không khóc nữa.

Đêm, Đật và Ninh ngủ với thầy. Ninh nằm trong cùng. Đật nằm giữa. Thầy nằm ngoài. Thầy bảo Đật luôn chân vào lòng thầy cho thầy ủ. Khi nó đã ngủ mệt rồi, thầy vươn tay qua người nó để sờ Ninh. Thầy kéo Ninh nằm sát vào với Đật. Thầy co chân co chiếu về phía Ninh thật nhiều, sợ Ninh giẫy, trật ra ngoài, bị rét. Mùa bức thì thầy đặt hai đứa nằm cách xa nhau cho mát. Thầy ngồi quạt. Quạt cho đến tận lúc nào con ngủ mệt, thầy mới chịu ngã lưng xuống giường. Nhưng nằm thì nằm, thầy có ngủ đâu. Ninh thấy thầy quạt rất khuya. Có đêm, ngủ được một giấc dài, tỉnh dậy, Ninh vẫn còn nghe phành phạch. Thầy thở dài luôn ấy. Có khi sụt sịt. Thì ra đêm đêm thầy vẫn khóc. Thầy nhớ bu...

Ấy, cái hồi bu mới chết thì thế đấy. Nhưng ít lâu nay, hình như thầy đổi tính. Thầy vẫn thương Ninh và Đật. Thỉnh thoảng thầy vẫn cho mỗi đứa vài xu ăn quà. Nhưng thầy vắng nhà luôn. Thầy phải gửi gạo bên nhà bác Vụ để thổi cơm cho Ninh và Đật. Bởi thầy đi từ sáng đến tối. Có

khi tối cũng không về. Có khi đi luôn hai, ba ngày. Chị em Ninh phải ăn nhờ, ngủ nhờ nhà bác Vụ. Đi đâu vậy? Nào ai biết! Bác Vụ bảo thầy đến nhà cô Miện, thầy phải lòng cô ấy. Nhưng chắc là chả phải. Nếu phải, sao cô Miện lại đi lấy lẽ ông ký Bản? Đám cưới vừa đi qua đây hôm nọ. Ninh công Đạt ra tận đường, đứng xem, từ hôm ấy thầy lại càng khỏe đi. Đi suốt ngày suốt đêm. Mưa rét thế này, chả biết thầy đi làm gì cho khổ? Chả biết có được ăn gì hay không? Hay là nhịn đói luôn ba, bốn ngày?...

*

* *

Lại còn cái ông Đạt nữa! Đi đâu mà mãi thế? Dáng lại lẩn sang nhà bác Vụ. Còn sang làm gì? Gạo của thầy gửi đã hết từ đời nào, đời nào. Bác ấy đã phải cho ăn lận nhà bác năm, sáu bữa. Nhà bác ấy cũng túng. Chồng chết đi, để lại đây bốn con. Bốn đứa con cũng lúc nhúc như Ninh và Đạt. Bác ấy nuôi được chúng nó cũng đã đến điều vất vả. Còn lấy gì mà nuôi cả Ninh và cả Đạt nữa? Bác ấy đã bảo Ninh: “Cháu về mà đi tìm thầy, nhà bác cũng hết gạo rồi, nếu thầy không đưa thêm cho bác thì bác lấy gì mà thổi cho chúng mày? Các anh cũng đói...”. Thế là Ninh cũng đủ hiểu. Bác ấy muốn bảo: “Chúng mày liệu sao thì liệu, đừng ăn rình nhà tao mãi!”. Ninh đưa em về. Tìm thầy, thì biết đâu mà tìm được? Ninh chẳng tìm. Không có ăn thì nhịn! Ninh nhịn từ bữa chiều hôm qua. Đạt khóc. Ninh đi moi được một củ dong về nướng. Đạt một nửa, Ninh một nửa. Ninh bảo Đạt ăn cho đỡ đói thôi, còn cố nhịn, đợi thầy về, ăn nữa. Nhưng Đạt không nhịn được.

Đạt chạy sang nhà bác Vụ. Bác ấy phải lấy trộm nắm cơm tối của thằng cu Chúc nhà bác ấy, đưa cho Đạt. Đạt mới ăn được một miếng thì Chúc biết. Chúc chạy vào nhà tìm nắm cơm của nó. Thấy mất, nó biết là nắm cơm của nó đang ở trong tay Đạt. Nó chạy theo, giằng lại. Đạt mất ăn, mếu xệch mồm đi, chạy về. Ninh đứng ở hè bên này, trông rõ cả. Ninh tức lắm. Chẳng biết tức Chúc hay tức Đạt. Chỉ biết Ninh ghen ngào cả cổ. Vừa thấy Đạt, Ninh nhẩy xổ lại, tát đen đét vào má Đạt. Đạt oà lên khóc. Ninh oà khóc theo.

Một lát sau, Ninh nghĩ thương em quá. Ninh lại đi tìm dong, nhưng hết. Ninh moi luôn một củ ráy. Ráy nước, ăn ngứa lắm. Nhưng đói còn biết gì là ngứa? Ninh đem về nướng. Ninh gọi Đạt về, lau nước mắt cho nó, rồi chị em ăn ráy nước. Đạt ăn tợn lắm chẳng thấy kêu ca gì cả. Ninh rơi nước mắt. Ninh dặn em: “Từ giờ đừng ăn cơm nhà thằng Chúc nữa”. Đạt gật đầu. Thế mà hôm nay nó lại lén sang nhà bác Vụ. Có bực mình hay không?

*

* *

Ninh reo lên:

- A bà!

Đấy là bà ngoại Ninh, bà ở xa xôi lắm. Hôm nay tiện ra mạn này lấy thuốc, bà tạt vào nhà chơi với cháu.

Bà đưa cho cháu một đùm xôi lạc.

- Bố mày đi đâu?
- Con không biết.
- Đi từ bao giờ mà mày không biết?
- Đi lâu lâu là rồi.

Bà ngồi xuống ngưỡng cửa mặt hầm hầm như giận dữ. Ninh hơi ngượng. Bà chíp chíp mồm luôn ba, bốn cái rồi bảo cháu:

- Có phải bố mày bán nhà này rồi không?
- Con không biết.
- Bán rồi! Thua xóc đĩa... Thua đầu ngót những ba trăm bạc...

Đặt chạy về, nó vô lấy bà, nhưng trông thấy đùm xôi ở tay Ninh, lại bỏ bà ra để vô lấy đùm xôi. Ninh hất tay nó ra, mắng:

- Làm gì thế?

Nhưng bà bảo:

- Cởi ra, chị em ăn với nhau. Để làm gì?

Đặt giăng lấy đưa cho bà cởi. Bà chia cho mỗi đứa một nửa. Hai cháu ăn. Đặt ngòm ngoàm. Ninh thông thả. Bà nhìn cháu mà ái ngại. Bà chép miệng:

- Đến chết đói thôi, các cháu ạ! Bố chúng mày không ra giống người...

Một tiếng thở dài tiếp theo...

... Buổi sáng hôm ấy trời ảm áp. Có nắng hanh. Nắng luôn mấy hôm rồi, nên vườn khô ráo... Đạt và Ninh đã chạy tung tăng được...

Bỗng một bọn năm, sáu người, kẻ cầm lạt, kẻ cầm dùi đục, tuồn vào đây sân.

Mồm họ nhai trầu. Họ nói chuyện toang toang như một bọn đồ tể đi bắt lợn. Mấy người trèo lên nóc nhà nhà Ninh. Họ dỡ tranh quăng xuống sân rào rào. Ninh chạy về...

- Ô hay! Sao các ông phá nhà tôi?

Một người chít khăn mỏ rìu, nhe những cái răng cái mả ra cười mà bảo:

- A, thầy mày thuê bọn tao phá đi để làm nhà Tây đấy mà.

Một người cười ỉn ịt như con lợn, bảo:

- Chả cái này bé quá!

Và người nữa.

- Thầy mày thích làm nhà Tây kia... Làm nhà bên Tây trúc ấy mà, mày biết không?

Cả bọn cười ầm lên. Trông người nào cũng dữ. Họ nói như quái vật. Ninh sợ hãi. Ninh chạy bình bịch sang nhà bác Vụ. Ninh cầu cứu bác. Vừa bước vào nhà bác, Ninh sững sốt. Thấy Ninh ở đấy. Thấy Ninh nằm thườn thọt trên một cái giường, hai tay chít lại đặt bên dưới gáy. Ninh méo mào:

- Thấy ời! Thấy...

Rồi Ninh nghẹn ngào, không nói được nữa. Nước mắt ứa ra. Thấy Ninh ngồi dậy, bảo:

- Việc gì mà khóc? Thấy bán cho người ta đấy. Bán lấy tiền mua vài phiên lim về xẻ. Chuyến sau, ta làm một cái nhà toàn lim!

Thầy nhếch mép ra cười. Cái cười vạch hai bên mép nhân trên đôi má hõm. Thấy cười thế, trông già xạm. Có lý nào thầy chóng già đi quá thế? Ninh trố mắt lên nhìn thầy...

Bỗng từ bên nhà đưa sang những tiếng rìu đục kêu chan chất. Nghe ghê rợn lắm. Ninh đã được nghe những tiếng rìu đục ấy một lần rồi, vào cái ngày mẹ chết: Người ta đóng cá chiếc xăng của mẹ... Vết nhân trên má thầy Ninh sâu thêm, rộng thêm ra. Trông như thầy Ninh mếu. Ninh oà lên khóc...

- Bu ời là bu ời!...

MƯA DANH

Nhà Bạch được một sào trâu tốt. Cái tin ấy đồn đi. Dân làng kháo nhau rằng hần có tiền. Mà có tiền là phải. Chỉ tính ra cũng biết. Trâu làng năm nay chết rất nhiều. Do trận bão vừa qua. Có những cái giàn nát như tương; chẳng khác gì có người giật đổ xuống rồi lấy chân mà dận; người ta dỡ rống trúc đi, cắt gốc đi, rồi trồng thế vào đấy vài trăm con rau diếp; gỡ được đồng nào hay đồng ấy. Có những cái khác được dựng lên rồi cũng chết, bởi gió đã lay dữ quá, làm đứt rễ. Những cái còn sống sót không có lá, lá cũ bị vò tan; lá mới gặp vụ rét này không ra được, có ra được thì cũng lột. Cái trâu của Bạch không thế. Ấu cũng là trời thương riêng hần. Năm nay, giá hần không được cái trâu thì chết đói. Vườn chưa được ba sào. Nhà với sân đã chiếm mất ngót một sào. Chỉ còn hơn một sào trồng trọt. Nhà những sáu miệng ăn: Hai vợ chồng với bốn đứa con, bốn đứa lau nhau, cũng chưa làm gì được cả. Sợi về không có, khung cửi để cho ba, bốn gia đình nhện đến chằng tơ.

Vợ đi làm cỏ thuê mỗi ngày được hai hào; mỗi tháng cũng làm được độ mười ngày. Những ngày không có ai

thuê, thị mua buôn đọt lá, mấy cái hoa chuối, hoặc bó mía căng gà đem mãi sang chợ Phương Yên bán. Phát tài ra thì phiên được một hào. Thường thường được dăm ba xu, hoặc không đến năm xu. Cũng có ngày lỗ tiền dò.

Chồng làm nghề xúc dậm. Đêm nào hấn cũng đi từ chập tối. Rét đến đâu cũng mặc, hấn chỉ bịt một cái khố rách bướm, cái áo luội thuội cốn lên gần nách, lội bì bõm ở ven sông, đập sùng sùng, cứ lẩn mò như một con ma, đi từ cống Lư về đến quãng sông làng. Ấy thế là vừa đúng sáng. Đêm nào cũng như đêm nào. Như vậy, hơn bù kém, mỗi đêm hấn kiếm được vài hào chỉ. Kể thì cũng không là ít. Nhưng chết cái gạo năm nay kém quá. Thêm một nỗi, ít lâu nay tôm tép hiếm. Cái lúc trời bắt tội khó làm ăn, hình như chúng cũng đi. Đã phải mấy đêm, hấn chẳng xúc được gì. Cả vợ lẫn chồng, mặt nào cũng nhăn nhó như mặt khỉ. Rồi lại bão. Hấn đã chắc là chết đói. Nhưng cái may cũng như cái rủi, nó đến nhà ta như một thằng kẻ trộm: Giữa lúc ta không ngờ nhất. Cái lúc hấn tưởng là hấn chết thì lại chính là lúc hấn bắt đầu lên lưng. Do cái trâu.

Cái vườn trâu của nhà Bạch, thật là trời cho hấn. Nó tốt đâu mà tốt lạ lùng. Bão cũng có làm dập lá ít nhiều. Những lớp lá ấy hái đi, nó lại nảy luôn lớp mới, còn tốt hơn lớp cũ. Cành chi chít, cành nọ giằng với cành kia. Lá chồng chất tầng dưới, tầng trên, xây lại với nhau thật chặt, tràn lên bên trên miệng cặp, đầy lù lù như một mâm xôi. Mà chẳng lọt lá nào. Chúng xanh đều, rất mỡ màng, đẹp như một mái tóc được bôi dầu, vuốt sáp. Ấy là một cái

trầu dư sức, hái bao nhiêu cũng không sợ cụt. Trầu năm nay lại đắt: Mới tháng mười mà những cái xấu rẻo cùn rẻo cụt, đã bán nổi mỗi trăm tám, chín hào hoặc một đồng. Cái của Bạch chẳng đời nào chịu thế. Vợ hán vẫn bán mỗi trăm đồng rưỡi, đồng sáu, với hơn thế nữa; có trăm hai đồng. Trầu còn đắt từ giờ đến cuối năm, đắt sang cả giêng, hai. Vậy là Bạch phát bạc trăm là thường. Người ta bàn tán với nhau như vậy.

*

* *

Một hôm, ông cự Tuý có họ xa với Bạch, cho tìm Bạch đến...

- Nhà anh được một sào trầu tốt lắm, phải không?

- Bẩm ông, cũng gọi là tốt đấy thôi, chứ so với trầu của người ta thì chưa nước gì?

- Chào! Anh kín của vừa vừa chứ! Chưa nước gì thì anh cũng đã bòn được bạc trăm.

- Bẩm ông, không được ạ.

- Không được à? Giấu ai chứ giấu tôi sao nổi. Tôi thì bảo thật; bây giờ trong nhà anh ít ra cũng có vài trăm bạc. Không có thế cứ cố tôi mà chặt.

Bạch chưa biết đáp sao thì ông đã lại bảo:

- Ấy là tôi nói thế... Dẫu anh có bạc nghìn, cũng mặc anh. Tôi chả thèm vay anh đâu mà đã phải chối đây đây mãi. Anh sợ tôi vay anh, hở?

Bích vội cãi:

- Bẩm ông, ông dạy thế thật...

Hắn định nói: "... thật oan con quá". Nhưng hắn chưa nói kịp. Ông nói lấp:

- Tôi tưởng anh có tiền, thì tôi xếp cho ra mà làm hương trưởng.

- Thôi! Thôi! Thôi! Con lạy ông! Nhà con không có đất.

Hắn lắc đầu hăng hái quá đến nỗi ông suy luận. Ông nói gắt:

- Thì cứ để bạc mà đem chôn! Mẹ kiếp! Có tiền, có của, làm người đàn anh không muốn, cứ muốn để đưa khác nó cuội lên đầu, lên cổ. Ngụ như bò!

Ông đứng hẳn lên, làm như muốn chạy ra ngoài, không thềm nói nữa. Ấy là ông giận quá. Mặt ông phình ra và đỏ bừng như bao nhiêu máu đã lộ lên hết.

Bích vừa sợ, vừa thẹn, cầm mặt nhìn xuống đất. Ông cự thoáng nhìn thấy, nghĩ thầm: thằng này dễ bảo; cứ liệu nói vài câu nữa là phải được. Và ông giở cái trò nhân nghĩa...

- Tôi tưởng anh là cái chỗ con cháu nhà, nên muốn dất dúi anh một tí; còn tôi đây, thế nào cũng còn dễ hơn là phải nhờ người khác. Nhưng cái dễ anh không muốn, lại muốn đi tìm cái khó, thì tùy ý. Sau này tôi chết đi, anh muốn ra góp mặt với người khác một chút, phải nhớ đến người khác rồi mới biết. Anh đừng tưởng có tiền thì lúc

nào làm cũng được. Tôi cho lại không van ông lay bà chán! Bấy giờ mới tiếc.

Cái ấy thì cũng có. Bịch thấy người ta lo được chút danh vị thật là chật vật. Nào tiền chồng quỹ. Nào chè lá đi nói với các ông kỳ cựu trong làng: từ hàng phó lý cựu trở lên, chẳng ông nào là có thể bỏ qua; ông một vài đồng, ông dăm ba đồng, cũng có ông phải đưa chục bạc; riêng cụ chỉ hai chục là ít nhất. Rồi lại còn phải một bữa rượu khao: gạo lợn năm nay không có năm trăm bạc thì đừng nói chuyện. Năm trăm bạc, nguyên một bữa rượu. Vậy tất cả chẳng đến ngót một nghìn đó ư? Ngót nghìn đồng bạc, ề mẹ ơi! Hắn lại thấy có đủ can đảm để mà từ chối. Hắn xun xoe bảo:

- Bẩm ông, ông có bụng thương, thật phúc cho nhà chúng con lắm. Giá con lo được để ông che đỡ cho thì còn gì bằng nữa.

- Phải, các anh cũng là con, là cháu.

- Bẩm vâng: nhưng thật cảnh con còn bán quá.

Ông lại gắt:

- Ai chả biết! Nhưng bán quá thì phải cố chứ! Cứ đợi thừa tiền rồi mới làm thì một đời anh cũng không làm nên công trạng gì.

- Nhưng, bẩm ông, cái cảnh nhà chúng con thì cố cũng không được. Chỉ không biết đâu ra tiền...

- Không biết đâu ra tiền! Hừ!... Thôi được! Cứ để tiền mà chôn. Mẹ kiếp! Lại có cái thứ người ngu như vậy. Bảo

bỏ tiền ra làm hương trưởng thì kêu không có đầy, thế mà mai kia nó có đến bắt phu, thì lại có tiền xì ra ngay. Muốn ăn gio thì cứ để cho mà ăn gio.

Ông Cự quát chán, bước phắt ra ngoài hè. Bạch nghe tiếng giày ông lệt sệt bước mau ra đầu chái. Một lúc sau, ông lại lệt sệt đi trở về. Nhưng ông không vào nhà nữa. Ông làm như quên hẳn Bạch. Ông bước xuống sân. Ông gọi con để hỏi xem cái ruộng đã cày chưa. Ông mắng đứa ở để mía um tùm thế mà chưa buồn bóc. Ông ngồi xuống, uốn nắn mấy cây cảnh trồng trước cửa... Bạch đứng bần thần một lúc, rồi rón rén bước ra. Hẳn lại đứng bần thần sau lưng ông một lúc nữa. Ông vẫn loay hoay với những cây sung, cây si. Hẳn chào ông rất khẽ. Ông không quay lại, đáp hai tiếng “không dám” thật to và kéo dài ra. Hẳn lủi thủi ra về, lòng vừa buồn vừa lo...

Mấy hôm sau, làng lại nhốn nháo lên về việc bắt phu. Người ta đồn rằng: lớp này bắt những tám mươi người đàn ông với bốn chục đàn bà. Bạch tự hỏi: không biết họ bắt làm gì lắm thế?... Thật ra thì chỉ là một khố làm tiền của bọn hương lý. Họ thấy bờ nên đào mãi. Cũng có người đoán thế. Nhưng chết một nỗi: Có giấy quan sức hay không, chỉ họ biết mà thôi. Dân làng không ai biết chắc là có hay không có. Thành thử người ta đành chịu ứ. Những người khác trốn như chạch cả.

Bạch lấy làm khó nghĩ. Trốn cũng rầy mà không trốn cũng rầy. Trốn thì đêm hôm nhà cửa để cho ai? Khổ một nỗi ai cũng tưởng hẳn nhiều tiền lắm. Mà không trốn thì chắc là bị bắt; lại vài chục đồng bạc chuộc. Đàng nào

cũng chết. Mà chắc gì vài chục đồng bạc mà xong? Nay, chúng nó đang thù, chúng lại biết mình non, mà lại cứ nhất định rằng mình được trâu cau, nhà bây giờ bạc trăm lúc nào cũng có. Ngộ chúng nó cứ khăng khăng đòi giải, không bằng lòng cho chuộc thì sao.

Mẹ kiếp! Lại chục bắt bí nhau... Chúng nó làm già thì mình cũng làm già! Mình chẳng thí cho một đồng xu dính gì, mình cứ đi phu, xem sao nào!

Bịch bần như vậy thôi. Nhưng vợ hấn lắc đầu quày quay:

- Thôi! thôi! thôi! thôi!... đừng đâm ba chày củ ra!...

Không thể liều. Hấn liều được, nhưng thị không liều được. Thị bây giờ những bốn đứa con thơ. Hấn đi rồi, thị không làm gì nuôi chúng được. Ở làng này khổ lắm. Không có người đàn ông ở nhà, làm được một miếng, chúng nó cũng chẳng để cho mà ăn đâu... Thế làm sao bây giờ?

- Muốn làm sao thì làm. Nhưng bố nó mà đi thì mẹ con tôi cũng phải bỏ làng mà đi nốt.

Bịch chẳng còn biết nghĩ ra sao nữa. Hấn ngồi bó củi, cầm ghếch trên đầu gối. Mặt hấn thuôn ra, vừa tức tối, vừa chán nản, một chút nước mắt chạy vòng quanh. Hấn thấy tất cả nỗi cực khổ của một người lép vế trong thôn xã.

Đầu hấn gần như là buốt nhức. Có cái gì ở bên trong rậm rịt, ngùn ngụt như muốn nổ tung ra ngoài. Nhưng cái ấy không nổ được. Nó theo nước mắt mà rỉ ra dần dần. Bịch chép miệng, bảo:

- Biết vậy thì hôm nọ nghe ông cự, làm hương trưởng đi cho rồi.

- Ấy thế!

- Khốn nỗi sáu, bảy trăm đồng bạc một lúc, chưa bán ông Hà-bá cho ai được.

- Làm quái gì hết sáu, bảy trăm?

- Chứ lại không sáu, bảy trăm à? Này nhé!

Hắn ngồi tính rành mạch từng khoản một. Vợ hắn lắc đầu mà bảo:

- Không làm gì có thể. Hôm nọ ông cự cũng có bảo tôi. Ông ấy bảo: Bây giờ dân đang cần tiền vào đám, ai muốn làm chỉ phải chồng quỹ rồi nộp thêm cho đám bảy chục, chiết can bữa rượu; như vậy chẳng còn phải khao khiếc gì.

- Dở lắm! Không khao thì ai biết mình làm hương trưởng?

- Sao người ta chả biết? Mình không khao, mà đã phải nộp tiền thì cũng như khao. Việc dân ở trong tay, chứ còn ở tay ai. Các ông ấy biết cho mình là cả làng phải biết. Đứa nào dám nói không biết, người ta vả vào miệng đấy.

Bịch ngấm nghĩ. Hắn thở dài ba, bốn cái. Rồi hắn hỏi vợ:

- Hay là lại vào ông cự hỏi xem sao. Liệu có thể nhẹ thì ta cố lo một chút.

- Ủ, thì bố nó thử vào hỏi xem.

Có như vậy thật. Ông cự bảo:

Tự cổ chí kim, chưa có bao giờ chúc hương trưởng trong làng này lại rẻ như thế đấy; ai không làm cũng đại... Và ông bằng lòng nhận khoán Bạch một trăm tất cả. Ba mươi đồng trồng quỹ, với bảy mươi đồng chiết can bữa rượu. Còn việc tạ chỗ này, chỗ khác, ông nói miệng với người ta là được. Ông đã nhận đứng ra giúp Bạch, chẳng cụ nào còn nỡ đòi ăn chè của ông... Sự thể là thế đấy. Cứ có một trăm đồng bạc là xong tất. Bạch chỉ việc ngồi nhà, chẳng cần phải đi nói với ông nào nửa tiếng. Đã có ông đi nói hộ. Cái chỗ quan viên với nhau, người ta nói với nhau nó dễ. Vậy thì Bạch muốn nghĩ thế nào thì nghĩ. Liệu có thể xếp mà lo được thì nên lo...

Cố nhiên là Bạch lo. Bây giờ tuy chưa đủ cả, nhưng cũng chẳng còn thiếu mấy. Thiếu tí chút, thì vay tạm vậy. Nhờ có cái trâu, bây giờ chẳng thiếu gì người dám bỏ tiền cho hần vay.

Ông cự nhận lấy một trăm đồng bạc. Bạch chỉ việc ngồi nhà thật. Mọi sự đã có ông cáng đáng. Ông cáng đáng như thế này: Ông bỏ ra mười đồng sung vào quỹ của làng. Lệ ấy có ghi trong hương ước. Nhưng hương ước chỉ là một quyển thân chú để mấy ông kỳ mục hô tiền. Nó được giấu kín trong tủ nhà hội đồng. Bạch làm gì biết được. Thấy ông cự bảo phải chồng quỹ ba chục bạc thì hần cũng tưởng ba chục bạc. Xong món tiền sung quỹ rồi, ông đưa thêm năm chục đồng để các cụ chia nhau. Trong

số bảy chục tiền làm rượu, ông dắt mối được xoi hai chục. Các cụ được tất cả vừa bốn chục. Bạch đâu biết đến cái chỗ ngoắt ngoéo ấy. Hắn thấy công việc xong xuôi thì mừng rỡ lắm. Về mừng rỡ hiện ra tận mắt. Ngày vào đám, hắn được cầm cái roi đứng trước cửa nhà thầu đẹp trẻ. Trông ra phết ông hương mới lắm! Nhưng bỗng hắn nghe thấy mẩu chuyện sau này trong đám người đứng xem chèo.

- Ái chà! Đứa nào cầm roi đứng trên kia?

- Hương Bạch đấy.

- Bạch đi xúc dậm đấy à? Ai khiến nó...

- Đừng nói láo! Ông hương đấy!

- Hương cái con khỉ! Chưa làm rượu đã vác mặt ra đình! Bộ thằng tớ có chào nó là ông hương.

Mặt Bạch đột nhiên đỏ gay lên. Hai tay hắn trông như hai cục tiết. Hắn không dám giờ nhăm nhăm cây roi nữa. Hắn đứng ngây người, mặt nhăn nhó nhìn chân trời qua bên trên đầu những người đứng xem. Trẻ con lợi dụng lúc ấy lẩn bừa vào... Cụ tiên chỉ sang sảng quát:

- Hương mới đâu? Chèo cho các cụ xem hay trẻ con xem thế này? Anh đẹp đám thế à? Muốn cách không? Ái chà!...

Ở HIỀN

Nhu hiền ngay từ ngày còn bé. Khi chưa đẻ nó, mẹ nó đã có một đứa con trai được hai năm. Thằng bé anh này đã được khá nhiều răng và đã biết ăn cơm. Nhưng nó còn quấy suốt ngày, chẳng mấy lúc chịu để mẹ rời xa. Mặc dù nó đã ăn cơm no đến căng bụng mặc lòng, lúc trông thấy mẹ vẫn còn đòi bú; không cho bú nó lăn ra đất, giẫy giụa, xé quần, xé áo, cào mặt ra mà khóc; chẳng khác gì người ăn vạ. Đêm đến nó mới lại càng làm khổ. Nó nhất định cứ phải nằm bên mẹ suốt đêm, ngoài mẹ ra, nó không chịu ngủ với ai. Nó bám lấy mẹ chằng chằng. Thức giấc dậy lúc nào là nó lại vơ lấy cái vú ấn vào mồm, dù chẳng còn một giọt sữa nào. Không còn sữa nó cũng day. Nó day cái vú beo như một con chó day búỉ giẻ. Dứt bú ra là nó khóc... Vì vậy cho nên lúc chửa Nhu thì mẹ Nhu lo lắm. Bà sẽ liệu thế nào với hai đứa trẻ, nếu cả hai cùng đòi mẹ? Nếu đứa sau cũng lại bần tính như đứa trước thì có lẽ chúng làm tội bà đến chết...

Nhưng ở cỡ mấy hôm, bà mẹ Nhu mừng lắm. Bởi vì Nhu không dữ. Nhu hiền. Trời phú tính cho Nhu rất hiền.

Cho bú no rồi thì muốn đặt Nhu nằm đâu cũng được, trao cho ai cũng được. Cả ngày không nghe thấy tiếng Nhu khóc. Người vô ý vào nhà không biết nhà có trẻ. Duy chỉ có thằng cu anh thì vẫn cúi kính, vẫn tai ngược, vẫn hay khóc, hay vùi không kém trước, có lẽ còn hơn trước. Nó vẫn đòi bú như thường, và có khi bú hết cả phần Nhu. Mà nó không chịu để cho Nhu bú chung đâu. Nó giữ lấy mẹ một mình. Nếu đang lúc nó bú vú này mà Nhu bú vú kia, thế nào nó cũng nhả vú ra, hùng hổ véo má Nhu một cái mà kéo Nhu ra hay cùi tay lại chực đâm Nhu rồi khóc thét lên khi mẹ giơ tay đỡ đòn cho em bé. Thấy mẹ bế em nó cũng ghen. Thành thử mẹ Nhu chỉ dám ẵm Nhu lén lút thôi, và cho Nhu bú những khi không có thằng anh ở đấy. Ban đêm, Nhu ngủ với con ở, nhường mẹ cho thằng anh không bao giờ nhượng bộ. Một đôi khi bà mẹ thấy con bé hiền cũng thương. Nhưng biết làm sao, bà lại tặc lưỡi, tự bảo mình: “Thôi cũng được! Miễn là nó chịu!...”. Chịu thì cái gì Nhu cũng chịu...

Khi đã biết, tính nết của Nhu vẫn vậy. Nhu thật là một đứa trẻ ngoan. Không bao giờ người ta thấy Nhu đòi một cái gì, phản đối một cái gì. Cho Nhu ăn thức gì thì Nhu ăn thức ấy thôi. Nếu Nhu không muốn ăn thì Nhu bảo: không ăn. Nhu không hề đòi một thứ khác ngon hơn hay tính Nhu thích ăn hơn. Lúc đói, mặt Nhu kém tươi hơn; Nhu tìm một chỗ ngồi, rất lì xì, con ruồi bay qua chẳng buồn xua? Nhưng Nhu chỉ lặng im, nếu không ai hỏi đến thì chẳng bao giờ Nhu dám nói ra: khi Nhu đã bắt đầu ngáp vặt luôn, mũi đỏ lên, nước ứa ra ấy là Nhu đã đến lúc không còn chịu được... Mỗi lần có bánh quà gì, thế

nào thằng anh Nhu cũng tranh lấy phần hơn. Bà mẹ bảo Nhu: “Nó là anh, con phải nhường cho nó”. Nhu cho là phải lắm. Nhưng mấy năm sau, khi Nhu đã có em, thì mẹ Nhu lại bảo Nhu rằng: “Nó là em, chấp với nó làm gì?” Nhu cũng lại cho là phải lắm... Các em Nhu cũng như thằng anh Nhu, chẳng đứa nào giống tính Nhu. Đứa nào cũng ương ngạnh, bướng bỉnh, tham ăn, chẳng đứa nào chịu kém đứa nào. Bà mẹ đi chợ mới về đến đầu sân, chúng đã mải mốt chạy ra, nhao nhao ở chung quanh. Chúng vây chặt lấy bà, đứa nọ hích đứa kia, quát lẫn nhau. Và khi bà mẹ vừa gạt chúng ra, đặt được cái thúng xuống hè, chúng đã lăn xả vào, cướp bánh như ở sân đình người ta cướp cháo. Chỉ có mình Nhu đứng ngoài nhìn. Bà mẹ phải vừa gào, vừa thét, vừa giằng nhau với những đồ quý sống kia để cướp lại cho Nhu củ khoai bé nhất hay miếng bánh đa xấu nhất. Nhưng tí xương xẩu ấy, nhiều khi Nhu cũng lại không được ăn vào miệng. Những đứa kia, ngồm ngoàm ăn thật nhanh hết phần của chúng rồi xúm lại xin Nhu. Nếu Nhu không cho thì chúng ăn cướp của Nhu. Cũng có khi thì trước khi ăn, đứa này nhận ra phần của đứa kia to hơn phần của nó nhiều; chúng tị nhau; rồi đứa bị phần kém dỗi, vát phần của mình đi, nhè mồm ra khóc. Thấy thế là Nhu lại phải bỏ phần của Nhu ra, bù cho nó để nó lặng. Nếu Nhu kẹ nó thì nó còn khóc mãi. Bà mẹ dậm chân bành bịch, găm lên. Thằng lớn gân cổ, the the cãi lại bà. Nhà cửa om sòm. Nhu nuốt chẳng trôi. Mà kết cục thì thế nào bà mẹ cũng gọi Nhu lại, bảo: “Thôi, con ạ! Con chẳng ăn làm gì một tí... Chẳng no béo gì đâu, con ạ!... Con thí cho thằng mỗ ấy, kẻo nó khóc

điếc tai không chịu được... Những thằng mỗ, con mỗ ấy! Chúng nó ăn tham rồi chỉ đến làm mỗ mà thôi!...”

*

* *

Bây giờ mỗi lần nhớ lại những lời nói trên đây của mẹ, Nhu không thể không mỉm cười chua chát. Không phải là Nhu có ý ghen gì với anh hoặc với các em. Có ai điên đến nỗi chỉ cầu cho anh, em mình làm mỗ? Nhu thấy anh, em khá, tốt cũng phải mừng và muốn cho họ khá hơn bây giờ nữa. Nhưng Nhu cấm làm sao được, Nhu tự hỏi rằng: “Tại sao trên đời này lại có nhiều sự bất công đến thế? Tại sao ở hiền không phải bao giờ cũng gặp lành? Tại sao những kẻ hay nhịn hay nhường thì thường thường lại chẳng được ai nhịn, nhường mình; còn những kẻ thành công thì hầu hết lại là những người rất tham lam, chẳng biết nhịn nhường ai, nhiều khi lại xảo trá, lọc lừa và tàn nhẫn, nhất là tàn nhẫn?...”.

Năm mười bảy, mười tám tuổi, Nhu là một cô con gái rất nhu mì. Cô hiền như một ngụm nước mưa. Không bao giờ cô to tiếng với ai, mà ai hơi to tiếng với cô là cô nhịn không nói nữa. Nhượng là em gái Nhu, đến bây giờ, thỉnh thoảng vẫn còn nhắc đến một chuyện đã làm nó buồn cười. Một hôm mẹ giao cho hai chị em làm cỏ chung một mảnh vườn, đến trưa phải làm xong. Biết tính Nhượng hay chơi, Nhu chép miệng phàn nàn:

- Làm chung với ai chứ làm chung với mày thì chết tao thật! Sao mày cũng lại ngهنh trời, ngهنh đất cho đến

trưa việc không xong, mẹ chẳng biết đây là đâu, cứ tao là chị mày mà chửi!...

Nhượng tốn môi lên, bảo:

- Chị cứ biết lo phần chị! Nếu chị sợ phải mắng ấy thì chị cứ chia ra mỗi người một nửa vườn, của ai người nấy làm.

Hai chị em chia. Chia xong, Nhu làm nửa của Nhu. Nhượng bỏ đi chơi, Nhu giục là Nhượng mắng, bởi ai đã có phần người ấy. Không việc gì mà lo hộ! Đến nửa buổi, Nhượng vẫn trèo hết cây nọ đến cây kia, xét quả ăn, chẳng chịu làm. Nhu làm hết phần mình rồi phải bảo em:

- Thôi chị lạy em! Em chịu khó làm đi kéo mẹ về chửi, chị làm xong phần chị, chị làm giúp em một nửa.

Nhượng bật cười:

- Thật nhá! Chị làm xong đây thì làm thêm chỗ này hộ tôi... Tôi chạy ra ngoài đường một lát rồi về làm với chị. Chị đừng lo! Thế nào cũng kịp. Tôi về ngay đây!

- Ủ! Mày phải về ngay đây! Nếu không về tao mặc kệ!

- Được rồi! Tôi về ngay đây mà!

Nhượng đi, Nhu lại cặm cùi làm, Nhu làm nốt phần mình, làm xong cả một nửa phần em. Nhượng vẫn không về. Mặt trời đã lên cao. Nhu thì bởi làm luôn tay từ sáng đến giờ, vừa đau lưng vừa mờ cả mắt. Thế mà nếu Nhượng không về thì có lẽ vẫn không kịp mất! Nhu gọi Nhượng. Chẳng thấy Nhượng thưa! Nhu cực quá, ghen ngào rồi ứa nước mắt ra. Nhu vẫn phải cố làm nốt cho

xong. Đến lúc Nhượng về, nó thấy chị nó đang hu hu khóc, mà khu vườn thì đã gần hết cỏ. Nhu chẳng dám mắng Nhượng nửa lời, chỉ khóc to hơn. Ấy thế mà Nhượng vênh hân mặt lên xa xà:

- Thối chị lắm! Ai khiến chị lạnh chanh đấy? Không xong, mặc kệ tôi! Việc gì đến chị mà chị na mô hốt?...

Con bé Nhượng vốn ghê gớm thế. Hơi một tí là nó trợn mắt lên, nói chan chất như bằm, như bỏ vào mặt người ta. Nó chẳng chịu kém cạnh ai. Ai giở mặt gì là nó giở mặt ấy ngay được. Trong khi Nhu chỉ biết chăm chăm chúi chúi làm, bán được một trình rau cũng đem về nộp mẹ cả một trình. Nhượng luôn luôn kiểm từng dịp để ăn bớt, ăn xén, lấy vụng, lấy trộm, bòn rút tiền của mẹ để gây một số vốn riêng cho nó. Bà mẹ làm gì không biết thế? Bởi vậy bà tin Nhu chứ không tin Nhượng. Nhu thật thà...

Mới đầu bà cũng tưởng Nhu thật thà, thì bà có thể trao tay hòm chìa khóa cho Nhu. Nhu trông coi việc chợ, việc nhà, giữ thóc, giữ tiền, lo tính việc ăn tiêu. Nhưng chẳng bao lâu bà nhận ra rằng: Để cho Nhu làm việc ấy, thật là tai hại. Bởi vì Nhu hiền quá! Anh túng tiền để chơi bời, Nhu chỉ lặng im dăm dúi cho. Em xúc trộm thóc đem đi gửi, Nhu biết nhưng nể em, không giữ, không mách mẹ. Người làm, đầy tớ có ăn quá lệ thường, Nhu cũng ngơ đi. Chúng thấy Nhu dễ dãi, nên com thường thường cứ ăn thừa, mà thức ăn thì ăn đủ từ đầu đến cuối bữa, chứ chẳng chịu ăn tương ăn mắm. Thế rồi bán thì Nhu chẳng bán được đất bao giờ. Đến chợ, có khi nào Nhu tranh được chỗ ngồi đâu! Nhiều khi Nhu đặt đội hàng của Nhu

xuống rồi, tự nhiên có đứa vô ý hay ngạo ngược cũng đặt
đôi ngay trước đôi của Nhu, Nhu cũng không dám xốc
quần lên, đập dúi đầu nó xuống hay nhắc đôi háng của nó
mà đổ té ngay xuống đất. Bọn con buôn chỉ trông mặt
Nhu cũng biết Nhu là một món bỏ rồi. Chúng bâu lấy
Nhu như một lũ nhặng xanh; đứa mặc cả món này, đứa
mặc cả món kia, nhặt lên, vắt xuống, co đi, kéo lại, rồi rít
tang bồng.

Nhu không có đủ mắt, miệng, chân, tay đâu mà địch
lại. Ấy thế là chúng vừa mua, vừa ăn cướp. Của đáng mười
Nhu chỉ bán được năm. Có khi chẳng lấy được đồng tiền
nào là khác nữa... Bán thì rẻ, mà mua thì thường phải đắt.
Chỉ vì Nhu không đánh đá được như người; Nhu không
thể nhảy cẫng lên, vỗ đùi đen đét, xả xối vào mặt những
đứa xấu thói đang thấy Nhu mặc cả thứ gì cũng chõ vào
mặc cả...

Bà mẹ lắc đầu, bảo: “Con này hồng! Nó lành quá nên
người ta bắt nạt... Không được sắc sảo như con Nhượng...”.
Và bà trao lại việc chợ búa ăn tiêu cho Nhượng. Nhượng
chanh chua được, cay nghiệt được, tàn nhẫn được. Nó thật
là đáo để! Nó giữ quyền thu, quyền bỏ trong nhà, thì
thằng anh đừng hồng lấy cấp một đồng xu; thằng ở thối
quá một bát gạo là được vỗ mặt ngay, người làm có lệ chỉ
có một đĩa nhộng, hay một đĩa tép kho, ăn hết thì cứ mồm
tép mà ăn, không ăn thì ăn nhạ!... Ra đến chợ, đứa nào
trêu máu Nhượng thì liệu đấy! Nhượng có thể xoắn lấy
tóc nó níu xuống mà tát cho xung đốn má. Nhượng có thể
xé quần, xé áo người ta ra... Một vài bạn như thế, tự

nhiên chẳng ai bảo ai, người ta đều kiêng mặt nó. Người ta liệt nó vào hàng còn ít tuổi, nhưng đã thừa sành sỏi. Nó biết mua, biết bán, biết chần ba, nhặt nhanh, mà lại đủ sừng, đủ mỏ. Biết rằng nó được tay hòm chìa khoá thì nó ăn cắp tợn. Nhưng chỗ nó ăn cắp, chưa thấm vào đâu với chỗ nó làm lợi. Và lại con ăn cắp có đi đâu mà thiệt?... Ấy thế là Nhượng, tuy là em, nhưng được cái lên làm chị. Quyền hành ở trong tay nó cả. Nhu chỉ biết cúi đầu, cúi cổ làm, nai lưng ra làm...

Nhu không có một đồng vốn riêng nào. Nhượng trái lại, chẳng bao lâu có bạc trăm. Nhượng sắm quần nọ áo kia, khuyên vàng, xà tích. Những ngày rước sách, hội hè, Nhượng thắng bộ vào, trông nổi đình đám lắm. Các cậu trai làng trông thấy đều tíu mắt lại. Các bà mẹ sắp hỏi vợ cho con cũng để ý nhiều. Thật ra thì các bà chẳng ưa gì những cô làm đóm thế đâu. Nhưng muốn làm đóm phải có tiền. Khuyên vàng, xà tích là tiền. Quần áo cũng là tiền. Khi nó về nhà mình thì nó đem theo cả những thứ ấy về. Của nó cũng như của con mình. Mà tiền của chẳng bao giờ nên chê cả! Huống hồ Nhượng lại có tiếng là gái đảm và nhiều vốn liếng. Chỉ phải cái hơi cứng cổ. Nhưng khi con dâu làm ăn, lo liệu được đâu ra đấy, thì mình còn phải nói động đến nó làm gì? Mà khi mình đã không nói động đến cái chân lông nó, thì dầu nó có cứng cổ cũng chẳng làm gì mình được!... người ta cân nhắc Nhượng như thế ấy. Người ta thấy lấy Nhượng thì lợi nhiều hơn hại. Bởi thế nên những đám ngáp ghé Nhượng thì nhiều lắm?... Còn Nhu? Nhu thích sự khiêm nhường. Nhu có biết diện là gì đâu! Và nếu Nhu có muốn diện, cũng

không có tiền mà diện. Bà mẹ chỉ thích tiêu ít được chừng nào hay chừng ấy. Bà chỉ may cho con những quần áo thường, đủ mặc thôi. Còn đứa nào muốn hoa hòe hoa sói, cứ bỏ tiền túi ra mà hoa hòe hoa sói. Bà không cấm!... Chắc trong bụng bà nghĩ thế. Và chắc trong bụng bà cũng đinh ninh rằng: chẳng nhiều thì ít, thế nào Nhu cũng giấu được ít nhiều vốn liếng: con gái, đại đến đâu mà chả biết ăn cấp tiền của mẹ! Nếu Nhu không may mặc, có lẽ chỉ vì Nhu sên... - Thành thử Nhu ra đường cũng chẳng ai nhìn thấy. Vả lại Nhu cũng ít khi ra. Nhu chỉ lúi thủ ở nhà. Nhu nhìn mọi cái đã quen rồi, rất có thể nhìn các đình đám hội hè, nhận lấy phần coi nhà để các em đi tung tẩy...

Thế rồi một hôm có người hỏi Nhượng. Bà mẹ Nhu không muốn cảnh em trước chị sau. Bà đợi gả chồng cho Nhu, mà Nhượng thì phải từ chối luôn đến bốn, năm đám hỏi. Con gái có thì, Nhu đã hăm sáu tuổi rồi. Nhượng cũng đã hăm bốn tuổi. Ở làng này như thế là muộn lắm. Bà mẹ bắt đầu sốt ruột. Cả Nhượng nữa. Nhượng thấy mình bị hăm hại một cách vô lý lắm. Nhu tù phạm. Mỗi lần có ai hỏi Nhượng, Nhu lại khóc thầm khóc vụng. Nhu lờ mờ hiểu ra rằng, cái nét hiền của Nhu chưa hẳn người ta đã chuộng đâu! Những lúc quá bức mình, mẹ Nhu hoặc em Nhu đã một đôi lần bảo Nhu dần, và Nhu lại càng khóc tợn. Sau cùng người ta đành gả chồng cho Nhượng trước bởi vì lại còn những em của Nhượng; chúng mười tám, đôi mươi cả rồi, còn bé bỏng gì? Không lẽ vì một đứa mà cả mấy đứa cùng ế muộn. Rồi lần lượt người ta gả chồng nốt cho hai đứa nữa bên dưới Nhượng. Thế nghĩa

là Nhu đã đành phận vậy. Nhu đã sắp ba mươi tuổi. Nhu không muốn nghĩ đến chuyện chồng con làm gì nữa, Nhu sẽ ở nhà với anh chị, trông coi các cháu. Nhu sẽ yêu thương chúng nó như chính con Nhu. Nhu sẽ lặng lẽ sống nốt cuộc đời, lặng lẽ như một người tu trong nhà mình.

Nhưng đến tận lúc ấy - lúc Nhu đã không còn nghĩ đến chuyện chồng con - thì bỗng lại có người muốn lấy Nhu. Anh chàng ta là một nhà danh giá ở trong làng, nhưng thất thế đã từ lâu. Bố mẹ chết cả rồi. Anh em cũng chẳng còn ai. Không còn biết vớ vớ vào đâu, hấn bỏ làng đi làm ăn xa một hồi lâu, nhưng ý chừng số chẳng ra gì, lúc đi tay không thì lúc về cũng lại tay không, chẳng có tiền nong gì cả. Nói trắng ngay ra rằng: hấn không đến nổi là con nhà hèn hạ, nhưng hiện nay thì hấn nghèo xác. Và hấn định lấy Nhu, chắc cũng đã suy nghĩ chán. Nhu đúng ba mươi tuổi mà hấn mới hăm năm. Nghĩa là Nhu sẽ già hơn hấn rất nhiều. Song những người bằng tuổi hấn, hay kém tuổi hấn, mà lại là con nhà khá giả như Nhu, thì cố nhiên là chẳng ai lấy hấn, Nhu có ế, bà mẹ Nhu mới gả. Hấn tay không, lại không còn ai là thân thuộc ở làng, cũng phải kiếm chỗ có thể nương nhờ chứ? Bà mẹ Nhu chỉ còn mình Nhu là con gái, thế nào bà chả đắp điểm cho chút ít? Hấn cần sự ấy hơn người vợ trẻ... Người anh Nhu thì nghĩ rằng: giá có cách tổng khừ được đưa em đi vẫn hơn là để nó làm bà cô tổ ở nhà; vẫn biết nó hiền lành, có ở nhà cũng chẳng hại ai; nhưng gây dựng được cho nó thì cũng đỡ mang một cái tiếng với làng, với nước. Còn bà mẹ nữa! Có bà mẹ nào lại không muốn cho con gái có chồng. Bà nghĩ đã nát ruột về Nhu. Bà thừa hiểu rằng cái

cảnh gái già chẳng sung sướng gì đâu! Bây giờ còn mẹ nên Nhu chưa thấy khổ, nhưng một mai bà trăm tuổi về già, bây giờ Nhu phải ở với chị dâu, rồi mới biết. Bởi vậy cho nên đối với việc người ta hỏi Nhu, bà tỏ ý lạc quan. Đã đành anh chàng cũng có ý bòn của đây, nhưng cái sự tham thì ở đời ai mà lại chả tham? Nếu nhà nó giàu, nó đã chả chịu lấy Nhu là đứa đã hơn nó những năm, sáu tuổi. Nó nghèo thì mình cho nó nhờ vả ít nhiều. Nó nhờ vả mình thì phải nể con mình. Nó có nể con mình thì con mình mới khỏi khổ, chứ cái bộ Nhu hiền như đất nặn thế nếu lấy phải thằng chồng vũ phu, cạy cửa cạy tài, hay còn bố mẹ chồng thích hạnh học con dâu, thì đến chỉ khóc lăm sung mắt lên, rồi chết... Duy chỉ có Nhu không thuận lăm. Nhưng Nhu cũng chẳng làm gì, chẳng ngó ý kiến gì để mà chống lại. Bao giờ Nhu chả để bảo như một con chó xiếc? Ấy thế là Nhu đi lấy chồng!...

Câu chuyện còn khá dài dòng. Nhưng kéo dài ra để làm gì? Có kể tường tận cuộc đời làm vợ của Nhu thì cũng chỉ thế mà thôi. Người thì ở chỗ nào chả là người? Mà cuộc đời thì bất cứ cảnh nào cũng chảy trôi theo những định luật chưa bao giờ lay chuyển được...

Hãy nói ra rằng: Nhu sung sướng được mấy năm đâu. Đó là nhờ những tiền của bà mẹ Nhu bỏ ra để Nhu tạo một cơ nghiệp cho chồng. Nhưng giống người vốn là một giống mau quên. Chẳng bao lâu, người chồng Nhu nghĩ ra rằng: hắn lấy phải vợ già là một sự thiệt thòi, tất cũng phải dùng tiền của vợ, chơi bời cho thỏa để bù đắp lại. Hắn chơi bời thả cửa. Nhu có thể ngăn cấm lăm, Nhu có

quyền bảo vệ tài sản và hạnh phúc của gia đình mình lắm. Nhưng không! Nhu chẳng làm gì cả... Nhu chẳng hé răng nói một lời nào cả! Nhu đã quen nhìn rồi! Nhu nhìn, Nhu nhìn cả những khi thấy Nhu khóc, hấn gắt gồng với Nhu để khỏi phải nghe những tiếng ngấm ngấm nhưng khó chịu của lòng hối hận. Nhu nhìn và Nhu đẩy dọa cái thân Nhu để Nhu càng thêm già và xấu đi... Rồi chồng Nhu có vợ hai. Một người vợ hai trẻ hơn Nhu đến mười năm và giáo hoạt hơn Nhu đến mười lần. Nhu có thể không công nhận cho chồng lấy vợ hai, nhưng Nhu chẳng làm gì, chẳng hé răng có một lời gì! Nhu ngoan ngoãn in ngón tay Nhu vào tờ giấy hôn thú. Nhu bằng lòng cho đem vợ lẽ về nhà. Nhu lẳng lẳng quay mặt đi mỗi lần chúng đùa cười với nhau ngay trước mặt Nhu. Và ban đêm, Nhu khóc - chao ôi là Nhu khóc! - Nhu khóc đến mòn tất cả người ra thành nước mắt, trong khi chúng gối đầu tay cho nhau mà ngủ...

Thế rồi sự phải xảy ra, đã xảy ra: con vợ lẽ lẳng lơang, lấn át cả quyền Nhu. Nó làm chủ trong nhà. Nó lấy sự làm nhục Nhu làm một trò chơi. Nó bắt khoan, bắt chẹt Nhu. Nó đánh chửi Nhu. Sau cùng, Nhu không còn chịu được, đến phải bỏ nhà chồng mà về nhà mẹ... Mẹ Nhu tức uất người. Anh Nhu còn uất người hơn. Các em Nhu hay tin, cũng đều giận vô cùng. Họ xúm lại mắng Nhu. Rồi họ nhất định bắt Nhu kiện chồng tình phụ... Kiện? Nhu đi kiện chồng? Ôi chao! Mới nghe Nhu không thể hiểu rằng: người ta cần kiện nhau để bắt nhau yêu... Và lại một người như Nhu, chỉ chửi một câu đã ngượng lời rồi, bây giờ đứng ra kiện, để hạch tội một người chồng mà chưa

bao giờ Nhu dám nói nửa lời chống cưỡng!... Không! Không đòi nào! Nhưng Nhu ngồi thừ mặt, ai bảo sao cũng không đáp lại. Và họ hiểu. Họ hiểu Nhu không đòi nào dám đi kiện, không đòi nào ưng đi kiện. Họ lại xúm lại mắng Nhu thêm chập nữa. Người anh, giận quá nhất định không nhìn nhận đứa em ngu dại ấy. Nếu Nhu không đi kiện, thì người anh sẽ đuổi Nhu ra khỏi cửa. Nhu không thể do dự nữa. Một là Nhu phải giặt lại chỗ mồ hôi nước mắt của mẹ mình để sống; hai là Nhu đi ăn mày, nếu Nhu còn cố thương hại chồng!...

Nhu đã nghe những lời như đinh đóng cột của ông anh. Nhu lại ngồi thừ mặt ra một lúc lâu. Nhu khóc như mưa... Rồi Nhu đã làm gì? Hỡi ôi! Nhu đã vâng theo cái bản tính của Nhu rất hiền lành: Nhu trở về với chồng, với vợ hai, và sống như một con vó trong nhà chúng, trong cái cơ nghiệp chính tay Nhu đã dùng tiền của mẹ mình tạo ra...

1943

GIẢNG SÁNG

Điền có bốn cái ghế mây. Tất cả đồ đạc trong nhà chỉ có bốn cái ghế mây là có giá. Không phải Điền mua. Tính Điền rất ghét mua. Từ ngày ra ở riêng đến giờ, Điền mới mua có một lần. Ấy là cái giường bằng gỗ bười của một bà cô nghèo khó. Bà cô cần tiền để lấy thuốc ngã nước cho chồng. Còn Điền thấy cũng cần một cái giường. Tháng ba vừa rồi vợ Điền mới sinh một con trai. Nghĩa là bây giờ Điền có những hai con. Cả nhà đứng bốn người, bốn người chắt cả vào một cái giường! Giá mùa rét thì cũng được, chen chúc nhau một tý càng ấm áp. Nhưng mùa nực, còn gì là vệ sinh?

Năm chùng mười họa, Điền cũng còn nghĩ rằng nên theo phép vệ sinh. Bởi Điền là người có học hần hoi. Điền đã có lần là một ông giáo trường tư trong ngót ba năm, và Điền có bốn cái ghế mây vừa mới nói. Năm ngoái đây, cái trường vẫn thuê Điền dạy lớp nhất, lấy hai chục bạc lương một tháng, đột nhiên phải dẹp. Dẹp để nhường lại mấy căn nhà cho người ta dùng vào việc khác, cần cho lúc này hơn. Ông hiệu trưởng còn chịu của Điền nửa tháng lương.

Tiền học cuối tháng thì chưa thu được. Chỗ anh em biết tính thế nào cho tiện? Giá ông xoay được, thì ông trả phất Điền chục bạc, cho đẹp mặt cả đôi bên. Nhưng ông không xoay được. Mà chẳng lẽ Điền phải thiệt? Thôi thì... Thôi thì... - Biết nói sao bây giờ? - ông cười một cách ngượng nghịu bảo Điền:

- Thôi! Thế này này, ông Điền ạ! Giá ông không ngại, thì ông đem bộ ghế mây về mà dùng. Lão hàng phở nó trả có bảy hào một cái. Hôm nọ, chỉ cần mây lại cho hai cái cũng đã mất một đồng. Bán cho lão thì phí đi. Mà ở nhà ông chưa có ghế...

Lúc ấy, Điền phải cố giữ, cái mặt mới không xị xuống. Thật ra thì Điền chán lắm. Điền chẳng muốn lấy bốn cái ghế tí nào. Chao ôi! Cũng mang tiếng là ghế mây!... Cái thì xộc xệch, cái thì bốn chân dúm lại, và chẳng cái nào là nước sơn không róc ra cả như da thằn lằn. Trông đủ thảm, Điền phải bỏ bảy hào chịu lấy một cái vé tàu hỏa để tải mình về quê đã đủ xót ruột lắm rồi, còn phải nợ bỏ tiền ra tải bốn cái ghế già nua ấy nữa. Nhưng từ chối thì không tiện. Ra sự rằng mình dối. Có thể tủi lòng ông hiệu trưởng. Ấy là một điều mà Điền chẳng muốn, bởi ông với Điền là chỗ bạn nghèo với nhau.

Họ bị tủi vì người ngoài đã lắm. Chẳng nên để người nọ còn phải tủi vì người kia... Điền đang nghĩ một cách gì để thoát thác. Thì ông lại bảo:

- Ông nên đi tàu thủy. Có đất mới đến năm hào. Năm hào với năm xu mà là năm hào rưỡi. Vậy cho rằng có phải

trả tiền cước bốn cái ghế thì cũng chỉ bằng tiền tàu hỏa mà thôi. Ông để hai cái ghế ra, một cái ghế để ngồi, một cái gác chân, ung dung như ngồi nhà ông vậy. Tội gì đi tàu hỏa mà chen chúc.

Kể thì cũng là một ý hay. Như thế tránh được cả cái nạn huých khuỷu tay vào ngực nhau để tranh một cái vé đi xe lửa. Tránh được cả cái nạn ngồi lên đùi người khác và để người khác ngồi lên đùi mình. Và ngửi mùi mồ hôi với mùi phân lợn của những toa tàu hạng tư... Nhưng...

Ông hiệu trưởng không đợi Điền phải nói ra. Ông đã đoán mà hiểu trước. Nên ông bảo:

- Còn cái sự chuyển những cái ghế thì không ngại. Tôi sẽ bảo thằng nhỏ buộc hai cái làm một, dùng cái đòn gánh nước, gánh ra tàu cho ông. Còn từ bến màn về nhà ông, sẽ thuê một thằng bé nào độ năm xu hay một hào.

Điền nhảm tính. Như vậy, tất cả có già dặn lắm mới tốn chừng đồng bạc. Nghĩa là tiêu quá đàng kia hai hào. Hai hào bốn cái ghế mây! Cho nó xộ xệch nữa cũng còn rẻ chán. Điền ưng thuận. Thế là bốn cái ghế mây của ông hiệu trưởng mà lão hàng phở già có bảy hào một chiếc được đi tàu thủy về quê của Điền.

Và thế là Điền có bốn cái ghế mây, Điền không biết giá. Nhưng Điền đoán chừng mua mới thì cũng đắt. Bây giờ mỗi chiếc có khi tới ba bốn đồng. Ba bốn đồng một chiếc! Thế nghĩa là cả bộ đáng giá ngót hai chục bạc. Xóm Điền cũng chả nhà nào có những đồ đạc đắt tiền như thế. Vợ Điền quý lắm. Thị rất xót xa khi thấy những

ông khách cục súc, sau khi đã nắc nỏm khen bộ ghế vừa đẹp vừa thanh, liền đặt cái mông dẹt to bành bạnh như cái vại lên mặt ghế khiến những sợi mây lún xuống, rồi co cả hai chân bấn thiêu lên, ngả cái lưng to như lưng trâu tựa vào vành ghế, khiến cái vành ghế phải oải hẳn về đằng sau. Như thế phỏng còn gì là ghế? Có mà ghế sắt cũng phải hỏng, đừng nói gì ghế mây!... Một hôm thị bàn với chồng rằng:

- Này, cậu ạ! Người nhà quê họ vô ý lắm. Mình có của thì mình phải giữ gìn. Hay là ta đem cất những cái ghế mây đi, kéo để ai vào cũng leo lên ngồi chồm chồm, mấy chốc mà vứt đi?

Thoạt nghe, Điền phải bật cười. Điền nghĩ đến tính bủn xỉn của người đàn bà. Họ may áo để cất đi. Và mua ghế để chẳng cho ai ngồi sát. Điền đã toan phản đối. Nhưng nghĩ ngợi một giây, Điền lại bằng lòng, vợ Điền thế nào chả hơn Điền trong cái môn lo liệu việc nhà? Và bây giờ Điền chỉ là một kẻ ăn nhờ. Vợ Điền phải lo cho chồng từ năm xu húi cái đầu. Thị đã phải gánh lấy tất cả cái ách gia đình, thì cũng nên để cho thị có quyền trong nhà một tí. Kéo thị lại bảo: đầu có hỏng cái gì, Điền cũng không phải bỏ tiền thay, nên Điền không xót ruột... Từ hôm ấy, bốn cái ghế mây được treo lên bốn cái mỏ móc buộc ngoài đầu chái. Chỉ đến khi có khách khứa nào sang trọng, Điền mới ra bê vào.

Nhưng những buổi tối có trăng thì dù chẳng có ai, Điền cũng khuôn đủ bốn cái ghế ra sân. Rồi Điền gọi vợ, con ra. Vợ bế con nhỏ ngồi một chiếc. Con lớn một

chiếc. Còn một chiếc Điền dùng làm gác chân. Họ ngồi ghế, đợi trăng lên. Nếu con nhỏ không khóc, con lớn không bắt gãi thì hạnh phúc thật hoàn toàn. Gió thổi tan những lo lắng, chua cay chất ở lòng. Ánh trăng êm xoa nước mát lên da. Da mềm dịu. Những nét cau có chìm đi tất cả. Trán vợ Điền hóa phẳng phiu, mặt thị tươi hẳn. Thị trẻ ra mười tuổi. Những phút thanh thoi ấy, sao mà thị hiền dịu thế! Đáng yêu đến thế! Điền không nhận ra một chút gì ở thị có dính dáng đến người đàn bà cau có vằn ngoác mồm ra mắng con, mắng con ở, mắng mèo, mắng chó khiến nhà cứ om lên suốt ngày. Thị cúi xuống đưa con nhỏ, đồng thời ngược đôi mắt âu yếm nhìn con lớn. Đứa con lớn cười với thị. Thị cười với nó. Thị cười với chồng. Điền nhìn vợ, nhìn con, lòng sung sướng. Điền mỉm cười với giăng.

Điền rất yêu giăng. Cái ấy cũng là thường, bởi óc Điền đắm văn thơ. Có đọc văn thơ, mới biết giăng là một cái gì đẹp và quý lắm. Giăng là cái liềm vàng giữa đồng sao. Giăng là đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời. Giăng tỏa mộng xuống trần gian. Giăng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngụp lặn. Trăng ơi trăng! Cái vú mộng tròn đầy mà thi sĩ của muôn đời mơ man! Điền không ăn hận chút nào. Hai thân Điền bán cả ruộng, vườn đi để cho Điền đi học chẳng phí đâu. Đã đành các người chỉ có cái mục đích con làm nên ông phán, ông tham để ấm thân; các người hoàn toàn thất vọng khi thấy con leo cau đến tận buồng mà lại hồng ăn. Điền tạng yếu quá, không được nhận vào công sở; và các người đã vội cho tiền con đi học thật là tiền vất xuống sông. Nhưng Điền tin rằng cái học

thức của Điền tuy chẳng giúp Điền kiếm nổi miếng ăn, nhưng cũng có ích cho Điền nhiều lắm. Chỉ nói một cái nhờ nó mà Điền đọc nổi văn thơ, và nhờ văn thơ mà hiểu được cái đẹp của gió, của giăng. Và Điền tất phần nản cho những tâm hồn cần cỗi như tâm hồn của vợ Điền. Đối với thị, giăng chỉ là ... đỡ tốn hai xu dầu! Dầu lạc lúc này mỗi chai lít hai đồng. Mới biết các nước đánh nhau cũng có thiệt cho con nhà nghèo thật. Mỗi tối, thị đốt đèn một lát. Nhưng một lát cũng đủ tốn hai xu rồi. Những tối có trăng đỡ tốn hai xu. Hai xu chẳng là bao nhưng mười cái hai xu đã được hai hào. Mười cái hai hào đã được hai đồng bạc; và mười cái hai đồng bạc... Chao ơi! Nếu cứ tính toán mãi thế, thì đến bao giờ cùng được? Sao thị lại cứ phải luôn luôn tính toán? Những kẻ chỉ suốt đời tính toán là những kẻ chỉ làm khổ thân suốt đời... Điền vẫn trách vợ Điền như thế đấy. Điền có ngờ đâu chính Điền cùng một tật. Và ngay lúc này đây, lúc ngồi ngắm trăng để tạm quên những cái lo nhỏ nhen của kiếp người, Điền cũng tính vẩn vơ. Điền thấy giới rộng quá và sao nhiều quá. Điền nhớ đến câu thơ của một thi sĩ Tây phương ví khoảng trời sao như một cánh đồng. Nếu trời là một cánh đồng thì cánh đồng ấy thật bao la. Và Điền chỉ cần được một mảng bằng cái mảng ở sau nóc nhà Điền kia cũng đủ cho Điền không còn phải lo sinh kế nữa. Điền sẽ trao cho vợ Điền cai quản. Còn Điền lúc ấy có thể rảnh rang theo đuổi cái mộng của Điền.

Đó là một cái mộng văn chương. Đã có một thời, Điền chăm chỉ đọc sách, viết văn. Điền nao nức muốn trở nên một văn sĩ. Điền nguyện sẽ cam chịu tất cả những thiếu

thốn, dọa đầy mà vãn nhân nước mình phải chịu. Điền vẫn thường bảo với một người bạn cùng chí hướng: Điền sẵn lòng từ chối một chỗ làm kiếm nổi mỗi tháng hàng trăm bạc, nếu có thể kiếm được năm đồng bạc về nghề vãn... Nhưng viết luôn mấy năm trời, Điền chẳng kiếm được đồng nào. Trong khi ấy, Điền vẫn phải ăn. Nhà Điền kiệt xác xơ. Các em Điền không được đi học mà cũng không được ăn no nữa. Sự túng thiếu đưa đến bao nhiêu là lục đục. Bố Điền bỏ nhà đi. Mẹ Điền gồng thuê gánh mướn kiếm tiền nuôi hai đứa con thơ. Những đứa con lớn, đứa đi ở bế em, đứa đi ở chăn trâu, đứa đi xin những cánh hoa chuối, những nắm khoai đội đi những chợ xa bán để kiếm vài xu ăn cho khỏi chết. Điền thấy mình ích kỷ. Sự nghiệp mà làm gì nữa? Bốn phận Điền phải nghĩ đến gia đình. Điền phải gây dựng lại gia đình! Điền phải tạm quên cái mộng vãn chương để kiếm tiền. Điền đi dạy học. Chao ôi! Dạy lấy mỗi tháng có hai mươi đồng. Bà mẹ Điền tưởng thế đã là phong lưu lắm. Bà bắt Điền cưới vợ. Vợ Điền là con một nhà khá giả, lấy Điền vì Điền là người có học. Rồi Điền có con. Cái gia đình lớn của Điền đã chẳng được nhờ Điền, bây giờ lại thêm một gia đình con con nữa. Không một phút nào Điền không phải nghĩ đến tiền. Ốc Điền đầy những lo lắng nhỏ nhen. Một đôi khi chợt nhớ lại cái mộng xưa, Điền lại thở dài. Điền tự an ủi: có tiền rồi sẽ viết. Nhưng Điền biết: chẳng bao giờ Điền viết nữa, bởi chắc chắn là suốt đời Điền cũng không có tiền.

*

* *

Tối nay lại có giăng. Nhưng Điền chỉ đem có hai cái ghế ra sân. Vợ Điền hôm nay luật quạt suốt cả ngày. Con ở xin đi ăn giỗ một hôm. Thị lại phải dệt mãi lấy tấm vải để mai đi bán về đưa lãi nợ. Dệt xong thị vội vàng đi đòi món tiền. Về đến nhà, Con bé khóc hết hơi. Con lớn thì lem luốc, mũi dãi nghếch ngoác bôi đầy mặt. Nhà cửa còn bẽ bộn. Con ở vẫn chưa về. Mình thị biết xoay xở làm sao kịp? Thị thấy lòng sôi lên sùng sục, thị giậm chân bành bịch kêu trời. Thị đánh con lớn, chửi con nhỏ, quăng cái chổi, đá cái thúng, và cầu nhàu trống không. Rồi thị bế con đi nằm sớm. Đứa con lớn thút thít khóc chán cũng lăn ra ngủ. Mình Điền ngồi ngoài sân. Điền cố thản nhiên. Nhưng da mặt cứ rôm rộm; nó có vẻ dày lên và tê tê. Điền thấy gần như tử cực. Vợ Điền có lẽ rất yêu Điền. Nhưng thị chỉ biết rằng người ta cần ăn cơm, mặc áo và uống thuốc khi đau ốm. Thị chỉ cố lo cho chồng ba thức ấy. Thị nhịn ăn để chồng ăn. Thị nhịn mặc cho chồng mặc. Thị bán đến cả yếm, áo để thuốc thang cho chồng. Thị tưởng thế là chồng sung sướng lắm. Nhưng không phải. Điền đã quen với những tình cảm nồng nàn và những lời nói vuốt ve. Nét mặt cau có, ngôn ngữ cục cằn, và nhất là cái lối yêu quá đơn sơ - có thể nói thô sơ - của vợ Điền làm Điền khổ. Điền thấy cái đời tình cảm của Điền thiếu thốn. Điền không được yêu ai. Còn sống trong cái gia đình này mãi, giữa những lo lắng nhỏ nhen này mãi, lòng Điền sẽ cạn. Cạn luôn cả nguồn thơ quý báu, mà Điền vẫn ao ước có ngày lại khơi...

Trên kia, giăng nhơn nhơ như một cô gái non vừa mới có nhân tình. Gió nhẹ nhàng đặt trên lá những bước chân

vũ nữ. Những tàu lá chuối láng trắng đưa đẩy... Diên nghĩ đến những người đàn bà nhàn hạ, vừa tắm bằng một thứ nước thơm tho, mặc áo lụa xanh, ngả tắm thân mềm trên chiếc ghế xích-đu và đưa đẩy đôi chân thướt tha...

Tại sao Diên lại vụt nghĩ đến những hình ảnh lơ lửng ấy? Chính Diên cũng không thể hiểu. Có lẽ Diên ước ao một mái tóc thơm tho, một làn da mát mịn, một bàn tay ve vuốt. Có những người đàn bà đẹp, yêu rất khéo, bởi họ được ăn ngon, mặc đẹp, chăm sửa thịt da và chẳng làm gì cả.

Phải rồi, vợ Diên chỉ là một kẻ tục tằn. Thị chẳng đáng cho Diên yêu quý. Cũng chẳng đáng cho Diên thương hại, Diên phải đi. Đi để giữ cho lòng mình được tươi lâu. Diên sẽ làm bất cứ cái gì để có ăn. Rồi Diên bình tĩnh viết. Có như vậy Diên mới ra hồn được. Lời phải đẹp. Ý phải thanh cao. Ngọn bút của Diên phải khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng. Nghệ thuật chính là cái ánh trăng xanh huyền ảo, nó làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa...

Diên lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những cái ghế xích-đu nhún nhảy... Những người ấy sẽ đọc văn Diên. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Diên. Họ sẽ gửi cho Diên những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tưởng tượng của Diên tỏa rộng ra như một ánh trăng, Diên nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương. Những tiếng găt gỏng ở trong nhà lại đưa ra. Vụt cái, trăng mất đẹp.

Điền cúi mặt, bẽn lẽn như bắt bị làm việc xấu. Điền lắng tai nghe. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi: - Làm sao thế? Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại: - Con đau bụng - Giời ơi là giời! Ấy là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con: - Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai? Đứa con không dám khóc to. Nó lại oằn oại và rít nhỏ nhỏ trong cổ họng. Thình thoảng nó không còn sức nén, tiếng khóc bật ra. Điền nghe vài tiếng nức nở như tiếng người nôn ọe, Điền vẫn ngồi cúi mặt. Một nỗi chua xót gần như là thuộc về thể chất ứ lên trong lòng Điền. Nó dâng lên đến cổ, xông lên óc. Nước mắt Điền ứa ra.

Vợ Điền gương nhẹ đặt đứa con nhỏ đang ngủ mệt xuống võng. Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa quả chanh. Thứ thuốc bách bệnh của con nhà nghèo chỉ gồm có thế. Thị gạn lấy nước, đem lại cho con. Con bé mới ngủ thấy hơi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dỗ thế nào cũng không chịu uống. Thị phải bế nó, đặt nằm ngửa trên đùi, một tay đỡ đầu, một tay thị kê chén nước gừng vào tận môi con. Con bé mím môi thật chặt. Bực mình thị quát:

- Há mồm ra! Con bé khóc. Thế là ca nước gừng đã dốc tuột vào mồm nó.

Nó giấy lên như đĩa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước gừng bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình, khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát đen đét vào lưng con bé ồm và quăng nó xuống giường như quăng một con mèo.

- Kệ cha mày! Cho mày chết đi!

Con bé vừa gào vừa van lạy:

- Con lạy bu! Cay con lắm! Con lạy bu! Cay mồm...

- Mày cầm ngay không tao tát cho vỡ mặt.

Nó vẫn không chịu lắng. Thị sùng sộ, chực vỗ lấy nó:

- Mày có cầm không nào?

Nó sợ quá đành phải nín. Nhưng những tiếng rên nhỏ nhỏ vẫn còn thoát ra... Điền thương con lắm. Vụt cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ. Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quần quai, nức nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nguyền rủa và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lầm than?... Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thực tàn nhẫn luôn luôn bày ra đây. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn tránh thực sự, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những

kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...

... Sáng hôm sau, Điền ngồi viết, giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

ĐÔI MÓNG GIÒ

Ngay cái tên cũng khó nghe rồi. Thà cứ là Kèo, là Cột, hay là Hạ, là Đông. Là gì cũng còn dễ nghe. Nhưng hần ta lại là Trạch Văn Đoàn. Nghe như sủng thần công. Nó chọc vào lỗ tai.

Đã thế cái mặt hần lại vênh vênh, ngầu xì thế nào... Đôi lông quyền nhô ra như gậy sượng với người ta. Hai má thóp vào để tiếp sức cho hai cái lông quyền. Cái mũi bóp lại ở trên để cho dưới được bạnh ra. Nó phệ bụng ngồi trên một cái vành trăng khuyết màu đen giống như hai cái sừng trâu chấp liền lại với nhau: ấy là những cái ria ngoắt hần lên. Cái hàm răng vỡ làm môi trật hần ra. Những cái răng dọa nạt ai: y như một con chó khi nó gừ gừ với một con chó khác. Nhưng tất cả những cái ấy còn có thể tha thứ được. Lỗi ở tay bà mụ nặn. Song những con mắt, những con mắt nó là tấm gương của linh hồn mới đáng ghét vô cùng. Chúng chỉ bé thôi nhưng chúng lẩn tẩn, chúng lấp lánh như nhạo, như cười, như khinh khỉnh với người ta. Chúng chẳng nhìn xuống bao giờ. Chúng nhìn thẳng, chúng nhìn nghiêng. Cái nhìn tự đắc như cái nhìn

của một kẻ có thể nhắc người ta lên như nhắc một cái lông. Ghét lắm!

Cái đầu Trạch Văn Đoàn không húi như đầu của chúng ta. Một lối riêng, hẳn gọi là một tiền văn minh, hậu nhà sư. Đàng trước có mấy món tóc dài để chải lật lên. Đàng sau cạo nhẵn thín như quả bưởi. Cho nó sạch. Hẳn tặc lưỡi mà bảo thế những khi vui miệng. Bởi vì nếu hẳn không vui miệng thì hẳn không nói thế. Hẳn không thích cắt nghĩa những việc làm của hẳn. Ai nói gì, mặc họ. Hẳn cứ làm theo ý hẳn và không cần nói, để tự bênh vực mình.

Ngay từ những cái ăn, cái mặc của hẳn cũng khác người. Cái ăn tất bật nói làm gì. Người ta ăn ở trong nhà. Vậy thì ai muốn ăn thế nào tùy thích. Ông cũng vậy mà tôi cũng vậy. Ít ra chúng ta còn một xó để tự do. Khi cửa nhà chúng ta khép kín, ta có thể lố lăng mà không bận gì đến ai. Nhưng chúng ta mặc áo chỉnh tề để ra đường. Vậy thì quần áo sở dĩ có, một phần lớn không phải vì ta, mà lại vì những con mắt nhìn ta. Đã vì chúng, thì chiều chúng một tý kể cũng là phải lẽ. Muốn chiều chúng thật nhiều thì cũng được, Trạch Văn Đoàn không thế. Nghĩ đến cách mặc của hẳn bao giờ người ta cũng nghĩ đến mùa đông. Bởi mùa đông mới thật có những người mặc chẳng vì ai, nhưng chỉ vì sự dễ chịu của mình. Đoàn thuộc vào hạng ấy. Suốt một mùa, hẳn chỉ mặc một cái ba-đờ-xuy sắc chó giò, hẳn mua hồi đi lính sang Tây, có bảy mươi quan. Thế mà bền. Đến nay, tất cả, có đến ngót ba chục năm rồi đấy. Lăn lót rách bươm tự bao giờ. Nhưng còn cái lẫn ngoài. Mặc nguyên nó cũng còn ấm bằng mười áo

kép. Hắn mặc suốt ngày suốt đêm, khi ăn, khi ngủ, khi làm, khi chơi. Cái áo ba-đờ-xuy mất hết cúc rồi. Hắn đem hai cái dải thật to hình cái bơi chèo. Những khi hắn đi cày, hai cái dải được bắt giao nhau để thắt lại ở sau lưng. Chặt chẽ và gọn gàng không kém một cái đai. Những lúc hắn đi chơi hoặc đi ra đình thì hai dải lại cởi ra buông xuôi cho lẫn vào hai mép áo trong. Hắn lại có vẻ ung dung lắm. Ai dám bảo cái áo ba-đờ-xuy này là áo ba-đờ-xuy đi cày? Mà có bảo đi nữa thì đã sao?

*

* *

Theo lời mấy ông già bà lão trong làng thì Trạch Văn Đoàn là con một ông lão dờ hơi. Lão đi câu. Được đồng nào, rượu tất. Bởi vì lão không có vợ, nghĩa là có nhưng vợ chết. Vợ lão để cho lão một thằng con trai. Nó giống cha, nghĩa là lớn lên cũng đi câu và cũng rượuбет nhè. Hai bố con ở với nhau trong một cái lều ở bờ sông. Mỗi buổi tối, những người phải đi qua, nghe tiếng chúng cười như những thằng điên. Bởi chúng say. Mà khi người ta say, người ta quên cả những sự lầm than của kiếp người, nghĩa là người ta sướng lắm.

Nhưng một đêm mùa đông rét mướt kia, chẳng biết run rẩy thế nào, lão già ngã xuống sông và chết ở dưới sông. Nước trôi đi. Cái xác trôi theo nước. Từ hôm ấy, trong cái lều nhỏ bên sông, người ta không nghe thấy tiếng cười như điên nữa. Thằng con sinh ra buồn.

Hắn bỏ làng đi đó, đi đây. Đi khắp nước Nam.

Rừng xanh, núi đỏ hần cũng không biết sợ. Hần sang cả Lào, sang cả Cao-Miên. Rồi sang cả nước Xiêm. Những nước ấy cũng gần. Hần muốn đi một chuyến xa xa. Một hôm hần xin đi lính chào mào để sang Tây. Năm ấy là năm *“mìn-nóp xăng cát tó”*.

Đình chiến rồi, người ta lại đưa hần xuống tàu về nước. Hành lành mạnh như xưa. Bom đạn không làm hần sứt da. Một hôm người bạn ác-ê của hần trước kia vốn là một nhà nho, kể cho hần nghe tích Trình Giảo Kim ở đời Đường. Anh chàng lỗ mãng này mấy mươi lần tính chết mà đều chết hụt. Hần cười khanh khách, bởi hần thấy hần giống anh chàng ấy. Hần bắt đầu tin ở cung mệnh hần. Cái cung mệnh của hần tốt lắm, ấy thế là hần cứ bừa. Chẳng cần gì ai.

Hần về làng với một con vợ theo, rất nhiều tiền (hồi ấy bạc trăm đã là to) và phẩm hàm. Hần bỏ tiền ra, mổ bò, mổ lợn làm khao. Làng đến ăn rồi làng gọi hần là ông. Một thằng bạch đình, con một lão đi câu chết mất xác dưới sông, bỏ làng đi chán đi chê, rồi đột nhiên trở về nhảy tót lên bao lan ngồi làm một ông kỳ mục. Thế thì ai chẳng tức? Ai đây là những ông kỳ mục bỗng nhiên bị hần đè đầu, đè cổ. Đó là một lối nói, thật ra thì các ông chỉ phải nhường hần ngồi chiếu trên. Nhường một thằng không chôn nổi bố ngồi chiếu trên! Như vậy thì nhục quá. Các ông không chịu được, các ông về hùa với nhau để hành chề hần, để động hần mở miệng ra là chèn. Hần đã khổ với các ông khá nhiều. Hơi thấy bóng hần ra đình là các ông nói móc ngay. Các ông bình phẩm từ cái đầu của

hắn rũ rượi như cái đầu dừa chết trôi (ấy là các ông móc đến cái chết của bố hắn), đến cái áo ba-đờ-xuy của hắn như cái áo thùng đánh giậm (ấy là các ông móc đến cái nghề đi câu). Các ông nói cạnh cả đến cái hàm răng của hắn, cái bộ ria của hắn, cái mặt vác lên trời của hắn. Nhưng vốn bướng bỉnh, hắn không lấy thế làm nao lòng. Hắn chỉ mỉm cười chế nhạo hay khinh bỉ. Đôi mắt soi mói của hắn không thêm soi mói đến cái mũi, cái mồm hay cái áo the có mùi chua của các ông. Hắn ngăm ngăm soi mói đến những việc của các ông làm ám muội. Một hôm, dùng một cái, hắn đưa bốn ông lên huyện, vì việc bao chiếm công điền. Dùng một cái nữa, hắn đưa mấy ông khác lên huyện vì việc lạm tiền công quỹ.

Rồi dùng một cái nữa... và cái nữa... Luôn năm sáu cái dùng như vậy hắn làm các ông liểng xiểng. Bởi tội của các ông nhiều như lá trên rừng. Con em chúng nó mù, nhưng hắn không mù. Hắn bói ra từng tội một, và nhất định sẽ bói ra đến hết. Các ông đâm hoảng. Các ông đành phải dàn hòa với hắn. Các ông dăm mồm hắn một vài mối lợi. Hắn không thêm nhận, bởi thừa biết nuốt vào thì *há miệng mắc quai*. Nhưng hắn bằng lòng thôi không kiện nữa. Các ông bắt đầu sợ mà hắn cũng bắt đầu khinh nhờn các ông. Hắn coi các ông như những đồ trẻ con. Để những khi say rượu đùa...

*

* *

Năm ngoái làng vào đám. Hôm giã đám, có mổ một con lợn tể thần rồi đồng hội ẩm. Đồng đây đây có nghĩa

là các cụ. Bởi vì nếu trai em cũng thấy có hứng muốn cùng nhau hội ẩm thì đã có các hàng rượu dựng chung quanh đình.

Lúc tế, Cửu Đoàn còn ngủ ở nhà. Ông ấy không biết tế, và cũng không dỡ cái áo ba-đờ-xuy để khoác cái áo thụng xanh vào mà tế. Các cụ miễn đi cho ông vậy! Điều ấy thì ông không phải nài: Các cụ chẳng mong gì có ông; ông cứ ở nhà cho đến hết đám cho quan viên mừng!

Nhưng ông không ở nhà. Tế xong, người ta thấy ông hai tay thọc trong túi áo ba-đờ-xuy sắc chó giò vênh vênh cái mặt lên trời đi ra đình! Trông từ đằng xa đã ghét rồi! nhưng không thể đuổi ông về, các cụ đành cố tươi cười chào mời ông vốn vã:

- Kia! Ông Cửu!... Mời ông vào trong này. Chúng tôi đợi mãi. Mời ông vào thưởng trống.

Ông xua cái tay trong túi áo. Cái áo thùng thình làm hai cái dải bơi chèo thỉnh thoảng lại thè lè ra. Ấy là ông từ chối...

- Mời các cụ! Mời các cụ!... Các cụ cho mặc ý. Con nhà binh, thích chạy nhăng hơn tĩnh tọa.

Ông nháy nháy người ta mấy cái. Một ông ra ý hiểu:

- Vâng, tôi biết!... Tính công Cửu nhà tôi nhân lão tâm bất lão? Ông còn muốn đi nhìn con gái làng.

- Bẩm vâng!

Nhưng ông Cửu không đi nhìn con gái làng. Ông đứng chỗ này một lát, đứng chỗ kia một lát. Rồi ông đến chỗ

hai bàn làm cỗ và đứng xem. Ông xem, rồi bàn tán, rồi chia cỗ hộ. Ông nhắc cỗ trên bưng cỗ dưới, vật đồng nọ, bỏ đồng kia. Thấy ông lanh chanh như vậy, người ta cười thâm ông. Người ta cho ông là người xấu thói. Làm cỗ là việc của *hai bàn*. Việc của ông không ở đấy. Mần mó vào làm gì cho bẩn tay?

Một lát sau là đã lại thấy ông đang nói gì toang toang ở góc đa. Rồi một thoáng sau lại thấy ông đang cười hô hố giữa đám trẻ con xúm xít xem ống nhòm. Nhưng *hai bàn* đã bùng mâm. Các cụ sai một ông phó đi tìm ông Cửu.

Bấy giờ ông Cửu mới lết đệt kéo lê đôi giấy đi vào đình. Trong đình huyền não lăm. Các cụ đang hạch *hai bàn* làm sao lại thiếu hai cái móng giò? Móng giò có bốn. Lợn nào mà chẳng vậy? Bốn cái móng giò phân bốn ông to nhất. Lệ làng từ cổ đến giờ vốn thế. Tuy trong số bốn ông to nhất chẳng ông nào còn khỏe răng để có thể gặm nổi cái móng giò, nhưng cũng chẳng ông nào chịu mất. Một miếng giữa làng... Đùng có tương... Bây giờ còn có hai cái, thì ông nào ăn ông nào đùng?... Các cụ quát *hai bàn* như vậy. Và *hai bàn* xanh mặt. Họ cãi nhau chí chèo. Anh nọ rằng anh kia để mất. Anh nào, mặc! Cứ biết *hai bàn* sơ ý là *hai bàn* phải bắt mua cau rượu ra! Ông Cửu Đoàn không nói gì. Ông chỉ cười, bởi ông đã đi nhiều, từng trải nhiều nên thấy nhiều cái to tát hơn cái móng giò nhiều lắm. Hai cái móng giò không đáng kể. Ra quái gì mà ngậu lên!

Các cụ uống rượu đã xong rồi, *hai bàn* đã giải mâm. Lại hát nhà tơ. Ông Cửu ngồi thường trống. Ông bảo đào, bảo kép:

- Hát cho thật hay vào mới được. Tôi nghe hát nếu vừa ý, bao giờ cũng có thưởng.

Cô đầu tùm tùm cười:

- Bẩm vâng!

Hai cô đầu rượu tưởng ông Cửu sộp, đến kèm sẵn hai bên... khúc hát vừa xong, kép buông đàn, đàn buông phách. Ông Cửu đứng lên để thọc hai tay vào túi áo ba-dờ-xuy màu chó giò. Ông bảo:

- Tôi đã hứa tất là phải có. Nhưng tiền thì thật hết. Tôi đãi cho cái này, có lẽ còn quý hơn tiền nhiều...

Ông rút một tay áo ra, quăng một cái móng giò cho anh kép. Ông rút nốt tay kia ra, quăng một cái móng giò nữa cho cô đào. Rồi ông quay lại:

- Chào các cụ! Tôi xin vô phép...

Ông lẹp kẹp kéo lê đôi giày qua bọn trai em hoan hô ông bằng những tràng cười nổ như xe phành phạch.

1942

LANG RẠN

Ông cự Đẩu chả lẩn thẩn mà lại thế! Tự nhiên đi rước cái anh cu lang Rạn ấy về!

Rạn không phải là tên thật của lang ta. Đó là tên của bà cự đặt cho anh. Nhưng tại sao bà lại đặt cho anh cái tên khổ sở ấy? Rồi chúng ta sẽ biết.

Ngày hôm mới đầu ông cự lang Rạn quấy hai cái bồ đến trọ, bà cự đã cần nắn. Bà không muốn chứa cái của khỉ ấy ở nhà bà. Nhưng ông cự bảo:

- Dở lắm! Nhà mình rộng, không ở hết, cho nó ở nhờ một tí, mất gì? Cơm của nó, nó ăn. Củi của nó, nó đun. Nó thối nấu lấy, nó ăn. Bận gì đến mình mà sợ?

- Không bận gì đến mình, nhưng mình cũng chẳng được cái gì. Nó ở đâu, kệ thầy nó! Chứa nó làm gì cho rách cả nhà.

- Chuyện! Mình có định uống thuốc của nó thì mới cho nó ở nhờ nhà mình chứ!

Bà cự lắc đầu quấy quậy và nói như sợ mình không nói kịp:

- Thôi! Thôi! Thôi! Ông uống thuốc của nó thì ông uống, tôi thì tôi không uống; thuê tiền tôi cũng không uống!

Ông cự đã hơi bực mình, sừng sộ:

- Tại sao không uống? Người ta uống thuốc nó đầy ra đấy.

- Người ta uống mặc người ta!

Rồi thấy chồng chưa kịp nói gì, bà chíp chíp môi:

- Ối chao! Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chính bỏ ngoài bờ tre.

Ông chồng cau mặt:

- Dở lắm! Biết thế nào là chuông khánh? Biết thế nào là mảnh chính? Mình đã uống thuốc của nó đâu mà biết?

Bà gân cổ lên cãi lại:

- Sao lại không biết? Hay thì nó hiện ngay ra mặt ấy. Trông mà không biết! Thế nào gọi là thầy già, con hát trẻ? Thầy với bà gì mà cái mặt trông non choèn choẹt, cạy đi mũi chưa sạch! Quần áo thì thối thà thối thụt, trông như quân ăn mày. Thế mà cũng đòi vác mặt làm lang thuốc. Lang gì? Lang thang!

Ông bật cười:

- Không trách được! Cái trò đàn bà có khác! Chỉ trông mặt mà bắt hình dong. Ngộ trông người nó thế, nhưng thuốc nó hay thì biết đâu! Tôi thấy nó chữa mấy đám đều khỏi cả. Vợ lý Tính trên Đoàn Hộ đấy: mãi mãi có đẻ đâu? Thế mà uống của nó một tể thuốc bây giờ bụng đã

chứa bằng cái thúng. Thế rồi lại còn mẹ Vị ở làng ta đấy; lấy chồng mười mấy năm mà không thấy chữa, uống thuốc của nó, hồi đầu giêng để được.

Bà cụ thấy mình đuối lý, toét môi cười:

- Nhưng biết rằng có phải tại uống thuốc của nó không?
- Sao không phải? Thì chính những người ấy bảo!

Bà cụ ngán ngừ. Ông thấy mình đã có phần thắng thế, bảo thêm:

- Về cái việc thuốc men, không cứ gì thầy hay, thầy dở đâu. Phải mặt thì nó khỏi. Có khi uống thuốc những tay đại danh sư năm mươi đồng một thang không khỏi bệnh, mà chỉ một hào thuốc lá của một con mẹ ngồi ngoài chợ mà khỏi bệnh. Có bệnh thì vái tứ phương... Thấy ai bảo thuốc hay mà chả lấy?

Thì hẳn thế rồi. Nhưng khốn nỗi tôi trông lão lang này chẳng có mẽ gì. Người dở người, con giun chết dờ con giun chết! In như cái đồ chết đói, chết khát ở đâu lần đến.

Ông cụ trợn mắt lên:

- Ài chà! Đừng khinh nó nhá! Con ông ấm, cháu ông cử đấy. Ông nội nó ngày xưa chân cử nhân, mới đầu đi tri huyện, về sau lên án sát, lúc về hưu thăng làm tổng đốc. Con nhà ra phết đấy, chứ có phải tầm thường đâu? Có điều bây giờ nó thất thế nên mới phải đâm đầu ra đi làm lang thang như vậy, chứ chữ nghĩa xem ra khá lắm. Tôi rước nó về đây là có ý để dần dà rồi tôi gạ nó dạy tôi học thuốc.

Ồi chao ôi! Học với hành gì, ông ấy? Ông ấy thì chỉ có tài bàn tổ tôm là ông ấy học. Mà tài bàn, tổ tôm thì ông chẳng cần ai dạy nữa. Có mấy ngày, mấy đêm là ông không đi tìm đám họp? Có điều ông đã muốn thì bà cũng phải cắn răng lại mà chịu. Thật tình thì bà chả ưa cái anh lang cu con này một tí nào. Người với ngợm gì mà đến hay!...

Anh chàng có cái mặt trông dơ dáy thật. Mặt gì mà nặng chình chình như mặt người phù, da như da con tằm búng, lại lấm tấm đầy những tàn nhang. Cái trán ngắn ngắn, ngắn ngắn, lại gồ lên. Đôi mắt thì híp lại như mắt lợn sề. Môi rất nở cong lên, bịt gần kín hai cái lỗ mũi con con, khiến anh ta thở khò khè. Nhưng cũng chưa tệ bằng lúc anh cười. Bởi vì lúc anh cười thì cái trán chau chau, đôi mắt đã híp lại híp thêm, hai mí gần như dính tịt lại với nhau, môi càng lớn thêm lên, mà tiếng cười, toàn bằng hơi thở, thoát ra khìn khịt. Trời đất ơi! Cái mặt ấy dầu cho mỗi ngày rửa ba lượt xà phòng, bà cụ trông thấy vẫn còn buồn mửa. Huống chi anh chàng lại bắn gôm, bắn ghê. Có lẽ mỗi buổi sáng, ra cầu ao, anh chỉ nhúng mấy ngón tay, rửa độc một tí đầu mũi mà thôi. Mặt anh mốc meo lên. Còn quần áo thì gố ghĩnh, thì đầy dỉ, đứng cách ba thước còn ngửi thấy mùi chua, mà rách rưới, mà mất cúc, mà sút chỉ, mà lòi thoi lếch thếch. Không hiểu anh ta chỉ có một bộ quần áo hay sao mà từ ngày đến nhà bà đến giờ vẫn chưa thay. Hèn chi mà rận lấm hơn giòi. Chúng bò lỏm ngòm cả xuống cái giường của anh nằm.

Anh ngồi chỗ nào, lúc đứng lên, thế nào cũng có mấy chú rận lênh nằm ngửa, múa may những cái chân nhỏ li

ti, như một người bụng to ngã chống kênh, không biết làm thế nào để đứng lên. Thình thoảng, gặp những lúc không có việc gì làm, anh ta ra ngồi ở đầu hè, cời ra, nhặt rận đưa lên miệng nhấm kêu lép bép. Còn cái gì tòm cho bằng cái cảnh một ông lang trần trùng trực, ngồi bắt rận trong một nhà sạch sẽ như nhà bà cụ, có một người đàn bà trẻ, đầu lúc nào cũng mượt trơn, yếm lúc nào cũng trắng bong, quần lụa cạp điều lúc nào cũng buông chùng đến gót chân và một cô con gái chưa chồng có tiếng là đóm dáng, gọn gàng như cô Đính em ông cụ? Bởi vậy, mỗi lần bà cụ và cô Đính trông thấy thế, cả hai người cùng sầm mặt, nguýt lang. Rồi họ lắc đầu, bĩu môi, đưa mắt nhìn nhau như để chia sẻ với nhau nỗi bực mình. Nhưng bực mình thì bực mình, họ cũng phải bật cười. Và họ đặt tên cho lang là lang Rận.

Người ta thường bảo: khi hai người con gái lớn ở với nhau cùng một nhà, thì họ thành tinh. Bà cụ tuy có chồng rồi, nhưng lại chưa có con - có thể nói không con; ai ai cũng bảo rằng bệnh của ông cụ thế, thì có uống thuốc tiên cũng chẳng lành. Mà nếu bệnh của ông đã chẳng lành, thì bà ấy, trừ phi có thế nào, còn cứ lẽ thường ra, thì dầu đúc người vàng bỏ vào bụng, cũng không đẻ được. Một người đàn bà lấy chồng mười lăm năm không chữa đẻ, nếu không âu sâu đến héo quắt người đi, tất phải là người vui vẻ, trẻ trung. Ông cụ thì nay tổ tôm, mai tài bán vắng nhà luôn. Thế nghĩa là bà cụ, tuy đã ngoài ba mươi, vẫn con gái như ai, như ai vậy. Còn cô Đính thì còn là con gái đích đi rồi. Con gái đến thì những năm ngoái, năm kia, nhưng lại chưa chồng. Hai người ấy ở với nhau,

thật là phải lắm. Họ cũng trẻ cả, trẻ người, trẻ nết, trẻ đến cả câu nói, tiếng cười. Họ lại không phải làm gì. Ông cụ là một tay giàu ở làng này. Là một người kỳ cựu đánh thếp, ông nắm được nhiều mối lợi của làng. Chỉ trông vào những mối lợi ấy, cả nhà ông cũng đã thừa ăn. Thế rồi còn tiền dư thì cho vay nợ lãi, lấy cầm, lấy cổ, đặt thóc non. Ở nhà quê, có dăm bảy nghìn đồng bạc trong tay, mà lại là tay cứng chỉ có hoàng bất nạt người ta chứ không ai dám bắt nạt mình, thì có cần gì phải làm đâu? Chỉ khéo cất đặt đồng tiền một chút, cũng đã thừa sung sướng. Huống hồ ông cụ lại không con, tiền chẳng để làm gì. Như vậy thì tội gì mà bắt vợ ông, em ông phải đầu gio, mặt muối? Bà cụ và cô Đính cứ việc ăn, mặc cho đến thỏa.

No lắm, dùng nhiều: ấy là một câu cửa miệng của người ta. No lắm, mà lại chỉ nông nông chơi không thì càng dùng nhiều lắm lắm. Bà cụ và cô Đính chỉ tơ suốt ngày, nói đùa nói bỡn suốt ngày, cười hi hí và phát lung nhau đồm độp. Chỉ khổ ông lang Rận! Ông bị họ khinh bỉ, lườm nguýt, phỉ nhổ, nhạo cười, chế giễu đủ trăm hình, trăm cấp. Ông hơi mở miệng nói là họ chặn họng ngay. Ông hơi nhếch môi cười là họ khoằm ngay mặt lại, nhổ bọt đến phì một cái, mà cơ khổ chứ! Lang Rận lại là một chàng béo lẻo. Thấy họ cười họ nói, anh chàng cứ như thấy cao hứng thế nào. Anh không tài nào nhịn được. Anh cười, anh gật gù, rồi anh lân la chỗ mồm vào. Tội nghiệp! Mẹ anh chết từ ngày anh mới biết lắm dấm chạy đi. Anh lấy liền tiếp ba đời vợ, nhưng vợ nào cũng chê anh. Cuối cùng thì anh bức chí, quấy đôi bồ thuốc ra đi. Anh đi khắp

đó đây, tìm một nỗi an ủi, nhưng chưa bao giờ gặp. Bởi thế mà anh chàng thấy đàn bà là cứ y như mèo thấy mỡ. Họ hút anh như đá nam châm. Anh rất thích được ngồi với họ, nghe họ nói cười, được góp với họ một vài câu nói của anh. Chỉ thế thôi, chứ anh cũng chẳng dám ao ước gì hơn. Nhưng chỉ có thế thôi, thì người ta để mặc anh ư? Đừng nghĩ thế mà lắm! Nói leo cũng tùy từng chỗ nói leo. Ở chỗ nào, chứ ở nhà bà cụ thì được bề. Hãy hỏi thăm mẹ Lợi nhà bà xem!

Mẹ Lợi là người ở nhà bà. Không còn một người đàn bà nào có thể xấu hơn. Mẹ béo trọc, béo tròn, mặt đỏ như tổ ong bầu, mắt trắng, môi thâm, má đen như thằng quỉ. Ở quanh đây, người ta vẫn lấy tên mẹ ra mà dọa trẻ. Hơi trẻ nhà nào khóc, người ta lại bảo: “Nín đi! Nín đi! Mẹ Lợi kia kìa...”. Thế mà mẹ Lợi hiền lành lắm. Phải hiền lành mà tốt nhin, bảo sao nghe vậy, thì mới ở nhà bà cụ được. Nhưng hồi mới đến, mẹ cũng phải cái tật nói leo. Bà cụ mắng như bằm, như bỏ vào mặt cho, không còn biết mấy mươi lần. Bây giờ thì mẹ chừa rồi. Ai cười, ai nói, mặc! Suốt ngày, mẹ chỉ im như thóc.

*

* *

Nhưng nói, trao đổi những ý nghĩ, những nỗi lòng, có lẽ là cái tật chung của loài người. Không được nói thì khổ lắm. Từ ngày có ông lang Rận, những lúc không có ai, mẹ Lợi thường lân la nói chuyện với ông. Mà ông lang chẳng biết nói với ai, cũng nói chuyện với mẹ để có người mà

nói với. Mới đầu, chỉ là những chuyện quanh quẩn trong xó bếp. Đại khái họ hỏi nhau:

- Bếp có rồi không?

- Rồi. Ý dǎng ông lang định thổi cơm ǎn? Đã đói bụng rồi đấy à?

- Đói hay không thì cũng phải ǎn cho xong bữa chứ!

- Đã gần hết gạo chưa? có lẽ mai tôi lại phải đi chợ huyện. Có muốn đong mấy đồng thì gửi tiền tôi đong giùm.

Dần dần, thỉnh thoảng mẹ hỏi ông lang về những bệnh của đàn bà.

- Này ông lang này! Tôi chỉ có cái chứng thế này thì ông bảo ra sao? Tôi ǎn được, ngủ được, trong người không thấy bệnh hoạn gì, nhưng thỉnh thoảng vùng mặt nóng bừng, y như cầm bó đóm mà hơ. Thế thì nó là cái bệnh gì?

- Chân hỏa vượng. Cái hỏa nó bốc lên đầu.

- Có sao không?

- Kể mà có tiền uống thuốc cho nó hạ bớt cái chân hỏa thì cũng tốt. Để vậy, nó hay sinh vǎng vất nhức đầu...

- Đúng thế rồi! Tôi nhức đầu luôn.

- Nguyên do là tại chị không sinh đẻ. Chứng bệnh của chị, những đàn bà góa, những đàn bà không có chồng, không mấy người không có. Nhiều người lấy chồng, tự nhiên khỏi bệnh, chả cần uống thuốc.

Mụ Lợi tưởng thầy lang bốn mụ, nhìn trộm thấy một cái rồi ngoảnh đi. Mụ then. Nhưng đến lúc thầy lang thổi xong cơm, đứng lên ra, thế nào mụ cũng nhìn theo sau lưng tùm tùm cười. Thầy lang vẫn không hay biết một tí gì. Người ta không thể ngờ một người đàn bà xấu thế, mà cũng có tình như người đàn bà khác.

Nhưng một hôm, thầy lang đang bắt rận, mụ Lợi đi qua, hỏi:

- Sao ông lang vừa bắt rận hôm qua, hôm nay lại bắt? Rận đâu mà nhiều thế?

- Vô thiên! Không biết sao nhiều người suốt đời không có lấy một con mà mình thì nhiều thế?

- Thệt người ta đáng. Những người thệt ngọt thì mới lắm rận.

- Thật à?

Thầy lang ngược đôi mắt ngạc nhiên nhìn mụ Lợi, mụ Lợi tùm tùm cười:

- Thật đấy.

- Sao chị biết?

- Sao chả biết? Người ta bảo thế, với lại thệt có ngọt thì mới nhiều rận chứ!

Lý sự của mụ nghe lẩn thẩn. Nhưng thầy lang cũng tí đôi mắt lại, cười khìn khịt. Thầy khoái lắm. Khoái không phải vì vừa học mót được một điều chưa sách thuốc nào nói đến. Khoái chính vì ra thầy cũng được một cái thệt

ngon lành hơn kẻ khác. Cũng là hơn đời vậy. Và trước đôi mắt ti hí của thầy, mẹ Lợi đổi khác hẳn đi. Mẹ không còn là mẹ Lợi đần độn và cục mịch. Mẹ đã là tri kỷ.

Từ đấy, đôi tri kỷ thường tâm sự với nhau. Mẹ Lợi đã biết rõ ràng về gia cảnh thầy lang. Thầy lang cũng tỉ tê hỏi dò mẹ mà thông tỏ được cái ngọn nguồn lạch sông của mẹ. Thì ra mẹ cũng đã long đong, lật đật vì tình duyên lắm. Ba mươi tuổi, mẹ chưa có người nào hỏi. Mẹ cho là vì mẹ quá nghèo, lại không còn mẹ, còn cha. Mẹ đi ở quanh năm. Người ta nuôi mẹ thì chỉ biết nuôi, nuôi mẹ để hầu hạ người ta, còn cái sự mẹ có chồng hay không có chồng thì mặc mẹ. À, cái nghề con gái mà đã không có cha, có chú, có người đứng ra để gả bán cho, thì còn ai biết đường nào mà hỏi? Mẹ ế chồng là vì thế hay là theo ý mẹ thì vì thế. Mãi đến năm băm ba, mẹ mới gặp một người hỏi làm hai. Thấy là người cũng hiền lành, và nhà lại khá giàu, mẹ bằng lòng. Thì cũng tưởng: nửa quả bông còn hơn cả một chùm sung chát! Ai ngờ mẹ phải lừa. Con vợ cả, thấy mẹ đi ở mãi, tưởng mẹ dành dụm được nhiều vốn liếng, lại hay làm, nên bàn với chồng, lấy mẹ để về bòn tiền và để mẹ làm cho. Cũng là một cách dùng đứa ở đó thôi, nhưng lại đỡ tiền công, mà lại còn được tiền thêm nữa. Mới đầu cả hai đứa còn chiều mẹ. Nhưng khi chúng đã nặn hết tiền của mẹ rồi, chúng trở mặt ngay. Mẹ thấy mình chẳng được tí nhân nhĩ gì, mà lại còn xót đến thân, tức mình không ở nữa. Mẹ lại đi ở thuê như trước. (Cứ như vậy cho đến năm nay, mẹ đã băm sáu rồi). Kể thì cũng đáng buồn! Lắm lúc, nghĩ mình chả còn mấy chốc mà già, mẹ cũng muốn xem có ai yêu thương thì lấy

người ta, xấu tốt cũng được, miễn là khỏi mang tiếng không chồng. Nhưng cũng lắm lúc mẹ lại cứ muốn mãi thế này, một mình làm, một mình ăn, chẳng chồng con gì nữa: đời bạc lắm.

- Nhưng có người không bạc, thầy lang ta nghĩ thế. Và thầy nghĩ đến những người vợ thầy, rất bạc. Tại sao những người đàn ông tốt lại cứ hay gặp phải những người đàn bà bạc, còn những người đàn bà không bạc, thì lại gặp phải những người đàn ông bạc? Thầy lang Rận bùi ngùi thương thân mình và thương cho người đàn bà hẩm phận. Họ than thở với nhau và phàn nàn cho nhau...

Được ít lâu, bà cụ và cô Đính biết. Họ bảo nhau:

- Buồn cười quá, chị ơi! Con mẹ Lợi vá áo cho thằng lang Rận.

- Thật ư? Cô trông thấy bao giờ?

- Vừa lúc nãy. Nó đang vá, thấy em, vội giấu vào trong cái cối xay. Em vờ như không biết, sai nó đi lấy cho em cái chậu thau. Nó đi rồi, em lại cái cối xem, mới biết là cái tổ rận của thầy lang.

- Thế thì dễ thương anh chị phải lòng nhau. Tôi cũng thấy chúng nó ít lâu nay hay cười cợt với nhau lắm. Mà con kia thì mua quà bánh cho thằng ấy luôn đấy. Sao cũng được chết với nó thôi? Dễ thương chúng nó vẫn ngủ với nhau trong buồng bếp nhà mình.

- Thật đấy. Ta phải rình bắt quả tang một mẻ, rồi liệu cho chúng nó. Những đồ vô phúc! Nhà mình là nhà làm ăn...

Tuy nói vậy, nhưng thật ra thì bà cự tò mò hơn tức giận. Cả cô Đinh cũng thế. Cuộc dò la, rình chực đem một chút thú vị đến cuộc đời của họ, nhạt phèo và buồn tẻ, bởi vì nhàn quá họ đùa bỡn, cười hí hí suốt ngày thật đấy, nhưng vẫn buồn...

Một đêm, cô Đinh rón rén vào buồng bà cự, bấm bà một cái. Bà cự biết ngay là có sự lạ rồi. Bà thì thầm hỏi em chồng:

- Gì thế?

- Lang Rận vào buồng mẹ Lợi?

- Mới vào à?

- Mới vào, mà vào xong, chúng đóng cửa lại ngay.

- Được rồi! Khe khẽ chứ, kẻo chúng nó nghe thấy. Cái khóa đâu rồi? Đưa tôi

Lặng lẽ như cái bóng, họ rón rén ra khỏi buồng đi xuống bếp. Cửa buồng bếp quả nhiên đóng thật. Mẹ Lợi xưa nay không có thói cài cửa trong khi ngủ. Nếu không rước ông lang Rận vào trong ấy, sao mẹ phải cài kỹ thế? Bà cự thấy một cái cảm giác giống như là mừng rỡ. Bà nín thở. Một bàn tay run rẩy của bà sờ hai cái đinh khuy. Tay kia đưa cái khóa lên. Cái khóa đồng kêu một tiếng nho nhỏ. Đồng thời, tim bà cự nhảy nhót lên vì sung sướng. Bà không giữ nổi một tiếng cười đắc chí. Cô Đinh, đứng đằng sau chị, véo mạnh chị một cái, rồi cũng cười nho nhỏ.

Chắc là anh chị ở trong buồng nghe thấy. Họ thì thảo, như để hỏi nhau. Rồi ánh chừng một người đi thật khẽ, ra

chỗ cửa. Y rút cái then cửa thật gượng nhẹ, từng tí một, từng tí một... Rồi cánh cửa hé ra một chút, nhưng vướng cái khóa, không mở thêm được nữa. Im lặng trong vài phút. Rồi lại có tiếng thì thào. Ý chừng họ bảo cho nhau biết rằng họ bị người ta nhốt, và bần bạc. Những tiếng bần bạc trước còn rụt rè, lẻ tẻ, dần dần trở nên náo nhiệt. Có lúc, tiếng nói thầm gay gắt quá, bật thành những tiếng ở ngoài nghe rõ. Sau cùng thì họ làm như là cắn dút lẫn nhau. Ồ, mà thật ra thì chính là họ đang vặc lẫn nhau. Chỉ mắng anh:

- Im đi! Lại còn nói người ta!... Người ta đang ngủ mặc người ta, ai bảo mò đến buồng người ta.

Anh cãi lại:

- Ai bảo mày gạ gẫm tao?

- Ai gạ gẫm nhà anh? Có anh quyến rũ tôi thì có.

- Cái mặt mày đã đẹp lắm đấy, mà tao phải quyến rũ mày.

- Còn cái mặt ấy thì đẹp hẳn? Đồ bạc miệng!...

Bà cụ và cô Đính đứng ngoài nghe thấy, cười đau bụng. Họ cười và họ chửi:

- Bố khỉ! Thế mà chả xưng là con ông nọ, cháu bà kia! úi chao...

- Ấy con ông ấm đấy!

- Ấm đồng hay ấm đất đấy? Ấm thổ tả! Ấm đi chui vào buồng con ở nhà người ta!

- Để sáng mai, ban ngày ban mặt, nhìn rõ cái mặt ấy xem thế nào!...

- Thật đấy! Cứ để sang mai, ông cự về rồi sẽ liệu! Sao cũng được đem ra điểm cù, cho cả làng trông thấy.

Trong buồng im lặng. Chúng thấy có người đứng ngoài nghe, thẹn quá, không cãi nhau nữa? Hay là chúng lo?

*

* *

Sáng hôm sau...

Ông cự vừa về đến ngõ, bà cự đã chạy ra, nhăn nhở:

- Ông chỉ đi suốt đêm, chả ở nhà mà xem... Đêm qua chúng tôi bắt được thằng kẻ trộm.

- Chỉ bấy thôi!

- Thật đấy. Thằng kẻ trộm lên vào buồng mẹ Lợi. Tôi vừa khóa được cửa, nhốt cu cậu trong ấy. Ông về xem mặt nào?

Cô Đinh đưa mắt nhìn anh, cười ranh mãnh. Bà cự nháy em chồng cười. Ông cự biết ngay là đã có chuyện gì rắc rối. Ông lật đật đi thẳng vào buồng bếp. Vợ và em vào theo, vừa khúc khích...

- Cô đưa chìa khóa cho anh mở...

Cô Đinh đưa chìa khóa cho ông cự. Ông mở khóa. Ông đẩy tung hai cánh cửa ra. Và ông giật nảy mình. Mặt ông quay lại, tái mét đi. Mặt ông là đôi mắt của một người hoảng hốt. Bà cự và cô Đinh ngạc nhiên:

- Gì thế?

Họ nhìn vào căn buồng vừa mở cửa. Một đôi chân tím bầm lủng lẳng trên không khí. Đó là ông lang Rận. Ông thất cổ! Ông thất cổ bằng cái ruột tượng gốc của mụ Lợi. Cái mặt ông đọng máu sừng lên bằng cái thớt. Cái đầu ông ngoẹo xuống, như đầu một thằng bé khi nó cúi. Trông thật là thiếu não. Nhưng không ai kịp ái ngại cho ông cả. Đây là án mạng. Lỗi thôi lắm! Lỗi thôi lắm! Cả nhà ông cự cuống quít, lo xanh mặt. Riêng mụ Lợi vẫn còn nằm ngủ, miệng há hốc và ngáy to như xẻ gỗ. Bà cự phát mụ đôm đốp năm sáu cái, mụ mới giật mình, choàng dậy. Mụ ngơ ngác nhìn quanh. Và khi trông thấy tình nhân, mụ rú lên. Mụ vật vã người, khóc rống như một con chó chưa quen xích. Tội nghiệp cho con người quá ư lì! Sau khi cãi nhau rồi, mụ lăn ra ngủ thật say. Mụ có ngờ đâu trong lúc ấy thì tình nhân ngồi nghĩ ngợi xa gần. Y thẹn. Y buồn. Y giận đời. Y giận trời. Y giận thân. Y tím ruột, tím gan. Y nghĩ đến cái nhục sáng hôm sau.

Ấy thế rồi y đã bật diêm lên, tìm một cái gì có thể làm một cái dây.

TƯ CÁCH MỒ

Bay giờ thì hấn đã thành mỗ hấn rồi. Một thằng mỗ đủ tư cách mỗ, chẳng chịu kém những anh mỗ chính tông một tí gì: cũng đề tiện, cũng lấy là, cũng tham ăn. Hơi thấy nhà nào lách cách mâm bát là hấn đến ngay. Hấn ngồi tít ngoài xa, ngay chỗ cổng vào. Người ta bưng cho một mình hấn một mâm. Hấn trơ tráo ngồi ăn. Ăn xong, còn thừa bao nhiêu, hốn tất cả vào, lấy lá đùm thành một đùm to bằng cái vế đùi, để đem về cho vợ, cho con. Có khi hấn còn xán đến những chỗ người ta thái thịt, dỡ xôi, lấy cắp hoặc xin thêm một đùm to nữa. Hấn bỏ cả hai đùm vào cái tay nải rất to, lần đi ăn cỗ nào hấn cũng đem theo. Thế rồi một tay xách tay nải, một tay chống ba toong, hấn ra về, mặt đỏ gay vì rượu và trầu, đây vế phè phỡn và hể hả... Mùa đến, hấn vác một cái đòn càn có quán mấy sợi thùng ở một đầu, đo hết ruộng nọ đến ruộng kia:

- Mùa màng, anh em đến xin cù lượm lúa... Mùa màng, anh em đến xin ông lượm lúa... Đến xin bà, hay thầy, hay cô lượm lúa...

Môm hần nói, tay hần lượm. Hần cứ chọn những gỏi nào to nhất, mẩy nhất thì lượm. Cụ hay ông, hay bà, hay thầy, cô, bằng lòng hay không, cũng mặc! Mặc cho ông, bà, thầy, cô tiếc. Hạt thóc quý như hạt ngọc. Nhưng tiếc cũng chẳng làm sao được. Ai nấy đều im như thóc cả. Người ta nói: tham như mỡ. Nếu nói không tha, sao nó làm mỡ? Còn mình không lẽ mình lại keo với cả từ thằng mỡ trở đi? Hà hà! Cứ vậy là ăn câu đấy. Hần biết thóp người ta như vậy, nên hần lại càng làm dữ. Hết mùa rồi đến tết. Trước tết, hần xách ba toong đi trước, vợ thì đội một cái thúng cái đi sau. Chúng đến từng nhà, xin mỗi nhà bát gạo. Mừng một tết, bố con hần xách một bao chè với năm quả cau, đến mừng tuổi các quan viên để kiếm cỗ và kiếm tiền phong bao.

Bao chè với cau của hần, hần đem đến rồi lại đem về: có ông nào ngu đến nỗi lấy cau, chè của hần? Người ta thừa biết hần chỉ có độc trội một bao chè ấy, đem đi hết nhà này sang nhà nọ, xong mấy ngày tết lại đem bán lại... Thế rồi độ mừng năm, mừng sáu, vợ chồng hần lại đi tua lần nữa để xin bánh chưng thừa...

Cứ thế, hần ỷ vào cái địa vị hèn hạ của mình để nhiều người ta, và lấy sự nhiều được người ta làm khoái lắm. Nhiều người phải bực mình. Họ lại còn bực mình vì cái cách hần tung nịnh những người rộng rãi và tỏ vẻ xác láo, bùng phiu đối với những kẻ không lấy gì mà rộng rãi với hần được. Thật hần đã vô liêm sỉ quá. Mỗi lần hần đi khỏi, những người đàn bà nguýt theo, chửi mả ra và lắm bầm:

- Giống mỗ có khác! Không trách được người ta gọi là đồ mỗ!... Trông ghét quá!...

Người ta tưởng như ông trời đã cố ý sinh hấn ra như thế để mà làm mỗ; hấn có cái cốt cách của một thằng mỗ ngay từ khi còn ở trong bụng mẹ, và là mỗ ngay từ ngày mới sinh...

Không! Lộ sinh ra là con một ông quan viên tử tế, hần hoi. Và mới chỉ cách đây độ ba năm, hấn vẫn còn được gọi là anh cu Lộ. Anh cu Lộ hiền như đất. Cờ bạc không, rượu chè không, anh chỉ chăm chăm, chút chút làm để nuôi vợ, nuôi con. Bố mẹ chết cả rồi. Chị cu thì y như con mài mài: lúc nào cũng chừa. Vừa mới dạo nào, trông bụng chị to như cái thúng, rồi bẵng đi một dạo không gặp chị, đến lúc gặp thì cái bụng chị đã lại mây mây rồi. Người đàn bà mẩn quá! Vườn đất hẹp. Gia sản không có gì. Anh cu Lộ chỉ độc nai lưng ra cày thuê, cuốc mướn. Nói thế, nghĩa là nhà cũng túng. Nhưng túng thì túng thật, mà bụng dạ anh ta khá. Anh chỉ làm mà ăn với nuôi vợ, nuôi con, chứ không hề ăn trộm, ăn cắp của ai. Cái sự túng làm liều, anh tịnh là không có. Nhà hàng xóm có con gà, con vịt chạy sang, hoặc buồng chuối, quả mít liền kề ngay với giậu nhà anh, anh cũng mặc thây, không hề có cái tính tắt ma, tắt mắt. Nói cho phải, thì anh cu Lộ ăn ở phân minh lắm. Bởi vậy kẻ trên, người dưới, hàng xóm láng giềng ai cũng mến...

Họ đạo Lưu An có tất cả chừng sáu chục suất đình. Sáu mươi suất đình tập hợp lại với nhau, thành một làng nhỏ trong cái làng to. Trừ những việc sưu thuế, tạp dịch là

những việc họ cùng chịu chung với dân lương, còn thì giáo dân nhất nhất cái gì cũng theo ước lệ riêng. Họ ăn họp, khao vọng riêng với nhau, đặt ra những tước vụ riêng. Ông trùm bên họ, cũng như người lý trưởng bên dân. Dưới ông trùm, đến ông quản giáo, trông coi việc dạy trẻ học kinh. Sau cùng đến ông sơ, tức là những ông đã đỗ bằng Sơ học yếu lược, và đã nộp lệ và làm rước trình bằng. Đây là hạng quan viên. Bởi làm người đàn anh bên họ đạo, không quá nặng nề, tốn kém như làm ông lý ông phó bên dân lương, nên đến già nửa người trong họ là quan viên. Chỉ còn hơn vài chục trai em. Bởi vậy bọn trai em cứ phải đi phu choanh choách. Đã có quan viên, có trai em, tất cũng phải có một thằng mỗ nữa cho đủ bộ. Nhưng tìm đâu ra mỗ? Người bên lương tất không ai chịu làm mỗ cho bên đạo. Mà người bên đạo thì ai chịu làm mỗ ngay trong họ mình? Các cụ bèn nghĩ ra một cách. Người mỗ không gọi là mỗ nữa. Các cụ gọi là lệnh. Lệnh chuyên việc quét dọn nhà thờ, và đi mời họ mỗi khi có ăn uống hay hội họp. Đi mời từng nhà một, chứ không cần phải rao. Mỗi chân một tí nhưng không xấu hổ. Họ sẽ cất lượt các trai em ra làm lệnh mỗi người ba năm. Người lệnh được ngồi ngang với trai em khác, và hết hạn rồi, nếu có tiền hay tài cán, muốn làm quan viên, vẫn được. Như vậy thì cũng chẳng có gì là mất giá trị. Đến lần, đến lượt thì làm, ai cũng làm...

Nhưng một năm xưa, một tên vô gia cư, chẳng biết quê quán nơi đâu, đem một con vợ theo đến trú ngụ ở làng này. Vợ chồng đi làm thuê, làm mướn kiếm ăn. Chúng ở nhờ nhà bà lão mù, bán thuốc cam, sài, ghẻ, lở bên cạnh

chợ. Một hôm, chẳng may người vợ chết. Cả hai vợ chồng cũng chưa vào làng. Vậy cố nhiên là làng không chịu chôn cho. Hàng xóm cũng nhất định không chôn. Họ còn hạch sách nợ kia, toan làm rầy rà cho người chồng và người chứa chịu. Không biết liệu ra sao, anh chồng bèn mua một chục cau đem lên kêu với họ đạo, xin họ chôn làm phúc, rồi anh ta xin nhập đạo. Họ nhận, làm ma cho người vợ. Rồi nhân tiện muốn giúp đỡ anh chồng, họ bèn cho anh ta làm sãi để thay cho người lễnh và cấp cho anh ta mấy sào đất bên cạnh nhà thờ để làm vườn, lại cho anh ta tiền để làm một cái nhà con con. Từ đấy trai em trong họ không còn phải cắt lượm nhau làm lễnh nữa. Được bốn mươi năm như vậy. Rồi người sãi chết. Hắn không có con để mà kế nghiệp. Chân sãi khuyết. Bọn trai em quên hẳn cái lệ lễnh ngày xưa rồi, chỉ biết có sãi là một anh na ná như thằng mõ, bây giờ nhất định bướng, không chịu làm việc ấy. Bàn định mãi, các cụ bỗng nghĩ đến anh cu Lộ. Nghĩ đến một cách rứt rè thôi.

- Giá anh ta chịu cáng đáng việc này cho thì hay quá! Anh ta cần thận mà sạch sẽ... Mà cũng túng. Vườn đất hẹp. Cáng đáng được thì được thêm bốn sào vườn nữa, sưu thuế không phải đóng.

- Mà mỗi kỳ thuế, họ lại còn cho thêm tiền...

Kể ra thì chỉ toàn những cái lợi. Nhưng chỉ sợ anh ấy còn e cái tiếng.

- Tiếng tăm gì! Quét dọn nhà thờ thì cũng là làm việc thờ phượng, ai làm không được. Còn đi mời quan viên, thì

mình là người dưới, đi mời người trên một tiếng, không đáng à.

Một cụ kêu lên thế. Cụ tiên chỉ mỉm mỉm cười, rồi hỏi:

- Hay là ta cho tìm anh ấy đến, dỗ anh ấy xem sao?

Lộ đến, người ta kể tất cả những cái lợi ra để nhử. Rồi người ta lại cố cất nghĩa cho anh hiểu: làm sai chẳng có gì mà nhục, cũng làm việc họ đẩy thôi; ai cũng ngại, không chịu đứng ra cáng đáng, thì mình đứng ra cáng đáng giùm cho cả họ; có phải mình tham lợi, tự nhiên đem trâu cau đến xin làm đầu mà sợ tiếng?...

- Không, thế này, anh cu ạ; giá anh cầu cạnh để làm thì còn có người nói được. Đằng này anh không cầu cạnh. Chúng tôi gọi anh đến cho làm thì việc gì anh không làm? Ấy là tất cả các cụ, cùng quan viên trên, quan viên dưới đều mến cái bụng anh hiền lành... Anh cứ làm.

Lộ bùi tai, làm vậy. Và quả nhiên, hần làm được ít lâu thì nhà đỡ xo dụi hơn trước thật. Bởi vì hần chăm chỉ lắm. Máy sào vườn họ cho, hần cuốc xới rất kỹ càng. Hần làm ngô, làm mía được mấy vụ tốt luôn. Tiền của họ cho, hần bỏ ra lấy khô bã cho lợn ăn. Suu thuế không mất một đồng trinh, làm được đồng nào được cả. Làm gì không dễ chịu?

Bấy giờ những anh khác trông thấy thế mới sinh ra tiếc. Họ thấy Lộ làm sai ngon ăn quá. Họ ngấm ngấm ghen với hần. Và chẳng người nào bảo người nào, họ vô tình về hòa với nhau để báo thù.

Những lời tiếng mỉa mai truyền từ người nọ đến người kia. Lộ thấy những bạn bè cứ lảng dần. Những người ít tuổi hơn, nói đến hắn, cũng gọi bằng thằng. Trong những cuộc hội họp, nếu hắn có vui miệng nói chỗ vào một vài câu, nhiều người đã ra vẻ khinh khỉnh, không thèm bắt chuyện... Hắn nhận thấy sự thay đổi ấy và bắt đầu hồi hận. Nhưng sự đã trót rồi, còn biết sao được nữa? Hắn tặc lưỡi, và nghĩ bụng: “Tháng ba này, thằng nào thằng ấy đến ba ngày không được một bát cơm, dãi nhỏ ra, hết còn làm bộ!...”. Một ý nghĩ phẩn khích đã bắt đầu nảy mầm trong khối óc hiền lành ấy... Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi cỗ thì ba người ngồi trước đứng cả lên. Lộ ngồi trơ lại một mình. Mặt hắn đỏ bừng lên. Hắn do dự một chút rồi cũng phải đứng lên nốt, mặt bên lên cúi gằm xuống đất. Chủ nhà hiểu ba anh kia có ý gai gạnh không chịu ngồi chung với mõ. Ông tìm một người khác, xếp vào cho đủ cỗ, và yên ủi Lộ:

- Chú ăn sau cũng được.

Lộ âm ừ cho xong chuyện, rồi nhân một lúc không ai để ý, lén ra về. Hắn tăm túc rất lâu. Trông thấy vợ hắn cúi mặt, không dám nhìn thị, làm như thị đã rõ cái việc nhục nhã vừa rồi. Hắn thở ngắn thở dài, lăm lăm hắn muốn bỏ phất việc, trả lại vườn cho họ cho đỡ tức. Nhưng nghĩ thì cũng tiếc. Hắn lại tặc lưỡi một cái, và nghĩ bụng: “Mặc chúng nó!...”. Hắn chỉ định từ giờ chẳng đi ăn cỗ đám nào nữa là ổn chuyện... nhưng khổ một nỗi, không đi, không được. Đám nào có ăn, tất nhiên chủ nhân không chịu để hắn về. Làm cỗ cho cả họ

ăn còn được, có hẹp gì một cỗ cho thằng sãi? Để nó nhìn đói mà về, nó chửi thề cho. Mà thiên hạ người ta cũng cười vào mặt, cho là con người bủn xỉn... Ấy, người ta cứ suy hơn, tính thiệt như vậy, mà nhất định giữ thằng sãi lại. Không ai chịu ngồi với hắn, thì hắn sẽ ngồi một mình một cỗ. Nếu hắn có sợ thẹn, thì người ta sẽ dọn cỗ trong bếp, hay một chỗ nào kín đáo cho hắn ngồi...

Mới đầu, Lộ tưởng ngồi như thế, có lẽ là yên ổn đấy. Nhưng người ta tồi lắm. Người ta nhất định bêu xấu hắn. Trong nhà đám, một chỗ dù kín đáo thế nào, mà chả có người chạy lại, chạy qua. Mỗi người đi qua lại hỏi hắn một câu:

- Lộ đấy à, mày?

Cũng có người thêm:

- Chà! Cỗ to đấy nhỉ? Đàng ấy hóa ra lại... bờ!

A! Thế là họ nói kháy anh cu Lộ vậy, cái lắm. Hắn tặc lưỡi một cái và nghĩ bụng: “Muốn nói, ông cho chúng mày nói chán! Ông cần gì!...”. Hắn lập tức bê cỗ về sân, đặt lên phản, ung dung ngồi. Nói thật ra, thì hắn cũng không được ung dung lắm. Tại hắn vẫn dò như cái hoa mào gà, và mặt hắn thì bên lên muốn chữa thẹn, hắn nhai nhồm nhoàm và vênh vênh nhìn người ta, ra vẻ bất cần ai. Sau cái bữa đầu, hắn thấy thế cũng chẳng sao, và bữa thứ hai đã quen quen, không ngượng nghịu gì mấy nữa. Bữa thứ ba thì quen hẳn. Muốn báo thù lại những anh đã cười hắn trước, tự hắn đi bung lấy cỗ, và chọn lấy một cỗ thật to để các anh trông mà thèm. Bây giờ thì lại đến lượt một

người chủ không được bằng lòng. Có một mình nó ăn mà cũng đòi một cỗ to hơn cỗ bốn người ăn!...

- Mẹ kiếp! Không trách được người ta bảo: “Tham như mõ”.

A! Họ bảo hần là mõ vậy... Tham như mõ vậy!... Đã vậy thì hần tham cho mà biết!... Từ đấy, không những hần đòi cỗ to, lúc ăn hần lại còn đòi xin thêm xôi, thêm thịt, thêm cơm nữa. Không đem lên cho hần thì tự hần xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy. Ăn hết bao nhiêu thì hết, còn hần gói đem về cho vợ con ăn, mà nếu vợ con ăn không hết, thì kho nấu để lại ăn hai ba ngày... Hà hà! Phong lưu thật!... Cho chúng nó cứ cười khòe đi!

Cứ vậy, hần tiến bộ mãi trong nghề nghiệp mõ. Người ta càng khinh hần, càng làm nhục hần, hần càng không biết nhục. Hối ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất diệu để khiến người sinh đê tiện...

Bây giờ thì hần mõ hơn cả những thằng mõ chính tông. Hần nghĩ ra đủ cách xoay người ta. Vào một nhà nào, nếu không được vừa lòng, là ra đến ngõ, hần chửi ngay, không ngượng:

- Mẹ! Xử bắn cả với thằng mõ...

ĐỜI THỪA

Từ ngừng mặt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần Từ muốn nói, nhưng lại không dám nói. Hắn đang đọc chăm chú quá. Đôi lông mày rậm của hắn châu đầu lại với nhau và hơi xếch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn. Đôi lưỡng quyền đứng sừng sững trên bờ hai cái hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy. Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyền sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Từ thấy sợ...

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng rất tận tâm. Và lại Hộ, đối với Từ còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến: Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần. Từ đã hiến mình một cách dè dặt, tâm hồn và xác thịt. Và khi biết

mình sắp có một đứa con, Từ không hề hối hận một mảy may; Từ rất bằng lòng. Ấy thế mà hắn đã phụ Từ, phụ một cách hèn nhát và khốn nạn, ngay chính vào lúc Từ cần đến hắn để bảo tồn sự sống và danh dự, lúc đứa con ra đời. Từ sững sốt vô cùng, Từ không tin ở sự thật rành rành. Rồi khi sự sững sốt qua thì Từ khóc. Từ khóc như mưa, khóc tưởng chẳng bao giờ còn lặn được. Từ khóc, và ôm con ngồi nhịn đói, bởi vì Từ chẳng biết trông cậy vào ai, trừ bà mẹ già mù và quanh năm, nay ốm, mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi. Bà mẹ già biết làm sao? Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con và cả mẹ lẫn con chỉ còn một cách là khóc cho đến khi nào bao nhiêu xương thịt đều chảy ra thành nước mắt hết, để rồi cùng chết cả. Giữa lúc ấy thì Hộ mở rộng đôi tay ra, đón lấy Từ. Hộ nuôi Từ, nuôi mẹ già, con đại cho Từ. Hộ nhận làm bố cho đứa con thơ. Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ, Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ đứng làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa, thì cũng chưa đủ để mà đền ơn. Bởi thế, nên luôn mấy năm trời, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm.

Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và thấy cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo, hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một

cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bấy giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Hắn hẳn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tụn mồn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn mỗi ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi khổ đau của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách, hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng, vò nát sách mà mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì hắn chính là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là dễ tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gọi những tình cảm rất nhẹ, rất nóng, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn

là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có. Hắn nghĩ thế và buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hắn để mặc vợ con khổ sở ư? Hắn bỏ liều hán ruồng rẫy chúng, hán hy sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hắn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu.

Và hắn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: “Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ”. Nhưng hắn lại nghĩ thêm rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hắn có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu rất vị kỷ đi, nhưng hắn không thể bỏ lòng thương, có lẽ hắn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hắn vẫn còn được là người: hắn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng vị kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác lên trên đôi vai của mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa?...

Hắn tự bảo: “Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ đã có một số vốn con để làm ăn! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu!” Từ khi đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác đã vội ra, mà đứa con nào cũng nhiều

đen, nhiều sài, quấy rứt, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ sản sóc chúng đã đủ ốm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Họ diên người lên vì phải xoay tiền. Hấn còn diên lên vì con khóc, mà không lúc nào được yên tĩnh để cho hấn viết hay đọc sách. Hấn thấy mình khổ quá, bực bội quá. Hấn trở nên cau có và gắt gỏng. Hấn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bực tức ở trong nhà, hấn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vùng vằng đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hấn đi lang thang, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng ngועi bớt đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hấn tạt vào một tiệm giải khát nào mà uống một cốc bia hay cốc nước chanh. Hấn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngỏ ý kiến về một vài quyển sách mới ra, một vài tên ký mới trên các báo, phác họa một cái chương trình mà hấn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hấn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hấn thừ mặt ra, như một kẻ phải đi đày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trong một làn khói nặng u buồn mà nhớ quê hương. Hấn cũng nhớ nhưng một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng còn là mình nữa. Hấn lắc đầu tự bảo: “Thời thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi”. Và hấn nghĩ đến cái tên hấn đang mờ dần đằng sau những cái tên khác mới trời ra, rực rỡ hơn... Rồi hấn ra về, thờ thẩn. Những sự bực tức đã chìm đi. Lòng hấn không còn sôi nổi nữa, nhưng rữ buồn...

*

* *

Ít lâu nay, mỗi lần ra đi, Hộ không chỉ trở về buồn bã mà thôi. Hắn say mê. Thường thường hắn đã ngủ một nửa ngày từ khi còn ở dọc đường, và vừa về đến nhà, chưa kịp thay quần áo, tháo giày, đã đổ như một khúc gỗ xuống bất cứ cái giường nào, ngủ say như chết. Từ phải chờ khi con ngủ mệt, rón rén lừa con, dậy tháo giày, cởi quần tây cho hắn, luồn một cái gối xuống gáy hắn, và cố nhắc chân, nhắc tay hắn, đặt cho hắn nằm ngay ngắn lại... Nhưng cũng có đêm hắn chưa ngủ vội. Hắn lão đảo bước vào nhà, mắt gườm gườm, đôi môi mím chặt. Hắn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hắn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trở vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:

- Ngày mai... Minh có biết không? Chỉ ngày mai thôi! Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn với hét! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chỉ khổ thằng này thôi!

Hắn rít lên như vậy. Rồi hắn lại mím chặt môi, đôi mắt ngầu ngầu nhìn vào tận mặt Từ. Từ chẳng dám cãi nửa lời, chỉ lẳng lẳng cúi mặt nhìn xuống, như một đứa trẻ con

biết mình có lỗi khi người ta quở phạt. Bởi vậy hắn trờng trở một lúc rồi quay ra, loạng choạng cởi quần cởi áo, hắn vắt bừa bộn xuống giường. Rồi hắn tháo giầy, quăng từng chiếc một vào một xó nhà. Có khi máy tay, hắn quăng cả những vật gì thấy trên bàn, rồi lải nhải mắng Từ về tội không biết thu dọn nhà cho gọn ghẽ. Hắn nói chán rồi đi ngủ. Bấy giờ, Từ mới dám đứng lên, treo quần áo cho hắn lên mắc và thu dọn tất cả những thức ăn đã vắt lỏng chổng ra đầy nhà.

Lần đầu, Từ sùng sốt. Từ chẳng hiểu ra sao, Từ đoán chồng nghe ai nói nên ghen bóng, ghen gió chi đây. Từ khóc suốt đêm và dự định sẵn những câu để sáng hôm sau nói. Nhưng sáng hôm sau, hắn không để cho Từ phải nói. Hắn bẽn lễn kêu mình đã quá chén hôm qua, hỏi Từ về những thủ đoạn vũ phu của mình, rất buồn cười, rồi xin lỗi Từ, hôn hít các con như một người cha tốt. Hắn tuyên bố từ giờ chừa rượu và giữ được khá lâu, nhưng rồi lại uống và say như lần trước để làm những trò vừa buồn cười, vừa đáng sợ như lần trước. Cứ thế mãi, Từ quen đi, không giận nữa. Nhưng Từ lơ mờ hiểu nổi đau khổ mà có lẽ chính Từ đã gây ra cho chồng. Từ hiểu và buồn lắm, buồn lắm lắm. Còn gì buồn cho bằng mình biết mình làm khổ cho người mà mình yêu? Nhưng Từ biết làm sao được? Đã nhiều lần, Từ muốn ẵm con đi. Đã nhiều lần, Từ muốn bỏ liêu con để đi làm, Từ muốn hy sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao! Từ là vợ! Từ là mẹ, Từ sống với những tình cảm thông thường của đàn bà. Từ rất yêu chồng và thường nhận ra rằng chồng Từ cũng rất yêu Từ, cũng muốn có Từ. Những khi Từ ốm đau chẳng hạn, Hộ

lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ. Đối với các con cũng vậy. Chỉ xa chúng mấy ngày Hộ đã nhớ và lúc về, thấy các con chạy ra reo mừng nắm lấy áo mình, thường thường Hộ cảm động đến ứa nước mắt. Hấn hôn hít chúng vô vấp lắm... Biết đâu hấn sẽ sung sướng khi không con, không vợ? Từ nghĩ về hấn. Mới nghĩ đến sự xa hấn, Từ đã phải thổn thức đến bật tiếng khóc ra được rồi... Từ đành chỉ cố ngoan ngoãn hơn, đáng yêu hơn, Từ đành nhịn mặc, nhịn ăn để bớt những món tiêu. Từ thu xếp cửa nhà ngăn nắp, sạch sẽ, gọn gàng. Nhất là Từ hết sức ngăn những tiếng khóc, tiếng nô đùa của lũ con. Từ sợ cả nói với chồng. Bởi vậy ba lần nhìn chồng để toan nói, Từ thấy chồng đang đọc sách chăm chú quá, không dám nói, lại cúi mặt xuống nhìn đứa con nằm trong lòng Từ.

Nhưng Hộ bỗng ngoảnh mặt lên. Hấn vừa gặp được một đoạn hay lắm nên ngừng đọc ngẫm nghĩ và để cho cái khoái cảm ngấm ra trong lòng. Đôi mắt hấn, tuy mới rời trang sách đã nhìn ngay lại phía Từ. Hấn mỉm cười, Từ cũng mỉm cười. Hấn bảo:

- Này, Từ ạ... Nghĩ cho kỹ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ, chính tôi làm cái thân tôi khổ, tôi mê văn hóa nên mới khổ. Ấy thế, mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đối lấy cái địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cho rằng: những khi được đọc một đoạn văn như đoạn này, mà lại hiểu được tất cả cái hay, thì dầu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng. Sướng lắm! Sao thiên hạ lại có người tài đến

thế? Minh tính: người ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất tất cả ba câu, đúng ba câu!... Minh có hiểu không? Ba câu giản dị một cách không ngờ - mà hay được đến như thế...

Hắn đọc lại đoạn văn. Hắn dịch nghĩa để Từ nghe. Hắn giảng dạy cho Từ. Tuy Từ chẳng hiểu được bao nhiêu, nhưng cũng tin lời hắn. Từ giữ mãi nụ cười hiền dịu trong khi nghe hắn nói. Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ ra:

- Có lẽ hôm nay đã mồng hai, mồng ba tây rồi mình nhỉ?

- A phải! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên... Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo:

- Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến... Hộ sầm mặt lại;

- Tiền nhà, tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắm... Còn chịu tất! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn đất mua chịu được.

Hắn nghĩ đến món tiền hắn đã tiêu phí mấy hôm đầu tháng. Mỗi lần bức tức hay chán nản, hắn lại đi uống rượu, thành thử tiền hết sớm, Từ không hề môi phản nản nửa tiếng, nhưng cả tháng Từ ăn và bắt các con khem khổ, thường thường đói nữa! Quà sáng thì bỏ hắn, có khi bữa tối cũng nhịn cơm, ăn cháo. Hộ trông thấy thế, thương vợ, thương con quá, và ân hận vì mình đã tiêu quá trớn. Bởi vậy suốt từ mồng mười đến hết tháng, hắn không ra khỏi nhà để chẳng phải tiêu thêm tí gì...

Hắn vừa mặc quần áo, vừa nhấc thềm trong trí:

- Nhất định hôm nay không đi đâu cả... Lấy tiền xong là về ngay...

Nhưng Từ bảo:

- Mình ra phố thì đi ăn nhé. Còn có ít gạo chỉ đủ cho lũ trẻ. Em chả đong thêm nữa, để mai trả tiền rồi lấy luôn thêm một thể... Em không để cơm mình đâu đấy... Nhà chẳng còn gì ăn...

Hộ hơi cau mày. Bởi vì hắn sợ bước vào tiệm ăn lắm. Hắn có thể gặp ở đây một vài người bạn... và cái khi ấy thì... ôi thôi! Mặc kệ gia đình và những cái còn lại!... Hắn sẽ uống rất khỏe, nói toàn những chuyện vá trời lấp biển, rồi đi la cà đến hết đêm mới về. Hắn nghĩ ngợi một chút rồi hắn bảo:

- Được! Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn.

- Đừng phiền nữa! Em cứ cho chúng nó ăn cơm trước rồi đi ngủ.

- Đừng ăn trước... Đợi tôi đem thức ăn về, ăn một thể. Tôi về sớm. Cả tháng chúng nó đói khát, khổ sở, hôm nay có tiền cũng nên cho chúng nó một bữa ra hồn.

- Vẽ chuyện!

Hắn mỉm cười, đáp lại. Hắn lại gần Từ, cúi xuống nắm lấy tay đứa bé và gọi nó. Mặt hắn và mặt Từ ghé sát. Hắn cố ý khê chạm môi mình vào má Từ một cái, Từ vờ rũ mấy cái bụi ở tay áo hắn. Vợ chồng nhìn nhau âu yếm. Hắn vuốt má Từ một cái rồi ra đi.

*

* *

Ở tòa báo ra, Hộ đi thẳng tới một hiệu thịt quay. Hấn định mua mấy hào thịt, vài cái bánh tây, gói đem về. Lòng hấn sáng bùng. Hấn tưởng tượng ra cái cảnh lũ con cháu ăn và đói khát, rón thịt bằng tay và ăn những miếng bánh thật to, miếng phụng phịu và mỗi bóng nhờn những mỡ. Cái cảnh thô tục và cảm động! Hấn sẽ cười thỏa thích. Còn Từ sẽ ngồi bên hấn mà nhìn chúng, đôi mắt sung sướng và thương hại loang loáng ướt. Đến trước cửa hiệu thịt quay, Hộ dừng lại. Hấn cẩn thận nhìn trước, nhìn sau, trước khi vào. Một người quen có thể đi qua, và nếu họ bắt gặp hấn đang cố nhét một gói thịt vào túi áo!... Không! Không có gì đáng ngại, ngoài đường phố... Nhưng trong hiệu, một thiếu nữ đẹp đang mặc cả... Hấn đành đợi vậy. Trong khi đợi hai tay chắp sau lưng, hấn làm ra vẻ đợi một người bạn vừa vào một nhà nào gần đấy. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hấn giật mình quay lại. Trung nhếch cười lạng lẽ và Mão cười âm ỹ, cũng đưa tay cho hấn bắt:

- Mãi ngắm nàng thơ mà ngây người ra thế?

Hộ ấp úng:

- À! Các anh!...

- Không theo gót sen nào đấy chứ?

- Cái ấy không quan hệ! Thi sĩ là người giữ được mình trẻ mãi và đến muôn năm vẫn còn trinh bạch.

- Cũng may tôi lại cũng không là thi sĩ nổi.

- Nghĩa là chẳng theo nàng nào cả?

- Chẳng theo nàng nào cả!

- Thế thì đi theo hai thằng này!

Hộ nhìn Trung và Mão một thoáng rồi mới hỏi:

- Làm chi?

- Chẳng làm gì cả!

- Thế thì đệ kiêu. Đệ phải về kéo hết tàu điện.

Trung cau mặt nhìn Hộ một cách kinh ngạc và khinh bỉ:

- Sao lại có người điên đến thế? Về giữa lúc chiều thì đẹp mà phố thì vui thế này!

Hộ trở nên đứng đắn:

- Không đùa nữa... Thật ra thì tôi có việc phải về thế thôi.

- Ồ! Nói vậy thì còn dễ nghe.. Thôi thế anh về nhé!...
Nhưng mà... này! Anh đã biết gì chưa?

Hộ đã toan đi, quay đầu lại nhìn Trung...

- "*Đường về*" sắp được dịch ra tiếng Anh đấy nhé! Bản quyền tác giả ba nghìn đồng.

Hộ tròn mắt lên. Người hần bồi hồi. Một lúc lâu hần mới hỏi được Trung:

- Có đích không?

- Đích xác rồi. Chính Quyền đưa cái thư điều đình cho chúng tôi xem.

Hộ có vẻ hoài nghi:

- Không mà lại!... Tôi biết lắm... Nhưng lại đằng này đã, về làm gì vợ? Chúng mình làm cốc bia...

Hộ đã quên hẳn vợ con. Hắn chỉ còn háo hức muốn biết thêm về quyển “*Đường về*” của Quyền được dịch ra tiếng Anh. Hắn bám lấy Mão và Trung. Ba người vào một tiệm giải khát ở bờ hồ. Và chỉ độ nửa giờ sau, Mão và Trung đã thấy Hộ đỏ tai, giọng một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn:

- Cuốn “*Đường về*” chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu? Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu!

Trung gật gù cười, vẫn cái cười lặng lẽ của y. Mão thì cười hô hố. Hộ không cười, mặt căng lên vì hứng khởi. Hắn nói say sưa lắm. Và đến lúc đèn phốt phát. Trung và Mão muốn về. Hộ bảo luôn:

- Thong thả đã! Đi đâu mà vội? Chúng mình đi uống rượu... Tôi có tiền...

*

* *

Sáng hôm sau, hần thức dậy trên cái giường nhà hần. Hần thấy mình mảy đau như dằm, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và rát cháy. Hần đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hầy còn ấm. Đó là một sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bởi hần lơ mơ nhớ ra rằng; hình như đêm qua hần say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; hình như hần lại đánh cả Từ đuổi Từ đi, rồi lại mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hần đột nhiên hoảng sợ, nhồm dầy, mắt nhớn nhác tìm Từ. Nhưng không! Từ vẫn còn nhà... Chắc hần trong lúc quá say, hần gài cửa, nhưng chưa gài được, thành thử khi thấy hần ngủ mệt rồi, Từ lại bế con vào. Bây giờ Từ đang thiếp đi trên võng, đứa con nhỏ nằm bên. Từ vốn dậy sớm quen. Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xòe ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hần bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vất vả lộ cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng: một đôi lúc, nếu nhìn kỹ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần Từ, nhìn kỹ xem mặt Từ lúc bấy giờ ra sao? Hần rón rén, đi chân không lại. Hần ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh võng và cố thở cho thật khẽ. Hần ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt, môi nhợt nhạt, mí mắt hơi tím tím và chung quanh mắt có quầng; đôi má đã

hơi tóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ khẽ thờ dài và lắc đầu ái ngại. Hấn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lưng còng rất những xương! Trên mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra làn da mỏng và xanh trong, xanh lọc. Cái cổ tay mỏng manh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hấn che chở và bênh vực... một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hấn vỗ về an ủi... Thế mà hấn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ? Nước mắt hấn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hấn khóc... Ôi chao! Hấn khóc. Hấn khóc nức nở, khóc như thể không ra tiếng khóc. Hấn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và Từ cảm động. Mất Từ giàn giụa nước. Từ khẽ rút tay ra, vòng lên cổ chồng nhẹ nhàng níu hấn vào, để hấn gục đầu bên cạnh ngực Từ. Hấn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

- Anh... anh... chỉ là... một thằng... khốn nạn!

- Không!... anh chỉ là một người khổ sở!... Chính vì em mà anh khổ.

Từ bảo thế. Tay Từ níu mạnh hơn một chút. Ngực Từ thổn thức, Từ chực ngã đầu sát vai Hộ. Nhưng đứa con bị giằng, khóc thét lên. Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướt lệ. Từ dỗ nó:

- A! Mợ đây! Mợ đây mà! Ôi chao! Con tôi nó giật mình... Mợ thương...

Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa võng. Từ vừa đưa vừa hát...

"Ai làm cho khói lên giờ

Cho mưa xuống đất, cho người biệt ly

Ai làm cho Nam, Bắc phân kỳ

Cho hai hàng lệ đầm đìa tẩm thân...".

1943

MUA NHÀ

Anh Kim,

Buổi tối hôm ấy, sau khi đưa các anh ra thuyền trở về Nam, tôi bức tức vô cùng. Tôi bức tức với tôi. Tôi day nghiêng tôi trong một phút cao hứng quá đã mời các anh về nhà.

Anh đừng giận, anh Kim ạ. Tôi hiểu lắm. Chúng ta biết nhau không phải vì một bộ quần áo may khéo, một đôi giày đúng kiểu, một cái xe hơi tốt máy. Chúng ta biết nhau vì cái khác. Chúng ta mến nhau vì cái khác. Chúng ta đánh giá nhau cũng ở chỗ khác đâu có phải ở chỗ cái nhà to hay bé. Cổ nhân chê kẻ sĩ mà còn lấy sự cơm ăn không được ngon, áo mặc không được lành làm nhục. Người quân tử phải có thể uống nước lã, khoan tay dưới đầu gối mà không tủi. Tôi cũng hiểu. Vậy mà tôi cứ hậm hực mãi với tôi vì cái lẽ đã để mấy người bạn trông thấy cái cảnh bán bách của tôi như thế, chẳng hóa ra tôi là người nhỏ nhen? Vâng thì tôi là người nhỏ nhen! Nhưng các anh phải xét cho tôi chỗ này. Đến nhà anh, tôi ngồi trên những cái ghế kiểu mới, có nệm êm, có vách tựa rất

cao, ngồi vào đấy, sự nghỉ ngơi của thân thể hoàn toàn lắm. Đến nhà anh Đề, chúng ta ngồi trên những chiếc ghế tàu nam đá vân. Đến nhà anh Phùng, chúng ta có những bàn ghế bằng gỗ khảm xà cừ. Đến nhà anh Minh, chúng ta nằm nghỉ ngơi trên những chiếc giường tây. Cùng lắm đến nhà bác Lý, chúng ta cũng có thể trải chiếu hoa trên hè gạch để trông trăng. Nhưng đến nhà tôi, các anh phải cúi lom khom người để chui vào một cái lều tối om om. Nền nhà bằng đất nên âm ẩm dưới chân. Một mùi mốc khăng khăng làm các anh nhăn mũi. Đứa con lớn của tôi, đau bụng thổ từ đêm, nằm trên cái vông nhuộm màu nâu căng từ đầu nhà nọ đến đầu nhà kia, chắn cả lối đi. Nó mặc một cái quần, một cái áo bằng thứ vải mà con sen nhà các anh cũng không thềm mặc. Dưới nó là một vũng bùn to tướng. Mặt tôi đã đỏ bừng. Và khi anh lại gần con tôi, cúi xuống để hỏi han, thì chỉ thiếu một chút nữa là khóc. Không, anh Kim à... Anh tốt lắm. Tay anh nắm lấy tay con tôi không một chút rụt rè. Anh đã khen: cháu trông ngoan. Anh đã hỏi bằng những câu rất dịu dàng. Lòng trắc ẩn đối với một người bạn khổ đã giúp anh những cử chỉ rất tự nhiên. Nhưng nghề nghiệp của chúng ta đã luyện chúng ta thành những người nhận xét rất tinh. Dù chỉ một cái run nhẹ của hàng mi, một chút ngáp ngừng rất thoáng nhanh trên một ngón tay, một gợn nhỏ trên nét mặt vô cùng bình tĩnh thì con mắt thấu suốt của chúng ta cũng không bỏ sót. Anh đừng chối, anh Kim ạ. Chúng ta phải là những người bạo nói. Tôi biết rồi. Tôi biết sau khi anh nắm bàn tay cháu, anh thầm ước một chậu nước sạch và một miếng xà phòng để rửa tay. Giá

anh cứ nói ra thì cũng được. Tôi sẽ cho sự ấy là tự nhiên lắm lắm. Nhưng anh cố nhin. Anh nhìn gian nhà mà bảo tôi:

- Cái nhà này còn tốt đấy chứ... Nhà có bốn, năm người thế này rộng chán!

Tôi biết trả lời anh sao được? Tôi chỉ cười. Tôi còn đang bận thu xếp chỗ, vợ tôi còn phải ẵm con bé cháu sang nằm nhờ hàng xóm. Tôi vắt cái màn ở giường ngủ lên. Bốn người trong bọn chúng ta ngồi. Còn hai người nữa thì đứng cho mát, bởi chẳng còn biết ngồi vào đâu cho hết.

Cũng may, trời tạnh ráo. Lúc ăn cơm, chúng ta có thể ra sân, trải chiếu trên mặt đất. Các anh tháo giầy ra, cời quần tây, để ngồi xếp bằng bằng. “Có làm quái gì cái vật ấy! Chúng ta ăn vẫn ngon là được!...”. Các anh bảo thế do lòng quý bạn. Các anh muốn cho tôi nghĩ thế. Tôi cũng bắt tôi nghĩ thế. Nhưng không được. Suốt đêm ấy tôi đã thức để hành tội tôi...

*

* *

Tôi còn phải khổ với tôi lâu lắm. Bởi biết đến bao giờ tôi mới có thể làm một cái nhà khác, rộng rãi và sạch sẽ hơn một chút! Tôi làm việc ghê gớm lắm. Tôi giết dần tôi đi để kiếm tiền. Nhưng sức người ta chỉ có chừng. Mà giá tre gỗ bây giờ thì tăng lên vô hạn. Nó tăng từ tháng này sang tháng khác. Cái đích của tôi thành cứ lùi xa mãi. Tôi

dự định độ hai trăm đã không đủ nữa. Phải ba trăm là ít. Vay nợ lãi thì tôi không dám. Đòi tôi, đã nhiều phen vay nợ lãi... Ngay bây giờ, tháng tháng lãi nợ cũng còn ngốn mất quá nửa số tiền tôi kiếm được. Nợ nó đẻ ra mau chóng lắm. Vay liều thì chết.

Nhưng một tai nạn đã xảy ra. Ấy là trận bão, tận lúc đã sang tháng chín. Nó xảy ra bất ngờ. Vợ chồng chúng tôi phải xông pha mưa gió, bế con đi. Chúng tôi đưa các cháu đi tìm chỗ ẩn. Lung tôi cõng đứa con lớn, vừa ốm dậy. Tay tôi cầm một con dao. Nhà tôi ẵm đứa con nhỏ theo sau. Gió thổi xiêu người. Mưa như những cái roi quất xuống đầu, xuống mặt chúng tôi túi bụi. Tôi phải chém những cành tre ngã xuống đường để phá một lối đi. Gai ở dưới chân, gai ở hai bên. Gai từ trên chĩa xuống. Chúng tôi phải nhắm mắt lại mà đi phứa. Người lạnh giá. Chân tê dại. Gai cắm vào chân, gai cào rách vai, rách má, chúng tôi cũng không còn biết nữa. Chúng tôi đi quên chết. Nhà tôi chúi người đi năm sáu lượt. Đến nhà ông nhạc tôi, thì chúng tôi kiệt sức. Con gái tôi xám ngắt. Nhà tôi không còn nói được. Tôi cũng thế. Cũng may mà sắn lửa. Chúng tôi ngồi sưởi. Trong khi ấy, hai ông bà ngoại ủ ấp và hơ cho hai cháu. Một lúc lâu, chúng tôi sưởi hoàn hồn. Chúng tôi phải trú lại nhà ông nhạc tôi một ngày một đêm.

Sáng hôm sau, gió ngớt. Gửi hai cháu lại, vợ chồng tôi về nhà. Cái nhà bị ụp rồi. Nó nằm ụp xuống, như một người già khuyu gối. Khó lòng mà còn bắt nó đứng lên được nữa. Sức nhà tre, mấy nả? Cái này đã lão. Nó đã qua

tay ba chủ. Tôi là bốn. Chỉ có gió to, nó đã có quyền đổ lăm hướng hồ gặp bão. Nó trung thành với tôi được đến bây giờ, kể đã là tận tâm tận lực. Tôi không nên ép nữa. Tôi biết thế. Nhưng biết làm sao được? Có những ông bố, những bà mẹ lụ khụ, chỉ vì thương con nghèo quá không chạy được tiền chôn cất mà không nở chết. Cái nhà của tôi sao nó không nghĩ thế? Nó sụp đổ vào lúc này, thật đã làm khổ tôi. Vợ tôi phát khóc. Tôi cũng ứa nước mắt. Tôi thương tiếc cái nhà của tôi như người ta thương tiếc một người vợ bị lâu ngày hắt hủi. Ấy là nói cho vãn vể. Thật ra tôi chỉ thương tôi. Tôi bỗng nhiên thành ra không nhà. Không những thế, vườn của tôi bị tàn phá hết. Bao nhiêu tiền của, bao nhiêu mồ hôi nước mắt đổ ra chăm chút cho giàn trầu, bụi mía thời thế là mất toi.

Không có cái khổ nào vô ích hẳn. Sau mấy ngày ngao ngán, tôi lại phải an ủi tôi như vậy. Bởi đằng nào tôi cũng còn phải sống. Đằng nào tôi cũng còn cần phải có nhà để ở. Vậy thì tôi không thể dằn dỗi với ông giới được. Ông giới không sợ ai dằn dỗi. Tôi gượng cười. Tôi bảo vợ tôi thế này: - “Thôi mình ạ! Cái nhà của ta đổ đi cũng phải. Nếu không đổ, bao giờ ta mới làm nhà khác? Ta đã do dự mãi. Bây giờ là lúc ta không còn phải so kè nữa...”.

Lẽ đương nhiên như vậy. Không làm nhà không được. Vậy thì chẳng còn phải nghĩ. Chúng tôi tính việc mua tre, mua nứa và thuê thợ. Không có tiền thì vay nợ lãi. Không vay không được, thì vay cũng không ân hận. Rồi tôi cố làm việc hơn trước nữa. Tôi sẽ giết tôi nhanh hơn trước nữa. Trước sau thì cũng chết. Ai cũng chết. Mà ai cũng chỉ chết một lần mà thôi. Sống sên so làm gì?

Tôi nghĩ liều. Nhưng sau một trận bão, không thiếu gì người phải nghĩ liều như tôi. Cũng vì thế mà tôi đã mua được một cái nhà rẻ quá, anh Kim ạ. Một cái nhà gỗ, có ba trăm bạc. Giá phải, thì năm trăm. May cho tôi lắm. Bởi chúng tôi đã tính: làm nhà tre bây giờ cũng phải tốn hai trăm đồng.

Kẻ bán nhà là một kẻ nhiều công nợ. Anh ta góa vợ. Anh ta phải nuôi hai đứa con thơ dại. Anh ta lại mới thua xóc đĩa ba, bốn canh mất tất cả đến hai trăm đồng bạc. Nợ người ta đòi rất quá. Trông vào mấy sào mía để bán đi trang trải thì mía đã bị bão làm tong cả. Anh ta tìm tôi và bảo tôi thế này:

- Tôi nghe nói: chú định làm nhà. Làm nhà tre bây giờ cũng phải hai trăm đồng bạc. Chú cố gắng lên chút nữa, tôi để cái nhà gỗ nhà tôi cho.

- Bao nhiêu thì bác bán?

- Ba trăm, đúng.

Cái giá này hơi lắm. Thấy hẳn thật thà, tôi ái ngại. Tôi hỏi hẳn:

- Bác bán đi làm gì?

- Chẳng làm gì sốt. Tôi trót thua cay quá. Chết thì chết, tôi cũng còn phải gỡ. Trường vốn thì dễ gỡ. Tôi bán cái nhà, lấy vài trăm đồng để gỡ vài canh, xem thế nào.

À! Nếu vậy thì tôi chưa lấy chi làm liều. Vay nợ lãi mà mua nhà là một cái liều bất buộc. Bán nhà để gỡ bạc mới là cái liều thực mạng. Đã liều thì phải chết. Chẳng

chết vì tay tôi thì chết vì tay người khác. Dù vậy, tôi cũng chưa nỡ cầm dao đâm hấn. Thành thực hay giả trá? Tôi đã can kể liễu lĩnh kia: Tôi tưởng bác không muốn ở nhà, hoặc cần tiền buôn bán nên mới bán nhà, chứ nếu chỉ bận để đi đánh bạc thì tôi can bác. Vào chiều bạc, khó mà biết trước, tôi chỉ sợ gỡ ra chẳng được, bác lại bậm mãi vào thì sao?

- Không có lý nào như vậy. Trước tôi thua, chỉ vì ít vốn, không dám đuổi. Trường vốn, không đời nào thua. Chú lấy giùm được là phần nhất, bởi vì tôi biết tiền chú sẵn, có thể xếp cho tôi chóng vánh. Nếu như không muốn lấy thì tôi để cho người khác.

Tôi ngẫm nghĩ: hấn đã muốn chết thì cho hấn chết. Tôi có quyền gì cầm hấn? Hấn không bán cho tôi thì bán cho người khác. Tôi để lỡ một dịp tốt là tôi ngu. Vậy thì tôi mua cái nhà.

Tôi chạy ngược chạy xuôi. Chỗ thì lãi năm phân. Chỗ thì lãi sáu phân. Cùng quá, tám phân cũng lấy liễu. Chỉ hôm sau là tôi đã có đủ ba trăm bạc. Đòi bên làm giấy má xong xuôi. Tôi trao tiền cho hấn. Vợ tôi đi mượn thợ để ngày mai dỡ nhà.

Chưa có thợ. Sau ngày bão, thợ làm nhà bận lắm. Cái nhà ba bốn hôm sau vẫn chưa dỡ được. Một người bà con với tôi, một buổi tối đến nhà ông nhạc tôi mà bảo tôi:

- Anh nên liệu dỡ phất về. Ba trăm bạc của anh, nó nướng hết cả rồi. Vừa ở nhà ra chúng nó biết nó có một số tiền to, chúng nó vây riết lắm. Ngay đêm hôm ấy,

chúng nó đã thịt cu cậu hơn trăm bạc. Cu cậu còn nhiều nợ lắm. Vườn cũng cố mất rồi. Nếu anh không dỡ nhà ngay, nó thua quá, đi đâu mất sợ lỗi thời cho mình.

Có thể. Nếu tôi chậm dỡ, sợ người khác hót tay trên. Đã đành rằng mình mua bán có làm văn tự. Nhưng tiền tôi đã cạn. Không lẽ lúc ấy còn kiện nhau. Vậy tôi phải cố thuê cho được thợ. Chỉ ngày mai là dỡ luôn.

Ngày hôm sau. Chúng tôi đến nhà hấn thì thấy hấn đang nằm thườn trên một cái giường tre, chiếu rách và bẩn thỉu. Đứa bé ngồi ngay dưới đất ôm lấy cái chân giường, rên. Nó đau bụng từ sáng sớm. Đứa con lớn vừa cạo nhạo vừa đám cho em thùm thụp. Tôi chào hấn. Hấn khẽ hé môi đáp lại. Chúng tôi nhìn nhau ngượng nghịu như hai kẻ thù nhìn nhau. Sao lại thế? Tôi không dám nhìn lâu hai đứa con của hấn. Hình như tôi thẹn với lòng tôi thế nào...

Tôi nhìn xuống đất mà bảo hấn:

- Bác làm ơn cho tôi dọn đồ đạc để cho người ta dỡ...

Hấn cười chua chát:

- Đồ đạc thì có gì mà dọn? Chỉ có một cái giường này. Cứ quăng bố nó ra ngoài kia cho tôi, rồi dỡ đi. Hấn đứng dậy mà bảo con:

- Chúng mày cũng đứng lên. Sang nhà bác Vi nằm nhờ.

Con chị phải quát, gắt gỏng với em một lúc, hai đứa mới lếch thếch công được nhau sang nhà bác Vi. Vẫn một đứa lau bà lậu bậu, một đứa oằn oại rên la. Thợ trèo lên mái, dỡ gianh quăng xuống. Tôi ngồi ở sân, trông họ...

Một lúc sau, chẳng biết đã gửi em cho ai được, đứa con gái lân la gần tôi, xem đỡ nhà. Tôi cố dịp trông gần nó. Nó gầy ốm quá. Cổ tay, cổ chân chỉ con con. Mặt chau chau. Quần áo rách lượt lợt. Hàm răng của nó cứ nhe ra một cách trông thương hại lắm. Tự nhiên tôi ngán ngẩm. Tôi thở dài một tiếng. Rồi tôi buột mồm hỏi nó:

- Từ sáng đến giờ, em đã có gì ăn chưa?

Nó không đáp, chỉ lắc đầu uể oải. Hình như nó đang bận nghĩ ngợi điều gì. Mắt nó nheo lại. Cái mặt nó cau cau. Có lẽ chỉ vì nắng quá. Nhưng tôi cứ thấy nó có vẻ thù ghét tôi lắm lắm. Tôi nhắc thầm trong trí: tôi không mua thì người khác...

Những mề, rui đã gỡ xong rồi. Người thợ mộc bắt đầu tháo gỗ. Tiếng đục kêu chan chát. Những tiếng rần chắc vang lên, lộng óc. Tôi thấy con bé con bưng mắt. Nó không nhe răng ra nữa. Đôi môi nó bặm lại. Hai má nó phình ra một chút. Cứ thế, nó chẳng nói chẳng rằng, chạy bình bịch sang nhà hàng xóm. Nó định làm gì vậy. Lòng tôi thắc mắc nổi lo không rõ rệt. Bỗng tôi nghe một tiếng trẻ con khóc nức nở và hờ:

- Mẹ ơi!...

Tim tôi động một cái giống như bước hụt. Rồi nó đập loạn choạng. Tôi hơi lảo đảo. Bây giờ thì tôi không lẫn trốn những ý nghĩ của tôi được nữa. Tôi ác quá! Tôi ác quá! Tôi phải thú với tôi nhiều rồi...

Phải, tôi ác quá, anh Kim nhì. Rồi đây, hồi hạn sẽ tủa một bóng đen vào trong cái nhà mới của tôi, rộng rãi và

sạch sẽ hơn cái trước. Những chiều đông lạnh lẽo, một con thạch sùng nấp trên một cái xà ngang, sẽ tặc lưỡi nhắc cho tôi biết: Tôi ác quá! Tôi ác quá!... Nhưng mà thôi anh Kim ạ! Nghĩ ngợi làm gì nữa? Ở cảnh chúng ta lúc này, hạnh phúc cũng chỉ là một cái chần hẹp. Người này co thì người kia bị hờ. Đâu phải tôi muốn tặc? Nhưng biết làm sao được? Ai bảo đời cứ khắt khe vậy? Giá người ta vẫn có thể nghĩ đến mình mà chẳng thiệt đến ai!...

1943

NHỮNG TRUYỆN KHÔNG MUỐN VIẾT

Trong số bạn thân của tôi, thế nào chẳng có người đã trách tôi:

- Lớp này hần đở đốn hay sao mà lại đem chuyện hần ra viết thế? Dơ đáng quá!

Vâng, dơ đáng thật. Chính tôi cũng đang trách tôi sự ấy. Nhưng biết làm sao được? Tôi đã hứa với tôi: chẳng bao giờ viết chuyện mình. Tôi sẽ chẳng bao giờ thêm đả động đến cái tôi, cái tôi là đáng ghét. Vẫn biết nhiều bạn đồng nghiệp khả kính của tôi không nghĩ thế. Suốt đời họ, họ chỉ toàn nói về họ. Họ phân tích tâm hồn họ. Mà họ làm thế nhất định không phải là vô ích. Nhưng họ khác, mà tôi khác. Cái nghề văn, kỳ nhất cái lỗi thấy người ăn khoai cũng vác mai đi đào. Khi người ta nói đến mình, là nhận ra rằng mình có một cái gì đáng nói. Còn tôi chẳng có gì. Tâm hồn tôi nó hơi nồng. Mà đời tôi thì không có chuyện. Cái tôi của tôi rất xoàng. Bởi tôi rất xoàng.

Trọn đời tôi, tôi chỉ lo chết đói. Như thế bảo còn nghĩ đến những cái to tát làm sao được? Nguyên vọng của tôi? Ấy là làm thế nào cho vợ có tiền đóng gạo, mua nước

mắm và mua ba xu thuốc chốc đầu của bà lang lùn về cho con. Không có mộng. Nói vậy sợ hơi quá quắt. Thật ra tôi cũng có chút mộng văn chương. Nhưng cái mộng ấy cũng hơi... khi khi. Tôi cũng muốn vừa có thể phụng sự nghệ thuật, lại vừa có thể kiếm tiền nuôi cả nhà. Nghĩa là tôi ham viết lắm. Nhưng giá thử viết mà không được một đồng xu nhỏ thì có lẽ tôi cũng ham vừa vừa thôi. Cái tôi của tôi sự thật thì nó bĩ ỉu như thế đấy. Thôi còn nói đến tôi làm gì? Tôi tìm những cái khác để mà nói vậy.

Thoạt tiên tôi viết chuyện một người đàn ông đã có vợ rồi. Đó chỉ là một người đàn ông rất vô danh. Hắn có thể là tôi, là anh, hay bất cứ một anh nào có vợ. Nhưng một anh bạn tôi vợ chẳng ngay lấy. Ông ta bảo tôi định nói về ông. Ông học hặc với tôi. Ông khuyên tôi chớ đem in. Đem in thì vỡ mặt. Tôi chót đại chưa học võ. Thôi thì đành chiều ông.

Tôi viết chuyện một con chó mực. Tôi thề rằng quả thật đó chỉ là chuyện một con chó mực. Nhưng truyện vừa in ra thì tôi gặp một thằng say. Hắn trợn mắt lên. Mắt hắn đỏ ngầu ngầu. Hắn lè nhè hỏi tôi: Sao lại bảo hắn là con chó? Rồi hắn chửi cho tôi một mẻ, vuốt mặt không kịp. Tôi ức quá. Nhưng rồi tôi lại cười. Tôi lẳng lẳng về nhà, lấy giấy bút viết chuyện một thằng say rượu.

Thằng say này say lắm. Nó uống rượu vào rồi nó chửi. Chửi lung tung cả. Thằng say nào chẳng vậy? Ấy thế mà có một bọn người rất tỉnh kêu bù lu bù loa lên rằng: tôi mượn rượu để chửi cả làng nhà họ. Và họ dọa tôi đủ thứ. Trời đất ơi!...

Vậy thì tôi còn biết viết cái gì? Một anh bạn khuyên tôi đừng dă động đến một người nào. Cứ viết chuyện buồn cau cây chuối, cục đất, buổi hoàng hôn hay con lợn. Nhưng biết đâu đấy? Tôi vẫn sợ. Tôi sợ có người nhận mình là buồn cau, cây chuối, cục đất, buổi hoàng hôn, hay là con lợn để mà không bằng lòng. Bởi thế, tuy chẳng muốn, tôi đành lại lấy tôi ra mà viết để cho yên chuyện.

*

* *

Vậy thì tôi viết chuyện tôi. Đó chỉ là những chuyện mà thật ra tôi không muốn viết. Bởi chuyện tôi thì bao giờ nghe cũng buồn.

Các bạn tính: thế này thì tôi không buồn làm sao được? Tôi ở Hà Nội về quê. Tôi nhớ vợ con. Tôi đang ao ước được trông thấy vợ con cho thỏa cái lòng một chút. Tôi vừa đi vừa tưởng tượng: “Mười lăm phút nữa, tôi tới ngõ. Con chó con của tôi quanh quách sủa. Tôi lên tiếng. Con tôi nhận ra tiếng bố, mừng rỡ reo lên. Vợ tôi tươi cười ra ngõ đón...”.

Vợ tôi ra đón thật. Nhưng y không tươi cười. Mặt y nhàn như mặt hồ phù. Cái mũi phình ra, nó chứa đầy khí giận. Đôi mắt thì long sòng sọc. Chúng toan nhảy vọt ra. Ghê gớm quá! Lại nghiêng răng ken két nữa. Tôi toát mồ hôi trán. Mắt tôi nhìn xuống mũi, mũi tôi nhìn xuống miệng, và miệng tôi thì bịt ra. Cái thằng tôi nó hèn thế đấy. Chẳng bao giờ nó dám nhìn nổi nguy vào tận mặt. Nó chỉ nhìn xuống đất. Để xem có cái lỗ nào thì chui lọt vào. Nó cứ tưởng nó là con giun.

Cố nhiên là không có lỗi. Mà có lỗi thì không chui lọt. Tôi đành đứng ỳ ra đấy. Vợ tôi càng ngứa mắt. Y găm lên. Y xóc váy lên trên đầu gối. Y giậm chân bỗ bỗ. Rồi y lại buông váy xuống. Y vừa nhảy cẫng lên như một con gà chọi, vừa vỗ tay đen đét mà xỉa xối vào mặt tôi:

- Đi chết đâu mà đi mãi thế? Sao không chết dăm chết gói ở đâu đi cho rồi? Còn về đây làm gì? Còn vác mặt về đây làm gì ỉ ỉ?...

Thôi chết! Chắc là y biết tôi lên Hà Nội có đi hát cô đầu rồi. Không biết đứa nào ghét tôi đã mách với y chóng thế? Cái quân ác thật. Nó giết người không gươm. Khốn nạn cho cái thân tôi quá! Nào phải tôi có đấm say gì cho cam. Tôi thể rằng từ thuở cha mẹ đẻ đến giờ tôi có biết cái xóm cô đầu nó ở chỗ nào thì tôi chỉ chết. Tôi mới đi lần này là một. Mà cũng chẳng phải vì cao hứng. Chẳng qua chỉ để chiều ý một ông bạn đọc quá hào phóng thôi. Nguyên hôm ấy tôi có chút việc đến chơi nhà xuất bản. Ông V. đưa cho tôi một tấm danh thiếp mang một cái tên với tôi hoàn toàn lạ...

- Ông này muốn gặp ông có một việc gì cần lắm.

Tôi quay đây nói nhờ cho gọi cái số có biên trên tấm thiếp. Ở đâu kia, tiếng oanh thỏ thẻ:

- Ông chủ tôi hiện lúc này mắc bận... Ông chủ tôi rất mong được tiếp ông vào lúc bảy giờ chiều hôm nay... Việc cần ạ, vâng, ông chủ tôi bảo cần...

Bảy giờ chiều, tôi đến. Tôi và anh sen nữa, để phòng có biến. Thì cái việc cần đại khái như thế này: Ông H. đọc sách của tôi. Ông thấy văn tôi, đoán tôi là một thằng... kháu lắm.

Ông muốn gặp. Gặp để cho biết. Còn bây giờ, thì cái việc cần, là đưa nhau xuống Khâm Thiên để nói chuyện văn chương cho thỏa lòng. Chao ôi! Một chút tình tri kỷ ấy, dẫu tan xương nát thịt để mà đền đáp chưa chắc gì đã đủ huống chi là phụ vợ trong vài ba giờ đồng hồ thôi? Tôi nhận lời ông H. Tối hôm ấy, anh sen rất ngây thơ của tôi và tôi đã được lạc vào động tiên. Nhưng có ông H. làm chứng! Chúng tôi ngồi trong nhà hát không quá mười lăm phút. Trống không biết đánh. Hạt dưa không biết cắn. *Cót-nhắc* không biết uống. Mà bọn cô đầu thì ác quá. Họ cạy họ có quần áo đẹp, tóc uốn quăn, họ cứ nhìn cái đầu thợ nhà què xén vụng của tôi mà cười. Mặt tôi đỏ như. Huống chi lại còn có bao nhiêu khách của ông H. nữa. Toàn những phú thương cả. Họ nhìn chúng tôi chòng chọc, như cố nhớ xem có phải chúng tôi đã có lần rụt rè đến nhà họ xin một chân đánh máy hoặc bán hàng hay không? Mặt chúng tôi rôm rộm. Người chúng tôi ngay đơ, cứng nhắc. Bởi thế, khi bắt đầu tiệc rượu chúng tôi đứng lên xin kiếu và anh em dắt nhau ra về. Tôi thể đã kịp chấm đến một cô em nào thì giờ cứ làm cụt tay!... Ấy thế mà cái đứa nào ác nghiệt đã phải vội đem chuyện về cho vợ tôi nó biết. Tôi cãi làm sao bây giờ? Tôi cứ ngáy mặt ra như cán tằm. Y lại chỉ vào mặt tôi và bảo:

- Hôm nọ thì còn mãi đi chết đây, chết đó. Hôm nay mới lù lù vác xác về. Còn về làm gì nữa? Cả nhà có một cái vé sợi nó nuốt trôi mất rồi.

Ô... ra thế... Tôi hoàn hồn. Tôi lau mồ hôi trán, mặt thư thái, hỏi:

- Vé sợi nào? Người ta chưa biết đầu đuôi xuôi ngược ra thế nào thì đã làm sôi sục cả lên.

Vợ tôi cười gằn, bảo:

- Vé sợi khai hồi năm ngoái, chứ còn vé sợi nào? Nhà mình có một vé, không về mà nhận lấy, nó nhận tranh mất rồi.

- Tranh làm sao được? Còn tên mình ở đấy.

- Tên mình ở đấy nhưng nó lại bảo là tên nó thì làm gì nó tốt? Mình là thằng Cao, nó cũng là thằng Cao.

Tôi ngẩn người. Tôi giận cha tôi quá, sao người chẳng đặt cho tôi cái tên hiểm hóc để chẳng trùng tên ai? Nhưng sự đã trót, còn biết sao? Tôi tặc lưỡi bảo vợ:

- Thôi! Đứa nào nuốt được thì cứ nuốt. Cả năm ngoái, mình không có vé sợi, khung cửi để mốc meo, cũng không chết mà... chúng nó ăn lắm thì phình bụng ra.

Vợ tôi không thêm đáp lại. Y xì môi ra và nguýt tôi. Tôi cười. Bởi tôi cũng biết tôi nói thế là nói bướng. Nghe sao lọt? Ai chẳng biết: không có vé sợi cũng không chết đói? Phải, chết thì không chết. Nhưng mà gầy. Sự thực thì cả nhà tôi gầy. Tôi, cái ấy đã dĩ nhiên: tôi vẫn gầy. Con tôi thì cũng vậy: bởi nó là giống tôi. Nhưng vợ tôi, vẫn có tiếng là phì nộn, lớp này xem ra cũng khô hạc lắm. Ăn đói luôn, còn gì? Tôi nhìn vợ tôi mà thương hại. Tôi an ủi thế này:

- Thôi, mình ạ. Ta không có sợi thì đi dệt thuê cũng được. Chẳng được cơm thì được cháo. Còn tôi cố cầm đầu viết suốt ngày. Máy trăm bạc nợ lãi trả hết rồi, chỉ còn xoay gạo thôi thì đỡ lo.

Vợ tôi lại bĩu môi ra, nghiêng nghiêng cái mặt:

- Hừ! Coi thế mà buồn!... Có đến đời sang tiểu sành thì hết nợ!

Tôi dịu dàng:

- Trả mãi cũng phải hết. Đừng lo.

- Ấy là nói thế, chứ tôi lo làm sao được. Tôi chỉ mặc. Không có tiền thì còn đói. Tôi đói đã quen đi rồi.

- Được, được. Mình mặc tôi.

- Chỉ được cái nói thì ra bộ lắm!

Y không buồn nói nữa. Y vung vẳng chạy sang hàng xóm.

Vùng vẳng thế, nhưng bụng y tốt lắm. Bởi y đi vay gạo. Y biết tôi đã đói. Tôi cảm động. Tôi càng náo nức để kiếm tiền trả nợ. Tôi tháo giày, cởi áo ngoài rồi ngồi vào bàn viết. Không nên để phí một tí thì giờ nào cả. Từ giờ đến lúc được ăn cơm, may ra được vài, ba chục đồng...

Tôi gọi cảm hứng về. Ngoại vật mờ mờ. Tư tưởng đến như một đàn ong, mới đầu còn lẻ tẻ, rồi đông hơn, rồi xôn xao. Chúng ngùn ngụt trong đầu tôi như một thứ rượu mới lên men. Bộn rộn và rối rắm biết bao! Tôi sắp sửa khơi nguồn cho những ý nghĩ có đường thoát ra đầu ngọn bút... Thì tiếng vợ tôi the the:

- Giời ơi là giời! Có chồng con nhà nào thế không? Chỉ vác cái mặt lên như con trâu nghênh suốt ngày. Chẳng nhìn rõ đến cái gì. Để cho con ăn đất ngoài sân kia kìa!...

1942

CƯỜI

Quả như lời hần đoán, thằng bé khóc chán rồi lặng thật. Có lẽ bây giờ thì nó nhọc quá, đã ngủ say như chết, không khí trở nên thư thái quá. Chỉ còn thấy tiếng văng đưa ken két khoan thai và đều đặn như tiếng tích tắc của một cái đồng hồ thật to...

Thằng này khá lắm đấy! Nó mới sinh ra đã có cốt cách của một dân nhà báo: thích kêu gào lắm.

Hần nghĩ về đứa con như vậy. Bởi vì hần vốn là một người vui tính. Hần ưa hài hước. Hài hước một mình thôi. Hần thích tìm ra những ý nghĩ ngộ nghĩnh để cười một mình. Nhất là những khi hần vừa gặp việc gì cẩu kỉnh. Khi người ta cẩu, mặt người ta co rúm lại. Cổ người ta bị tắc. Máu tiết ra chất độc. Có hại cho sức khỏe ghê gớm lắm đấy! Nhưng nếu ngay lúc ấy người ta cố mỉm cười một cái thì mọi sự tiêu tan hết. Mặt tươi ra. Có thoáng thoáng chất độc trong người theo hơi thở thoát ra ngoài hết. Người trẻ lại. Nụ cười chính là một vị thuốc tiêu đàm, tẩy độc, lượng huyết và bổ tâm, bổ phế, bổ tì, bổ vị, bổ can, bổ thận, chẳng cái gì không bổ. Tiên dược đấy. Nó

cải lão hoàn đồng rất mạnh. Mà không tốn kém một đồng xu nhỏ. Chỉ cần nhếch môi một cái. Dễ dàng hết sức. Vậy thì tội gì mà không cười. Cứ cười đi, cười nhiều đi...

Hắn cười. Mặt trăng cười với hắn. Ấy là một khuôn mặt đàn bà phúc hậu đầy đặn, tươi tỉnh, da tươi mát, phẳng phiu và sáng sủa. Ánh trăng xanh phớt thấm vào da hắn như một chất kem. Chính là sự bình yên tỏa ra từ cái linh hồn dịu dịu của trăng. Trăng rất hiền hòa, rất êm đềm, rất vỗ về và an ủi. Nếu trăng là đàn bà thì đàn bà ấy thật hoàn toàn. Hắn nhìn trăng mà ao ước quá!...

Trong đời hắn có hai cái mà hắn ghét hơn mọi cái: tiếng trẻ con khóc và tiếng đàn bà gất gồng. Cũng bởi ghét hai thứ ấy cho nên có nhiều lúc hắn nghĩ rằng: loài người còn kém xa loài vật. Ở loài vật, như giống chim chẳng hạn. Những con chim con có bao giờ khóc đâu. Chúng chiêm chiêm kêu nhỏ nhẹ, một cách rất ngoan, rất đáng yêu. Những con chim cái thì ấp trứng, nuôi con rù rì với chồng, ria lông chồng một cách âu yếm quá. Con không quấy vời vĩnh mẹ. Mẹ không nghiêng ngấu con. Hòa bình và hạnh phúc tỏa bóng mát vào trong cái nhà bé nhỏ của chúng. Giá tất cả trẻ con đều hiểu rằng: chúng sinh ra là để bi bô, để chim chim, đi chợ, làm cò bay hay những trò ngây ngô tương tự như thế chứ không phải để dụi mắt, để dỗi hờn, để khóc the the đến làm bố phiền người lên được. Giá tất cả đàn bà đều hiểu người ta cưới họ về là để họ đem cho người ta những nụ cười, những cái vuốt ve, những lời nói nhẹ nhàng, khả dĩ khiến người ta nên quên mệt nhọc và chán nản chứ không phải chuốc lấy

những lời căn dặn và một bộ mặt suốt ngày nhăn nhó như mặt nạ. Con hấn với vợ hấn không hiểu thế. Con thì hơi một tí đã nhè mồm ra khóc. Vợ thì động thấy con khóc đã quát tháo, rửa con và rửa luôn kiếp mình. Mỗi lần thế hấn khổ hơn bị người ta chạt cổ. Hấn muốn đập một cái gì cho đỡ tức. Nhưng đập ra lắm thì chỉ thiệt. (Thời buổi này, một cái niêu đất cũng phải hai hào chỉ...). Hấn đành nén giận vùng chạy ra ngoài, chạy thật xa, vừa chạy vừa bịt chặt hai tai như một đứa trẻ con sợ pháo. Nhưng vốn giữ gìn sức khỏe, không bao giờ hấn dám tức lâu. Bực tức hại người. Gặp lúc khó khăn, thức ăn tấm bố đã chẳng có, hơi đâu còn chuốc lấy những nỗi cău kỉnh để phí sức đi. Ốm một cái, phải uống độ một chục thang thuốc bây giờ là mất nghiệp. Bởi thế mỗi lần tức giận, hấn vội tìm ngay ra một ý gì ngộ nghĩnh để mà cười cho đỡ khổ. Hấn nhìn trăng mà cười...

Khi thấy mình đã thật bình tĩnh rồi, hấn vào nhà. Con hấn đã ngủ khì khì. Vợ hấn được nằm yên nghỉ tư mơ. Những lúc thư nhàn, người đàn bà họ thường có những giấc mộng đẹp vô cùng. Cứ mộng, cứ mộng và để cho hấn yên thân một chút. Nhưng vợ hấn không mơ mộng. Thị đang nhắm tính những món tiền này tiền nọ. Vậy thì hấn đã yên thân thế nào. Hấn nhẹ nhàng đặt mình nằm ngửa xuống giường, hai tay mềm mại buông xuôi, thờ đều đặn và chậm chậm, tốt cho sự tuần hoàn và bộ thần kinh lắm đấy. Tối nào trước khi ngủ, hấn cũng thờ hai mươi hơi như vậy, rồi thì hấn nhắm hai mắt lại, tập trung tư tưởng. Hấn bắt đầu tự bảo: "Tôi khỏe lắm, tôi vui lắm. Tôi sung sướng lắm. Vợ tôi thật đáng yêu". À, cứ vậy mà ăn câu

đấy. Đó là phép tự kỷ ám thị. Hấn cứ cố kêu thế mãi, tất có ngày hấn sẽ khỏe lắm, vui lắm, sung sướng lắm, và vợ đáng yêu lắm thật. Nhưng điều cần là phải đặt tin tưởng và cả quyết vào ý nghĩ cho mạnh mẽ và rắn rỏi. “Tôi khỏe lắm, tôi vui lắm, tôi sung sướng lắm, vợ tôi...”.

- Cái gì?

Hấn đột nhiên tắt ý nghĩ và để vọt ra miệng câu hỏi ấy. Bởi vì hấn mang máng nghe như vợ hấn vừa hỏi gì vậy. Bị quấy rối, hấn hơi cau mặt. Câu hỏi cụt ngắn có vẻ hơi gắt gỏng. Vợ hấn tức thì gắt lại:

- Điếc hay sao thế? Người ta hỏi sáng mai gọi người vào bán đi năm thùng thóc nhé?

Bán đi năm thùng thóc? Thế là còn có hai mươi thùng nữa. Hai mươi thùng ăn từ nay đến Tết, có lẽ ngoài Tết, đến tận vụ chiêm sang năm nữa, bởi vụ mùa nhà không có ruộng mà tiền để đóng thì đã chắc gì tháng mười này có? Con mụ này nó mới điên đấy hấn. Hấn đã thấy máu đưa lên cổ, nhưng cố nín. Hấn lặng im không đáp. Không đáp tức là hấn tức. Nhưng tức cái gì mà tức? Vợ hấn hỏi bằng một giọng ôn tồn giả hiệu:

- Mình có bằng lòng hay không bằng lòng?

- Tôi không biết. Muốn bán bằng nào thì bán, bán cả đi cũng mặc. Đừng hỏi tôi.

Buồn cười chưa, có vậy mà cũng gắt như mắm thối. Đã muốn gắt thì cho gắt. Người đàn bà nghĩ thế. Và thị khinh khỉnh bảo:

- Không bán, không lấy gì mà đưa trả lãi nợ cho người ta được. Người ta chẻ vào xác ấy. Lại còn tiền đóng họ, tiền nợ vật, tiền lương tháng, tiền nộp thuế, tiền ba chén thuốc lấy cho thằng cu hôm nợ... Bao nhiêu là thứ, người ta làm rồi lên như canh hẹ. Mình ngồi nhà cứ tưởng vợ con sung sướng lắm. Có biết đâu vợ hơi bước chân ra đến chợ, người ta đã xúm vào nói như đổ mё vào mặt. Ai chịu được?

- Thì ai bảo mình không bán. Bán ngay cả nhà đi tôi cũng mặc. Cấm bao giờ mình nói với tôi được một lời tử tế. Mình tưởng tôi ăn hoang phá hoại, sung sướng lắm. Mình không biết tôi khổ đêm khổ ngày...

- Ai bắt mình khổ mà mình khổ?

- Giời bắt đấy. Nhà tôi kém phúc đức nên tôi khổ.

Ấy thế là hai vợ chồng cãi nhau. Thằng bé thức giấc, the the khóc. Nhà um lên những tiếng điếc lác, dằn vặt, hắt hủi và khóc lóc. Kết cục thì người vợ nhìn. Anh chồng không nói nữa nhưng vẫn còn tấm tức. Tận canh ba đêm ấy hấn vẫn chưa ngủ được. Hấn giờ mình quay mặt nghiêng ra cửa. Ô kia, trăng vẫn cười... Hấn tự nhiên bên lên. Hấn không dám nhìn trăng nữa. Một phút như thế ấy. Rồi-hấn lại ngược mặt lên vằng trăng trong trẻo và mỉm cười với trăng.

Sáng hôm sau vợ hấn vừa mở mắt đã thấy hấn quần áo chỉnh tề. Thị không ngạc nhiên. Hấn bảo ngay:

- Tôi đi ra tỉnh.

Thị sa sầm mặt. Bởi vì thị chẳng còn lạ gì cái mánh khóe này của hấn. Mỗi lần cãi nhau với vợ xong, thế nào

hắn cũng bỏ nhà đi luôn bốn năm hôm. Đi rất lẳng lặng, thường thường, nếu còn tiền, hắn đem hết đi để ăn uống chơi bởi thật thỏa thuê, ra bộ nghĩ “đã chẳng ai thương mình thì mình cũng nên thương lấy mình một chút, tội gì mà khổ!”. Nếu nhà chẳng còn đồng xu nào thì hắn cũng đi, nhưng đi đến mấy nhà người quen. Hắn nằm khăn ở nhà người ta vài ngày để tán róc với nhau. Các bạn hắn, ai cũng chuộng hắn bởi hắn có một cái tính gàn gàn ngộ nghĩnh, lộ ra bằng những câu chuyện nửa dở hơi nửa thông minh, rất hời hợt mà cũng rất sâu sắc nữa. Vả lại, tuy người ta đều biết hắn nghèo, nhưng chẳng ai ngờ hắn đến nhà người ta để đợi ăn. Bởi vậy, đến nhà ai hắn cũng được tiếp đón rất hân hoan. Giả thử hắn cứ vắng nhà đến nửa tháng cũng không lo chết đói. Hơi một tí là lằm lằm lỳ lỳ dọa đi ra tỉnh. Vợ hắn cau mặt bảo:

- Muốn đi đâu thì đi.

Hắn không gặt lại, nhưng ngược đời mắt buồn râu lên nhìn vợ một cách oán trách. Bởi vì lần này hắn không có ý đi lẳng lặng như những lần trước. Những lần trước, hắn tránh nhà đi mấy hôm là do muốn tẩy nỗi bực tức cho thật sạch, chẳng qua cũng như những người mệt nhọc đi đổi gió. Nhưng lần này hắn không còn bực tức. Đêm qua nằm nghĩ ngợi, hắn xét ra rằng: vợ hắn không đáng trách, khi đầu người ta lúc nào cũng rối tung lên vì trăm thứ tiền, trăm nghìn công việc phải lo toan, rồi lại còn phải luật quật suốt ngày, chẳng ngơi chân ngơi tay một chút nào, mãi miết cả trong lúc ăn, thế mà đêm đến cũng chưa được ngủ yên lành, còn bị con quấy rối, lúc khóc, lúc giãy, lúc day vú như con chó day giẻ... thì người ta bình tĩnh làm

sao được. Người ôn hòa đến đâu cũng phải sinh ra gắt gỏng. Trước kia vợ hắn có thế đâu? Bây giờ chỉ cần cho thị đỡ vất vả, đỡ lo lắng, có chút thì giờ nghỉ ngơi thì thị lại vui vẻ điếm đạm ngay được đấy. À, nếu vậy thì sao hắn không đi tìm việc làm kiếm tiền giúp đỡ gia đình? Nấn ná đến bao giờ? Thấy thuốc bảo hắn cần phải nghỉ ngơi ở nhà quê. Nhưng cúi đầu mà nghe mấy ông thầy thuốc, cẩn thận quá đến thành lảm cẩm. Người ta chết được thì cũng khó. Vả lại chết vì bệnh không đáng sợ. Ta nên sợ cái chết trong lúc sống, cái chết đáng buồn của những người sống sờ sờ ra đấy, nhưng chẳng dùng sự sống của mình vào công việc gì...

Tối mịt hôm ấy hắn mới về đến nhà. Người thấy mệt nhoài nhưng lòng thì vui vẻ lắm. Hắn nhất định nếu có thấy con đang khóc, vợ đang nghiêng ngáu thì cũng không tức tối. Tình cờ thế vào cảnh nhà mà lúc ấy lại yên vui. Mẹ đang rầu rí con. Hắn đứng lại bên ngoài cửa bếp và nghe...

- Con gọi thầy đi... Thầy ơi! Thầy, thầy! gọi đi, thầy may bây giờ lại cười với cô tân thời rồi!

Giọng nói âu yếm quá. Có lẽ lúc bấy giờ người thiếu phụ đang nghĩ đến chồng với những ý nghĩ rất dịu dàng. Thị nói với đứa con chưa hiểu biết gì để có cớ mà nhắc đến chồng yêu. Hắn cảm động đến thấy mi mắt ướt... Đột nhiên, hắn đẩy cửa bước vào. Vợ hắn giật mình. Chợt nhận ra chồng, đôi mắt thị sáng hẳn lên vì mừng rỡ:

- Minh!

Thị buột miệng reo lên một tiếng rồi cúi đầu bẽn lẽn. Có lẽ thị sợ vợ chồng hãy còn giận nhau ban sáng.

Hắn mỉm cười chế nhạo, vợ hắn cũng bật cười, luồn hắn. Hắn khoe ngay:

- Mình không còn lo nữa nhé. Nay mai tôi đã có chỗ làm rồi.

Thị ngạc nhiên:

- Làm gì?

- Dạy học.

- Hừ, không dạy... Mình còn yếu lắm, cứ nghỉ cho bao giờ thật khỏe, vả lại lần này có khỏe rồi cũng chẳng để cho mình đi dạy học. Dạy học hại người lắm...

- Ô, vẽ chuyện...

- Vẽ chuyện à? Đốc tờ họ bảo...

Hắn cười âm ỹ:

- Đốc tờ, đốc tờ. Thôi đi, tôi lạy các ông đốc tờ cả nón... Tôi bất cần đến các ông đốc tờ, tôi chỉ cần tiền thôi. Tôi cứ đi dạy học.

- Thế mà cũng nói...

- Chứ không à? Chỉ ba hôm nữa là tôi đi.

- Không đi nữa!

- Cứ đi.

- Cứ đi là thế nào. Tôi có để cho mình đi, tôi chết.

- Cho mình chết.

- Ô hay, mình rửa tội đất à? Mình mong tôi chết lắm?

- Tôi mong lắm. Sống mà cứ cau có như khi thì cũng nên chết đi cho rảnh.

Ấy thế là người đàn bà đã thấy ứ máu lên đến tận cổ. Thị cũng biết rằng chồng nói đùa. Nhưng câu nói đùa chứa đựng rất nhiều ý trách móc. Và có lẽ cả sự mong mỗi ngấm ngấm nữa. Thị tủi thân quá, đến nỗi nghẹn ngào không nói ra tiếng được. Một phút sau thị mới bật ra được một lời uất ức:

- Chết thì chết. Mình tưởng tôi sướng lắm đấy, mà còn câu sống lấy năm mười năm nữa, kéo thế này chưa già đời.

Thị oán chồng vậy. Thị muốn nói cho chồng biết chính vì chồng mà thị khổ. Sự ấy lại hình như đúng mới chết anh chồng chứ! Anh ngấm ngấm. Anh cực, anh cực quá. Giờ bắt anh ốm đau đến thành một phế nhân ăn hại vợ, tự anh lấy làm cực lắm rồi. Còn đợi ai phải nói. Ấy thế mà thị nữ lòng nào nói trắng ra. Có phải thị sĩ nhục anh không? Thật thị tàn nhẫn quá. Mắt anh đỏ lên như miếng tiết. Anh run run giọng bảo:

- Đừng nói nữa... Mình không cần phải nói thế đâu... Tôi biết rồi.

- Biết rồi là biết làm sao?

Người đàn bà vận thế. Cứ vậy, tiếng bác đưa đi, tiếng chì quẳng lại, mỗi người chỉ nghĩ đến sự quá quất của mình. Cũng không ai chịu nhớ rằng: ngoài những lúc giận nhau, họ là một cặp vợ chồng rất tốt. Chồng thương vợ,

vợ thương chồng, đôi bên luôn luôn tìm cách làm cho nhau đỡ khổ. Họ chỉ còn biết nói cho thật chua chát, nói thế nào cho người nghe thật tức, thành thử cả hai cùng tức lắm. Họ đều to tiếng. Và kết cục thì người vợ hăm hăm bế con vùng vằng chạy vào buồng. Anh chồng ngồi cắm mặt ở nhà ngoài, mím chặt môi để nuốt giận ở trong. Giận thật, ờ giận thật.

Nhưng bỗng nhiên anh cười khanh khách. Bởi vì anh chợt nghĩ rằng: vợ anh nghiện cãi nhau, nếu không được cãi nhau thì đời thị sẽ buồn lắm lắm. Vì vậy anh yêu thị cũng nên. Ở nhà để thỉnh thoảng cãi nhau với thị. Cãi nhau hai người thì mới đúng phép và mới thích; cũng như đánh quần vợt, đánh cờ hay đấu kiếm, một người không thành cuộc...

Anh cười rữ rượi, cười ngật nghẽo.

Ấy là anh dùng đến liều thuốc giải uất dùng mọi khi: tiếng cười.

1943

QUÊN ĐIỀU ĐỘ

Đấy không phải là một người điều độ vì điều độ. Hài điều độ vì bất buộc - Hấn không có sức dư để bừa bừa - Hấn cũng không có tiền - Hài mới hăm nhăm. Cái tuổi đương xuân, cái mạch máu đầy căng. Ngực phồng lên. Đôi môi chẳng chán cười. Bắp thịt dẻo nên chân đi không biết mỏi. Dạ dày có thể giãn ra như một cái túi cao su. Đôi mắt nhìn khoái trá như ăn. Ham muốn là một cái phều chẳng đặt vào đâu. Tin tưởng mạnh ngay với đôi tay cứng cáp. Bởi vậy chẳng cái gì có thể gọi là thái quá. Ấy là nói cái lúc đương xuân của những thanh niên khác. Không kể Hài.

Hài đương xuân mà không biết cái sướng của người lúc đương xuân. Hấn có bệnh tim. Hấn lại đau phổi nữa. Ông bố hấn là một người nghiện rượu. Bà mẹ hấn chết non vì bệnh sản hậu hao. Hấn yếu ngay từ lúc chửa sinh ra. Đã thế nuôi nấng lại sơ sài. Hấn không chết yếu cũng là may đấy. Năm hấn lên sáu, thấy hấn hiền, người ta đoán: thằng này học được đấy, nó không ham chạy nhảy như con nhà khác. Người ta nhốt hấn vào lớp. Ông thầy

quát mắng. Ông thầy đánh đập - Hấn nhất nên chăm chỉ - Học chẳng có gì là lành lợi nhưng hay thuộc bài.

Năm hai mươi, hấn đậu bằng tốt nghiệp thành chung. Năm hăm mốt hấn trúng tuyển kỳ thi thư ký vô tuyến điện. Bao hơi sức đã phí đi để tranh một việc làm. Còn sức đâu mà làm việc? Chưa qua được thời kỳ tập sự Hải đã ốm. Hấn xin thôi việc. Không có tiền để nằm ở các bệnh viện, hấn về quê để chạy chữa. Ở nhà quê có đủ cơm ăn là may. Tiền đâu để thuốc thang? Hấn chỉ chữa bệnh bằng nghề sống, bằng nước rau má tía, bằng nước tiểu trẻ con. Ba môn ấy của ba người. Mỗi người mách một môn, chẳng biết ai hay, hấn dùng cả ba môn một lúc. Được cái những vị ấy không đắt lắm. Nghệ có sẵn ở trong vườn. Rau má tía mọc hàng rừng ở vệ đường, trẻ con thì nhà nào cũng có, trẻ nhà nào cũng biết đi tiểu cả. Được đi vào một cái cốc thì thú lắm. Chúng không đòi tiền... Cũng nhờ vậy mà Hải dùng ba môn thuốc trên này được khá lâu. Đến ba năm. Ấy thế rồi hấn khỏi. Tự nhiên mà khỏi. Hay không khỏi thì cũng vậy. Bởi có những cơ thể lâu ngày quen với bệnh. Bệnh vẫn còn ở đấy nhưng người vẫn không chết gì.

Có lẽ Hải cũng thế chăng? Hấn đợi chết mà không chết. Ấy thế là hấn tin ngay rằng hấn không chết nữa. Người hấn khỏe. Khi người ta tin rằng mình khỏe thì người ta khỏe lắm - Ấy thế mà Hải có cái bằng tốt nghiệp thành chung. Hải có quyền mở một cái trường tư. Hấn xin phép mở. Mở trường tư cũng phải là một người đủ sức. Người ta đòi một giấy chứng nhận của đốc tờ. Hải phải đến phòng khám bệnh của một y sĩ xin một tờ chứng chỉ.

Viên y sĩ nghe tim. Ông đã lắc đầu rồi. Nhưng bởi tò mò ông nghe thêm phổi nữa. Ông trở đầu mặt thật to nhìn Hải. Nhìn một lúc khá lâu mới bảo:

- Ông có bệnh.

Hải thốt nhiên lại thấy mình ồm yếu. Hắn tái mặt. Viên y sĩ tiếp.

- Ông tim đau nặng. Phổi cũng không được lành.

Hải đứng ngay người không nói được, hắn gần muốn khóc. Viên y sĩ phải nói cho hắn hiểu:

- Thế nghĩa là tôi không thể chứng nhận rằng ông khỏe, ông đừng dạy học.

Hải hoảng hốt. Đừng dạy học! Thế thì hắn làm nghề gì kiếm ăn? Hắn năn nỉ:

- Ngài thương tôi, tôi nghèo lắm. Tôi cần phải kiếm tiền để sống.

- Tôi biết. Nhưng còn lương tâm nghề nghiệp... ông mà dạy học thì ông chết mau lắm đấy.

Hải cười gượng:

- Chết mau nghĩa là chưa chết. Nếu tôi không dạy học thì chết ngay, bởi không ai có thể sống mà không ăn.

Lý luận cũng hay hay. Nhưng viên y sĩ không để cho mình bị cám dỗ. Ông khăng khăng từ chối, Hải phát khóc. Hắn đành nói dối:

- Ngài thương cho. Tôi xin hứa chỉ đứng làm hiệu trưởng trông coi chứ không dạy học.

- Không có lý!

- Tôi xin hứa... Ngài thương cho!...

Mặt Hải lúc ấy chắc làm thâm lăm. Bởi viên y sĩ đã thành ra do dự, sau cùng ông tắc lưỡi ngồi vào bàn giấy.

- Tôi nể quá! Nhưng thật là tôi giết người.

- Ngài đừng lo.

Tôi chứng chỉ xong rồi. Viên y sĩ đưa cho Hải và bảo:

- Ông nghe tôi. Đừng làm việc lăm. Nếu ông làm việc ông không sống lâu được đâu.

Hải muốn cảm ơn. Nhưng ông đã vội xua Hải ra như xua một điều hơi hận. Ra đường phố, Hải buồn rầu rĩ. Hắn đau tim. Hắn đau phổi. Hắn không thể làm một việc gì nặng nhọc... Cái đời hắn chỉ là một cái đời vất vả. Thà chết ngay đi cho rồi!

Phải, thà chết ngay! Hải nghĩ thế để có can đảm mà dạy học, thật ra cũng chẳng cần can đảm. Hắn không dạy thì chết đói. Thiếu gì kẻ chẳng lấy gì làm can đảm vẫn phải bán dần dần sự sống đi để giữ cho mình khỏi chết. Có lẽ chết đói là một cách chết mà chúng ta sợ nhất trong bao nhiêu cách chết. Ta có thể liều chết mà kiếm ăn.

Hải cũng vậy. Hắn tự nhủ: sống như mình vô ích quá! Thà cứ làm việc cho chết quách. Nhưng đồng thời lại nghĩ: ta cần vệ sinh. Có như vậy thật, Hải thật là một người vệ sinh. Hắn ăn có chừng thôi, và chỉ ăn rau. Rau đã lành lại rẻ. Không bao giờ uống rượu. Chỉ uống toàn

nước lã. Uống nước lã đun sôi vừa lành mà thanh đạm lại không tốn một đồng xu nhỏ. Hấn không hút thuốc lòn, thuốc lá. Hấn không đi xem hát, xem chớp bóng để thì giờ mà ngủ. Hấn không đi xem để dùng cách đi bộ làm thể thao. Sự vệ sinh xem ra cũng rẻ. Thật hợp với một người không có tiền. Người điều độ chính là một người khôn ngoan.

*

* *

Và Hải sống dè sẻn lắm. Trong khi dè tiền hấn dè luôn sức khỏe. Hoặ hấn dè sức khỏe để dè tiền, hai đằng cùng thế cả. Cái kết quả thật là tốt đẹp. Cái lối sống chất bộp chịu mãi cũng quen đi. Cũng như bệnh phổi và bệnh tim.

Nhưng một buổi tối. Hải đã gặp lại một người bạn cũ. Lúc ấy đèn phố vừa mới bật. Người tấp nập, các màu áo rộn ràng. Hải thật là một vật tối giữa đám đông tươi vui ấy. Hấn đi lúi thủi. Đầu hấn cúi. Đôi vai cụp xuống. Hôm ấy là đầu tháng. Cũng như tất cả những buổi tối đầu tháng khác, hấn đang đi thẳng đến một hàng tạp hóa để mua một lạng phẩm tím để pha mực. Đây là mực của học trò trước kia. Mực học trò viết, học trò phải đem ở nhà đi. Như thế rất lười thôi. Bởi vì chúng đánh đổ luôn. Hải bền bảo chúng góp cho thầy mỗi tháng một xu. Thầy đi mua phẩm lạng về pha. Tiện cho chúng mà thầy cũng có lợi đôi chút nữa. Lợi dăm sáu hào gì đó, Hải đã tính. Nhưng hấn hay quên lắm. Hấn không còn nhớ rõ hấn lợi được sáu hào mấy hay năm hào mấy. Và bởi vì hấn không lúc

nào chịu rồi, nên hắn lại đang nhẩm tính lại xem cái số lợi ấy là mấy hào, mấy xu... Bỗng hắn bị một người nắm lấy vai. Hắn giật mình. Một thứ tiếng trọ trẹ Sài Gòn đã kêu lên:

- Ủa! Anh Hải!

Hải đáp ứng.

- Trời đất ơi! Trời đất ơi!

Thư vừa nói vừa đập vào vai Hải bồm bộp. Tính anh như vậy. Anh bỗng bật. Trong lúc mừng rỡ quá, mặt anh đỏ bừng lên. Mắt anh loang loáng. Hải thì bình tĩnh hơn một chút. Nói là chậm chạp thì cũng được. Hắn có vẻ như mệt mỏi. Bởi hắn đã già đi một chút, cái nghề dạy học làm người ta chóng già. Thư nắm lấy cánh tay hắn kéo đi như đôi xếp kéo một thằng móc túi:

- Vào đây! Trời đất ơi! Tôi không ngờ được gặp Hải ở đây. Thế nào?

Họ bước vào một tiệm ăn. Đèn sáng chung. Các bàn ăn phủ khăn rất phẳng. Thư kéo ghế ngồi ngay ở cái bàn nghênh ngang giữa hiệu và bảo Hải ngồi xuống. Một anh bồi chạy đến. Thư hỏi Hải:

- Anh uống gì?

Hải lúng túng. Thư vụt nhớ:

- À hình như cũ rượu.

Hải vội vàng chộp lấy.

- Vâng chính thế, đóc tờ bất kiêng.

Hắn có vẻ tự kiêu. Hình như được đi hỏi đóc tờ là một cái gì đáng cho người ta kiêu lắm. Nhưng Thư không để ý. Hắn thản nhiên bảo bồi:

- Lấy bia vậy. Bia nó nhẹ.

Trong khi ấy Hải đã có thì giờ nhìn kỹ Thư. Thư khác trước. Chẳng còn cái vẻ gì của anh chàng thất nghiệp đến ăn báo Hải, hồi Hải còn làm vô tuyến điện. Quần áo Thư sang lắm. Thứ thuốc lá y hút là thứ thuốc Ăng lê rất đắt tiền. Hải tự hỏi: “Thư làm gì mà có vẻ giàu như vậy”.

- Anh đổi về đây bao giờ?

- À...

Hải âm ừ không trả lời. Hắn chưa biết có nên nói rõ cho Thư biết hắn đã thôi việc ở vô tuyến điện rồi hay không. Hắn hỏi:

- Bây giờ anh làm gì?

- Tôi buôn bán. Tôi có một cái nhà máy làm đường ở Hiệp Hòa.

Hải choáng người. Thư làm chủ một cái nhà máy! Và Hải nghĩ đến thân phận mình... Nhưng Hải không kịp buồn. Thư đã bảo:

- Tôi kiếm anh hoài. Hỏi chỗ cũ người ta bảo anh bị đau xin nghỉ. Tôi chắc anh về Bắc. Lốp này ra Bắc tôi định về thăm nhà xong lên Hà Nội chơi ít bữa rồi đi các đài vô tuyến điện tìm anh. Không ngờ lại được gặp ngay

ở đây. Tôi sướng quá. Chúng mình phải đi chơi suốt đêm nay mới được. Ăn xong chúng mình đi hát. Anh về Bắc đã lâu chắc là thạo trống.

Hài mỉm cười và lại ừ hừ để không trả lời.

*

* *

Ở tiệm ăn ra. Hài thấy đầu nặng mà chân thì nhẹ. Ánh đèn phố nhấp nhòe. Những cửa hàng, những cột đèn, những cái cây, những người đi, những xe cộ trên đường đều chập chờn, chập chờn. Những tiếng xôn xao bên tai Hài không nghe rõ nữa. Hài thấy vui lắm, buồn cười lắm. Mối Hài mấp máy chực cười luôn. Chân Hài bước mạnh dạn tuy có hơi chập chững. Hài say rượu. Bởi vì đến lúc ăn, Thư đã gọi bồi lấy rượu vang, Thư bảo Hài uống một chút cho vui. Hơi men của cốc bia đã ngấm rồi. Hài nhận uống, Hài uống hết một cốc thì Thư lại bảo: làm chút nữa. Hài chặc lưỡi: “Ừ thì uống!”. Uống thêm một cốc cũng không thể chết. Mà có chết thì cũng được. Ấy thế là sau cốc ấy, Hài đã lại có thêm cốc thứ ba. Giá có uống một cốc thứ tư nữa thì cũng được. Nhưng Hài không uống nữa. Bởi vì Thư không mời uống nữa. Thư biết bạn đã say lắm lắm. Mặt Hài đỏ gay, mắt Hài đã lờ lờ. Hài bắt đầu nói to và hai bên mép thỉnh thoảng lại xếch lên mang tai vô cớ. Thôi đủ rồi, Thư trả tiền và dắt Hài đi ra.

Thư hỏi Hài:

- Đi hát chứ?

Hài nói to như thét:

- Đi chứ. Cố nhiên là phải đi.

Rồi Hài vịn vào vai Thư cười khanh khách. Mặt Hài co rúm lại một cách vừa buồn cười vừa thiếu nã. Mấy người đi phố nhìn Hài bằng những con mắt khó chịu hoặc ngạc nhiên. Thư uống rượu đã quen nên còn đủ tỉnh táo để mà nhận thấy. Anh hơi ngượng. Anh gọi hai cái xe. Hài lão đảo bước lên một cái ngả hẳn người về đằng sau. Thư cẩn thận bảo xe Hài đi trước.

Rượu ngấm dần. Bảy giờ thì Hài thật đã say mềm, cái xe hạ xuống suýt làm hấn ngã. Thư phải khoác tay bạn mà đỡ bạn. Bọn con em trong nhà hát chạy ra xoa xuyết cười. Hai người vào. Vừa ngồi xuống, Hài đã gục luôn xuống bàn. Họ chẳng trông phách gì. Bởi vì Hài đã say quá mà Thư không biết trống, cũng may cho Hài vậy. Bởi vì thật ra thì Hài cũng không biết trống. Người ta mời Thư uống nước. Hài nghe tiếng nhưng không cất đầu lên được. Hài thấy người ta đỡ Hài đi vào trong giường...

Khi Hài tỉnh cơn say thì một chiếc đồng hồ rề rề đánh ba giờ. Mấy chiếc khác gần hoặc xa xa nhắc lại, chẳng hiểu sao. Hài hơi buồn buồn. Hấn mở mắt ra. Chỉ còn một ngọn đèn xanh vẫn thức. Ánh sáng rất thanh nhẹ tỏa xuống, rây qua lần vải màn lót phốt, vào giường. Cái giường đượm hương thơm. Đây là ý nghĩ của Hài. Bởi vì một đôi khi Hài có đọc một cái truyện ngắn hoặc một bài thơ đăng trên một tờ báo hàng ngày hấn mượn của một người hàng xóm. Thật ra thì cái hương thơm ấy chỉ là một

mùi nước hoa hạng rẻ tiền. Nhưng Hải có biết gì về cái thứ nước hoa. Hắn đã cho là tuyệt lắm.

Tuyệt nhất là hắn lại thấy cạnh mình một người thiếu nữ.

*

* *

Sáng hôm sau ở nhà hát ra Thư hỏi:

- Bây giờ chúng ta đi về nhà anh chứ?

- Ừ cũng được.

Cũng được, nhưng có lẽ Hải không thích lắm. Về mặt hắn ngáp ngừng. Hắn không muốn cho Thư nhìn rõ cái thực cảnh của hắn hôm nay. Thư đoán ra chăng? Hay anh chợt nhớ ra một việc gì khác? Anh lại bảo:

- A, nhưng mà không được. Tôi còn phải lại đảng này một chút. Anh cho tôi biết số nhà...

- Nhà tôi không có số. Chỗ tôi ở khá xa mà hơi khó tìm. Có lẽ cứ để tôi đến tìm anh lại tiện. Rồi tôi sẽ đưa anh về.

- Vậy càng tốt lắm. Tôi ở 26 Fouqueton, bao giờ anh sẽ tới.

- Chiều hôm nay.

- Thiệt nhớ? Vậy chiều hôm nay...

Hải gọi một cái xe về nhà. Sự hoang phí ấy sở dĩ có là bởi hắn mệt rồi.

Nhưng cũng bởi hắn đã được hưởng một cuộc ăn chơi tốn hàng mấy chục đồng mà chẳng phải bỏ ra một đồng

xu. Vậy thì bây giờ có bỏ ra vài hào chỉ cũng còn lợi chán. Đến nhà thì học trò đã đầy trước cửa. Đứa ăn quà, đứa trêu chọc bạn. Hải nghĩ đến tám giờ đồng hồ, quất tháo, chấm bài, đập thước xuống bàn chan chất. Hấn thấy trong ngực cuồn cuộn buồn mửa. Làm việc quả thật chẳng có gì vui cả. Hôm ấy hấn cất nghĩa bài uể oải. Hấn ăn cơm uể oải. Đôi mắt đỏ ngầu mệt mỏi. Chốc chốc hình ảnh người thiếu nữ lại trở về, dất theo hình ảnh những phút vui đêm trước. Hấn lại thù người ra một lúc và hấn lại tự bảo: “Những cuộc vui hại người”.

Tuy vậy, vừa tan học buổi chiều, hấn lại đi. Hấn nhìn cơm. Và cái đầu, quần áo chải chuốt hơn mọi bữa. Hấn nháp nhòm chỉ sợ Thư sai hẹn. Nhưng may quá! Thư vẫn đợi. Hai người dất nhau đi. Buổi tối bắt đầu bằng một cốc bia như tối trước. Hải đã quen nên làm việc ấy thản nhiên. Nghĩa là cái sự ngồi ở một bàn giữa nghênh ngang chẳng còn làm Hải cảm động. Lát nữa khi bước vào nhà hát Hải cũng sẽ cố thản nhiên như vậy. Như một người ăn chơi. Muốn lấy dáng từ giờ hấn hếch cái cằm lên mỉm cười khể hởi Thư:

- Thế nào?

Thư không hiểu. Bởi vì Thư quên cái việc đi hát ngay từ lúc mới ra khỏi nhà hát. Hải ngượng ngịu nhưng vẫn cố giữ nụ cười, hỏi lại:

- Buổi hát tối hôm qua thế nào?

Thư nhắc bàn tay lên khỏi vế đùi, hơi ngả người về đằng sau, trợn mắt bĩu môi. Đây là bộ điệu của một người thất vọng. Anh kêu luôn bằng tiếng Pháp:

- Ô chán chết... chúng nó hắc như thuốc thụt muối và bản như một cái chân sâu quảng.

Hài cúi mặt. Hấn thấy Thư làm bộ và đáng ghét. Mới có tiền một chút mà đã kênh kiệu thế. Hấn nhìn một người đang cúi mặt xuống đĩa đồ ăn ở mãi một bàn xa để khỏi phải nhìn Thư. Hấn hơi buồn buồn. Câu chuyện giữa đôi bạn thành rời rạc. Hai cốc bia đã cạn, Thư hỏi:

- Ta có ăn không?
- Tùy đấy.
- Tôi thì tôi không thấy đói.
- Tôi cũng vậy.

Và Hài lại càng bực mình thêm lên. Thư gọi bồi lại đưa cái giấy năm đồng cho hấn ra quây trả. Người bồi đem tiền thừa lại. Thư ư hừ cầm lấy. Hai người đi ra.

- Đi đâu bây giờ?
- Tùy đấy!
- Hay là lại đi hát?

Thư hỏi thế với một cái cười chế nhạo. Hấn tắc lưỡi:

- Đi làm quái gì!

Bỗng Thư reo lên:

- Kia Bình!

Lại một người bạn nữa. Người phốp pháp, da sáng sủa, áo quần sang trọng. Họ có vẻ mừng rỡ lắm. Họ tranh nhau

nói cười vô lý nhau. Hai có vẻ bị quên. Hấn lấy làm khó chịu. Ba người cùng đi một quãng. Hai chợt bảo:

- Thư này.
- Gì vậy?
- Hai anh đi nhé, tôi phải đi đằng này có tí việc.
- Vậy hả? Có cần không?
- Cũng hơi cần.

Thư chìa tay ra:

- Vậy để chút nữa. Chúng tôi đợi anh ở chỗ nào?
- Đứng đợi nữa.
- Sao vậy?
- Có lẽ tôi không đủ thì giờ.
- Đáng tiếc! Vậy thì mai nhé?
- Ủngày mai.

Hai trả lời rất khẽ. Bởi vì Hai định chẳng bao giờ còn tìm Thư nữa, Hai đi lộn lại. Được mười bước hấn quay lại nhìn Thư và Bình. Hai người vẫn nói toang toang như quên hấn hấn. Hấn cúi đầu, cụp hai vai, đi lủi thủi...

Hấn đến hàng tạp hóa mọi khi, mua một lạng phẩm tím. Rồi hấn lại đi bộ về. Chiều hôm sau hấn ăn cơm xong, đi nghỉ sớm. Và tự bảo:

- Người điều độ thật là một người khôn ngoan.

1943

NƯỚC MẮT

“Người ta chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỷ, và nước mắt là một miếng kính biến hình vũ trụ”.

Francoie Coppee

Bà gáy lần thứ nhất... Điền mở mắt ra rồi, nhưng vẫn còn tiếc cái giường. Cả đêm hần chưa ngủ được giấc nào ngon. Tỉnh ra, hần cần phải dậy đánh diêm đến năm lần. Thằng bé nóng đầu, quấy suốt đêm. Vợ Điền phải thức luôn mấy đêm rồi thành ra gât gông với con. Chốc chốc Điền lại phải dậy châm đèn, lấy thuốc hay lấy nước cho con uống. Như vậy làm gì mà chả nhọc?

Điền uể oải ngồi lên, xuống giường. Trời đã sáng tờ mờ. Vợ Điền mới nằm yên. Thằng ở chợ mắt đi cũng chưa lâu. Điền chẳng muốn phiền ai. Tự thôi cơm lấy mà ăn bây giờ thì ngại lắm. Điền bèn nhất định không ăn cơm sáng nữa. Đi sớm cho được mát! Hần đi rửa mặt xong, về

mở tủ, thay quần áo, luồn cái ví vào túi, khóa tủ và rón rén bỏ cái chìa khóa vào túi vợ. Nhưng vợ chần chừ ngủ mệt. Thị giật mình, thức giấc. Thấy chồng đã áo mũ sẵn sàng, thị hỏi:

- Mình đi đấy à?

- Đi.

- Gọi nó dậy, nó thổi cơm cho mà ăn đã chứ?

- Thôi không ăn nữa. Ăn rồi mới đi thì nắng mất.

- Mãi đến chiều mới về mà không ăn thì đói, chịu sao được?

- Ra tỉnh, lĩnh tiền rồi tôi sẽ vào hiệu ăn.

Hắn ra đi. Nhưng thị gọi giật lại:

- A này! Lúc về mình nhớ tạt vào cụ lang ngô Huyện lấy thuốc cho em nhé!

- Thuốc thằng Chuyên ấy à? Còn nhiều lắm...

- Không! Thuốc cho con Hường kia! Mặt nó lại lấm tẩm đầy những mụn.

- Vẽ chuyện, tìm thứ lá gì mát cho nó uống rồi nó khỏi. Mấy cái mụn việc gì phải thuốc? Thuốc bây giờ rẻ cũng phải một đồng một thang. Nay thuốc mai thuốc thì rồi lấy gì mà ăn?

- Không có ăn, cũng phải cho nó uống. Chứng sài của nó ngày xưa đấy. Nó mới phát, uống dần đi vài ba thang thì nó khỏi. Chả hơn để nó phát ra đầy người, rồi mù ế như ngày xưa cho tốn bằng chục thang ấy à?

- Ngày xưa khác: ngày xưa nó còn bé; bé mới sài chứ lên năm rồi còn sài ư?

- Lên năm cũng còn sài. Con nhà người ta lên tám rồi còn sài kia. Mình đừng tiếc vài đồng bạc. Tiền thì ai chẳng tiếc bằng trăm mình ấy. Nhưng cái thể không tiếc được. Mình cứ lấy cho nó uống!

- Ủ thì lấy! Con lớn thuốc, con bé thuốc.... Thuốc lắm rồi sau cũng có lúc được đi ăn mày!

Hắn hăm hăm bước ra. Làm chẳng đủ ăn, hắn vốn cần nhắc việc tiêu tiền hơn một người keo: chỉ tiêu những món nào chẳng thể dừng. Mà chính hắn cũng đã được ốm nhiều rồi nên hắn không ghét gì bằng ghét thuốc. Theo ý hắn, thuốc chẳng chữa được bệnh gì, uống lắm chỉ tổ hại dạ dày; hắn có một chứng bệnh, tìm uống không còn biết bao nhiêu thứ thuốc rồi mà vẫn tiền mất tật mang; sau cùng hắn bực mình, chẳng thèm uống một giọt thuốc nào nữa, thì cũng thể thôi, có chết đâu? Hắn còn có cảm tưởng như mình khỏe mạnh hơn trước nữa! Ờ, nếu thuốc có công hiệu như người ta vẫn khoe khoang thì chỉ những nhà giàu là sống mãi thôi, còn bao nhiêu những người nghèo thì sẽ chết hết, không còn một mống; mà cái nhà bà Hàn Hưng vẫn cho hắn vay tiền lãi mười phân, chẳng thiếu gì cao, quế, sâm, nhung kia, đã chẳng đời nào chịu không con. Còn cái nhà thị Đắc sản hậu hao ở cạnh nhà hắn kia, tất đã chết nghèo từ đời tám vánh nào rồi, đâu còn sống đến bây giờ để thỉnh thoảng lại sang nhà hắn, nghèo đâu, nghèo cổ xin dăm xu ăn bánh đúc?... Thành thực hay mỉa mai? Điền vẫn thường nói thế để có cớ mà

hà tiện và tự yên ủi mình một chút. Nhưng vợ Điền không nghĩ thế. Đối với thị, hai đứa con là cả cuộc đời. Thị có thể nhịn mặc, nhịn ăn, chịu nhục với người ta; nhưng đừng ai cấm thị bán đi một cái nồi đồng hay cái mâm thau hoặc cấm cố ruộng vườn để chạy chữa cho con, khi chúng ốm. Thị không thể bỏ liều chúng được. Chúng hơi nóng đầu, sổ mũi thị đã lo sốt gáy. Khi một đứa ho chẳng hạn, thị thấy đau ở chính ngay ngực thị đúng như lời một nữ sĩ Tây phương đã nói...

- Thì ra đàn bà họ đều như thế cả - Điền tự bảo khi đã ra khỏi nhà một lúc. Mà họ cũng cần phải thế; nếu vợ Điền lại khác, nếu thị không thiết gì con chẳng hạn, thì tất nhiên là hắn đã ghét và khinh thị rồi. Vậy Điền không nên tức. Hắn không tức nữa, nhưng bắt đầu tính toán: hắn sẽ lĩnh được ba mươi đồng bạc; thuốc cái Hường ba thang độ ba đồng, với một đồng ăn là bốn; tiền thuốc thằng Chuyên bảy đồng bạc còn khát đấy; bốn với bảy, mười một... Còn bao nhiêu thì đóng họ, đưa lãi nợ nữa là vừa hết xoắn. Lại mãi đến đầu tháng sau mới có tiền. Suốt một tháng giời, lấy gì mà ăn, mà giặt, mà cắt tóc, mà cho anh em phu trạm mỗi lần anh đưa thư hoặc báo? Ấy thế là lại vay!... Điền nghĩ đến tất cả những món nợ chồng chất lên đầu hắn. Hắn nghĩ đến quyển sách ước ao mua đã mấy tháng nay, hắn nghĩ đến một cái sơ mi nằm trong tủ kính một hiệu may kia cứ tăng giá rất mau... Hắn lại phải xót xa một lần nữa, mười đồng bạc nữa lại bỏ ra cho hai đứa con uống thuốc. Hắn xót xa lắm lắm. Nhưng hắn không tức tối như lúc nãy. Hắn chỉ thở dài ngao ngán cho kiếp mình...

*

* *

Mãi đến mười giờ Điền mới tới trạm Quỳnh Nha, nắng rất gắt đã từ lâu. Mặt hắc đỏ gay, đầm mồ hôi và chân hắc thì bụi. Lần này là lần đầu tiên, hắc lĩnh thư ở trạm này. Người đội trạm mặt xương xương, khi thấy hắc xưng tên, há hốc miệng ra và nhìn hắc một cách rất buồn cười. Có lẽ hắc là người nhận được nhiều thư từ, báo, sách nhất ở vùng này. Ông đội trạm thuộc tên. Những khi soạn thư, ông trông những phong bì gửi cho Điền phần nhiều đánh máy và có in dấu, mà đoán là ông Lê Cự Điền ở Phú Ninh là một ông rất oai, rất nhiều tiền. Ông sùng sốt khi thấy ông Lê Cự Điền chỉ là một anh chàng gầy như một cái tăm, mặc áo the, đi chân không và đội một chiếc mũ trắng cũ kỹ đến mấy năm chưa đánh phấn. Ông nhìn Điền từ đầu đến chân rồi mới hỏi Điền:

- Vu ở Phú Ninh lên đây bằng gì mà sớm thế?
 - Tôi đi bộ đây thôi.
 - Nhanh quá nhỉ? Lại không đến hai mươi cây số à? Chắc ở mạn dưới ấy xe hiếm lắm, ít khi gặp được?
 - Kể thì cũng sẵn, nhưng ưa đi bộ. Xe đắt lắm!
- Ông không đợi một lời nói toạc móng heo ra như vậy. Ông đoán Điền phải thú nhận việc dè xén của mình thì ngượng lắm. Bởi thế ông đùa để chữa thẹn cho Điền:
- Tay này cừ thật, có vậy những anh xe mới không bắt

bí. Cứ khinh chân học trò không quen đi bộ thì ngồi trơ mắt ếch.

Diễn hiểu ý tốt của ông, mỉm miệng cười:

- Thật ra thì cũng chẳng anh xe nào bắt bí tôi đâu, bởi vì tôi đã định ngay ở nhà chỉ đi chân. Nhờ giờ tôi chưa đến nổi già. Không có lý gì người phu xe phải kéo một cái xe với một tôi mà còn có thể chạy một mạch từ Phú Ninh đến đây, mà tôi chỉ có tay không, mà lại không đi được. Thưa có phải thế không ạ?

- Vâng! Vâng!

Ông đội trạm gật đầu rất hăng và cười. Diễn vừa ký tên vào quyển sổ thư bảo đảm, vừa cười với ông.

Trao phong thư cho hấn xong, ông vốn vã mời hấn ngồi nghỉ xơi chén nước. Hấn nhận ngay, bởi đang nhọc và khát như cháy họng. Nhưng đang uống thì đứa con ông đội trạm chạy vào. Diễn thườn mặt ra ngay. Hấn khổ sở vì không có dấm, ba hào, để cho thành bé. Bởi vậy, mới uống hết một chén nước, hấn đã vội đứng lên từ biệt ông đội trạm...

- Ấy! Ông ngồi chơi đã!... Đi bây giờ nắng chết!...

- Ông tha phép... Tôi phải ra tỉnh ngay cho kịp.

À! Ông đi lĩnh măng-đa? Vâng! Vậy thì ông đi. Con! Chắp tay vào chào ông!

Diễn ngượng quá. Những lúc như lúc này mới càng thấy rõ không có tiền là nhục. Hấn lấp bắp mấy tiếng

không rõ rệt, cúi gằm mặt, bước vội ra khỏi nhà trạm, đi một quãng thật xa rồi vẫn chưa hết nóng tai. Ông đội trạm chắc đang nghĩ rằng hắn là một thằng rất kiệt, rất tồi, có thể gọi là ngu... Hắn chép miệng luôn luôn. Thêm một nỗi: bụng hắn đã bắt đầu thấy đói. Người thì nhọc. Nặng gắt thêm, chân hắn bồng như bước trên một cái nồi rang. Hắn tưởng có thể khoá òa lên được. Chao ôi! Chẳng là gì cả... Đó chỉ là những cái rất tầm thường, chẳng đáng cho một người cao thượng phải quan tâm; sự đói nhọc... Một chút lòng khinh của một người chẳng hiểu mình... Nhưng Điền cực lắm. Hắn thấy một lớp buồn tủi nữa chất thêm vào lòng...

*

* *

Ở nhà dây thép tỉnh, Điền phải đợi khá lâu. Người gửi tiền, lĩnh tiền đông. Điền thì lại ghét chen chúc và xô đẩy. Nhưng kết cục rồi cũng phải len vào. Nếu cứ muốn làm người nhả nhận mãi ở đây thì có lẽ chẳng bao giờ hắn lĩnh được ba chục bạc. Hắn lễ phép đưa căn cước và tấm bưu phiếu cho người thư ký:

- Thưa ông, ông làm ơn...

- Ông oán gì? Đợi đấy!

Điền sừng sốt. Sao người ta lại có thể cực cần đến thế? Hắn hối hận vì đã phí một lời lịch sự. Gã kia thì vẫn cứ cúi đầu và lia lia viết, cau có, phụng phịu, lâu nhàu, như cái kính với công chúng đến làm phiền gã. Điền lộ vẻ

khinh bỉ và yên lặng đợi... Một lúc lâu sau, gã mới ngẩng đầu lên. Tức thì hàng chục cái bàn tay cầm căn cước chìa vào. Gã hùng hổ giật xoẹt lấy từng cái một, đập cả chồng đánh bẹt xuống bàn. Rồi vẫn hăm hăm, gã lần lượt giở từng chiếc một ra xem để phát tiền. May cho Điền, cái bưu phiếu của hắn ở trên cùng. Viên thư ký biên những điều cần, cộp cái dấu đề ngày, vào sổ, rồi ném cái giấy căn cước trả Điền. Gã ném theo cho Điền ba tập giấy bạc chỉ thoảng trông cũng biết là rách lắm. Điền nhăn mặt: ở nhà quê, giấy bạc rách quá người ta không chịu lấy. Điền kiểm lại. Kể thì cái nào cũng rách, nhưng cố nhiên là hắn không dám khó tính đến đòi đổi cả. Hắn chỉ nằn nì xin đổi một cái vừa rách làm ba, vừa nhòe nhoẹt mực. Viên thư ký lắc đầu quầy quậy:

- Không biết! Không biết! Không biết!

Điền không còn thể bình tĩnh nữa. Hắn đỏ bừng mặt, ném tờ giấy bạc vào:

- Thế này thì ông bảo tôi tiêu làm sao được?

Lập tức người thư ký đứng phắt lên, sừng sộ với Điền:

- Anh muốn tù phải không?

Điền biết gã nhận lầm mình bởi cái mũ tàng và cái áo the sồn, nên cứng cỏi nói bằng tiếng Pháp:

- Ông nên có lễ độ một chút, ông phải biết: ông ăn lương để làm việc cho công chúng chứ không phải đối đãi với công chúng như những người lính chần.

- Nhưng... Nhưng...

Gã nói không thành câu nữa. Mặt gã cũng đỏ lên như một hòn gạch. Gã lại ngồi phịch xuống. Gã nhặt tờ giấy bạc, ném ra giả Diên:

- Không tiêu được thì vứt đi!

Cái quạt điện đang quay, nên tờ giấy bay veo. Những người chưa lĩnh được tiền thì sốt ruột, đẩy Diên ra, Diên chạy theo tờ giấy bạc, và xô ngã một con bé độ năm sáu tuổi, theo mẹ đi gửi giấy. Hấn vội vàng đỡ nó dậy, giữ áo quần cho nó. Đến khi hấn quay ra thì tờ giấy bạc đã biến đi đâu mất. Trông thấy cái mặt ngây ra của hấn, một vài người cười chế nhạo. Diên thấy mình lỗ lỉnh. Hấn bực tức chạy vội ra khỏi nhà dây thép, và cúi cổ bước thật nhanh, đi một quãng dài, không dám quay đầu lại. Đến khi gần ra khỏi tỉnh, hấn mới đi chậm hơn một chút. Ấy thế là một đồng bạc mất! Hấn tức lên đến hòng. Hấn vừa đi vừa nguyên rửa người thư ký. Rồi hấn lại nguyên rửa hấn. Bởi vì chính hấn cũng có lỗi một phần vào đấy nữa, hấn ân hận vì không chịu cứ nhận tờ giấy bạc rách ấy để đem lại nhà băng đổi. Hấn cứ loanh quanh nghĩ đến nó và tiếc mãi. Hấn nhất định nhịn bữa ăn đã định để bù vào đấy. Hấn buồn bã đi thẳng về...

Về đến nhà thì trời đã sâm sẩm tối. Diên nhọc ươn người. Hấn đi tập tễnh như một người què, bước vào sân. Vợ hấn hỏi ngay:

- Thuốc của cái Hường đâu?

Hấn chợt nhớ ra, thù mặt, rồi chẳng đáp nửa lời, hấn lại ấm nước, rót ra chén, ừng ực uống. Hấn uống hết chén này

đến chén khác, không còn biết bao nhiêu chén. Mồ hôi vã ra như tắm. Uống xong, hấn mới vừa thở vừa bảo vợ:

- Tôi quên rồi!

Người đàn bà buông mặt xuống ngay. Thị giận dữ với chồng:

- Quên! Chỉ quên suốt đời... Có mà tiếc tiền ấy!... Quên... quên thế nào! Người đâu mà có người tệ thế!...

Điền gần muốn nhảy lại vợ mà bóp cổ. Con vợ thật là khốn nạn! Sau một ngày hấn đã phải chịu không còn biết bao nhiêu nỗi khổ, đây là những lời thở ra để mà đón hấn! Hấn quắc mắt lên, và nghiến răng...

- Im ngay! Câm cái mồm!

- Câm... câm cái gì? Mình trông con kia kìa! Mặt nó sưng lên bằng cái lênh, chẳng còn trông thấy mắt, và mụn thì đầy lên kìa!

Thị nói như người gào. Điền đưa mắt nhìn con gái. Mặt nó sưng to thật. Hấn nghẹn ngào trong cổ, không nói được. Vợ hấn càng gào mãi lên:

- Tiếc tiền! Tiếc tiền!... Nó chết rồi để tiền mà tiêu.

Điền tức xùi bọt mép. Mắt hấn lờ ra lửa. Hấn giơ một bàn tay run lên, đánh nhịp cho lời nói bực dọc đến thành tàn nhẫn:

- Cho nó chết! Cho nó chết!... Sống làm gì nữa! Nay ốm, mai đau thì chết đi cũng phải!... Sống lắm cũng chỉ khổ và làm người ta khổ thôi, được gì? Chết đi! Mày chết đi!...

Nói xong, Điền hét lớn:

- Thằng Bình đâu?

Không thấy thằng ở chạy lên, Điền quát hỏi con:

- Thằng Bình nó đi đâu Hường?

Hường sợ hãi, trả lời bằng một câu đứt làm mấy đoạn:

- Nó lại đau bụng xin về rồi.

- Cả thằng ấy nữa!... Nó cũng chết đi cho rảnh! Nay đau bụng, mai đau bụng.. Nay xin về, mai xin về!...

Hắn vùng vằng đi vào nhà, quăng mũ quăng áo, quăng nốt cả cái thân xác mỗi một xuống một cái giường, thở hổn hển, như để đẩy bớt ra ngoài cái khí giận đang cuộn cuộn trong ngực. Hắn thấy mình khổ quá, khổ như một con chó vậy. Hắn nhìn dõi từ sáng đến giờ. Hắn đi bộ què chân, nắng hơ sém cả da. Hắn xén từng đồng xu uống nước trở đi. Hắn chịu nhục với mọi người... Như thế bởi vì đâu? Chẳng phải vì vợ, vì con ư? Nhưng nào vợ con có thèm biết cho đâu! Đã chẳng an ủi một lời, vợ hắn còn vợ lấy một sự hằn quên để mà day nghiêng hắn. Ừ, mà cho rằng hắn không quên nữa, cho rằng hắn không lấy thuốc cho con là cố ý, là muốn khỏi mất mấy đồng bạc nữa, thì vợ hắn có nên nói tệt hắn như vậy hay không? Hắn hà tiện vì ai? Hắn khổ sở vì ai, riêng vào cái thân hắn cũng chẳng phí phạm một đồng xu nào cả. Mấy mươi lần vợ hắn giục hắn may một cái áo sơ-mi hắn chỉ ư hứ rồi để đấy, chưa bao giờ dám bỏ tiền ra mà may cả. Thế rồi bao nhiêu tiền cũng vào vợ con hết... Hắn bần xỉn; hắn tiếc tiền... Ừ,

nhưng mà hần tiếc tiền cho ai?... Điền cứ càng nghĩ càng thấy hần là người khổ, vợ hần là người tẻ bạc. Hần muốn chẳng thiết gì vợ con, nhà cửa nữa. Hần sẽ đi phất một nơi nào, sống cho mình, đứa nào chết mặc thầy, bấy giờ họa chẳng vợ hần mới biết thân!

Ở ngoài hè, vợ Điền bảo thăm con:

- Con vào hỏi xem thầy có xơi cơm thì u thổi.

Điền nghe thấy mà nuốt nước bọt. Hần đang thèm cơm lắm. Nhưng không hiểu sao Điền muốn nhịn, muốn đẩy dọa mình cho khổ hơn thế nữa, hơn nhiều nữa. Hần thấy một cái thú chua chát trong sự tự làm khổ mình như vậy. Bởi thế khi Hường vào, rụt rè nhắc lại câu mẹ dặn. Điền quát lên với nó:

- Không ăn!

Nó bịu xịu đi ra. Mẹ con thì thăm. Rồi Hường lại rón rén vào.

- Thấy có xơi cháo đậu, để u con đi nấu.

- Không ăn!

Biết rằng chồng giận, vợ Điền phải thân hành vào vậy. Thị ôn tồn hỏi:

- Mình ăn cơm rồi à?

Điền không đáp. Thị lẳng lặng một thoáng, rồi lại bảo:

- Mình ăn từ trưa thì bây giờ đói rồi còn gì? Hay là mình nhọc, không muốn ăn cơm? Tôi quý cho mình bột sắn mình ăn nhé?

- Không ăn! Đừng hỏi gì lời thôi!

Vợ Điền sầm mặt, ẵm con đi nằm. Điền thấy hơi hả dạ. Nhưng bỗng con bé Hường chạy vội ra đầu chái, về phía giường Điền, Điền nghe tiếng đôi guốc của nó lẹc kẹc rất nhanh một thoáng, rồi im lặng. Rồi Hường xịt mũi. Nó xịt xịt rất lâu ngoài ấy. Nó nghẹt mũi hay nó khóc? Điền cố lắng tai nghe. Hẳn nghe thấy những tiếng Hường nức nở. Hẳn đột nhiên run người. Lòng hẳn quang ra. Những ý giận hờn bừa bộn vụt tan. Còn lại cái hình ảnh bé nhỏ của Hường với cái mặt đầy mụn và sung lên của nó, đôi mắt giàn giụa nước và miệng mếu. Con bé còn nhỏ tuổi nhưng đã rất hay khóc vụng; mỗi lần muốn khóc, nó lại tránh ra một chỗ, cố nén tiếng, không cho ai biết. Điền thấy thương nó quá. Tội nghiệp cho con bé. Nó ốm đau luôn và thường thường bị mẹ mắng chửi suốt ngày như tát nước. Mẹ nó mắng chửi nó, nhiều khi bất công và vô lý. Nhưng lạ thay! Lúc này Điền không vin vào đấy mà trách vợ. Hẳn thấy vợ hẳn không tệ. Thị vốn thương con lắm. Những lúc thị gắt gỏng với con như thế chỉ là những lúc thị sốt ruột quá, lo lắng quá. Cũng như hẳn vậy, sao hẳn nữ đem lòng giận thị? Ai chả thế? Người không phải là thánh. Sự khổ sở dễ khiến lòng chua chát. Khi người ta lam lũ quá, lại còn lo trăm thứ, bị làm rầy vì trăm thứ, thì ai mà bình tĩnh được? Ai mà chẳng gắt gỏng? Gắt gỏng thì chính mình khổ trước. Không giữ được thì phải bật ra ngoài như vậy. Thật ra có ai muốn cau có làm chi?... Vậy thì vợ hẳn gắt lên với hẳn lúc này cũng chỉ là việc thường thôi. Cũng như ông ký nhà dây thép...

Ngẫm nghĩ một lúc, Điền thấy thương ông ấy quá, Điền tưởng ra cho ông ấy một gia đình đông con và túng thiếu tựa nhà Điền. Số lương chẳng đủ tiêu. Sau mỗi ngày công việc rối rít tít mù, loạn óc lên vì những con số, vì những cái bưu phiếu, cái nợ chưa xong đã đến cái kia, ông mỗi một giờ về nhà, lại phải nghe mấy đứa con lớn chí chóc đánh nhau, đứa con nhỏ khóc, chủ nợ réo đòi và vợ thì sung sĩa hoặc gào thét như một con mẹ đại. Nhà cứ om lên như chợ. Đêm nằm ông nghe vợ bàn bạc; ông nghĩ đến trăm thứ tiền, trăm thứ việc, ông nằm mơ thấy mình trúng số, để sáng hôm sau tung hứng lại mãi một đi đến sở, nhả mặt lại khi thấy những người gửi tiền, người lĩnh tiền đi vòng trong vòng ngoài, và người nào cũng muốn ông làm trước cho...

Đến như đến một ông phán láng giềng nhà hần, khi hần còn là một ông giáo trường tư ở một vùng ngoại ô kia. Ông có năm con, một mẹ già, một vợ, một em. Ông mặc những cái áo sòn vai và những cái áo sơ-mi nếu không rách cổ thì cũng mạng vá lung tung. Nhà ông chẳng lúc nào yên, đàn trẻ khóc như rì. Mẹ chồng nghiêng rút con dâu, con dâu cãi lại mẹ chồng. Cô em nói mĩa mai. Chỉ vì người nào cũng khổ cả, và người nợ cứ tưởng vì người kia mà khổ. Chiều nào cũng tận đến lúc lên đèn... Ông phán mới về được đến nhà. Ông ngồi cầm mặt, ăn vội vàng mấy bát cơm, chẳng nói với ai, chẳng nhìn ai. Rồi rút một cái tằm, ông mài một đi nằm để thở một cách hần hoi. Nhưng nào ông có được thở hần hoi? Bà mẹ vợ lấy ông mà trách móc nợ kia để chì chiết vợ ông. Vợ ông cũng vợ lấy ông mà khóc mếu, day chì lại mẹ ông. Ông chẳng biết

bệnh ai, chỉ nằm thẳng người ra như kẻ chết rồi, mắt trừng trừng ngó lên trần, nhiều lúc bức quá phải giàn giụa nước... Một buổi chiều đang ngồi ở tiệm ăn, Điền thấy ông lui thủi bước vào. Ông đến ngồi ở một cái bàn con tận trong một góc phòng, quay mặt lại vào tường. Ông bảo bồi lấy cho ông năm cái chả bánh đa. Ông ăn rất ngon lành. Ăn xong ông lại lui thủi đi ra, nét mặt vô cùng hể hả rằng hôm ấy là cuối tháng. Hắn có cảm tưởng như ông đi ăn vụng vợ, con ở nhà...

Điền rất buồn ngủi. Hắn buồn ngủi cả cho ông ký đã gây sự với hắn sáng hôm nay. Hắn chắc rằng vì việc ấy mà tối hôm nay ông còn buồn bức hơn mọi ngày. Hắn cũng vậy, hắn chả thường vẫn buồn bức rất lâu vì những việc xảy ra không đáng kể đó ư? Chao ôi! Chẳng qua hắn và ông cũng cùng khổ như nhau cả đấy thôi! Yên ủi nhau còn chẳng thấy đâu còn làm khổ lẫn nhau làm gì nữa? Điền hối hận vì cái cử chỉ của mình đối với ông vô cùng...

Bây giờ trong lòng hắn chỉ còn lại sự xót thương. Hắn thương vợ, thương con, thương tất cả những người phải khổ đau. Lòng hắn thiết tha rướn lên muốn vươn ra để áp ôm lấy mọi người. Mắt hắn đầm đìa. Hắn gọi con rất dịu dàng:

- Hường ơi!... Vào đây với thầy, con!...

Con bé lau nước mắt xong rồi mới chạy vào. Nó rón rén đứng bên giường:

- Thầy bảo con gì cơ?

- Con lên đây nằm thầy quạt cho.

Vợ hẳn biết là chồng đã hết giận, bảo chồng:

- Mình lại đây này... Cả cái Hường cũng lại đây, nằm ghé bên em. Em nó ngủ rồi. Mình quạt cho cả thằng Chuyên với cái Hường. Tôi đi lấy gạo thổi cơm. Lúc này còn một ít cơm nguội, chúng nó ăn, tôi cũng chưa ăn.

1943

LÀM TỔ

Thuận rồi đấy!...

Phải, nếu thời gian còn giữ được cái nhịp thường của nó thì về rầy đêm dài, ngày ngắn, ban đêm đã có sương, người ta đắp một cái chăn đơn vừa dễ chịu, ban ngày thì mát mẻ, trời rất xanh, không khí trong veo, nắng dịu, heo may giải đông. Nhưng các cụ già thường nói rằng: thời tiết bây giờ có khác đi, không còn được đúng như xưa. Ngày xưa, thời nào tiết ấy rất phân minh, mưa gió thuận hòa. Bây giờ thì các mùa liên tiếp nhau xem chừng cũng chẳng còn đúng mực. Chao ôi! Ở trên đời này có cái gì bền vững mãi đâu?

Có như vậy thật. Ai dám ngờ sang tháng chín rồi mà còn có bão to? Thấy trời trở heo may, người ta tưởng đây là thu. Những người giàu lấy áo mặc thêm. Những nhà nghèo mơ ước một nồi ngô bung, để ăn cho chắc dạ trước khi đi ngủ. Trời lạnh lại càng khỏe đói. Nếu có mà ăn, người ta có thể ăn suốt ngày. Trong lúc người ta rất yên lòng nghĩ đến mặc và ăn, gió cứ mỗi lúc một thêm to. Gió suốt đêm. Hình như lại có mưa. Đến gần sáng thì những cái nhà tre đã bắt đầu chuyển kêu răng rắc. Người ta giật

mình choàng dậy. Gió đã hung hăng lắm. Lấn át những tiếng kêu rên của lá, gió chồm lên hồng học.

Bây giờ thì chẳng còn ai ngủ nữa. Ngay trong những căn nhà vững chãi, người ta cũng thức. Người ta thở dài, chép miệng, rên lên như sốt rét. Người ta lo chết đói. Lúa lóp này đang dở. Cây cối mà trận bão trước còn để sót vừa mới hơi hơi lại. Trận này nữa là không một giống cây gì còn sống nổi. Rồi đây vườn sẽ chỉ còn đất trắng, củ chuối mà ăn cũng không còn nữa. Nhà nào nhà ấy, lại sắp sửa xem còn có thể đi nơi nào được, thì vợ chồng con cái bồng bế nhau mà đi đi... Khốn nạn cho những người mẹ yếu đuối đốt một ngọn đèn tù mù ngồi nhìn lũ con vô tư ngủ lả ngả lóc dưới một cái nóc nhà bầy rầy! Một tiếng kết lại làm cho họ giật mình thon thót. Họ lo lắng nhìn những cái xà cửa quây. Nhà khó lòng mà khỏi đổ. Biết làm sao bây giờ được? Trời đen như mực. Không đèn đóm nào chống lại nổi với mưa, với gió. Ngay người cũng khó lòng mà đi vững. Làm thế nào để khuân được ba, bốn đứa con đi trú nhờ? Họ tự hỏi họ như vậy, rồi lại tự trả lời bằng những tiếng kêu trời thật to. Bởi vậy, ánh sáng trở lại thật đã đẩy một khối nặng đè trên ngực họ. Mắt họ sáng lên một chút. Nhưng chúng sáng lên để lập tức lại tối sầm ngay lại. Chúng vừa nhận thấy cái cảnh đổ nát ghê gớm bên ngoài. Biết bao nhiêu chuối đổ, cây gãy gục, cây tróc gốc. Biết bao nhiêu mía đổ. Bưởi, cam rụng lả lủ. Những cây xoan bị gãy cành, nát lá. Những cây tre rũ rượi như gần kiệt sức. Gió đã tuốt đi của chúng bao nhiêu lá! Những chiếc còn sót lại tước ra thành từng sợi nhỏ, như những chùm lá thông.

Những người nhà quê nhìn ra vườn, thương xót cây cối của họ như thương xót những con vật sống. Họ thương cây và thương chính họ. Bao nhiêu là mồ hôi, nước mắt! Chỗ mía kia giá trời để nguyên lành, cuối năm nay làm gì không có ba chục bạc. Mấy buồng chuối tiêu kia tháng sau bán thật vừa: bán cho người ta ăn tết cơm mới. Cây bưởi có người trả mười đồng còn giùng giăng chưa chịu bán. Còn cam. Còn táo. Còn cây bông sai chiu chít... Bao nhiêu tiền của vào đấy. Tối hôm qua đi ngủ, còn nguyên vẹn. Bây giờ đã sạch sành sanh cả rồi.

Những người đàn bà khóc thật. Họ khóc hu hu như cha chết. Những người đàn ông sốt ruột quát om sòm. Những thằng liều nghiêng răng lại chửi trời. Những thằng nhút nhát hơn chửi trống không. Mặc! Gió vẫn gào, vẫn thét, vẫn hồng hộc như những con ngựa chiến. Và trên cao, cái thứ tiếng u u vẫn kéo dài ra mãi, như có người chọc tiết hàng trăm con bò...

*

* *

Nhưng trận bão ít nhất cũng đã làm cho một người sung sướng. Ấy là Thái cao kều. Không phải Thái là một kẻ dờ hơi. Nhưng hắn chỉ có hai bàn tay trắng, những thằng không có của không bao giờ mất của.

Vốn xưa kia Thái cũng có vườn. Có ba sào. Chẳng phải của ông cha để lại cho. Ông cha hắn cũng nghèo. Lúc sống cơ nghiệp có bao nhiêu thì lúc chết lại quây gói vào mà mang đi hết. Bởi vì người không phải là con chó,

người không thể chết như con chó chết: chết còn làm lợi cho kẻ khác. Người chết phải đem chôn. Lại không thể cắm cái mai, moi một đồng đất lên mà chôn như chôn một con mèo chết vào gốc một cây khế cho cây khế ngọt. Phải mua cỗ gỗ. Phải mời xóm, mời làng. Phải có bát nước, miếng trầu. Phải biện lưng cơm cho những người khiêng. Ấy nói phận nghèo. Nếu cái thể còn vay mượn được thì còn phải đến trăm thứ khác. Cái chết ở thôn quê là một cái gì rầy rà to. Vậy thì dầu bố mẹ Thai có vườn để lại cho Thai thì Thai cũng phải bán đi rồi. Nhưng thật tình là không có. Ba sào vườn của hần, nguyên do là của ông lý Biên cho hần. Hồi ấy hần làm đầy tớ nhà ông lý. Chính vào hồi kinh tế. Thóc có hào tám, hai hào một thúng. Làm ruộng không đủ tiền trâu bò với tiền nộp thuế. Người ta lũ lượt kéo nhau đi mộ phu, đi lên rừng. Vườn, ruộng ế. Những mảnh tốt còn có người muốn giữ. Những mảnh xấu, chẳng ai còn thiết. Người ta bỏ thuế. Lý trưởng sợ không lấy gì nộp được, mang gán cho bà con thân thuộc, người một mảnh, người vài mảnh. Còn một mảnh ba sào đất bãi, không ai chịu nhận, ông bèn cho Thai. Cho thì lấy vậy. Dầu chẳng lợi lộc thì cũng không phải thiệt. Đủ nộp thuế là phần nhất. Không đủ thì cứ ỳ ra đấy. Hần là đầy tớ ông lý, không lẽ ông giết hần? Ngày ấy hần chưa vợ, chưa con gì.

Mấy năm sau, ông lý Biên từ lý trưởng. Người khác lên thay, Thai không thể ăn vườn mà không nộp thuế. Hần đã toan bỏ phất, nhưng không bỏ được. Bởi bây giờ hần đã trót đa mang vào cái cảnh vợ con. Vợ hần bảo rằng: cái vườn cũng như một cái xương để gặm dần. Thị nhất định

cứ giữ khư khư lấy cái xương ấy, không chịu nhả. Sự co quắp của đàn bà thật là khó chịu nhưng nhiều khi có lý. Bởi vì cái thời mọi cái rẻ như bèo dần dần phải qua đi. Thóc gạo trở lại giá bình thường rồi quá giá bình thường. Một thùng sắt tây đã có kỳ lên đồng tám. Gấp mười lần khi trước. Những người ăn đông méo mặt. Ngày nắng còn có thể đông được gạo; ngày mưa, nhiều khi có tiền mà đành nhìn. Cầm rá ra hàng gạo, đồ ai thấy đâu hàng gạo đâu; người đi đông chen chúc. Hàng gạo vừa bán vừa mắng sa sả, người mua cũng phải lặn lưng vào. Ồ! Bây giờ thì vườn, ruộng sao mà quý thế! Ba sào vườn của Thái bỗng nhiên có giá. Nó không còn là xương nữa. Nó là miếng nạc. Biết bao nhiêu anh thêm! Hồi đầu năm, có người trả trăm hai. Rồi có người trả trăm ba. Rồi có người trả trăm tư. Rồi tháng năm vừa rồi, thấy hần phải chạy tiền nộp thuế, có anh cay mua quá, trả luôn trăm sáu. Đã ghê chưa? Chưa bao giờ hần tưởng hần có một cái cơ nghiệp to đến thế. Ngót hai trăm đồng bạc! Vợ hần vênh mặt lên mà bảo hần:

- Đấy! chả đòi bán mãi đi! Giá bán rồi thì bây giờ được ngồi nhìn người ta ăn mà xít xoa.

Hần cười:

- Người ta đùa đấy chứ ai chịu bán? Có ba sào vườn bán đi thì ở đâu?

- Úi chào!

- Thật chứ!... Bây giờ ai cứ trả hai trăm bạc, tôi có bán thì cho cứ phỉ vào mặt tôi.

Có người biết thế. Người ấy dòm ngó cái vườn của Thái lâu lắm. Y biết rằng Thái túng, nghĩa là cái mồi còn có thể giăng ra được. Miễn là phải khéo. Y chờ từng cơ hội. Mà cơ hội thì này đây: một hôm y thấy Thái đến sông xóc đĩa. Dấu hiệu này rất tốt. Bởi đến sông xóc đĩa thì phải đánh. Đánh thì thua hoặc được. Được thì đánh nữa, cho đến bao giờ hóa thua. Kết thúc thì bao giờ cũng thua.

Y chờ lúc đó. Lúc đó đã đến, như lời y đoán. Y cho Thái vay vài chục. Rồi y lại cho Thái vay vài chục nữa, rồi vài chục nữa. Sau cùng thì y gạ Thái cố vườn. Cố thôi, chứ y không có tiền mua đâu. Không muốn cố thì xoay tiền mà trả y. Y không cho vay thêm nữa. Vay nhiều rồi. Xoay? Nhưng mà xoay đâu? Xoay đâu cũng phải lãi mười phân. Thôi thì cố mẹ nó cái vườn cho xong! Thái nghĩ thế, bởi vì hắn đã thua cay lắm. Cần phải gỡ. Dẫu phải bán thân hắn đi mà gỡ, hắn cũng không ngần ngại. Ấy thế là cái vườn mất. Bởi vì cái vườn bán có đất khét mới được hai trăm thì người lấy cố lấy luôn cho hắn những trăm hai. Trăm hai. Trăm hai, viết là hai trăm cho cẩn thận, do cái lẽ trong văn tự chỉ có thể nói lãi y như quốc lệ. Y như quốc lệ nghĩa là đồng-bạc, tháng có một xu. Tiền để có mục ra cũng không cho vay nhẹ lãi như thế. Vậy thì viết tăng lên hai trăm cũng được, nhưng đến lúc chuộc cứ số hai trăm tính lãi mười phân mà trả. Người có tiền bỏ ra bao giờ cũng muốn nắm đằng chuôi như vậy. Được! Được! Muốn thế nào thì muốn. Thái cần tiền...

*

* *

Cái lịch sử vong gia thất thổ bắt đầu như vậy. Tiếp đến những ngày vợ chồng nghiêng ngáu nhau. Rồi thì chị vợ bỗng lẫn mẩn nghĩ rằng, cho cái thằng chồng bạt mạng này ăn thật phí cơm. Thị không cho chồng ăn nữa. Muốn ăn thì đi mà kiếm gạo. Anh chồng nghĩ, về nhà thế này thì cũng vô ích quá. Hắn không về nữa. Ban ngày hắn đi làm thuê để kiếm cơm. Đêm hắn ngủ nhờ luôn ở nhà chủ để sáng mai lại làm. Chị vợ đi mò cua, bắt ốc hoặc cắt cỏ đem sang chợ. Chị bán lấy tiền để nuôi thân và nuôi đứa con nhỏ. Đứa con lớn cho đi ở. Thế là ai lo phận ấy. Tay có làm thì hàm mới nhai. Trong khi ấy, số lãi cố vườn - mỗi tháng mười hai đồng bạc - cứ chồng chất lên.

Trận bão tháng sáu bùng ra. Giá không sợ người ta chửi, Thái đã reo lên một tiếng reo đặc chí. Bởi vì lúc ấy cái vườn đã đến độ không còn lấy gì mà chuộc được. Tiền chuộc quá giá vườn rồi. Vậy thì những cây cối đổ la liệt, hoa màu bị tàn phá chẳng ăn nhập gì đến hắn. Chỉ có vợ hắn là hơi bị thiệt: cái nhà bị đổ. Nhưng cũng được. Thị dỡ củi đi bán dần lấy tiền đóng gạo. Rồi thị đi ở nhờ. Có sao?

Sau trận bão, nhà nào cũng phải dọn vườn, phải chữa nhà, không ai rỗi để làm thuê. Bấy giờ mới là lúc những anh đi làm thuê "lên râu lợn". Thái tự nhiên thấy người ta cần mình. Cần thì bắt chẹt, để bù lại những lúc sức làm việc của con người rẻ rúng, hắn ngồi mồm lên cũng chẳng ai thuê. Mọi khi ăn cơm nhà, hắn vẫn được người ta trả công ba hào. Cơm chủ thì hào rưỡi. Họ cho ăn tẻ lắm, được miếng cơm chín đã là tốt phúc. Bấy giờ không thể được. Hắn đã làm, cứ phải cơm ngày ba bữa, có cái tôm

cái tép hoặc bát canh, bát riêu tử tế. Rồi tối về lại phải xĩa ra luôn bốn hào công. Có bằng lòng thế thì thuê, không thì cứ để hần chơi mà nhịn đói. Cố nhiên là người ta phải bằng lòng. Hần gạt ra không hết việc. Luôn nửa tháng trời, ngày nào cũng cơm no phĩnh độ, tiền bỏ túi lúc la lúc lỉu. Một lớp ấy, tính ra hần để được năm sáu đồng.

Bởi vậy, khi trận bão bất ngờ đầu tháng chín xảy ra, Thai mừng rỡ. Hần thấy hần cố vườn là phải lắm. Để vườn, bây giờ chỉ việc trông nhà mà khóc. Không có vườn, lại được đi làm thuê tính tiền. Ôi! chí lý thay là những anh cố vườn. Hần ngửa mặt lên trời cười ặc ặc.

Nhưng hôm nay thì công việc cũng đã vãn rồi. Người ta không còn phải tranh nhau mượn người làm như trước nữa. Công trở lại ba hào không cơm. Gạo thì kém. Không những thế, lại sắp sửa đến cái đạo không việc. Thai đã phải vác xác ra bờ để ngồi tán chuyện với những kẻ vô công rồi nghề.

Trời lành lạnh. Gió thổi trên những ruộng lúa xanh cuộn cuộn. Thai nghĩ bụng, không khéo thì lại bão!... Nhưng không phải. Trời có vẻ như đã thuận. Mà thuận là phải lắm. Gần sang tháng mười rồi còn chi? Mùa lạnh tới. Thai buồn rầu nghĩ đến bộ quần áo độc nhất của hần đã xác như tổ đĩa. Giá vải như giá vải năm nay, thì hần chẳng dám mong có thể may bộ khác. Bộ cũ cần vá vuu...

- Thuận rồi đấy!

Hần nhắc theo những người khác như cái máy, nhưng mắt hần dờ dờ. Gió may thổi đám lá tre bối rồi. Trong

lòng hần, những nỗi niềm không rõ rệt, nhưng buồn bã lắm, cũng rối lên bồi bồi. Trời lạnh lẽo. Con chim nhớ tổ. Người ta thấy yêu gia đình. Thai nghĩ đến vợ, đến đứa con nhỏ, đến những buổi tối của những mùa rét trước. Cái ổ rơm ấm nóng, mẻ ngô rang thơm ngọt, tiếng trẻ con cười giòn. Và người đàn bà, người đàn bà ấm hơn chăn chiếu.

Chiều hôm ấy, Thai đi tìm vợ. Chúng điều đình với nhau một cuộc tái hợp. Không có gì ngăn trở cả. Người đàn bà rất muốn có một chốn để đi về như con chim có tổ. Cái khó bây giờ là làm sao có nhà...

Thai bảo vợ:

- Kể thì cũng dễ. Cái vườn tuy cố rồi nhưng vẫn chưa mất hẳn. Ta vẫn có thể ở nhờ họ được. Còn nhà thì mỗi đứa chung hai đồng. Ta đi mua vài chục nứa, vài gánh mía về làm một cái lều con con.

Ngày hôm sau, cái chương trình ấy được đem ra thi hành. Thai bỏ ra hai đồng bạc. Vợ hần cũng có tiền bỏ ra hai đồng bạc. Người chồng hí hửng đi sắm sửa. Vừa tre, vừa nứa hết hai đồng chín. Cứ nói là ba đồng chò gọn. Sáu hào lá mía. Còn thì để xem ai có lạt vàng, giả lại vài ba trăm cái. Mua tre để chẻ đã mất công, mà cái lại trắng không được bền. Bây giờ thì khởi công. Vốn tính phân minh, hần giao hẹn với vợ:

- Tớ mất công làm thì đằng ấy mất cơm. Cái gì cũng vậy. Ở thì cả hai cùng ở, vậy chịu cũng cả hai cùng chịu. Nhịn đói thì trời cũng không làm được.

Chị vợ lừ đừ đôi mắt. Thị cho là hấn định xoay thị.

Đã góp hai đồng bạc, lại mỗi ngày vài hào gạo cho hấn nữa, thì ra phần thị phải đến ba đồng à? Thị nguây nguẩy chối:

- Thôi! Thôi! Tôi xin kiêu!... Đừng vùi nữa. Tôi đã giao hẹn tôi chỉ có hai đồng bạc.

- Dở lắm, thế tôi không phải hai đồng bạc à?

- Ủ! Thì mỗi người hai đồng bạc. Còn thì cơm ai người ấy ăn.

- Nói chó cũng không ngủi được!... Ồ, nếu vậy thì mỗi ngày giả công tôi ba hào.

- Có ngay!

Thị gằn cái cổ lên một cách vô cùng bướng bỉnh. Hấn phải dọc đường dọc lối cho thị hiểu:

- Thế này này... Để yên tôi nói: mỗi ngày làm của tôi đáng ba hào, thế tức là cứ làm một ngày cũng như tôi góp ba hào; nhà chẳng góp hào nào cả.

- Việc gì tôi phải góp.

- Thì cứ để tôi nói nốt! Bây giờ nhà thổi cho tôi độ hào rượu gạo, có phải tôi còn thiệt hào rượu không?

Rành rọt quá. Chị vợ cứng họng, không cãi được. Thị đành chịu vậy. Nhưng thị đã hậm hực không vui rồi. Thị thấy cứ hơi giãy với hấn là y như hấn tìm đủ cách để có phần hơn về cho hấn. Phương ngôn nói: “Cuộc giạt vào lòng” thật

không sai tí nào. Nhưng mà thôi! Đã trót bỏ ra hai đồng bạc, bây giờ có đòi về cũng không được nữa. Thị đành nín nhịn cho xong việc. Thành thân cái nhà rồi sẽ liệu...

Nhưng mấy hôm sau, khi cái nhà được lợp rồi, hấn lại giở giọng bảo thị như thế này:

- Tôi quên đi mất. Còn trúc bọc dưng chưa có. Nhà bỏ ra vài ba hào đi mua...

Thị không đợi cho chồng nói hết...

- Thôi, thôi, thôi, thôi!... Tôi không biết!

Thị vừa lắc đầu vừa chạy lút cụt để tỏ ý nhất định không nhượng bộ một tí nào nữa. Hấn gọi với theo:

- Này, thì yên tôi bảo đã!

- Tôi không biết! Tôi không biết!...

Thị ngoắt ra tận ngõ. Mồm thị lẩm bẩm gì như chửi rủa. Hấn bực mình lẩm lẩm. Hấn quẳng phất con dao xuống đất...

- Nó làm như ông ở một mình không bằng.

Hấn xoa bàn tay nọ vào tay kia và vỗ bèn bẹt cho hết đất. Rồi hấn đi. Cổ hấn cứ nghèn nghẹn suốt từ giờ cho đến tối. Có lúc nước mắt ứa ra một chút. Hấn ngao ngán quá. Cái ý nghĩ liều lĩnh lại trở về óc hấn:

Kệ bố nhà! Kệ tiên nhân vợ! Ông lại đi làm cái rượu.

Ấy thế là số phận của cái lều đã định. Nó đành bỏ dở. Kèo, cột đầu vào đấy cả rồi. Nóc buộc rồi. Hai mái lợp

gân xong. Chỉ còn thiếu vách. Nó trống bốn bề như quán chợ. Gió, sương vào mặt sức. Giun ế đùn cả lên mặt nền.

Một hôm người chủ lấy cố vườn trông thấy, và bỗng nghĩ ra một việc. Gặp vợ Thai, y bảo:

- Thôi, chị ạ. Cái lều của anh chị không dùng nữa, có dỡ đi bán củi cũng chẳng được bao nhiêu. Tôi trả hai đồng đấy; chị có bán thì để lại cho tôi, tôi trả tiền.

Nài được thêm năm hào nữa, thị bằng lòng bán. Người chủ vườn sai đầy tớ buộc dùm, trát vách. Rồi ít lâu sau, đêm nào cũng vậy, cứ tối một lúc, người ta thấy thằng ở nhóc con nhà ông ta nằm trong lều hát toáng lên như để bảo trộm rằng “có ta đây”, rồi một lúc sau đã lăn ra ngủ khì khì, giá trộm có vào vờn xuống sông cũng chưa tỉnh hẳn. Ấy là hấn ta coi vườn.

BÀI HỌC QUÉT NHÀ

Hồng đang thẩn thơi chơi một mình ở trong vườn... Ít lâu nay, những lúc được đi chơi, Hồng chỉ đi chơi có một mình. Chị Thảo về rồi (Thảo là con ở trước kia vẫn giữ em Hồng). Thằng em chưa biết đi. Còn thấy u thì bây giờ hay gắt quá. Hồng cũng chẳng hiểu tại sao lại thế. Thấy, đã đành: thấy vốn nghiêm khắc lắm, nhất là những khi thấy viết hay đọc sách. Thấy chiếm một mình cả một căn buồng ở đầu trong. Thấy ngồi trong, viết hay đọc sách suốt ngày. Những lúc ấy, thấy muốn được yên tĩnh hoàn toàn. Hồng hơi nói to là thấy quát mắng ngay. Có khi thấy mở cửa đánh sấm một cái, xồng xộc bước ra, chực đánh Hồng. Đã bao nhiêu lần, Hồng gấn bặt vía. Bởi vậy Hồng sợ lắm. Mỗi lần phải đi qua chỗ buồng thấy, Hồng nín thở, kiễng chân, cố cho không có một mảy may tiếng động. Chỉ cần có thế. Ngoài ra, thấy hiền như ông bụt đất. Mỗi chiều, ở trong buồng làm việc bước ra, thế nào thấy cũng gọi Hồng. Nếu thấy mãi đi tắm, hay bận đi đâu, thì thấy chỉ vuốt tóc Hồng, hỏi vài câu, nhìn Hồng bằng đôi mắt yêu thương, rồi khẽ tát vào má Hồng một cái, bảo: “Cho con lại đi chơi...”. Nhưng nếu thấy bận việc gì, thì

thầy xách hai cái ghế ra sân. Thầy ngồi một cái. Hồng ngồi một cái. Thầy gác hai chân lên cái ghế của Hồng. Hai bố con nói chuyện với nhau. Thường thường chỉ mình Hồng nói mà thôi. Hồng nói bất cứ cái gì, chuyện u, chuyện em Thiên, chuyện con chó con, hay chuyện mặt trăng, cái đèn pin của ông Giời. Cũng có khi Hồng nhắc đến bác Hoa, bác Kim, và những bác gì, bác gì đến chơi nhà Hồng vào một hôm Hồng đau bụng. Hồng nói nói, cười cười. Đôi mắt như hai cái hạt nhãn của Hồng, cái miệng chúm chúm, đôi hàm răng trắng và nhỏ như răng chuột, cả cái đầu Hồng với đôi bàn tay nhỏ xíu nhưng múp míp, làm những điệu bộ xinh xinh, rất đáng yêu. Thầy sung sướng nhìn, nghe, mỉm cười rất dịu dàng. Có khi đôi mắt thầy uơn ướn vì cảm động. Thầy nắm lấy tay Hồng, nhắc Hồng sang ghế của thầy, ôm Hồng trong lòng, vuốt ve tóc và hôn. Không! Thầy có ghét Hồng đâu? Trái lại, thầy rất yêu Hồng. Cả u cũng thế. Thường thường thầy u chỉ ăn cơm với tương mắm mà thôi. Nhưng bao giờ u cũng mua cho Hồng một thức ăn riêng: thịt, cá, trứng hay là đậu. U cũng không để Hồng phải thèm quà bánh. Hồng ao ước thức gì hôm trước, chỉ hôm sau, lúc u đi chợ về đã có thức ấy trong thúng của u rồi. U nói với Hồng rất nhẹ nhàng. Năm thì mười họa mới có một lần u quở mắng Hồng: ấy là những khi Hồng nghịch dại, làm bẩn người và quần áo.

Bây giờ thì khác hẳn. Hồng phải mắng luôn luôn. Động một tí gì, u cũng mắng. Nói một mình, mắng! Vấp ngã, mắng! Đi chậm, mắng! Bữa ăn, không có thức ăn, ngả ngón không ăn được: mắng!... Như vậy kể cũng còn

đáng tội. Nhưng lại còn những cái không phải tội Hồng: thí dụ như nhà bẩn, nhà lấm ruồi vào, con chó bới vườn trầu, hay thằng Thiên ngã, thằng Thiên khóc... Hồng làm sao cho không thể được? Ấy thế là u cũng cứ Hồng mà mắng. Hồng xấu mếu suốt ngày vì phải mắng. Nhưng Hồng không dám khóc, Hồng chỉ cố tránh thấy u, lẩn lút ra vườn, chơi một mình.

Chơi một mình, buồn lắm. Hồng ngơ ngẩn. Hồng tiếc những ngày xưa cũ quá. Những ngày xưa cũ chỉ cách đây hơn nửa tháng. Chị Thảo chưa về. Chị Thảo bế em Thiên. Hồng leo đẹo theo sau. Chúng đi chơi khắp xóm. Ngày ấy, Hồng có biết bao nhiêu là bạn! Thằng Hỉ đỏ mũi, thằng Hân còi truồng, thằng Tảo đầu trọc như quả bưởi và mắt trố như hai con ốc nhồi, với cái Như, cái Mùi, cái Vót... Chúng chơi với nhau vui lắm, vui lắm! Bây giờ Hồng chỉ còn được chơi với cây xoan, cây chuối, cây cam. Hồng gọi chúng là bác xoan, bác chuối, bác cam. Hồng lấy bẹ mèo chuối xúc cát làm gạo bán cho chúng nó. Chúng nó không biết nói. Hồng phải nói thay chúng nó, Hồng hỏi rồi lại tự trả lời, cùng một lúc là mình và là tất cả. Nhưng coi chừng đấy! Nếu u nghe thấy, u sẽ mắng: Hồng điên! Bởi vì theo ý u, có điên mới lắm nhảm nói một mình. Và nếu u biết hồng nghịch cát thì cứ chết! Thế nào u cũng đánh. Nghịch cát, bẩn quần áo, bẩn cả đầu tóc, mặt mũi chân tay. Ai rồi mà tắm giặt cho Hồng được? Mà tiền đâu mà mua xà phòng? Xà phòng thì đắt như nhân sâm, vàng cốm... tưởng u còn sung sướng lắm, nên phải làm tội, làm nợ cho bớt đi một chút. U sẽ bắt Hồng ngồi co ro ở trong nhà, không được ra đến ngoài. Bước

chân ra khỏi cửa là chặt chân!... Chặt chân! Hơi một tí là chặt chân!

Hồng cũng chẳng hiểu tại sao u bỗng nhiên sinh khó tính như thế vậy. Chỉ biết: đã ít lâu nay, cả thầy lẫn u đều có vẻ không vui. Thấy lúc nào cũng cau có dăm chiêu, nhất là sau khi đọc nhật trình. Có lần bỗng tờ báo xuống bàn, thầy lắc đầu một cách chán nản, bảo u:

- Tình hình nguy lắm rồi, mình à. Tôi sợ khó mà được hết năm nay.

- Sao vậy?

- Giấy khan lắm! Việc in, việc xuất bản bị hạn chế rất gắt gao.

Thầy thở dài. U thở dài. Trán thầy tối như trời lúc sắp mưa. U cười gượng bảo:

- Nhưng thầy kệ! Hơi đâu mà lo trước? Đến đâu hay đấy. Thời buổi này, khổ đến đâu mà không phải chịu? Vả lại nhà mình khổ mãi, quen đi rồi. Tìm được no, ăn no; tìm được đói, ăn đói. Chẳng tội gì mà lo, mình à.

- Đã đành thế, nhưng còn nợ?

- Thì ta ỳ ra đấy. Thịt người có ăn được đâu mà sợ!

Thầy cười chua chát. U cũng cười. Một lúc sau, u lại bảo:

- Nói đùa vậy, chứ nợ thì thế nào cũng phải trả. Mình không phải là hạng người lì được. Bán gì thì bán, cũng phải bán đi mà trả.

- Còn gì mà bán?

- Cái nhà! Mình công nợ cũng vì làm nhà; không còn làm gì trả được, thì lại bán nhà đi mà trả; có khó gì đâu?

- Đến nước ấy thì đẹp mặt!

- Ai cười thì cũng đành chịu vậy, chứ biết làm sao bây giờ?

Thầy lại lăm lì không nói. Nhưng thỉnh thoảng, mắt thầy lóe ra tia dữ tợn. Trông mặt thầy sợ lắm. U bấm Hồng, khê bảo: “Đi chơi đi!”. Rồi u cũng lảng ra. U dắt Hồng sang nhà hàng xóm chơi, bởi sợ thầy gây sự...

Những mẩu chuyện na ná như trên, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Hồng chẳng hiểu gì. Nhưng Hồng cũng lơ mờ thấy một sự sụp đổ gì sắp tới. Một nỗi lo lằng lảng vảng trong nhà Hồng. Thầy làm việc nhiều hơn. Tận lúc tối không còn trông thấy chữ, thầy mới ở trong phòng làm việc đi ra. Thầy mãi suy nghĩ gì, quên cả việc gọi Hồng, Hồng quen lệ, đứng đợi thầy ở sân, chạy lại bấm lấy thầy. Nhưng thầy khê gạt ra, và hơi cau mặt bảo:

- Đi chơi! Để cho thầy nghỉ! Thầy hơi nhức đầu.

Một hôm, thầy nhận được một bức thư. Không phải thư của bác Hòa, Hồng biết vậy, lúc đọc thầy không mỉm cười. Thầy sầm mặt. Rồi mặt thầy hơi tái đi một chút. U nhìn thầy, lo lắng hỏi:

- Thư của ai đấy, hở mình?

Thầy có vẻ không nghe thấy, bởi thầy không đáp lại. U sợ thầy gắt, không hỏi nữa. Một lúc sau, đột nhiên thầy bảo:

- Nay mai mình tính công cái Thảo, trả cho nó, rồi cho nó về. Cái Hồng ngót năm tuổi rồi, chẳng còn bé bỏng gì, trao cho nó giữ em. Ngày mai đi chợ, nhớ mua một củ nâu. Bao nhiêu quần áo trắng của tôi, của chúng nó nhuộm tất cả đi, cho bền và đỡ tốn xà phòng. Còn ba chục thùng thóc, mình phải liệu chia ra, làm thế nào cho đủ ăn từ nay đến tết. Ăn in ít chứ! Miễn là không chết người thì thôi. Quà bánh của chúng nó thì bỏ đi.

Những huấn lệnh của thầy được đem ra thi hành đúng từng chữ một. Chị Thảo về, Hồng phải giữ em và đánh vật với nó suốt ngày vẫn không xong! Nó vấp ngã, vẫn khóc, vẫn đập phá, khiến Hồng phải mắng. Quần áo của cả nhà đều nhuộm nâu. Những khi u đi chợ về muộn, thầy làm bếp. Thầy u ăn mỗi ngày có một bữa trưa. Mỗi trưa u cất đi một bát cơm, Hồng chẳng còn được ăn quà bánh gì. Mà u luôn luôn sai việc nọ, việc kia, mà hơi lóng ngóng là mắng ngay.

*

* *

- Cái Hồng đi đâu rồi?

Hồng tái mét mặt, chạy về sân.

- Con đây ạ!

- Lại lên đi chơi đấy, phải không? Con này chơi quen rồi! Về ngay đây, tao bảo?

Giọng u gắt gỏng, Hồng lóp ngóp trèo lên cái đầu hè cao gần đến ngực, rồi lạch bạch vào nhà. Nó mở to đôi mắt trong trẻo nhìn u...

- Mày nhìn gì tao? Thử nhìn cái nhà xem! Bẩn thế mà mày không quét... Hơi mẹ cất lấy cho một cái là chạy mất.

Hồng mãi một chạy lại một xó nhà, lấy chổi. Cái cuống chổi to quá, bàn tay nhỏ bé của Hồng cầm rất khó. Nó lúng túng chuyển từ tay phải sang tay trái, rồi lại từ tay trái sang tay phải. Tay nào cầm cũng ngược. Người mẹ quát:

- Mày luống cuống gì mãi thế? Cái tay trông đẹp nhỉ? Lớn đâu bằng ấy mà không biết cầm cái chổi? Chỉ ăn là nhện thôi!... Được rồi. Quét đi!

Hồng quét. Nhưng nó ấn cái chổi xuống thêm nhà quá. Cái chổi không đưa đi đưa lại được. Hồng cố đẩy. Cái chổi bật lên và buột khỏi tay Hồng. Người mẹ nghiêng chặt hai hàm răng lại, rít lên:

- Giời ơi là giời! Con với cái! Chơi quen rồi!

Hồng ghen cổ. Nó ngừng quét, ngược lên mẹ đòi mắt ầng àng nước. Mồm nó mím lại, toan mếu xệch. Mẹ nó càng điên tiết. Thị vùng vàng đứng dậy, chỉ vào mặt nó:

- Mày đứng đấy à? Mày có quét ngay, không thì chết với tao bây giờ. Quét đi!

Hồng sợ hãi, lại vội vàng vợ lấy chổi. Trong lúc lỉnh quính, cái chổi lại buột tay lần nữa. Người mẹ giơ tay lên chực tát, Hồng đưa một tay đỡ, tay kia hấp tấp nhặt cái chổi. Người mẹ ngăn kịp giận, để rơi bàn tay Hồng bỏ xuống. Hồng nắm cái cuống chổi bằng hai tay. Nó ì ạch vùn cái chổi, như người ta vùn cái cối đá nhất. Trông thật

là ngựa mất! Người mẹ cố nén giận, cầm lấy tay nó mà dắt, dạy quét như mấy ông đồ dạy viết...

- Người ta phải đưa ngang cái chổi thế này, thế này... Đó! Không cần ấn mạnh, nó chạy làm sao được? Mà cứ dịch dần đi: một nhát chỗ này, một nhát chỗ này, rồi chỗ này... thế! thế!

Hồng bị mẹ kéo đi xềnh xệch. Những nhát chổi tay mẹ đưa rộng quá, tay con bị giật theo, lạng cả người đi. Con bé gấn chúi đầu xuống đất. Nước mắt nó tuôn ra mờ cả mắt. Nhưng nó vẫn mím chặt môi. Không dám khóc...

Người mẹ hăm hở làm một lúc, rồi buông tay ra, đứng thẳng người lên, vừa thở vừa bảo con:

- Đấy! Cứ thế... Bây giờ mày quét đi, tao xem nào!

Hồng quét. Nhưng nó vẫn lơ lơ, lúng túng. Cái chổi ngập ngừng trên mặt đất, không biết nên đi lối nào cho phải. Người mẹ thấy khắp người ngứa ngáy. Thị không còn nhìn được. Nước mắt thị ứa ra một chút. Thị tức tới đập tay vào đùi mình đánh tét. Hồng giật mình, đánh rơi cả chổi. Ấy thế là hết!... thêm tiếng nữa. Lần này thì cái bàn tay dán vào một bên má *cúp bé* của con bé từ trước cho đến nay mới chỉ nhận được những cái tát yêu của bố. Nó chúi người đi một cái và òa lên khóc. Người mẹ sùng sốt như chợt nhận ra cái cử chỉ vô lý và tàn nhẫn quá. Thị đứng ngậy người ra một chút. Rồi thị vô lấy cái chổi quét như điên, như dại. Mặt thị co rúm lại chực khóc. Nước mắt, nước mũi chảy ròng ròng xuống đất. Thị vừa quét vừa rên lên nho nhỏ:

- Giời ơi! Giời ơi!... Giời làm khổ tôi thế này!

*

* *

Người bố chỉ lẳng lặng nhìn tất cả tấn bi kịch đang diễn ra trước mặt. Y thấy lòng đau quặn quại. Có một lúc kia, đưa con gái ngược đôi mắt giàn giụa nước mắt, nhìn bố, như cầu cứu. Y quay đi, giả tảng không nhận thấy. Nhưng suốt buổi chiều hôm ấy, y buồn bã. Tuy cũng vào phòng viết, ngồi như thường lệ, nhưng y không viết được. Y nhìn qua cửa sổ. Cái nhìn của y, len lén theo dõi trong một góc vườn, đưa con gái thẩn thơ giữa những cây chuối, cây xoan, cây bưởi... Nó có vẻ buồn bã thêm. Ba bốn lượt, nước mắt y rỏ xuống...

Tối hôm ấy, sau khi đã uể oải ăn xong bát cơm nguội rắc vừng, Hồng uống nước rồi lẳng lặng vào giường ngủ. Một lát sau, người bố vào, nằm bên con, quạt cho con. Một bàn tay y vuốt ve những sợi tóc mềm như tơ. Con bé nhắm nghiền đôi mắt, không dấy động. Nhưng nó chưa ngủ hẳn... Bỗng nó nghe thấy mẹ khe khẽ bảo:

- Hôm nay, tôi tức quá, tát cái Hồng một cái, rồi thương đứt ruột. Suốt hôm, nghĩ đến lúc nào, tôi lại khóc. Không biết tôi điên hay sao ấy.

Thấy Hồng bảo:

- Đây là mình lo lắng quá. Tôi cũng vậy, lắm lúc tôi biết mình mắng nó bất công mà cứ mắng; tại ruột mình lúc nào cũng nóng như lửa đốt; hơi một tý là mình cáu.

- Ấy tôi cũng thế...

- Nhưng chúng mình phải coi chừng! Tôi thấy nó ít lâu nay chậm chạp và ngơ ngẩn lắm, không được nhanh nhẹn, ngộ nghĩnh như trước. Đánh mắng lắm, nó mụ người đi đấy. Mà mình bắt nó làm vừa vừa chứ! Nó còn non tuổi lắm: đến tháng chín này mới vừa đầy năm tuổi. Đã làm sao được?

- Thì ai chả biết! Nó thì làm gì được? Có mà còn phải hầu nó chán.

- Thế sao mình cứ bắt làm? Mà nó làm không được thì lại đánh?

- Thì đã bảo: điên mà lại! Con bé thật là có nết. Chỉ vì mình túng cho nên nó khổ... Mẹ nó! Ấy thế là ngủ im như lợn rồi đấy...

Thật ra thì Hồng có ngủ đâu. Nó nghe thấy tất. Tự nhiên nó thấy nước mắt rì rì chảy ra đầy má. Nó không dám chùi, sợ thầy nó biết. Nhưng bỗng thấy nó quay vào, ôm lấy nó, áp môi vào má nó, ngạc nhiên một thoáng rồi bùi ngùi bảo:

- Tội nghiệp con tôi! Đang khóc mê đây này...

1943

ĐÓN KHÁCH

Có giới biết đấy; quả thật Sinh không ác. Nhưng mà Sinh nhẹ dạ. Ấy là cái tật chung của những người trẻ tuổi. Vả lại Sinh vẫn tưởng không đời nào lại có những người ngớ ngẩn như thế được. Vẫn biết ông đồ tính thật thà. Nhưng còn bà cụ chứ! Bà phải hiểu rằng Sinh đùa cợt. Có ai ngờ bà đồ cũng lẫn thẩn như ông đồ nốt. Bởi thế, mới đầu năm mà hàng xóm đã được một mẻ tức cười. Nhưng nói thế thì ai hiểu. Truyện phải kể có đầu, có đuôi. Vậy đầu đuôi như thế này...

Sinh hay đến nhà ông hàn Phong ở cái làng Vũ Đại này chơi. Làng Vũ Đại cách tỉnh lỵ có mười hai cây số. Ông hàn với ông thân sinh ra Sinh là chỗ bạn cố tri. Sinh gọi ông hàn là bác. Nhiều người cứ tưởng hai người có họ gần gũi với nhau. Vậy thì dẫu chủ nhật nào Sinh cũng đạp xe đạp đến chơi nhà ông hàn từ sáng cho đến hôm, sự ấy cũng là thường. Nếu y có định ngấp nghé cô Duyên, con gái ông hàn đi nữa thì cũng được. Cái ấy chỉ có y biết, cô Duyên biết. Hoặc giả ông hàn, bà hàn biết nữa là quá lạ. Chúng ta làm gì mà biết được.

Sinh là một công chức nhỏ mới. Các bạn y vẫn thường gọi y bằng tên tục của y: Sinh rụt. Bởi cái cổ y rụt thật. Nhưng về đây thì lại khác. Thấy người nhà ông hàn gọi Sinh là cậu phán, người ta cũng gọi Sinh là cậu phán. Không ai thấy cậu phán co vai, rụt cổ... Gặp ai, người ta chưa kịp trông thấy cậu, cậu đã chào người ta trước bô bô. Cậu hỏi người ta: “Có phát tài không?” “Lúa có khá không?” “Cháu có chịu chơi không?” Con người nhũn nhặn. Thân danh là ông phán, lương năm, sáu chục, nhưng ông chánh ông lý có việc đến còn phải chắp tay bảnbáo, thế mà cảm khinh người. Anh bạch đình mà có một ít râu, cậu cũng gọi là ông. Nói với bà lão móc cua cũng vâng vâng, dạ dạ. Mà y lắm lúc nghịch ngợm như con trẻ. Cậu nằm úp sấp ngay trên cỏ, ngóc đầu lên, gọi mấy cô làm cỏ lúa thách các cô hát đúm. Các cô không chịu hát thì cậu toang toang hát trước. Tiếng như ngỗng đực làm các cô đã cắn chặt hai hàm răng lại mà cũng không sao nín cười. Cậu ta lại càng rống lên. Ô! Mà cho cậu cũng tài. Cậu là người tỉnh mà chẳng hiểu học lỏm ở đâu được nhiều câu hát nhà quê thế!

Mình nhớ ta như cá nhớ muối.

Ta nhớ mình như cuội nhớ giăng

Mình về mình có nhớ chăng?

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười...

Rõ là tình tứ chưa? Cũng may họ đều biết tính cậu chỉ đùa ngoài miệng, cho nên không có cô nào chết mệt. Nhà các cô ít phúc lắm, chẳng dám làm bà phán đâu. Răng các

cô toàn là răng bàn cuốc. Cậu có nhớ là nhớ cái hàm răng trắng nõn, và đều tăm tắp của những cô tân thời quần trắng kia. Con gái nhà quê, nước gù!

Nhưng lại có một người không nghĩ thế: ấy là bà đồ Cảnh. Và có một người đồng ý với bà đồ Cảnh: ông đồ Cảnh. Và một người nữa: cô Na con gái ông, bà đồ Cảnh.

Ở đường cái vào, thì nhà ông đồ và nhà ông hàn cùng một lối đi. Nhà ông đồ ở thụt mãi vào trong, có ba gian cột tre, mái rạ. Nhà ông hàn ở bên ngoài, nhưng lại phải rẽ lên phía trên một quãng. Nhà gạch, mái cong cẩn thận. Nguyên vẽ kiểu đã mất hơn hai trăm đồng bạc - người làng họ kháo nhau như vậy.

Vậy cứ kể lý ra, thì cậu phán Sinh không biết nhà ông đồ Cảnh. Nhưng bà đồ lại có một hàng nước ở ngoài đê, ngay chỗ rẽ vào. Vậy thì mỗi lần đến ông hàn, cậu phán xuống xe ở ngay trước cái cửa hàng nước của bà đồ. Quen nhau thì phải lắm. Trong hàng bà đồ có cô Na. Sinh thấy người ta gọi thế nên biết thế. Na trông cũng hay hay. Hay hay, đó là tiếng của Sinh trêu.

Bởi Na tuy chẳng đẹp nhưng cũng khá. Chao ôi! Chỉ là con gái không thôi kể cũng đã dễ chịu lắm rồi. Đây cô Na lại là con gái có má hồng thì cái dễ chịu chưa biết đến thế nào mà nói! Cố nhiên là Sinh trêu.

Một hôm y ve vẩy hai tay để làm một người đàn bà ưỡn ẹo, vào hàng bà đồ Cảnh...

- Nào cậu phán mua mở hàng cho tôi nào.

- Ô, thế cụ chưa bán mở hàng dư cụ?

- Chưa ạ, tôi vừa mới dọn...

- Thế thì tốt quá! Cháu mua mở hàng thật là tốt vía; hàng cụ thế nào cũng đắt. Cụ có những gì đấy kia?

Sinh ngồi xuống ghế, dặng hai chân ra, hai tay chống xuống đùi, mắt trợn lên nhìn trừng trừng cái chõng hàng như một con cóc nhìn giun. Y chép lưỡi, nuốt dãi hai ba tiếng. Na phải quay đi để cười. Bà đồ cũng cười và bảo:

- Nói thế chứ những thứ này cậu phán ăn sao được? Các cậu có ăn thì lại vào cao lâu...

- Cao lâu cũng không ngon bằng hàng của cụ.

- Vậy cậu mua đi cho tôi vài hào.

- Cháu mua luôn hầu cụ vài trăm bạc. Nhưng để cháu còn tìm đũa. Chuối, xoi, chè, canh, cháu đều không thích lắm. Cháu chỉ muốn một thứ...

- Cậu muốn mua thứ gì?

- Cụ có bán na thì cháu mua!

Nói thật nhanh xong câu ấy, Sinh cười sằng sặc. Na lườm y một cái, mặt đỏ như gấc chín. Bà đồ cũng cười nheo cả mắt, vờ vĩnh bảo:

- Na về tháng bảy, tháng tám mới có chứ mùa này làm gì có?

Sinh cười ngật nghễo:

- Cụ thì bao giờ cũng có ạ. Cháu trông thấy rồi. Phải không, cô Na nhỉ?

Na lại càng đỏ mặt. Thị quay hẳn mặt đi, phụng phịu. Bà đồ hỏi:

- Cậu mua thật hay mua dối?

- Mua thật ạ. Cháu đang ao ước.

- Thế thì tôi cho cậu đấy. Có nuôi được thì đem mà nuôi.

- Cô Na ạ, cô nghe đấy! ... Vậy từ nay con là con cụ nhé! ...

- Thế thì cháu cảm ơn cụ lắm.

Từ đấy, Sinh nhất định cứ bu bu, con con với bà đồ. Y nếm nôi chè. Y lắc cái hòm tiền. Y mời những khách qua đường vào nghỉ chân, uống nước. Na nguýt y và cười. Bởi vì Na đã bắt đầu không then nữa. Cái gì lâu cũng thành quen. Đôi khi, thị đã trả lời những câu Sinh đùa thị. Người ta đùa thế chứ đùa nữa thì cũng mặc. Có mất phần gì đâu mà sợ? Ngoài miệng thì Na nói thế. Ra sự rằng thị cũng hơi hơi hy vọng. Cả bà đồ cũng vậy. Nhất là từ cái hôm mà Sinh mang một chai rượu dâu làm quà cho ông đồ.

Ô! Lại chuyện chai rượu dâu này nữa... Chỗ này thì Sinh khó ác. Nhưng thói đời, nhiều khi ta ác mà người ta vẫn tưởng ta tử tế. Cho nên ông đồ Cảnh, bà đồ Cảnh và cô con gái cảm cái bụng Sinh rất nhiều. Nguyên do thế này, Sinh có một người quen mới mở cửa hàng bán rượu dâu. Y biếu Sinh hai chai rượu vừa để tạ ơn, vừa để làm quảng cáo. Hôm ấy là chiều thứ bảy. Sinh vốn không

thích rượu. Bởi vậy, y nghĩ ngay đến ngày hôm sau, y sẽ về Vũ Đại. Tiện có, nếu y xách hai chai rượu ấy về làm quà cho ông hàn Phong cũng hay. Ấy thế là sáng hôm sau hai chai rượu dẫu cùng với Sinh lên đường. Nhưng đi được nửa đường thì một chai bị tuột tay rơi xuống đường rạn một vết to. Rượu đổ xuống mặt đường tung tóe. Sinh ngẩn mặt ra một chút rồi ghé nửa chai còn lại lên miệng uống. Và tức khắc y nhăn mặt lại. Cha mẹ ơi! Rượu quái gì mà chua như tương ấy. Y quăng chai rượu vỡ xuống ruộng. Thuận tay, y đã toan quăng cả chai lành, nhưng lại tiếc của giời. Y ngần ngừ một lúc rồi tắc lưỡi. Thế nghĩa là y tự bảo : “Ta giữ lại”. Nhưng giữ lại làm chi vậy? Biếu ông hàn thì cố nhiên là không được. Sinh nghĩ đến chú canh điền nhà ông hàn. Nhưng không lẽ đến chơi với người ta, quà biếu không có, quà cho con người ta cũng không có nốt, lại có quà cho thằng canh điền là một thằng chẳng có lý nghĩa gì trong nhà người ta! Chi bằng đem phát ra cánh đồng chia cho lũ trẻ. Nhưng làm thế cũng hoài đi. Rượu dẫu chẳng ngon nhưng đóng chai cẩn thận, trông khá đẹp. Ồ! Sinh quên khuấy ngay đi mất! Sao không để biếu ông đồ nhà cô Na!

Nửa giờ sau, y xộc vào hàng Na, Na ngồi có một mình, đang mở vụng hộp sấp *cô ba* quẹt vào đầu ngón tay xoa lên môi, lên mặt. Bây giờ đang mùa rét. Gió heo may thổi. Trời hanh, thị lại hay phải ngồi bếp núc da mặt nẻ, trông bẩn quá. Năm ngoái thì thị cứ để tha hồ cho mà nẻ. Nẻ chán rồi phải khỏi. Nhưng năm nay, thị đã hay nhìn gương lăm. Thấy cái mặt nẻ không coi được, thị giấu điểm mẹ gửi người ta mua giùm hộp sấp về để bôi...

Nghe tiếng chuông xe đạp, Na giật mình. Thị vội giấu hộp sập vào trong túi. Sinh đã cười nhàn nhở.

- Chào mợ phán!

Na đỏ mặt, đôi mắt tím lại chỉ còn bằng hai hột đồ. Ấy là cô ả sung sướng! Sinh cười khanh khách tiến vào gần sát thị:

- Bu đâu rồi!

Na sợ hãi, lùi lại đằng sau để tránh. Y chực đưa tay lên má thị. Nhưng bỗng có tiếng bà đồ Cảnh:

- Cậu phán lại trêu gì con bé nhà tôi thế?

Sinh vội reo lên để chữa thẹn:

- A ha! Bu đây rồi! Con hỏi bu đâu mà nhà con nhất định không chịu nói.

- Cậu hỏi tôi làm gì?

- Dạ, mời bu ngồi xuống đây đã rồi con xin thưa chuyện.

Sinh đặt chai rượu dâu lên mặt chõng và chấp hai tay lại:

- Thưa bu, con có chai rượu gửi bu biếu thầy con.

- Cảm ơn cậu phán!

Bà đồ nắm vội lấy chai rượu đưa cho con gái và bảo:

- Cất kỹ vào kia con! Cất thật kỹ vào cho tao.

Bà làm thế bởi bà tưởng Sinh nói đùa, mà chai rượu ấy là chai rượu mà y đem lên ông hàn. Nhưng Sinh

không đòi lại. Y xin phép vào chơi nhà bác hàn một lát, và y vào tay không. Bà đồ lấy làm lạ lắm. Không lẽ y đem rượu đến đây, chẳng cho ai, lại gửi ở hàng bà rồi đến hôm đem về.

Chiều hôm ấy, Sinh ra hơi muộn nên không vào hàng bà đồ Cảnh nữa. Thấy y chực nhảy lên xe đạp, bà gọi lại...

- Tôi gửi cậu phán chai rượu về biếu mợ phán tôi ngoài ấy, gọi là chút quà quê.

Bà cười để thưởng câu nói đùa có duyên của bà. Nhưng lúc này thì Sinh đứng đắn.

- Con gửi bà biếu ông đồ giùm con thật đấy.

- Cảm ơn cậu bằng cái lọ! Tôi chả dám.

- Ô hay! Bà cứ tưởng con đùa. Con nói thật. Bà cứ cầm về giúp con.

- Nhưng... tôi chả... vào!

- Sao bà lại tệ với con như thế?

- Không dám ạ! Vậy mời cậu vào chơi với ông đồ nhà tôi xơi nước đã, chứ thế này thì...

- Bà cứ yên tâm. Bây giờ tối rồi, con phải đi thôi. Cũng chẳng còn bao nhiêu ngày nữa đã tết rồi. Mừng hai tết, con xin lên mừng tuổi cụ ông, cụ bà...

- Không dám ạ!

- Với lại lễ gia tiên nữa chứ. Bu bảo nhà con gói bánh chưng thật khéo, chỉ mừng hai là con lên.

- Thật nhé?

- Vâng, rất thật! Nói dối các cụ, các cụ rẽ duyên vợ chồng con thì chết con. Thôi con về!

Y nhảy lên xe đạp và gò lưng đạp đi vù vù...

Đêm hôm ấy, vợ chồng ông đồ Cảnh rì rầm bàn tán rất khuya. Không hiểu cậu phán có lòng thương con bé Na thật hay đùa bỡn vậy? Bởi nhữn nhận nên bà đồ bảo: cậu ấy đùa. Nhưng đùa thì nào lại cho ông đồ chai rượu? Cái cổ chai có bọc giấy vàng cẩn thận. Cái nhãn hiệu in đẹp lắm. Chắc là rượu bổ. Có rẽ cũng phải ba, bốn đồng. Ý tất người ta có ý định lấy con mình thì người ta mới chịu bỏ tiền mua biểu chứ! Vả lại, bây giờ những hạng thông, ký, phán lấy vợ nhà quê kẻ cũng thương. Cậu phán thương yêu đến con bé Na cũng chẳng phải là sự lạ.

Và ông đồ kết luận:

- Bà đồ ạ! Chẳng lời thôi gì nữa. Tháng này bà cứ mua bát họ nhà bà lý Vinh về cho tôi. Mọi năm tết nhất nhà mình cũng chỉ làm qua loa gọi là có thì thôi. Nhưng năm nay, nhà mình cũng phải gói mười tám bánh, bó mấy cái giò thật tốt. Kéo nữa đến lúc người ta lên mừng tuổi thật, mình lại tro thổ địa ra đấy à?

- Ủ, mà thật đấy. Cậu ấy hẹn đích đến mừng hai thế nào cũng lên.

Mùng hai tết. Thằng Tình, con giai ông đồ Cảnh đang đứng châu rìa đám quay đất ở ngay ngoài đường cái. Bỗng nó thấy bóng một cái xe từ phía dưới đi lên. Nó cảm

đầu chạy về nhà một mạch. Bà đồ thấy trông ngực đập mau thon thót. Bà đoán là cậu phán đã về. Nhưng bà không dám nói ra sợ tên.

Bà chỉ hỏi:

- Cái gì mà mày chạy bình bịch thế?

- Xe cậu phán!

Mắt ông đồ sáng hẳn lên.

- Thật?

- Thật... Cậu ấy có bánh pháo tròn to lắm, bằng cái quả gấu kia kìa với những hộp bánh gì đẹp lắm.

Bà đồ cười, chửi con:

- Bố mày!

Nhưng ông đồ đã giục vợ, giục con rồi rít:

- Đi đun nước pha trà tàu! Cái ấm chuyên đâu rồi. Đem mà rửa đi.

- Rửa kỹ sáng ngày rồi ạ.

- Cứ đem rửa lại. Mau lên một tí!

Ông lẹp kẹp chạy ra rồi chạy vào.

- Cái khăn? Cái khăn của tao đâu rồi?

Thằng Tình cười khành khạch:

- Khăn thầy ở trên đầu thầy đấy thôi.

Na bật cười, Tình nhìn Na mà reo lên:

- Ái chà! Đẹp ghê!

- Rõ dơ!

Na mắng lấp miệng em như vậy. Nhưng thị đã đỏ bừng cả mặt. Bởi Tình nói trúng vào gan, vào ruột chị. Vừa mới nghe nói Sinh sắp tới, thị đã vội cắt thắt lưng nhiều mới và mặc cái yếm là còn giữ nguyên màu vàng của tơ.

Ấm nước reo rồi ấm nước sôi sùng sục. Bà đồ đập bớt lửa rồi chạy ra sân, bảo:

- Nước được rồi đấy. Có pha gì hay không?

- Đợi xem sao đã chứ.

- Thế thì nguội mất. Sao cậu ấy di chậm thế? Bà chột nhớ:

- Hay là cậu ấy vào mừng tuổi ông hàn trước.

- Không có lý. Thế nào...

Để lấp lời ông đồ Cảnh, tiếng pháo ở mạn ngoài bắt đầu nổ mạnh như một chuỗi cười chế nhạo. Bà đồ kêu lên một tiếng thất vọng:

- Thôi, đúng rồi!

Mặt ông đồ thườn ra. Những tiếng pháo giã đành ạch như một thằng bé con hỗn láo. Ông đồ nhìn bà đồ thì vừa gặp đôi mắt bà đồ nhìn ông. Và cả hai cùng vội nhìn xuống đất. Bỗng bà hai Du, ở bên ngoài nhà ông đồ một ngõ, le te chạy vào. Chưa kịp chào hỏi ai, bà đã mà cà mà cặp:

- Từ thuở cha mẹ đẻ đến giờ tôi mới được nghe một

bánh pháo dài đến thế. Sung sướng chưa? Nhà người ta đã hay thì hay đủ cách. Con rể đấy!

Bà đồ vờ vịt hỏi:

- Nhà ai thế cụ?

- Nhà ông hàn đấy. Chồng cô Duyên. Cậu phán Sinh ấy mà!

Mặt ông đồ xám lại...

- Ô hay! Tôi cứ tưởng cậu ta là cháu...

- Thì tôi cũng tưởng. Ai ngờ cậu ta lại là chồng cô Duyên. Thôi? Chào ông! Chào bà!

Nói chưa dứt câu, bà hai đã le te chạy đi nhà khác để khoe cái tin quan trọng ấy. Ông đồ thở dài thành tiếng rên:

- Thôi. Thế thì nó chẳng vào nhà mình nữa đâu. Dọn cơm mà ăn thôi.

Một lát sau cả nhà ngồi ăn. Người nhìn ra sân, người nhìn vào bát. Chẳng ai dám nhìn ai. Cơm trắng, cá ngon. Giò thịt đầy mâm. Bánh chưng rên lẩm, nhưng sao ông đồ cứ ghen luôn mãi thế? Cùng bát đặc dĩ bà phải bảo:

- Thôi ông ạ, con mình không lấy nó thì lấy người khác, đã ế đâu mà sợ? Ông đừng nghĩ nữa...

Phải, phải, bà đồ ạ! Nhưng mà... Nhưng mà cả một bát họ tiêu vào cái tết!... Ông đồ lại ghen thêm cái nữa. Đồi mồi ông ằng ặc nước. Ông đã nhìn trước thấy con gái ông sau cái tết này, đem cái thất lưng và cái yếm là còn mới nguyên đem bán lại cho hết người này, người nọ để lấy tiền đóng họ cho nhà bà lý Vinh...

NHỮNG CẢNH HOA TÀN

Hồi ấy tôi mới lên mười. Mà Uyển thì mười sáu. Nhà tôi biết nghề làm đặngten, lại có tiếng là nhà nền nếp, đứng đắn, nên nhiều người làng đem con gái gửi cho học nghề và nhờ dạy dỗ. Trong số những người học việc ấy, Uyển được mẹ tôi chăm sóc đến hơn hết cả. Có lẽ vì Uyển chăm chỉ, nét na, lại thêm vẻ xinh xắn, dịu dàng ít có. Uyển cũng mến mẹ tôi lắm, chẳng khác gì con yêu mẹ. Có lần mẹ tôi ốm, Uyển săn sóc thuốc thang ân cần quá, đến nỗi mẹ tôi cảm động đến chảy nước mắt và bảo tôi rằng: “Giá trời cho mẹ tôi một con gái như Uyển thì quý biết bao! Nhà nào cưới được nó làm con dâu thì thật là nhà có phúc.”

Nhưng quyển luyện Uyển nhất có lẽ là tôi. Tôi trọ học ở tỉnh lỵ cách làng chừng mười lăm cây số. Không mấy chủ nhật là mẹ tôi không ra tỉnh thăm tôi, nhân tiện để sắm đồ cần dùng, mà lần nào cũng đi với Uyển. Vì thế, tôi đếm từng ngày cho đến cái ngày vui vẻ, và ngay từ sáng sớm đã đứng cửa chờ mẹ tôi và Uyển. Thấy hai người từ đằng xa đi lại, tay cắp thúng không, tôi đã vội

chạy đến, vui vẻ như một con chim non trông thấy mẹ công mỗi về. Uyển tươi cười nắm tay tôi, và tôi thì vừa nói, vừa cười, vừa thở vì chạy mệt, tíu ta tíu tít khiến mẹ tôi và Uyển cảm động nhìn nhau mỉm cười. Tới nhà trọ, Uyển đặt thúng xuống, lật ví buồm lấy cho tôi mấy thứ quả lành Uyển đã kiếm làm quà cho tôi từ hai ba hôm trước. Tôi đứng tựa vào lòng Uyển vừa ngồm ngoàm nhai quả, vừa hỏi chuyện từ cây cam ở đầu sân, cây hồng ở bờ ao, khóm tằm xuân leo ở bờ giậu, cho đến con gà tổ lấy giống từ trên ông Lý Đà Xuyên, con mèo xám mua ba hào rưỡi, con chó vện mua bằng tiền bỏ ống của tôi kỳ nghỉ hè năm ngoái. Uyển vui vẻ trả lời tôi hết, lại còn nói cho thêm nhiều chuyện nữa:

- Vườn mía sau nhà tốt đáo để, bao giờ được nghỉ Tân về mà xem; cây ổi tàu cao lắm rồi, chắc năm nay có quả; cá ở ao thì nhiều con lớn quá, giờ trời nó cứ đặc như rươi vậy...

Mỗi chuyện Uyển gợi ra tôi lại hỏi thật nhiều, hỏi để được nghe Uyển nói, để câu chuyện đầm thắm làm quên giờ về. Lần nào cũng vậy, tôi đợi mẹ tôi giục hai, ba lượt mới chịu cho hai người đứng lên. Tôi lại nắm tay Uyển theo hai người đi một quãng thật xa, nhưng bây giờ thì buồn rầu, chậm rãi chứ không vui vẻ như lúc đón, Uyển xoa đầu, an ủi tôi :

- Thôi, Tân trở lại đi kéo mồi chân. Lần sau chị lại chơi và mang làm quà cho thật nhiều mía ông voi, ăn cho đỡ khát...

Hai người đi xa rồi, tôi còn tần ngần nhìn mãi bằng khuông như mất một vật quý, cổ nhếch mép cười mỗi khi Uyển quay lại gật đầu chào, dịu dàng như ném cho tôi một cái hôn âu yếm.

*

* *

Chưa bao giờ tôi thấy một kỳ nghỉ hè vui như kỳ nghỉ hè năm ấy. Uyển đến nhà trọ đón tôi để mang hộ sách vở và quần áo của tôi về. Rồi, hơn hai tháng chúng tôi sống bên nhau những ngày êm đềm đầy luyến ái. Tôi luôn luôn theo Uyển, xem Uyển làm dangten; đọc cho Uyển nghe những câu hát và những truyện trong quyển sách tập đọc của tôi, khoe với Uyển những bài thi tôi được nhất, và bắt Uyển đan rọ cho tôi bỏ trái thị. Còn Uyển thì không bỏ lỡ một cơ hội nào để làm cho tôi vừa ý. Uyển cặm cùi rọc lá dừa cuộn cho tôi những cái kèn rất đẹp, và tìm cho tôi rất nhiều hoa để ướp sách chơi, nhiều quá đến nỗi ba, bốn quyển sách in của tôi đều căng lên tất cả. Lúc rồi, chúng tôi lại cùng nhau ngồi giờ sách, xem lại những cánh hoa cốp nhật hàng tháng, đã héo khô, mất cả màu tươi lúc trước. Tối đến trong khi mọi người ngồi nói chuyện trong hè, chúng tôi đưa nhau ra bờ ao nghe ếch nhái kêu, bắt đom đóm dúm lá khoai treo lên cành khế làm đèn, hay kể những chuyện ma quái để hai đứa cùng sợ ôm sát nhau mà co người lại. Một lần, nhìn vòm trời dịu như nhung với muôn nghìn ngôi sao như những bông hoa mai nở trắng xóa đầy một cái rừng bao la, không giới hạn, chúng tôi cùng như bị một sức huyền bí gì bắt ngồi lặng bên nhau,

không nói. Bổng Uyển ôm lấy tôi ghì mạnh vào người một cái rồi lại buông ra mà cười khanh khách...

Một hôm, ở nhà bác tôi có giỗ họ. Mẹ tôi và cả nhà đều đến dự, để nhà cho mình Uyển coi. Lẽ tất nhiên là tôi tìm cách không đi ăn giỗ để ở nhà với Uyển. Chúng tôi dọn cơm sáng ăn cơm với nhau rồi, Uyển bảo tôi ở sân chơi để Uyển ra vườn hái mấy lá trầu về ăn. Uyển đi lâu quá, tôi vốn nhút nhát thấy nhà vắng, im phăng phắc thì đâm sợ, chạy ra vườn tìm. Tôi lạ lòng khi thấy Uyển đang ngồi nấp sau một bụi dong ở bờ ao, thần thờ nhìn mấy con kéo vó chân nhỏ tăm tắp và dài lêu nghêu lướt trên mặt nước... Khi thấy động, Uyển giật mình quay lại thì mí mắt long lanh vài giọt lệ. Tôi chực hỏi thì Uyển đã bò ra, trợn mắt, lè lưỡi làm ma dọa tôi khiến tôi phải kêu thét lên mà chạy vội về sân. Một lát, Uyển cũng về, tóc xòa ra, mồm nhai trầu đỏ tươi, mặt ửng hồng như say rượu. Tôi ngạc nhiên trước cái vẻ đẹp lạ của Uyển, một vẻ đẹp khác mọi ngày, nó làm tôi sửng sốt và mơ hồ như sờ sợ. Bổng Uyển lè lưỡi đỏ chót, hai mắt long lanh chạy lại. Tôi thét lên và dúi người ngồi sệt xuống. Uyển vồ lấy tôi ôm gọn tôi vào lòng và hôn vồ vập vào mặt, vào cổ, vào lưng tôi như muốn nuốt. Hơi thở Uyển hỗn hển, tim Uyển đập mạnh, ngực Uyển phập phồng và nóng sực. Tôi cố vùng ra và chực chạy. Nhưng Uyển cười lớn rồi kêu tôi lại:

- Tân nhất quá, Uyển đây mà, có phải ma đâu... Lại đây mà ăn trầu.

Tôi ngờ vực đứng nhìn một lúc sợ ma nhập vào người Uyển. Nhưng nụ cười trong trẻo, dịu dàng mọi ngày đã

trở lại cặp môi tươi, trên cái mặt đã không còn đỏ nữa. Tôi rút rè mon men lại. Uyên lấy khăn tay lau những vết trấu mà đôi môi ướt đã in trên má, lên cổ tôi lúc nãy. Tôi nũng nịu bảo:

- Uyên làm em sợ hết hồn. Em tưởng ma nhập vào người Uyên.

Uyên khẽ tát yêu vào má tôi một cái, rồi lặng nhìn tôi bằng con mắt vô cùng êm dịu. Bỗng đôi mắt ấy mờ đục lại như có một ý buồn. Uyên rầu rầu bảo:

- Chị sắp phải xa Tân rồi, Tân ạ.

- Sao thế, chị?

- Chị không còn được ở đây nữa.

Tôi ngạc nhiên:

- Sao vậy?

Uyên ngập ngừng một chút:

- Chị phải đi lấy chồng.

Mi mắt Uyên chớp nhanh mấy cái, và tôi thấy Uyên kéo vạt áo lên hỉ mũi. Tôi lẳng lặng mân mê dải lưng nhiều của Uyên, rồi bằng một giọng rất cảm động, tôi ngước mắt lên nhìn mặt Uyên và nói :

- Không đâu, chị Uyên, chị đừng đi nhé. Em không muốn chị đi lấy chồng.

Uyên cố chấp một nụ cười nhưng nước mắt đã giàn ra má...

*

* *

Tháng mười năm ấy, Uyển đi lấy chồng. Đám cưới vào một ngày chủ nhật nên tôi cũng được về quê để đưa dâu. Tôi theo mẹ tôi vào thẳng ngay buồng Uyển. Uyển thấy tôi thì mừng rỡ lắm nhưng mắt Uyển đỏ ngầu như vừa mới khóc. Chúng tôi nắm tay nhau mà chẳng nói điều gì. Có lẽ bởi thẹn thò vì những tiếng cười đùa xung quanh, vì thấy tôi luyến Uyển hơn em luyến chị. Người ta càng buồn cười khi thấy lúc đưa dâu, tôi vẫn theo rịt không rời xa Uyển. Đến tận lúc tới nhà trai, Uyển phải vào lễ tơ hồng, tôi mới chịu xa Uyển để ra ngồi cỗ. Nhưng ăn uống xong, lúc tôi chực về thì Uyển gọi giật tôi lại, Uyển dắt tôi ra một chỗ vắng, móc túi lấy một cái rọ thị đan bằng tơ đỏ một cách tỉ mỉ, và sụt sịt bảo tôi:

- Mùa thị đã qua rồi, nhưng em giữ cái rọ này để dành đến mùa sau. Nghỉ hè sang năm không còn ai đan rọ cho em nữa...

Rồi chúng tôi nhìn nhau, rơi nước mắt.

*

* *

Từ bấy đến nay đã bao độ hoa tàn. Tôi còn qua bảy tám kỳ nghỉ hè, tôi đã đi đưa dâu đến bốn năm đám cưới. Mỗi dịp đều nhắc cho tôi ít nhiều kỉ niệm của ngày qua. Sau cùng vì công việc của đời lồi cuốn, tôi đã hầu quên bằng người đã cùng tôi kết một mối tình trong trẻo và cảm động

buổi xuân đời, cho đến hôm nay, ngồi buồn, vô tình giờ lại
những cánh hoa tàn thủa trước, và cái rọ bằng tơ đỏ năm
xưa, tôi lại thấy Uyên từ dĩ vãng xa xăm trở lại. Uyên trở
lại với cả một mối tình u uẩn mà nay tôi biết là nồng nàn
tha thiết. Rầu rầu tôi tự hỏi: Uyên bây giờ ra sao?

ÍCH HỮU

Số 73 - 13-7-1937

CON MÈO

Dầu đuôi tại con mèo. Nhưng cũng tại trời bức nữa. Bức không chịu được.

Chị cu vừa ở khùng cử xuống. Anh cu vừa ở ruộng về. Hai người cùng mỗi một. Hai người cùng bắt rút. Một người ngồi quạt phành phạch. Một người ngồi gãi cái đầu tổ quạ đến mấy tháng nay chưa gọi. Chẳng ai buồn ăn cơm. Nhưng cái Viễn thì lại muốn chóng xong việc để còn đi tắm. Nó lừa thằng cu ngủ. Nó bưng mâm cơm ra hè, đặt đấy. Rồi nó chạy vào mắc, rút một cái quần một cái yếm vắt lên vai, mải mốt đi ra ngoài cầu ao. Nồng nực thế này thì ăn không bằng tắm. Cứ để cho vợ chồng người ta ăn trước. Tí nữa về, có còn thì nó ăn, hết thì thôi. Cái bữa tối họa hoàn mới có. Ấy là khi nào cơm trưa ăn hết, còn thừa lại. Đủ chia, thì mỗi người làm một vục. Chẳng đủ chia thì nhịn. Cũng chẳng chết gì.

Lúc ấy chú mèo mới ở đâu lò dò đến. Chú lại gân mâm. Chú kêu meo meo. Chú lượn vòng quanh mâm một lát. Rồi chú trèo lên mâm. Anh cu trông thấy, quát:

- Mèo! Đuổi nó đi! Con mèo!

Anh vừa quát vừa vỗ tay xuống hè bèn bẹt. Thằng cu giật mình, thét lên. Chị cu bực mình quá, quay ra trị chồng:

- Gớm mồm với miệng gì mà oang oang như ngỗng được. Làm thằng bé dậy.

- Không thể để nó ăn hết, hả?

- Có mớ gì mà nó ăn? Không trách được!...

Chị chạy vào, rước thằng cu dậy. Trong nhà nực quá. Chị ẵm nó ra ngoài hè. Nó chúi đầu vào ngực chị, mấp lầy đầu vú, day. Day mãi. Trời này mà cứ phải ôm lấy nó thì có bực mình không chứ? Chị thấy ngứa lung tung, khắp người. Chị lảm bảm trách chồng:

- Cái giống người gì hơi một tí là oang oang như mõ ấy! Thằng bé đang ngủ mệt mà cũng làm nó dậy. Chỉ chết người ta thôi.

Anh tức lắm. Chỉ có thế mà chị lia rĩa day nghiền anh được mãi. Có thứ người gì lại lảm điều đến thế? Cái đầu anh càng ngứa dữ. Anh rút từng mảng tóc đi... Giữa lúc ấy thì chú mèo thấy tình hình đã yên ổn lại, lại lò dò đến, trèo lên mâm. Anh cu cười đắc chí. Anh bảo vợ:

- Kia kìa! Nó lại trèo lên “đầu lâu” kia kìa... Không muốn đuổi nó đi thì cứ để cho nó ăn cái đầu lâu, hoa cái nhà mày đi.

Chị cu to tiếng:

- Ăn nói như cái đồ lục súc. Được rồi, không khiến đuổi. Để xem nó ăn gì nào?

Thì để đấy.

Anh nhìn con mèo, đợi. Anh cúi thật, con mèo không ăn gì thật. Thì có gì mà nó ăn? Cả mâm có một bát muối vừng. Nó ngửi một lúc rồi vội lảng. Mèo không ưa muối vừng. Anh thầm mong cho nó dứt đầu vào niêu cơm nguội. Nhưng niêu cơm nguội còn đầy vung. Mèo thất vọng, meo meo một lúc, rồi buồn rầu lảng đi... Anh bẽ lắm. Anh nhìn trộm vợ. Chị không thèm nói nữa, nhưng vác cái mặt lên, khinh bỉ chồng. Trông đã ghét. Anh muốn tát vào cái mặt cong cong của vợ anh vài cái. Nhưng lấy cớ gì mà tát nó? Nó đã cầm họng rồi. Anh quả quyết lại mâm cơm. Anh hất con mèo một cái, nẩy ra tận đằng xa. Rồi anh xúc cơm, rắc muối vừng, ăn. Anh cúi đầu ăn, mặt hầm hầm. Bởi vì anh còn tức lắm. Nhưng càng tức càng ăn khỏe. Tính anh thế. Không ăn, lấy sức đâu mà tức được? Đã tức thì phải ăn. Anh ăn ngoàm ngoàm. Trông thô bỉ quá. Rõ thật cái vẻ của một người cục súc. Chị cu làm như không buồn nhìn đến, nhưng trông thấy cả. Chị lộn máu lên. Chị giận chồng chị quá. Cái anh chồng động cãi nhau là lại ăn thật khỏe, làm như cãi nhau được thì lòng hả hê. Đích là nó cố ý trêu tức chị. Chị uất người. Cổ chị có cái gì lấp hắt. Thật ra thì nó chẳng động chạm gì đến chị. Nó đi ăn cơm kia mà!... Chị trút giận vào đàn muối. Chị vừa ngửi vừa phát vào bấp chân đen đét. Chị trút giận vào thằng cu...

*

* *

Thằng cu lại ngủ rồi. Chị đem nó lừa vào vồng. Cái Viễn cũng tẩm xong rồi. Nó đang phơi quần. Anh cu thì quăng cái bát, đôi đũa xuống mâm từ lúc nãy kia rồi. Bây giờ anh đang ngồi bắt tréo kheo, hát hàm lên, nghênh trời.

Chị cu lại lên mâm. Chị nhắc cái niêu nhẹ nhõm. Chị nghiêng nó ra ánh trăng, nhìn. Còn ba hột cơm ranh! Ăn chẳng bỏ dính răng. Chị nguây nguây đứng lên, bảo Viễn:

- Viễn! Mày vét nốt mà ăn đi.

Viễn tưởng chị nhường cho nó. Nó là con ở nhưng cũng ra phết lắm, không lép nhẹp; nhất là cái miếng ăn, miếng uống dù trong bụng đói đến chết, ngoài mặt nó cũng làm ra không cần. Nó bảo:

- Chị ăn đi. Tôi không đói.

- Mày ăn đi.

- Không ăn thì trút xuống ao cho cá!

Anh cu biết ngay là vợ dối. Anh cười gằn, hỏi:

- Nào, có đứa nào ăn không nào?

Chị cu không thềm đáp. Cái Viễn đoán là chủ giận, vội lại vét nổi cơm ra bát...

- Mời chị lại xơi nốt...

Chị gắt:

- Đổ té nó đi! Tao đã bảo...

Thì “choang” một cái, anh cu đã hát cái mâm ra ngoài giữa sân. Chị cu gào thật to:

- Trời ơi là trời!... Mày phá tao thế à? Từ sáng đến giờ tao ngồi trầy trầy bên khung cửi, mới được chùng một đồng hào, mà mày phá tao một lúc một cái niêu, bốn năm cái bát...

Thằng cu trong nhà lại thét lên. Viễn chạy vào, “rước” nó. Chị cu thì vừa nhảy loi choi, vừa vỗ tay đen đét, xía xối vào mặt chồng mà kể lể. Nhưng chị bỗng nhiên ngừng bật... Có tiếng dấm đá nhau huỳnh huỵch. Rồi tiếng người đàn bà, gào to hơn:

- Mày cứ đánh chết bà đi! Mày đánh chết bà xem nào! Mày không đánh chết được bà thì...

Anh cu đuổi. Chị vừa chạy quanh vườn, vừa kêu. Anh không đuổi nữa. Chị cứ đứng ngoài vườn lai nhải mà nhiech mãi. Đến lúc mỗi miệng, không buồn nói nữa, chị về sân thì chồng chị đã lăn ra hè, ngủ như chết từ bao giờ rồi. Viễn và thằng cu cũng ngủ. Chị đi vào giường.

*

* *

Đêm hôm ấy, trời nổi gió, rồi trời mưa. Mãi đến lúc thấy nước hắt vào người, anh cu mới thức giấc. Anh vội vàng nhồm dậy. Anh giụi mắt. Anh nhìn trời. Sấm sét ầm ầm. Chớp nhoang nhoáng. Anh vào nhà. Một cái chớp lờ lờ lên. Anh thoáng thấy cái Viễn ôm con anh ngủ trên cái võng. Anh đưa võng cho con một cái. Viễn ngủ mết, không biết gì. Anh đứng tần ngần một lúc. Rồi anh rón rén đi lại giường...

... Sáng hôm sau, tiếng người lão quáo bên hàng xóm làm chị cu giạt mình, mở mắt ra. Chị hơi sùng sốt. Trong nhà đã sáng. Chị ngóc đầu nhìn lại vống. Viễn ôm con chị, mồm hây còn há hốc, xem chừng ngủ mệt. Chị lay đầu chồng, khẽ gọi:

- Phải gió! Dậy đi!... sáng rồi.

Anh cu mở mắt ra. Chị giục:

- Kìa, dậy đi!

- Tạnh mưa rồi à?

- Tạnh rồi. Dậy đi!

- Yên đã nào!..

- Dậy đi! Ra chõng kia mà nằm.

Anh mỉm cười. Chị hơi bẽn lễn vừa phát khẽ vào lưng anh, vừa bảo:

- Nỡm lắm! Có ra chõng mà nằm không? Cái Viễn nó biết nó lại cười cho là trò trẻ. Mới giận nhau chập tối, nửa đêm đã làm lành...

Anh vẫn nằm, không nhúc nhích. Chị đành bước qua anh, ra chõng. Chị vừa vén khăn vừa gọi:

- Viễn ơi! Viễn! Không dậy à? Con gái gì mà ngủ trương lên đến tận nửa buổi chưa chán mắt.

Tiểu thuyết thứ bảy

Số 43 - 19-9-1942.

NHÌN NGƯỜI TA SUNG SƯỚNG

Ngạn đã cố không nghĩ nữa. Những ý nghĩ cứ tự nhiên trở lại. Nó trở lại với Ngạn khi Ngạn không còn phải chen chúc trên xe lửa. Ngạn đã ngồi thư thái trên một chiếc xe bon bon về làng.

Cảnh rất tươi vui. Ngạn cũng ép lòng mà nghĩ thế. Bờ trời rất xanh, không khí trong suốt. Cánh đồng gió lộng phấp phồng như cái ngực xốn xang của bể. Lại có nắng, có chim, có tiếng xe bò nghiêng những hòn đá vụn nghe lắc rắc và tiếng cười tiếng nói... Nhưng thực ra thì cái cảnh vô tri làm gì nó biết, mà những người lồng trong cảnh thì ai biết được đâu lòng họ đấy? Ai biết họ vui hay buồn? Thí dụ ngay bọn người đang nhồi lưng đẩy cái xe tải nặng nề kia. Họ đang nói nói cười cười. Họ đang chế nhạo cô tân thời mặc phong phanh vừa mới đạp xe đạp vượt lên. Thế là mấy chị đẩy xe bò gạo the the cười. Họ làm như được một dịp cười sướng lắm. Tiếng cười nẩy lên đành đạch. Nhưng có thể như thế lắm, có thể rằng họ cười âm ỹ như thế chỉ là đẩy bớt chua cay ra khỏi lòng.

- Chà, cũng một đời con gái!... Một chị kêu lên thế. Đời của cô gái an nhàn kia hay là đời của chị? Chị ghê

tỏm người hay là ghen với người?... Có tiếng cười của bon phu phen chua chát thật. Cũng có lẽ họ chỉ cười thẳng thắn mà Ngạn là một người bi quan. Nhưng dù sao thì Ngạn cũng đã phải nghĩ đến Trinh rồi. Bởi Trinh cũng thích đi xe đạp. Trinh cũng hay mặc những quần áo phong phanh, và cũng đã có lần gió với nắng rất lẳng lơ khiến Ngạn phạm tội bằng con mắt và trong tâm hồn.

Ngạn biết Trinh đã ba năm. Trinh đến Hà Nội để kiếm việc làm và kiếm tự do. Nhất là kiếm tự do. Bởi việc làm của Trinh chẳng cung cấp đủ cho Trinh. Tháng tháng Trinh vẫn phải xin thêm tiền của mẹ. Thân mẫu Trinh là một bà góa giàu ở vùng quê. Bà rất tin con. Bởi bà dốt nát mà con bà thì thông thái. Trinh học giỏi. Trinh đỗ cái bằng mà con trai cả tổng không ai đỗ. Trinh nói tiếng Tây y như đầm... Ở Hà Nội, Trinh bán hàng cho một hiệu thuốc tây, Ngạn làm cho một công ty bảo hiểm trụ sở gần ngay đấy. Sự tình cờ khiến cả hai người cùng thuê một căn nhà. Trinh ở trên gác có lối đi riêng, Ngạn ở dưới nhà. Họ làm quen với nhau rất chóng bởi Trinh là gái mới, còn Ngạn thì chẳng biết có óc mới hay không, nhưng nghĩ bụng rằng: có làm quen với Trinh cũng không thiệt gì. Thế rồi Ngạn yêu Trinh. Rất thẳng thắn và giản dị, một buổi tối, Trinh vắng khách, Ngạn đã tỏ tình yêu của mình cho Trinh biết. Và cũng thẳng thắn và giản dị, Ngạn tỏ ý muốn thu xếp và cưới Trinh. Trinh không sừng sốt, không e lệ nhìn xuống đất, không nổi giận, Trinh mỉm cười. Trong khi Ngạn tái người đi cảm động. Rất bình tĩnh, Trinh mỉm cười rồi Trinh trả lời Ngạn như thế này:

- Em cảm ơn anh lắm. Nhưng... thật là khó nói! Anh ạ, anh là một người xứng đáng, nhưng từ trước đến nay em chỉ coi anh là bạn. Còn về sau thì chẳng biết. Em thành thực mong lòng em sẽ yêu anh. Nhưng hiện nay giá anh vui lòng đợi...

Được rồi! Ngạn sẽ vui lòng đợi, Ngạn đợi ba năm dài đằng dặc, Trinh vẫn thân mật với Ngạn và với nhiều người khác. Rồi dùng một cái, Trinh lấy một người ngoại quốc nhiều tiền và nhiều tuổi mới gặp Trinh vài lần. Chẳng thiếu gì người đau đó ư, nhưng lẽ dĩ nhiên, Ngạn là người đau đớn nhất, Ngạn nhớ đến lời của Trinh:

- Em sung sướng lắm! Anh yêu em chắc cũng muốn em sung sướng. Hạnh phúc của người anh yêu...

Giả dối ôi là giả dối! Cũng như những người tình nhân trong tiểu thuyết khóc sụt nước mắt và bảo người tình nhân kết xác:

- Em phải đi lấy chồng anh ạ! Nhưng cái tâm hồn em là của anh. Cái ý nghĩ hài hước ấy làm cho Ngạn nhếch môi cười một chút. Nhưng cái cười rất nhiều chua chát. Ngạn dần dần thấy cổ ứ nghẹn và máu trong người sôi lên. Ngạn ghét Trinh hết sức và anh ghét lây một số đông gái mới yêu kiểu cách và lãng mạn, óc đả đũa thuốc phiện của những nhà tiểu thuyết suốt đời nhìn trăng.

*

* *

Qua một cái ngõ chữ chi, Ngạn bước vào sân. Cái sân vắng như sân một nhà hoang. Không có thằng em út Ngạn

vừa cười khanh khách vừa quần nhau với con chó mực. Im lặng quá. Mấy cây cau vàng lá đứng ủ rũ như cái chết đã lên đến ngọn.

Bỗng con mực đang mơ mơ màng màng trong cũi ngục đầu lên sủa vài tiếng ngắn, rồi nó vẫy đuôi mừng. Mẹ Ngạn ở trong bếp chạy ra, tóc bết mồ hôi, tay còn cầm đôi đũa. Bà lắc đầu ra hiệu cho Ngạn đừng nói vội vã chỉ tay lên nhà trên. Y hiểu ngay, y biết trước thế nào lúc mới bước chân qua ngưỡng cửa y cũng được nghe bà ngoại rên. Y lắc đầu chán nản. Chả mấy lần về đến cửa mà y không phải nghe bà ngoại rên. Bà ốm kinh niên, một bệnh không thuốc nào chữa được, bệnh rất hay phải lại ấy là bệnh ghét con gái bà.

Bà là một người khổ từ trong trứng khổ ra. Bố chết từ lúc mẹ mới có thai. Lên năm tuổi thì mẹ bước đi bước nữa. Các ông chú bà bác chia tay nhau nuôi đứa cháu côi, kẻ dăm bảy tháng, người một vài năm. Rồi sau cùng không ai thừa cơm gạo mà nuôi nó nữa thì người ta bán nó cho một nhà giàu làm con nuôi. Nhà giàu nuôi và đánh chửi nó cho đến năm mười bảy tuổi, rồi chuyển tay nó cho bà mẹ chồng nuôi và đánh chửi, nhất là đánh chửi. Đến năm băm mốt tuổi, sau năm lần toan nhảy xuống sông, người thiếu phụ khốn nạn sinh được một đứa con; vừa yếu đau, vừa con dữ không làm gì được nữa, nên được mẹ chồng buông tha cho đi làm ăn riêng với chồng. Bây giờ mới đến lượt chồng hành hạ. Y đánh bạc, y uống rượu, y ăn cắp tiền của vợ. Gia đình quanh năm lục đục. Vợ day nghiêng chồng, chồng chửi và đánh vợ, con chốc

lờ, khóc nhanh nhách suốt ngày đêm. Sau cùng thì anh chồng thua bạc một canh to bỏ làng đi để lại cho vợ con thơ và bao nhiêu nợ. Mỗi ngày có đến ba bốn chủ nợ đến tận nhà chửi mắng và dọa nạt. Thế là chồng chưa chết mà người vợ trẻ bỗng nhiên sinh góa chồng... Bối suốt một đời khổ sở nên bà ngoại Ngạn không thấy một người nào thật khổ. Trong nhà bà toàn những người sướng quá. Từ con bé ở trở lên. Bà bảo nó như thế là còn thần tiên đấy!... Nhất là vợ chồng con gái. Trời ơi! Chúng nó suốt đời trẻ như măng. Chẳng phải lo nghĩ gì, chẳng phải bao giờ đánh chửi nhau... Mà con vợ chiều chồng quá, nó mua rượu cho chồng uống, chồng uống rượu rồi vào vuốt má vợ. Chúng nhăn nhở cười với nhau y như là con trẻ... Thế mà chúng đã ngoài bốn mươi tuổi rồi. Chao ôi, chao ôi, bà khổ suốt cuộc đời ky cốp từng đồng trình một để bây giờ chúng nó sung sướng. Chúng sướng quá. Chúng không biết rằng mẹ chúng đã khổ suốt một đời hay sao. Thuốc độc cứ thấm dần, thấm dần. Trước còn ngấm ngấm, nhưng sau càng ngấm mạnh. Và đến lúc cái bệnh ghét phá tung ra ngoài...

Ngạn lại gần giường. Bà cụ rên hừ hừ giả tảng như không trông thấy Ngạn. Ngạn phải lên tiếng trước.

- Bà lại làm sao thế?

Bà ngoảnh mặt nhìn ra rên rầm:

- Cháu đấy à, bà chết mất!...

Bà nức nở và nắm lấy bàn tay Ngạn. Ngày xưa gặp cảnh ấy thế nào y cũng sa nước mắt. Nhưng bây giờ thì y

khó chịu: y đã thấy nhắc đi nhắc lại bao nhiêu lần rồi. Y cố nén giận cho giọng nói không gay gắt và bảo:

- Thì bà còn nghĩ đến thầy bu con làm gì?

- Khốn nạn, con ơi!... Con phải biết rằng người ta thì còn có năm có bảy, mất con nọ thì còn con kia. Bà thì mẹ có một con, con có một mẹ. Mà bà thì bù đắp cho thầy bu con đến thế, thế mà bây giờ nó bạc, nó chả biết thương bà lấy một tí... Chúng nó chỉ nghĩ sao cho sướng thân chúng nó, còn mẹ có chết khô chết nỏ cũng không buồn nhìn nhôi. Thầy con thì rượu chè lu bù, ba chén dần vào thì nói khoác, một tác lên đến trời, thật là một đứa ăn càn nói bậy. Bà nghĩ mà xấu hổ với người ta quá. Bảo mãi mẹ con phải can nó dần dần, nhưng mẹ con thì đã can không can lại còn mua thật nhiều về cho nó uống. Suốt đời không dám nói động đến cái chân lông nó, chỉ sợ nó đi. Tao thì chồng tao đi từ năm tao mới hăm ba tuổi, tao cũng không chết đói, tao cũng gây dựng được cho bu mày...

Ngạn dờ mắt và thở dài. Lúc nào bà y cũng còn nghĩ đến người chồng bạc bẽo và lấy làm đau xót vì có những người chồng không bạc bẽo bằng chồng bà.

Câu chuyện đổi chiều. Bà cụ đã được khỏe và được Ngạn kiếm lời an ủi nên lòng đã nhẹ. Bà lại nghĩ đến cái việc tạo hạnh phúc cho cháu bà.

- Ngạn ơi! Con nên thương bà một tí. Bà bây giờ già yếu, nay ốm mai đau. Thấy bu con thì đã không cho bà cây được rồi. Chỉ còn con, mà con thì đi vắng luôn luôn.

- Hay là con đưa bà lên Hà Nội?

- Ủ, nhưng con cũng phải lấy vợ đi đã chứ?... Con nên nghe lời bà. Con bé ngoan đáo để, được người được nết...

Giá phải lần khác thì Ngạn đã gạt đi. Nhưng lần này thì y nghĩ ngợi. Con bé ấy là Duyên. Một cô gái mồ côi. Nhà Duyên ở cạnh nhà y. Khi bố Duyên còn sống, hai nhà đã gắn bó với nhau. Nhưng Ngạn chẳng gần Duyên. Ra tình ngay từ thuở còn thơ, y chưa lúc nào nghĩ rằng y lại có thể lập gia đình với một cô gái quê như Duyên được. Duyên đâu có hiểu. Duyên vẫn đi lại nhà Ngạn mãi. Duyên làm thân cùng bà cụ. Bà cụ thương Duyên cùng một cảnh như bà hồi trẻ. Bà yêu Duyên lắm. Bà đã bao nhiêu lần ép cháu bà lấy Duyên.

- Con nên thương bà mà thương nó. Những lúc con đi vắng, khi bà vắng mình sốt mảy, chỉ một mình nó chăm sóc trông nom. Mấy đứa biết quý người như thế ấy. Nó tử tế với con thì con cũng nên lấy sự tử tế mà đền bù lại. Nó nhắc đến con luôn. Con thử nghĩ... Nó trông đợi con bao nhiêu năm rồi...

Ngạn hơi buồn rầu. Y nghĩ đến Trinh, y cũng đã kiên nhẫn chờ đợi và mong mỏi... Y bỗng thấy lòng thương Duyên, Duyên yêu giản dị mà mộc mạc, không nghệ thuật, không triết lý. Yêu bởi... trời sinh ra thế, Ngạn đã chán cái tình yêu của hạng người cứ luôn triết lý với tình yêu lắm rồi! Tại sao y lại không thể lập gia đình với Duyên?

Biết là cháu đã xiêu lòng, bà cụ bảo:

- Con bằng lòng nhé, con bằng lòng đi để bà nói với nó cho nó mừng.

Ngạn sẽ gặt đầu một cái và thở dài theo luôn. Sao lại thế? Y không hiểu nữa. Hình như y nhận lời miễn cưỡng. Hình như y rất buồn. Y mơ hồ thấy y sẽ khổ và y sẽ làm người khác khổ, điều ấy còn khổ hơn. Tình yêu, cái tình yêu của loài người hiện tại là một cái gì buồn mênh mông...

Duyên bỏ tiền dành dụm của Duyên mua những quả na thật đẹp, hạng na nhất chợ, Duyên đem sang cho bà Ngạn. Bà Ngạn mỉm cười. Bà nhớ lại trong một giây cái lúc tình yêu chớm nở trong lòng. Một giây thôi. Rồi khéo miệng bà nghịch xuống thành hình dấu mũ. Bà chọn quả thật ngon đưa cho Ngạn:

- Nừ rồi đấy, ăn đang vừa.

Ngạn cầm lấy. Duyên hơi đỏ mặt, nhìn trộm y sung sướng và bẽn lẽn. Ôi! Duyên đẹp quá, cái tình yêu của Duyên đẹp quá! Ngạn ăn rất thông thả, quả na ngọt lự và thơm thoang thoảng. Mặt y sáng sủa và như có một ngọn lửa ở bên trong giọng. Y mỉm cười nhìn Duyên. Duyên càng bẽn lẽn, càng đỏ má. Duyên cúi mặt, tay mân mê đầu cái dây lưng dũi của bà cụ rồi Duyên cười ngượng nghịu:

- Bà ạ, gạo hôm nay kém quá, một đồng không được mười đấu con.

- Chết nhỉ?

- Nhà con đã phải trộn thêm ngô rồi.

Ngạn nhìn Duyên thương hại. Nhưng bà cụ bảo:

- Chà. Con ạ, con trẻ ăn cơm ngô càng chắc dạ. Bà thì ngày xưa ăn cơm ngô cũng chẳng có mà ăn đâu. Cứ phải ăn cháo rau má trừ cơm là thường.

*

* *

Em gái Ngạn cầm vào nhà một phong thư. Bà cụ hỏi:

- Thư của ai đấy cháu?

- Thư của anh Ngạn.

- Bóc ra xem. Không biết lại sao đây. Nó mới vừa đi chủ nhật...

Cô cháu bóc, cô vừa nhắm đọc và cười tủm tỉm...

- Gì thế cháu?

- Thư cho chị Duyên bà ạ. Anh ấy bảo anh ấy đang thu xếp tiền cưới chị ấy. Cưới xong sẽ đưa chị lên Hà Nội ngay.

Bà cụ sầm ngay mặt lại. Mối bà hơi bĩu ra một chút. Bà bảo cô cháu đọc. Cô đọc hơi ngượng nghịu, bởi toàn những lời tình tứ cả. Anh anh, em em, anh hứa với em sẽ hết sức làm cho em sung sướng, anh đang lo tiền cưới. Anh sẽ đem em lên Hà Nội để chúng ta được gần nhau luôn...

Gần nhau luôn! Bà cụ thấy ngực nóng ran lên như lửa đốt. Bà giận cháu bà lắm. Cháu bà thế mà cũng hòng. Chưa chi đã chiều vợ thế. Sau nó cũng lại xỏ chân lỗ mũi!

Anh hứa với em sẽ hết sức làm em sung sướng. Quả ra con Duyên là...! Anh sẽ đem em lên Hà Nội. Ngủ ấy lên Hà Nội...! Hử! Có đời nhà nào như vậy? Có đời nhà nào như vậy?

Bà hằn học chữ:

- Hừ, chắc đã ton hót gì với thằng ấy hử. Muốn lên Hà Nội lắm. Bà thì nói thật, cưới rồi thì bà còn bắt ở nhà hầu bà đủ mười bốn năm...

Tiểu thuyết thứ bảy

số 434 - 10-10-1942.

ĐÒN CHỒNG

Khôn đôn quan, gái ngoan đôn chồng

Việc ấy đã xảy ra giữa chợ, có bao nhiêu người biết. Bao nhiêu người ấy là đàn bà cả. Bà thì lắc đầu, bà thì chép miệng. Có những bà cẩn thận với tai tiếng quá, rụt cổ lại, làm điệu bộ của một người khi rùng mình; ấy là các bà ghê tởm quá. Con những người chùng mực thì bình tĩnh hơn một chút; họ chỉ vác cái mặt lên cười bằng mũi, và đưa cái môi dưới ra như cái thìa. Ai cũng bảo: “Ấy! Tôi thì tôi chịu đấy; có đói cho chết thì cũng chỉ riết chặt thắt lưng vào mà nhịn, chứ làm thế thì bố tôi có sống lại mà bảo tôi, tôi cũng không dám làm...”. Ai cũng bảo. Kể ra chị bu Bẻm vẫn lấy trộm mít của hàng xóm đem ra tỉnh bán với chị Thung mắt toét vẫn giả tảng thông manh để câu trộm gà. Ai cũng bảo, và ai cũng thấy như là hả dạ. Kể thì cũng phải. Cái xấu của người khác bao giờ chẳng làm ta sung sướng? Ta thấy ta còn tốt hơn chán người!

Cố nhiên là câu chuyện đồn đi. Thoạt tiên là các bà vợ kể lại với chồng. Rồi các ông chồng đem kể lại với nhau. Bây giờ thì cả làng ai cũng biết. Ai cũng biết con vợ thẳng

Lúng, mặt mũi như thế ấy, mà gian vô cùng. Chẳng gian mà lại làm cái trò nhập nhòa như thế này... Chẳng biết y xin ai hay là nhặt đâu được có mỗi đồng xu. Nếu không xin, không nhặt được, thì hẳn là ăn cắp. Bởi y làm gì mà có xu! Vườn có ba sào, chồng thua bạc cố rồi. Đồ bòn, thức bán không. Đi dặt cử thuê cho người ta ngày được một hào thì chồng lấy cả một hào, thiếu một đồng xèng nó đánh cho gãy gối. Và nó chẳng đánh thì cũng không dám thiếu; thiếu lấy gì đồ và mồm? Gạo nước năm nay... Có một hào mà những hai miệng ăn, mà lại còn chục thiếu nữa thì có lẽ phải đếm mà chia nhau từng hạt. Bởi vì hai vợ chồng chỉ trông vào tiền của vợ để mà ăn gạo. Chồng chẳng chịu bỏ ra một đồng trinh. Hẳn dân trai mỗi ngày cũng được vài hào. Có ngày bốn năm hào. Nhưng bốn năm hào thì cũng hết. Tiền hẳn làm, uống rượu chưa chắc đủ. Huống chi lại còn đánh bạc.

Vậy đồng xu của vợ Lúng, không nhặt được hay ăn cắp, thì chắc là y xin. Y buộc vào dải yếm trông chặt lắm. lại hàng bánh dầy, y hí hoáy cời một lúc lâu mới được. Hay là y giả dận làm ra thế thì chẳng hiểu. Làm thế, để đợi lúc có thật nhiều người ăn. Bởi vì lúc y ngồi xuống thì đã có bốn, năm bà ngồi ăn rồi. Chị hàng bánh tới ta, tới tấp. Vợ Lúng mân mê một cái rồi nhặt lấy một tấm bánh dầy dận, đưa lên ngoạm một miếng hết già nửa tấm. Còn non nửa tấm nữa, y ném tọt vào miệng nốt. Y đưa đồng xu ra. Chị hàng bánh trợn mắt:

- Sao lại có một xu?

- Tôi ăn một tấm.

Thế là chẳng nói thêm nửa tiếng, chị hàng bánh nhay ra bóp cổ y. Y giãy giụa. Nhưng cái cổ y ngắc quá, chỉ vừa một chết. Y lại yếu. Mà con mẹ hàng bánh sao mà khỏe thế. Nó dúm đầu y xuống. Mất y trợn ngược. Y kêu ằng ặc. Miệng y há hốc. Miếng bánh đầy nẩy ra. Bây giờ chị hàng bánh mới chịu buông cổ y, và reo lên:

- Xem nào!

Một tay chị vẫn xoắn lấy áo y. Một tay chị cúi xuống nhặt miếng bánh đầm đĩa rãi rớt. Chị tách miếng bánh làm hai đưa cho những bà đứng đấy xem và phân bua:

- Các ông các bà trông giùm tôi xem chị ấy ăn một hay hai tấm này! Một tấm mà lại tách ra được thế này. Bán hàng mà không mất năm, mất mười thì mấy chốc coi vấy mà bán đi? Tôi biết chị chap hai tấm vào làm một, nhưng tôi cứ lơ đi, để rồi xem chị làm ăn thế nào. Ấy thế mà chị ấy cứ nhất định cãi là một tấm. Các ông các bà thử trông giúp tôi xem một tấm hay hai tấm mà nó lại như thế này?

Bao nhiêu người xúm lại, đứng vây thành cái cũi. Chị bán bánh biết y không còn chạy được mới chịu buông áo y ra: chị chỉ vào mặt y, the thế:

- Cái mặt nhà chị! Chị thử mở mắt ra trông xem một tấm hay hai tấm, nào!

Cái mặt búng beo của y xám như chàm. Nó không còn đỏ được, bởi y làm gì có máu. Cái miệng y há ra như chực nói, nhưng nói thế nào? Chúng cứ trờ trờ ra đấy. Y cứng hàm. Những tiếng ấp úng trong cổ họng một lúc lâu mới bật ra thành lời được:

- Thì tôi giả... tôi giả hai xu...

Nhưng y làm gì còn xu! Y cúi mặt, nước mắt ra ròng ròng. Chị hàng bánh lộn tiết lên. Chị xia tay vào tận mặt y:

- Thôi! Tôi cũng thí cho nhà chị. Tôi chỉ lu loa lên thế để cho cả chợ người ta biết; rồi giờ người ta vạch vôi lấy mặt chị, để thấy cái mặt nhà chị đâu thì người ta kiềng nó ra.

Câu chuyện đến tai Lúng. Lúng thâm tím mặt. Giá lúc ấy vợ hắn có nhà thì hắn đã đâm chết vợ. Nhưng vợ hắn còn đi dẹt củi. Hắn đành nén giận, để đi làm trai đã. Hôm ấy hắn dận được nhiều trai lắm. Toàn những con to cả. Trai, chỉ ăn thua cái vỏ. Bán cho người ta làm cức hay khảm sà cừ chẳng hiểu. Chỉ biết người ta mua nhiều lắm. Lần này, tính nguyên vỏ đã được năm, sáu hào. Ruột chỉ được hơn hào chỉ. Hắn không thềm bán nữa. Hắn đem nấu một nồi cháo ăn.

Cháo bắc lên bếp rồi, hắn chạy đi mua rượu. Cả chai. Với một cái dùi vẹt hai hào nữa. Phải uống thật say mới được! Rượu có rồi. Cái nhấm có rồi. Nồi cháo đã gầy mấy cái nhăng che thật chắc, chỉ lát nữa sẽ sôi lúc bú. Nhưng hắn chưa uống vội. Hắn đi chặt một đoạn mây to. Một đầu khoanh lại thành một cái vòng để xỏ tay vào, cầm cho dễ. Và lại kiêu roi mây phải thế. Hắn vục thử lên không khí kêu vun vút. À! Tốt tệ! Hắn nhếch môi cười một tiếng ngắn. Còn phải đi tìm cái đòn gánh và sợi dây thừng nữa. Có cả rồi. Hắn xếp cả lên cái giường độc nhất trong nhà hắn. Hắn xếp cả hắn lên đấy nữa. Hắn ngồi xếp bằng. Hai

tay hắn chõng xuống hai đùi. Hai đùi hắn rung rung. Hắn nhìn chăm chú vào cái đùi vịt và chai rượu. Nước rãi hắn chảy ra. Hắn thêm uống lắm, nhưng chưa uống vội. Còn đợi vợ.

Đây! Y đã về. Nhẹ và mạnh như con báo, hắn nhảy vọt từ trên giường xuống đất. Chưa kịp trông rõ hắn, y đã bị tay hắn chop. Y kinh ngạc:

- Ô hay!...

- Mày lại đây!

Hắn nắm lấy cổ y, đẩy y vào chỗ cột nhà. Y không kháng cự, bởi kháng cự thật là vô ích. Hắn cởi cái thắt lưng của y, trói ngang lưng y vào cái cột. Như thế đã tha hồ vững chãi. Nhưng hắn còn muốn vững chãi nhiều hơn nữa. Hắn đặt ngay cái đòn gánh ở bên ngoài cột, dùng hai tay vợ đang ra, lấy sợi thừng quấn. Hắn quấn cánh tay vợ vào đòn gánh. Được rồi! Hắn trở lại giường, rót rượu ra chén, uống. Vợ hắn hu hu khóc. Còn khóc gì nữa! Oan lắm đấy! Hắn khà một cái, cầm cái đùi vịt, chấm một tí muối, cắn, nhai nhồm nhoàm. Hắn vừa nhai vừa kể lại tội của y cho y biết. Bao nhiêu là tội! Hắn cứ uống một ngụm rượu thì tội lại bật ra. Toàn những tội ăn vụng, ăn trộm, ăn cắp, ăn mày, ăn nhặt! Chao ôi! Vợ hắn bêu hắn quá! Vợ hắn làm hắn nhục nhơ với làng với xóm. Sao vợ hắn lại cứ sống mà làm tội hắn? Sao vợ hắn chẳng chết đi cho rồi?... Không chết, hắn sẽ đánh cho mà chết. Trăm vết mất cả trăm, còn sống làm gì nữa? Sống làm gì cho nhục nhã? Hắn bỗng nhiên vùng dậy, cầm roi mây chạy lại,

nghiến răng vệt đen dẹt vào mông y. Y đau quắn dít. Y nhăn mặt lại. Y van lạy. Y gào. Trời ơi! Y gào!...

Hắn vệt xong một chập rồi, nghỉ tay. Lại uống. Lại nhồm nhoàm vừa nhai vừa kể tội. Kể tội xong lại đánh. Đánh một chập rồi lại uống. Uống rồi lại đánh. Cứ như thế mãi. Đến nỗi vợ hắn tê mông, không còn thấy đau.

Bấy giờ hắn mới thôi. Thôi, bởi vì lưỡi hắn lúu lại rồi. Mắt trông cái gì cũng chập chờn, cũng quay quay. Chân nọ cứ vướng vào chân kia, không đứng lên được nữa. Rồi cũng không ngồi được nữa. Hắn leo khoèo ra giường, mồm ú ớ. Rồi hắn ngủ. Hắn ngáy thật to, nghe khò khò...

Một người hàng xóm thấy im ắng rồi mới dám sang. Y rón rén vào nhà. Lúng vắn ngủ mê, ngủ mất. Có mà vẫn xuống sông cũng được! Người hàng xóm lại gần cột, cời trói cho vợ hắn.

Vợ Lúng thấy người đau ê ẩm. Hai cánh tay dửng mầu tím bầm. Mông xót như mất hẳn một làn da. Y khệnh khạng đi xuống bếp. Nồi cháo sôi lúc búc. Ui dà! Thơm quá! Mà đặc sệt rồi. Giá y không xuống thì khô mất! Y tra muối. Y múc một bát ăn. Ôi chao ôi! Cái cháo trai sao mà ngon đến thế. Y làm luôn bát nữa, rồi bát nữa. Rồi bát nữa... Nồi cháo cạn. Chó! Cứ ăn hết đi cũng được. Không cho thằng quan ôn vật ăn nữa. Tài đánh lăm! Và lại nó đã uống bao nhiêu rượu. Ăn một mình cả cái đùi vịt. Ăn lăm, uống lăm rồi. Thì bây giờ đừng ăn... Y vét nồi sồn sột. Chị hàng xóm bảo:

- Khe khê chứ... Anh ấy dậy bây giờ thì được chết.

- Cho chết! Đói bỏ cha đi ấy, hãy ăn cho sượng đã.

Nói xong, y nghiêng cái nôi ra ánh sáng. Còn cái gì đây nữa? Ô! Miếng trai! Còn sót một miếng trai trong góc nôi. Làm nốt đi!

Tiểu thuyết thứ bảy

số 437 - 30-10-1942

QUÁI DỊ

Năm ấy mất mùa. Lúa làng xấu lắm. Chúng tôi gặt ruộng nhà xong, mới đi gặt thuê được mỗi người vài ba buổi mà lúa làng đã vãn. Chúng tôi bàn nhau ra Đông gặt.

Bọn chúng tôi có bốn người. Trong số ấy, có ông nhiều Tiêm đã đi gặt xa nhiều lắm; chẳng một xó nào mà ông không biết. Ông đã phải nhặt ở những nơi lúa phải mò, ăn cơm phải đứng dưới ruộng, nước lên đến thắt lưng, mâm cơm phải đặt trên bốn cái cọc cắm ngay giữa ruộng. Trên thì nắng đốt đầu, dưới nước nóng đến làm da cũng phải bỏng, người thợ luôn cái hái ra một cái là vợ lấy dưa, bụng thì đói mà cơm với thịt kho cũng không sao nuốt được, chỉ uống, uống không biết chán. Được cái công cao lắm. Cũng có nơi, công đã chẳng lấy gì làm cao, mà ăn uống lại kham khổ quá. Canh riêu đã không có thì thôi. Đến tương, mắm cũng không có nốt. Cơm, toàn một thứ gạo cuống rơm đã bốc hơi. Cái ăn, độc một thứ cà nén, chát vào những muối, ăn mặn như người thợ bể, cũng chỉ một quả là đủ bữa. Hạng mình thì chưa đặt vào đầu lưỡi, vị đắng đã bắt nhãn mặt vào. Về cái tích cà này, ông nhiều

kể lại một chuyện buồn cười lắm. Mùa ấy, ông cũng đi gặt ở mạn Đông, với mấy anh em nữa, toàn người làng cả. Họ gặt cho một nhà cũng khá giàu, mà có vẻ quý người. Trưa đến, quẩy lúa về, nhà chủ mời quan viên thợ gặt ngồi lên cái giường giữa trước bàn thờ để nghỉ ngơi cho mát rồi xơi cơm. Quan viên khắp khối mừng thầm. Ngồi như vậy thế nào ăn cũng khá. Họ đã nghĩ đến riêu cá mè, thịt lợn kho, hay ít ra thì cũng được bát canh bí nấu với cua để húp cho mát ruột. Nhưng quan viên nhầm cả. Mâm cơm bung lên toàn một thứ cà, cái thứ cà to bằng một cái bát con, thâm sệt và mặn như “cô” muối vào. Anh nào muốn sát ruột lại thì cứ ăn! Ấy thế mà quan viên ăn rất nhiều. Chính cô con dâu nhà chủ, có lẽ đã quen ăn mặn lắm, mà cũng phải chịu bọn thợ gặt này là ăn mặn. Một bữa ăn, cô phải lấy thêm cả năm, sáu lượt. Cứ vừa đem một đĩa lên, đã thấy họ gào đem đĩa nữa. Sau cùng, thấy đĩa thì không xuể, cô xúc luôn cho họ một cái bát tàu to thật đấy. Chỉ có bốn người ăn mà vại cà vơi đi... Chiều hôm ấy, thấy cô con dâu ra đồng đội lúa, ông nhiều Tiêm hỏi: “Cô ơi cô! tôi hỏi thế này khỉ không phải... cô đã lấy nước cho các cụ chưa?” Người con dâu ngơ ngác. Cô không hiểu vì ý gì mà người ta hỏi thế. Hỏi họ thì họ chỉ cười khúc khích. Cô ngờ ngợ. Về nhà, cô khoe với chồng. Chồng cô không hiểu nổi. Ý khoe với bố. Ông bố có học được ít chữ nho thì phải. Người có chữ nho thâm thúy. Ông nghĩ ngợi. Ông vào nhà, củ soát lại bàn thờ ông vãi. Khi mở đến bốn cái dãi, ông thấy dãi nào cũng đầy lên những cà. Cho biết bọn thợ gặt này cũng thâm! Những kẻ đã vác cái đòn càn đi ăn cơm của người tứ xứ giờ mặt nào cũng được, không

chịu kém cạnh ai nước gì. Ông nhiều vẫn bảo bọn đàn em chúng tôi như vậy. Có lần ông đã gặt thuê cả cho một bọn đi cướp lúa, giữa ban đêm xách liềm hái sang cánh đồng làng khác, mà vẫn giữ cái đầu đem về. Ông xã Mịch với chú cu Xiêng thì cũng chỉ mới đi ít vậy thôi. Thường thường ở nhà họ cũng không thiếu việc làm. Bởi vậy, chỉ thỉnh thoảng có vui anh vui em họ mới đi một vụ cho nó biết. Duy có tôi, mới xách hái, vác đòn càn đi gặt xa lần này là một.

Đen tối quá! Ông nhiều Tiêm bảo: ông đi gặt thuê đã nhiều mà chưa bao giờ khổ thế này. Chúng tôi cơm đùm cơm nắm đi luôn bốn hôm giò mà chẳng gặp ma nào đón. Thì ra lúa mạn Đông năm nay chín sớm. Phần nhiều người ta đã gặt rồi. Chiều ngày thứ năm, chúng tôi dừng lại ở một làng xác xơ và có vẻ nghèo nàn. Nhà cửa thưa. Toàn những nhà tre úp xúp giữa những khu vườn rộng thì có rộng, nhưng xấu lắm: mía đốt như lau hoặc khăng khiu như chân gà, chuối lè tè như những cây rau diếp ngồng, dĩ chí đến cây khoai, cây ráy cũng không lên được. Người xấu xí và rách rưới. Cái số trẻ con bụng ông mắt toét ngoài đường sắn lăm. Đàn bà móc cua, mò ốc. Đàn ông đi bắt chuột, riu tép hay xúc dậm. Chỉ vào một hàng nước của họ cũng biết là họ khổ. Xôi thì xôi đậu mất cua. Bánh đúc bột sặc mùi vôi. Giá có bát canh bún cua thì ba phần rau mới được một phần bún. Mà nào có ra hồn bún! Những sợi to bằng cái đầu dũa mà lại không trắng hẳn. Ăn vào rần mà lại chua. Ấy thế mà đã gọi là danh giá lắm. Hàng nào cừ mới có. Còn thì chỉ cái giống bánh sắn, bánh khoai hoặc cái bánh rán làm bằng cơm nguội là

nhiều lắm. Ngon hay không chẳng cần phải hỏi. Quí hồ thật to...

Chúng tôi vào một cái hàng tồi tàn ấy, uống bốn người mới hết một trình nước vối. Bà hàng hỏi:

- Chư ông đi gặt hần?

Anh cu Xiêng mau mồm miệng đáp:

- Vâng, chúng cháu xem có ai thuê thì gặt. Ở ta đây đã gặt xong chưa, cụ?

- Xong từ bao giờ rồi. Chúng tôi ít ruộng lắm.

Muốn tỏ mình thông thuộc, ông nhiều Tiêm tắc lưỡi:

- Ruộng ở đây còn hiếm hơn ở mình. Gặt có già cơ chỉ dăm ngày là xong.

Rút một hơi thuốc lào rồi ông ngửa mặt lên, vừa thờ ra khói vừa cau mặt bảo:

- Anh em mình chết dờ! Đi muộn quá. Đến cũng phải quay trở về.

Một người đàn ông trẻ tuổi, mắt hấp hem, cố tách đôi mí mọng đỏ ra nhìn chúng tôi, khinh khật mấy cái rồi bảo:

- Tôi bảo nhé? Chỗ này thì còn nhiều lúa chưa gặt lắm. Các ông có dám đến thì tôi mách.

Ông nhiều Tiêm cười khểnh:

- Hừ! Chúng tôi thì ám phủ chúng tôi cũng dám đến. Cứ có người thuê là được.

- Người thuê thì khối. Già nửa làng chưa gặt được.

- Ở đâu vậy bác?

- Các ông có dám đến không đã?

- Tôi đã bảo: hùm tinh chúng tôi cũng không biết sợ.
Có phải bên Mai không nào?

- Ủ, bên Mai.

- Tưởng gì!

Tiếng ông kéo dài nó ra để tỏ vẻ khinh thường và chế nhạo. Mũi anh kia khinh khịt một hồi lâu. Bây giờ tôi mới hiểu đây là anh ta cười. Bà hàng bảo:

- Ông nói thế, chứ tôi thách ông dám sang gặt bên Mai.

- Cụ không phải thách. Chúng tôi đi ngay giờ. Làm cái thằng đàn ông, có thể mà đã sợ, không bỏ vợ nó cười vào mặt cho. Chẳng nói giấu gì các cụ ở ta đây, các cụ nhiều tiền của nên sợ chết, chứ người làng chúng cháu nghèo khổ nên chẳng coi cái chết ra mùi gì.

Câu nói rõ ràng có ý khích bác. Ông này đến làng người ta, mà nói miệt người ta quá. Bà hàng sa mặt xuống. Bà trả miếng:

- Thì đấy! Không sợ thì cứ sang mà gặt. Người ta đang cần thợ gặt. Chỉ sợ lại được chôn vạ đường.

Ông nhiều Tiêm cũng câu:

- Cho ngay rằng chôn vạ đường! Anh em mình cứ đi.

Bà hàng không thềm nói nữa. Bà chỉ bữu cái môi ra một chút. Và cái mặt bà vác lên. Ghét cái tính hay cà khía của ông nhiều Tiêm, chúng tôi chẳng ai nói nữa lời. Tôi rất bực mình. Sao ông ấy cứ muốn gây ác cảm với thiên hạ làm gì vậy? Ông vác đòn càn đi trước. Ba chúng tôi cúi gằm mặt theo.

Ông hiểu, chúng tôi gắt với ông chẳng? Ông vừa đi vừa lăm bắm.

- Mẹ kiếp! Dọa! Dọa thì ông cũng không sợ. Lòe thàng nào chứ lòe thế nào được ông?

Tôi hỏi:

- Ở cái làng ấy có gì mà chúng nó bảo: ta không dám đến?

Ông cười nhạt:

- À! Cả làng nó chỉ có đầu, có đuôi mà không có khúc giữa.

- Thế là cái gì?

Thấy tôi ngờ nghệch, ông nhiều Tiêm cười khanh khách. Chú cu Xiêng cắt nghĩa:

- Chuyện phường chèo bảo... Đầu trộm đuôi cướp. Khúc giữa làm gì có? Đến lượt tôi cười vuốt đuôi. Nhưng cười xong tôi bảo:

- Thế thì bố ai dám gặt cho chúng nó! Gặt xong, công chúng nó không trả, chúng nó lại cho một nhát dao thì được theo ông bà.

Ông nhiều Tiêm nhạo ngay:

- Vợ mày còn trẻ lắm hay sao mà mày tiếc đời đến thế? Cũng đòi làm con giai! Tao ấy à? Xin cho ngay là quý sú!... Kẻ cướp thì đây còn cho là xoàng!

Tôi đỏ mặt lên và cười.

Chập choang tối thì chúng tôi đến làng Mai. Đường vắng ngắt. Có một vẻ gì lạnh lẽo làm người ta rờn rợn như khi áp lưỡi dao cạo sắc lên trên gáy. Văng vẳng những tiếng khóc ti ti bay theo gió chiều. Chỗ chúng tôi dừng lại là một cái chợ. Những quán gianh vắng ngắt đứng xơ rơ như những con gà xù lông ra, ngủ rờm. Những con gà quái gở! Tôi đột nhiên thấy rợn. Có lẽ cả ông xã Mịch và chú cu Xiêng cũng vậy, họ đi sát vào tôi. Riêng ông nhiều Tiêm bình tĩnh lắm. Ông ngồi phịch xuống:

- Làng Mai đây rồi. Quan nào muốn bắt đầu lão thì ra đây.

Ông cười the thé. Tiếng cười nghe ghê rợn quá. Tôi nhìn tròn trọc vào cái bụi tre tối om bên đường... Ô! Cái gì thế vậy? Tóc gáy tôi dựng ngược. Chân tay tôi bủn rủn. Trời ơi! Có một bóng người... Có một người... từ bụi tre đen ngòm đi ra. Vụt một cái, hắn đã sừng sững ngay trước mặt chúng tôi, như mọc từ đất lên. Tôi hoảng hốt quát to:

- Ai thế?

Một thứ tiếng rất nhẹ nhàng đáp lại:

- Tôi đây mà. Các ông đi gặt hủn?

Đó là một người con gái. Tuy giờ tối, chẳng trông rõ mặt, nhưng nghe nói là đủ biết. Tôi hơi yên lòng. Bốn

người đàn ông khỏe mạnh không có lý lại sợ một con đàn bà. Ông nhiều Tiêm hỏi:

- Mợ thuê gặt à?

- Vâng, các ông chưa gặt cho ai thì về nhà cháu nghỉ rồi sáng mai gặt giùm cho cháu.

- Được, nhưng mợ cho chúng tôi thế nào?

Người đàn bà ngần ngừ một chút, rồi bảo:

- Các ông đã gặt ở các nơi thế nào thì các ông biết đấy. Các ông định như thế nào, cứ cho nhà cháu biết. Các ông định lấy mỗi công gặt là bao nhiêu?

- Mợ cứ cho một đồng.

- Một đồng thì đắt quá.

- Chúng tôi gặt mấy nơi đều thế cả.

- Làm gì đến.

Sốt ruột, chú cu Xiêng hỏi phất:

- Thế mợ cho bao nhiêu?

- Tám hào.

Tôi nghĩ bụng: ông nhiều Tiêm hớ rồi. Chắc công gặt ở đây cao lắm. Đáng nhẽ ông phải nói đồng rưỡi hai đồng. Có lẽ ông nhiều Tiêm cũng nghĩ như tôi vậy. Ông giao hẹn:

- Tôi nói cho mợ thế này này: chúng tôi gặt thì chỉ biết gặt thôi chứ không biết đập, giũ; miễn là làm sao cắt được

lúa. Bó lại quấy về nhà là được; tối đến, chúng tôi chỉ buông xuôi cái đòn càn là xong việc.

Đó là một cách dễ mà vôi đấy. Tôi đâu chưa gặt ở đây, nhưng cũng đã từng nghe người ta nói; cái lệ ở các nơi, thóc lên cót rồi mới có thể coi là xong việc; mới buông xuôi cái đòn càn đã đòi lấy tiền của người ta sao được? Ấy thế mà người đàn bà cũng chịu:

- Vâng, thì các ông cứ làm sao lôi được lúa về nhà cho nhà cháu là được.

- Ô! Nhưng mợ phải trả một đồng.

- Ông nói một đồng trả lẽ ông lấy cả một đồng.

- Mợ đã nói thế thì chúng tôi xin bớt đi một hào. Cứ chín hào một công, chẳng còn phải nói đi nói lại.

- Vâng, thì mời các ông về nhà.

Chúng tôi đi theo thị. Qua một cái ngõ sâu hoãm hoãm, chúng tôi đến một nếp nhà khá to, có tường hoa sân gạch. Người đàn bà đánh diêm chân đèn. Ngọn đèn dầu loe lét. Về vắng lặng lại làm tôi sinh ngờ. Bởi trong một cái nhà ngói rộng như một cái đình, chỉ mỗi một người đàn bà ấy. Không còn ai nữa. Ở một đầu nhà, một mái màn buông sẵn. Một mùi gì là lạ. Cái khí lạnh ở ngoài đường lúc nãy, chưa vào đâu với cái lạnh trong căn nhà hoang vắng này.

Người đàn bà biến đi đâu một lát. Rồi y lại hiện ra. Bây giờ nhìn rõ. Y còn trẻ lắm. Mặt đẹp nhưng xương xương, lạnh lạnh. Một cái khăn vuông đen trùm gần hết trán. Cái

khăn vuông ấy hắt bóng tối lên làn da xanh. Thú thật, trông cái mặt ấy, tôi không ưa tí nào. Không hiểu sao, tôi thấy nó không ra mặt người. Nó giống ma quái gì. Bởi vậy tôi giật mình khi thấy người đàn bà bước thẳng lại phía tôi và bảo:

- Bác còn trẻ nhất, chịu khó ra ngoài này, tôi mượn.

Tôi lưỡng lự. Ông Tiêm giục:

- Kìa! Ra đi.

Tôi bước theo y mà trống ngực đập thình thịch. Y đưa tôi ra đầu chái. Cạnh đấy là một cái ao, nước đen ngòm ngòm. Y biến vào một cái nhà lá tối như hũ nút. Tôi đứng đợi ở ngoài, không dám vào. Bỗng y lại chui ra, tay cầm một vật gì. Nhờ có ánh ngọn đèn con để ở đầu chái, tôi nhận ra một con dao nhọn. Thứ dao chọc tiết lợn. Tôi không động đây, nhưng trong lòng bối rối.

Y bình tĩnh bảo:

- Bác cắt tiết giùm tôi con gà.

Tôi hoàn hồn. Nhưng tiết gà để làm cơm thợ gặt? Sự này cũng lạ. Bàn tay tôi nắm con dao cứa trên cái cổ con gà, run rẩy. Con gà hé một mắt ra, trừng trừng nhìn tôi. Người thiếu phụ cầm chân gà, chúm đôi môi ra một cách sâu thẳm. Ồ! Sao lại thế? Tôi vụt nghĩ đến những chuyện yêu tình làm thịt con. Và tôi sinh bàng hoàng. Cái cổ gà gãy trong tay tôi như một khúc rắn. Tôi kinh sợ rút ngay tay lại. Người thiếu phụ mở to đôi mắt trắng dã nhìn tôi, rồi bảo:

- Thôi được rồi. Bác về nhà mà nghỉ.

Tôi nhẹ lảng cả người. Về đến nhà, tôi muốn kể những điều mắt thấy với ba người nọ, nhưng sợ họ cười lại thôi.

Chừng một giờ sau, người đàn bà bung về một mâm cơm. Mâm đồng tử tế. Thức ăn toàn gà luộc. Lại có cả hai chai rượu.

- Mời các ông xơi rượu rồi ăn cơm. Xong đâu đấy, nhà cháu còn nhờ các ông việc này.

Ông xã Mịch và chú cu Xiêng nhìn nhau ra ý hỏi: sao ở đây người ta lại quý thợ đến thế? Tôi thì tuy không phải ngạc nhiên, nhưng vẫn còn thắc mắc.

Duy có ông nhiều Tiêm thấy rượu thì mừng ra mặt, nhồm ngay dậy, bảo:

- Mợ đã cho, anh em ta đi uống rượu.

Trong khi chúng tôi ăn uống, người đàn bà tháo tất cả những cánh cửa nhà, hạ xuống. Lại một sự kì dị nữa? Y tháo hết cánh cửa ra làm gì?

Ăn uống xong, ông nhiều Tiêm mặt đỏ gay, gọi chủ nhà bảo:

- Bây giờ chúng tôi no, say cả rồi. Mợ định bảo chúng tôi làm gì thì bảo đi.

Tôi hồi hộp. Người thiếu phụ đứng trong nhà nói với ra:

- Mời các ông vào trong này.

Ông nhiều Tiêm đứng dậy, gật chúng tôi, cùng vào. Tôi gần chết khiếp. Bởi lá màn đã vén lên. Trên bộ ghế tựa, nằm duỗi ra ba cái xác, một đàn bà, hai cái đàn ông, chân tay xám như gio, má hõm, lỗ mắt sâu hoắm vào. Ông xã Mịch rú lên:

- Giời ơi! Sao thế này?

Và cả bốn chúng tôi, người nọ bám vào người kia. Người đàn bà vội sụp ngay xuống, lạy chúng tôi và rung rúc khóc:

- Đây là bố chồng tôi, mẹ chồng tôi, với chồng tôi. Chẳng may Giời bắt tội chết cả, không ai dám chôn. Tôi đàn bà, con gái, lại có một mình. Các ông đã đến đây thì các ông sinh phúc mà giúp cho. Tiện cánh cửa đây, các ông ghép qua loa vào làm áo quan.

Tiểu thuyết thứ bảy

Số 450 - 27-2-1943

MỘT CHUYỆN XUVƠNIA

Những quân cướp, bao giờ muốn ăn cướp một nhà nào, bao giờ cũng phải thăm đất trước. Hàn cũng vậy, hấn sắp làm một việc tương tự như ăn cướp. Vậy phải đi xem kỹ tình hình đã.

Thoạt tiên, hấn dắt cái xe đạp, vòng qua chỗ cửa đình. Đây là chỗ quan viên. Họ trải chiếu ngồi ngay xuống đất, vào một góc sân. Ông bố đẻ Tư có đây rồi. Ông bố chồng cũng ngồi kia. Cả người anh chồng nữa. Được rồi! Hàn không thèm nhìn những ông kia. Hấn vờ xem thuyền giấy, voi, ngựa giấy bày ở giữa sân. Rồi hấn dắt cái xe đạp, thùng thỉnh đi ra phía ruộng. Đây là chỗ thả diều. Bọn trai làng thường tụ tập ở đây. Những người cầm đầu, những người cầm dây, những người cuộn dây đang rối rít cả lên. Áo cánh, quần ống thấp ống cao, đầu không khăn hay là cái khăn sổ ra trật xuống vai, mặt đỏ bừng, mồ hôi đổ ướt đầm, họ chạy ngược, chạy xuôi, múa chân tay, gân cổ lên gọi nhau, mắng nhau, văng tục với nhau, giẫm cả lên chân người ta để chạy diều, làm âm ỉ, chẳng kém gì bọn phu trên một quãng đê vừa sạt. Những người xem

chỉnh tề hơn. Họ khăn áo hăn hoi, tay quạt, tay ô, đứng nấp vào những bóng tre nhìn lên trời, bàn tán với nhau. Trời xanh ngắt, nắng chang chang. Họ phải che quạt hoặc bàn tay lên mắt cho đỡ chói. Những chiếc điều toàn trắng hoặc có một vệt đỏ to ở giữa, lên cao tít đến nỗi phải cố nhìn mới thấy. Những cái điều đứng không động đậy, như chiếc lá nằm trên mặt hồ vào lúc gió yên. Những cái khác lượn lờ tí chút thôi. Nhưng cũng có một vài cái nghịch, chao bên nọ bên kia một cách rất hăng, và chốc chốc lại toan bổ xuống. Những cái ấy không đời nào ăn giải được. Đây là điều của mấy kẻ xấu chơi. Chúng tức vì năm ngoái các cụ định giải bất công, nên năm nay cố ý buộc lèo cho điều của chúng đảo đồng để troàn vào dây điều khác. Thình thoảng một chiếc điều đứt dây. Người ta hò nhau đuổi như đuổi trộm... Sao lại có kẻ làm tội cái xác mình quá vậy? Hàn nghĩ thế. Những kẻ đi thi điều cũng như những người đi xem thi điều đều đại như vích cả. Thằng thì chạy gần học mấu mồm ra để tranh một cái giải chẳng thấm tháp vào đâu với số tiền bỏ ra để làm điều, để mua dây. Thằng thì phơi ra nắng những cái mặt nhăn nhó như mặt khỉ để xem những cái điều chẳng ai còn lạ. Để mà làm gì vậy? Giá mà hăn, thì nắng nôi thế này, hăn nằm khểnh ở nhà cho mát. Phải nợ gì mà xem với xét cho nhọc xác! Sờ dĩ hăn chịu nhọc xác thế này chẳng phải để xem gì cả, ấy là vì Tơ.

Tơ là người yêu cũ của Hàn. Vào kì nghỉ hè năm ngoái có một hôm Tơ đến nhà Hàn để mua dâu. Sự ấy thường: Tơ vẫn mua dâu của nhà Hàn. Và sự này cũng lại thường: hôm ấy cả nhà Hàn đi vắng, người đi chợ, người đi làm

đồng, chỉ có mình Hàn nằm gác chân lên cột xem tiểu thuyết. Những tiểu thuyết hồi ấy đua nhau tả những cuộc tình duyên của trai thành thị với gái đồng quê. Vai chủ động đàn bà trong các chuyện ấy đều là những cô thôn nữ rất đẹp, rất hiền, rất ngây thơ. Họ khiến Hàn ước ao như ước ao một mớ rau tươi. Bởi vậy, khi Hàn ra đánh chó cho Tơ, hẳn đã nhìn Tơ rất kỹ. Tình cờ thế nào Tơ là một cô con gái xinh xinh. Thị có đôi mắt bồ câu, cái miệng rất tươi, và đôi má hây hây. Thị bẽn lẽn chào Hàn với một vẻ e lệ đáng yêu. Hàn có cảm giác như đột nhiên hẳn đổi khác đi. Hẳn tự bảo: “Cuốn tiểu thuyết của đời ta đã bắt đầu...”. Và hẳn cố tìm một câu văn hoa để nói, nhưng đã quên mất cả. Hẳn chỉ lắp bắp miệng như đang chào Tơ. Thành ra, lại chính Tơ là người khơi chuyện trước:

- Thưa cậu, bà Cửu có nhà không ạ?

- Thưa cô... Vâng! Mẹ tôi có nhà. Mời cô vào chơi.

Hàn nói dối rất trơn tru sau một thoáng ngập ngừng. Bởi vì hẳn tính lại rồi. Khi cái lưỡi cứng đờ của ta đã bật ra được một câu không đến nỗi ngán ngờ thì nó trở nên dẻo dăng. Hàn nhớ ra rằng: hẳn là con nhà danh giá ở làng này; hẳn đi học ở tỉnh về: quần áo hẳn giặt là và chân hẳn dân giày tây; đầu hẳn dẫm chất nhờn ở phía ngoài và vân chương ở phía trong... Nói tóm lại, hẳn có đủ điều kiện để tất cả các cô gái làng này phải ước mơ. Hẳn không có lý gì để mà rụt rè quá thế. Bây giờ thì hẳn nói hoạt bát lắm, tuy có hơi to quá sự thường một chút, như một anh chàng chệnh choáng say...

- Mời cô cứ vào, tôi đánh chó... Mời cô đi trước, kéo chó cản.

- Cháu vô phép cậu.

- Vâng ạ, mời cô cứ đi.

Tơ vén áo, khếp nép đi lên trước, Hàn mỉm cười nhìn cái cử chỉ hay hay ấy. Rồi hấn đi sau cô gái, vuốt ve bằng mắt cái cổ nảy nảy của thị. Vào đến sân, Tơ đứng lại dặng háng. Những màn màn cửa buồng kín mít; thị làm thế để bà Cửu trong nhà lên tiếng trước. Hàn hiểu ý. Hấn vờ nói vọng vào nhà:

- Thưa mẹ, có khách.

Cố nhiên là chẳng có mẹ nào đáp lại. Hấn bảo Tơ:

- Chắc mẹ tôi ra ao. Cô vào ngồi chơi một lát. Tôi đi gọi.

Tơ vội bảo:

- Thôi ạ, chẳng dám phiền cậu... Bà còn ở ngoài ao, vậy cháu cứ đi hái dâu trước đã. Lúc nào bà về, cháu hãy thưa chuyện với bà.

Hàn mừng quá...

- Vâng! Thế thì cũng được... Vậy ra cô mua dâu?

- Vâng ạ.

- Thế thì mời cô ra vườn hái. Tôi đánh chó.

- Dạ... thôi ạ. Đã vào nhà rồi chắc chó không cản nữa.

- Được, cô cứ đi... để tôi trông chó. Phải một con hư lắm, nó hay cắn trộm.

- Thế ạ. Thưa cậu, cô Hán đi đâu ạ.

Hán hiểu ý Tư ngỏ ý một cách kín đáo, muốn để em gái hấn ra đánh cho. Hấn vội bảo.

- Thưa cô, em nó ra ruộng ạ.

- À vâng! Nó ở nhà thì liến láu, mồm năm miệng mười luôn. Tôi mắng nó luôn về cái tội lắm điều mà vẫn không chừa.

Hai người đến rặng cầu. Tư đặt cái thúng không xuống đất, nhìn chung quanh rồi bảo:

- Chó không có đây, mời cậu về nhà cho mát.

- Cô cứ để mặc tôi. Tôi đứng xem cô hái dâu để học hái. Cô dạy tôi hái nhé.

- Cháu không dám ạ. Cháu hái chậm lắm, có thành thạo gì đâu? Vả lại hái dâu thì ai chả hái được, có cần gì phải học?

- Cô nói vậy, chứ thật ra thì cần học lắm. Đã đành cứ rút liều thì ai mà không rút được? Nhưng có biết hái thì trông mới đẹp. Cô hái đẹp lắm.

Tư đưa cả chít dâu lên che miệng, cười tíu mắt. Má thì càng đỏ thêm, giọng thì càng thân mật hơn một chút:

- Rõ cậu chỉ khéo vẽ!

Hàn cũng cười và bảo:

- Thật! Cô hái dâu tay mềm mại lắm. Trông cô hái, tôi chỉ muốn làm cây dâu để...

Hàn ngừng lại: Hắn thấy Tư đột nhiên nghiêm mặt. Thị giả tảng như không nghe thấy, và nói lảng:

- Lúa dâu này để quá có mấy ngày mà rậm quá.

Hàn im lặng. Sự ngượng ngịu hiện ra trên nét mặt. Có lẽ Tư nhận thấy và thương hại. Thị lại gợi cho Hàn nói:

- Cậu không hái dùm cho cháu đi, cho nó chóng. Mình cháu hái thì đến trưa chưa hết.

Hàn mừng rỡ:

- À, quên đấy nhỉ? Nhưng tôi hái cho cô thì cô cũng phải nghĩ thế nào chứ... nhỉ?

- Cháu giả công.

- Không. Tôi chả lấy công dâu. Nhưng cô không được xưng bằng cháu với tôi, tôi thẹn chết. Tôi với cô chỉ bằng tuổi nhau thôi. Năm nay cô bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Cháu...

- Không có lệ xưng cháu.

Tư gục mặt xuống cánh tay để giấu miệng đi, cười, nũng nịu:

- Thế xưng bằng gì được?

- Bằng tôi, hay là em thì càng... thú.

Hàn nói buông miệng, cười khanh khách để khỏi thẹn. Tơ đỏ mặt, nhưng cũng cười, không cự lại. Hấn biết là cần lắm. Hấn can đảm thêm chút nữa.

- Cô bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Cậu đoán độ bao nhiêu?

- Mười tám phải không?

- Mười bảy.

- Thế thì tốt quá. Tôi mười tám. Gái hơn hai, trai hơn một, cô nhỉ!

Hàn lại cười khanh khách. Tơ lườm:

- Rõ cậu!...

Nhưng thị không nghiêm trang được. Thị bật cười. Ấy thế là câu chuyện cứ dần dần đi đến sát nách, chẳng cần phải bóng gió, xa xôi nữa. Nó đã tận cùng bằng một câu thế này của Tơ:

- Cái ấy còn phải tùy thấy mẹ em. Em biết đâu mà trả lời cậu?

Thế nghĩa là: em bằng lòng mê đi rồi. Hàn chẳng ngu ngốc gì mà không hiểu. Và giá Hàn bảo phát mẹ hỏi Tơ cho mình, thì có lẽ họ đã thành chồng, thành vợ. Nhưng Hàn thẹn. Và lại Hàn chưa đọc một cuốn tiểu thuyết nào kết thúc một cách giản dị theo kiểu ấy. Cần gì phải nghĩ đến hôn nhân? Hàn chỉ nghĩ đến tình yêu. Mà tình yêu

như thế này kể là đã đầy đủ lắm. Vậy thì Hàn không xin mẹ cưới Tơ. Hàn chỉ xin mẹ cho tiền mua một cái ống xì đồng. Hàn lấy đất sét viên những viên đạn con con, rồi phơi, rồi nung, rồi nhét đầy túi, vác ống xì đồng đi suốt ngày để thổi chim. Hàn hay đến thổi chim ở sau chùa. Chẳng ai ngờ, bởi vì sau chùa rất lắm chim. Nhưng cạnh chùa lại có một ruộng dâu rất tốt mà cứ bốn năm ngày Tơ đến hái. Thành thử cuốn tiểu thuyết của Hàn cứ thêm trang mãi. Và khi những tháng hè đã hết, nó đã đến chỗ Hàn *xu-vơ-nia* cho Tơ một cái mùi xoa thơm lừng bằng lụa nơn, viền tím và thêu cành hoa con bướm với hai chữ HT gài với nhau. Ấy là một cái khăn tay Hàn đã đặt làm ngoài tỉnh, rưới vào mấy giọt nước hoa rồi gói vào một mảnh giấy bóng, đem về tặng Tơ...

Ở nhà quê, người ta tin rằng: những cặp trai gái chưa chi đã thể bồi với nhau, chẳng bao giờ lấy được nhau. Điều ấy đúng chẳng? Tháng hai vừa rồi, Hàn được tin người yêu đi lấy chồng. Tơ lấy con trai ông nhì Gia, đồ nhị trường. Nhà ông nhì Gia nghèo rớt mùng tơi! Thằng con ông mười lăm, nhưng chỉ bằng mười ba: nó cộc người. Mặt nó nhăn nhăn: mặt giới chẳng ra mặt giới, mặt chuột chẳng ra mặt chuột. Nói tóm lại, chẳng có mẽ gì. Nó lấy Tơ, thật đúng là con cú đậu cành mai. Hàn tức lắm. Và chẳng cần phải hỏi Tơ, Hàn cũng biết Tơ bị cha mẹ ép. Quả nhiên, ít lâu sau Hàn được tin Tơ chê chồng bỏ nhà đi. Người ta bắt được Tơ. Ông bố để xoắn tóc Tơ vào gốc cau đánh giập mấy cái roi mây, rồi cạo trọc Tơ, lấy vôi bôi, dọa sai mõ dong đi khắp làng cho dơ mặt, nếu Tơ nhất định không chịu về nhà chồng. Cái kế này diệu

thật. Nhưng Tư khóc gôm lắm. Hàn thương quá. Hàn mong cho có dịp gì được nghỉ về quê bàn với mẹ trả của cho Tư để lấy Tư. Nhưng mẹ Hàn nghe Hàn nói thì trở mặt lên, sợ hãi. Con gái làng này đã hết đâu mà phải lấy tranh vợ người ta thế? Hàn năn nỉ. Hàn dọa sẽ đem Tư đi trốn. Bà trả lời lại bằng cách cưới vợ luôn cho Hàn.

Bài thuốc ấy có thể có công hiệu, nếu người vợ cưới về đẹp và ngoan ngoãn. Một người đàn bà rất dễ làm ta quên một người đàn bà khác. Nhưng vợ Hàn lại rộng miệng và hôi nách. Bởi thế cho nên Hàn uất ức. Hàn không thèm nói nữa. Hàn lẳng lẳng ra tỉnh, như yên phận. Nhưng từ đấy, hẩn nghiền ngẫm một cái chương trình rất hăng...

*

* *

Hẩn đã trông thấy cái thằng chồng của Tư rồi. Nó đứng kia, loắt choắt như con chuột lắt. Nó đứng xem hàng kẹo kéo. Mặt nó hếch lên, nhìn mồm anh kẹo kéo hát những vãn vẹo mà cười bằng cả một cái mồm há hốc. Hàn nhìn nó, một cái nhìn khinh bỉ. Mẹ kiếp! Thằng nào chứ thằng này, hẩn chỉ đá một cái là chết ngoém. Hẩn dắt cái xe đạp, đi lên đường. Hẩn dắt vòng lên chỗ gốc đa. Hẩn tựa cái xe đạp vào gốc đa, rồi đứng nghỉ, lấy vạt áo trắng dài làm quạt, quạt. Người ta tưởng hẩn đứng đấy cho mát. Thật ra thì hẩn nhìn những đàn bà, con gái đương ăn quà.

Họ khá đông. Những bà mẹ xô xề với những đứa con đầu mới cạo, nhẩn thín như quả bưởi. Những bà già áo mớ, to sù người. Những cô gái lẳng cẳng và gọn ghẽ. Tất

cả đứng tùm năm tùm ba, chuyện trò riu rít, hoặc ngồi xỏm trước những hàng bún, hàng bánh đúc, gục đầu xuống ăn. Trông họ ăn mà ái ngại. Bởi họ ăn ngon lành quá, hăm hờ quá, mắt hùm hụp nhìn xuống bát, nhìn xuống chỗ bánh của mình, nhìn chỗ bánh của người khác, của nhà hàng... Hình như họ tính thầm rằng: Mình ăn hết chỗ này cũng chưa no... người kia ăn sung sướng hơn mình... giá không tiếc tiền thì mình phải ăn thêm cái tấm kia, tấm kia... của bà hàng nữa... Chỗ bánh voi dần. Họ ăn chậm chạp hơn, như kiểu ăn dè. Và đến lúc chỉ còn trơ cái lá không, họ đã buông đũa xuống rồi, còn nghĩ tiếc rẻ thế nào, bê bát nước riêu thừa lên húp một vài húp nữa, rồi mới chống tay vào đầu gối để đứng lên, sau khi đã nhìn cái mặt của bà hàng với vẻ luyến tiếc... Hàn đứng nhìn họ ăn hàng giờ như thế. Hắn quên cả cái mục đích của hắn khi đến đứng chỗ này. Bởi vì hắn đến chỗ này có phải để nhìn thiên hạ ăn đâu? Hắn có ý tìm Tơ. Hắn sẽ theo Tơ đến một quãng đường vắng nào. Hắn sẽ nói điều dự định của mình ra. Và nếu Tơ vẫn còn yêu mến, Tơ vẫn còn can đảm để yêu, hắn sẽ rước Tơ đi. Chúng tự do lập gia đình sống với nhau rồi ra sao mặc kệ! Cái dự định ấy, Hàn nghiền ngẫm đã ba tháng trời nay. Hàn quả quyết lắm rồi! Lúc nãy, khi trông thấy cái mặt nghiêm khắc của cha mình, và cái mặt đáng ghét của cha Tơ, hắn quả quyết thêm. Và đến lúc trông thấy cái mặt khá bì của chồng Tơ, Hàn lại càng quả quyết. Hàn tưởng sự quả quyết của hắn không còn thể nào lay chuyển được. Nhưng bây giờ...

Ồi Chao! Nếu Tơ của Hàn có đi xem, tất thị cũng ngồi sụp xuống trước một hàng bánh đúc kia. Thị sẽ bảo bà

hàng thái cho ba xu bánh đúc và múc một xu riêu. Thị sẽ và, sẽ húp kêu soàn soạt. Và đôi môi thị, đôi môi tròn và đỏ tựa san hô sẽ sừng sượt, nước riêu cá diếc nó chảy xuống cả cái cằm xinh xinh của thị, khiến thị phải lấy ống tay áo quạt... Hối ôi! Có cái gì là đẹp quá như Hàn vẫn tưởng đâu? Hẳn tự nhiên thấy mỗi mệт vô cùng. Hẳn ngồi phệt xuống gốc đa. Hẳn buồn nôn. Lúc bấy giờ tâm trạng hẳn ra sao, hẳn không biết nữa. Đó là một cảm giác hỗn độn, nó sửa đường cho một cuộc đổi thay. Rất nhiều mộng mơ tan. Một chút then thùng. Một chút lòng thương. Nhưng tình yêu thì nhất định không còn nữa. Mong manh thay tình yêu bông bọt của tuổi hai mươi! Người ta tưởng có thể chết vì một người, rồi đột nhiên người ta thấy chẳng có nghĩa lý gì đối với lòng mình nữa. Hàn uể oải đứng lên, toan về.

Bồng Hàn để ý đến mấy cô gái đứng gần Hàn vừa nghe nói đến tên Tư. Hẳn nhìn xem. Một cô đang giơ ra một cái khăn tay. Họ vừa xem vừa bàn tán với nhau:

- Cái Tư cũng nhạt được ở đâu đây, chứ về nhà ấy làm gì dám mua những của này?

- Chắc thế.

- Mấy hào đây?

- Có hai hào.

- Rẻ đấy.

- Rẻ thì rẻ thật, nhưng giá tôi thì tôi cũng chả mua đâu. Hạng chúng mình mua khăn tay thuê làm khi gì chứ?...

- Thì đã hần... Nhưng thấy rẻ, tôi tiếc nên mấy tay mua đấy. Tôi chả sợ. Thế nào tôi cũng gạ cô Luyện, bán cho cô ấy, để cô ấy hần bóng. Cứ gọi là ba hào là rẻ. Mình được lãi một hào ăn bánh đúc.

Ăn bánh đúc! Lại ăn bánh đúc!... Chao ôi! Thì ra những cô gái quê rất đẹp, rất hiền, rất ngây thơ kia phần nhiều chỉ nghĩ đến ăn. Họ là những kẻ không mấy ngày được thỏa cơm. Đối với họ, cái ăn có lẽ còn cần hơn cả tình yêu. Tơ đã bán cái xú-vơ-nia của Hàn đi để ăn bánh đúc chẳng?... Hàn đỏ mặt lên, hần thấy hần đã làm một việc quá buồn cười. Nhưng mà hần chẳng giận Tơ đâu. Hần cũng không khinh. Hần chỉ sáng mắt ra thôi. Điên rồ thay cái dự định dắt Tơ đi! Bọn trẻ con tưởng rằng, người ta có thể sống bằng tình yêu mà chả cần ăn. Hồi những cô gái quê rất có thể sẽ đáng yêu nếu không đói cơm kia! Các cô đã dạy khốn Hàn. Bây giờ Hàn mới biết rằng, trước khi nghĩ đến việc đặt những cái hôn lên cái miệng hoa của người yêu, cũng nên nghĩ đến việc đổ cơm vào đấy đã. Cái ý nghĩ có lẽ chẳng được thơ cho lắm, nhưng cuộc sống vốn không tha thứ những cái gì quá thơ.

Tiểu thuyết thứ bảy

Số 465 - Hè 1943.

MONG MƯA

Từ bao giờ đến bao giờ chưa có mưa. Ngày nào cũng như ngày nào, mới bảnh mắt ra thì ông mặt trời đã nhô lên. Người ta đã chán ông lắm rồi, chẳng ai còn muốn thấy cái mặt ông, nhưng ông có biết đâu. Sáng sáng, khi người ta vừa mở mắt ra, mãi mốt ra sân để nhìn giời xem có chút hi vọng nào hiện hình trên những đám mây chẳng, thì người ta lại thấy cái mặt đáng ghét của ông ở đằng đông, nhăn nhở cười sau một đám lá đen nổi bật. Ông có vẻ sung sướng lắm. Mặt ông chói ngời một nỗi vui hồn xược. Ông nháy nháy cả ngàn con mắt, một cách như chọc tức, ông có ý bảo: ông còn khỏe lắm, ông đang sức con trai, ông chẳng biết ốm là gì, nhọc là gì, và ngày mai ngày kia; ngày kia, ngày kia... mười hôm nữa, hai mươi hôm nữa, ba mươi hôm nữa... sáng sáng ông vẫn còn dậy được, vẫn còn khỏe khoắn, vênh cái mặt lên cười, rồi nhăn nhó, rồi quắc mắt nhìn cái giống người bé con. Giời thì xanh và cao tít tận đâu đâu. Không gian trong suốt tựa pha lê, mà quang đãng, mà khô nỏ đến nỗi trông rần đanh như ánh thép. Giời này thì đến chọc giời cũng không thể nào mưa được! Và người ta chán nản. Và người

ta nhân nhó, người ta thờ dài, người ta chếp miệng, người ta rên rĩ, người ta kêu giời, người ta rửa giời.

Bởi vì từ bao giờ bao giờ đến giờ chưa có mưa. Lửa thiêu đốt trần gian. Đất dộp lên, đất nứt toang ra. Đường làng trắng xóa, bụi mù, rấn câng, đi chới gót chân. Những cây to như cây mít, bưởi, xoan... mà lá cũng rũ mềm; chúng tương tự những giọt mưa, những cây yếu sức bị chết khô hay rụng lá đi. Những tàu cau ngả sắc vàng và bị xén ngoài rìa, trĩ xuống như những con gà sả cánh. Những cái ao chỉ còn là những vũng bùn, nước bị cô đặc lại, ngầu ngầu, sủi bọt, đóng váng trên bề mặt. Cá bọ dôn cả lại, không còn chỗ thở, úi lên trên mặt nước, nhao nhao như làm một cuộc biểu tình... Tất cả những cái ấy, thật ra, cũng chưa có gì quan tâm. Những ruộng cạn khô, ruộng nứt nẻ tứ tung, lúa rụng đi, cái đó mới là chết. Khắp làng, chỗ nào người ta cũng rới rít cả lên, như phải bỏng. Đi đâu, đến chỗ nào cũng chỉ gặp rất những người xách gầu đi tát nước đêm. Người ta chửi nhau, đánh nhau, kiện cáo nhau cũng chỉ vì tát nước. Bởi vì nước thì chỉ còn từng vũng to hơn cái vũng một con bò đái, mà người tát thì ước chừng có hàng trăm. Một bọ tát, lại có đến năm sáu bọ ngồi chờ. Bọ nào cũng chỉ lăm lăm chực xách gầu vào. Thoạt tiên thì những người tát nước với chủ có ao chửi mắng nhau. Anh có ao kêu: "Chết cá của ao tôi...". Anh tát nước thì nhất định: "Muốn chết đến ông Giời cũng mặc! Chết gì cũng chẳng bằng chết lúa. Chết lúa thì lấy gì đổ vào mồm chúng nó mà chúng nó dám ngoác mồm ra giữ? Giữ thì cũng tát! Đứa nào lười thôi, đánh cho sặc tiết!"... Rồi khi chủ ao đã chịu lui rồi, thì lại đến những

người đi tát nước chửi lẫn nhau, bẹp gầu của nhau ra. Lại còn có cả những thằng chẳng cần tranh nước với thằng nào cho nhọc xác, chỉ nằm khểnh ở nhà quạt, đến đêm mới len lén ra đồng, bẻ bờ ruộng của người ta để ăn trộm nước, rồi đến mức người ta kêu ruộng người ta tự nhiên cạn hết thì lại đổ tại nó ngấm, vớt lỗ cua, lỗ cáy!... Đánh nhau võ đầu cũng chỉ vì thế đấy...

Ấy là nói khi mới bắt đầu đại hạn. Bây giờ thì vũng cũng không còn. Ao nào còn vét được gầu nào, người ta vét sạch rồi. Chẳng còn thể mức vào đâu. Và người ta đành thúc thủ. Đêm đến, tưởng đã có thể nằm yên được, không còn bị điếc tai vì những tiếng người ta léo xéo chửi nhau ở ngoài đồng vì nước nữa, thì lại phải sốt ruột lên về những tiếng người ta rên.

Kỳ bức lắm. Bởi vì hần về đây để nghỉ, chứ không phải để mà sốt ruột và trần trọc suốt đêm không ngủ được. Thế mà bà ngoại hần thì nhất định không để cho hần ngủ. Bà thuộc vào cái hạng sinh ra để lo đời, nghĩa là để suốt đời lo. Bà vẫn bảo cháu, bảo con rằng: “Làm người thì phải liệu phải lo, nếu không biết lo, có khác gì con vật? Đứa nào mà đặt đầu ngủ trước, đặt đít ngủ sau, ỳ ỳ như con lợn, là đứa hỏng. Chúng mày đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, đêm năm canh thì ngủ độ ba thôi, còn bớt ra lấy hai để mà lo tính. Có bữa nay, còn phải lo bữa ngày kia nữa... Cái lo không biết thế nào là cùng được. Tao à? Cứ đủ thóc ăn một năm để trong nhà rồi, tao vẫn còn lo thóc ăn năm sau nữa...”. Có như vậy thật. Kỳ thấy bà hay thức khuya lắm. Bà thức để thở dài, thở ngắn, để lải nhải dạy con, mắng

cháu. Nhất là từ khi phải bỏ nước, ruộng khô nẻ ra. Suốt đêm bà không ngủ, mà bà cũng không cho ai ngủ. Bà rên rảm, bà trách giời trách đất, bà than thở với con, cháu, lo vụ mùa này mất cả, lo thóc cao gạo kém, không lấy gì ăn được, lo đến phải bán ruộng, bán vườn, bán nhà, dắt díu nhau đi ăn mày cả lũ... Lo đến trăm thứ nữa. Mà giá bà chỉ lo một mình thôi thì còn đỡ khổ người ta. Ác một cái, bà lại cứ muốn người ta phải lo với bà. Bà bắt người ta phải thức để nghe bà than thở và than thở lại. Đứa nào díp mắt lại, mồm ú a ú ó là bà chửi cho phải biết... Ngủ ăn hay ngủ bán mà vội thế? Giời đất này, rồi thế nào cũng có lúc ba ngày không được một hột cơm vào miệng, bụng lúc nào cũng đói như bụng chó sán, chả biết còn ngủ khỏe được như bây giờ hay không?... Bà nhiech cho như vậy, nhiech cho đến phải tỉnh táo để mà lo lắng. Rồi cứ mười bữa, nửa tháng một lần bà ra lệnh cho bớt gạo. Thoạt tiên bỏ cái lệ ăn buổi sáng, chỉ ăn trưa, ăn tối. Rồi bỏ luôn bữa tối. Rồi bữa trưa cũng không được ăn đầy tẻ; cứ đếm đầu, chia mỗi người ba vục. Rồi mỗi người chỉ được ăn hai vục; một vục... Kỳ sợ nếu giời nhất định nắng chang chang mãi thì có lẽ cả nhà hẳn rồi đến phải rút vào cái chế độ cách một ngày ăn một ngày, để trong bụng còn rộng chỗ mà chứa thật nhiều cái lo. Và đột nhiên Kỳ sinh lo!

Một hôm, Kỳ đang ngồi đọc báo, bỗng thấy bà ngoại đi chợ về, tay cắp một cái thúng đựng một thứ rau muống già cóc đế. Bà Kỳ chưa kịp thở dài để kêu gạo hôm nay kém hơn hôm trước, Kỳ đã trợn mắt lên xung xung bảo:

- Thế mà bà chả mong mưa mãi!...

- Không mưa thì bố mày cũng chết! Lúa gần chết sém, không mong mưa thì ý đáng mày không phải ăn cũng sống à?

- Ấy thế mà không mưa là phúc đấy. Mưa mới chết.

- Sao lại thế?

- Cái vận giới như vậy. Năm nay phải có đại hạn thì mới thuận. Có đại hạn thì chỉ khó chịu một vụ mùa này thôi, sang năm thóc lúa lại đầy đồng. Không có đại hạn thì mới chết.

Kỳ nói những lời ấy rất là quả quyết. Hấn không nhếch mép cười. Không phải hấn đùa. Bà ngoại hấn nhìn hấn, bán nghi bán tin...

- Sao mày biết?

Kỳ đập khế xuống tờ báo như tức tối:

- Khốn nạn! Thì báo đăng đây này!

Bà cụ tròn đôi mắt:

- Báo đăng? Báo đăng thế nào?...

- Con đọc cho bà nghe... Lạ lắm!

Và Kỳ đọc:

“Vừa rồi ở làng Đại-lãn, tổng Lươì-huyền, phủ Bát-cân, tỉnh H-N có xảy ra một việc lạ như sau này:

Nguyên ở làng ấy có một người đàn bà làm nghề hàng xáo tên là Nguyễn Thị Đuỳnh. Thị Đuỳnh thường đem

gạo sang bán ở bên làng Ngu-khổng, cách làng Đại-lân một con sông. Mới đây, bán hết gạo rồi thị cấp mấy cái thúng không, xuống đò ngang để sang sông về nhà. Đò ra đến giữa sông, thị đặt thúng xuống rửa mặt. Bỗng một con cá quả nhảy vọt qua thành đò, rơi vào thúng thị. Cả đò không ai trông thấy. Thị Đuềnh vội chuyển cái thúng trên xuống dưới, dùng cái nọ úp chặt cái kia, để giấu con cá đi để không ai biết. Đến bờ thị giả tiền đò, rồi mãi một đội thúng về. Con cá quả vẫn còn giẫy sùng sục ở trong cái thúng dưới. Về đến nhà, thị hí hờn khoe chồng:

- Hôm nay không dung được cái bống đáng ba bốn hào.
- Nhật được tiền, phải không?
- Không phải tiền. Con cá chuối to ghê lắm!

Và thị kể lại chuyện con cá nhảy vào thúng cho chồng nghe. Nhưng anh chồng, chừng đói bụng, đã dọn cơm sẵn ngồi đợi vợ, nghe xong thì bảo vợ:

- Hãy mang thúng vào bếp, lấy cái thớt dề kỹ lấy! Ăn cơm đã. Cơm xong rồi muốn nấu nướng gì sẽ hay!...

Vợ nghe lời chồng, đem thúng vào bếp, bỏ cái thớt vào cái thúng trên cho mèo khỏi lục, rồi lên ăn cơm với chồng... Người chồng ăn xong trước, chạy xuống mở thúng ra xem: thì không phải cá quả mà lại là một con cá chép, đáng đến hơn đồng bạc. Anh ta nhăn nhó chạy lên hỏi vợ:

- Bu mà y bảo cá gì?

- Cá quả.

- Thật bu mảy quáng nắng, nên trông gà hoá cuốc. Con cá chép to thế mà bảo cá quả!

- Đừng nói dối!

- Thật đấy, xuống mà xem...

Người vợ ngạc nhiên. Hai vợ chồng chạy xuống xem. Thì lạ quá. Cá quả, không! Mà cá chép cũng không! Chỉ có một ông lão, tóc bạc phơ, ngồi chồm chồm trong cái thúng. Ông lão từ từ đứng dậy, bảo vợ chồng nhà kia:

- Các con chớ mong mưa, nhất là đừng than thở vì giới chẳng chịu mưa! Không mưa thì các con chỉ mất một vụ mùa thôi, nhưng nếu có mưa, lúa tốt, thì sẽ chẳng có đủ người mà gặt, mà gặt được về nhà cũng chẳng có người mà ăn.

Vợ chồng nhà kia sợ hãi nhìn nhau. Đến lúc họ nhìn đến ông lão, thì ông lão đã biến đi đâu mất. Họ run cầm cập...

Kỳ ngừng đọc, nhìn bà. Bà hần cũng đang run cầm cập. Ôi chao! Báo đã đăng!... Mà khi báo đã đăng, thì hần là có thật. Không thật, ai dám đăng lên báo? Giả thử báo có đăng rằng bà đã chết, thì bà cũng nhất định tin như vậy, và bà nghe đọc cái tin ấy chính là nghe ở dưới âm... Kỳ biết vậy.

Nên hần mừng thầm rằng từ nay sẽ không phải nghe bà rên rẩm nữa...

Có như vậy thật. Từ hôm ấy, bà ngoại Kỳ không còn dám hé răng kêu Giời chẳng chịu mưa. Nhưng một cái nạn qua thì một cái khác đến ngay. Luôn mấy mươi hôm sau, Kỳ khổ sở vì muốn cười mà cứ phải cố giữ cho mặt mình thật nghiêm trang bởi vì cái tin trên kia đã lan đi. Nó biến hình dần. Bây giờ thì nó không còn là một chuyện ở xa xôi ở đâu ở đâu. Nó là chuyện ngay làng Vi-tri, cách làng Kỳ có một con sông. Mà con cá lạ lùng chính là một con cá bắt được ở ngay con sông mỗi sáng Kỳ vẫn ra bơi lội... Kỳ bước chân ra khỏi nhà độ mươi bước là đã phải nghe chuyện ấy. Người nào cũng kể bằng cái giọng chắc như đinh đóng cột. Giá thử Kỳ có muốn cãi, cũng khó mà cãi lại. Nhưng cố nhiên là Kỳ không cãi. Hắn lại còn cố nghiêm trang, không cười...

Thế rồi một buổi sáng, có một người mặc quần áo tây đạp xe đạp đến làng Kỳ. Ông ta xuống xe vừa lúc Kỳ ở con đường nhỏ rẽ ra sông bước lên đường cái, Kỳ mới đi bơi về...

Người khách lạ cất mũ chào Kỳ trước. Kỳ đáp lễ và nhã nhặn:

- Thưa ông, ông muốn tìm nhà ai ở gần đây?

- Không ạ, chúng tôi không quen ai ở làng này. Chúng tôi là phóng viên một tờ nhật báo...

Kỳ tò mò nhìn ông ta rất kỹ. Bởi đối với Kỳ, một phóng viên là một thứ người gì ghê gớm lắm: Kỳ cảm động đến hơn run một chút... Nhà phóng viên kiêu hãnh tiếp:

- Chúng tôi đến đây để hỏi cái chuyện con cá hóa ra ông lão...

Kỳ mím chặt môi để không bật cười.

Tiểu thuyết thứ bảy

Số 470 - 17-7-1943

RỬA HÒN

Mối hiềm bắt đầu từ một cái trần ngôn. Ông lý Nhưng ngờ cho ông khóa Mẫn làm. Ông khóa Mẫn chưa chắc đã làm: Bởi lẽ trong cái trần ngôn không phải là lời lẽ một nhà nho đã đọc sách thánh hiền, nhưng cái tin kia đến tai ông thì ông lại cười mà bảo rằng: cái thằng nào nó làm trần ngôn ấy, cũng không nên trách nó, ăn bẩn, nó chửi cho là phải...

Nguyên có vợ chồng nhà kia, lúc lấy nhau, bởi quá nghèo nên chẳng cưới cheo gì. Họ ăn ở với nhau theo kiểu vợ chồng theo. Mới đây chị vợ đẻ được một đứa con. Ông lý nhà ta biết thóp anh chồng non mặt, nên đến lờ anh ta đủ thứ. Ông nhất định bảo rằng: đứa con của anh ta không thể khai sinh, bởi vì vợ chồng anh chưa làm giấy giá thú; mà anh có muốn làm giấy giá thú cũng không được bởi vì người đàn bà có con ra rồi; không những thế, nếu việc phát giác ra, anh có lỗi... Kết cục thì anh chồng đành chạy ngược, chạy xuôi, biện cho ông lý hai chục bạc để ông làm ngơ cho việc ấy. Rồi ngày một, ngày hai, khi nào xoay được vài ba chục bạc nữa lại đến ông, ông sẽ liệu

cách vào giá thú cho vợ chồng anh và khai sinh cho đứa con anh giúp. Để khỏi hậu hoạn.

Ông lý bóp được hai chục bạc, bỏ ra mấy đồng giết một con chó, mua mấy chai rượu, mời mấy cụ đến chè chén với nhau. Câu chuyện ấy bay đi. Dân làng bàn tán rất nhiều. Ai cũng cho rằng ông lý Nhưng tệ quá; vợ nó đẻ, cơm đã chẳng có mà ăn, da trông bầm ra nước đờ; chồng thì cái khổ chẳng có mà đeo; thế mà ông nỡ xoay của họ, thì còn gì là nhân đức nữa. Ấy thế là ông thừa tiền, thừa thóc đấy! Giá nhà ông phải đổi như nhà người ta thì không biết ông còn bóp nặn dân làng đến đâu?... Nhưng nói lảm rồi người ta cũng thôi. Còn số tiền hai chục bạc thì có lẽ ông lý ăn vào đã lại thả ra cho con chó nhà ông thừa lộc chủ rồi. Trời móc ra được nữa! Ai cũng tưởng thế là xong chuyện. Thì bỗng một buổi sáng người ta thấy một mảnh giấy con con dán ở cửa đình. Mới trông, người ta tưởng là nốt bản yết thị. Việc gì đây? À! Trần ngôn! Lại trần ngôn! Và người ta đọc thấy mấy câu như sau này:

Trời ơi! Có thấu tình chăng?

Một con mẹ đẻ, mấy thằng ăn no!

Ai về tôi gửi cái mo,

Lý Nhưng có thiếu thì cho mà dùng.

Lý Nhưng ơi hồi Lý Nhưng!

Tưởng là ông hóa ra thằng ăn dơ!

Đứa nào lột cái giấy này đi cả nhà nó chết.

Chỉ ba bốn hôm sau là bài về trên đây đã được truyền khẩu lan đi khắp làng. Lý Nhung xám mặt. Ông nghĩ ngay đến ông khóa Mẫn...

- Việc này không thành Mẫn, cứ cố ông mà chặt!... Ông đã biết ngay từ hôm ấy kia mà! Mình chỉ quên có một tí thôi, quên không cho mời nó, ấy thế mà nó để ý thù mình được!... Cái quân nó sắp mặt! Cứ việc gì nó nó thì nó im thin thít, động việc gì nó không được chấm mút gì vào đấy, là nó quay đầu lại cắn. Giống mõ! Đều! Ba que! Xỏ lá!... Đồ lục súc!...

Chứ như thế, ông vẫn chưa hả giận. Ông cười khỉnh:

- Hừ! Tưởng tức người ta thì làm gì được cái thá gì! Cái trò ném đá giấu tay ấy, ông chỉ vo viên, ông bỏ xuống dưới chiếu, ông ngồi... Không biết xấu! Cũng đòi là người chữ nghĩa!... Chữ nghĩa để làm những cái trò ăn may ấy thì chữ nghĩa cũng vất sông! Chữ nghĩa! Úi dà, chữ nghĩa! Sao cũng có bữa ông cho xích cổ lại, ông đập ghế vào mặt cho mà biết...

Bởi tức quá, nên bất cứ ngôi chỗ nào, ông cũng mạt sát ông khóa Mẫn. Hết mạt sát rồi lại dọa. Ông bảo: ông khóa Mẫn có lý sự mấy đi nữa, ông cũng không cần sợ; ông móc chỗ nào ra cũng được ngay một lúc dăm trăm bạc; ông khóa Mẫn thì tiền đâu? Thế nào ông cũng cho ông khóa Mẫn đi ở tù! Ông tuyên bố với nhiều người như thế. Cố nhiên là ông khóa Mẫn không thể không biết chuyện. Nhưng ông thâm trầm. Ông không làm om sòm ngậ sị lên như kẻ địch. Ông chỉ cười nhạt và thùng tha thùng thẳng:

- Nào ai biết được rằng: Các ông ấy kiếm ăn cả ở chỗ vợ người ta đẻ! Ai rồi hơi mà bới móc? Đứa nào nó chửi ông ấy, ông ấy không làm gì được nó, ông ấy cứ người ta ông ấy húc! Húc đâu chứ húc đây thì chỉ tổ biêu đầu mà thôi!

Nói của đáng tội, cái trần ngôn thì ông khóa không làm. Nhưng ông cũng không thềm đến nhà ông lý Nhưng để phân trần ra trắng, ra đen, ông dấm dẩn nói thế thôi. Rồi ông lại tắc lưỡi, bảo thêm:

- Với lại, nghĩ cho kỹ thì cái thằng nào nó làm cái trần ngôn, cũng không nên trách nó. Ăn bản, nó chửi cho là phải!...

Ấy thế là hai người bất hòa với nhau!

*

* *

Ông lý khai chiến trước. Ông chọc tức ông khóa Mẫn như thế này. Ông khóa Mẫn có một người họ xa có cái mũi đỏ và sần sùi như một cái vỏ cam sành. Nhiều người bảo: chứng phong... Ông lý bèn làm giấy khai ngay cho ông này bị bệnh hủi, xin bắt đi khám nghiệm. Nếu quả có bệnh thật, tất người ta tống ông vào trại hủi. Ông này sợ lắm. Ông biện chè đến lạy van ông lý. Ông lý nhất định không chịu nhận. Khẩn bằng nào, ông cũng gạt ra mà bảo:

- Những như ông thì tôi không nỡ. Ông xem đấy: Tôi làm ngõ cho ông mãi. nhưng khóa Mẫn nó sang mồm lắm! Nó khinh tôi như rác. Tôi không làm một cái, nó tưởng tôi sợ nó...

Giận cá, chém thớt là như vậy. Chỉ khổ ông mũi đỏ! Ông bị giải và lo xám người. Bà vợ ông vốn không phải tay vừa. Vợ chồng nhà bà xưa nay chỉ cặm cụi làm ăn, có trâu gheo ai đâu? Trâu bò chọi nhau thì mặc kệ trâu bò! Chết ruồi muỗi là chết làm sao được?... Bà ức lắm. Bà hăm hăm chạy một mạch đến nhà ông khóa Mẫn. Vừa đến ngõ bà đã xốc vác lên đến đầu gối giậm chân bèn bẹt và gào thật to:

- Ố ông khóa ơi là ông khóa ơi! Vợ chồng nhà tôi làm gì ông mà ông làm khổ vợ chồng nhà tôi thế này?...

Ông khóa Mẫn ngạc nhiên. Ông hỏi đầu đuôi. Và khi ông đã thông tỏ đầu đuôi ông tím mặt, ngồi ngẫm nghĩ một lúc, rồi bảo bà kia:

- Bà cứ về đi! Để mặc tôi...

Người ta đã biết tính ông: ông không thích nói nhiều. Nếu bà kia hỏi một câu nữa, thế nào ông cũng mắng. Bởi vậy bà không hỏi nữa. Bà cởi ruột tượng lần ra một cuộn giấy bạc, đếm đưa cho ông khóa hai chục cái, tay đưa miệng mếu:

- Tôi gửi ông chỗ này để ông xe pháo, dò giang... Trăm sự nhờ ông...

- Được rồi! Bà cứ yên lòng về... Tôi chịu nó thà tôi làm giống chó!...

Lập tức ông đội khăn, mặc áo, đi ra tỉnh... Mấy hôm sau, ông mũi đỏ có họ với ông được về. Thế nghĩa là cái đám của lý Nhưng không chạm được đến người ông.

Nhưng ông vẫn còn căm. Bởi vì ông mới chỉ đỡ mà thôi. Ông chưa đánh. Có giả miếng được thì mới giỏi... Nửa tháng sau, ông giả miếng; ông phát đơn kiện lý trưởng tất cả mười tám khoản; ngót một trăm người ký, phần nhiều là học trò ông, cha chú học trò ông, và một số đàn em trong làng.

Mấy khoản nặng nhất là: bao chiếm công điền, tự tiện bán thứ vị lấy tiền bỏ túi, ăn bớt gạch ngói xây trường học đem về xây nhà cho vợ lẽ...

Vụ kiện giằng dai lắm. Việc trước chưa xong thì việc sau đã tòi ra. Cứ ông khóa Mẫn kiện ông lý nhưng, rồi ông lý Nhưng lại kiện ông khóa Mẫn. Rồi vây cánh của hai người kiện lẫn nhau. Việc nọ dính líu đến việc kia, chằng chịt với nhau, không sao gỡ ra được nữa. Cả hai bên cùng hại của. Ông lý Nhưng bán đi năm mẫu ruộng. Ông khóa Mẫn thì chẳng có gì để bán, nhưng bà con, anh em phải bỏ ra cho cũng khá nhiều. Sát khí bùng bùng. Họ đã đe giết lẫn nhau. Mà sự thật thì cả hai ông, mỗi lần ra khỏi nhà, đều phải có người đi hộ vệ...

Kết cục thì lý Nhưng thua, thua một cách khá sâu cay. Ba tháng tù án treo; chân lý trưởng thì bị cách. Người ta nói: ông tức quá, thổ ra hàng bát máu...

*

* *

Thật ra thì không phải thế. Chỉ tại dân làng ghét ông nên nói thế. Họ rửa mắt cho ông chơi đó! Nhờ trời, ông

được cái tạng người cũng khỏe. Ông không đến nổi uất máu lên mà chết. Có điều ông cũng tức. Và cũng xấu hổ với làng nước nữa. Ông không dám lộ mặt ra khỏi nhà...

Nhưng đã bảo rằng: ông khóa Mẩn là người rất mực thâm. Có đời nào ông đã chịu để cho kẻ địch của mình yên? Tuy ông được kiện, nhưng ông vẫn còn căm lắm, bởi hắn đã làm ông hại của. Nhân lúc thừa thế, ông bèn vận động cho một người cháu làm lý trưởng... Hôm làm khao, ông nghĩ ra một kế ác vô cùng: ông sai người đem cau đến mời ông lý cự. Có nhiên là ông cự hiểu. Ông đỏ bừng mặt mũi. Ông nghẹn cổ không nói được. Mãi đến lúc tên người nhà ông khóa ra rồi, ông mới bật ra một tiếng. Ông chửi tục. Ông nghiêng răng lại mà chửi tục. Mất ông nẩy lửa. Mép ông sùi bọt. Người ông run lên vì tức giận. Ông đổ xuống cái giường như một cây gỗ đổ. Ông hậm hực. Đôi mắt ông ầng ậc nước. Ông nghĩ đến một con dao... ông nghĩ đến một cái búa đinh... ông nghĩ đến một cái chai... ông nghĩ đến cả một mâm rượu hắt cả vào mặt ông khóa Mẩn...

Bỗng ông đập tay xuống giường thật mạnh, bật người lên. Ông hậm hậm ra khỏi nhà, nắm chặt hai tay, bước thật nhanh những bước nghe chắc nịch. Bà vợ ông hoảng hốt:

- Ông đi đâu đấy? Ông đi đâu đấy?

Ông không đáp, vẫn cầm đầu đi như chạy. Bà vội vàng chạy theo ông. Bà níu lấy ông, chấp hai tay lạy:

- Tôi lạy ông! Tôi cần rơm cần cỏ tôi lạy ông! Ông mặc người ta!... Ông đừng lời thôi nữa...

Ông hất tay bà ra, quắc mắt nhìn bà một cách tức tối và khinh bỉ. Ông đưa nắm tay vào ngực bà, giúi mạnh một cái gần ngã ngửa:

- Về ngay! Còn đi theo ông, ông đâm chết ngay lập tức!

Rồi ông lại hăm hăm bước. Ông bước mỗi bước bằng bốn bước. Ông đi nhanh lắm. Bà không theo kịp. Bà tất tưởi trở lại để nhờ người khác đi theo ông giúp. Ông lại càng rào bước... Chỉ một loáng ông đã ra tới ruộng. Rồi thì tới tha ma. Bấy giờ đang giữa trưa nên cả cánh đồng chả có ai. Một dịp tốt vô cùng! Ông nhìn trước nhìn sau. Không một bóng người. Những nắm mồ nhấp nhô. Ông đưa mắt nhìn hết nắm mồ nọ đến nắm mồ kia. A! Ông đã nhận ra rồi! Chính nắm này đây!... Ông lại nhìn trước, nhìn sau. Rồi ông nhảy vọt sang. Ông cẩn thận nhìn thêm một lúc nữa. Không sai được! Chính là mộ bố ông khóa Mẫn... Ông lại nhìn trước, nhìn sau lần nữa. Lần này kỹ càng hơn. Rồi quả quyết, ông vén một ống quần lên. Rồi rất sung sướng, rất hể hả, cũng hồi hộp nữa, ông làm cái việc giải thoát cho bong bóng...

Xong đâu đấy, ông mỉm cười đắc chí. Ông đi về.

Tiểu thuyết thứ bảy

Số 485 - 30-10-1943

RÌNH TRỘM

Anh Tẻ cầm cái chai chìa ra cho vợ, gật gật đầu. Chị vợ trông thấy thừa rồi, nhưng chị tảng lờ. Đàn bà họ có những cách tảng lờ hay lắm! Nhưng tảng lờ cũng không xong. Anh vẫn chìa, vẫn gật gật, một thứ gật có thể gọi là khấn khoản. Bởi vì anh gật bằng cả môi, bằng mắt. A! như thế thì phải nói là anh nháy. Hơn nữa, anh còn gọi:

- Bu mày! Bu mày! ... Nhoanh! ...

Tiếng gọi nhỏ nhẹ và nũng nịu - anh Tẻ làm nũng nịu vợ thì tài nhất! - Chị vợ giả vờ khoằm mặt. Chị gất lên:

- Cái gì?

Anh bẹp mồm cười và gật gật. Như thế thì ai mà giận được? Chị toét môi cười, nguýt anh:

- Nợ lắm!

Chị giật phắt lấy cái chai. Nhưng làm cái bộ vùng vằng ấy để chữa then đấy thôi. Thật ra thì cô ả thấy buồn cười. Cái vẻ phụng phịu của cô là vẻ phụng phịu một cô gái mười sáu, khi có người vuốt má, trêu: Chồng nhé! ... Anh Tẻ cười. Anh sờ cái cằm chị vợ:

- Chóng ngoan!... Rồi tôi thương.

Chị Tề hát mạnh bàn tay chồng một cái. Chị quắc mắt và chúm mỏ. Làm như chị thích đùa cợt thế! ...

Nhưng anh Tề đâu còn lạ? Cái môi rung rung của chị lại sắp cười rồi đấy! Cười! Cười nào! Cười đi!... Và quả nhiên chị cười. Chị cười và mắng chồng:

- Trẻ con!

Rồi chị quát lên mà hỏi:

- Mua mấy hào?

Anh tắc lưỡi:

- Mấy hào thì mấy... Độ nửa chai thôi mà.

Chị ngửa cổ, cười hơ hớ:

- Mới có nửa chai thôi mà?

- Mua cả nửa chai cho nó tiện. Uống không hết thì còn đấy. Mất đâu mà sợ?

Chị dí một ngón tay vào má anh:

- Uống không hết! Đã không hết đấy! Cái hũ giọt này thì biết mấy nửa chai cho vừa? Một nửa chai mà còn? ...

Anh nhe răng ra, khì khì... Chị đi...

*

* *

Ấy là một gia đình mà chúng ta, những người đã ba con, trông thấy phải thèm. Chồng hăm hai. Vợ hai mươi. Nhà không giàu nhưng cũng chẳng nghèo: không dám

nói đến chuyện có tiền nghìn bỏ ra sinh lợi rồi ngồi đấy mà ăn; nhưng nếu chịu làm, đừng cờ bạc, rượu chè thì miếng cơm tẻ, không mấy khi phải đói. Ở nhà quê được như thế, đã là hạng phong lưu đấy.

Chị Tề còn sướng một điều này: không phải ở với mẹ chồng. Ông thân sinh ra anh Tề là một ông già khá lạ đời - lạ đời đối với những người ở làng này. Ông nghĩ rằng: sống mỗi người một nhà, già mỗi người một mô thì không hay rắc rối; mỗi tuổi mỗi tính, mỗi người một tình; đừng chạm với nhau lắm, những sự bất hợp trời ra, và những kẻ đáng lẽ phải yêu nhau lại thành ra những kẻ làm khổ nhau... Vì vậy nội con ông, bất cứ anh nào, ông mua sẵn cho năm sào vườn, làm cho một cái nhà tre, rồi mới cưới vợ cho. Cưới hôm trước là hôm sau đôi vợ chồng đã ra ở riêng. Làm lấy mà ăn! Anh nào cũng có chân, cũng có tay. Vốn liếng có tí chút đấy rồi. Vợ chồng bảo nhau. Khôn sống, dại chết. Khổ thì cố mà chịu vậy. Mỗi kẻ có thân phải liệu cách mà khu xử lấy. Con trai có vợ rồi, đâu có phải còn là con nít? Họ có quyền tự lập, tự do, và tránh sự ỷ lại vào mẹ ba...

Vậy vợ chồng anh Tề chỉ có hai người. Họ chưa có con. Tuy vậy họ cũng bắt chước người ta, gọi nhau bằng "thầy nó", "bu mày", cho nó ngộ chơi. Mới đầu là sự nhại đùa. Mãi mãi thành quen. Bây giờ muốn bỏ, không bỏ được. Vả lại bỏ, thì gọi nhau bằng gì được? Ở nhà quê, vợ chồng chưa có con, khó có tiếng gọi nhau lắm nhé. Cậu cậu, mợ mợ... Thì ra lối tỉnh: mặc màn tà lỏng ộp nghĩa là cái váy mà gọi nhau như thế thì người ta cười đến chết! Minh mình, tôi tôi là lối Sài-gòn, mấy thằng cha đi cao su

về, cố nhập cảng nhưng chẳng ai theo. Còn anh ơi! với em ơi! thì chỉ khi nào hờ nhau thì người ta mới dùng đến cho vãn về. Vậy thì gọi nhau bằng gì được? Hạng mày mày, tao tao là nhiều nhất; nhưng đó là những cặp vợ chồng ngày nào cũng phải chửi nhau một lần...

Vợ chồng Tẻ, trái lại, rất quý nhau. Chồng hiền, vợ cũng hiền. Cả hai đều chăm chỉ làm ăn. Họ sên so. Chồng không đánh bạc, không nghiện ngập, không hay họp hành, đánh đưng. Nói cho thật, thì một đôi khi anh Tẻ cũng thèm uống rượu. Uống rượu rồi nói khoác là thú nhất. Còn gì cho bằng giết con gà nấu cháo rồi mua độ nửa cây Văn điển? Cháo được rồi, gà gỡ ra bỏ vào một cái đĩa tây to. Rót rượu ra! Múc cháo ra! Bỏ cái mâm hân lên giường. Chồng ngồi xếp bằng, uống rượu, rung đùi. Vợ ngồi tiếp một bên. Uống được độ ba chén rồi bắt đầu vừa uống, vừa gặm xương vừa nói chuyện cổ kim để vợ nghe. Vợ nghe và tủm tủm cười. Lúc bấy giờ thì... ôi thôi! Ông tiên chỉ là ta! Ông trời cũng là ta! Đứa nào bảo một miếng giữa làng, bằng một sàng xó bếp, dốt như bò. Vắt ra ba trăm đồng bạc làm một ông quan viên, thà để mua một trăm rười con gà. Tiên chỉ mình, rồi thứ chỉ đến vợ mình; việc gì đem tiền cho chúng nó ăn? Nghĩa là anh Tẻ đá lăm, đá ghê gớm lăm, và khôn róc sống theo cái kiểu com nhà ma vợ. Còn chị vợ thì chỉ biết phục và chiều chồng thôi...

Vì thế chị đem về vừa đủ nửa chai. Lại kèm thêm một cái đùi gà. Anh chồng sướng quá, reo lên:

- Ấy chà! Thế thì nhất bu mày! Nhất vợ nhì trời.

Anh co chân nhảy tót lên giường, ngồi chồm chồm như một anh cóc rình mồi. Chị Tẻ tùm tùm cười đặt rượu và cái đũa gà trước mặt chồng. Rồi chị đi lấy mâm bát dọn cơm. Anh Tẻ rót rượu uống ngay. Bởi vậy khi chị rảnh rang bung được nồi cơm lên, thì mắt anh đã lờ lờ. Anh vừa ngồm ngoàm nhai một miếng thịt gà, vừa giơ cái xương còn lại lên, chỉ vào mặt vợ lẽ nè:

- Tôi bảo thật! Đêm nay thì có thằng chết với tôi. Mẹ kiếp! Lại chuột gặm chân mèo à? Mình đã không trêu chúng nó thì thôi; chúng nó lại dám trêu mình à?...

Chị vợ bĩu môi ra:

- Ôi chào! Ông tướng vừa vừa chứ! Nếu nó sợ nó đã không dám lấy.

Anh trợn mắt lên:

- Ủ? Không sợ! Không sợ? Thế nào tôi cũng đánh què cẳng nó.

- Biết đứa nào mà đánh?

- Sao chẳng biết? Làng này có những thằng nào đi ăn trộm, còn ai chả biết? Tôi cứ vác gậy ra nằm dưới vệ đê, chỗ chúng nó hay qua lại. Vô phúc thằng nào gặp tôi ...

Chị vợ không nói nữa. Nhưng chị có vẻ không tin anh lắm. Bởi thế cho nên anh vẫn còn hực hực, hực hực rất vu vơ như thế. Nhưng cái gì đã làm anh hậm hực uống rượu để tức chứ không phải để vui vẻ như mọi bận? Có gì đâu! Đêm qua, chẳng biết thằng trộm nào xẻo mất của anh ba buồng chuối tiêu.

*

* *

Rượu xong, cơm xong, anh Tề vẫn lải nhải nói mãi. Chị vợ nghe đã chán tai, và đêm đã khá khuya rồi, nên đứng dậy đi nằm. Anh ngồi lại một mình, nói cho cái cột nghe. Chị vợ mặc chồng. Chị đoán rằng: anh nói mỗi miệng rồi tắt cũng phải đi nằm. Nhưng anh không nằm, anh vác gậy ra đi. Chị ngủ mệt rồi, nên không biết để can. Anh lúi lũi ra đường cái. Anh nhất định xuống vệ tre ngồi. - Anh nhất định rình ở đấy suốt đêm. Anh định thấy thằng trộm nào khệ nệ gánh chuối hay gánh tay nải đi qua là đánh.

Nhưng chẳng có ma nào! Làng xóm ngủ im lìm. Cả đến những con chó cũng im. Không lẽ bọn trộm khiếp vía anh mà đêm nay không thằng nào dám bước chân ra khỏi ngõ. Không có lẽ! Cứ ngồi gan, thế nào rồi cũng gặp. Anh cố ngồi. Ngồi lắm mới lưng. Anh nghĩ rằng: có tìm một chỗ sạch sẽ mà nằm thì cũng chẳng sao. Đã gọi là thằng kẻ trộm, thằng nào đi cũng vội vàng. Nó lại mang những thức nặng nề. Cố nhiên là nó không thể kiễng gót chân, nín thở mà đi. Nó đi bình bịch ở trên đường, thì đâu anh có nằm, nhưng nằm ngay ở vệ đường, tất lúc nó đến gần phải biết. Biết là nhóm dậy. Cái gậy sẵn sàng bên cạnh đó, anh cầm lấy. Đợi nó đến tận nơi. Anh nhảy bổ lên, chặn lại. Cứ vậy, có thằng lại không van bằng cốc! Ba buồng chuối của anh đem qua, mưa ra mà trả. Rồi kiêng cái mặt anh ra, từ đây đừng có đại, trêu vào mà được chết. Tử tế thì như vậy. Và nếu buống thì... a-lê! Cái gậy phang vào đầu!... Anh vừa nghĩ thế, vừa men ra chỗ phẳng phiu toàn cỏ.

Đưa tay ra là qua một lượt để chắc chắn không có gai hay thức gì bắn thủng rồi, anh ngả lưng nằm xuống. Anh nằm ngửa, hai bàn tay chít lại để dưới đầu, một chân co lại, chống lên, một chân gác lên đầu gối chân kia. Cứ vậy, anh nhìn trời... Trời lấp lánh những sao. Kia là mũ Thần Nông... Kia là con vịt. Kia là cái đó... Chà! Mà nằm ngủ vệ đường mát thật!... Anh ngáp... Rồi ngáp... Rồi lại ngáp... “Kia là sao cái đó... Kia là sao cái đó...”. Anh nhắc thẳm trong trí vậy. Sao cái đó cứ mờ rồi lại sáng, rồi lại mờ, lại sáng... và mờ nữa. Anh ngáp, rồi lại ngáp... rồi lại ngáp... Chỉ một lúc sau, anh đã không còn biết có anh trên đời nữa, bởi vì anh ngủ như chết rồi...

Sáng hôm sau, một người đi qua đã giật mình, họ tưởng anh là một cái xác chết đường. Họ lay anh. Anh choàng dậy và bẽn lễn...

- À anh Tẻ... Sáo nằm đấy?

- ... Cho mát! Với lại...

Anh áp ứng. Người kia cũng chẳng cần nói cho biết nữa. Hẳn đoán anh câu trộm ở ao nhà nào gần đây. Anh mãi một xách gậy, đi về nhà. Vừa về đến đầu ngõ, đã thấy vợ tất tưởi chạy ra. Mặt chị tái mét. Chị như người hoảng hốt.

Chị suýt húc đầu vào ngực anh.

- Gì thế?

Anh Tẻ trở mặt lên, và hỏi. Chị Tẻ lú lẫm, không đáp được. Chị chỉ quay ngoắt lại, lút cụt chạy trước chồng. Anh Tẻ chạy theo. Vợ trước chồng sau, họ chạy về phía sau nhà. Bấy giờ vợ mới run, bảo chồng:

- Kia kìa!

Chị ghen lời. Anh cũng ghen lời. Vợ nhìn chồng và chồng thì trân trân nhìn một cái lỗ gạch to đến một con bò chui lọt. Anh đỏ bừng mặt mũi. Mồ hôi trán toát ra. Họ ngáy ra như tượng gỗ ...

Một lúc như thế rồi bỗng anh chồng hùng hổ cởi áo ra. Anh bện quần cho lên tới tận mông. Anh chửi lăm bầm như sắp đánh đập. Nhưng không. Anh nằm ẹp xuống, chui qua lỗ gạch vào buồng. Chị nghe thấy tiếng anh rít lên ở trong buồng:

- Mát sạch rồi! Mát sạch rồi! Chó! Chó!...

Rồi anh lại chui ra. Mặt mũi mình mẩy lấm lem, anh lại đứng ngoẹo đầu nhìn. Rồi anh lại chui vào. Rồi anh lại chui ra. Rồi anh lại chui vào. Chị vợ đang điếng người đi cũng phải bật cười:

- Ô hay, điên đấy à?

Nhưng anh nghiêng chặt răng, trợn mắt lên:

- Điên! Điên à? Chẳng điên cuồng gì cả! Đêm nay tôi sẽ đào gạch chui vào buồng nhà nó có cái gì lấy tất. Một cái chổi cùn tôi cũng không để nhé! ... À! Láo thật! Chuột lại cứ đòi gặm chân mèo à?

Anh lại chui vào buồng.

Tiểu thuyết thứ bảy

Số 487 - 13-11-1943.

NỬA ĐÊM

Tên thật hắn rất hiền lành: Rự, Lê Văn Rự. Hắn làm trương tuần nên người ta gọi hắn là trương Rự. Nhưng từ ngày hắn xoay sang nghề ăn cướp thì hắn thành ông Thiên lôi. Cái tên ghê gớm ấy nguyên do nó thế này. Những khi bọn anh em tụ tập lại bàn định tìm một nhà nào để đánh, Rự không bao giờ bàn một tiếng, hắn chỉ cúi đầu vào uống rượu và ăn cơm; cơm rượu rồi, hắn lừ mắt ra, cầm cái tăm xiên vào từng kẽ răng rồi thỉnh thoảng lại rút hắn ra mà mút; cứ như thế cho đến lúc người ta quyết định rồi, giao cho hắn việc gì là hắn vút tăm xuống đất, rũ quần đứng lên và theo lệnh của anh em. Người ta bảo cái ông thiên tướng và tầm sét cũng hành động theo kiểu ấy; ông chẳng có quyền tự mình đánh chết ai; ông chỉ biết theo mệnh trời, chỗ đâu thì đánh đấy. Chỉ đâu đánh đấy thì chính là cái thái độ thàng trương Rự. Bọn ăn cướp gọi đùa hắn là Thiên lôi. Từ đó, thành tên, cái tên ấy lan đi, cả làng Vũ Đại không ai không biết. Nhưng không biết cái lai lịch trên kia, họ cất nghĩa mỗi người mỗi khác. Người thì bảo bởi cái tiếng hắn choang choang. Thật ra thì hắn ít nói, lúc hắn nói, người ta nghe

như quát, khi hấn quát, người ta tưởng là sấm sét, thôi thì cứ sôi lên sùng sục như cơn nóng giận của Thiên lôi vậy.

Khi bắt đầu mang cái tên oai vệ ấy, hấn ngoài ba mươi tuổi. Da đen như cột nhà cháy, mặt rỗ tổ ong, trán thấp và bóp lại ở hai bên, tóc còm cộp dờ ngắn dờ dài, mắt ti hí nhưng sáng như mắt vọ, đã thế còn được đôi lông mày rậm và dựng đứng như hai con sâu róm nằm trên trụ lực, tất cả những cái ấy vào hòa với cái mũi ngắn và to héch lên như mũi hổ phù, đôi lông quền cao trên bờ những cái má trũng như hai cái hố những cái xương hàm nổi bật lên, và bộ răng cái mả nhai xương rau rầu, cùng nhãn nhó, trùng trợn với nhau để tạo cho hấn một bộ mặt làm cho những trẻ con trông thấy phải thét lên như bị ma bóp cổ. Thật ra thì những bà mẹ bực mình vẫn dùng hấn để dọa những đứa con hay khóc: “Im ngay! Mày có im ngay không? Tao đem mày cho ông Thiên lôi bây giờ! ...”

Ông Thiên lôi là con cái nhà nào và quê quán ở đâu? Không ai biết. Bố mẹ hấn không ở làng này. Hấn làm con nuôi bà quản Thích từ khi còn bé ẵm giữ.

Bà quản Thích là một người đàn bà góa giầu, còn trẻ mà lại chưa có con, đó là một người đàn bà nhân đức mà vùng này đều quen biết. Một hôm, có người ghé vào chơi nhà bà, đem làm quà cho bà một đứa trẻ thơ. Người ấy bảo: “Đây là con một kẻ khốn cùng, đi lang thang từ làng này sang làng khác để xin gạo thừa cơm nguội của những nhà phúc đức, không lấy gì nuôi con được, nó đem đến sân nhà tôi rồi bỏ đi. Bà chửa có trẻ con trong nhà, hãy nhận lấy nó mà nuôi như là con đẻ vậy”. Bà quản Thích

nhận lấy. Bà nhận lấy như là một việc tốt lành. Bà nâng niu nó chẳng khác gì con của bà. Mặc dầu có những người thóc mách hay là ác miệng bảo nó là con của một kẻ giết người, cha nó đi ở tù, mẹ nó đi lấy chồng. Người ta bảo quê hương nó cách đây những mấy ngày đường. Như thế sao biết được chắc rằng có thật hay không, những lời hàm hồ ấy? Bà quản Thích không dám tin.

Bà yêu thương nó lắm. Và nó lớn rất mau, mau như là tội ác, nhả nhó, cạo nhậu, gắt gồng, có lẽ chẳng bao giờ yêu thương lại bà. Còn bé thì nó khóc, khóc ngằn ngặt như giận dữ ai. Lớn lên một chút thì hăn suốt ngày cau có, như nghiền ngẫm một lát dao găm cắm vào ngực một kẻ thù nào của hăn. Rồi hăn đòi làm trương tuần để đâm chém kẻ cướp. Rồi hăn lại làm kẻ cướp để chém lại trương tuần và những người cần có sự bảo vệ của những anh trương tuần. Nhưng đi tuần hay ăn cướp đều không thể coi là nghề nghiệp, thật có như làm thơ viết tiểu thuyết người ta lấy làm nghề phụ, nếu làm nghề chính, thì nghề không nuôi sống người, chưa ai giàu có vì làm trương tuần hay đi ăn cướp; đó là cái sở thích của một số người, máu mê thì phải chơi cũng như ham chơi cờ bạc, cũng như viết tiểu thuyết và làm thơ có khi mang vạ thêm vào mình! Vì thế hăn cũng phải có một cái nghề. Hăn làm nghề đồ tể. Cái nghề ác đức ấy cho hăn được cái khoái lạc thấy những con vật sống giãy đành đạch dưới mũi dao thọc vào cổ chúng, cho máu tươi vọt tóe ra, rồi chảy ồ ộc vào cái chậu. Vả lại tiện cho hăn có đồ nhắm rượu: ngày nào hăn cũng muốn có một bát tiết canh đỏ lòm và sừng sực những miếng sụn ngon băm nát. Hăn thích làm chảy máu và ăn máu, âu cũng là tính trời sinh ra.

Nhưng hắn cũng biết ham sắc đẹp. Cứ gì phải là một trái tim đa cảm! Hắn muốn có vợ như những kẻ hiền lành. Hắn muốn vợ hắn phải là người thật đẹp; cái ấy những kẻ hiền lành cũng muốn. Và hắn lấy. Nghĩa là cướp lấy. Vợ hắn là con gái yêu một người đàn bà góa buồn tẻ. Hắn gặp nàng đi bán tơ với mẹ.

Hắn đến nhà mẹ nàng, và cuộc điều đình chóng vánh như sau này:

- Ở đây có một con gà mái tơ rất đẹp, tôi muốn mua đem về nhà nuôi.

Người đàn bà run sợ và ngơ ngác. Hắn muốn nói cái gì của nhà bà đây? Chắc là tiền bạc. Thôi, cũng đành biếu hắn vài đồng uống rượu đi cho rồi. Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn. Bà cời dài yếm lấy ra hai đồng bạc giấy, vuốt cho phẳng, bỏ vào cái đĩa và đặt lên giường, trước mắt hắn, xun xoe thưa rằng:

- Thưa với ông Trương, gà thì quả là nhà cháu không nuôi; nhưng bây giờ mẹ góa, con côi, ông làm công làm việc, mẹ con tôi cũng mong được cái oai của ông che chở. Vậy gọi là có chai rượu biếu ông để làm cái lễ mọn, mong rằng ông đừng chê ít ...

Hắn cười ha hả. Rồi hắn vénh cái mặt lên, một tay xoa cái cằm nhai nhụi một lúc, rồi lại đột nhiên bảo rằng:

- Ai nữ hạch tiền bà cụ. Tôi đến đây để xin gà mái chứ không xin tiền.

Bà cụ hình như hiểu. Nhưng bà không dám tỏ ra là đã hiểu. Bà chưa biết nói ra thế nào. Hắn lại cười ha hả.

- Bà cụ thật thà quá nhỉ! Thôi, tôi nói toạc cho bà cụ hiểu: tôi là con gà sống đi tìm gà mái đây!

Đến đây thì bà đành phải hiểu; bà thua lại rằng:

- Chẳng may cho tôi, và cũng chẳng may cho cháu, không có phúc. Con gà mái ông định bắt tôi đã nhận tiền bán cho người khác rồi.

Hắn trợn mắt lên:

- Mặc kệ! Tôi thích thì cứ mua; mua không được thì bắt trộm; bắt trộm không xong thì đánh cướp. Bà muốn chọn đường nào cũng được. Còn tôi thì tôi nhất định rồi, tôi đã nhất định rồi. Con gái bà phải vào tay tôi.

Nói xong hắn ra về. Bà mẹ không run nữa. Bà tuyệt vọng. Hung thần đã nói. Số phận con bà đã định, không còn xê dịch được. Hai mẹ con nhìn nhau, oà khóc lên. Ngày hôm sau, bà được tiếp bà quản Thích. Hai người cùng cảnh ngộ nên biết thương nhau. Nhưng một bên phải ép lòng mà hỏi, để nghe lời trách móc. Một bên cứ trách móc nhưng cũng phải ép lòng mà gả. Hai người ruột cùng đau quần quặn. Họ kể lể khóc với nhau, thương cho hai cuộc đời. Và cuộc đời của một kiếp sống mới lên măng, của cô con gái mơn mớn, đáng được những bàn tay lương thiện nâng niu, ve vuốt. Họ khóc đấy. Nhưng mặc kệ, nước mắt của hai người đàn bà hiền đức không thể đổi được cái lòng khăng khăng của một kẻ đàn ông hung tàn. Cô gái bạc mệnh mới hai mươi tuổi cứ phải đem cái xinh tươi của mình đặt vào những bàn tay gân guốc, cứng ráp và co quắp của anh trương đồ tể.

Bởi vậy, đã xảy đến cho người thiếu phụ đương xuân là vợ hần cái chết thê thảm.

Hôm ấy, nàng dọn cơm xong thì hần cũng ở đâu xách một chai rượu về. Thật là vừa vặn. Nồi riêu cá trắm rất ngon đã múc ra làm ba bát cho ba người ăn. Hần chẳng đợi ai, xồng xộc chạy vào, ngồi sụp xuống, rót rượu ra bát uống. Bà quản Thích và con dâu vội vàng ngồi vào ăn ngay: chạm một tí hần có thể quát và đập phá om sòm, toang hoang cửa nhà. Hần thò đũa vào bát riêu trước mặt giảm khúc cá. Nó răn răn như cái đầu. Hần lấy đũa xều lên. Đích là cái đầu rồi còn ngờ gì nữa. Lòng hần sôi sùng sục. Cái đầu lợn đã đành là phần ông tiên chỉ. Nhưng cái đầu cá thì chẳng ông tiên chỉ nào muốn xoi. Nói của đáng tội, nó chỉ toàn những xương. Sao vợ hần lại nhè bỏ vào bát hần? Thế này thì nó khinh mình thực! ... Hần hất cái đầu cá ra mặt đất, và bảo thẳng vào mặt vợ:

- Cái đầu cá này thì chỉ có bố mày họa có xoi được chẳng chứ tao thì không phí mồm.

Bà quản Thích ngượng thay cho nó, vội vàng gấp lấy bỏ vào bát cơm của bà:

- Bố nó chết rồi, mày không xoi được thì tao xoi. Đây mày ăn lấy khúc này cho ngon.

Bà vừa nói vừa đặt cái bát của bà vào lòng hần. Hần thấy bà bênh con dâu. Hần thấy bà ra ý khinh hần là thằng tham tục. Hần thấy... Ô! Lòng hần sôi sùng sục! Hần ngứa ngáy chân tay quá! Con vợ khốn nạn kia ngồi cầm mặt xuống, mặt sưng lên mắt rưng rưng chực khóc. Nó

còn oan uổng lắm! Hừ cái mặt! Cái mặt, hần chỉ muốn tát vào cái má kia cho nó sưng.

Người vợ đỏ mũi lên. Nàng không còn nhìn được. Nước mắt trào ra má. Hần thấy máu đưa lên cổ. Hần đứng phắt lên, hung dữ như một con hổ đói, nhảy bổ lên người vợ, nghiêng răng chặt, xoắn lấy tóc nàng. Nàng khóc oà lên. Hần giúi đầu nàng xuống. Nàng kêu, nàng kêu! “Hàng xóm ơi! Nó giết người, nó giết người!”. Hừ! Được lắm! Đã muốn thế thì được thế! Thì hần giết. Bà quản Thích nắm lấy áo hần mà co lại. Hần đập cho bà một cái, nằm còng queo xuống đất. Rồi đấm, đập, tát túi bụi trên đầu, mặt, bụng, lưng người thiếu phụ. Hần cào, hần cấu, hần bóp cổ, và lay, và lắc, đấm bằng tay, đá bằng chân, hích bằng khuỷu tay, thúc bằng đầu gối, hần lăn xả vào bằng đầu, bằng vai, bằng ngực, bằng đùi, bằng răng. Và đến lúc hần ngừng lại thì người đàn bà khốn nạn đã rũ rượi, mềm như con bún, máu ộc ra bằng mồm, bằng mũi, bằng lỗ tai, bằng bao nhiêu là vết thương. Máu lênh láng ra nhà. Người vợ ấy có thai: cái thai sẩy, người mẹ chết, nàng chết sau hai năm trời sống khổ cực bên một thằng chồng vũ phu. Nó đã mua nàng như mua một con lợn, ái ân với nàng như người ta giết lợn. Khốn nạn cho những cái chân tay mềm! Quả có thế! Khốn nạn thay cho những cái chân tay mềm!

Cả làng Vũ Đại thì thăm kể cho nhau nghe chuyện ông Thiên lòi giết vợ, nhưng ông Thiên lòi vẫn ung dung bán thịt, uống rượu, và thỉnh thoảng đi ăn cướp chơi như thường. Bởi vì chánh hội làng Vũ Đại là một thằng ăn

cướp, nó cướp của, cướp người chưa thỏa chí, nó muốn cướp cả quyền hành của dân.

Người ta sợ nó mà phải để cho nó làm chánh hội, để cho nó làm xuôi, làm ngược trong việc cai trị chín thôn đông đúc của cái làng hơn ba ngàn suất đinh này. Phúc cho bọn con em, nó cai trị cũng không khác gì những ông kỳ mục lương thiện cai trị họ. Nghĩa là cũng đục khoét đến thế thôi. Kể thì cũng không có cách gì đục khoét hơn thế được. Ăn cướp tựa ăn cướp, cái lão chánh hội ăn cướp ấy cố nhiên tìm cách bung bít cái án giết vợ kia, chỉ vì thù phạm là một thằng ăn cướp. Bung bít thì phải được. Bọn con em không hiểu sự; nó giết vợ nó chứ có giết vợ mình đâu? Còn bọn đàn anh hay bói móc thì lại sợ; sợ thằng chánh hội cũng như sợ Thiên lôi; hai sức phá hoại ấy chấp vào nhau thì phải đổ đình đổ chùa, chứ đừng nói gì đổ nhà đổ cửa.

Lý lịch ông Thiên lôi thế là trong sáng. Nhưng còn đối với đời? Hỏi còn có ai đại dột đến đâm đầu vào lấy một thằng vừa giết vợ nữa? Thế mà có đấy. Một người trẻ, đẹp dịu dàng không kém gì người vợ trước. Người ấy về nhà hẩn như về thời nhân loại còn dã man, người ta nộp thân mình làm lễ hy sinh. Cũng bởi người ấy hèn nhát sợ chết ngay, cứ cố muốn sống, - sống đầy đọa - mấy năm nữa rồi hãy chết. Cái chết rồi sẽ đến, đến bất cứ lúc nào, nhưng đừng bây giờ là được rồi! Đừng chê trách: con người ấy là con người muôn năm.

Nhưng Tạo hóa có cái óc tưởng tượng vô cùng phong phú. Tạo hóa không thích lặp đi, lặp lại cùng một chuyện,

như những nhà tiểu thuyết tâm thường. Người vợ sau có phải chịu nạn cũng không đi cùng một đường chịu nạn như người trước. Người vợ sau không chết, tuy cũng có mang. Phen này lại chính ông Thiên lôi chết. Hấn không chết vì dao, vì mác, hấn không chết rũ tù, hấn không chết trên máy chém như những người tin quả báo vẫn thường trông đợi. Hấn chết trên giường nhà hấn, trong tay vợ hấn, êm ái như một nhà hiền triết chết. Mà lại có cả người hồ khóc nữa. Làm sao được: nghĩa tử là nghĩa tận; những người chết đều đáng kính bởi những người chết không còn đủ sức mà hại ai. Kẻ giết người kia chẳng có ai giết mà cũng chết. Chao ôi cái chết! Chao ôi! Cái chết còn hung bạo hơn những thằng hung bạo. Những kẻ hung bạo cũng đáng lòng thương hại. Những kẻ hung bạo chết cũng chỉ là một người chết, nạn nhân một sức mạnh mù quáng và khốc liệt. Ông Thiên lôi đã chết! Người mẹ nuôi vẫn mong cho hấn chết, bây giờ muốn khóc và khóc thật. Có ai hiểu được cái nước mắt của loài người! Vợ kẻ đã run sợ mà lấy nó, đã nguyên rủa nó, bây giờ cũng khóc. Chao ôi! những giọt châu của loài người.

*

* *

Ba tháng sau, người vợ góa của Thiên lôi đẻ. Nàng đẻ con trai. Nàng đẻ như trút tội ác ra khỏi người. Nàng thấy lòng nàng như trong trắng lại, nàng đang mong nàng trong trắng để mà yêu đương. Hoa lòng nàng tưởng không nở được, bây giờ lại nở. Nó nở bởi nắng thiêu chột tắt. Và trời lại mưa. Nàng mới có hăm hai; nàng còn trẻ quá, má

nàng còn đỏ quá! Cuộc đời trước mặt nàng dài dằng dặc, đi một mình làm sao? Nàng còn đẹp, nàng chưa yêu thật, nàng còn giữ được rất nhiều tình xuân. Cái anh trai tân bên hàng xóm vẫn ngấm ngấm thương nàng những khi nàng khóc lóc, bây giờ mới nói. Anh ta nói rằng anh ta vẫn muốn tháo cũi, xổ lồng cho nàng từ lâu. Chỉ còn đợi dịp. Nàng cũng hiểu cái dịp đó chẳng bao giờ tới, nếu chống nàng không chết. Nhưng nàng không nói thế. Nàng tin lòng chàng. Bởi vì lòng chàng còn nguyên vẹn. Còn nàng, dấu sao nàng là cánh hoa rơi trên đường rồi. Cuộc tình duyên ấy có một nhịp văn chương lạ! Cũng bởi trước kia chàng là một người thợ nhà máy sợi rất ham tiểu thuyết - và nhiễm thêm một chút màu phóng dăng. Họ dắt nhau đến sở mộ phu lấy giấy đi Sài Gòn.

Thằng bé đã không cha, lại thành ra không mẹ. Nhưng nó chẳng bơ vơ. Bà quản Thích săn sóc nó. Một mầm tươi vui hy vọng lại nảy ra trong cõi lòng khô héo của người đàn bà khao khát một tình thương trọn đời. Bà yêu thương nó hơn đã yêu thương bố nó. Nó còn nguyên lành trong tay bà. Bà chỉ thật sung sướng từ hôm nay. Bà nhận thấy nó khác xa bố nó. - Làm thế nào nhận thấy những nét táo tợn của người bố bốn mươi năm trên cái mặt bụ bẫm của đứa con chưa đầy năm tháng? - Nó sẽ hiền lành, bà tin thế, và cầu khẩn Đức Bà như thế. Nó sẽ làm bà vui cảnh già. Thực là cảm động! Bà già sáu mươi tuổi còn đợi đứa cháu lớn lên với bà.

Bây giờ bà đã nghèo rồi. Cái cơ nghiệp một người giàu ở nhà quê có bao nhiêu! Một mình thằng con nuôi phá đã

đi đứt ngay một nửa. Các bạn bè hấn phá một phần của cái nửa kia. Còn phần trót thì những kẻ thù của hấn phá nốt khi hấn chết. Bà quản Thích mới kịp nghĩ ra rằng: có một đứa con hung ác đã là một cái họa; nhưng mất một đứa con hung ác lại là một cái họa lớn hơn. Cũng may, khi mất hết của cải rồi thì bà được yên thân; ở cái chốn thôn quê đầy bất công và nhùng nhể, một người đàn bà góa chỉ yên thân khi đã thật già và thật nghèo.

Còn lại cho bà mấy sào vườn. Nó cũng như cái xương để cho bà gặm. Chẳng ăn thua gì nhưng cũng có cái để cho vào dưới răng. Bà cặm cùi làm, làm như bà còn khỏe lắm. Không thiếu những người già khom mà vẫn còn sức lực để làm. Họ làm để tiêu sức dai dẳng của họ đi, hay ông trời khéo an bài đã thu xếp cho họ có sức dai dẳng để mà làm lụng? Nhưng khi mệt mỏi quá, thấy ù tai, mắt lóa, xương sống lưng hình như muốn nhả nhau ra, bà nghĩ ngợi mà sinh lo lắng: nếu một buổi chiều kia, hơi sức đã trút hết ra mảnh đất xóc xờ này, bà gục xuống như một cây chuối ủng và không bao giờ đứng lên được nữa? Thế thì cháu của bà ra sao? Thế thì cái thằng Đức hiền lành như con chó này ra sao? - Bà đặt tên nó là Đức, có ý mong nó phúc đức hơn bố nó - Có con người từ thiện nào đủ can đảm rước lấy cái giống Thiên lôi ấy? Ngày ngày bế cháu ra đường xin sữa những người mẹ trẻ vú mẫn và đầy căng, bà đã nhiều dịp nhìn thấy người ta ghê tởm thằng bé khốn nạn mang trong huyết quản cái máu ác ngược của quân giết người. Bà đã gặp nhiều người từ chối không cho sữa. Nhiều người khác nể hay thương hại, cho sữa rồi thì vội vàng lau, rửa vú cho thật kỹ càng, sạch sẽ. Chao

ôi! họ nghĩ rất có lý rằng cái nọc độc tiết ra từ trong mồm nó. Bà quản Thích rất cực lòng: con người nhân đức ấy đã oán đời. Có lúc bà tiếc rằng bố thằng bé vô tội ấy không còn sống để bắt những người khác phải thừa nhận rằng thằng bé kia vô tội. Thì ra những người rất hiền lành cũng có thể là những người rất ác. Có điều họ không có cách để làm ác. Nếu ai cũng có thể thực hiện những ước muốn của mình thì có lẽ nhân loại tiêu diệt từ lâu rồi.

Nhưng Đức khỏe mạnh và cứ lớn lên. Cái sữa của thập phương quả có tốt hơn cái sữa của một người chăng? Có thể nói nó lớn nhanh hơn những đứa trẻ được bú no sữa mẹ. Nó múp míp, nhẵn nhụi, kháu kháu lạ! Nó hiền như đất, hiền như con những nhà thiếu ăn. Sáng ra, xin được sữa cho nó bú rồi, bà đặt nó vào một cái rổ sê để trên giường, rồi cứ đi làm. Nó ngo ngoay như một con sâu chán rồi lại ngủ, ngủ rồi lại mở mắt ra mà ngo ngoay. Đến trưa, đi làm về, bà thổi cơm ăn, ăn xong, bà mớm cho cháu một bát cơm thật chặt. Nó nuốt gọn ghẽ, ngon lành, bà nhai không kịp cho nó nuốt. Nuốt hết bát cơm, cái bụng nó tròn ra như cái điều thuốc phiện; nó lại lơ lơ nhìn ngược, nhìn xuôi, nhìn mỗi mắt thì lại lim dim ngủ. Nó không hay khóc, mà có khóc cũng chỉ khóc vài tiếng lại thôi, hình như trẻ con khóc chỉ để cho người lớn phải xem đến nó; nó khóc chán, cũng chẳng ai xem đến, khóc mà làm chi! Trời đã sinh voi, tất nhiên sinh cỏ, bà quản Thích cảm ơn Chúa đã phù tính cho cháu bà biết bao? Chưa thấy đứa nào dễ nuôi như thế ấy! Chẳng bao giờ nó ốm đau. Từ ngày lọt lòng ra đến bây giờ, bà nhớ như nó ấm đầu có vài ba bữa. Có lần cứ bỏ liều rồi tự nhiên nó cũng khỏi. Cùng

lắm, ba xu thuốc tán của bà lang Lùn về uống với bông mã đề và nõn tre.

Cứ thế, nó lớn lên. Nó lớn lên như một cái mầm cây mạnh. Chỉ hôm nay đến ngày mai trông đã khác. Nhưng cũng chỉ như cái mầm cây mạnh, nó lớn xác mà không lớn hớn. Được ba năm, đi đã nhanh, nó vẫn chưa biết gọi “bà, bà”. Nó chỉ nghênh nghếch, không cười, không khóc, ăn rồi lại ngủ. Ngủ dậy lại lơ lơ nhìn ngược, nhìn xuôi, ngáp vặt, rồi lại ngủ hay là lại ăn. Quả thật nó hiền. Hiền đến quá, hiền hơn cả con những người hiền. Người ta bảo: bố ăn hết cả lộc của con. Trông mặt nó lì xì, sau này lớn lên chắc nó dần.

*

* *

Thấm thoát nó mười năm. Nó nhón bằng con nhà người ta mười chín hay hai mươi tuổi nhưng mặt còn đại nghếch. Nó nói được nhưng chậm chạp, mà không hay nói. Một ngày, nó chỉ nói đôi ba tiếng vào lúc ăn cơm với bà. Bà nó thì già lắm rồi. Cái lưng còng xuống, người còm cỗi, trông như một con mèo đi bằng hai chân. Tiếng bà cũng khàn khàn ra như là tiếng mèo. Cái mặt thì nhăn dúm như cái đèn xếp của một cậu học trò vụng làm thủ công. Bà đi thất thiếu tựa ma trôi. Tuy vậy, bà chưa chống gậy. Bà vẫn còn đi lại làm lụng được, cũng như còn ăn được. Cái dạ dày nhà nghèo thường hay rồi việc nên giữ được bền. Tiêu hóa tốt thì tay cũng còn phải tốt, nếu không thế, lấy gì mà tiêu hóa? Có điều bà ăn

chậm chạp. Bà không nhai nữa, bà nhấm từng hạt một. Bà làm cũng kém đi. Bà không cuốc đất, bà gãi đất, lắm lúc bà gãi môn man man như dân nghiện. Thế đã đủ để bà thấy gân xương rã rời.

Nhưng cháu bà đã đủ sức để thay cho bà. Nó ham việc hơn ham sống. Nó làm hì hục từ sáng đến chiều như một con trâu, cằm cúi không cười không nói. Cái vai nó chẳng bao lâu đã u lên, trông nó càng thêm ngớ ngẩn. Làm xong thì nó lăn ra ngủ. Không ngủ thì nó nhìn xuôi, nhìn ngược bằng con mắt lơ đãng. Nó chẳng đi đâu. Kinh nghiệm dạy cho nó nên như vậy. Hồi lên mười, nó môn men đi ra, nó đến cửa nhà thờ hội họp với bọn trẻ con cùng xóm, nhưng chẳng bao lâu bạn nó lảng dần. Nếu không thế, có đứa bị cha mẹ đánh.

Người ta vẫn sợ cái giống thằng Trương Rự: nó hiền hơn cha nó nhưng nó cục thì biết đâu? Nó có thể đánh què quặt con mình được. Có lần thấy Đức, bọn trẻ đứng dòn lại với nhau, rồi vừa nhẩy cẳng lên vừa kêu la ầm ỹ thành điệu hát:

- Con thằng Thiên lòi, đâm lòi bụng vợ! Con thằng Thiên lòi, đâm lòi bụng vợ! Thằng Thiên lòi ...

Thoạt tiên, Đức muốn cười. Nhưng rồi nó ngớ ngẩn đưa một tay lên má. Cái mặt nó thêm xị xuống, chực rỏ giọt như làm bằng sáp gặp khi nóng quá. Rồi nó lẳng lặng quay trở về. Vừa thấy bà, nó ôm lấy bà mà khóc. Lần đầu tiên hẳn ôm lấy bà mà khóc. Bà thương cháu nhưng cũng sung sướng nữa. Có mấy khi nó gần bà như bây giờ? Bà được che chở và an ủi nó. Bà dặn nó đừng chơi với những

đứa trẻ kia. Từ đấy, Đức chỉ luẩn quẩn ở vườn nhà, chơi với các bẹ mần chuối, dùng làm thúng đựng đất, đem bán cho những cây cam, cây khế. Cũng chẳng sao. Bà quản Thích nhân thế dạy cho hắn làm vườn rất sớm. Mười lăm tuổi hắn đã thành thạo công việc rồi. Nhờ thế, nhà bà quản Thích đỡ nghèo hơn. Chẳng được giàu như trước nhưng cũng dễ chịu. Ngày ngày bà cháu đã được bữa đói bữa no. Có khi tối đến còn được luộc củ khoai củ ráy. Những ngày trời trở tráo làm bà buồn chân tay hay là đau lưng, bà đã có thể nằm nghỉ ngơi. Đời chịu được. Bà sẽ sung sướng nữa nếu cháu bà không thắm lặng nữa, nếu cháu bà không thắm lặng quá. Hắn có cái gì giấu kín ở trong lòng? Cũng có lẽ hắn không có cái gì giấu kín ở trong lòng cả! Lắm lúc bà thấy buồn vắng quá. Bà cần nói để hắn nghe và cần nghe hắn nói. Hắn không hề bắt chuyện. Hắn chỉ im lặng hay thờ dài. Trời ơi! Bà muốn bớt đời sống đi một vài năm cũng vui lòng nếu có thể biết hắn thờ dài vì đâu?

Bây giờ Đức đã mười tám tuổi. Hắn lớn lắm nhưng vẫn lặng lẽ, ngờ nghệch và hay thờ dài. Mắt hắn lơ dờ tựa mắt trâu. Lúc nào hắn cũng có vẻ ngậm một mối buồn xa xôi, vương lại từ kiếp trước. Lúc nào hắn cũng ngơ ngác như một người sáng dậy, còn ngồi thừ trên giường, nhớ tiếc một cơn mơ đã xóa nhòa mất hơn một nửa. Tuy vậy, hắn vẫn chăm chỉ làm. Hình như hắn quen làm vì quen tay, làm bằng tay thôi, không cần để vào đấy một mảy may ý tứ. Đó là một con người rộng. Người ta có thể nói tất cả hắn phồng ra thành da thịt. Ở trong cái xác to lớn ấy chỉ có một tí tí linh hồn.

Hàng xóm, láng giềng bắt đầu cho hấn là thằng ngây ngô. Họ bảo hấn không tinh nhanh bằng một đứa trẻ con; chắc là hấn chẳng biết thù ghét ai nhưng cũng không nên trêu trọc hấn. Những con vật, chỉ vì thiếu trí khôn nên hay giận dữ, mà khi giận dữ thì vô cùng nguy hiểm. Thấy hấn làm khỏe, họ thuê hấn làm, đó là một dịp để hấn giao tiếp cùng người khác. Bà quản Thích lấy làm may lắm. Người ta biết rõ cháu bà hơn. Nhờ thế, chỉ nhờ thế cháu bà mới có thể có vợ con được. Là vì bà đã nghĩ đến sự lập gia đình cho cháu rồi; chẳng qua chưa biết làm sao được, làng này khó có ai chịu gả con cho một thằng đã ngớ ngẩn thì chớ, lại là con thằng Thiên lỏi; tìm những chốn xa xôi thì không có tiền. Chẳng lẽ cháu bà đành không có vợ? Xấu tốt gì, miễn là có người chịu lấy là bà tìm tiền lo cho nó rồi. Chết cái ai cũng tưởng hấn là một giống gì quái gở. Nếu hấn đi làm thuê cho người ta ít lâu biết đâu chẳng gặp được người thương yêu? Vì thế, bà bảo Đức cứ nhận lời ai thuê cũng làm. Chẳng tỏ ý tán thành hay phản đối, Đức thản nhiên nghe theo bà.

Như thế được ít lâu. Đức gặp gỡ một người con gái như lời bà đoán. Nhưng sự gặp gỡ ấy có một kết quả trái hẳn với lòng bà mong đợi. Không phải sự sum họp mà lại là nát tan. Chao ôi! Khi người ta đã chẳng là một người như bao nhiêu người khác thì chạm làm gì vào một người đàn bà? Người đàn bà là sự bình thường, đó là một cái gì ngay ngắn. Người đàn bà chỉ có thể sống trong khuôn khổ. Họ như những cái toa tàu hỏa họ cần theo những con đường đời đã vạch sẵn để mà đi. Trệch ra ngoài là ngã nghiêng, trệch ra ngoài là đổ vỡ. Hại cho chính họ và có khi thiệt lây người xung quanh.

*

* *

Khốn nỗi, Đức lại bị đàn bà chạm đến. Người ấy tưởng chạm đến một hình nhân. Có ai ngờ rằng một thằng ngớ ngẩn lại có thể là một thằng biết cảm xúc như một người lành vậy. Không những thế, lại đánh thức dậy những cái gì tê liệt, cảm xúc làm sống lại Đức tự nhiên biết tình.

Tên nó là Nhi. Nhi con nhà nghèo, làm con nuôi một nhà giàu vẫn thuê Đức làm. Con nuôi hay con ở thì cũng thế: đều là kẻ bán sức mình kiếm ăn, có điều con ở được công năm, con nuôi bán thân ngay một lúc, cha mẹ đẻ nó lĩnh vài chục bạc và từ đấy nó đã trở nên hoàn toàn thuộc quyền người ta. Nhi mười chín tuổi. Nó chẳng lấy gì làm đẹp, có thể nói thẳng ngay rằng xấu. Nhưng nó trắng lăm, trắng như con lợn cao. Người nó phụng phịch quá, giá có phải lợn, bán được đến hơn hai mươi đồng. Bàn chân to và đầy hùm hụp, nhấc được lên kể đã là khó nhọc. Cái mặt thì chỉ thịt rồi lại thịt, nấn lên những thịt. Hai má phệ, cái mũi to mà lỗ thì lại nhỏ, gần như đặc, mắt không còn chỗ để phô ra, cái mi mắt đủ đầy như một cái môi, và cái môi thì đầy như... không có cái gì đầy đến thế. Nhưng mà nó rất hay cười và rất hay phải cười! Đức thấy nó ỡng ẹo, và đáng thương. Hắn dần thương hại và thích nó, thích nhiều hơn thương hại. Làm quen nhau cũng vì trưa trưa Nhi phải đem nước chè tươi và khoai lang ra vườn cho người làm. Mới đầu hai người chẳng nói gì. Nhi lẳng lặng đặt ấm nước và cái bát lên mặt đất, mấy củ khoai lên cái vung ấm nước, rồi cứ bỏ đấy về. Đức xoa tay nọ vào tay

kia để phủi đất quét ống tay áo qua trán hai ba cái rồi rót nước uống một bát, ăn một củ khoai, uống thêm bát nữa, quét mồm mấy cái rồi lại quay ra làm. Hấn chẳng dám nhìn Nhi. Ai chả vậy: nhìn trộm một người lấm thì không dám nhìn người ấy nữa. Nhưng một hôm, Nhi ngồi lại. Ý chừng người nhà đi vắng cả nên chị chàng len lủi đi chơi, không mải mốt như mọi ngày. Đúc bối rồi không biết có nên vào uống nước không. Nhi nhàn nhở cười, nói bằng cái giọng khó nhọc - tiếng nói, chui qua nhiều lớp mỡ ở cổ hình như hết hơi rồi:

- Anh dừng tay vào uống nước đã.

Đúc thở dài rất to. Tiếng thở thoát ra như tiếng rên. Rồi hấn vừa nhìn trời vừa đi lại gần ấm nước để ngay trong lòng Nhi. Nhi ngồi xếp xuống đất, hai chân dặng ra hai bên, khum khum nửa duỗi nửa co như dùng để làm bờ để che ấm nước. Đúc ngẩn ngại không biết nên ngồi xuống hay cúi lật một củ khoai rồi đứng mà ăn thôi. Nhi bảo hấn:

- Anh ngồi xuống đây. Vừa uống nước vừa nghỉ ngơi, đi đâu mà vội. Đi làm thuê, tiền nào của ấy, cũng chẳng tội gì tham việc lấm, khổ thân mình mà lại ai thương.

Đúc muốn trả lời mà chả biết trả lời sao được. Hấn lại thở dài như rên. Nhi buồn cười. Nó thấy cái mặt ngây ngây của Đúc buồn cười quá. Hai cái mũi anh ta cứ phập phồng như một anh nín cười. Nó muốn trêu anh chàng này chơi:

- Kìa sao anh không ngồi xuống?

Đức ngoẹo cái đầu về một bên, từ từ hạ người ngồi xuống, lom khom ngồi xổm, mắt không dám rời củ khoai. Nhi ranh mãnh nhìn thẳng vào mặt hắn, hai mắt Nhi cố hé ra lăm lăm cười. Mắt Đức rụt rè nhìn vội một cái rồi lại mãi mốt lúi về, y như một con chuột nhắt chực chui ra khỏi lỗ. Nhi thấy thế, càng trêu thêm:

- Anh Đức này! Sao anh hiền quá nhỉ?

Đức nghe răng ra cười. Lần đầu tiên trong đời hắn chẳng! Ít ra bây giờ Nhi mới thấy. Nhi thích chí:

- Sao anh không lấy vợ?

Đức lại nghe răng cười. Cái đầu hắn ngoẹo thêm đi. Hai cánh mũi phập phồng thêm nữa. Nhưng mắt hắn, sợ người ta trông thấy, chực lặn đi. Con trai gì mà e lệ hơn con gái! Nhi cười đỏ mặt. Nó muốn ôm lấy đầu hắn mà báng, mà xoa, mà lắc như người ta đùa một đứa trẻ con lừ đừ. Nó trơ tráo bảo:

- Tôi yêu anh hiền lành, muốn lấy làm chồng quá! Anh có lấy tôi không, anh Đức?

Đức không im lặng nữa. Hắn quay đầu ra bên phải. Tiếng cười bật ra “hừ hừ”. Nhi cười lặn ra vườn. Chưa bao giờ nó được cười đến chán như thế này. Khi thông thả người ta hay vui vẻ.

Nhưng từ hôm ấy, Đức thay hẳn người. Hắn nhanh nhẹn hơn trước, mắt đỡ lơ đãng, hay tòm tòm cười; bà quản Thích thấy cháu đột nhiên trở nên hay chuyện. Nó gở chết hay sao mà lại thế? Có hôm nó lẩn thẩn ngồi bàn với bà

những cách làm giàu. Hắn sẽ cố dành dụm để có tiền thuê lấy một vài mẫu ruộng; thiếu gì người có ruộng muốn cho làm thuê? Chỉ cốt có một con bò; hắn sẽ làm ruộng nhà và nhận ngả ruộng cho người ta nữa. Mấy chốc mà lên ngay. Trời cho mạnh khỏe ta bỏ một vài con lợn; bà cụ bây giờ già yếu rồi, vườn ruộng không làm được thì cứ quanh quẩn ở nhà cố mà chăm lấy... Bà quản Thích mỉm cười, lườm cháu:

- Chăm cho nó béo lên để rồi cho anh cưới vợ có phải không? Gớm! Sao anh chẳng khôn tí nào?

Hắn cười, đáp lại:

- Cưới thì cưới, chẳng cưới thì bán đi, để không có tiền đấy phỏng.

- Nào ai bảo anh rằng đừng cưới? Tôi bây giờ già rồi, lại chả mong anh có vợ, có con để lúc Chúa có bắt tôi nằm xuống đấy cũng được yên cái lòng đấy à? Vậy anh đã tìm được đám nào chưa

Hắn cười híp mắt lại nhưng không nói gì. Thật sự thì hắn đã đến thời kỳ mê cái Nhi lắm lắm. Những hôm làm "bên ấy" chả hôm nào là anh chị không tìm cách trao đổi cho nhau ít ra là một nụ cười.

Anh chị yêu nhau được khá lâu. Ấy cũng bởi không ai ngờ. Nhưng cũng chính vì thế mà đến lúc người ta đã ngờ thì thật là ảm ỉ. Người ta bảo: nếu thế thật thì đến trời cũng chết.

Rút cục chẳng có ai chết cả. Chỉ có Nhi là dần dần chết thôi. Việc xảy ra như thế này: Cái câu chuyện mới ấy, khi

đã đi khắp xóm, liền tốt vào nhà ông bố nuôi của thị, ông cử Hòa. Việc đời cứ như vậy, ông trời muốn người trong nhà bao giờ cũng phải nghe chuyện nhà mình, ở mỗi miệng một người ngoài ngõ. Có thể mới vui. Nếu không, những cái miệng đàn bà đã chỉ dùng vào hai việc ăn và uống. Ông cử Hòa ngày xưa đi lính đóng cai; tuy mãn hạn đã lâu rồi mà ông còn giữ được cái cốt cách nhà binh lắm. Sau khi nghe một người ưa chước chuyện, tố cáo việc con tiểu kia cho ông biết, ông ưỡn ngực ra, vênh cái mặt, giơ một ngón tay lên ngang trán:

- Bôông!

Thế nghĩa là ông hiểu rồi. Mặt ông đỏ bừng bừng. Ông ngật ngưỡng bước về nhà, quăng cái khăn xếp lên giường, gãi gãi đầu một lúc. Ấy là ông nghĩ ngợi. Rồi, tự nhiên như điện giật ông ngồi ngay ngắn người lên. Ông cất tiếng rất vang, gọi:

- Cái Nhi đâu rồi?

Có tiếng Nhi thưa từ dưới bếp.

- Lên đây tao bảo.

Thị Nhi lên! Nó đã thấy trống ngực đập nhưng làm ra mạnh bạo: nào có tội vạ gì đâu mà cần! Bát đĩa lâu nay chả cái nào vỡ cả. Bàn ghế vừa lau sạch sẽ nhà cũng vừa quét xong. Ông còn định hạch lạc gì nữa mà làm oai vệ thế? Nó vừa nhô mặt lên, ông đứng phắt dậy, tát cho không còn biết bao nhiêu chiếc. Nó giúi về bên này, rồi lại giúi về bên kia. Cứ mỗi cái tát, ông lại đưa đẩy bằng một tiếng “bệt” hay “xà lù”.

- Bệt! Xà lù!... Bệt! Xà lù!...

Cứ nhíp đôi như vậy, mới nghe như một người đánh điện tín chẳng có cái nào sai cái nào. Nhi không kêu một tiếng. Nó đã biết tính bố nuôi từ lâu lắm: càng kêu lại càng làm ông hăng. Đánh chán tay, ông ngừng lại: nhờ trời Nhi khỏe mạnh nên không học máu mũi. Hai má nó đầy vệt trắng, vệt hồng. Nó xụt xịt. Cái ngực đồ sộ nhảy lên như cái đệm xe gặp khúc đường lồi lõm. Nó khóc không ra tiếng nhưng thịt khắp người rung lên. Ông cừ ngồi xuống, đặt một tay lên bàn, xô người về phía nó, hất cái cằm lên - làm như mắt ông bên dưới cằm - và hỏi:

- Nhi! Mày đã biết cái tội của mày chưa?

- À! Đã vậy thì nghe cho rõ, ông không đánh oan bao giờ cả.

- Mày hư lắm lắm! Ai bảo mày? Ai bảo mày?

Ông hạ cho tiếng ông nhỏ lại. Rồi ông kể những lời vừa nghe. Nhi cứ cảm như hén. Không phải nó biết tội, không dám cãi. Nhưng sự kinh nghiệm bảo rằng: cãi chỉ thiệt không lợi gì. Hình phạt chịu trước khi tuyên án. Bày tỏ được nỗi oan cũng không thể tát lại ông cừ được. Có khi ông muốn lấp miệng nó, đánh thêm cho vài cái nữa hay giục toáng lên không biết chừng... Ông kết luận:

- Con gái như thế là đồ hư, có biết không? Giá mày ở nhà mày thì mặc mày. Nhưng tao nuôi mày trong nhà trong cửa nhà tao, mày làm thế người ta cứ tao người ta chửi. Cái mặt tao còn ra cái gì? Mày trả ơn tao thế đấy!

Nghỉ một lúc để tìm cách huấn lệnh, ông bỗng nhiên lại hỏi:

- Sao mà hư thế hở?

Nó biết rằng làm sao! Giữa lúc ấy thì bà cừ ở đâu, lần về. Bà nhìn ông rồi lại nhìn Nhi hỏi:

- Làm sao thế?

Ông thô tục:

- Làm sao! Đánh đi chứ làm sao!

Bà trợn mắt, như thấy một cái gì quái gở:

- Chết thật! Đâu đuôi làm sao thế cậu?

Tiếng “cậu” là tiếng ở thành phố người ta mới thái về cho những cặp vợ chồng học làm sang ở thôn quê. Ông cừ kể lại tội trọng của Nhi lần nữa. Bà cừ vừa nghe vừa kêu:

- Chết nổi! Chết nổi! Sao nó hư thế! Sao nó hư thế!

Chỉ nghe bà nói đã đủ lộn máu lên rồi. Hướng hồ bà lại còn giế cái môi ra, thả tất cả những nỗi khinh bỉ vào mặt nó. Nó không còn nhịn được nữa. Nó hu hu vừa khóc, vừa nói to như để cho hàng xóm biết:

- Con tưởng... thừa mợ, con tưởng thế gian như con cũng đây!

Bà cừ nẩy hấn người lên như một cái lò xo. Bà xía xối vào mặt nó. Bà nhẩy chồm lên nó. Tóc nó đã xổ ra từ lúc nãy. Bà xoắn lấy. Bà cào, bà cấu, bà tát, mồm thì gào lên như chính bà bị đánh. Ông cừ nghiêng răng lại:

- Thôi hàng xóm người ta chửi chúng mày ngoài kia!

Rồi ông nằm dằng chân tay trên giường, mặt hầm hầm. Lòng ghen chột thức dậy, cuộn cuộn đưa lên ngực, lên cổ. Ông giăng è như để khạc nó ra. Bà cửu thấy thế càng làm dữ. Nhưng om xòm mãi, ông nổi giận lại lời thôi nên bà ngồi phịch xuống, vừa thở hổn hển vừa chỉ vào mặt Nhi:

- Bà không nuôi mày nữa! Cút ngay ra khỏi nhà bà từ hôm nay.

Ấy người ta mấy cần! Nhi có thiết cái nhà này đâu. Nó không đi là vì nó cũng nghĩ rằng chẳng còn bao lâu nữa nó đã có thể đi lấy chồng. Ở ngót mười năm trời còn được thì vài ba năm nữa cũng được. Đi làm gì cho mang tiếng. Nhưng bây giờ làm ra thế, ừ thì đi! ... Nó vùng vằng xuống bếp và ngồi chúi vào một xó, gục đầu xuống đầu gối khóc. Trên nhà, bà cửu len lén nhìn trộm ông cửu. Thấy ông hậm hực, chửi khe khẽ: “Quân trắng mắt!”.

Bà biết trước đêm nay thế nào ông cũng đay nghiến bà suốt đêm.

Bà quản Thích thấy Đức mấy hôm nay luôn luôn gắt gỏng. Thoạt tiên hấn gắt gỏng bằng nét mặt: Nét mặt hấn luôn luôn gây sự; cái môi dưới cố hất lên, đôi lông mày xít lại với nhau thì lại cố mà lăn xuống; những con mắt lúc thì khoằm khoằm lúc thì lại cong lên như muốn nhảy tốt ra vì tức quá. Im lặng là chứa chấp. Cố nhiên phải có lúc cơn nóng giận tung ra bằng lời nói: hấn chửi con chó, con mèo và “chúng nó”. Sau cùng đến chân tay: tội nghiệp cho cái rổ, cái rá, cái mai hay cái cuốc! Tội nghiệp

nhất cho bà quản Thích! Mỗi lần thấy hấn đập phá, bà run lên cầm cập. Không khéo hấn lại có cái máu của cha hấn rồi. Chẳng biết làm thế nào bà chỉ đành yên lặng. Ở với bố nó mãi, bà còn lạ gì! Khuyên can đều vô ích, mà cản trở thì thiệt vào thân ngay. Nhưng bà nghĩ mà lo lắng. Hấn đột nhiên vật mình vật mẩy lên như thế; không khéo thì chết mất. Cái triệu đã rành rành ra đấy, xưa nay hấn có như thế bao giờ đâu? Tự nhiên, đang cầm như hén, đổi ra nói duyên thuyên như con khướu, rồi đang vui vẻ, không dung chẳng ai trêu, ai gheo cũng xoay ra vùng vàng như là giỏi ai.

Giỏi ai? Mà ai làm gì nó mà nó giỏi? Tội nghiệp cho bà già ấy! Bà còn ngây ngô hơn cháu bà! Bà không biết một tí gì ư? Bà không nghe người ta bàn tán nhao lên đấy à?

Cái Nhi bị ông cừu Hòa gọt đầu bôi vôi và đuổi đi đâu rồi. Nhưng cũng có người thì bảo ông không đuổi, nhưng nó chưa nên bỏ nhà trốn đi. Có mà trốn đường trời! Cái ông cừu ấy chẳng chỗ nào sót vết chân, còn đến nước gì mà để nó trốn đi? Vả lại, trốn đi thì người ta róc xương bố dẻ nó ra chứ: lấy tiền của người ta, nào phải là chuyện đùa hay sao? Người khác giàu tương tượng hơn, thì lại kể một câu chuyện, có đầu có đuôi tử tế. Người này bảo ông cừu gả nó cho tây đen rồi sợ bố mẹ nó lòi thôi nên ông giấu giếm đi như vậy.

Nhiều người cho câu chuyện rất là lý thú. Chẳng thiếu người đã ao ước gả đứa con gái chắc nịch của mình cho một ông tây đen: được hai trăm bạc nhé, con mình sung sướng nhé. Nhưng anh binh Tảo thì cố chết cãi rằng nói

thế là nói hoẹt. Ngay đến ngoài tỉnh thành, các cô thiếu nữ tân thời quần trắng lớp, môi son, má phấn, đẹp như tiên, nói tiếng tây như đầm vậy mà chúng nó cũng không thiết lấy.

Thế thì còn biết tin ai được? Mỗi người nói một câu cách, rút cục chẳng ai hiểu Nhi đi đâu. Có điều chắc chắn là nó không còn ở nhà: ông cử vừa thuê con ở rồi. Có hỏi ông hay bà ấy thì chỉ thấy trả lời: nó hư lắm, chúng tôi không nuôi nữa. Rồi thì hai ông bà ấy nói lảng còn ai biết đầu đuôi ra thế nào? Đức bần khoản lắm. Mà tức mình nữa là đằng khác. Ừ, thì cho rằng nó có đi đâu nữa, không há được mồm ra mà bảo hấn một vài lời hay sao? Chẳng qua là nó bạc, cái bụng dạ đàn bà biết đâu mà lường? Có khi nó thấy người ta cười, xấu hổ trốn đi không biết chừng!... Nghĩ thế thì hấn đau khổ lắm. Con thằng Thiên lời! Con thằng Thiên lời! Hấn sinh ra thì thằng Thiên lời đã chết từ bao giờ rồi. Hấn chẳng biết thằng Thiên lời ấy mặt mũi như thế nào mà sao hấn cứ phải đeo cái nhục của thằng hung ác ấy? Hấn nhớ có lần Nhi bảo hấn:

- Anh Đức ạ! Tôi mà lấy anh cũng chỉ vì mến cái nét anh hiền chứ người khác mà bố mẹ như bố mẹ anh thì các vàng tôi cũng chịu. Anh đừng giận: tôi dám chắc ế thì thôi chứ chẳng ai dám đầu vào lấy con một thằng ăn cướp, giết người, một đứa chồng vừa chết chưa ráo mồ, con vừa sinh còn đỏ hỏn đã vội vã theo trai ...

Đức buồn rầu, Nhi an ủi hấn:

- Nhưng mà tôi thì tôi mến cái nét của anh lắm! Anh không giống bố mẹ anh đâu!

Đức chẳng nói sao, thờ dài. Nhi thương hại, mỉm cười bảo:

- Anh lo tôi không chịu lấy anh phải không? Đừng sợ anh cứ thu xếp đi, nếu cậu vợ tôi gả thì thế nào tôi cũng lấy. Đứa nào nói gì tôi gang mồm nó ra. Anh cũng chẳng việc gì mà nhịn.

Đức nghe câu ấy mà hả dạ. Nhưng bây giờ! Có lẽ Nhi chẳng biết gang mồm ai được nên đành bỏ đi chẳng? Hay chính Nhi cũng đồng ý cùng bao nhiêu người khác? Đức càng nghĩ ruột càng rối lên. Sau những ngày hung hăng đập phá, nổi đau đón lại ngấm vào bên trong. Đức lại trở lại thờ thần không nói, không cười và hay thờ dài. Hấn chán nản công việc, không chăm lo vườn đất nữa. Bữa ăn, bà quản thấy hấn nhai bã mồm ra cũng chưa nuốt; hấn ăn lâu lắm mới hết một bát cơm, vừa uể oải và cơm vào miệng vừa dờ dẩn nhìn khoảng không. Ăn xong, hấn rửa răng uống nước, rồi thờ thần ra đi, chẳng biết đi đâu, có khi tận tối mịt mờ mới về. Nhiều lần, bà quản để cơm, hấn cũng chẳng buồn ăn nữa. Ban đêm, hấn soạn sục rất lâu mới ngủ. Chẳng bao lâu người hấn gầy hấn đi.

Bây giờ bà quản Thích cũng biết nguyên do cái buồn của cháu bà rồi. Bà giận thiên hạ lắm. Cái thiên hạ rồi mồm, và cứ hay húc đầu vào những việc chẳng liên can gì tới họ. Bà nghĩ đến ngày con nuôi bà còn sống. Hàng xóm cứ là len lét, hơi hé mồm nói lời thôi là gậy răng. Nó xấu xí như ma, xấu xí đủ mọi nét, thế mà hai lần lấy hai con vợ cứ gọi là như hoa. Chẳng đứa nào ngoác mồm ra mà chê đi. Bà muốn cháu bà cũng hung ác được như bố

nó, rồi mà xem: dù đứa nào có đẹp đến như tiên, hỏi đến mà không lấy thì cứ mà mượn cổ. Ở đời này, không tranh cướp thì nhiều khi đành tay không; giật lấy thì lắm người chịu đấy chứ sẽ tay xin mấy người thì cho? Bà bảo Đức:

- Có phải con muốn lấy vợ thì để bà liệu cho. Gân không được thì xa ...

Hắn không cho bà nói hết, hắn trợn mắt gắt lên với bà:

- Im đi! Đừng có lời thôi.

Bà tủi thân lắm, nhưng đành nhịn, biết nói sao! Bà còn cố giấu nước mắt cứ chực rơm rớm ra mi nữa. Từ đấy bà mặc hắn với nỗi buồn của hắn. Bà chỉ biết cúi gò tám mươi tuổi của bà trên mảnh vườn con để tìm cái sống cho hai người... Nhưng một hôm, vừa thức dậy bà thấy Đức lại gần bà. Hôm trước hắn đi suốt ngày, mãi đến khuya mới về, trông mặt hắn, bà biết hắn có điều gì muốn nói. Bà nhìn và đợi. Nhưng hắn không nói gì. Hắn chìa ra cho bà bốn cái giấy bạc, bốn đồng. Bà muốn hỏi. Hắn ra hiệu cho bà cầm lấy. Rồi ngoắt đi. Ngày hôm sau, có người bảo với bà rằng hắn xin sở mộ phu cho đi Sài gòn.

Cả làng lại xôn xao. Kể thì bảo hắn đi với cái Nhi, hắn tìm thấy thị lẩn lút đâu ngoài tỉnh và bàn nhau cùng đi Sài gòn; có người quả quyết rằng trông thấy hai đứa cùng vào sở mộ. Kể thì bảo hắn đi tìm mẹ hắn, mẹ hắn bây giờ giàu có lắm, tiền của có bạc vàng, nhặn người về tìm con. Họ kết luận: từ nay hết giống nhà Thiên lôi ở cái làng Vũ Đại này. Bà quản Thích bực mình, chửi:

- Cha mẹ chúng nó ngựa mồm! Chính bà cũng còn chưa biết ra sao. Rõ những quân đông dài.

Bởi vì cái đức nhịn nhục của bà đã kém rồi. Bà nghèo đi: trông trước, trông sau, không còn chỗ nào nương tựa, bà đành lại thắt lưng buộc bụng, để dành dăm bảy đồng mua một cái áo quan về đợi ngày chui vào. Bà nghĩ đến cái chết của bà: cô quạnh giữa một khu vườn hoang, không có lấy một người lại gần mà vuốt mắt. Có lẽ cũng chẳng ai biết để mời Cha xứ về cho bà được ăn mày các phép trước khi từ giã chốn khách đây. Cái chết của bà sẽ là một cái chết cheo leo. Ai sẽ đọc cho bà dăm ba kinh để cầu nguyện cho linh hồn bà phải giam nơi luyện ngục? Buồn thay cho đời tàn! ...

*

* *

Nhưng trời đã định cho bà quản Thích không phải cô độc cho tới lúc chết. Cho nên cỗ áo quan đã mua rồi, bà ốm nặng hai ba trận mà bà không chết. Cái kiếp sống vất vưởng ấy cứ bập bùng chực tắt mà không tắt. Nó cứ còn mãi, còn để sợ từng cơn gió, để run rẩy trước từng cơn gió. Như thế, thà chết quách đi cho rồi. Đã già nua, lại đau yếu, lại đói khát, lại bơ vơ thì khổ hơn là chết. Khốn nỗi bà cứ sống, dai dẳng như nổi lửa than trên đời ...

Rồi thì Đức lại về. Hấn về đột ngột, giữa lúc người ta gần quên hấn. Hấn về với một con vợ và một cái hòm thật to. Thoạt trông không ai nhận được. Không còn phải là cái mặt ngờ nghệch và cái vai lù đù. Cái mặt già gầy đen

sạm lại; hai mắt sâu hoắm xuống, trông dữ dội nhưng tinh nhanh, má lõm vào làm lưỡng quyền nổi bật lên; như thế trông cứng cỏi và gân guốc; mấy chiếc răng vàng hăn nhe ra tỏ ra bây giờ hăn cũng là tay du. Cách ăn mặc cũng thay đổi hăn. Cái áo trong của hăn, màu đỏ khé, có cái cổ cúp xuống như tai chó tây, phần dưới cái áo ấy đút vào bên trong cái quần bằng lĩnh đen; ngoài cùng là một cái áo tây vàng, cài một cúc. Hăn đội mũ dạ đen, lệch hăn về một bên, và đi giày vải đế cao su. Vợ hăn mặc một cái áo cánh trắng xát xi, quần lĩnh đen, đầu búi tóc. Chẳng có khăn, yếm, áo dài gì cả. Kể quần áo cũng chẳng có gì nhưng tay đeo nhiều nhẫn lắm, chắc là có của. Có lẽ hăn tham của mà lấy chứ người thì vừa già vừa xấu. Có dễ xấu hơn cái Nhi nhiều, trông cái Nhi kể đã xấu nhưng còn mềm hơn. Con này thì người đét mà cứng nhắc. Cái mặt thì căng căng, chẳng có tí nhân hậu nào. Da xấu quá, cứ tai tái, đen đen như người ngã nước; hai mắt to mà trắng dã, nhìn ai thì trân trân. Bà quản Thích mới trông thấy đã chán rồi.

Nhưng vợ chồng hăn chào hỏi bà rất vồn vã. Thằng chồng bảo:

- Con về thì về nhưng trong lòng vẫn áy náy, lo bà chết rồi. Thế mà lại được trông thấy bà, thật con mừng quá...

Bà sung sướng. Bà hỏi hăn đi những đâu? Hăn trả lời: Hồi ấy bực trí quá, hăn liều lĩnh đi Sài Gòn. Hăn làm ở đồn điền cao su. Được ít lâu, hăn có tiền, chuộc công ta ra ngoài buôn bán. Hai vợ chồng cố xoay nên cũng có chút ít tiền...

Vợ hấn bảo:

- Nhà con cứ đòi ở luôn trong ấy làm ăn; sợ có về, chả chắc bà còn sống. Nhưng con cố ép nhà con về. Cái nghề đồng đất nước người, tiền bạc biết còn lúc nào, hết lúc nào; mình cốt về nhà về cửa cho có nền nếp hẳn hoi, chắc chắn...

Bà khen cháu dâu nghĩ phải. Lân la trò chuyện, bà biết nó cũng là người ngoài này vào trong ấy làm ăn. Nó tỏ ra thạo lắm. Mà cũng biết đường ăn ở nữa: Nó biếu bà quà bánh, quần áo khá nhiều. Rồi vợ chồng nó bàn định cách làm ăn: thằng chồng sẽ trông coi vườn đất như xưa; con vợ sắm một gánh hàng xén nhỏ nhỏ ngày ngày đi chợ. Cứ thế, cảnh gia đình có thể vui vẻ được. Nhờ ơn Chúa thương, bà quản Thích may ra được yên cảnh già...

Tội nghiệp cho con người nhiều tin tưởng ấy! Chỉ năm, sáu hôm sau bà đã hiểu bà ao ước hão huyền. Sáng hôm ấy, những tiếng quát tháo ầm ĩ làm bà thức giấc. Bà lắng tai nghe. Thì ra vợ chồng Đức chửi nhau. Bà chán nản quá đến nỗi không buồn ra can chúng nữa. Bà biết cái thân bà sẽ khổ cho đến lúc xuống mồ thôi. Bà rên rầm khe khẽ, và cứ nằm yên trên giường. Tiếng con vợ bỗng nhiên the thé:

- Quân ăn cướp! Quân giết người! Mày muốn rũ tù thì trêu vào bà!

Thằng chồng chửi:

- Đồ phản trắc! Đồ bất lương! Đồ giết chồng!

Tiếng đồ đạc đổ. Quần áo xé toang toạc. Bát đĩa đập choang choang. Nước mắt bà quản Thích ứa ra đầm đìa.

Suốt ngày hôm ấy, mỗi người nằm một nơi. CƠM nước không ai nấu, cả nhà đành nhịn đói. Cả bà lão già đã ngoài tám mươi tuổi đầu! Bà nghĩ mà chua xót: thà chúng đừng về còn hơn. Nhưng đến gần tối thì con vợ lẳng lặng đi giết gà, mua rượu, nấu cơm, dọn lên và mời chồng ra ăn. Nó ngọt ngào xin lỗi chồng:

- Buổi sáng hôm nay, cậu nóng mà em cũng nóng. Trong lúc quá giận em ăn nói có quá lời. Như thế là em không phải, bây giờ em biết hối, cậu bỏ quá đi cho em.

Thằng chồng gật gù:

- Đã thế thì được. Chúng ta đều không phải, tôi cũng xin lỗi mẹ.

- Em chả dám.

Rồi chúng nó ăn uống với nhau, vui vẻ lắm. Thỉnh thoảng chúng lại nhìn nhau mà cười. Có lúc chúng cố ý đụng chạm vào nhau nữa. Không khác gì một đôi vợ chồng mới cưới. Bà quản tùm tùm cười, nghĩ bụng:

- Rõ thật là trẻ con.

Và bà tưởng chúng nó sẽ thân mật với nhau lâu dài. Nhưng chỉ sáng hôm sau là chúng lại chửi bới, đánh đập nhau được rồi! Cứ như thế, chúng ngấu nghiến nhau suốt ngày ấy sang ngày khác. Cuộc đời chẳng khác gì cuộc đời trong địa ngục. Mà bao giờ cũng vậy, cứ sau khi xô xát là chúng lại làm lành với nhau ngay. Có khi chúng lại hối

hận quá, nhìn nhau mà khóc. Nhưng rồi lại cứ phải đánh chửi nhau luôn đấy. Có khi mâm rượu làm ra để xin lỗi, ăn chưa trọn bữa, chúng đã lại hất cả nồi niêu bát đĩa đi, đánh nhau được rồi.

Một hôm, đi ra tỉnh cất hàng về, con vợ dắt theo một con bé độ mười một mười hai, giống nó như mẹ với con, cũng da thiết bì, mắt trắng dã, người cứng như que rào. Nó hí hớn, vừa cười nhe cả lợi ra vừa nhả nhờ bảo chồng:

- Cậu ạ, con nuôi của chúng ta đây này.

Rồi nó kể lại lúc gặp con bé ấy:

- Tôi chẳng biết nó là con cái nhà ai. Nó cũng không biết cha mẹ. Nó bảo nó lạc từ còn bé. Mẹ nuôi nó đánh nó nên nó trốn đi. Nó lang thang hai ba hôm nay rồi. Sáng hôm nay, tôi giờ đi, nó giờ lại, tôi trông thấy nó, thế là nó ôm choàng lấy tôi mà khóc đòi theo tôi về nhà.

Đức chẳng tin cho lắm nhưng hấn cũng không muốn hỏi lời thôi. Hấn bằng lòng nuôi con bé. Từ đấy, trong nhà lại um thêm một bọc. Bởi vì vợ rất nuông con bé, chồng hơi động đến thì vợ lại cong cớn, xỉ vả.

Từ hôm ấy, con vợ lằng lằng của hấn đối với hấn, vụt thành ra quái gở. Hấn không còn nhận ra mặt nó. Mặt nó mỗi lúc một khác, một ngày đến một trăm thứ mặt. Lắm lúc, mặt nó long lên, trông sợ lắm. Có đêm, đang ngủ tự nhiên giật mình tỉnh dậy. Đức thấy trống ngực như đang sợ hãi; hấn mở mắt ra thì thấy vợ ngồi chống tay nhìn mặt hấn; tóc nó xõa xượi, mặt nó lấp lánh trong bóng tối; Đức

lạnh toát người không dám giẫy, hấn nhắm mắt lại cố tĩnh tâm, chờ. Nhưng vợ hấn lại nhẹ nhàng nằm bên cạnh hấn; nó biết chồng nhìn thấy chẳng.

Trời ơi! Nó là người hay là cái quái về đây báo oán? Đức càng ngày càng nghi ngờ và lo lắng. Quả thật, tự nhiên đâm đầu về cái nhà quê tối mò mò mà ở, người ta nhút nhát đi là phải lắm. Cảnh vật thì yên tĩnh quá; những giậu tre rậm như rừng, chiều đến, thở ra u ám; khu vườn hẻo lánh tựa tha ma; đất này là đất hoa màu, nhiều vườn ít ruộng, vì thế nhà nọ cách nhà kia xa lắm. Cái nhà gianh của bà cháu Đức đứng trơ vơ giữa một cái vườn chuối, có giậu bao vây thành một khu riêng, trước mặt là cái nhà thờ, trừ hai tuần làm phúc còn quanh năm lặng lẽ như một nơi bí mật. Từ trong nhà thờ, thỉnh thoảng đưa ra những tiếng gõ kêu, ai đã ở lâu ngày một nơi tĩnh mịch đều nhận rằng những cái kèo cái cột, một đôi khi vô cớ kêu rên rĩ, hình như chúng tê mỏi mà vươn mình hay sốt ruột mà rên lên. Chốn này có vẻ một nơi ma ở quá! Đức tiếc cái miền đất đỏ quanh năm nắng chói trong Nam Kỳ. Ở đây, hấn có biết sợ là gì đâu? Hấn trông một người chết cũng như trông một con mèo chết. Mà chẳng có ma mãnh gì, ai cũng táo tợn và gan góc, không sợ tội cũng như không tin phúc: những cái uất ức và liều lĩnh của bốn phương đều tụ họp nơi này. Ở đây chỉ có người nát lại ma; những sự kỳ dị như Đức vừa nhận thấy làm gì có được? Thốt nhiên hấn muốn đưa vợ đi chỗ khác. Đến những chỗ đông đúc như vùng mỏ để nhập bọn với những trai tứ chiếng, gái giang hồ; đời của hấn sẽ pha trộn với đời của bọn kia; hấn sẽ lại có đủ gan góc để đối phó với bất cứ một cái gì ghê

gồm đủ, người hay ma. Những tay anh chị đều luyện cái gan dạ của họ theo cách ấy: không ai cứ ngồi ở nhà mình mà thành du côn. Phải đến những chốn mà người ta gọi là “quân hội vô phùng” để xem bọn cố cùng đem máu của mình ra mà tranh sống, để mà tập sự. Trước kia, nào Đức giỏi giang gì? Thế mà chỉ sống ít lâu ở nơi đồn điền hán đã học được những cách “chơi nhau” rất ngược. Cái nhà quê uỷ mị và nhu nhược này quả có làm con người mềm yếu đi ...

Suy tính kỹ càng như thế rồi, nhân lúc vợ đi vắng, Đức bảo bà rằng:

- Con không ngờ nó lằng lộn đến thế. Con vẫn tưởng đem nó về chốn quê hiền lành này cho nó bắt chước người ta mà tu tỉnh lại. Ai ngờ nó cứ chứng nào tật ấy. Ở đây mà nó cứ giở cái giọng du côn ra với con thì con không thể cũng giở cái giọng du côn ra với nó. Chi bằng con lại đưa nó đến cái chốn du côn để trị cho nó biết tay, kéo nó xuống con sợ nó.

Bà quản Thích thở dài không nói gì: bà đã nhất định không dự vào công việc riêng của chúng.

Vợ Đức ở đâu xông xộc vào:

- Cái giống nhà mày bạc! Cái giống nhà mày Thiên lôi...

Chà! Quá lắm! Đức không thích nghe nó nhắc đến dòng dõi hán. Hán nghiêng răng lại. Chẳng qua cũng bởi cái con đĩ Nhi hót cho nó biết. Hán muốn bằm vằm Nhi ra. Hán quắc mắt lên, hai má hán lõm vào để cái mũi

phình hẳn ra. Trông cái mũi hẳn như dọa nạt. Hẳn muốn vồ lấy con dao nhảy bổ vào mà đâm, mà chém. Nó cứ nói lên tiếng nữa! Nó cứ nói lên tiếng nữa!

Nhưng nó ngồi phịch xuống đất, ôm mặt hu hu khóc. Bỗng nhiên nó làm như người hờ:

- Ôi trời đất ơi là trời đất ơi! Sao mà cái kiếp tôi nó lại khổ như thế này? Tôi vất hết mọi cái đi vì người ta mà người ta thì coi tôi như cái rác, cái rơm. Tôi giết người vì người ta mà người ta định giết tôi!

Mặt Đức tự nhiên chùng lại. Hẳn tỏ ra mệt mỏi và chán nản trút hết tất cả nỗi hung hăng ra một tiếng thở dài. Con vợ vừa khóc, vừa rên rỉ, vừa đi về buồng. Trưa hôm ấy nó nhin com. Đức thấy nó cứ nằm úp mặt vào tường mà khóc lóc, đứa con nuôi của nó chạy ra chạy vào, buồn thiu. Đức thấy lòng bần khoản một cảm giác giông giống như là hồi hận: có lúc hẳn gần thương hại nó. Nhưng bỗng nhiên hẳn nghe tiếng nó cười. Trời ơi! tiếng cười sảng sặc, nức nở như tiếng khóc, tiếng cười của một kẻ vừa hóa điên. Hẳn chạy vào. Không khéo thì điên thật. Nó đang đổ tất cả kim chỉ, xà phòng, lơ, bít tất, khăn tay... đủ mọi thứ hàng vào thùng nước mắm với muối, với mắm tôm... rồi cứ lấy một cái gậy ngồi trên giường mà ngoáy cho nháo nhào cả đi. Không đợi hẳn quát mắng, nó nhe răng cười...

- Cậu ơi! Cậu vào đây em nói chuyện. Em đổ hết cả hàng đi đây!

Hẳn lắc đầu. Nó vẫn cười tươi tỉnh:

- Chả để làm gì cậu ạ! Để cũng không ai đi bán cho cậu

nữa. Mà trông thấy cậu thêm đau lòng. Mẹ con em sắp bỏ nhà mà đi đấy!

Đột nhiên, nó lại hu hu khóc. Đứa con nuôi đứng đấy cũng hơi sụt sịt. Tức khắc, nó lại quệt tay áo lau nước mắt, chỉ vào mặt con bé, quát:

- Việc gì mà mày khóc! Tao đi đâu mày đi đấy. Tao có ăn, mày có ăn. Tao có chết tao đâm mày chết trước.

Con bé sợ hãi không dám khóc nữa. Đúc vẫn ngăn mặt ra, không hiểu gì. Con vợ trông thấy, nắm lấy tay hắn, dịu cho ngồi xuống bên cạnh:

- Mời cậu ngồi xuống cho em thưa chuyện. Em cũng tưởng về đây, xa cái “chốn ấy” đi thì em khuây khoả quên đi được. Nhưng mà không cậu ạ ... Em làm khổ cậu nhiều lắm rồi. Em còn ở nhà ngày nào cậu còn khổ sở ngày ấy. Em đã nghĩ kỹ rồi: em đi cho khuất là tốt hơn.

Đúc thở dài. Nó nắm tay hắn, dịu giọng lại, mắt rơm rớm ướt:

- Thôi, cậu cũng chả nên buồn làm chi. Duyên kiếp đời ta cũng chỉ đến đây là hết. Từ trước đến giờ, em làm cậu đau đớn không biết bao nhiêu mà kể, em biết lỗi lắm! Em xin cậu hết. Cậu cho em đi nhé.

Đúc vẫn thẫn thờ như không nghe thấy gì. Nó thở dài rồi nói tiếp:

- Tiền bạc, đồ vàng ngọc trong hòm, em không lấy một ly. Cậu cũng không nên giữ. Em đi rồi, cậu đem ra sông mà vứt hết đi.

Bấy giờ Đức mới hỏi:

- Thế mợ lấy gì mà đi bây giờ. Tay không làm gì mà ăn?

Nó lắc đầu:

- Em không sợ. Em làm ra tiền mà ăn. Không đi ăn mày.

Đức bảo nó:

-Thì tội gì mà khổ thân. Cứ ở nhà này.

- Không.

- Thế thì tôi đi với mợ.

Nó sợ hãi:

- Không!

Đức nghĩ ngợi. Nó bảo:

- Cậu đừng nghi ngại. Em chẳng đi theo đứa nào đâu.
Em chỉ đi một mình.

Đức đổi:

- Thì tùy mợ. Tôi cấm làm sao được?

Nó khuyên nhủ:

- Em đã nói hết nhẽ. Lòng em thực, cậu thương em, cứ vui vẻ cho em đi.

Nghĩ ngợi một lát nó lại bảo:

- Nếu em quên được... Nếu em sửa được tính nết em.
Em lại trở về với cậu...

Nó lại hu hu khóc.

- Nhưng cậu đừng mong đợi... Em chắc... em chắc... không đời nào...

Bỗng nó lại nhớ đến thùng nước mắm trộn với bao nhiêu thứ khác. Nó lại lau mặt, cười rũ rượi. Nó đập một cái, thùng đổ tung tóe ra nhà. Nó nhảy căng lên, vừa múa tay vừa reo:

- A ha! Phên này thì tan nát! Phên này thì tan nát! A ha! Con thằng Thiên lời! A ha! Con thằng Thiên lời!

Rồi nó quay lại với đứa con nuôi, the thé:

- Đi! Lại đây con! Lại đây đi với mẹ.

Thế là ngoe nguẩy, đứa đi trước, đứa sau, chúng nó ra khỏi nhà, vênh vênh cái mặt lên, đi thẳng ra phía ngõ. Đức thần thờ nhìn theo.

*

* *

- Con ông Thiên lời, đâm lòi bụng vợ!... Con ông Thiên lời, đâm lòi bụng vợ!... Con ông Thiên lời.

Bọn trẻ vừa hát vừa vỗ tay đánh nhịp, chân nhảy lảng cẳng chỉ đợi hấn nổi hung là ùa nhau chạy. Đức quay lại ngó ngán nhìn. Lũ trẻ sợ hãi, lùi thêm mấy bước. Nhưng thấy hấn cứ đứng ngậy ra, chúng lại hát to thêm:

- Con ông Thiên lời, đâm lòi bụng vợ!... Con ông Thiên lời...

Đức trợn mắt, giơ một ngón tay lên trời. Lũ trẻ cười oà lên. Hấn cũng há hốc mồm ra cười thật to. Lũ trẻ con càng

cười. Bỗng nhiên hấn lăn bò lên đường, lấy tay quờ chân chúng. Chúng thét lên, chạy tán loạn. Có đứa vấp ngã, đứa khác trượt chân lăn xuống vệ đường; đứa nào cũng vội vàng nhồm dầy, chạy tọt vào một cái ngõ nhỏ gần đấy, buông lỏng xuống. Đức đứng dầy, ngo ngác nhìn. Quần áo hấn rách và xộc xệch. Từ cái đầu rũ rượi đến bàn chân, đất cát bám đầy như hấn vừa ra khỏi lỗ. Không còn thấy đứa nào, hấn lại lững thững đi, mặt đạo mạo, mồm lấp bắp, đúng như một nhà tư tưởng đi chơi mát.

Ấy, bây giờ, hấn lang thang như thế. Hấn như thế từ sau ngày vợ đi. Có lúc hấn đứng lại nhìn trời, ngón tay gíơ lên vạch ra những chữ tượng tượng trên không khí. Có lúc hấn nắm tay, nghiêng răng, dọa nạt một cái cây. Những lúc ấy hấn rít lên:

- Thằng Thiên lỏi! Thằng Thiên lỏi!

Có khi hấn níu lấy một người không quen, kể chuyện như thế này:

- Cái thằng Thiên lỏi giết người như ngóe ấy bây giờ mà nó cháy ngục ngục ấy. Hôm nọ tôi đào lên tôi thấy có ba con rắn, hai con chúi đầu vào mắt, ngoáy đuôi vào hai lỗ mũi nó, còn con kia quấn cổ và phun vào mồm nó, trông ghê quá! (hấn trợn mắt lên). Tôi bắt được hai trăm con đem về thả lúc nhúc trong hòm... Cái hòm của tôi khối tiền, có ba cái nhẫn vàng, năm hòn ngọc với nhiều kim cương lắm. Nhưng đố ai dám lấy trong cái hòm có hai trăm con rắn cuộn khoanh từng khúc như khúc giò.

Đột nhiên hấn nhảy sang chuyện khác:

- Cái con vợ tôi ấy mà, nó là cái yêu tinh đấy. Nó có cái đuôi dài một thước hai nhăm phân tây, nó quấn vào đùi nó ấy. Hễ tôi hơi động vào mình nó, nó lại lè lưỡi ra y như thế này ...

Hắn lè lưỡi ra kêu “he-e” rồi cười rú lên. Lúc thôi cười, mặt hắn lại nghiêm nghị. Hắn lắc đầu và bĩu môi ra, hắn cống quít như sợ thật. Rồi đột nhiên hắn bảo:

- Cái Nhi con nuôi ông cử Hòa ấy... Này, nó trắng đẻo để (hắn toét mồm cười, gật gật đầu ra vẻ thích chí). Này, nó là vợ thầy xu Tài... Xubagiăng coi phu ấy mà. Tôi lột da nó đấy.

Có người tò mò hỏi:

- Thế cái Nhi chết rồi à?

Hắn trợn mắt:

- Còn sống, chết ở đâu! Béo quá!

- Thế sao anh bảo anh lột da nó?

Hắn ngẩn mặt một lúc rồi đáp:

- Ai bảo nó bảo tôi là con Thiên lôi, không chịu lấy? Nó lại xui thằng xu Tài đánh tôi...

Rồi đột nhiên hắn nhảy cẫng, giơ tay lên múa may, kêu chơ chớ bắt chước giọng đàn bà:

- Cho nó chết! Cho nó chết! A ha! Thật là tan nát! A ha! Thật là tan nát!

Nói xong, hắn ngoay ngoáy cái đít, ve vẩy hai tay, đi như một người đàn bà chanh chua.

Cái làng yên tĩnh là cái làng Vũ Đại lại được dịp xao lên lần nữa.

- Trời có mắt đấy các bà ạ!
- Đồi cha ăn mặn, đồi ăn khát nước thay đấy mà!
- Đấy cứ ăn ở độc ác cho lắm vào!

Ai cũng tin rằng đó là một việc sờ sờ quả báo. Duy bà quản Thích, những đêm đau mình mẩy không ngủ được, nằm đấm lưng thùm thụp mà nghĩ đến người con vừa rên rảm vừa kêu lên rằng:

- Ôi trời cao đất dày ơi! Suốt đời tôi chả ăn độc ở ác với ai mà sao đến bây giờ thân đã gần kề miệng lỗ vẫn còn chưa hết tội? ...

Nhà xuất bản Cộng Lực

1944

MÒ SÂM BANH

Thú bếp Tư rất thận trọng về vấn đề giữ vệ sinh. Ông thường nói rằng: khí hậu ở đây chẳng được lành; những người chưa quen với thủy thổ miền nhiệt đới, đến đây mà chẳng biết giữ thân, khó khỏi chết vì nguy hiểm ấy truyền nhiễm phần nhiều do nước bẩn. Bởi vậy nước ăn của ông phải coi giữ thế nào cho thật sạch. Cái bể nước của ông, ông coi quý gần bằng vợ ông. Mà có lẽ còn quý hơn vợ ông nữa. Bởi vì vợ ông ông có thể để người khác bắt tay, chứ bể nước mà đứa nào dám nhúng tay bẩn hay cái “sô” bẩn vào thì cứ liệu cái thân hồn với ông.

Ở nhà chủ, bếp Tư thích nhất cái bể nước ăn này. Nó to bằng cả một gian nhà rộng, nước mưa ở trên các mái nhà theo hai cái ống máng mà trút xuống. Mặt bể bung kín mít, trừ một máng vuông, mỗi bể chừng một thước, có nắp khít như nắp cống. Những ngày nghỉ vợ chồng ông chủ về Hà Nội, thằng Tề con bác bếp vẫn đẩy nắp bể cho thật kín rồi trèo lên mặt bể, co một chân lên bắt chước Lã Bố đi bài tẩu mã hoặc nhẩy huynh huych để bắt chước Võ Tòng sát tẩu. Cái mặt bể toàn xi măng cốt sắt, bốn mươi thằng Tề nhẩy lên cũng không việc gì.

Tề là con một bác Tư. Mẹ nó chết mới xong tang. Bố nó tính hiền lành nên rất yêu con. Chẳng như những bồi bếp khác, nay vợ này, mai vợ khác, hoặc nhân tình nhân ngãi với bọn cô đầu, nhà thổ. Vợ chết quá ba năm rồi mà nghĩ đến lúc nào bác ta vẫn còn thương. Có khi đang ngồi bác tự nhiên khóc hu hu. Hỏi bác thì bác bảo: cũng ngày này năm nọ, bác xin được phép chủ về quê đón vợ con ra ở luôn đây với bác, thế mà bây giờ vợ bác đã nở bỏ bác mà đi cho đành! Chẳng ngày rằm, mừng một nào bác không thắp hương cúng vợ. Cúng xong bác rơm rớm nước mắt, thở dài thở ngắn. Tề thấy thế thương cha vô cùng.

Chỉ thương suông thôi không thể gọi là thương. Cái lối thương để bụng vô ích lắm. Phải tìm cách tỏ lòng thương ra ngoài mới được. Nghĩa là phải kính mến, nghe lời, giúp đỡ. Thấy giáo Tề bảo thế. Cũng vừa mới bảo lúc nãy thôi, khi giảng nghĩa bài luân lý. Bởi vậy, cấp sách về đến nhà trông thấy bố, Tề nhớ lại. Và Tề có ý nhìn xem bố làm gì. Làm gì? Bác Tư đang vắt cái bụng lên thành bể, hai chân đeo lưng lẳng ở bên ngoài, phần trên người buông thõng xuống ở bên trong. Không có lý bác gọi đầu bằng cách ấy. Tề im im đứng đợi... Bỗng hai cái chân tụt xuống, bác bếp Tư rút đầu ra. Và bác giật mình đánh thót. Ấy là bác thoáng trông thấy có người đứng cạnh mà không biết người ấy là Tề. Tề mỉm cười, khẽ hỏi.

Bác Tư áp úng một lát rồi mới nói ra lời được.

- À! Mày... mày đấy à!

Bác nhe những cái răng đen lờ lờ ra cười khi khi. Bởi thật thà thì trống ngực bác ta còn đập. Bác mới hơi định thần.

Tề hối hận vì đã làm cha hoảng sợ. Nó nhìn cha, ái ngại. Cha nó bảo:

- Mẹ nó! Tao đánh rơi chai “sâm banh” vào trong này rồi!

- Thì thấy thử thò tay vào mà quờ xem.

Có được chớ người ta đấy! Đầu ngón tay mới chỉ hơi nhúng nước.

- Thế làm sao được?

- Vậy mới rầy rà chứ! Lát nữa không có rượu uống thì bỏ cha!

Tề nghĩ ngợi rồi nói nhỏ:

- Hay để con lộn vào?

Bác Tư lại nhe răng ra, khì khì:

- Có được chớ!

- Được.

- Nhưng ghét mày nó ra, bắn nước thì có mà vắt đi.

- Không! Thế này chứ lý! Con lấy xà phòng tắm rồi rửa chân thật sạch, rồi mới vào trong bể.

Thằng oắt này ranh thật. Nó có tài biến báo. Bác Tư nhìn con, ra dáng phục. Nhưng bác vẫn chưa nhất định. Răng bác vẫn nhe ra để cười một cái do dự. Đây là một kẻ nhút nhát đang bị người ta xui làm liều nhưng Tề thì đã quyết. Nó chạy tọt vào nhà để cất sách vở và cởi quần, cởi áo. Một lát sau, nó trần truồng chạy ra.

- Con tắm nhé!

- Nhưng mà thôi, con ạ. Nhỡ bà ấy biết.

Bà ấy là bà chủ. Tề nhìn lên gác hỏi:

- Bà ấy thức hay ngủ?

- Ngủ, nhưng ngộ bà ấy dậy?...

- Không sợ! Thầy lên đóng cái cửa ở đầu cầu thang lại. Đóng lẩn ngoài, như vậy bà ấy có dậy cũng không xuống được. Hễ bà ấy gọi thì con ra, chạy vào nhà, ta đóng cửa lại rồi thầy hãy lên mở cửa cho bà ấy.

Sau mấy phút do dự nữa, bác Tư đành nghe con vậy. Cái mẹo của nó được đem ra thi hành.

Tề tắm rửa xong rồi, bác Tư cẩn thận gội cho con thật sạch. Rồi bác nhắc nó lên, từ từ thả vào trong bể. Thằng bé thấy cái trò ngộ nghĩnh, cười hi hi. Nó nghĩ trước đến cuộc bơi lặn trong cái bể kín như hang này.

- Khéo nhé! Sâu lắm đấy!

- Được, con bơi giỏi lắm. Thầy cứ buông.

Tề rơi đánh thóm. Thì bỗng cửa nhà ngoài lịch kịch rồi có tiếng giấy tây côm cộp đi vào.

- Chết rồi ông ấy về!

Bác Tư kêu lên, hoảng hồn. Bởi vì bác sơ ý, mới nghĩ đến việc ngăn bà chủ mà quên ông chủ. Giờ này tan sở. Bác chưa kịp cài then cửa ngoài, bác giục Tề:

- Ra đi! Ra đi!

Nhưng sao kịp? Ông ấy đã tiến vào đến sân. Bác Tư đứng thẳng người lên. Bác hóa ra tượng đá. Ông chủ nhận thấy, sinh ngờ vực. Ông nhìn vào mắt bác.

Bác thấy chân tay bủn rủn, hơi thở gần bị tắc. Giập luôn đến tiếng bà chủ ở trên gác gọi:

- Tư! Tư!

- Bà đầm!

- La porte! La porte! (Cái cửa! Cái cửa!)

Và tay bà đập vào cái cửa kêu thình thịch. Bà vừa đập vừa nói một tràng những tiếng gì choe chóc. Bác Tư không nghe kịp nhưng cũng hiểu thế là bà gắt. Bác cuống quýt. Nhất là mắt ông chủ vẫn trừng trừng nhìn bác, nghiêm khắc và chế nhạo. Ông hất hàm.

Bác Tư cúi đầu bối rối. Ông đoán ngay là bác đang làm một việc gì vụng trộm. Ăn cắp đồ chẳng hạn. Ông nhìn chung quanh bác. Không có đồ gì cả. Ông nhìn cái buồng của bác. Cánh cửa buồng hé mở. Ông mỉm cười. Bởi vì ông tưởng đã đoán được cái việc giấu giếm của người bếp hiền lành ấy. Muốn cuộc gì ông cũng cuộc. Thế chết nào cũng có, một con gái trong buồng nhỏ kia. Một *con gái* đang cuống cuống với những áo quần vắt trên thành giường. Cái này không phải là một tội. Khi vợ người ta chết đã ba năm và mấy tháng! ... Nhưng thấy bác bếp tỏ ra sợ hãi, ông muốn đùa một chút. Ông nói to lên, bảo vợ:

- Đợi một tý! Tôi mở cho.

Bà vợ rú lên:

- Ô! Vậy ra mình đây ư?

- Ủ, tôi đây! Tôi lên giờ.

Và ông cố chấp nổi mấy tiếng thật rõ rệt, cho người bếp hiểu:

- *Moi oublier Innettes bureau. Lunette* (ông vừa nhắc lại mấy tiếng ấy vừa lấy ngón tay trỏ khoanh chung quanh mắt để vẽ hình cái kính) *biéc?*

- Uầy xừ!

- *Va chercher* (đi tìm).

- Uầy xừ.

Tuy mồm “uầy” mà bác Tư vẫn không nhúc nhích. Ông chủ tưởng người bếp của ông không hiểu. Ông lại nói, lại ra hiệu. Rồi lại nói:

- *Biéc?*

Thì có gì mà chả biết? Tiếng Tây, bác Tư đã thạo. Ông nói thế là muốn bảo: ông để quên cái kính ở sở và sai bác đi lấy về. Hiểu lắm, nhưng còn thằng Tề trong cái bể? Ông chủ giục:

- *A-lê! Maoo!*

Mồm nói, tay ông nắm vai bác mà đẩy đi ra phía cửa.

- Uầy xừ!

Bác đẩy vội cái nắp bể lại để ông khỏi nhìn thấy, rồi chạy đi. Ông nhìn theo, mỉm cười. Ông định cho bác chạy một tua bờ hơi tai để ông có thì giờ chạy vào buồng bác. Ông sẽ nắm cổ người con gái kéo ra. Ông sẽ đeo cái kính

của ông vào mắt y, rồi bắt y lên giường ngồi chồm chồm như một pho tượng khỏa thân bằng đá trắng. Để người đầu bếp của ông lúc giờ về trông thấy y mà cười. Mà chịu rằng ông chủ của bác *ma-lanh*.

Nhưng ông cụt hứng ngay. Bởi vì buồng bác Tư trống rỗng. Không con gái. Không dấu vết một cuộc ái ân vụng trộm. Ông văng tục một tiếng rồi chạy lên với vợ.

*

* *

Một lúc sau, bác bếp về, nét mặt băn khoăn: bởi vì bác không tìm thấy kính. Đó không phải là lỗi của bác. Nhưng rất có thể rằng ông chủ gắt. Tính ông nóng lắm. Chắc hẳn rằng ông sẽ quát âm nhà lên... Bác rón rén lên cầu thang lên gác. Ông chủ đang ngồi thụt hẳn người vào trong một cái ghế bành to, đọc báo. Mắt ông có kính. Bác bếp ngạc nhiên rồi lại thêm lo sợ. Bây giờ thì bác sợ đã hiểu nhầm lời ông sai đi tìm cái khác. Có lẽ ông sai bác đi tìm cái khác. Thế mới bỏ đời bác chứ! Ai bảo bác hấp ta hấp tấp? Không chịu hỏi cho biết rõ rồi hãy đi!

Bác rụt rè một lúc rồi mới đánh liều lên tiếng:

- *Me-xừ*.

Ông ngẩng đầu lên, hát hàm. Bác đọc như cái máy:

- *Loong-toong diếc da-na-ba-luy-nét*.

Loong-toong bảo không có luy-nét! Ấy là một khoe ranh của bác. Bác cũng nhanh trí khôn lắm đấy. Loong-

toong bảo không có luy-nét! Vậy thì luy-nét là cái gì cũng được! Nhưng luy-net chính là cái kính. Bởi vì ông chủ trở tay lên mắt hỏi:

- Xa? (Ca).

Và ông nhún vai, mỉm cười. Thoát nạn! Bác bếp Tư nhẹ lảng cả người. Một tảng đá lớn tuồng đè lên trên người bác vừa trút đi. Y như một hòn đá lăn trên sườn núi. Bác chạy thẳng lại cái bể. Nhìn trước nhìn sau một thoáng rồi bác mở nắp ra, cúi đầu xuống. Tối om om. Một mảng nước loang loáng như nước mực. Bác gọi con:

- Tê! Tê ơi!

Im lặng. Một nỗi nghi vụt đến. Tim bác nhảy lên một cái. Tiếng khàn khàn, bác gọi:

- Tê ơi! Ra đây thầy kéo lên.

Chẳng có gì đáp lại. Những đốm sáng lẩn tẩn nhảy nhót trong bóng tối. Ấy là bác Tư hoa mắt. Bởi vì đầu bác đã nặng trĩu, quay quay, choáng váng.

Người thì bủn rủn. Bác nhoai người vào trong bể, vừa méo máo vừa rên rì:

- Con ơi! Tê con ơi ...

Đầu ngón tay bác động phải vật gì trơn nuồn nuột mà không còn động đậy. Bác toan gào thật to. Nhưng có tiếng giấy tây cồm cộp trên thang gác. Ông chủ xuống! Bác Tư sợ tỉnh. Bác rút vội đầu ra khỏi bể. Bác đập luôn nắp lại. Vừa kịp ông chủ không trông thấy. Bác cố thản nhiên đi

vào bếp, lau bát đĩa để sắp sửa lên bàn. Nhưng nghĩ đến bàn ăn, bác lại sinh lo lắng...

- Còn chai sâm-banh!... Đào đâu ra một chai sâm-banh bây giờ?

Đêm hôm ấy, đợi vợ chồng ông chủ tắt đèn đi ngủ một lúc lâu, bác Tư mới rón rén ra sân. Bác mở cái nắp bể thật êm. Bác quờ tay vào bể, loay hoay tìm cách vớt con ra.

Sáng hôm sau, bác vừa báo cho chủ biết con bác phải cảm chết đêm rồi.

Ông chủ giạt mình:

- Vì dịch tả phải không?

- Bẩm ông không.

- Thế vì bệnh gì?

- Bẩm... Bẩm...

Bác Tư ấp úng. Ông chủ lại càng sợ hãi:

- Đem chôn ngay đi! Bỏ vôi vào! Rồi lấy ca-rê-lin rưới khắp nhà, hiểu không?

- Bẩm hiểu.

- Được rồi. Đi đi!

Ông xưa bác Tư như xưa đuổi một thằng hủi. Mũi ông chun lại. Ra khỏi cửa, bác Tư nhẹ hẫng người. Bác lấy làm may. Nếu ông chủ xuống xem! Nếu ông chủ biết rằng thằng bé đã ngâm mấy giờ trong bể nước! ...

1945

MỤC LỤC

Trang

1. Nghèo	5
2. Chí Phèo	13
3. Dì Hảo	52
4. Cái chết của con mực	62
5. Nhỏ nhen	68
6. Cái mặt không chơi được	79
7. Lão Hạc	91
8. Một đám cưới	104
9. Trẻ con không được ăn thịt chó	123
10. Một bữa no	138
11. Truyện tình	151
12. Sao lại thế này?	162
13. Xem bói	171
14. Điều văn	181
15. Từ ngày mẹ chết	193
16. Mua danh	205
17. Ở hiền	215
18. Giăng sáng	228

19. Đôi móng giò	240
20. Lang Rận	248
21. Tư cách mõ	263
22. Đời thừa	272
23. Mua nhà	288
24. Những truyện không muốn viết	298
25. Cười	305
26. Quên điều độ	315
27. Nước mắt	328
28. Làm tổ	344
29. Bài học quét nhà	356
30. Đón khách	366
31. Những cánh hoa tàn	378
32. Con mèo	385
33. Nhìn người ta sung sướng	361
34. Đòn chống	401
35. Quái dị	408
36. Một chuyện xuvonia	420
37. Mong mưa	432
38. Rửa hờn	441
39. Rình trộm	449
40. Nửa đêm	457
41. Mò sâm banh	499

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04.8294.684 - 04.8294.985 Fax: 04.8294.781

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

NAM CAO - TRUYỆN NGẮN TUYỂN CHỌN

Lan Hương tuyển chọn

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập : NGUYỄN ANH VŨ

Vẽ bìa : VĂN SÁNG

Trình bày : ĐẶNG NGỌC

Sửa bản in : ĐẶNG NGỌC

In 800 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Công ty In Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

Số giấy phép xuất bản: 48/110CXB - 159VH, cấp ngày 7/7/2004.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2004.

Nam Cao

*Truyện ngắn
tuyển chọn*

GIÁ: 48.000Đ